

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
THỊ XÃ BẾN CÁT
(1930 - 2020)**

ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH DƯƠNG
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ XÃ BẾN CÁT

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
THỊ XÃ BẾN CÁT
(1930 - 2020)**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN
BAN THƯỜNG VỤ THỊ ỦY BẾN CÁT

BAN CHỈ ĐẠO

*(Theo Quyết định số 1950-QĐ/TU ngày 07/11/2018 của Thị ủy
Bến Cát về việc thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn, bổ sung và
tái bản lịch sử truyền thống thị xã Bến Cát giai đoạn 1975 - 2020)*

- 1- Đồng chí Nguyễn Hoàng Thông - Phó Bí thư Thường trực Thị ủy, Trưởng ban;
- 2- Đồng chí Tô Văn Sang - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Thị ủy, Phó ban Thường trực;
- 3- Đồng chí Trần Thị Thảo - Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã, Phó ban;
- 4- Đồng chí Nguyễn Thị Yến Loan - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Thị ủy, Thành viên;
- 5- Đồng chí Lê Thị Kim Liên - Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy, Thành viên;
- 6- Đồng chí Trần Công Uẩn - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Dân vận Thị ủy, Thành viên;
- 7- Đồng chí Lê Anh Quý - Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã, Thành viên;
- 8- Đồng chí Huỳnh Văn Thành - Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Trưởng Công an thị xã, Thành viên;
- 9- Đồng chí Đinh Trọng Cơ - Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự thị xã, Thành viên;
- 10- Đồng chí Nguyễn Văn Đới - Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Bí thư Đảng ủy phường Mỹ Phước, Thành viên;
- 11- Đồng chí Nguyễn Thị Thu Nga - Thị ủy viên, Chánh Văn phòng Thị ủy, Thành viên;
- 12- Đồng chí Trần Ngọc Cường - Thị ủy viên, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thị xã, Thành viên;

- 13- Đồng chí Nguyễn Văn Thắng - Thị ủy viên, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Thành viên;
- 14- Đồng chí Nguyễn Thị Xuân - Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy phường Thới Hòa, Thành viên;
- 15- Đồng chí Bùi Văn Chiến - Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy phường Tân Định, Thành viên;
- 16- Đồng chí Nguyễn Văn Hùng - Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy phường Hòa Lợi, Thành viên;
- 17- Đồng chí Võ Văn Tài - Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy phường Chánh Phú Hòa, Thành viên;
- 18- Đồng chí Nguyễn Văn Thanh - Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy xã An Điền, Thành viên;
- 19- Đồng chí Nguyễn Văn Chung - Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy xã An Tây, Thành viên;
- 20- Đồng chí Nguyễn Ngọc Phương Liên - Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy xã Phú An, Thành viên;
- 21- Đồng chí Lê Nguyên Khôi - Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin, Thành viên;
- 22- Đồng chí Trần Kim Thảo - Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thành viên;
- 23- Đồng chí Võ Trần Dạ Thảo - Phó Trưởng phòng Kinh tế, Thành viên;
- 24- Đồng chí Trương Minh Trí - Phó trưởng Ban Tuyên giáo Thị ủy, Thành viên.

BAN BIÊN SOẠN

(theo Quyết định số 2076-QĐ/TU ngày 20/02/2023 của Thị ủy Bến Cát về việc thành lập Ban biên tập và Tổ sưu tầm tư liệu biên soạn, bổ sung và tái bản cuốn lịch sử đấu tranh và xây dựng thị xã Bến Cát giai đoạn 1930 - 2020)

- 1- TS. Phạm Thị Thanh Huyền, Giảng viên Khoa Lịch sử Đảng, Đại học Tôn Đức Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ biên;

- 2- TS. Nguyễn Tôn Phương Du, Giảng viên Khoa Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị khu vực II, Đồng Chủ biên;
- 3- ThS. Đặng Thị Minh Nguyệt, Giảng viên Khoa Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị khu vực II, Thành viên;
- 4- Đồng chí Tô Văn Lạc, Trưởng phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên Giáo Tỉnh ủy, Thành viên;
- 5- Đồng chí Nguyễn Quang Huy, Phó Trưởng phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Thành viên;
- 6- Đồng chí Huỳnh Văn Thu, nguyên Bí thư Huyện ủy Bến Cát, Thành viên;
- 7- Đồng chí Lê Hoàng Nghĩa, nguyên Bí thư Huyện ủy Bến Cát, Thành viên;
- 8- Đồng chí Trần Công Uẩn, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Dân vận Thị ủy, Thành viên;
- 9- Đồng chí Tô Văn Sang, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Thị ủy, Thành viên.

TỔ SƯU TẦM TƯ LIỆU

- 1- Đồng chí Tô Văn Sang - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Thị ủy, Tổ trưởng;
- 2- Đồng chí Lê Anh Quý - Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thị xã, Tổ phó;
- 3- Đồng chí Trương Minh Trí - Phó trưởng Ban Tuyên giáo Thị ủy, Tổ phó;
- 4- Đồng chí Nguyễn Thị Thanh Thúy - Thị ủy viên, Phó trưởng Ban Tuyên giáo Thị ủy, Thành viên;
- 5- Đồng chí Nguyễn Thị Ngân - Thị ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy, Thành viên;
- 6- Đồng chí Nguyễn Phi Khanh - Thị ủy viên, Phó trưởng Ban Dân vận Thị ủy, Thành viên;
- 7- Đồng chí Lê Hồng Tươi - Thị ủy viên, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã, Thành viên;

- 8- Đồng chí Lê Nguyên Khôi - Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thị xã, Thành viên;
- 9- Đồng chí Trần Trung Hạnh - Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động thị xã, Thành viên;
- 10- Đồng chí Trần Văn Long - Phó Trưởng phòng Giáo dục - Đào tạo thị xã, Thành viên;
- 11- Đồng chí Nguyễn Thị Lan Phương - Phó trưởng Ban Tổ chức Thị ủy, Thành viên;
- 12- Đồng chí Lê Thị Ngọc Oanh - Trưởng Đài Truyền thanh thị xã, Thành viên;
- 13- Đồng chí Trịnh Thị Thu Hằng - Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, Thành viên;
- 14- Đồng chí Nguyễn Văn Tâm - Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thể thao thị xã, Thành viên;
- 15- Đồng chí Lê Sỹ Thọ - Phó Chánh Văn phòng Thị ủy, Thành viên;
- 16- Đồng chí Trần Ngọc Sang - Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thị xã, Thành viên;
- 17- Đồng chí Trần Minh Trí - Chi cục trưởng Chi cục Thống kê thị xã, Thành viên;
- 18- Đồng chí Lê Thị Thanh Trà - Chuyên viên Ban Tuyên giáo Thị ủy, Thành viên;
- 19- Đồng chí Nguyễn Hoàng Huy - Chuyên viên Ban Tuyên giáo Thị ủy, Thành viên;
- 20- Các đồng chí Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy các xã, phường, Thành viên.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Việc nghiên cứu, tìm hiểu, biên soạn và phổ biến lịch sử Đảng ta cũng như lịch sử Đảng bộ các địa phương là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, góp phần không nhỏ trong việc tuyên truyền, giáo dục truyền thống, bồi dưỡng ý chí và tình cảm cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, từ đó góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Bến Cát đã tổ chức biên soạn và phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ thị xã Bến Cát (1930 - 2020)*** để làm rõ truyền thống cách mạng kiên cường, anh dũng, sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân thị xã Bến Cát trong sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước. Cuốn sách cũng tổng kết những thành tựu và bài học kinh nghiệm quý báu của Đảng bộ và nhân dân thị xã Bến Cát trong suốt chiều dài lịch sử 90 năm đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Truyền thống, thành tựu và bài học kinh nghiệm đó là cơ sở vững chắc để Đảng bộ thị xã Bến Cát lãnh đạo nhân dân tiếp tục thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mặc dù đã rất cố gắng, nhưng do các sự kiện xảy ra đã lâu, nhiều tư liệu bị thất lạc,... nên cuốn sách khó tránh khỏi những

hạn chế. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 12 năm 2023

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Mở đầu

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CỦA BẾN CÁT

I- ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Thị xã Bến Cát là một trong chín đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Bình Dương, được thành lập theo Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/4/2014. Thị xã nằm ở phía bắc, cách trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương 15km, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh 50km; phía đông giáp thị xã Tân Uyên và huyện Bắc Tân Uyên; phía tây và tây nam giáp huyện Củ Chi (Thành phố Hồ Chí Minh) với sông Sài Gòn là ranh giới tự nhiên; phía nam giáp thành phố Thủ Dầu Một; phía bắc giáp huyện Bàu Bàng, phía tây bắc giáp huyện Dầu Tiếng. Thị xã Bến Cát có diện tích tự nhiên là 23.442,24ha. Dân số có 115.456 hộ với 336.847 nhân khẩu. Tổ chức hành chính gồm 5 phường (Chánh Phú Hòa, Hòa Lợi, Mỹ Phước, Tân Định, Thới Hòa) và 3 xã (An Điền, An Tây, Phú An), với 44 ấp, khu phố. Đảng bộ thị xã có 34 tổ chức cơ sở đảng (14 đảng bộ với 140 chi bộ trực thuộc và 20 chi bộ cơ sở), với 3.553 đảng viên¹.

1. Tính đến tháng 12/2020.

2. Địa hình, đất đai

Vùng đất Bến Cát có địa hình tương đối bằng phẳng, thấp dần từ bắc xuống nam. Thành phần chủ yếu là đất cát trên nền phù sa cổ, phù hợp cho phát triển công nghiệp và nông nghiệp. Trên một số vùng đất trũng dọc sông Sài Gòn, sông Thị Tím và những con suối, nhân dân trồng lúa, hoa màu và cây ăn trái, góp phần cung cấp lương thực, rau màu cho địa phương.

Trước khi thực dân Pháp thực hiện chính sách khai thác thuộc địa, mở đồn điền trồng cao su, phần lớn diện tích vùng đất Bến Cát (bao gồm cả huyện Dầu Tiếng và Bàu Bàng ngày nay) là rừng già nguyên sinh với hệ thực vật, động vật rất đa dạng, phong phú, có nhiều giống và loài quý hiếm. Rừng Bến Cát trải dài từ ba xã phía tây nam (gồm An Điền, An Tây, Phú An) lên tới Bàu Bàng, Dầu Tiếng. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, rừng là nơi che giấu và cung cấp lương thực quan trọng (củ mài, củ nân, hạt gắm, quả gùi...), góp phần nuôi sống lực lượng cách mạng trong những thời điểm khó khăn. Sau kháng chiến, rừng đã cung cấp nhiều loại tre, nứa, song, mây... để làm nhà ở và vật dụng gia đình cho nhân dân.

3. Khí hậu

Nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới vùng Đông Nam Bộ, Bến Cát có đặc điểm chung là nắng nóng, mưa nhiều. Trong năm có hai mùa (mùa mưa và mùa khô) rõ rệt. Mùa khô, nắng nóng kéo dài từ cuối tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến cuối tháng 10, có năm mùa mưa kéo dài đến giữa tháng 11. Lượng mưa trung bình khoảng 1.800 - 2.000mm/năm. Mưa nhiều nhất vào các tháng 7, 8, 9. Trong năm, thời gian nắng trung bình khoảng 2.400 - 2.500 giờ, thời gian nắng nhiều nhất vào tháng 1, 2, 3. Nhiệt độ trung bình là 25 - 30°C. Tùy theo mùa mà nhiệt độ thay đổi,

thấp nhất là 18 - 20°C (tháng 12), cao nhất là 36 - 38°C (tháng 2, 3, 4). Tuy nhiên, sự chênh lệch nhiệt độ trong ngày hoặc giữa các tháng không lớn và tương đối ổn định. Bến Cát có khí hậu ôn hòa, ít xảy ra thiên tai, bão, lũ. Đây là tiền đề thuận lợi để địa phương phát triển công nghiệp, nông nghiệp.

4. Sông, suối

Bến Cát có hai con sông chảy qua là sông Sài Gòn và sông Thị Tính. Đoạn sông Sài Gòn chảy qua Bến Cát ở phía tây - tây nam (từ Rạch Kiến đến Phú An) dài khoảng 15km, tạo thành ranh giới tự nhiên giữa Bến Cát và huyện Củ Chi (Thành phố Hồ Chí Minh). Sông Thị Tính bắt nguồn từ đồi Cầm Xe (xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng) chảy qua Bến Cát rồi đổ ra Ngã Ba Dầu về sông Sài Gòn ở khu vực cầu Ông Cộ. Do chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều nên hai con sông này là đường thủy rất thuận lợi cho tàu vận chuyển hàng hóa từ Thành phố Hồ Chí Minh lên Bến Cát. Tàu, thuyền tải trọng 50 tấn có thể dễ dàng theo sông Thị Tính lên tới Bến Cát (cầu Đò) quanh năm.

Ngoài mang lại giá trị về mặt kinh tế, sông Thị Tính và sông Sài Gòn còn có giá trị về mặt quân sự. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hai con sông này đã ghi lại nhiều chiến công của quân và dân ta, đánh chìm nhiều tàu chiến của quân Pháp và Mỹ xâm lược. Bên cạnh sông Sài Gòn và sông Thị Tính, trên địa bàn thị xã Bến Cát còn có nhiều con suối nhỏ nằm rải rác, góp phần cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân, phát triển kinh tế, xã hội.

Nhờ có điều kiện tự nhiên (thổ nhưỡng, khí hậu, sông, suối) và hệ thống giao thông thuận lợi, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Bến Cát đã trở thành căn cứ kháng chiến, là nơi đứng chân của các lực lượng hậu cần, các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy và là bàn đạp trong

hoạt động tác chiến của tỉnh, khu Sài Gòn - Gia Định và miền Đông Nam Bộ.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhất là giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Đảng bộ và nhân dân thị xã Bến Cát cùng với các địa phương trong tỉnh Bình Dương đã không ngừng phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, đẩy nhanh tốc độ xây dựng kết cấu hạ tầng, mời gọi đầu tư; phát triển các khu công nghiệp, tạo đà cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ngày càng nhanh, bền vững trong những năm tiếp theo.

II- ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH, ĐẶC ĐIỂM XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

1. Địa giới hành chính Bến Cát qua các thời kỳ

a) Từ năm 1954 trở về trước

Cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, vùng đất Thủ Dầu Một - Bình Dương nói chung, Bến Cát nói riêng là địa bàn cư trú lâu đời của các tộc người Xtiêng, Chơ Ro, Mạ, Chăm, Khmer... Tuy nhiên, do dân số ít, trình độ tổ chức xã hội và kỹ thuật sản xuất thấp nên vùng đất này cơ bản vẫn là một vùng hoang vu, cây cối rậm rạp, chưa được khai phá nhiều. Bên cạnh đó, từ thế kỷ XVI, chế độ phong kiến Việt Nam đã bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng, các cuộc nội chiến giữa các tập đoàn phong kiến Lê - Mạc, Trịnh - Nguyễn liên tiếp diễn ra. Để phục vụ cho các cuộc nội chiến, chính quyền phong kiến ra sức vơ vét nhân lực, vật lực, bắt phu, bắt lính. Mặt khác, nạn hạn hán, bão, lụt, mất mùa liên tiếp diễn ra. Trong tình cảnh không lối thoát, một bộ phận dân nghèo người Việt đã rời bỏ quê hương, tiến về phương Nam tìm miền đất mới để sinh sống. Trong quá trình Nam tiến, những vùng đất ven sông có điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp đã trở

thành nơi dừng chân đầu tiên của các lớp dân phiêu tán vùng Ngũ Quảng. Những vùng đất bãi bồi bằng phẳng dọc theo các sông, suối kéo dài từ Bến Cát lên Dầu Tiếng được những di dân người Việt chọn làm nơi định cư, dựng nhà, khai hoang, lập ấp, trồng lúa nước và cây ăn trái.

Sau nhiều đợt di dân tự phát, năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu cử Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào phương Nam kinh lược, thiết lập cơ cấu hành chính, lập Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên. Trên cơ sở đó, chúa Nguyễn đặt ra phường, ấp, xã, thôn, lập sổ bộ đinh, điền... để quản lý dân cư, thu thuế và xác lập cương vực, đất đai.

Khi đó, vùng đất Bến Cát ngày nay thuộc tổng Bình An, huyện Phước Long, dinh Trấn Biên. Do tổng Bình An là vùng đất rộng lớn nên nhà Nguyễn chia đặt thành nhiều xã. Cai quản xã có xã trưởng và một thần tượng của chúa Nguyễn có nhiệm vụ giúp xã trưởng thu thuế và đốc thúc phu dịch; cai quản tổng có cai tổng.

Tuy nhiên, do đất đai còn quá rộng, phần lớn chưa được khai phá nên chúa Nguyễn đã tiến hành chiêu mộ lưu dân từ châu Bố Chánh trở vào Nam đến ở. Những chính sách khẩn hoang này đã mang đến vùng đất Bình An xưa nhiều cư dân mới. Họ ra sức khai phá, mở mang đất đai, biến những cánh rừng già thành những vùng đất bằng phẳng, phì nhiêu. Đặc biệt, các chúa Nguyễn còn ra sức chiêu dụ tầng lớp thượng lưu, giàu có từ các xứ Quảng Nam, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn... di dân vào phương Nam, thuê mướn điền nô để khai hoang lập đồn điền. Chính lớp thượng lưu giàu có đã thổi một luồng gió mới, làm đa dạng hóa thành phần cư dân ở Bình An trong suốt thế kỷ XVIII. Do các đợt di dân mới liên tục bổ sung, cùng với điều kiện kinh tế phát triển khiến số dân cơ học tăng lên. Theo thống kê của triều Nguyễn, đến cuối thế kỷ XVIII, tổng Bình An có 119 xã, thôn, phường, ấp.

Đến năm 1808, tổng Bình An được nâng lên thành huyện Bình An, với hai tổng là An Thủy và Bình Chánh, bao gồm các vùng đất: Bến Cát, Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Hón Quản, Bình Long, Lộc Ninh, Lái Thiêu và một phần đất của huyện Ngã An (Thủ Đức ngày nay).

Đến năm 1822, huyện Bình An phân tổng Bình Chánh ra thành 4 tổng, gồm: Bình Chánh Thượng, Bình Chánh Hạ, Bình Chánh Trung và Bình Chánh Tây. Năm 1837, nhà Nguyễn lại trích tổng An Thủy và Bình Chánh Hạ đặt thành huyện Ngã An. Còn lại 3 tổng cùng có tên là Bình Chánh thì đổi thành Bình Chánh, Bình Điền và Bình Thỏ.

Sau khi chiếm được Nam Kỳ, thực dân Pháp cải tổ các đơn vị hành chính cho phù hợp với chế độ thuộc địa. Ngày 05/01/1876, Đô đốc Đuypêrê (Dupré) - Tổng Chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ, ban hành Nghị định phân chia Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn. Mỗi khu vực hành chính lớn lại được chia nhỏ thành các hạt tham biện, còn gọi là tiểu khu hành chính. Hạt tham biện Thủ Dầu Một thuộc khu vực hành chính Sài Gòn¹.

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông Dương Pôn Đume (Paul Doumer) ban hành Nghị định đổi hạt tham biện thành tỉnh. Hạt tham biện Thủ Dầu Một thành tỉnh Thủ Dầu Một. Lúc này, Bến Cát thuộc tỉnh Thủ Dầu Một.

Tỉnh Thủ Dầu Một thời gian này có 12 tổng và 8 làng của người Việt ở xen kẽ trong các tổng của người dân tộc thiểu số. Có 6 tổng hoàn toàn của người Việt gồm: Bình Chánh, Bình Điền, Bình Thiện, Bình Thỏ, Bình Hưng (khu vực Bến Cát), Bình Thạnh Thượng; 6 tổng khác đa số là dân tộc thiểu số: Cửu An, Lộc Ninh, Minh Ngã (An Lộc), Phước Lễ, Quảng Lợi,

1. Khu vực Sài Gòn gồm 5 tiểu khu: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa và Gia Định.

Thanh An. 8 làng của người Việt nằm xen kẽ trong các tổng người dân tộc thiểu số là: Mỹ Thạnh, Tân Khai, Tân Lập, Tân Quan, Tân Phú, Tân Thanh, Thanh Phú, Thanh Sơn.

b) Từ năm 1954 đến năm 1975

- Về phía chính quyền Sài Gòn

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, theo Sắc lệnh số 143/NV ngày 22/10/1956, chính quyền Sài Gòn chia Thủ Dầu Một thành hai tỉnh Bình Dương, Bình Long và một số xã nhập vào tỉnh Phước Long. Thời điểm này, quận Bến Cát có diện tích 616km², gồm 10 xã, dân số 22.359 người¹. Năm 1959, dịch cắt một phần đất của tỉnh Biên Hòa và Bình Dương thành lập tỉnh Phước Thành nhưng đến năm 1965 thì chúng giải thể tỉnh này.

- Về phía cách mạng

Tháng 01/1955, Xứ ủy Nam Bộ quyết định tách tỉnh Thủ Biên thành hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa như cũ. Tỉnh Thủ Dầu Một gồm các huyện: Lái Thiêu, Châu Thành, Bến Cát, Chơn Thành, Hớn Quản, Lộc Ninh và các đồn điền cao su Dầu Tiếng, Quản Lợi, Lộc Ninh.

Tháng 9/1960, Xứ ủy Nam Bộ quyết định sáp nhập hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa thành tỉnh Thủ Biên (lần thứ hai). Đến tháng 6/1961, Trung ương Cục miền Nam lại tách tỉnh Thủ Biên thành hai tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa và thành lập thêm 3 tỉnh mới là: Phước Thành, Bình Long, Phước Long theo địa bàn hành chính của chính quyền Sài Gòn. Tỉnh Thủ Dầu Một lúc này gồm: Thị xã Thủ Dầu Một; các huyện Lái Thiêu, Châu Thành, Bến Cát, Dầu Tiếng.

Đầu năm 1963, huyện Bến Cát tách thành hai huyện Nam Bến Cát và Bắc Bến Cát tương ứng với quận Trị Tâm và quận

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương: *Địa chí Bình Dương, Tập 1: Tự nhiên - Nhân văn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

Bến Cát của chính quyền Sài Gòn. Huyện Nam Bến Cát gồm các xã Thới Hòa, Mỹ Phước, An Điền, An Tây, Phú An, Chánh Phú Hòa, ba xã của huyện Châu Thành là Tân Định, Tân An, Tương Bình Hiệp. Huyện Bắc Bến Cát gồm các xã: Lai Hưng, Long Nguyên, Kiến An, Lai Uyên, Thanh An, Thanh Tuyền và An Long.

Năm 1965, hai huyện Nam Bến Cát và Bắc Bến Cát sáp nhập lại thành huyện Bến Cát, xã An Long giao cho huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Long; xã Lai Uyên giao cho huyện Phú Giáo; các xã còn lại vẫn giữ nguyên.

Tháng 10/1967, Trung ương Cục miền Nam bố trí lại chiến trường, phân chia 5 phân khu thành 5 mũi tiến công vào Sài Gòn và Phân khu 6 (nội đô Sài Gòn) để chuẩn bị cho Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968. Tỉnh Thủ Dầu Một thuộc Phân khu 5; riêng huyện Bến Cát, Dầu Tiếng thuộc Phân khu 1.

Cuối năm 1972, Trung ương Cục quyết định giải thể các phân khu, lập lại các tỉnh. Huyện Bến Cát - Dầu Tiếng trở lại là huyện thuộc tỉnh Thủ Dầu Một.

Tháng 3/1973, huyện Bến Cát - Dầu Tiếng tách ra thành hai huyện: Bến Cát, Dầu Tiếng.

Tháng 8/1973, Tỉnh ủy quyết định chia huyện Bến Cát thành hai huyện: Bắc Bến Cát và Nam Bến Cát. Huyện Nam Bến Cát gồm các xã An Điền, An Tây, Phú An, Mỹ Phước, Lai Hưng, Chánh Phú Hòa và tiếp nhận thêm bốn xã Thới Hòa, Tân Định, Tương Bình Hiệp, Tân An của huyện Châu Thành. Huyện Bắc Bến Cát gồm các xã Long Nguyên, Kiến An, Thanh An, Thanh Tuyền, Tân Lập.

Tháng 10/1973, Trung ương Cục quyết định tách các huyện Tân Uyên, Phú Giáo; các xã phía nam và đông nam của Phước Long; Định Quán, Độc Lập của Biên Hòa để thành lập tỉnh

căn cứ Tân Phú. Đến cuối năm 1974, hai huyện Phú Giáo và Tân Uyên lại được trả về cho tỉnh Thủ Dầu Một. Như vậy, đến đầu năm 1975, tỉnh Thủ Dầu Một gồm các huyện Nam Bến Cát, Bắc Bến Cát, Lái Thiêu, Châu Thành, Tân Uyên, Dĩ An, Phú Giáo, Dầu Tiếng và thị xã Thủ Dầu Một.

c) Từ năm 1975 đến năm 2020

Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, do yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, ngày 02/7/1976, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định sáp nhập các tỉnh Thủ Dầu Một, Bình Phước và bốn xã An Bình, Bình An, Đông Hòa, Tân Đông Hiệp (thuộc huyện Thủ Đức) thành tỉnh Sông Bé. Lúc này, huyện Bến Cát thuộc tỉnh Sông Bé.

Ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 55/1977/QĐ-CP về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Sông Bé, trong đó, hợp nhất huyện Dầu Tiếng với huyện Bến Cát thành huyện Bến Cát. Sau khi hợp nhất, huyện Bến Cát có 13 xã¹.

Ngày 25/4/1979, theo Quyết định số 180/1979/QĐ-CP của Hội đồng Chính phủ, xã Tây Nam chia thành ba xã: An Điền, Phú An và An Tây; xã Hòa Định chia thành hai xã: Thới Hòa và Tân Định; 10 xã vùng kinh tế mới của huyện Bến Cát được thành lập².

Ngày 01/8/1994, theo Quyết định số 77/1994/QĐ-CP của Chính phủ, thị trấn Mỹ Phước được thành lập; xã Long Chiêu sáp nhập vào xã Long Tân; xã Long Bình sáp nhập vào xã Long Nguyên; xã Tân Long sáp nhập vào xã Lai Uyên.

1. Chánh Phú Hòa, Định Hiệp, Định Thành, Hòa Định, Hòa Lợi, Kiến An, Lai Hưng, Lai Uyên, Long Nguyên, Mỹ Phước, Tây Nam, Thanh An, Thanh Tuyền.

2. Tân Hưng, Bến Tượng, Tân Long, Bàu Bàng, Cây Trường II, Long Hòa, Hưng Hòa, Long Tân, Long Chiêu, Long Bình.

Ngày 06/11/1996, Quốc hội quyết định tách tỉnh Sông Bé thành hai tỉnh Bình Phước và Bình Dương. Ngày 01/01/1997, tỉnh Bình Dương chính thức được tái lập với 4 đơn vị hành chính gồm: thị xã Thủ Dầu Một, các huyện Thuận An, Tân Uyên và Bến Cát. Huyện Bến Cát tiếp nhận thêm bốn xã Minh Hòa, Minh Tân, Minh Thạnh, Trừ Văn Thố (thuộc huyện Bình Long của tỉnh Bình Phước). Đến cuối năm 1998, huyện Bến Cát có 2 thị trấn là Mỹ Phước (huyện lỵ), Dầu Tiếng và 23 xã¹.

Ngày 23/7/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/1999/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính, tái lập các huyện Dầu Tiếng, Phú Giáo và Dĩ An. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, huyện Bến Cát còn lại 15 đơn vị hành chính trực thuộc².

Ngày 11/8/2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 36/NQ-CP, mở rộng địa giới hành chính thị xã Thủ Dầu Một, cắt 1.079,15ha diện tích tự nhiên và 1.487 nhân khẩu của xã Hòa Lợi (huyện Bến Cát) để thành lập phường Hòa Phú thuộc thị xã Thủ Dầu Một. Sau điều chỉnh, xã Hòa Lợi còn lại 1.762,85ha diện tích tự nhiên và 12.616 nhân khẩu.

Ngày 29/12/2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 136/NQ-CP, trong đó, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bến Cát để thành lập thị xã Bến Cát và huyện Bàu Bàng. Thị xã Bến Cát được thành lập trên cơ sở một phần của huyện Bến Cát cũ. Bến Cát có diện tích 23.442,24km², 203.420 nhân khẩu với 8 đơn vị hành chính, gồm 5 phường (Chánh Phú Hòa, Hòa Lợi, Mỹ Phước, Tân Định, Thới Hòa) và 3 xã (An Điền, An Tây, Phú An).

1. An Điền, An Lập, An Tây, Cây Trường II, Chánh Phú Hòa, Định Hiệp, Hòa Lợi, Hưng Hòa, Lai Hưng, Lai Uyên, Long Hòa, Long Nguyên, Long Tân, Minh Hòa, Minh Tân, Minh Thạnh, Phú An, Tân Định, Tân Hưng, Thanh An, Thanh Tuyền, Thới Hòa, Trừ Văn Thố.

2. Thị trấn Mỹ Phước và 14 xã: Cây Trường II, Trừ Văn Thố, Long Nguyên, Lai Hưng, Thới Hòa, Chánh Phú Hòa, Tân Định, Hòa Lợi, Phú An, An Tây, An Điền, Hưng Hòa, Tân Hưng, Lai Uyên.

2. Đặc điểm xã hội và nhân văn

a) Truyền thống yêu nước và đấu tranh chống ngoại xâm

Từ xa xưa, vùng đất Bến Cát (khi người Việt chưa đặt chân tới) đã có cư dân bản địa cư trú. Đó là các nhóm dân tộc: Xtiêng, M'Nông, Chơ Ro, Mạ... Đến đầu thế kỷ XVII, trên vùng đất trù phú này dần xuất hiện thêm những lớp cư dân mới vào đây sinh sống. Đó là những di dân người Việt từ phía Bắc thuộc tầng lớp nông dân và thợ thủ công nghèo khổ không chịu nổi sự áp bức, bóc lột của chế độ phong kiến hà khắc, những người mắc tội “nghịch mạng với triều đình” bị lưu đày, những người chán ghét chiến tranh... Đặc biệt, trong thời kỳ chiến tranh khốc liệt giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn, mâu thuẫn giữa địa chủ và nông dân ngày càng trở nên gay gắt, tiến trình di cư của người Việt vào phương Nam, trong đó có vùng đất Bến Cát đã diễn ra nhanh hơn.

Sau khi vua Quang Trung qua đời, triều Tây Sơn tan rã, một bộ phận quân Tây Sơn di tản đến vùng đất thuộc tỉnh Bình Dương hiện nay và cùng với cộng đồng cư dân địa phương làm ăn, sinh sống. Từ đó, tinh thần chiến đấu bất khuất, anh dũng của Quang Trung - Nguyễn Huệ và nghĩa quân Tây Sơn được gieo mầm trên mảnh đất này. Nhân dân tham gia bằng cách ủng hộ lương thực, thực phẩm để nuôi quân và thực hiện vườn không, nhà trống... Nhiều thanh niên, trai tráng ở vùng Tân Uyên, Bến Cát... gia nhập đội quân của Lê Quang Tiến, Thân Văn Nhiếp chống thực dân Pháp. Quân ta đã quấy phá, gây cho chúng nhiều khó khăn.

Mặc dù thực dân Pháp đã chiếm được vùng đất Bình An, Bến Cát, Tân Uyên và cả Biên Hòa nhưng lực lượng của ta vẫn không khuất phục, rút lui vào rừng và vùng nông thôn tiếp tục khởi nghĩa. Năm 1870, khi nghĩa quân của Trương Quyền và nhà sư Pu Kom Pô từ Tây Ninh tấn công vào các đồn nhỏ của thực dân Pháp ở ven sông Thị Tính, nhân dân nhiều làng, xã

ở đây đã hưởng ứng mạnh mẽ, ủng hộ lương thực, quà bánh, heo, gà và dẫn đường cho nghĩa quân. Nhiều thanh niên đã tham gia vào hàng ngũ của nghĩa quân.

Đến đầu thế kỷ XX, sau khi hoàn thành việc xâm chiếm và đặt ách thống trị trên đất Nam Kỳ, thực dân Pháp đã xác lập địa giới hành chính, thành lập các đồn điền khắp nơi nhằm kiểm soát nhân dân, cướp đoạt đất đai, nương rẫy của đồng bào các dân tộc và bóc lột sức lao động của công nhân. Thực dân Pháp càng ra sức áp bức, bóc lột nặng nề thì nhân dân ta đấu tranh càng quyết liệt.

Ban đầu, tù trưởng bộ tộc là những người khởi xướng các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp. Năm 1908, đồng bào các dân tộc Chơ Ro, Xtiêng... dưới sự lãnh đạo của Điểu Dố¹ (người Xtiêng) đã nổi dậy đánh đuổi quân Pháp xâm chiếm buôn làng, ruộng rẫy. Tiếp theo, từ năm 1912 đến năm 1935, N'Trang Lơng lãnh đạo đồng bào các dân tộc ở Nam Tây Nguyên và miền Đông Nam Kỳ nổi dậy. Các cuộc khởi nghĩa này dù cuối cùng đều thất bại nhưng đã khơi dậy được tinh thần yêu nước của nhân dân Bình An - Thủ Dầu Một nói chung, Bến Cát nói riêng.

Giữa lúc phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp của đồng bào các dân tộc đang diễn ra sôi nổi ở phía bắc tỉnh, những cuộc đấu tranh của thợ thủ công các lò gốm ở Lái Thiêu, Tân Uyên, Bến Cát... ở phía nam cũng làm cho bọn thực dân phải lo ngại. Giống như nhiều địa phương khác ở Nam Kỳ, phong trào yêu nước tại Thủ Dầu Một phát triển mạnh dưới hình thức thành lập các Hội kín với nhiều tên gọi khác nhau như Thiên Địa hội, Nghĩa hòa hội, Phục hưng hội, Ái quốc hội...

1. Ông Điểu Dố lập căn cứ tại núi Gió Quán Lợi, chỉ huy nghĩa quân đánh các bót ở Hồn Quán, Bù Đốp và hoạt động ở nhiều nơi khác. Đến năm 1918, trong cuộc chiến đấu ở vùng ngã ba Nhà Mát xã Long Nguyên, ông đã bị giặc Pháp bắn chết.

Mục tiêu ban đầu của phong trào Hội kín là tập hợp nông dân và dân nghèo đấu tranh chống lại cường hào, ác bá trong làng, trong tổng, giúp đỡ nhau lúc hoạn nạn, khó khăn... Sau đó, Hội kín nêu thêm mục tiêu đấu tranh chống bắt lính, phản đối việc cướp đoạt, vơ vét của thực dân Pháp để phục vụ chiến tranh.

Từ năm 1913 đến năm 1916, phong trào Thiên Địa hội do Phan Xích Long tổ chức gây ảnh hưởng đến một bộ phận nông dân, thợ thủ công. Nhiều người trong một số làng ở Phú An, An Điền, An Tây, Mỹ Phước, Thanh Tuyền (quận Bến Cát)... đã tham gia Thiên Địa hội nhằm tập hợp lại để đấu tranh chống áp bức và hỗ trợ nhau trong lúc khó khăn.

Năm 1926 đã diễn ra một sự kiện có tiếng vang lớn trên toàn quốc, tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước của nhân dân Thủ Dầu Một nói chung, Bến Cát nói riêng, đó là đám tang cụ Phan Châu Trinh, mang tầm vóc một quốc tang. Gần 15 vạn người dân Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh lân cận đã tham gia để tỏ lòng ngưỡng mộ và tiếc thương người sĩ phu đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cứu nước. Đồng đảo nhân dân thuộc các thành phần ở các quận Châu Thành, Bến Cát, Tân Uyên, Lái Thiêu... đã kéo nhau về Sài Gòn dự lễ tang bất chấp sự ngăn cản của nhà cầm quyền.

Sau phong trào Thiên Địa hội, những năm 1923 - 1926, phong trào Hội kín yêu nước do Nguyễn An Ninh sáng lập và Hội Danh dự do cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc) và những nhà sư yêu nước ở chùa Hội Khánh thành lập cũng đã xây dựng được một số cơ sở trong tỉnh. Nhìn chung, hoạt động của Hội kín Nguyễn An Ninh mang tính chất ôn hòa, không bạo động nhưng đã tạo tiền đề cho nhiều hội viên nòng cốt tiếp cận với tư tưởng mới, giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin. Một số hội viên tiên tiến của Hội như: Nguyễn Văn Tiết, Hồ Văn Cống, Nguyễn Văn Lộng, Đinh Văn Sáng... sau này đã

trở thành đảng viên cộng sản, lập ra Chi bộ Bình Nhâm - chi bộ cộng sản đầu tiên của tỉnh Thủ Dầu Một. Mặc dù còn nhiều hạn chế nhưng những phong trào yêu nước của các Hội kín đã góp phần thức tỉnh lòng yêu nước trong các tầng lớp nhân dân địa phương. Qua thực tiễn đấu tranh cũng đã xuất hiện một đội ngũ cán bộ nòng cốt, luôn đi đầu trong các hoạt động vận động đồng bào tham gia chống thực dân Pháp.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), nhằm cứu vãn nền kinh tế đang bị đình đốn, tư bản Pháp thực hiện công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai tại Đông Dương. Khai thác cao su trở thành ngành kinh doanh mang lại nguồn lợi nhuận béo bở. Thời gian này, ở Bến Cát, các công ty cao su đua nhau bỏ thêm vốn, mở rộng quy mô khai thác. Cùng với quá trình mở rộng các đồn điền cao su, đội ngũ công nhân cao su cũng phát triển về số lượng. Giai đoạn đầu, bọn chủ đồn điền chỉ cần tuyển người địa phương và các vùng phụ cận. Tuy nhiên, những năm sau đó, do yêu cầu phát triển nhanh diện tích trồng và khai thác cao su, mà nguồn lao động tại chỗ lại không đủ đáp ứng, buộc chúng phải mộ phu “công nhân giao kèo” có thời hạn từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung.

Công nhân làm việc trong các đồn điền rất cơ cực. Hằng ngày, công nhân phải làm việc từ 12 đến 14 giờ, trong điều kiện lao động tồi tệ, ăn uống thiếu thốn, cùng với bệnh tật (nhiều nhất là sốt rét, tiêu chảy), thiếu thuốc men khiến họ bị suy kiệt cả về thể xác lẫn tinh thần. Trong hoàn cảnh ấy, những người công nhân cao su đã liên tục đấu tranh, hình thức phổ biến ban đầu là bỏ trốn, lãn công, đập phá công cụ làm việc (như dao, cưa, cuốc, xẻng), đòi quyền lợi kinh tế, chống cúp phạt... Do chưa được tổ chức chặt chẽ và thống nhất mục tiêu nên những cuộc đấu tranh này không đạt được kết quả như mong muốn và bị bộ máy cai trị của thực dân Pháp dập tắt. Song, những cuộc đấu tranh tự phát ấy đã góp phần thức tỉnh tinh thần yêu nước của nhân dân địa phương.

Năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (do Nguyễn Ái Quốc thành lập ở Quảng Châu, Trung Quốc) thực hiện chủ trương “vô sản hóa”, đưa hội viên vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền trong nước, cùng sống và làm việc với công nhân để truyền bá lý luận giải phóng dân tộc, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Qua phong trào, nhân dân, nhất là đội ngũ công nhân làm việc tại đồn điền xe lửa Dĩ An, công nhân cao su ở đồn điền Phú Riềng và lực lượng thanh niên từng hăng hái hoạt động trong phong trào Hội kín Nguyễn An Ninh trước đây dần tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin. Mặt khác, thông qua báo chí công khai của địch (với ý định xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin), một bộ phận quần chúng công - nông ở thành phố, thị xã vô hình trung đã được tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Như vậy, với truyền thống yêu nước đấu tranh chống giặc ngoại xâm, các phong trào đấu tranh ở Bến Cát diễn ra liên tục từ cuối thế kỷ XVII đến những năm đầu thế kỷ XX, đã tập hợp được đông đảo đồng bào tham gia với nhiều hình thức. Đó là yếu tố rất quan trọng, là tiền đề tạo nên sức mạnh để phong trào đấu tranh cách mạng ở Bến Cát phát triển trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược sau này.

b) Truyền thống đoàn kết, nhân ái

Truyền thống đoàn kết đã thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn và trở thành lẽ sống của mỗi người con đất Việt. Lịch sử đã chứng minh truyền thống đại đoàn kết, bất luận trong hoàn cảnh nào, đã kết thành sức mạnh vô địch, đưa dân tộc Việt Nam vượt lên mọi khó khăn, thử thách, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, lập nên những kỳ tích vẻ vang. Từ thực tiễn đấu tranh cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát thành tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc và nhấn mạnh:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công”¹.

Đảng ta cũng chỉ rõ, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một đất nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam trong nước và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong đấu tranh chống ngoại xâm cũng như xây dựng quê hương, nhân dân Bến Cát luôn phát huy tinh thần đoàn kết để đạt được những mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Tinh thần nhân ái cũng là một trong những giá trị truyền thống rất nổi bật của dân tộc ta. Nhân ái nghĩa là yêu thương con người. Lòng nhân ái được nảy nở và phát triển chính trong cuộc sống lam lũ, khó khăn hằng ngày. Trong lúc khó khăn, hoạn nạn, chính tình yêu thương, đùm bọc, sẻ chia lẫn nhau đã giúp nhân dân ta vượt qua hoàn cảnh thực tại. Vì vậy, lòng yêu thương con người “thương người như thể thương thân”, “một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ” từ lâu đã trở thành nếp nghĩ, cách ứng xử, triết lý sống của người dân Việt Nam nói chung và người dân Bến Cát nói riêng, chi phối mối quan hệ giữa người với người trong xã hội. Nó thấm sâu trong các mối quan hệ từ gia đình đến xóm làng, cộng đồng xã hội; từ trong sinh hoạt đời thường đến sản xuất, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, đối xử với tù binh chiến tranh... Qua những

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.13, tr.119.

thời kỳ lịch sử, lòng nhân ái đã có những nội dung mới, song về cơ bản, vẫn giữ được nét đặc sắc riêng; là cơ sở quan trọng để thiết lập mối quan hệ giữa người với người. Trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, nhìn chung, tinh thần nhân ái vẫn tiếp tục được nhân dân ta kế thừa, phát huy và nâng lên một tầm cao mới, thể hiện trong các phong trào có ý nghĩa sâu sắc như: “Uống nước nhớ nguồn”, “Xây dựng nhà tình thương, nhà đại đoàn kết”, “Phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng”, “Gây quỹ vì người nghèo”, “Hiến máu nhân đạo”, “Vòng tay nhân ái”, “Nối vòng tay lớn”, “Vì nạn nhân ảnh hưởng chất độc màu da cam”...

Tiếp nối truyền thống của các thế hệ đi trước, ngày nay, nhân dân thị xã Bến Cát tiếp tục phát huy tinh thần tương thân tương ái, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, giảm nghèo... Những hình thức, cách làm hay như hỗ trợ xây nhà ở, mượn vốn không tính lãi để sản xuất, chăn nuôi, tương trợ cây, con giống, chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho thanh niên nông thôn, bộ đội xuất ngũ... đã góp phần làm cho tình làng nghĩa xóm ngày càng gắn bó chặt chẽ, bền vững. Ở thị xã Bến Cát, 100% bà mẹ Việt Nam anh hùng được các đơn vị, tổ chức nhận phụng dưỡng đến cuối đời; hàng trăm thân nhân của liệt sĩ, thương binh được đỡ đầu. Nhân dân Bến Cát đã đóng góp nhiều tỷ đồng giúp đỡ người già không nơi nương tựa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cơ nhỡ... Nhiều tổ chức, cá nhân đã gắn kết, chia sẻ, giúp đỡ các địa chỉ nhân đạo, giúp họ có thêm niềm tin, nghị lực, điều kiện để thoát khỏi khó khăn, góp phần tích cực vào việc bảo đảm chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững của thị xã.

c) Truyền thống lao động cần cù, sáng tạo

Cần cù là một trong những đức tính nổi bật của người Việt Nam. Từ rất sớm, nhân dân Việt Nam đã phải chống chọi với

những điều kiện tự nhiên vô cùng khắc nghiệt và nạn ngoại xâm giày xéo liên miên. Quá trình đó đã rèn luyện cho người lao động đức tính cần cù “một nắng, hai sương” để duy trì cuộc sống và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Hình ảnh “ăn cơm bằng đèn, đi cấy sáng trăng” hay “tát nước đêm trăng” đã trở nên quen thuộc với mỗi người dân Việt Nam. Đó không chỉ là những hình ảnh đẹp mà còn thể hiện đức tính cần cù, yêu lao động của nhân dân ta. Ông cha ta ý thức được rằng, “Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu”, lao động cần cù là nguồn gốc của mọi của cải và hạnh phúc... Khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, bên cạnh sự cần cù, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người dân cũng được kích thích mạnh mẽ. Qua đó, đức tính cần cù, chịu thương, chịu khó đã được phát huy ở mức độ cao. Tiếp nối truyền thống của dân tộc, nhân dân Bến Cát luôn cần cù, sáng tạo trong lao động, sản xuất, tạo ra nhiều của cải, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

Tóm lại, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng kể từ khi thành lập, với những điều kiện tự nhiên thuận lợi, con người có truyền thống đoàn kết, nhân ái, cần cù, thông minh, sáng tạo, Bến Cát đã vượt qua biết bao khó khăn, gian khổ, ác liệt, hy sinh, giải phóng, xây dựng quê hương. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, quân và dân Bến Cát đã bám đất, bám làng, anh dũng chiến đấu, kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị và đẩy mạnh công tác binh vận, tiến công địch về mọi mặt, làm thất bại nhiều âm mưu thủ đoạn của địch, góp phần quan trọng hoàn thành sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Trong công cuộc xây dựng và hội nhập quốc tế, Bến Cát không chỉ là mảnh đất giàu giá trị truyền thống nhân văn, nhân ái mà còn là nơi phát huy truyền thống anh hùng cách mạng, luôn nỗ lực vươn lên xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

Chương 1

BẾN CÁT THAM GIA ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930 - 1954)

I- ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

1. Tác động từ phong trào đấu tranh của công nhân dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Phú Riềng và Chi bộ Dầu Tiếng đến nhân dân Bến Cát

Cuối năm 1927 - đầu năm 1928, Nguyễn Xuân Cừ (tức Nguyễn Văn Vĩnh) - hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Kỳ bộ Bắc Kỳ, được đồng chí Ngô Gia Tự - Ủy viên Kỳ bộ Bắc Kỳ, cử vào đồn điền cao su Phú Riềng để gây dựng cơ sở. Tại đây, Nguyễn Xuân Cừ liên lạc với Trần Tử Bình là công nhân làm việc ở trạm xá, một trong những người tổ chức các cuộc đấu tranh của công nhân cao su Phú Riềng thời gian trước. Từ những hoạt động tích cực của Nguyễn Xuân Cừ và Trần Tử Bình, Nghiệp đoàn cao su Phú Riềng (với thành viên là 1/3 tổng số những người lao động tại Phú Riềng) được thành lập. Nghiệp đoàn đã phát động và tổ chức nhiều cuộc đấu tranh đòi giảm bớt đánh đập, chống cúp lương vô lý, đòi cải thiện sinh hoạt cho công nhân.

Tháng 4/1928, Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đồn điền Phú Riềng thành lập và được công nhận thuộc Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng (vào ngày 28/10/1929) do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư, trở thành một trong ba chi bộ cộng sản đầu tiên ở Nam Kỳ.

Sau đó, Chi bộ Phú Riềng đẩy mạnh công tác phát triển lực lượng quần chúng cách mạng. Đội xích vệ được thành lập trong thanh niên công nhân, do Trần Tử Bình phụ trách. Một số tổ chức quần chúng như hội tương tế, hội cứu tế, hội thể thao, hội văn nghệ... đã thu hút nhiều công nhân và nhân dân khu vực đồn điền tham gia. Cuối năm 1929, tổ chức Công hội đỏ Phú Riềng thành lập, chú trọng phát triển Đảng trong công nhân và đào tạo, bồi dưỡng “hạt giống đỏ” cho các đồn điền khác trong khu vực.

Ngày 30/01/1930, công nhân Phú Riềng đưa các yêu sách lên chủ sở nhưng không được trả lời. Ngày 03/02/1930, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, hơn 5.000 công nhân cao su cùng cư dân ở 10 làng đã tiến hành tổng bãi công và bao vây khu nhà chủ sở với các khẩu hiệu: cấm đánh đập, chống cúp phạt, đòi miễn sưu thuế, trả lương cho công nhân bị tai nạn lao động, trả về quê cũ những người hết hạn giao kèo, trả tự do cho những người bị bắt. Công nhân phong tỏa toàn bộ khu vực đồn điền, sau đó tiếp tục tuần hành từ nhà chủ sở về Làng 3; chiếm giữ khu trại cưa, tước vũ khí của một số giám thị, chiếm nhà máy điện, nhà máy cưa, kho gạo, làm chủ các làng 3, 9. Toàn bộ đồn điền Phú Riềng trở thành “khu đỏ” đặt dưới quyền quản lý của tự vệ và công nhân. Trước sức mạnh của phong trào, chủ sở Soumagnac buộc phải ký biên bản, chấp nhận giải quyết các yêu sách của công nhân.

Theo sát diễn biến đấu tranh, Ban Chấp hành Đông Dương Cộng sản Đảng kịp thời chỉ đạo Chi bộ Phú Riềng không để cuộc tổng bãi công vượt ra ngoài khuôn khổ đấu tranh chính trị công khai, hợp pháp. Vì vậy, mặc dù đã huy động đến 300 lính lê dương, 500 lính khố đỏ cùng hàng chục xe bọc thép về Phú Riềng uy hiếp tinh thần công nhân và sẵn sàng nổ súng nhưng chính quyền thực dân vẫn không thể tìm ra lý do để đàn áp cuộc nổi dậy.

Sau 8 ngày đấu tranh anh dũng (từ ngày 30/01 đến ngày 06/02/1930), 5.000 phu cao su đã làm chủ đồn điền Phú Riềng. Cuộc tổng bãi công đã làm rung động hệ thống “địa ngục cao su” Đông Dương, làm chấn động dư luận, báo chí trong nước và nước Pháp. Cuộc đấu tranh nổ ra đúng lúc, giành thắng lợi, làm thất bại mưu đồ thăm sát của thực dân Pháp và bảo toàn lực lượng.

Hưởng ứng cuộc đấu tranh của công nhân Phú Riềng, 2.000 công nhân cao su Dầu Tiếng đã biểu tình, bãi công dưới sự lãnh đạo của đảng viên cao su Phú Riềng hoạt động tại Dầu Tiếng. Đoàn người biểu tình đi về phía chợ Dầu Tiếng, vừa đi vừa hô khẩu hiệu “chống gạo ảm, gạo lúc, cá thối, bãi bỏ chế độ hà khắc công nhân”. Không dừng lại ở đó, phong trào đấu tranh của công nhân đã tiếp tục có bước phát triển. Tháng 3/1930, công nhân cao su Dầu Tiếng biểu tình, đình công, đưa yêu sách đòi giới chủ phải giải quyết lương theo đúng giao kèo, không được cúp phạt, đòi phát gạo phải đúng khẩu phần 800gr mỗi ngày/đầu người. Mặc dù bị thực dân Pháp đàn áp, bắn chết 2 người, nhưng công nhân vẫn không chùn bước; đội tự vệ có trang bị dao, gậy xông ra phía trước đoàn biểu tình chống trả quyết liệt với bọn lính. Trước khí thế đấu tranh mạnh mẽ của công nhân, bọn chủ đã phải nhượng bộ giải quyết theo yêu sách.

“Sự kiện Phú Riềng” mùa Xuân năm 1930 đã tác động mạnh đến công nhân ở các đồn điền cao su Dầu Tiếng. Vì vậy, công nhân hạ quyết tâm đấu tranh đòi quyền lợi như Phú Riềng. Quá trình đấu tranh của công nhân Dầu Tiếng bắt đầu chuyển từ tự phát sang tự giác. Thắng lợi của các cuộc đấu tranh của công nhân Dầu Tiếng vào các ngày 10/02/1930, 15/12/1932, 16/8/1936 chứng tỏ phong trào công nhân phát triển mạnh, đồng thời đòi hỏi phải có một tổ chức cách mạng đứng đầu để lãnh đạo quần chúng. Trước tình hình đó, Thành ủy Sài Gòn

đã cử hai đồng chí Văn Công Khai và Nguyễn Văn Tiết về Dầu Tiếng tuyên truyền, xây dựng cơ sở, tiến tới thành lập chi bộ Đảng. Cuối năm 1936, Chi bộ Cộng sản Dầu Tiếng trực thuộc Thành ủy Sài Gòn được thành lập gồm các đồng chí Văn Công Khai, Nguyễn Văn Tiết, Đặng Dân và Đinh Công Toàn. Đây là một bước ngoặt của phong trào công nhân. Từ đây, phong trào đấu tranh của công nhân đã có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng thông qua Chi bộ Phú Riềng và Dầu Tiếng.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Phú Riềng và Chi bộ Dầu Tiếng, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đã chuyển từ tự phát sang tự giác đấu tranh chính trị, công khai, hợp pháp. Các tổ chức quần chúng ra đời từ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chính là những tổ chức nòng cốt từ đó lan rộng ra quần chúng nhân dân lao động ở các làng nông thôn, là điều kiện để Đảng phát triển các cơ sở cách mạng trong quần chúng. Thắng lợi từ các phong trào đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng và Dầu Tiếng tác động rất lớn đến tinh thần và suy nghĩ của công nhân cao su các đồn điền ở Bến Cát nói riêng, nhân dân Bến Cát nói chung. Trước các phong trào đấu tranh mạnh mẽ của giai cấp công nhân đặt dưới sự lãnh đạo của các chi bộ đảng, hơn lúc nào hết, đòi hỏi giai cấp công nhân, nhân dân lao động Bến Cát phải mạnh dạn tập hợp, sát cánh cùng nhau đứng lên đấu tranh với giới chủ và thực dân Pháp để đòi những quyền lợi thiết thực.

2. Nhân dân Bến Cát đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở Đông Dương, phátxít Nhật câu kết với thực dân Pháp thống trị, đàn áp, bóc lột, xóa bỏ các quyền tự do dân chủ, thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Trước tình hình đó, Nghị quyết của Trung ương Đảng ngày 6, 7, 8 tháng 11

năm 1939 đã chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương: “là hình thức liên hiệp tất cả các dân tộc Đông Dương dưới nền thống trị đế quốc Pháp, tất cả các giai cấp, các đảng phái, các phần tử phản đế muốn giải phóng cho dân tộc, để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, chống xâm lược phátxít, đánh đổ đế quốc Pháp, vua chúa bốn xứ và tất cả bọn tay sai của đế quốc đòi hoà bình cơm áo, thực hiện nền độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương với quyền dân tộc tự quyết”¹ để tập hợp lực lượng vào Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Tháng 7/1940, Hội nghị mở rộng Xứ ủy Nam Kỳ họp tại Mỹ Tho quyết định chủ trương khởi nghĩa. Thực hiện chủ trương của Xứ ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo khởi nghĩa tỉnh Thủ Dầu Một (do đồng chí Hồ Văn Cống - Bí thư Tỉnh ủy phụ trách) đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác tổ chức các đội vũ trang, rèn đúc và mua sắm vũ khí, luyện tập võ nghệ và quân sự, đẩy mạnh công tác vận động binh lính.

Tháng 10/1940, Ban Thường vụ Xứ ủy họp lần cuối và quyết định khởi nghĩa vào đêm 22/11/1940. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị, một số nơi mất cảnh giác, đã bộc lộ nhiều sơ hở. Địch phát hiện, đưa lực lượng đàn áp. Cuộc khởi nghĩa vũ trang không thể tiến hành như dự định. Mặc dù vậy, nhận được lệnh khởi nghĩa của Xứ ủy, Ban Chỉ đạo khởi nghĩa tỉnh Thủ Dầu Một vẫn thực hiện theo phương án đã định: lấy quận Lái Thiêu làm trọng điểm, chọn làng Thuận Giao làm điểm mở đầu, phát động các làng khác nối tiếp nổi dậy khởi nghĩa.

Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Văn Công Khai, một số công nhân xưởng cơ khí và nhiều công nhân cạo mủ đồn điền cao su Dầu Tiếng đã bãi công trong 3 ngày, đưa yêu sách đòi giảm giờ làm, tăng lương, chống đàn áp.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.537.

Hưởng ứng, một số nông dân xã Định Thành đòi Hội tế giảm thuế, chống bắt lính, chống đàn áp. Tại chợ Bến Súc, Thanh Tuyên, đồng chí Đặng Dân (là đảng viên Chi bộ Dầu Tiếng những năm 1936 - 1939) đã bí mật tổ chức một nhóm thanh niên rải truyền đơn với nội dung phản đối chiến tranh, chống bắt lính, kêu gọi nhân dân nổi dậy chống Pháp, Nhật.

Tại ấp Kiến Điền, làng An Điền, trong đêm khởi nghĩa, anh Nguyễn Tấn Bộ cùng một nhóm thanh niên bí mật phá đứt đường dây thép (dây điện thoại) dọc đường lộ 7 (từ Bến Cát đến Bến Súc). Khi nghe tin cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Hóc Môn, Gò Vấp, nhóm thanh niên này còn vận động nhiều gia đình nông dân đánh mõ tre, thổi tù và... tạo khí thế mạnh mẽ.

Khởi nghĩa Nam Kỳ không thành công do điều kiện khởi nghĩa chưa chín muồi. Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa đã thể hiện rõ tinh thần yêu nước chống đế quốc, ý chí quật khởi cách mạng của quần chúng nhân dân, trong đó có nhân dân Bến Cát; có ý nghĩa là một cuộc tổng diễn tập của nhân dân miền Nam dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy và để lại nhiều bài học quý giá cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Từ sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Nhật mở rộng chiếm đóng ở Thủ Dầu Một, trong đó có các làng Phú An, Mỹ Phước, Chánh Phú Hòa... của quận Bến Cát. Phátxít Nhật, thực dân Pháp và bộ máy tay sai tại địa phương câu kết với nhau ra sức vơ vét, cướp bóc, khủng bố, đàn áp nhân dân. Trong tình cảnh “một cổ hai tròng”, nhân dân Bến Cát đã khổ cực nay lại càng cơ cực hơn. Nhiều mặt hàng thiết yếu cho đời sống người dân như kim, chỉ, dầu lửa, xà phòng, thuốc chữa bệnh trở nên khan hiếm và đắt đỏ. Thêm vào đó, quân Nhật còn ra sức tuyên truyền mị dân với những khẩu hiệu “Đại Đông Á”, “Đồng văn, đồng chủng”, dùng nhiều thủ đoạn lôi kéo thanh niên vào các tổ chức như hội đá banh, hội văn nghệ, hội võ Nhật, ăn mặc

theo Nhật nhằm tạo ra lực lượng thân Nhật ở cơ sở. Tuy nhiên, những âm mưu và thủ đoạn này của địch vẫn không thể làm lu mờ tinh thần yêu nước, lòng căm ghét kẻ thù xâm lược đang gây nhiều tội ác của nhân dân.

Ngày 27/3/1943, Hội nghị tái lập Tỉnh ủy Thủ Dầu Một được bí mật tổ chức tại Làng 1 đồn điền cao su Dầu Tiếng, đồng chí Văn Công Khai được cử làm Bí thư Tỉnh ủy lâm thời. Tỉnh ủy được tái lập đã mở đầu thời kỳ khôi phục hệ thống tổ chức đảng trong toàn tỉnh.

Sau hội nghị tái lập Tỉnh ủy, theo sáng kiến của đồng chí Văn Công Khai, Chi bộ Dầu Tiếng đã vận động một số cơ sở quần chúng nòng cốt ở đồn điền lập đội cải lương, đi hát dạo trong các làng công nhân và các làng nông thôn ở Dầu Tiếng, Bến Cát... Những vở tuồng *Lê Lợi khởi nghĩa*, *Hai Bà Trưng*, *Vua Quang Trung* ca ngợi truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, những bài ca được giới thiệu công khai, gửi lời hiệu triệu tới quần chúng nhân dân, khơi dậy truyền thống đấu tranh cách mạng của ông cha ta. Thông qua các vở kịch, bài ca, đội cải lương đã khéo léo tuyên truyền công khai lịch sử đấu tranh anh dũng của dân tộc đến quần chúng lao động khiến địch không có lý do để ngăn cấm các hoạt động văn nghệ quần chúng.

Cũng trong thời gian này, hầu hết các làng, xã trên địa bàn Bến Cát đều có nhiều nhóm thanh niên được những đảng viên cộng sản bám địa bàn hoạt động tuyên truyền giác ngộ, phát triển thành những cơ sở nòng cốt như: ở Mỹ Phước có Nguyễn Văn Theo (Ba Dè), Lê Văn Vận...; ở Thới Hòa có Nguyễn Văn Kia (Năm Kia), Nguyễn Văn Hồ, Lê Văn Phúc (Chín Phúc), Cao Văn Kiêu (Út Kiêu), Hai Ngô, Tư Lục...; ở Phú An có Huỳnh Văn Sớm, Huỳnh Văn Lớn (Tư Lớn), Mười Liêm, Nguyễn Văn Hiếu...; ở An Tây có Phạm Văn Tiệm, Phạm Văn Cái, Võ Công Phu, Phạm Danh Quốc; ở Tân Định có Năm Phú,

Huỳnh Văn Cam, Ba Nhành, Chín Cán, Út Miết...; ở Hòa Lợi có Ba Ban, Hai Ron, Ba Khoa, Phan Văn Liếng... Tại Chánh Phú Hòa, từ cuối năm 1943, Hồ Văn Thọ (một trí thức yêu nước tham gia cách mạng từ những năm 1936 - 1939), Nguyễn Văn Ngộ (Bảy Quỳ) cùng một số thanh niên công nhân cao su ở Chánh Lưu đã thành lập tổ chức “Thanh niên cứu quốc”, bí mật hoạt động.

Đầu năm 1944, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một họp Hội nghị bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết Xứ ủy Nam Kỳ; triển khai chủ trương đẩy mạnh hoạt động của tổ chức Thanh niên, Phụ nữ và các hội cứu quốc trong các tầng lớp nhân dân. Cũng từ đây, nhiều làng nông thôn ở tổng Bình Hưng, Bình Thạnh Thượng cùng với các địa phương trong tỉnh đẩy lên hoạt động nghiệp đoàn, phong trào văn hóa, thể dục thể thao. Hội Truyền bá quốc ngữ do một số thanh niên, giáo chức yêu nước ở Sài Gòn lập ra đã phát triển tới thị xã Thủ Dầu Một và có ảnh hưởng tới một số địa phương ở Bến Cát. Các cơ sở đảng ở Bến Cát, Dầu Tiếng một mặt ủng hộ mạnh mẽ các hoạt động này, mặt khác, nhân cơ hội đẩy mạnh công tác vận động trí thức, thanh niên và các tầng lớp trung lưu khác tham gia chống lại âm mưu dùng văn hóa nô dịch, ngoại lai để truy lạc hóa thanh niên của Nhật, Pháp. Thông qua hoạt động của các hội, nhất là Hội Truyền bá quốc ngữ, nhiều thầy giáo, thanh niên có tư tưởng tiến bộ hoạt động tích cực đã được các đồng chí đảng viên bồi dưỡng, thử thách và trở thành cơ sở nòng cốt trong phong trào quần chúng, một số người đã được kết nạp vào Đảng.

Tại Hòa Lợi, tháng 10/1944, đồng chí Nguyễn Đức Thuận được Xứ ủy cử đến công tác tại Thủ Dầu Một, đã thành lập Chi bộ Hòa Lợi gồm 6 đảng viên, do đồng chí Huỳnh Văn Cam (Ba Cam) làm Bí thư, đồng chí Bảy Nghị làm Phó Bí thư. Chi bộ phân công đảng viên mở rộng địa bàn hoạt động tuyên truyền vận động quần chúng ở các làng thuộc tổng Bình Phú.

Giữa lúc phong trào yêu nước của nhân dân Bến Cát cũng như các địa phương trong tỉnh và cả nước đang phát triển mạnh, tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến quan trọng. Đêm 09/3/1945, phátxít Nhật đảo chính, hất cẳng thực dân Pháp, độc chiếm Đông Dương.

Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và trong nước, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời ra Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* (ngày 12/3/1945), xác định: “đế quốc phátxít Nhật là kẻ thù chính - kẻ thù cụ thể trước mắt - duy nhất của nhân dân Đông Dương”¹; đồng thời đề ra khẩu hiệu “Chống chính quyền của Nhật và của bọn Việt gian thân Nhật”. Nêu khẩu hiệu “Chính quyền cách mạng của nhân dân”².

Tại Thủ Dầu Một, ngay trong đêm Nhật đảo chính, 200 quân Pháp đóng tại thành Săng Đá chỉ chống cự yếu ớt và nhanh chóng đầu hàng Nhật. Sau ngày 09/3/1945, bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở Thủ Dầu Một bị tan rã, thay vào đó là bộ máy cai trị mới của phátxít Nhật. Quân Nhật chủ trương giữ nguyên tổ chức hành chính cũ của thực dân Pháp, đồng thời tăng cường bộ máy đàn áp, siết chặt chính sách cai trị, tăng thêm lực lượng mật thám tìm kiếm quần chúng và phá hoại các tổ chức cách mạng. Phátxít Nhật ra sức vơ vét, bóc lột nhân dân ta để phục vụ cho chiến tranh. Chúng thi hành chính sách sưu thuế nặng nề, đẩy các tầng lớp nhân dân lao động, nhất là nông dân vào hoàn cảnh vô cùng cực khổ; công nhân bị thất nghiệp, đời sống đã thiếu thốn lại càng cùng cực hơn.

Thực hiện chủ trương thành lập tổ chức Thanh niên Tiền phong của Xứ ủy và Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, đến giữa năm 1945, tại Bến Cát (ở cả tổng Bình Thạnh Thượng và tổng Bình Hưng),

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.366, 369.

có hai tổ chức thanh niên cùng hoạt động là: Tiền Phong và Việt Minh. Tại tổng Bình Thạnh Thượng, Thanh niên Tiền phong do thầy giáo Phạm Văn Tiệm làm Đội trưởng; Thanh niên cứu quốc do Huỳnh Văn Sớm làm Đội trưởng. Tại tổng Bình Hưng, Thanh niên Tiền phong do thầy giáo Cương làm Đội trưởng, Thanh niên cứu quốc do thầy giáo Bảy làm Đội trưởng. Do được hoạt động công khai nên Thanh niên Tiền phong ở nhiều làng đã tập hợp được đông đảo thanh niên tham gia. Dưới sự lãnh đạo bí mật của những người cộng sản, hai đội thanh niên yêu nước là lực lượng nòng cốt cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Bến Cát. Ngoài ra, còn có một đội Thanh niên cứu quốc nhưng lấy danh nghĩa Thanh niên bảo an gồm khoảng 20 người, hầu hết là những thanh niên tiến bộ, hăng hái nhất tại quận Bến Cát, do đồng chí Ba Dè trực tiếp chỉ huy. Đây là tổ chức do Nhật lập ra để hoạt động công khai.

Cũng thời gian này, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, cán bộ Việt Minh các tổng ở Bến Cát đẩy mạnh công tác vận động trong công nhân, tập hợp lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Dựa vào các mối quan hệ họ hàng thân thuộc và trong lao động sản xuất, cán bộ Việt Minh, các đồng chí đảng viên ở các làng đã khéo léo tiếp cận, tuyên truyền, vận động xây dựng nòng cốt trong lực lượng thanh niên là công nhân trong các đồn điền cao su. Khoảng cuối tháng 3/1945, Ban Vận động tổ chức Liên đoàn Công nhân cao su các tổng Bình Phú, Bình Hưng, Bình Thạnh Thượng được thành lập. Thông qua đại biểu của Ban Vận động các tổng, công nhân cao su tham gia vào các tổ chức quần chúng cách mạng hoạt động công khai ngày càng đông, nhất là Thanh niên Tiền phong.

Trước sự phát triển của phong trào quần chúng, bộ máy tề một số làng ở Bến Cát dần mất tác dụng. Tại hầu hết các làng, sở cao su và vùng nông thôn ở Bến Cát, Dầu Tiếng, quần

chúng tích cực tham gia hưởng ứng các hoạt động của các hội cứu quốc và Thanh niên Tiền phong. Tất cả đều sẵn sàng chờ hiệu lệnh tham gia nổi dậy giành chính quyền.

Trong khi nhân dân Bến Cát cùng nhân dân tỉnh Thủ Dầu Một và nhân dân cả nước đang chuẩn bị khởi nghĩa, ngày 14/8/1945, Nhật đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện, báo hiệu thời cơ quyết định vận mệnh của dân tộc đã chín muồi. Chớp thời cơ, Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân cùng Tổng bộ Việt Minh phát động nhân dân cả nước đứng lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Từ ngày 19 đến ngày 23/8/1945, tinh thần quân Nhật ở Thủ Dầu Một hoang mang cực độ. Nắm cơ hội này, Tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác binh vận trong lực lượng cảnh sát và cộng hòa vệ binh; đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động toàn dân khởi nghĩa. Những băngrôn với các khẩu hiệu: “Việt Nam hoàn toàn độc lập”, “Chính quyền về tay Việt Minh” được đảng viên, cán bộ nòng cốt các làng vận động cơ sở quần chúng cách mạng tích cực chuẩn bị.

Đêm 23/8/1945, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng do đồng chí Văn Công Khai - Bí thư Tỉnh ủy chủ trì được tổ chức tại chợ Bưng Cầu, làng Tương Bình Hiệp. Hội nghị đã quán triệt Nghị quyết Xứ ủy về Tổng khởi nghĩa toàn Nam Kỳ và quyết định khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ Thủ Dầu Một vào ngày 25/8/1945, cùng thời gian với Sài Gòn - Chợ Lớn. Ủy ban khởi nghĩa của tỉnh do đồng chí Văn Công Khai làm Trưởng ban. Lệnh khởi nghĩa của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Thủ Dầu Một nhanh chóng lan ra khắp các địa phương trong tỉnh.

Rạng sáng ngày 24/8/1945, hơn 60 thanh niên tiên phong, thanh niên cứu quốc và hàng trăm quần chúng của Mỹ Phước từ các ngã đường kéo về trung tâm quận lỵ Bến Cát. Dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Văn Theo, chỉ với 2 khẩu súng hai nòng và tầm vông vạt nhọn, gươm, giáo, mác..., lực lượng

Thanh niên Tiền phong cùng Thanh niên Cứu quốc đã bao vây “đồn cò”¹, tước vũ khí sĩ quan, binh lính Nhật đóng trong đồn và tay sai như cò Lộc, đội Kê, Cầm...

Do được cơ sở của ta vận động từ trước, sĩ quan Nhật ở Bến Cát không hề kháng cự. Một số người Việt làm việc cho quân Nhật trong đồn đã lấy vũ khí của lính Nhật giao cho cách mạng. Đồng chí Nguyễn Văn Theo cầm lá cờ Việt Minh lên nóc đồn. Lá cờ đỏ sao vàng thiêng liêng của Tổ quốc lần đầu tiên tung bay phấp phới trên nóc đồn cảnh sát tại trung tâm thị trấn. Lần đầu tiên thấy lá cờ Tổ quốc, đồng bào quận Bến Cát và những vùng phụ cận tham gia cuộc khởi nghĩa vô cùng xúc động và phấn khởi.

Trước sức mạnh của nhân dân (được Đảng lãnh đạo, tổ chức và phát động), lính Nhật đóng trong đồn bót ở quận Bến Cát cũng như các làng trong quận đều án binh bất động. Trên thực tế, từ ngày 23/8/1945, bọn tay sai của Nhật ở các làng, tổng của quận Bến Cát đã tan rã, bị vô hiệu hóa.

Chỉ trong ngày 24/8/1945, dưới sự lãnh đạo của Ủy ban khởi nghĩa, nhân dân Bến Cát đã giành được chính quyền về tay trọn vẹn mà không phải đổ máu.

Ngay sau khi giành được chính quyền ở quận, chiều ngày 24/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa của quận phân công đồng chí Nguyễn Văn Theo chỉ huy hơn 100 thanh niên vũ trang (chủ yếu trang bị tầm vông vạt nhọn và một số gươm, giáo, mã tấu) và hơn 300 đồng bào của quận Bến Cát, các xã Lai Hưng, Thới Hòa, Long Nguyên... kéo về để phối hợp với đồng bào thị xã Thủ Dầu Một và các quận giành chính quyền ở tỉnh lỵ Thủ Dầu Một.

Sáng ngày 25/8/1945, một cuộc mít-tinh lớn của 5 vạn người đã diễn ra tại trung tâm tỉnh lỵ Thủ Dầu Một. Đồng chí

1. Đồn cảnh sát.

Văn Công Khai - Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban khởi nghĩa đã đọc diễn văn, tuyên bố chính quyền về tay nhân dân. Trong buổi mítting, quần chúng hô vang các khẩu hiệu: “Chính quyền về tay nhân dân!”, “Việt Nam độc lập muôn năm!”.

Sáng ngày 26/8/1945, Bến Cát cũng tổ chức mítting rầm rộ. Băng cờ, biểu ngữ tung bay rục rờ. Tiếng trống, tiếng mõ, thanh la hòa cùng tiếng reo hò, ca hát của quần chúng nhân dân rộn rã khắp xóm làng, thị trấn.

Hàng ngàn đồng bào Mỹ Phước và các xã Lai Hưng, An Điền, Long Nguyên, Thới Hòa, Kiến An, An Tây... kéo về quận lỵ dự mítting mừng thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong quận. Thay mặt Ủy ban khởi nghĩa, đồng chí Nguyễn Văn Ngọc kêu gọi đồng bào trong quận hãy cùng nhau chung sức, đồng lòng nỗ lực bảo vệ chính quyền cách mạng, tích cực đóng góp lúa gạo cứu đói cho đồng bào miền Bắc.

Cũng trong những ngày này, nhờ nhân dân phát hiện và thông báo, lực lượng vũ trang của quận do đồng chí Nguyễn Văn Theo chỉ huy đã phát hiện một hầm vũ khí của Nhật cất giấu tại Lai Khê, thu hơn 300 súng trường, 3 trung liên FM và 2 xe tải đạn. Tại sở cao su Dầu Tiếng, công nhân cũng tìm thấy 1 hầm súng của Nhật, lấy được hơn 100 súng trường, 3 súng tiểu liên.

Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh long trọng đọc *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước toàn thể đồng bào cả nước và nhân dân thế giới.

Cuộc nổi dậy giành chính quyền của nhân dân Bến Cát trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là kết quả của một quá trình vận động cách mạng lâu dài, bền bỉ, khéo léo của Đảng, do Tỉnh ủy Thủ Dầu Một và những người cộng sản ở Bến Cát trực tiếp lãnh đạo. Sức mạnh to lớn của các tầng lớp

nhân dân bị đô hộ đang khao khát được khơi dậy. Họ đã đứng lên cùng nhân dân trong tỉnh và cả nước phá xiềng xích nô lệ, giành chính quyền, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh và cả nước, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp và phátxít Nhật, giành chính quyền về tay nhân dân. Cách mạng Tháng Tám thành công mở ra một trang sử mới cho nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân Bến Cát nói riêng. Từ đây, đất nước được độc lập, nhân dân được tự do. Đồng bào “quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy”, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định.

II- Củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng, lãnh đạo nhân dân kháng chiến và xây dựng quê hương (1945 - 1946)

1. Tình hình Bến Cát sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Cách mạng Tháng Tám (1945) thắng lợi đã đưa nhân dân Bến Cát cùng nhân dân cả nước từ thân phận nô lệ trở thành người chủ đất nước. Các tầng lớp nhân dân Bến Cát rất phấn khởi, hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Việc quan trọng là cần kịp thời xác lập bộ máy lãnh đạo, thống nhất tổ chức, nhanh chóng tập hợp các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng vừa giành được.

Đầu tháng 9/1945, Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một chỉ định Ban Cán sự Đảng quận Bến Cát gồm 3 đồng chí: Nguyễn Văn Ngọc (Chín Ngọc), Nguyễn Văn Theo (Ba Dè), Nguyễn Văn Ngọ. Đồng chí Nguyễn Văn Ngọc giữ chức vụ Bí thư.

Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập còn non trẻ chưa có kinh nghiệm điều hành, đa số những người tham gia trong bộ máy chính quyền, đoàn thể đều nằm trong lực lượng

Thanh niên Tiên phong và tham gia khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám. Tại các làng, xã, nhân dân hăng hái tham gia các tổ chức của Việt Minh như: Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Phụ lão cứu quốc...

Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cứu đói, Ủy ban hành chính tỉnh Thủ Dầu Một ban hành một số chính sách kinh tế nhằm cứu đói, ổn định đời sống nhân dân. Chính quyền cách mạng (Ủy ban hành chính) và Mặt trận Việt Minh quận Bến Cát cũng vận động nhân dân thực hiện khẩu hiệu “tắc đất, tắc vàng”, tích cực trồng hoa màu, cây lương thực ngăn ngày, thiết thực cứu đói, giúp đỡ những gia đình thiếu đói, gặp khó khăn, hoạn nạn. Các mẹ, các chị động viên chồng, con, em tham gia lực lượng tự vệ, canh gác ngăn chặn trộm cướp, bảo vệ nhân dân, bảo vệ xóm làng. Bên cạnh đó, phong trào “diệt giặc đói” xóa mù chữ cũng phát triển tới từng thôn xóm, thu hút mọi lứa tuổi tham gia. Dù đời sống hằng ngày còn thiếu thốn nhưng đồng bào vẫn động viên nhau học tập.

Trong lúc nhân dân Bến Cát cùng nhân dân trong tỉnh và nhân dân cả nước đang nỗ lực xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng cuộc sống mới, thì ngày 23/9/1945, thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta lần thứ hai, tấn công trụ sở Ủy ban hành chính Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn.

Trước hành động xâm lược trắng trợn của thực dân Pháp, sáng ngày 23/9/1945, Xứ ủy và Ủy ban hành chính Nam Bộ ra lời kêu gọi đồng bào đứng lên chống thực dân Pháp: Tất cả đồng bào, già, trẻ, gái, trai hãy cầm vũ khí xông lên đánh đuổi quân xâm lược. Từ giờ phút này, nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là tiêu diệt quân Pháp và tay sai của chúng. Kháng chiến bùng nổ.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, Bến Cát tổ chức lực lượng trên 100 người là tự vệ chiến đấu của các làng, xã, tổ chức thành một đơn vị, cùng lực lượng các địa phương trong tỉnh tham gia chiến đấu ngăn chặn quân Pháp tại mặt trận cầu Bến Phên - Hóc Môn. Lực lượng tự vệ của Bến Cát đã cùng các lực lượng tại mặt trận cầu Bến Phên anh dũng chiến đấu ngăn chặn quân Pháp trong suốt một tháng đầu của cuộc kháng chiến.

Cùng với chi viện sức người, sức của cho mặt trận Sài Gòn - Gia Định, Ủy ban hành chính quận Bến Cát cũng tích cực chuẩn bị kháng chiến. Đồng chí Nguyễn Văn Ngọ - Ủy viên quân sự thay mặt Ủy ban kháng chiến - hành chính quận kêu gọi các tầng lớp nhân dân đưa con em gia nhập lực lượng vũ trang để bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ. Chính quyền còn non trẻ, lực lượng vũ trang mới hình thành, vũ trang thô sơ, thiếu thốn, nhưng lòng yêu nước, ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập, tự do vừa giành được chính là vũ khí tinh thần mạnh mẽ của quân, dân Bến Cát cũng như quân, dân trong tỉnh Thủ Dầu Một.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, nhân dân Bến Cát tích cực tham gia “Tuần lễ vàng” ủng hộ kháng chiến. Trong “Tuần lễ vàng”, tại xã Chánh Phú Hòa, ông Cao Văn Trọng đã ủng hộ Ủy ban hành chính tỉnh 6 con trâu, bò và 4.000kg gạo.

Đối với phátxít Nhật, chủ trương của quận là tìm cách thương lượng, hòa hoãn với quân Nhật đóng quân tại địa phương đang chờ ngày về nước. Chủ trương của quận đã nhanh chóng trở thành phong trào phát triển rộng khắp. Tại xã Phú An, thanh niên tự vệ cùng nhân dân đến các khu vực đóng quân của quân Nhật để tìm vũ khí mà Nhật cất giấu hoặc bỏ lại. Nhiều người đã liều mình vào tận kho cất giấu vũ khí của Nhật lấy về cho cách mạng. Các ông Trương Văn Đạm, Phạm Văn Tông, Phan Văn Sao, Nguyễn Văn Lợi... (ở thôn Phú Thứ), lợi dụng sơ hở của lính Nhật đóng tại sở

cao su Bùi Quốc Thanh (sở thầy Ba Kẽng), lấy được 11 súng trường, 30 lựu đạn. Ngô Văn Nửa, Ngô Văn Biện (ở thôn Phú Thuận) lấy được 8 súng trường, 20 lựu đạn. Tại Mỹ Phước, thanh niên tự vệ chiến đấu quân chặn đánh bọn Nhật ruồng bố vào làng Mỹ Thạnh, diệt và làm bị thương một số tên, thu chiến lợi phẩm, trong đó có cả lựu đạn và súng lục (súng ngắn). Việc công khai chặn đánh bọn lính Nhật ruồng bố vào thôn xóm, diệt những tên lính Nhật đi lẻ, lấy vũ khí của chúng thường xuyên diễn ra, đã hạn chế được sự hung hăng của bọn Nhật đang trú đóng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chuẩn bị đánh Pháp của nhân dân.

Cùng với tích cực xây dựng, củng cố chính quyền, xây dựng lực lượng vũ trang chuẩn bị kháng chiến, Ủy ban các làng, xã đã huy động đồng bào chặt cây, đắp mô, đào đường, lập chiến lũy... để ngăn chặn bước tiến của giặc. Ủy ban hành chính các thôn, xã vận động nhân dân chuẩn bị nơi cất giấu lương thực, sẵn sàng thực hiện tiêu thổ kháng chiến khi có lệnh.

Sau Cách mạng Tháng Tám, bộ máy chính quyền cách mạng ở Bến Cát đã được xác lập. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng với quyết tâm cao, Ban Cán sự Đảng quận Bến Cát đã nhanh chóng đề ra các chủ trương cấp bách, bắt tay vào tổ chức lực lượng, lãnh đạo quần chúng nhân dân tham gia vào củng cố chính quyền cách mạng non trẻ vừa giành được.

2. Bến Cát trong năm đầu kháng chiến (1945 - 1946)

Có thêm viện binh, cuối tháng 10/1945, Bộ Chỉ huy quân Pháp tổ chức tấn công chọc thủng tuyến phòng thủ của ta tại Sài Gòn, chiếm các đô thị, vùng kinh tế quan trọng và đường giao thông chiến lược. Trước tình hình đó, Ủy ban hành chính tỉnh Thủ Dầu Một ra lệnh cho quân, dân trong tỉnh tản cư và chuyển các cơ quan dân - chính - đảng của tỉnh về vùng nông thôn, động viên quân, dân tổ chức các mặt trận ngăn chặn địch.

Chấp hành mệnh lệnh của Ủy ban hành chính tỉnh, ngay khi quân Pháp sắp phá được vòng vây của ta ở Sài Gòn, các tầng lớp nhân dân Bến Cát đã thực hiện chủ trương của Quận bộ Việt Minh, tiêu thổ kháng chiến và bất hợp tác với giặc. Thanh niên cứu quốc cùng đội tự vệ chiến đấu ở các làng đã dán nhiều khẩu hiệu hành động trên các thân cây dọc đường vào các ngõ xóm với nội dung:

- Không hợp tác với Pháp.
- Không đi lính cho Pháp.
- Không mua bán với Pháp.

Mọi công tác chuẩn bị để sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã được quân và dân các địa phương ở Bến Cát, nhất là các xã trên các trục quốc lộ 13, 14, ráo riết thực hiện trong những ngày cuối tháng 10/1945.

Khi quân Pháp đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa (ngày 23/10/1945), Ủy ban hành chính tỉnh Thủ Dầu Một lệnh cho các cơ quan và nhân dân trong thị xã Thủ Dầu Một tản cư trước khi quân Pháp vào chiếm đóng. Một bộ phận của Ủy ban, cơ quan tuyên truyền và kinh tế của Ủy ban dời lên, tạm đóng ở căn cứ Bến Súc (xã Thanh Tuyên). Tới trung tuần tháng 11/1945, các bộ phận này chuyển về đóng tại ấp Phú Thứ (xã Phú An), được nhân dân Phú An tận tình giúp đỡ nơi ăn, ở và lương thực, thực phẩm. Đội tự vệ chiến đấu của xã Phú An tham gia tuần tra, canh gác, bảo vệ khu vực căn cứ các cơ quan của Ủy ban hành chính tỉnh.

Sáng ngày 25/10/1945, núp dưới bóng quân Anh, quân Pháp tiến đánh thị xã Thủ Dầu Một. Trong vòng một tháng, chúng đã chiếm đóng tất cả 10 cứ điểm lớn nhỏ trong thị xã. Khi quân Pháp chiếm được thị xã Thủ Dầu Một, quân Nhật đóng ở Bến Cát trở mặt, đánh phá, gây khó khăn cho công tác chuẩn bị kháng chiến của ta. Trước tình hình đó, Ban Cán sự Đảng và

Ủy ban hành chính quận chủ trương vừa thắng tay đánh Nhật vừa chuẩn bị đánh Pháp, nhưng vẫn tranh thủ làm “binh vận”, vận động lính Nhật mang vũ khí theo ta.

Trước khi quân Pháp trở lại đánh chiếm Bến Cát, các cơ quan chính quyền, Mặt trận Việt Minh, cơ quan quân sự của quận đã chuyển từ thị trấn về sở Ông Chánh (cách thị trấn 1,5km về phía đông). Sau đó, cơ quan chính quyền, Mặt trận rút về khu vực đình thần Lai Hưng, cơ quan quân sự chuyển sang xóm Bến Tượng.

Khoảng giữa tháng 11/1945, thực dân Pháp tiến chiếm Bến Cát. Quân Pháp tiến công theo hai hướng: quốc lộ 13 và dùng tàu chở quân theo sông Sài Gòn lên. Được quân Nhật giúp sức (bảo vệ dọc hai bên quốc lộ 13 từ Thủ Dầu Một lên đến Bến Cát), hai tiểu đoàn lính Pháp (có xe nổi đồng hộ tống) tiến về thị trấn. Trong khi đó, tàu thủy của quân Pháp ngược sông Sài Gòn theo sông Thị Tính đánh lên. Dọc đường hành quân của quân Pháp, bộ đội quận đã tổ chức trận địa mai phục nhưng do vị trí cách đường quá xa nên không ngăn cản được bước tiến của quân Pháp. Khoảng 9 giờ sáng ngày hôm đó, quân Pháp đã tiến được vào trung tâm quận Bến Cát, sau đó hành quân lên chiếm Lai Khê.

Một cánh quân của Pháp từ Thủ Dầu Một lên (theo đường liên tỉnh 14) phối hợp với lực lượng ở Bến Cát tiến về Rạch Bắp với ý đồ đánh chiếm Thanh Tuyên, Thanh An, Định Thành (Dầu Tiếng), mở thông con đường lên vùng cao su thuộc đồn điền Mitsolanh ở Dầu Tiếng. Tuy nhiên, quân Pháp đã bị lực lượng tự vệ xã Thanh Tuyên phục kích, dùng lựu đạn, chai xăng phóng hỏa đốt xe ngay tại khu vực Rạch Kiến, gây thương vong và phải rút lui.

Ở Bến Cát, mặc dù ta có tổ chức đánh địch nhưng lực lượng vũ trang địa phương vẫn còn phân tán, chưa thống nhất về

mặt tổ chức và chỉ huy. Trên chiến trường của quận, có lực lượng Đệ Tam, Đệ Tứ sư đoàn, HT29, Cò Lư... là những nhóm vũ trang ô hợp, không những không dám đánh địch mà còn những nhiễu nhân dân. Những hành động “thổ phỉ” của số tàn quân và những nhóm vũ trang này khiến một bộ phận dân chúng nghi ngờ, chán ghét bộ đội. Bên cạnh đó, do sợ quân Pháp khủng bố nên nhiều người dân đã từ chối giúp đỡ bộ đội, gây khó khăn cho công tác chuẩn bị kháng chiến. Tình hình đó đặt ra yêu cầu cấp bách là phải có một chủ trương đúng đắn và kịp thời về xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, bảo đảm cho lực lượng vũ trang từng bước phát triển hoàn chỉnh, thực hiện tốt vai trò nòng cốt trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 25/10/1945, tại Hội nghị Thiên Hộ (huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho), Xứ ủy Nam Bộ đã chỉ ra những lệch lạc trong xây dựng lực lượng vũ trang sau Tổng khởi nghĩa. Chủ trương của Đảng là phải nắm lấy lực lượng vũ trang, gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang, thành phần chủ yếu là công nhân, nông dân, thanh niên tự vệ ở các địa phương; phát động quần chúng kiên quyết giữ vững và đẩy mạnh kháng chiến, từng bước làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của địch.

Ngày 20/11/1945, Hội nghị quân sự Nam Bộ họp tại xã An Phú (Hóc Môn), dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Bình - đặc phái viên quân sự do Trung ương cử vào phụ trách quân sự ở Nam Bộ. Hội nghị đã nhấn mạnh hai vấn đề mấu chốt là đoàn kết toàn dân, đoàn kết các giáo phái; tổ chức các lực lượng vũ trang Nam Bộ thành 25 chi đội (tương đương trung đoàn).

Trước đó, từ đầu tháng 11/1945, trong cuộc họp riêng tại đồn điền cao su Hội đồng Cần (xã Tân Định), hai đồng chí Nguyễn Bình và Huỳnh Kim Trương đã bàn bạc, thống nhất tổ chức lực lượng vũ trang của tỉnh Thủ Dầu Một thành một chi đội giải phóng quân, lấy tên là Chi đội 1. Giữa tháng

11/1945, tại chiến khu An Sơn, quận Lái Thiêu, Chi đội 1 - đơn vị Giải phóng quân đầu tiên của tỉnh ra mắt, do Huỳnh Kim Trường làm Chi đội trưởng. Bên cạnh đó, bộ đội quận Bến Cát cũng được tổ chức lại thành một đại đội thuộc Chi đội 1, lấy phiên hiệu Đại đội 3. Đồng chí Nguyễn Văn Ngọc (Bảy Quỳ) - Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Ủy viên quân sự quận Bến Cát làm Đại đội trưởng; đồng chí Lê Đức Anh làm Chính trị viên; Nguyễn Văn Hội (cán bộ Nam tiến), Nguyễn Văn Cẩm (Bảy Cẩm) làm Đại đội phó. Đại đội 3 tổ chức thành 3 phân đội (gọi theo số từ 1 đến 3), 2 ban công tác (Ban phá hoại và Ban công tác đặc biệt), cùng các bộ phận quân nhu, quân y, kho xưởng. Mỗi phân đội tổ chức 3 trung đội, mỗi trung đội có 3 tiểu đội. Phân đội 1 hoạt động ở khu vực Bến Ông Khương, sau chuyển về Nam Bến Cát. Phân đội 2 hoạt động ở các xã Bắc Bến Cát. Phân đội 3 hoạt động ở khu vực Bến Tượng, nơi đóng căn cứ của Đại đội.

Chi đội 1 trở thành chi đội Vệ quốc đoàn đầu tiên ở chiến trường miền Đông Nam Bộ. Đại đội 3 được thành lập nằm trong đội hình Chi đội có ý nghĩa to lớn, đánh dấu bước phát triển mới của lực lượng vũ trang Bến Cát. Từ những phân đội tổ chức còn phân tán, mang tính cục bộ với những thành phần phức tạp, nay được Đảng tổ chức xây dựng, Đại đội 3 đã trở thành lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh, đứng chân hoạt động tại địa bàn của quận, làm nòng cốt cho phong trào quần chúng đánh giặc trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong một cuộc càn quét, được quân Nhật giúp sức, quân Pháp đã càn vào khu vực Đồng Cò, Lai Khê, nơi cơ quan kháng chiến của quận Bến Cát trú đóng. Ta buộc phải rút về Sở Líp Rê. Trên đường đi, đồng chí Nguyễn Văn Ngọc - Bí thư Ban Cán sự Đảng quận cùng một số đồng chí áp giải tên Bạch. Khi phát hiện có địch đi càn, tên Bạch kêu lên. Lính Nhật

xông tới bắt đồng chí Ngọc và đưa đi thủ tiêu. Đây là một tổn thất lớn cho Ban Cán sự Đảng Bến Cát trong những ngày đầu kháng chiến.

Để khủng bố tinh thần nhân dân ta, những ngày giáp Tết năm Bính Tuất (1946), Pháp mở nhiều cuộc hành quân càn quét các địa bàn phụ cận nội ô thị trấn, các xã dọc quốc lộ 13, đường liên tỉnh lộ 14 và vùng cao su Định Thành (Dầu Tiếng). Chúng thực hiện “giết sạch, phá sạch, đốt sạch” để uy hiếp tinh thần nhân dân; bắt bớ, bắn giết hàng trăm người dân vô tội. Tại Dầu Tiếng, chỉ trong thời gian ngắn tái chiếm, chúng đã giết hại hơn 200 người ném xuống sông Sài Gòn tại cầu Tàu. Tại xã Thanh Tuyên, địch ruồng bố bắt được anh Mười Tương, phụ trách Thanh niên cứu quốc xã. Ông Bảy Ngụy (người xã Thanh An) bị địch chặt đầu bêu tại chợ Bến Súc. Cụ Sáu Ai (hơn 60 tuổi) bị chúng bắt và treo cổ tại chợ. Ông Trần Văn Ngựet cùng con trai là Trần Minh Hoàng, thầy giáo Bang, ông Tư Lộ, bà Tư Đơn cùng hàng trăm người dân vô tội ở Thanh An, Thanh Tuyên, Kiến An... bị thực dân Pháp bắt trong những cuộc ruồng bố, đem ra cầu kiểm lâm Bến Súc bắn chết hoặc chặt đầu, mổ bụng, moi gan, hoặc dùng súng tiểu liên bắn vào từng nhóm 5 - 7 người (đã bị cột cổ). Ngày nào, tại cầu Quan, cầu Đò (Bến Cát) cũng có người dân bị quân Pháp bắt được trong các cuộc bố ráp bị mang ra bắn giết. Để khủng bố tinh thần nhân dân ta, chúng thường bày trò giết người man rợ như bỏ vào thùng phuy đốt, cột chùm 5 - 7 người xỏ dây thép hoặc treo đá thả chìm. Có những phụ nữ bị chúng bắt rồi hãm hiếp cho đến chết, trong khi chân tay vẫn bị trói, thân thể lỏa lồ... Sông Sài Gòn, sông Thị Tính mỗi ngày có đến hàng chục xác người bị địch giết hại trôi nổi dọc mé sông. Hằng ngày, ông Từ ở đình Bến Tranh, làng Mỹ Thạnh (Mỹ Phước) và nhân dân nơi đây vớt xác người bị địch giết hại trên sông Thị Tính đem chôn không kịp.

Mặc dù địch ráo riết chiếm đóng khắp nơi, ngày 25/12/1945, chính quyền cách mạng tỉnh Thủ Dầu Một vẫn tổ chức được cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên trong lịch sử theo Sắc lệnh số 51 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 17/10/1945. Tại Bến Cát, Ủy ban hành chính và Mặt trận Việt Minh từ quận đến các làng, xã đã tổ chức chu đáo công tác bầu cử đại biểu Quốc hội. Các đoàn thể quần chúng của Mặt trận Việt Minh ở các làng, xã đã tổ chức nhiều buổi sinh hoạt cho hội viên, vận động cử tri tích cực đi bầu và bỏ phiếu cho các ứng cử viên do Mặt trận Việt Minh giới thiệu. Trên 90% cử tri của quận đã đi bầu cử vào ngày 25/12/1945.

Kết quả, tỉnh Thủ Dầu Một có ba đại biểu là: Nguyễn Văn Tiết, Nguyễn Đức Nhân và Nguyễn Văn Lộng trúng cử đại biểu Quốc hội khóa I với số phiếu rất cao.

Bằng việc tham gia bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, các tầng lớp nhân dân Bến Cát đã được thực hiện quyền làm chủ của công dân; thể hiện tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước và ý chí quyết tâm của nhân dân Bến Cát cùng nhân dân trong tỉnh và nhân dân cả nước một lòng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Thông qua bầu cử, uy tín của chính quyền cách mạng ngày càng được nâng lên.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình trong nước và thế giới, ngày 11/11/1945, Đảng tuyên bố tự giải tán nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật. Đây là sách lược sáng suốt của Đảng nhằm bảo vệ Đảng nhưng vẫn bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong thời điểm thù trong, giặc ngoài đang âm mưu “bóp chết” Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ. Sau khi tuyên bố tự giải tán, Đảng vẫn giữ vững và không ngừng củng cố hệ thống tổ chức, giữ vững quyền lãnh đạo cách mạng, động viên quân dân cả nước đoàn kết, chung sức, chung lòng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đảng bộ Thủ Dầu Một thực hiện sách lược “giải tán” của Đảng nhưng vẫn tiến hành củng cố, phát triển Đảng và chỉ đạo phong trào. Mọi hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đều lấy danh nghĩa Mặt trận Việt Minh. Để đẩy mạnh phong trào toàn dân kháng chiến, từ cuối tháng 12/1945, Ban Cán sự Đảng Bến Cát đã chỉ đạo các xã củng cố lại các đoàn thể cách mạng, tích cực vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến. Các phân đội thuộc Đại đội 3, Chi đội 1 đứng chân tại Bến Cát tích cực hoạt động xây dựng đơn vị, tác chiến đánh địch để hỗ trợ địa phương.

Trong khi quân và dân ta đang tập trung đối phó với những hoạt động đánh phá mở rộng địa bàn kiểm soát và thực hiện chính sách bình định của địch trên chiến trường Nam Bộ, ngày 06/3/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ. Theo tinh thần Hiệp định, quân đội hai bên phải ngừng bắn và ở nguyên vị trí chờ đàm phán nhằm thực hiện toàn bộ các điều khoản đã được ký kết. Ngày 14/9/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Tạm ước nhằm kéo dài thời gian đình chỉ xung đột trong khi chờ một giải pháp chính trị. Tuy nhiên, ở Nam Bộ, quân Pháp tìm cách phá hoại Hiệp định, không thực hiện ngừng bắn tại chỗ. Với âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi Tổ quốc Việt Nam thống nhất, thực dân Pháp đã lập ra “Chính phủ Nam Kỳ tự trị”.

Trước âm mưu thâm độc của địch, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi *Thư gửi đồng bào Nam Bộ*: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam.

Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!”¹. Đó là tinh thần, là tình cảm sâu sắc, tha thiết nhất, cũng là niềm tin tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Chính phủ đối với đồng bào Nam Bộ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.280.

Tại Bến Cát, để bảo đảm và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào kháng chiến của quân và dân trong quận, đầu năm 1946, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chỉ định đồng chí Phạm Văn Tiệm (bí danh Phạm Tiên), người làng An Thành, xã An Tây, Bí thư tổng Bình Thạnh Thượng, làm Bí thư Quận ủy¹, kiêm Tổng Thư ký Ủy ban kháng chiến - hành chính; đồng chí Đoàn Tấn Long làm Phó Bí thư. Quận ủy viên có các đồng chí: Nguyễn Văn Ngộ (Bảy Quỳ) phụ trách công tác quân sự; Nguyễn Văn Theo (Ba Dè) phụ trách công an; Tô Thành Lập (Út Kiên) phụ trách công tác văn hóa - xã hội...

Khoảng tháng 3/1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận - cán bộ Xứ ủy Nam Kỳ, trong thời gian công tác tại Thủ Dầu Một đã mở lớp bồi dưỡng cho một số đồng chí đảng viên của quận Bến Cát tại ấp Trảng Lớn, xã Long Nguyên. Nơi ăn ở và học tập của các học viên đều do gia đình ông Nguyễn Văn Đậu giúp đỡ. Các đồng chí Nguyễn Văn Theo (Ba Dè), Đoàn Tấn Long, Phúc Bảo... của quận Bến Cát cũng tham dự lớp bồi dưỡng này.

Để khôi phục và củng cố lại chính quyền cách mạng của quận Bến Cát, giữa năm 1946, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương sáp nhập hai tổng Bình Thạnh Thượng và Bình Hưng, thành lập chính quyền quận Bến Cát. Ông Ngô Văn Phán (người làng Thới Hòa) làm Chủ tịch Ủy ban hành chính quận; ông Huỳnh Văn Sớm (người làng Phú An) làm Phó Chủ tịch; ông Phạm Văn Tiệm (người làng An Thành, An Tây) - Bí thư Quận ủy làm Tổng Thư ký Ủy ban; ông Nguyễn Văn Ngộ (Bảy Quỳ) - Quận ủy viên làm Ủy viên quân sự; ông Nguyễn Văn Theo (Ba Dè) - Quận ủy viên, phụ trách Quốc gia tự vệ cuộc (tức công an).

1. Thay đồng chí Nguyễn Văn Ngọc bị quân Pháp, Nhật bắt và thủ tiêu trong trận càn cuối tháng 11/1945.

Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc được củng cố về tổ chức và nhân sự từ quận đến các làng, xã, thôn, ấp. Mặt trận Việt Minh quận do ông Cả Ruộng (người làng An Điền) làm Chủ tịch; ông Đồng Phước và Đoàn Minh Huấn (người làng Chánh Phú Hòa) làm Phó Chủ tịch. Hội Nông dân cứu quốc do ông Ngô Văn Thông làm Chủ tịch. Hội Phụ nữ cứu quốc do bà Nguyễn Thị Giàu làm Đoàn trưởng. Ông Nguyễn Văn Bá làm Trưởng Ban Thông tin tuyên truyền.

Sau khi rút bớt lính viễn chinh ra chiến trường miền Bắc, thực dân Pháp đưa lính Cao Đài đến đóng đồn bót ở Cầu Định, Chánh Phú Hòa, Hòa Lợi, cầu Ông Cộ. Bọn lính Cao Đài đã gây nhiều tội ác với nhân dân Bến Cát. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ, quân và dân Bến Cát vẫn kiên trì thuyết phục, tranh thủ chức sắc, chỉ cho họ thấy rõ đúng sai, tránh lầm lạc, từng bước ngăn chặn, hạn chế tổn hại do lực lượng vũ trang Cao Đài đóng đồn bót ở địa phương gây ra.

Ở xã Phú An, một số người theo đạo Hòa Hảo, trong đó có ông xã Rành, đã bị bọn Việt gian lôi kéo làm tay sai cho Pháp, vận động mua chuộc một số tín hữu theo đạo Hòa Hảo xa rời Việt Minh kháng chiến. Hành động của ông xã Rành không được đại đa số tín hữu đồng tình, bị nhân dân và chính quyền cách mạng vạch trần.

Mặc dù địch ra sức phá hoại nhưng Tạm ước ngày 14/9/1946 đã tác động tích cực tới các lực lượng kháng chiến của Bến Cát cũng như các lực lượng trên chiến trường của tỉnh. Nhân dân ở nhiều nơi trong vùng địch tạm chiếm vui mừng phấn khởi, công khai đi lại và tuyên truyền nội dung Tạm ước. Bọn tề nguỵ hoang mang. Chỉ sau vài ngày thi hành lệnh ngừng bắn, một số binh lính nguỵ đóng bót Phú Hưng (xã Chánh Phú Hòa), bót Mátxori (xã Lai Uyên) và một vài nơi khác trong quận đã mang súng về tham gia kháng chiến.

Trước tình hình ấy, Quận ủy và Ủy ban hành chính quận chủ trương đẩy mạnh công tác nguy vận, giải tán hoặc vô hiệu hóa hội tề làng (xã); đồng thời, tranh thủ thời gian xây dựng, củng cố và phát triển rộng rãi lực lượng kháng chiến. Nhân dân các làng (xã) trong quận rất tin tưởng vào Chính phủ kháng chiến, tin tưởng và ủng hộ bộ đội. Ủy ban hành chính và thôn bộ Việt Minh các làng trong quận phát động phong trào tăng gia sản xuất tự túc. Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên đặt chỉ tiêu phấn đấu mỗi người trồng 100 - 300m khoai lang, 100 - 300 gốc khoai. Các em thiếu nhi trong các làng hăng hái tham gia “diệt giặc đói” bằng việc trồng những luống rau, cây chuối, nuôi gà góp phần nuôi quân.

Đối với quận Bến Cát, lực lượng kháng chiến tuy còn nhiều khó khăn nhưng đã được cải thiện hơn nhiều. Sau khi có Hiệp định sơ bộ (06/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946), ta tranh thủ thời gian hòa hoãn để xây dựng, củng cố chính quyền, xây dựng Đảng và lực lượng vũ trang. Trong năm đầu kháng chiến dù còn nhiều trở ngại, chính quyền cách mạng cùng các đoàn thể quần chúng từ chỗ non yếu đã không ngừng phấn đấu, từng bước xây dựng, củng cố và phục hồi, phát triển trên diện rộng, tập hợp được đông đảo quần chúng tham gia, tích cực ủng hộ kháng chiến. Tổ chức đảng từng bước được phát triển trên cơ sở phong trào kháng chiến của quần chúng. Một số làng (xã) đã thành lập được chi bộ. Qua hoạt động thực tiễn, trình độ nhận thức chính trị, tư tưởng của đa số cán bộ, đảng viên đã được nâng lên. Lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo của Đảng đã được chấn chỉnh, củng cố.

Những thắng lợi giành được trong hơn một năm đầu kháng chiến của Đảng bộ, quân và dân Bến Cát trên các mặt có ý nghĩa rất quan trọng, tạo niềm tin để quân và dân Bến Cát cùng quân và dân toàn tỉnh tiếp tục kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

III- PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, THAM GIA CHIẾN DỊCH LÊ HỒNG PHONG (BẾN CÁT), GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1947 - 1954)

1. Xây dựng, củng cố lực lượng (1947 - 1948)

Sau khi trắng trợn vi phạm Hiệp định sơ bộ (06/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946), thực dân Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược ra toàn lãnh thổ Việt Nam. Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”¹. Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh là lời thề sông núi, là mệnh lệnh thiêng liêng, là tiếng gọi bất khuất của tổ tiên suốt mấy ngàn năm vọng lại, là hồi kèn thúc giục hơn 20 triệu đồng bào cả nước cùng đồng lòng xông lên đánh địch.

Thực hiện *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946) và Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* (12/12/1946) của Trung ương Đảng, đầu năm 1947, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đã đề ra một số nhiệm vụ cấp bách trước mắt, trong đó có 6 nhiệm vụ trọng tâm.

Chủ trương của Tỉnh ủy được Quận ủy và Ủy ban kháng chiến, Ủy ban hành chính quận Bến Cát triển khai tới các làng (xã) và các làng cao su Dầu Tiếng. Cán bộ Mặt trận Việt Minh được phân công xuống từng làng (xã), phối hợp với chi bộ, chính quyền và cán bộ đoàn thể triển khai thực hiện chủ trương của tỉnh. Nhân dân ở cả vùng địch tạm chiếm và vùng độc lập đã

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.534.

triệt để thực hiện “vườn không nhà trống”, tiêu thổ kháng chiến. Nhân dân ở nhiều xã đã rời làng vào sâu trong rừng xây dựng căn cứ kháng chiến. Các đoàn thể cách mạng nhanh chóng phát triển, thu hút mọi tầng lớp quần chúng tham gia.

Ở những nơi chưa có chi bộ đảng, Quận ủy Bến Cát cử các đồng chí trong Quận ủy xuống các làng (xã) để giúp cơ sở bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới và thành lập chi bộ làm hạt nhân lãnh đạo phong trào kháng chiến. Đến giữa năm 1947, tất cả các xã trong quận đã thành lập được chi bộ. Đến cuối năm 1947, một số chi bộ đã có trên 10 đảng viên.

Để củng cố các đoàn thể quần chúng, đầu năm 1947, Mặt trận Việt Minh Bến Cát triệu tập hội nghị gồm một số chị em tiêu biểu ở địa phương để bầu Ban Chấp hành Phụ nữ lâm thời. Ban Chấp hành Phụ nữ lâm thời gồm các chị: Nguyễn Thị Giàu làm Đoàn trưởng, Phan Thị Nảo làm Phó Đoàn trưởng, Phan Thị Anh làm Ủy viên thư ký, Nguyễn Thị Anh (Năm Anh) và Võ Thị Vẽ làm Ủy viên. Ban Chấp hành lâm thời cùng các làng Kiến An (chị Nguyễn Thị Ánh đại diện), An Tây (chị Bảy Anh đại diện), Phú An, An Điền, Long Nguyên, Thới Hòa... tổ chức hội nghị đại biểu và bầu Ban Chấp hành Phụ nữ cứu quốc các làng.

Tháng 7/1947, Hội Phụ nữ cứu quốc quận Bến Cát tiến hành Đại hội, bầu Ban Chấp hành chính thức do chị Phan Thị Anh làm Đoàn trưởng, chị Trịnh Thị Chiến làm Phó Đoàn trưởng, chị Huỳnh Thị Huỳnh làm Ủy viên thư ký.

Thời gian này, Đoàn Thanh niên cứu quốc quận cũng tiến hành củng cố, xây dựng, phát triển tổ chức từ quận tới các làng. Ban Chấp hành Quận đoàn do Đoàn Minh Huấn làm Đoàn trưởng.

Từ đầu năm 1947, tổ chức nghiệp đoàn trong đồn điền cao su Dầu Tiếng được thành lập, thúc đẩy công nhân tham gia kháng chiến ngày càng đông. Phong trào công nhân tham gia

phá hoại cao su, công nhân thoát ly đi kháng chiến phát triển mạnh mẽ. Công nhân ban ngày đi sản xuất, tối về tham gia các trung đội, đại đội dân quân đi chặt phá vườn cây, đập chén mủ.

Mặc dù phải tập trung phần lớn lực lượng Âu - Phi cho chiến trường miền Bắc nhưng địch vẫn đẩy mạnh bình định vùng chiếm đóng và càn quét đánh phá vùng căn cứ kháng chiến của ta ở Nam Bộ. Tại Bến Cát, từ đầu năm 1947, Pháp thực hiện nhiều cuộc hành quân cướp phá các làng công nhân cao su.

Thực hiện chủ trương vừa chủ động đánh địch vừa hoạt động vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ du kích các xã phát triển, đầu tháng 01/1947, Đại đội 3 cơ động lên Hớn Quản, tiến công địch ở sở cao su Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch... thu được một số lương thực, thực phẩm, thuốc men. Đại đội 3 chặn đánh xe địch trên quốc lộ 13, phía nam sở Xa Cát và chống địch càn quét vào căn cứ của ta ở phía tây Tân Khai, diệt một số tên địch; sau đó, chuyển sang phía đông quốc lộ 13 về xã An Long, xuống xóm Bông Trang (xã Chánh Phú Hòa).

Tháng 02/1947, Đại đội 3 tổ chức một cuộc hành quân chiến đấu dài ngày từ Chánh Phú Hòa qua An Nhơn Tây (Củ Chi) nhằm rèn luyện ý chí, khả năng cơ động, tổ chức chiến đấu của chiến sĩ và cán bộ phân đội. Từ căn cứ Bông Trang, bộ đội hành quân vượt đường xe lửa khu vực ga Chồi Bàu qua Mỹ Phước, vượt quốc lộ 13 (tại xóm Cây Dền), qua sông Thị Tính tại đình Bến Liễn, rồi băng qua An Điền, Phú An, An Tây, vượt sông Sài Gòn về đóng tại xóm Một Nhì trên trục đường Bến Cỏ - An Nhơn Tây.

Trong khi lực lượng Chi đội 6, Chi đội 12 và bộ đội lưu động 303 Hoàng Thọ tổ chức vây bót An Nhơn Tây, hằng ngày, Đại đội 3 (Chi đội 1) thực hiện kế “điều hổ ly sơn”, “vây đồn đánh viện”, dàn quân dọc bờ sông Sài Gòn phục kích tàu địch. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, địch bỏ bót An Nhơn Tây tháo chạy.

Đại đội 3 cùng các đơn vị bạn chiếm lĩnh bót và xóm chợ, bố trí lực lượng sẵn sàng đánh địch càn quét.

Đại đội 3 cùng lực lượng Chi đội 5, Chi đội 12 và bộ đội lưu động 303 Hoàng Thọ bẻ gãy trận càn vào An Nhơn Tây của địch. Thắng lợi của trận chống càn đã gây tiếng vang lớn. Nhân dân An Nhơn Tây tổ chức liên hoan mừng chiến thắng và thưởng công cho bộ đội hai xe bò quà bánh.

Từ An Nhơn Tây, Đại đội 3 vượt sông Sài Gòn trở về chiến đấu trên địa bàn các làng (xã) An Tây, An Điền, Thanh Tuyền, Thanh An..., tổ chức tập kích địch đóng bót cầu Ông Cộ, bót ngã ba Rạch Bắp đi tuần tiễu.

Trung tuần tháng 3/1947, Đại đội 3 (Chi đội 1) phối hợp với bộ đội lưu động 303 Hoàng Thọ thực hiện chiến thuật “điệu hổ ly sơn”, đánh bót Phú Bình (Kiến An), dụ trung đội lính Âu - Phi đóng bót Phú Bình ra tiêu diệt. Ta tổ chức đốt trụ sở tề xã Kiến An, bọn hội tề và tiểu đội lính pactisan cắt rừng chạy ra đồn Bến Súc cầu cứu và xin tạm trú. Trung đội lính Âu - Phi từ bót Phú Bình đi giải vây cho bọn tề làng Kiến An đã bị Đại đội 3 diệt gọn tại Hốc Tràm. Ta thu thêm 1 súng trung liên, gần 20 súng trường, nhiều đạn và lựu đạn. Địch hoảng sợ, hai ngày sau bỏ bót Phú Bình rút chạy. Phát huy thắng lợi, Đại đội 3 hành quân đến Bến Súc, bao vây uy hiếp địch, hỗ trợ cho du kích Thanh Tuyền lùng diệt bọn ác ôn, tề điệp và đẩy mạnh công tác binh nguy vận, xây dựng cơ sở nội ứng trong đơn vị lính pactisan đóng bót Bến Súc. Tiếp đó, Đại đội 3 tổ chức chặn đánh địch càn vào xóm Cà Tông, xã Thanh An làm thất bại âm mưu phá hoại vùng căn cứ kháng chiến của ta ở Thanh An.

Những hoạt động của Đại đội 3 (Chi đội 1) và các đơn vị lực lượng vũ trang trên chiến trường làm cho bọn địch đóng tại các đồn bót lẻ trên địa bàn Bến Cát hoang mang. Chỉ ít ngày sau khi trung đội địch ở bót Phú Bình (Kiến An) bị diệt, địch ở

bót Nhà Mát (Long Nguyên), Phú Hưng (Chánh Phú Hòa) rút chạy. Một số binh lính người Việt trong các đồn bót địch thông qua sự giáo dục vận động của người thân đã mang súng trở về với nhân dân.

Từ giữa năm 1947, tình hình trên chiến trường Bến Cát đã có những chuyển biến lớn, lực lượng kháng chiến không ngừng được củng cố và phát triển. Căn cứ kháng chiến ba làng phía tây nam (An Điền, An Tây, Phú An) được nối liền với vùng căn cứ các làng phía bắc Bến Cát như: Thanh Tuyên, Thanh An, Kiến An, Long Nguyên, Lai Hưng... Hành lang giữa chiến khu Đ qua quốc lộ 13 về Dầu Tiếng, Tây Ninh được nối liền và mở rộng. Lực lượng vũ trang quận (Đại đội 3) phối hợp với du kích các làng, bộ đội 303 lưu động Hoàng Thọ, lực lượng Chi đội 6 (Gia Định) đã tổ chức nhiều trận đánh phục kích diệt những toán địch đi tuần tiểu trên quốc lộ 13, liên tỉnh lộ 14, đường số 7, đường số 2, hỗ trợ tích cực cho phong trào kháng chiến của địa phương. Nhân dân phấn khởi đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tham gia đóng góp lương thực nuôi quân, xây dựng thực lực cách mạng địa phương.

Thực hiện chủ trương chung của tỉnh là đẩy mạnh tác chiến tiêu diệt địch để xây dựng lực lượng của ta, tháng 6/1947, Đại đội 3 (Phân đội 1) cùng du kích Chánh Phú Hòa phục kích chặn đánh xe địch tại xóm Bông Trang, diệt gọn trung đội lính Âu - Phi, thu toàn bộ vũ khí (gồm 1 đại liên, 1 trung liên, gần 20 súng trường và trên 1.000 viên đạn). Tháng 7/1947, Đại đội 3 (Phân đội 2) cùng du kích Thanh Tuyên đột nhập chợ Bến Súc, truy đuổi bọn tề điệp ác ôn.

Khi địch chưa kịp “hoàn hồn”, 11 giờ trưa ngày 19/8/1947, bộ đội lưu động 303 Hoàng Thọ phối hợp với du kích, công an làng Thới Hòa hóa trang tập kích địch. Ta nổ súng diệt gọn trung đội địch (13 tên chết, 7 tên bị thương), thu toàn bộ vũ khí (gồm 1 trung liên, 16 súng máy) và rút về An Tây.

Nhận được tin trên, địch vội đưa đại đội Âu - Phi nổi tiếng ác ôn ở đồn Mỹ Thạnh (Mỹ Phước) truy đuổi lực lượng ta. Trên đường hành quân, chúng điên cuồng đốt nhà, bắn giết trâu, bò và một số đồng bào vô tội ở xóm Mỹ Thạnh, Cầu Tây, Vĩnh Hòa. Sáng ngày 20/8/1947, đại đội lính Âu - Phi vượt rừng An Sơn (An Điền), tràn vào An Tây. Chi đội 6, bộ đội lưu động 303 Hoàng Thọ chặn đánh, diệt và bắt sống gần 100 tên. Đại đội Âu - Phi chỉ còn hơn 20 tên sống sót, tháo chạy về Phú An, đã bị lực lượng của Đại đội 3 (do đồng chí Bảy Quỳ - Đại đội trưởng chỉ huy), cùng du kích An Tây bao vây, diệt và bắt sống gần hết. Xác địch chôn tại Gò Trầm làng An Thành to như một cái mả lớn bằng nền nhà. Đến nay, bà con địa phương vẫn gọi là gò “mả Tây”.

Sau khi đại đội lính Âu - Phi bị diệt gọn ở An Tây, bọn địch ở Bến Cát rất hoang mang, lo sợ. Một số lính ngụy mang súng về với cách mạng, một số nhân viên hội tề ra đầu thú và đi theo kháng chiến.

Phát huy thắng lợi, tháng 9/1947, Đại đội 3 phối hợp với du kích xã Chánh Phú Hòa phục kích trên đường xe lửa tại khu vực gần ga Chòi Bậu, đánh thiệt hại trung đội Pháp đi tuần trên đường xe lửa. Tiếp đó, ngày 03/10/1947, Đại đội 3 cùng du kích Long Nguyên, Lai Hưng phục kích trên đường xe lửa (khu vực giữa Nhíp 27 và Đồng Sở), đánh lật đổ đoàn tàu và tiêu hao nặng 2 trung đội pàctisan từ Lai Khê và bắt Ông Khương ra tiếp viện. Ta thu nhiều vũ khí, đạn dược và đồ dùng quân sự.

Kết quả hoạt động của các đơn vị lực lượng vũ trang quận và các đơn vị tác chiến trên địa bàn đã cổ vũ tinh thần quân, dân Bến Cát tích cực đẩy mạnh mọi mặt hoạt động kháng chiến.

Trước yêu cầu của cuộc kháng chiến, trong năm 1947, công tác phát triển Đảng ở Bến Cát đã chú trọng thành phần công nhân, thanh niên, lực lượng vũ trang, dân quân du kích. Quận ủy mở lớp bồi dưỡng, giáo dục đối tượng là quần chúng

có nhiều thành tích trong các đoàn thể và lực lượng vũ trang. Trong năm 1947, các làng đã kết nạp được nhiều đảng viên mới. Cấp ủy chi bộ và Ủy ban kháng chiến - hành chính các xã đã tập trung xây dựng và củng cố các tổ chức quần chúng. Cán bộ Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể tích cực hoạt động, tuyên truyền động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia vào các tổ chức đoàn thể cách mạng, tích cực ủng hộ kháng chiến. Từ con gà, luống rau kháng chiến, đến “hũ gạo tiết kiệm nuôi quân”... được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Phong trào “diệt giặc đói”, bình dân học vụ được nhân dân tích cực tham gia.

Cùng với công tác xây dựng Đảng và củng cố các đoàn thể, bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân cũng được Quận ủy quan tâm xây dựng. Ủy ban kháng chiến - hành chính quận, các làng đã phát huy tốt vai trò của chính quyền trong việc huy động sức mạnh đoàn kết của toàn dân cho nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc địa phương.

Chấp hành Chỉ thị của Trung ương, tháng 11/1947, Xứ ủy Nam Bộ quyết định thành lập Phòng Dân quân Nam Bộ; đồng chí Lê Duẩn - Bí thư Xứ ủy làm Trưởng phòng. Ủy ban kháng chiến - hành chính Nam Bộ chỉ thị cho các tỉnh thành lập tỉnh đội bộ dân quân. Ở Thủ Dầu Một, đồng chí Nguyễn Văn Tiết - Bí thư Tỉnh ủy được đề cử làm Ủy viên dân quân Ủy ban kháng chiến - hành chính kiêm Tỉnh đội trưởng dân quân. Các quận, làng (xã) đều thiết lập quận đội, xã đội dân quân trực thuộc Ủy ban kháng chiến - hành chính các cấp.

Tại Bến Cát, Quận đội dân quân được thành lập. Đồng chí Nguyễn Văn Ngộ (Bảy Quỳ) - Quận ủy viên, phụ trách công tác quân sự, Đại đội trưởng Đại đội 3 kiêm làm Quận đội trưởng dân quân; đồng chí Nguyễn Văn Cẩm (Bảy Cẩm) làm Quận đội phó.

Ngoài lực lượng Đại đội 3 (Chi đội 1), lực lượng vũ trang quận còn có 2 tiểu đội du kích tập trung. Cuối năm 1947,

đầu năm 1948, phong trào dân quân của Bến Cát phát triển nhanh chóng, rộng khắp các làng (xã) trong huyện¹. Dân quân tự vệ và dân quân du kích ở cơ sở (xã, thôn, làng) được trang bị mã tấu, một số súng, lựu đạn, thường xuyên luyện tập quân sự để bảo vệ xóm làng, bảo vệ nhân dân sản xuất. Du kích các xã Thới Hòa, Lai Hưng, Chánh Phú Hòa, Phú An, Thanh Tuyền... đã phối hợp tác chiến với Đại đội 3 (Chi đội 1), được bộ đội dìu dắt nên tiến bộ rất nhanh, được bổ sung vũ khí, trang bị thu được của địch sau các trận chiến đấu.

Tháng 12/1947, Thanh Tuyền thành lập tiểu đội du kích nữ gồm 13 chị em, Ngô Nguyệt Thu làm Tiểu đội trưởng, Liễu Thị Kim Tinh làm Tiểu đội phó. Tất cả chị em trong tiểu đội đều còn rất trẻ. Chị Trần Thị Phên (Sáu Hữu) mới 16 tuổi, vì yêu nước, muốn được trực tiếp chiến đấu đã trốn gia đình tham gia tiểu đội du kích nữ. Tiểu đội nữ du kích Thanh Tuyền cùng du kích nam huấn luyện quân sự, sản xuất và trực tiếp chiến đấu lập công.

Học tập Thanh Tuyền, các làng Thới Hòa, Lai Hưng, Mỹ Phước, Chánh Phú Hòa cũng xây dựng tiểu đội du kích nữ, tiêu biểu nhất vẫn là tiểu đội du kích nữ Thanh Tuyền. Tiểu đội được trang bị vũ khí tương đối đầy đủ (tiểu liên, súng trường, súng ngắn, lựu đạn...). Nhiều lần, tiểu đội nữ Thanh Tuyền phối hợp với các tiểu đội du kích nam và Đại đội 3 tập kích đồn Bến Súc, chiến đấu chống địch càn quét, bảo vệ vùng độc lập. Những địa danh như Dầu Tiếng, Bến Súc, Bình Long, Bưng Cầu đều ghi dấu chiến công của tiểu đội du kích nữ Thanh Tuyền. Tiểu đội đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của Huyện đội dân quân Bến Cát, Ủy ban kháng chiến - hành chính Nam Bộ, Phòng Dân quân Nam Bộ, Bộ Tư lệnh Khu 7, Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh Thủ Dầu Một.

1. Từ năm 1947, về phía cách mạng, đơn vị hành chính quận chuyển thành huyện.

Đến cuối năm 1947, đầu năm 1948, phong trào chiến tranh nhân dân của Bến Cát đã phát triển rộng khắp. Mặt trận Việt Minh thông qua các tổ chức quần chúng như: Hội Mẹ chiến sĩ, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Công đoàn... đã tích cực vận động hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia đóng góp lương thực, thuốc men, giúp đỡ bộ đội, du kích. Một số làng như Mỹ Phước, Thanh An, Thanh Tuyên, Thới Hòa đã lập tổ sản xuất vũ khí tự tạo, rèn mìn, làm hầm chông phục vụ du kích đánh giặc. Đảng bộ, Ủy ban kháng chiến - hành chính và Mặt trận Việt Minh huyện chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể cùng các làng (xã), vùng căn cứ từ ba làng phía tây nam đến Long Nguyên, Kiến An, Lai Hưng, Chánh Phú Hòa... tạo mối liên hệ mật thiết giữa phong trào kháng chiến của nhân dân vùng căn cứ với vùng bị tạm chiếm, phá thế bao vây, chia cắt của địch. Phong trào kháng chiến của huyện ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Giai đoạn này, phong trào xóa nạn mù chữ được thực hiện từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến giữa năm 1946 bị gián đoạn do địch tái chiếm các làng, xã. Tuy nhiên, hưởng ứng phong trào “diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm” do Đại hội Đoàn Thanh niên cứu quốc tỉnh Thủ Dầu Một phát động, thanh niên Bến Cát từ vùng căn cứ, vùng tự do đến vùng địch tạm chiếm đều hưởng ứng sôi nổi. Thanh niên, phụ nữ, thiếu niên là lực lượng tích cực nhất trong phong trào bình dân học vụ. Ngày ra đồng sản xuất, canh giữ làng, đêm về những “học trò” mái đầu đã bạc cùng với những mái đầu xanh lại cùng nhau đốt đèn, đốt đuốc đến lớp bình dân học vụ miệt mài học tập. Dọc các con đường trong làng, thanh niên căng nhiều khẩu hiệu chống giặc dốt. Ở nhiều làng, thanh niên, thiếu niên tổ chức trạm kiểm tra tại cổng làng: ai thuộc bài thì được đi, ai chưa thuộc bài phải đứng học bài hoặc quay về.

Diễn hình tại Thới Hòa, một làng độc lập có quốc lộ 13 cắt ngang, phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh, phong trào “diệt giặc dốt” cũng rất sôi nổi. Bà Nguyễn Thị Búp dù đã 60 tuổi nhưng vẫn miệt mài học tập ngày đêm. Khi ở nhà, bà dùng bút hoặc cây viết lên cát, lúc vào rừng, bà lấy lá cây làm giấy để học. Chỉ sau hơn 2 tháng học tập, bà Búp đã biết đọc, biết viết. Ngoài việc học để xóa dốt cho mình, bà còn động viên nhiều bà con, chị em trong ấp cùng học. Bà Nguyễn Thị Búp đã được Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh Thủ Dầu Một tặng bằng khen trong phong trào bình dân học vụ.

Cùng với phong trào “diệt giặc dốt”, phong trào thực hiện đời sống mới theo nếp sống văn minh như: đào giếng, làm nhà tắm, làm cầu tiêu, thực hiện ăn chín, uống sôi... cũng được đông đảo các gia đình trong vùng độc lập tham gia. Học tập các cơ quan, đơn vị bộ đội, nhiều gia đình đã bỏ thủ tục rườm rà trong cưới hỏi, thực hiện đời sống mới (đám cưới chỉ tổ chức liên hoan trà nước, bánh kẹo), được nam nữ thanh niên hoan nghênh, nhân dân đồng tình.

Các khu căn cứ kháng chiến dù đời sống vật chất còn thiếu thốn nhưng sinh hoạt văn hóa tinh thần lành mạnh đã gây được ảnh hưởng to lớn tới phong trào kháng chiến của nhân dân. Ngoài ra, vùng căn cứ kháng chiến còn là hậu phương trực tiếp của phong trào kháng chiến, là chỗ dựa, là niềm tin cho quân chúng vùng tạm chiếm đẩy mạnh đấu tranh chính trị đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống bắt ép, bắt lính. Bằng nhiều hình thức khôn khéo, đồng bào sống trong vùng tạm chiếm đã vượt qua sự kiểm soát gắt gao của địch để trao đổi, mua bán sản phẩm với đồng bào vùng căn cứ và tiếp tế lương thực, thực phẩm thuốc men cho bộ đội, du kích ở vùng căn cứ. Những chợ kháng chiến ở Đường Long (Thanh Tuyên), chợ An Thành (An Tây), chợ Cây Sấu xóm Đất Ung (Thanh An)... không chỉ là nơi mua bán, trao đổi hàng hóa mà còn là nơi

liên lạc trao đổi tin tức địch cho bộ đội, du kích. Nhiều vụ tranh chấp, kiện tụng xảy ra ở vùng tạm chiếm, nhân dân vẫn đề nghị chính quyền kháng chiến trong vùng căn cứ giải quyết. Vùng căn cứ kháng chiến của Bến Cát ở Thanh Tuyên, An Tây, Phú An... còn trở thành địa bàn xây dựng căn cứ đứng chân cho Chi đội 6, Chi đội 12, bộ đội 303 lưu động Hoàng Thọ, Ban công tác thành phố Sài Gòn - Gia Định.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, ngày 27/7/1947, lần đầu tiên, cả nước tổ chức ngày thương binh, liệt sĩ. Tại Bến Cát, Huyện ủy, Mặt trận Việt Minh chỉ đạo các địa phương tổ chức ngày thương binh, liệt sĩ long trọng và thiết thực. Tại Phú An, cấp ủy, Ủy ban, các ban, ngành, đoàn thể tổ chức lễ kỷ niệm ngày thương binh, liệt sĩ đầu tiên rất chu đáo, có cả chương trình văn nghệ phục vụ đồng bào đến dự. Các tổ chức đoàn thể vận động hội viên đóng góp nhiều quà bánh, lương thực, thực phẩm ủng hộ bộ đội và thương binh. Có người dắt cả trâu, bò đến ủng hộ bộ đội như ông Xã Nam, ông Ba Se...

Đến cuối năm 1947, bộ máy Đảng của huyện tuy còn nhiều khó khăn nhưng đã trở thành hệ thống từ Đảng bộ đến các chi bộ cơ sở ở các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang và các xã. Nhờ đó, cuộc kháng chiến của Đảng bộ, quân và dân Bến Cát đang có bước chuyển biến thuận lợi. Quân và dân Bến Cát cùng quân, dân trong tỉnh và cả nước tiếp tục đẩy mạnh kháng chiến, giành nhiều thắng lợi lớn.

Sau thất bại trong chiến dịch tiến công lớn lên Việt Bắc (cuối năm 1947) hòng tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến của ta, thực dân Pháp buộc phải chuyển hướng chiến lược chiến tranh từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang đánh lâu dài, thực hiện chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt trị người Việt”. Nam Bộ là chiến trường “bình định” trọng điểm của thực dân Pháp. Âm mưu của chúng là biến Nam Bộ thành kho người, kho của, dự trữ chiến lược cho

cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Để thực hiện quyết tâm chiến lược này, tướng Đolatus (De la Tour) chỉ huy quân Pháp ở Nam Bộ thực hiện chiến thuật “điểm và đường” để mở rộng vùng chiếm đóng. Chúng dùng một bộ phận lớn lực lượng quân đội, đóng thêm nhiều đồn bót, cứ điểm, chi khu quân sự trên các địa bàn trọng điểm ở các thị xã, thị trấn, khu đông dân cư, các đường giao thông huyết mạch và các vùng cao su. Định tổ chức các đơn vị ứng chiến cơ động sẵn sàng càn quét đánh phá căn cứ của ta và bảo vệ nguồn lợi kinh tế vùng chúng kiểm soát. Mặt khác, thực dân Pháp còn lợi dụng Chỉ thị số 4/NV¹ của Ủy ban kháng chiến - hành chính Nam Bộ để tiến hành chiến tranh gián điệp, gài bọ tay sai gián điệp vào nội bộ cách mạng nhằm mục đích phá hoại. Chúng tăng cường chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, dùng tiền bạc mua chuộc một số chức sắc trong các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo và Công giáo để sử dụng lực lượng vũ trang các giáo phái chống lại cách mạng. Bến Cát trở thành một trong những trọng điểm thực hiện những âm mưu, chính sách mới của thực dân Pháp trên địa bàn tỉnh Thủ Dầu Một.

Trước sự phát triển chung của cuộc kháng chiến, để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phong trào kháng chiến của địa phương, tháng 3/1948, đồng chí Lê Đức Anh - Tỉnh ủy viên thay mặt Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trì Hội nghị bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bến Cát². Kết quả:

- Đồng chí Đoàn Tấn Long (Ba Long) làm Bí thư.
- Đồng chí Phạm Văn Tiệm làm Phó Bí thư thường trực.
- Đồng chí Diệp Hòai làm Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chính huyện.

1. Chỉ thị có nội dung kêu gọi trí thức, công chức ra bưng biên tham gia kháng chiến.

2. Theo Sắc lệnh số 148/SL ngày 25/3/1948 của Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, danh từ phủ, châu, quận bãi bỏ, cấp trên cấp xã và dưới cấp tỉnh gọi là huyện.

- Đồng chí Nguyễn Văn Cẩm (Bảy Cẩm) - Huyện ủy viên làm Huyện đội trưởng (thay đồng chí Nguyễn Văn Ngọ về tỉnh làm Trung đoàn phó 301).

- Đồng chí Nguyễn Văn Theo (Ba Dè) - Huyện ủy viên làm Trưởng Công an huyện.

- Đồng chí Lê Tấn Kiệt (Ba Kiệt) - Huyện ủy viên làm Chính trị viên Huyện đội.

- Đồng chí Nguyễn Văn Mừng (Sáu Mừng) - Huyện ủy viên làm Trưởng Ban Tổ chức.

- Đồng chí Lê Văn Kia - Huyện ủy viên.

- Đồng chí Đoàn Minh Huấn - Huyện ủy viên làm Đoàn trưởng (Bí thư) Đoàn Thanh niên huyện.

- Đồng chí Vũ Thương Liên - Huyện ủy viên làm Chính trị viên Tiểu đoàn 903.

Ban Chấp hành Đảng bộ được bầu giữa lúc phong trào kháng chiến của huyện không ngừng phát triển đã tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ lãnh đạo quân, dân đẩy mạnh kháng chiến. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xác định nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng lúc này là: phát triển thêm nhiều đảng viên mới, nhất là khối cơ quan huyện, các đơn vị lực lượng vũ trang; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tuyển chọn cán bộ, mở những lớp bồi dưỡng kết hợp số cán bộ đã được bồi dưỡng của tỉnh để xây dựng các ban, ngành, đoàn thể của huyện, nâng cao năng lực công tác chuyên môn, bảo đảm làm tốt chức năng tham mưu cho chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở động viên quân dân đẩy mạnh mọi mặt hoạt động chống chính sách bình định của địch, đánh mạnh vào hậu phương địch, xây dựng, củng cố vùng căn cứ kháng chiến cũng như xây dựng nguồn dự trữ cho kháng chiến, đẩy mạnh phong trào “Thi đua ái quốc”, “Vừa kháng chiến vừa kiến quốc” theo Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Sau Hội nghị bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, cán bộ các ban, ngành được tăng cường và củng cố. Đến giữa năm 1948, lực lượng kháng chiến của Bến Cát đã phát triển đồng đều ở cả các cơ quan, đoàn thể của huyện và các xã. Tổ chức đảng phát triển mạnh. Một số xã như Thới Hòa, Long Nguyên, chi bộ đã có trên 20 đảng viên. Mỗi xã đều xây dựng được một đội du kích, Ban Chỉ huy Xã đội có một phụ nữ. Du kích bám địa bàn chiến đấu bảo vệ nhân dân, bảo vệ sản xuất, bảo vệ căn cứ kháng chiến. Các căn cứ kháng chiến không ngừng được củng cố và mở rộng. Căn cứ ba xã tây nam trở thành địa bàn đứng chân xây dựng lực lượng của Trung đoàn 306, 312, Huyện đội Gò Môn (Hóc Môn, Gò Vấp), Ban công tác thành của khu Sài Gòn - Chợ Lớn, cũng là trung tâm giao liên đưa đón cán bộ giữa vùng kháng chiến và vùng tạm chiếm của các cơ quan, đơn vị đứng chân tại ba xã tây nam.

Phong trào chiến tranh du kích phát triển rộng khắp ở Bến Cát. Ta liên tục tấn công, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, bảo toàn lực lượng, bảo vệ căn cứ, hạn chế thiệt hại do địch gây ra.

2. Phát triển thực lực, mở rộng căn cứ, tham gia chiến dịch Lê Hồng Phong (1948 - 1950)

Ngày 30/10/1948, du kích xã Lai Uyên đã tổ chức đánh địch gây được tiếng vang lớn. Đồng chí Tám Vân - Bí thư Chi bộ Lai Uyên đã tổ chức móc nối với cơ sở là hai cha con Đội Kim và hai thanh niên Ba Đắc, Ba Lợi đi lính đang cùng đội lính pachtisan đóng giữ bót sở Mátxơri. Sau khi đã thống nhất kế hoạch với cơ sở nội ứng, đúng 12 giờ trưa ngày 30/10/1948, cơ sở nội ứng bót Mátxơri đã gom hết súng của bọn lính gác, hỗ trợ cho lực lượng du kích từ bên ngoài đột nhập tấn công, buộc địch phải đầu hàng. Ta thu toàn bộ 44 súng. Sau trận đánh, hai cha con ông Đội Kim, Ba Đắc, Ba Lợi tình nguyện

thoát ly tham gia kháng chiến. Bót Mátxori bị “nhỏ”, vùng căn cứ đông bắc Long Nguyên được mở rộng, du kích xã Lai Uyên và các xã phụ cận có thêm vũ khí để đánh địch.

Bài học về xây dựng cơ sở nội ứng để “lấy đồn bót địch” của đội du kích xã Lai Uyên đã được Đảng bộ, Ban Chỉ huy Huyện đội Bến Cát kịp thời triển khai đến cấp ủy chi bộ các xã, các đoàn thể quần chúng. Học tập du kích xã Lai Uyên, du kích các xã Chánh Phú Hòa, Thới Hòa, Phú An đẩy mạnh hoạt động tác chiến cùng với đẩy mạnh vận động quần chúng, giáo dục, thuyết phục thanh niên đi lính làm nội ứng, tạo điều kiện cho bộ đội, du kích đánh đồn, đoạt bót.

Hai năm 1949 - 1950, phong trào thi đua yêu nước, giết địch lập công của Đảng bộ, quân và dân Bến Cát giành nhiều thắng lợi mới. Chi bộ và Ủy ban kháng chiến - hành chính các xã đã lãnh đạo, chỉ đạo, động viên nhân dân tích cực sản xuất, cấy lúa trồng khoai và các loại rau đậu để vừa có đủ lương thực vừa đóng góp nuôi quân. Đời sống nhân dân và các đoàn thể cách mạng ở các xã tuy bị xáo trộn sau những lần địch càn quét nhưng sản xuất vẫn được giữ vững, ổn định.

Phong trào thi đua ái quốc do Trung ương Đảng, Chính phủ phát động (3/1948) được mọi tầng lớp nhân dân trong các làng xã hăng hái tham gia. Hằng ngày, mỗi gia đình khi nấu cơm thì bỏ vào hũ tiết kiệm một nắm gạo để nuôi quân; đến cuối tháng, Hội Phụ nữ gom số gạo này chuyển cho du kích, bộ đội, hoặc các mẹ, các chị gom lại tiếp tế cho đơn vị bộ đội về đóng quân trong làng. Hũ gạo nuôi quân trong mỗi gia đình ở các làng xã của huyện Bến Cát như “nồi cơm Thạch Sanh”, cứ vơi đi thì lại đầy... Hội Mẹ chiến sĩ ở các làng xã thường xuyên tổ chức thăm hỏi, gửi quà bánh, lương thực, thực phẩm cho bộ đội sau mỗi trận chiến đấu. Ngoài ra, các mẹ, các chị còn vận động nhau nuôi thêm “con gà cứu quốc”, trồng thêm “cây chuối, luống rau cứu quốc”... để ủng hộ bộ đội được ăn no.

Thực hiện Sắc lệnh số 9/SL ngày 14/7/1949 của Chính phủ, cuối năm 1949, Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến - hành chính huyện Bến Cát đã chỉ đạo giảm tô 25% và bãi bỏ hết tô phụ đối với nông dân còn ruộng đất sản xuất. Huyện thu thuế nông nghiệp đối với nông dân vùng tự do và vùng tranh chấp. Tại các xã vùng tự do (ta tự quản), Ủy ban kháng chiến - hành chính huyện chỉ đạo tạm cấp ruộng đất công điền, công thổ hoặc ruộng của Việt gian theo Pháp cho nông dân không có ruộng sản xuất. Ủy ban kháng chiến - hành chính kêu gọi nhân dân mua công phiếu kháng chiến. Cuối năm 1949, các địa phương trong huyện Bến Cát được mùa, sản lượng lương thực tăng mạnh. Huyện chỉ đạo các xã lập “Bồ lúa kháng chiến”, động viên nhân dân ủng hộ hoặc bán chịu cho kháng chiến chờ ngày độc lập lấy tiền.

Thực hiện chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ và Khu ủy miền Đông, trung tuần tháng 01/1950, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một triệu tập Hội nghị đại biểu Đảng bộ tại căn cứ sở cao su Trao Trảo, xã Vĩnh Tân, huyện Châu Thành. Hội nghị đã đánh giá phong trào kháng chiến của quân và dân trong tỉnh trong năm 1949 và thông qua chương trình hành động trong năm 1950. Sau khi phân tích, đánh giá tình hình, Tỉnh ủy chỉ rõ những điểm mới trong công tác xây dựng chính quyền, công tác quân sự địa phương, công tác xây dựng Đảng và công tác vận động quần chúng. Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 11 đồng chí, đồng chí Nguyễn Quang Việt làm Bí thư; đồng chí Đoàn Tấn Long (Ba Long) - Bí thư Huyện ủy Bến Cát làm Tỉnh ủy viên.

Sau Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện Bến Cát đã triển khai quán triệt nhiệm vụ năm 1950 của Đảng bộ cho các cấp ủy chi bộ cơ sở; chỉ rõ nhiệm vụ của Đảng bộ lúc này là phải tích cực phát triển đảng viên mới, đẩy mạnh hơn nữa công tác kháng chiến tại địa phương, tăng cường công tác

lãnh đạo của Đảng và công tác chính trị đối với lực lượng vũ trang, tự vệ, du kích chiến đấu, tích cực đẩy mạnh hoạt động quân sự để phá tháp canh của địch, mở rộng vùng căn cứ của ta.

Trong năm 1950, cùng với việc đào tạo cán bộ quân sự, Đảng bộ huyện Bến Cát còn cử nhiều cán bộ các đoàn thể của huyện, xã tham dự các lớp bồi dưỡng cán bộ theo các ngành, các giới do tỉnh tổ chức. Tại căn cứ của huyện ở xã Phú An, Đảng bộ huyện chỉ đạo cấp ủy các chi bộ cơ sở sắp xếp cho hàng chục cán bộ, đảng viên tham dự lớp bồi dưỡng do Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy tổ chức. Nội dung bồi dưỡng gồm: sơ lược chủ nghĩa cộng sản; công cuộc kháng chiến, kiến quốc; nội dung thi đua ái quốc... qua đó, giúp cho cán bộ, đảng viên cơ sở vừa nắm được lý luận chung, đồng thời nắm phương pháp, cách làm cụ thể để áp dụng vào địa phương.

Đầu năm 1950, huyện Bến Cát đã tổ chức Trung đội du kích tập trung do Đoàn Minh Việt làm Trung đội trưởng, Mẹo làm Trung đội phó. Lực lượng chủ yếu gồm du kích thuộc 6 xã phía nam và một số ít du kích 6 xã phía bắc. Đơn vị được trang bị 1 súng trung liên FM, 1 súng trung liên đầu bạc (của Đại đội độc lập 902 đưa sang), còn lại chủ yếu là súng trường, lựu đạn. Căn cứ của Trung đội du kích tập trung huyện đóng tại rừng xã An Tây, An Điền.

Sau một thời gian xây dựng và huấn luyện, tháng 5/1950, Trung đội du kích huyện đã tổ chức đánh bót Cao Đài Chánh Lưu. Tuy Trung đội đã đánh chiếm được hai phần ba bót nhưng do địch phản kích quyết liệt nên trận đánh không thể dứt điểm.

Trận ra quân đầu tiên của Trung đội tuy không giành thắng lợi hoàn toàn nhưng đã làm cho bọn lính Cao Đài ở bót Chánh Lưu và các bót An Hòa, An Lợi trên đường 14 hoang mang, không dám hung hăng lùng sục bắt gà, heo của dân.

Tuy vậy, trong trận đánh này, đơn vị đã vi phạm chính sách Cao Đài vận của tỉnh. Cán bộ Huyện đội và những người trực tiếp chỉ huy trận đánh đã bị kiểm điểm.

Sau khi củng cố, lực lượng vũ trang của huyện được biên chế thành 5 tiểu đội (gồm 4 tiểu đội trinh sát, 1 tiểu đội bộ binh). Tại căn cứ An Điền, đơn vị tập trung huấn luyện quân sự, học tập chính trị để tham gia chiến dịch Lê Hồng Phong. Trong chiến dịch Lê Hồng Phong, bộ đội địa phương huyện Bến Cát được vinh dự mang tên người chiến sĩ cộng sản Lê Hồng Phong - Đại đội Lê Hồng Phong.

Thực hiện chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ và Khu ủy miền Đông, từ tháng 7/1950, Bộ Chỉ huy Khu 7 quyết định mở chiến dịch Lê Hồng Phong (còn gọi là chiến dịch Bến Cát) nhằm cắt đứt liên tỉnh lộ 14, đường số 7; tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng căn cứ, bồi dưỡng lực lượng ta, đẩy mạnh chiến tranh du kích trong toàn Khu, tạo lòng tin mạnh mẽ cho quân và dân; đồng thời cầm chân địch, phối hợp với chiến trường chính ở Bắc Bộ. Phạm vi chiến dịch là toàn bộ địa bàn Bến Cát và một phần huyện Hớn Quản. Mục tiêu tấn công của chiến dịch là diệt 4 đồn, 17 tháp canh địch trên đường 14 và đường số 7, nằm trong Phân chi khu Bến Súc thuộc Chi khu Bến Cát, do Tiểu đoàn 3, Trung đoàn thuộc địa số 43 của Pháp đóng giữ, đồng thời sẵn sàng đánh quân địch tiếp viện. Chiến dịch được tổ chức thành 5 mặt trận, trong đó trọng điểm là mặt trận số 2: tiêu diệt địch và giải phóng đường số 7 (từ Bến Cát đến ngã ba Rạch Bắp và đoạn Rạch Bắp đi Dầu Tiếng), tiêu diệt địch đóng ở đồn Bến Súc.

Các đơn vị tham gia chiến dịch Bến Cát gồm 3 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn Đồng Nai (Tiểu đoàn 303, 302 và 304), 2 đại đội binh chủng (pháo, công binh) của Khu 7, 4 đại đội độc lập của các huyện Bến Cát, Hớn Quản, Châu Thành, Trảng Bàng và du kích các xã của huyện Bến Cát, cùng 3.000 dân công hỏa tuyến của các huyện Bến Cát, Châu Thành, Hớn Quản

(Thủ Dầu Một), Hóc Môn (Gia Định), Trảng Bàng (Tây Ninh). Đồng thời, Xứ ủy Nam Bộ chỉ đạo các tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Gia Định, Tây Ninh huy động lực lượng tại chỗ đẩy mạnh hoạt động quân sự, chính trị, binh vận, liên tục phá hoại giao thông, chặn đánh không cho địch chi viện, ứng cứu cho chiến trường Bến Cát.

Mùa hè năm 1950, Tiểu đoàn 302 được lệnh về xã An Điền, An Tây, Phú An luyện quân, sẵn sàng bước vào chiến dịch Lê Hồng Phong. Được nhân dân và các đoàn thể của ba xã tây nam giúp đỡ, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 302 cùng 1 trung đội trực thuộc Đại đội 902 - Đại đội độc lập Bến Cát đã xây dựng đồn Bến Súc giả tại sở cao su xã Phú An để luyện tập.

Chiến dịch Lê Hồng Phong (chiến dịch Bến Cát) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Đảng bộ, quân và dân Bến Cát. Đây là chiến dịch lớn đầu tiên trên chiến trường miền Đông Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược diễn ra ngay trên chiến trường của huyện.

Được Bộ Chỉ huy chiến dịch¹ giao nhiệm vụ quan trọng, Đảng bộ, quân và dân Bến Cát xác định đây là một vinh dự lớn, cũng là thời cơ lớn để đưa phong trào kháng chiến của huyện giành nhiều thắng lợi lớn. Huyện xác định dồn tất cả sức người, sức của hoàn thành nhiệm vụ.

Chấp hành chỉ đạo của Đảng bộ huyện, cơ quan quân sự, công an cùng các cơ quan huyện, Ủy ban kháng chiến - hành chính từ huyện đến các xã đều dồn sức chuẩn bị cho chiến dịch Lê Hồng Phong. Đồng chí Lâm Quốc Đăng - Huyện đội trưởng (thay đồng chí Bảy Cẩm về Tỉnh đội nhận công tác) đã trực tiếp chỉ huy lực lượng vũ trang huyện tích cực chuẩn bị địa bàn cho bộ đội chủ lực tập kết lực lượng.

1. Đồng chí Tô Ký là Tham mưu trưởng, Vũ Duy Hanh - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Chính ủy.

Trong những ngày chuẩn bị cho chiến dịch Lê Hồng Phong, từ căn cứ chiến khu Long Nguyên đến căn cứ các xã phía nam của huyện, bộ đội, du kích đã ngày đêm tích cực luyện tập quân sự, tuần tra canh gác bảo vệ căn cứ, bảo vệ địa bàn. Nhân dân trong huyện tích cực đóng thuế nông nghiệp, mua công phiếu kháng chiến, bán lương thực cho Nhà nước. Những tháng cuối năm 1950, trên địa bàn các xã của Bến Cát, nguồn lương thực tại chỗ gặp nhiều khó khăn. Nhiều gia đình phải ăn độn khoai mì, bữa cơm, bữa cháo nhưng vẫn không quên phần gạo tiết kiệm nuôi quân. Ban Chỉ huy Quân sự huyện giao nhiệm vụ cho Ban Chỉ huy Xã đội các xã huy động lực lượng dân công tham gia vận chuyển gạo, thực phẩm mà Ban Tiếp tế Liên tỉnh miền Đông Nam Bộ mua từ miền Tây, Sài Gòn đưa lên các xã Phú An, An Tây, Thanh Tuyền, An Điền, Long Nguyên cất giữ. Hàng trăm công nhân cao su, hàng ngàn quần chúng các xã trong huyện được huy động vận chuyển lương thực, thực phẩm; xây dựng căn cứ; tham gia phá hoại giao thông trên các tuyến đường liên tỉnh lộ 14, đường 7, quốc lộ 13... Các căn cứ chiến đấu ở từng thôn, ấp được sửa chữa, củng cố và đào thêm nhiều hầm hào, công sự chiến đấu, hầm trú ẩn, hầm cất giấu lương thực, thực phẩm dự trữ cho du kích, bộ đội. Dân quân, du kích và nhân dân các xã Phú An, An Tây, An Điền đã huy động 300 - 800 dân công cùng xe bò, xe trâu, ghe thuyền, phối hợp với đồng bào An Nhơn Tây (Củ Chi) chặt và vận chuyển hàng ngàn cây cao su (dài 3 - 4m), tre gỗ để làm cọc, đóng cừ trên sông Sài Gòn (nhiều đoạn từ rạch Mương Đào đến Rạch Bắp), sông Thị Tính (trên một đoạn dài gần 1km khu vực đình Bến Liễn) nhằm ngăn không cho tàu địch đi lại khi chiến dịch nổ ra.

Theo kế hoạch, đêm ngày 07, rạng sáng ngày 08/10/1950, chiến dịch Bến Cát nổ ra trên khắp khu vực Bến Súc, Rạch Bắp, Rạch Kiến và dọc đường số 7. Tiếng mìn của đơn vị đặc công đánh cầu Bến Cát là tiếng súng hợp đồng, các đơn vị đánh

đồn Rạch Bắp, đồn Bến Súc và các tháp canh trên đường số 7, đường tỉnh lộ 14 theo kế hoạch sẽ đồng loạt nổ súng tấn công.

Đồn Bến Súc là trung tâm chỉ huy hệ thống phòng thủ đường tỉnh lộ 14 từ Rạch Bắp đến Dầu Tiếng, nằm bên bờ sông Sài Gòn, án ngữ con đường từ Bến Súc sang Bến Dược (Củ Chi). Đồn Bến Súc có hệ thống công sự vững chắc, được bố trí hỏa lực mạnh (gồm súng 12,7 ly, 1 pháo 155 ly, 1 xe bọc thép) có 180 lính ứng chiến do tên quan hai Pháp chỉ huy. Đồn Bến Súc là mục tiêu chính của mặt trận số 2. Trận đánh là trận đánh then chốt mở màn cho chiến dịch. Trận tiến công đồn Bến Súc không chỉ có nhiều lực lượng tham gia mà còn là trận đánh hiệp đồng binh chủng có quy mô lớn đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đúng 23 giờ ngày 07/10/1950, lực lượng công binh Khu 7 đánh cầu Đò, cắt đường số 7, tạo điều kiện cho Tiểu đoàn 302 và các đơn vị phối hợp nổ súng tiến công Bến Súc, các đơn vị theo nhiệm vụ được giao sẽ đánh bót và các tháp canh trên đường số 7 và tỉnh lộ 14. Nhưng diễn biến lại không theo kế hoạch, đơn vị đánh tháp canh cầu Xuy Nô tiếp cận mục tiêu địch lúc 21 giờ. Đơn vị đánh tháp canh Kiến Điền nổ súng lúc 22 giờ. Phân đội công binh đánh cầu Đò không sập. Đồn Rạch Bắp nổ súng đúng giờ nhưng đường hầm mở lên bị sai điểm. Các đơn vị đánh đồn Bến Súc đi lạc nên 2 giờ sáng ngày 08/10/1950 mới nổ súng tấn công địch. Địch phản kích quyết liệt. Bộ đội ta bị thương vong nhiều ngay khu vực cửa mở. Các chiến sĩ vẫn anh dũng chiến đấu, dũng cảm xông lên, đánh chiếm được 2/3 đồn địch. Tuy nhiên, do không chiếm được xe thiết giáp (hỏa lực mạnh) và lô cốt 3, 4, 5, ta bị thương vong gần 100 cán bộ, chiến sĩ, nên buộc phải rút ra.

Trong đợt 1 chiến dịch (từ ngày 08 đến ngày 14/10/1950), trên mặt trận chính, bộ đội diệt 2 tháp canh trên đường số 7,

tỉnh lộ 14, diệt 150 tên địch, phá hỏng 1 xe thiết giáp, đốt cháy 150 tấn mủ cao su, làm chủ đồn Bến Súc trong 5 giờ liền... Tuy nhiên, những ngày đầu của chiến dịch đã không đạt được mục tiêu đề ra (không đánh sập cầu Đồ, mục tiêu chủ yếu là đồn Bến Súc không dứt điểm được). Ngày 12/10/1950, Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định chuyển hướng: Tập trung bộ đội địa phương, dân quân du kích phá đường giao thông, quấy rối, tiêu hao địch và bao vây hệ thống tháp canh trên đường số 7 và tỉnh lộ 14.

Trong đợt 2 chiến dịch (bắt đầu từ ngày 15 đến cuối tháng 10/1950), ta tiêu diệt và bức rút hàng chục đồn bót và tháp canh địch trên quốc lộ 13, đường xe lửa (tháp canh 17), đường số 7. Trong ngày 15/10/1950, lực lượng Tiểu đoàn 302, do đồng chí Dương Văn Ba (cán bộ tham mưu Tiểu đoàn) trực tiếp chỉ huy, kết hợp với nội ứng đánh đồn Mátxơri, diệt, bắt sống 2 trung đội lính ngự, thu toàn bộ vũ khí và đồ dùng quân sự. Bộ đội ta đã dùng 2 xe cam nhông trong đồn chở chiến lợi phẩm về căn cứ.

Trên quốc lộ 13, Tiểu đoàn 303, Tiểu đoàn 304 cùng Đại đội Hồn Quân chặn đánh đoàn xe địch, phá hủy 65 xe quân sự, trong đó có 12 xe còn nguyên vẹn chở đầy hàng hóa. Bộ đội, dân công đưa 12 xe hàng vào rừng căn cứ Long Nguyên. Chị em còn thu được cả thùng nước hoa về xức thơm khắp cả khu căn cứ.

Trên sông Sài Gòn, ta đánh chìm 4 tàu xuống tiếp tế của địch. Chiến thắng của trận đánh đồn Mátxơri đã gây “hiệu ứng” dây chuyền. Bọn địch đóng giữ một số tháp canh trên quốc lộ 13 và các vùng phụ cận cũng tháo chạy. Phát huy thắng lợi, du kích xã Lai Uyên phối hợp Đại đội 40 Tiểu đoàn 302 tấn công san bằng tháp canh Bến Đồng Sổ trên quốc lộ 13. Để đối phó với những hoạt động của ta, địch buộc phải dùng lực lượng bộ binh kết hợp thiết giáp bảo vệ lực lượng công binh sửa chữa đường giao thông.

Trong khi đó, lực lượng dân quân các xã tham gia chiến dịch tiến hành phá giao thông. Trên quốc lộ 13, đoạn từ Cầu Định lên tới Hón Quán, hàng ngàn dân quân cùng du kích đêm đêm đổ ra đường đào đắp ụ, làm ngã cây, phá hoại nhiều đoạn đường xe lửa Sài Gòn - Lộc Ninh khu vực Bàu Bàng, bến Đồng Sổ, Nhíp 27. Trên đoạn đường từ Bến Súc lên Dầu Tiếng sang Bến Củi, du kích, dân quân các xã, các làng cao su tổ chức phá đường cả ban ngày, khiến giao thông địch liên tục bị gián đoạn. Trên sông Sài Gòn, du kích, dân quân xã An Tây phối hợp với An Nhơn Tây (Củ Chi) cùng bộ đội công binh bố trí thủy lôi, khu vực cọc cừ phá hủy thêm 3 tàu địch.

Phát huy thắng lợi, Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định mở đợt 3 (từ ngày 30/10 đến ngày 15/11/1950), tập trung hoạt động trên đường 7, đường tỉnh lộ 14 để tiêu diệt bót Rạch Bắp, Rạch Kiến, đánh sập cầu Đò; đồng thời tập trung 3 tiểu đoàn chủ lực (các tiểu đoàn 302, 303, 304) chặn đánh địch vận chuyển trên quốc lộ 13.

Thực hiện theo kế hoạch, đêm 08/11/1950, Tiểu đoàn 302 tổ chức bao vây đồn Rạch Kiến. Chiến sĩ đặc công Nguyễn Văn Rở đột nhập vào đồn Rạch Kiến, nổ mìn phá hủy 1 khẩu pháo 155 ly của địch. Chiến công của Nguyễn Văn Rở làm nức lòng cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 302 và các lực lượng tham gia chiến dịch Bến Cát.

Tuy không đánh dứt điểm được các đồn Rạch Bắp, Rạch Kiến nhưng ta đã đánh sập cầu Đò, ngăn chặn được cơ giới địch vận chuyển từ Bến Cát đi Dầu Tiếng và ngược lại. Trên quốc lộ 13, ba tiểu đoàn chủ lực 302, 303, 304 đã tổ chức phục kích địch trên nhiều đoạn từ bót Cây Sắn đến Chơn Thành, bắn cháy, phá hủy 20 xe vận tải, 1 xe thiết giáp của địch. Đây cũng là trận đánh kết thúc chiến dịch Lê Hồng Phong.

Sau 39 ngày đêm chiến đấu (từ ngày 08/10 đến ngày 15/11/1950) của chiến dịch Lê Hồng Phong, các lực lượng ta

đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 700 tên địch, trong đó có trên 100 tên bị thương, bắt sống 120 tên; phá sập hàng chục tháp canh đồn bót, phá hủy 12 cầu cống, 84 xe quân sự, 5 đầu máy xe lửa, đánh chìm 7 tàu chiến; thu nhiều vũ khí đạn dược và đồ dùng quân sự.

Cuối năm 1950, trong Hội nghị tổng kết chiến dịch tại chiến khu Long Nguyên, Bộ Chỉ huy chiến dịch đã ghi nhận những đóng góp sức người, sức của, góp phần vào thắng lợi chung trong chiến dịch của Đảng bộ, quân và dân Bến Cát. Tại Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn - Bí thư Xứ ủy đã kết luận: “Chiến dịch Bến Cát đánh dấu một bước trưởng thành quan trọng của lực lượng vũ trang Khu 7, đưa phong trào kháng chiến của quân và dân miền Đông Nam Bộ hòa nhập vào cuộc kháng chiến trên chiến trường cả nước”.

Chiến dịch Lê Hồng Phong (chiến dịch Bến Cát) thắng lợi tuy chưa trọn vẹn nhưng đã phá vỡ phần lớn hệ thống đồn bót, tháp canh và làm suy yếu địch trên địa bàn huyện Bến Cát. Phần lớn địa bàn hai xã Thanh An, Thanh Tuyền trở thành vùng tự do. Chiến khu Long Nguyên được mở rộng, đường hành lang giao liên của ta từ chiến khu Đ sang căn cứ chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh) được củng cố.

Giai đoạn 1948-1950, những hoạt động quân sự, mở rộng căn cứ của các lực lượng vũ trang đã góp phần buộc địch phải co lại, hạn chế bùng ra càn quét, đánh phá sâu vào căn cứ của ta, góp phần bảo vệ căn cứ, bảo vệ nhân dân, đẩy mạnh phong trào kháng chiến phát triển toàn diện. Các phong trào thiết thực như thi đua lao động sản xuất, giết giặc lập công, thi đua ái quốc, giảm tô 25% hay tạm cấp ruộng tịch thu được cho nông dân đã tác động tích cực đến mọi tầng lớp nhân dân Bến Cát, củng cố niềm tin của nhân dân đối với tổ chức đảng. Từ đó, nhân dân Bến Cát đã tích cực tham gia đóng góp sức người, sức của trong quá trình chuẩn bị cũng như trong suốt quá trình

diễn ra chiến dịch Bến Cát. Thông qua phối hợp hoạt động mọi mặt trong chiến dịch, các cấp ủy, chỉ bộ, cơ quan, đơn vị, đoàn thể đã tích lũy được từ thực tiễn những kinh nghiệm quý báu về công tác vận động quần chúng, tổ chức lực lượng, hiệp đồng hoạt động trong một chiến dịch tổng hợp với nhiều lực lượng tham gia trên diện rộng, thời gian tương đối dài, bảo đảm các nhu cầu cho cả lực lượng phía trước và phía sau, cho các lực lượng của địa phương và các đơn vị đứng chân trên địa bàn. Phong trào kháng chiến ở Bến Cát đã hòa nhịp với phong trào đấu tranh trên cả nước để từng bước giành thắng lợi hoàn toàn.

3. Đánh địch, bảo vệ căn cứ (1951 - 1952)

Bị tổn thất ở chiến trường biên giới và cả các chiến trường Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ, thực dân Pháp lâm vào tình thế bế tắc. Nhưng được Mỹ tiếp sức nên chúng vẫn theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lược ở Đông Dương. Trong khi tập trung lực lượng phòng ngự và bình định ở chiến trường chính là đồng bằng Bắc Bộ, thực dân Pháp tiếp tục thực hiện kế hoạch bình định Nam Bộ là nơi đông dân, nhiều của.

Tại chiến trường miền Đông Nam Bộ, cuối năm 1950 - đầu năm 1951, thực dân Pháp chủ trương tấn công trên cả các mặt quân sự, chính trị, kinh tế quyết liệt hơn nhằm đè bẹp lực lượng và phong trào chiến tranh du kích của ta, tăng cường vơ vét sức người, sức của phục vụ cho chiến tranh. Quân Pháp đã mở nhiều cuộc hành quân lấn chiếm các vùng du kích, ngăn chặn ta tiếp tế từ miền Tây lên miền Đông và từ Tây Nguyên xuống miền Đông. Chúng tăng cường kiểm soát vùng cao su ngăn công nhân các làng trong đồn điền tiếp xúc, tiếp tế, ủng hộ kháng chiến.

Tuy ta đã giành được một số thắng lợi trong chiến dịch Bến Cát nhưng không ngăn được đà tấn công lấn chiếm, bình định của thực dân Pháp. Từ cuối tháng 12/1950, Pháp điều động, bố trí 3 tiểu đoàn lính Âu - Phi trên chiến trường Bến Cát, kết hợp

với lực lượng nguy binh tại chỗ, tập trung mở lại đoạn đường số 14 (Rạch Bắp - Bến Cát - Chánh Lưu) và quốc lộ 13. Chúng đóng các đồn bót, tháp canh dày đặc hơn trước như đóng lại bót Kiến Điền, chiếm đóng bót Vĩnh Hòa. Chúng tập trung lực lượng đánh phá dữ dội vào vùng căn cứ Long Nguyên, địa bàn Thanh Tuyên, Kiến An, ba xã tây nam (An Điền, An Tây, Phú An) nhằm tìm diệt cơ quan đầu não của tỉnh, huyện, triệt phá kinh tế của ta. Địch tăng cường sử dụng phi pháo đánh phá gây tâm lý hoang mang, sợ hãi, buộc dân chúng rời vùng căn cứ, vùng tự do để ra vùng chúng kiểm soát. Tháng 8/1951, Pháp sử dụng tàu, xuồng tăng cường hoạt động trên sông Sài Gòn, sông Thị Tính, bắn phá, uy hiếp vùng căn cứ của ta ở Nam Bến Cát (An Tây, Phú An, An Điền). Đồng thời, để dọn đường đánh phá căn cứ Dương Minh Châu (Tây Ninh), thực dân Pháp lập thêm tiểu khu quân sự Dầu Tiếng, tăng cường các cuộc hành quân càn quét, ruồng bố tìm kẹp quần chúng, công nhân.

Những hoạt động vơ vét nhân tài vật lực vùng tạm chiếm, đánh phá ác liệt vùng du kích của địch đã làm cho việc thu thuế của ta trong các vùng này giảm sút nghiêm trọng. Số thuế thu được trong tháng 5/1951 của cả tỉnh Thủ Dầu Một chỉ bằng 1/3 số thu hằng tháng trong năm 1950.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Cục, tháng 5/1951, lấy sông Tiền làm ranh giới, chiến trường Nam Bộ được chia thành hai phân liên khu: miền Đông và miền Tây. Các tỉnh và lực lượng vũ trang được tổ chức lại theo hướng tăng cường lực lượng cho địa phương, đưa phần lớn bộ đội chủ lực về các tỉnh; đồng thời, tăng cường sự lãnh đạo thống nhất của các tỉnh ủy đối với ba thứ quân (bộ đội tập trung tỉnh, quận huyện và dân quân du kích). Hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên; đồng chí Nguyễn Quang Việt - nguyên Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một được chỉ định làm Bí thư Tỉnh

ủy viên Chính trị viên Tỉnh đội; đồng chí Huỳnh Văn Nghệ - nguyên Phó Tư lệnh Khu 7 làm Tỉnh đội trưởng Thủ Biên. Tổ chức đảng thống nhất lãnh đạo lực lượng vũ trang từ tỉnh, quận huyện đến xã, Bí thư Huyện ủy là Chính trị viên Huyện đội, Bí thư Chi bộ xã là Chính trị viên Xã đội.

Lúc này, huyện Bến Cát do đồng chí Nguyễn Hữu Đang (người Nam Đàn, Nghệ An) làm Bí thư Huyện ủy kiêm Chính trị viên Huyện đội; đồng chí Diệp Hồi làm Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chính huyện; đồng chí Nguyễn Văn Mừng (Sáu Mừng) làm Chủ tịch Mặt trận Liên Việt; đồng chí Đoàn Văn Thuận (tức Ba Ngân, Bảy Cọp) làm Huyện ủy viên, phụ trách công tác tài chính; đồng chí Nguyễn Văn Cẩm làm Huyện đội trưởng (thay đồng chí Lâm Quốc Đăng); đồng chí Nguyễn Văn Theo (Ba Dè) làm Trưởng Công an huyện.

Tại các xã Thới Hòa, Mỹ Phước, Chánh Phú Hòa, Tân Định, lực lượng du kích xã phối hợp với lực lượng huyện, Tiểu đoàn 303 chủ lực của tỉnh liên tục chống càn, chống đột kích ở Cầu Định (Tân Định), Vĩnh Hòa (Thới Hòa), Mỹ Thạnh (Mỹ Phước), Bông Trang (Chánh Phú Hòa), Bến Đồn (Hòa Lợi), tổ chức nhiều trận phục kích đánh xe lửa tại bến ông Khương, Bàu Lồng... gây cho địch nhiều thiệt hại.

Thực hiện chủ trương của Phân khu ủy và Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông, sau khi tổ chức lại chiến trường, lãnh đạo hai tỉnh (Thủ Biên và Gia Ninh) thành lập Ban Cán sự căn cứ địa trên chiến trường Bắc Thủ Biên và Gia Ninh (Gia Định - Tây Ninh). Ban Cán sự căn cứ gồm một số đồng chí cán bộ lãnh đạo của hai tỉnh, cán bộ của huyện Bến Cát và Bí thư Chi bộ các xã Long Nguyên, Lai Hưng, Thanh Tuyền, Kiến An, Tân Minh làm ủy viên. Ban Cán sự có trách nhiệm xây dựng căn cứ Long Nguyên và các xã vành đai nhằm bảo đảm đường dây liên lạc và giữ an toàn hành lang cửa ngõ

chiến khu Long Nguyên với hệ thống căn cứ Bắc Thủ Biên và Gia Định - Tây Ninh.

Ban Cán sự căn cứ địa và Huyện ủy Bến Cát thống nhất chủ trương sáp nhập vùng kháng chiến Long Hưng (xã Lai Hưng) với ấp Bến Sắn, Mương Đào, Mương Thuộc (xã Long Nguyên) và các ấp Sở Trà, Cỏ Gặm (xã Kiến An) để thành lập xã mới Kiến Hưng. Cấp ủy xã Kiến Hưng do đồng chí Đoàn Như Thủy (Bí thư Chi bộ xã Kiến An) làm Bí thư Chi bộ; đồng chí Nguyễn Văn Ren (Bí thư Chi bộ xã Lai Hưng) làm Phó Bí thư; các chi ủy viên gồm Bảy Tùng, Sáu Ánh (nữ), Chín Tường. Ủy ban kháng chiến - hành chính xã Kiến Hưng do đồng chí Ba Nhận (nguyên Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chính xã Long Nguyên) làm Chủ tịch, đồng chí Chín Tường (cán bộ do Huyện đội đưa xuống) làm Xã đội trưởng.

Ban cán sự căn cứ địa được thành lập đã củng cố một bước về tổ chức lãnh đạo chiến trường, khắc phục tình trạng bị động do địch phong tỏa, chia cắt địa bàn, tạo điều kiện cho các vùng căn cứ củng cố xây dựng lực lượng, bám địa bàn chiến đấu hỗ trợ tích cực để củng cố xây dựng căn cứ địa Long Nguyên.

Để chủ động sử dụng lực lượng bảo vệ căn cứ, Ban Cán sự căn cứ địa quyết định sáp nhập 3 đội du kích của ba xã Kiến An, Long Nguyên, Lai Hưng thành 1 đội du kích tập trung. Đội du kích tập trung của chiến khu Long Nguyên được trang bị đầy đủ, bố trí hoạt động trên địa bàn đông nam chiến khu và căn cứ du kích của xã Chánh Phú Hòa ở Bông Trang, là vành đai bảo vệ nhiều cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến của miền Đông như: Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông, Tỉnh ủy Thủ Biên, Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn... Cán bộ các đoàn công tác từ chiến khu Long Nguyên về căn cứ Bông Trang hay chiến khu Đ đều được đội du kích xã Kiến Hưng hoặc đội du kích tập trung của căn cứ chiến khu đưa qua quốc lộ 13.

Trong khi đó, tại vùng căn cứ Long Nguyên, nhân dân các xã vừa sản xuất, vừa tham gia xây dựng căn cứ, làng chiến đấu. Cán bộ Ủy ban kháng chiến - hành chính, Mặt trận Liên Việt, các đoàn thể quần chúng cùng du kích giúp nhân dân dựng lán, che chòi thành từng tổ, từng nhóm trong các vạt rừng. Nơi nào địch đã phát hiện và đánh phá mạnh, du kích vận động đồng bào đến nơi ở mới bảo đảm an toàn để ổn định cuộc sống và sản xuất. Ở các xã Thanh Tuyền, Kiến An, Kiến Hưng, Ban Chỉ huy Xã đội lập các tổ sản xuất tự túc. Các tổ này được dân giúp đỡ, tổ chức phát rẫy, trồng mì, tía bắp, khoai lang, cấy cả lúa nước ở những vạt rừng ven suối xa vùng địch. Khi đi làm rẫy, từng cụm, từng tổ (gồm 5 - 7 gia đình), nhóm sản xuất đều tổ chức người canh gác đề phòng biệt kích. Những khi cấy, cày hoặc thu hoạch, đồng bào tổ chức lao động cả ban đêm. Mặc dù đời sống vật chất trong vùng căn cứ còn nhiều thiếu thốn nhưng nhờ tích cực sản xuất, trồng nhiều rau, đậu, khoai nên đồng bào vẫn dành dụm lương thực để ủng hộ du kích, bộ đội.

Thắng lợi của quân và dân ta trên khắp các chiến trường trên cả nước cùng với những thắng lợi của quân và dân trong tỉnh năm 1951 khiến Đảng bộ, quân và dân Bến Cát thêm tin tưởng, quyết tâm vượt qua những khó khăn thử thách, tiếp tục đẩy mạnh kháng chiến.

Bước sang năm 1952, tướng Bôngđi¹ đẩy mạnh thực hiện kế hoạch “bình định gấp rút, phản công quyết liệt” nhằm nắm phần chủ động trên chiến trường Nam Bộ. Bôngđi chủ trương ưu tiên tập trung lực lượng đánh phá miền Đông Nam Bộ, trọng điểm là chiến trường tỉnh Thủ Biên.

Địch tăng cường vơ vét của cải vùng phì nhiêu; bao vây đánh phá vùng căn cứ; cướp phá, phong tỏa vùng du kích và

1. Thay tướng Sácxông làm Tư lệnh quân Pháp ở chiến trường Nam Bộ từ cuối năm 1951.

gom dân ra vùng ven căn cứ; củng cố đường giao thông chiến lược 13, 14; mở những đường giao thông chiến thuật; cắt xẻ, xé nhỏ căn cứ Long Nguyên bằng cách mở đường 30 (Bắc Bến Cát - Minh Thạnh); đánh phá sâu vào các căn cứ nhằm làm hao mòn, tiến tới tiêu diệt lực lượng kháng chiến.

Trong ba tháng đầu năm 1952, thực dân Pháp liên tục sử dụng 1 - 2 tiểu đoàn mở những cuộc đánh phá dữ dội căn cứ Long Nguyên; đồng thời cho 1 - 2 đại đội ruồng bố, càn quét ba xã phía tây nam... nhằm tạo hành lang an toàn cho vùng chúng chiếm đóng. Hằng tháng, địch sử dụng lực lượng 1 - 2 đại đội thuộc trung đoàn thuộc địa (Angiêri) ruồng bố xã Chánh Phú Hòa, đánh phá căn cứ Bông Trang; sử dụng đại đội tăng thiết giáp cùng lực lượng thân binh, Cao Đài phối hợp ruồng bố, tấn công vào Thới Hòa, Tân Định, Hòa Lợi. Chúng sử dụng từng đại đội bảo vệ lực lượng công binh sửa chữa, củng cố quốc lộ 13, đường xe lửa Sài Gòn - Lộc Ninh; đồng thời cho phát sạch hai bên quốc lộ 13, có đoạn vào sâu tới 50m để kiểm soát và ngăn chặn bộ đội, du kích tấn công các đoàn xe quân sự.

Trước những âm mưu, thủ đoạn của địch trên chiến trường, Huyện ủy Bến Cát xác định nhiệm vụ của Đảng bộ trong năm 1952 là tập trung quán triệt Nghị quyết quân sự của Tỉnh ủy với những nhiệm vụ trọng tâm là:

1. Tích cực chống kế hoạch chiếm đóng sâu rộng vào vùng độc lập cũng như các căn cứ du kích của từng địa phương với phương châm “tích cực tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và bồi dưỡng phát triển lực lượng ta”.

2. Phát động sâu rộng phong trào nhân dân chiến tranh; không ngừng xây dựng phát triển sâu rộng và phát huy vai trò của lực lượng dân quân du kích; du kích bám dân, bám địa bàn chiến đấu trên từng xóm ấp bảo vệ sinh mạng, tài sản của nhân dân. Thực hiện triệt để khẩu hiệu “mỗi đảng viên là một du kích”.

3. Xây dựng, củng cố căn cứ du kích trên từng thôn, ấp tạo thế liên hoàn làm chỗ dựa lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau. Chú ý xây dựng du kích mật, chi bộ mật ở vùng địch tạm chiếm.

4. Tích cực chống kế hoạch cướp của, cướp người của địch, bảo vệ kinh tế, tài chính của ta. Từng cơ quan, đơn vị bộ đội thiết thực tăng gia sản xuất và động viên nhân dân sản xuất, thực hiện kỳ được kế hoạch sản xuất tự túc trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

5. Tích cực phá giao thông chiến lược, chiến thuật của địch, phá hoại nặng nề cao su của địch; tích cực bảo vệ và giữ gìn giao thông liên lạc của ta từ tỉnh về huyện, từ huyện về các xã, từ xã xuống thôn, ấp, bảo đảm cho chỉ đạo, chỉ huy phối hợp hoạt động mọi mặt, nhất là trong chiến đấu chống đột, chống càn, bảo vệ căn cứ.

6. Tích cực thực hiện nhiệm vụ địch nguy vận; phát động sâu rộng công tác vận động nguy quân với công tác dân vận. Giáo dục ý thức cảnh giác chống chính sách gián điệp của địch.

Thực hiện Nghị quyết quân sự năm 1952 của Tỉnh ủy Thủ Biên, Huyện ủy Bến Cát tổ chức phân chia lại chiến trường, phân định rõ các xã, vùng du kích và vùng độc lập. Cụ thể, vùng du kích gồm các xã: Chánh Phú Hòa, Thới Hòa, Mỹ Phước, Lai Hưng; vùng độc lập gồm các xã: An Tây, An Điền, Phú An, Long Nguyên, Thanh Tuyên, Kiến An, Thanh An và xã mới Kiến Hưng.

Huyện ủy chỉ đạo các cơ quan dân - chính - đảng, các đoàn thể thực hiện chấn chỉnh lại tổ chức, tăng cường cán bộ cho cơ sở nhằm kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực lãnh đạo, phối hợp với các lực lượng tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ kháng chiến ở địa phương. Ở vùng căn cứ, Huyện ủy nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng căn cứ và tích cực chống gián điệp của địch.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, trong năm 1952, Ban Chỉ huy Huyện đội tiếp tục bố trí một phần lực lượng Đại đội Lê

Hồng Phong hoạt động ở chiến trường ba xã tây nam; lực lượng còn lại cùng đội du kích tập trung của ba xã Long Nguyên, Kiến An, Kiến Hưng bảo vệ căn cứ Long Nguyên.

Tại ba xã tây nam, Đại đội Lê Hồng Phong cùng du kích Phú An, An Tây, An Điền liên tục chiến đấu chống địch càn quét, bảo vệ căn cứ. Trong năm 1952, Đại đội Lê Hồng Phong phối hợp với Tiểu đoàn 303 chủ lực của tỉnh tổ chức nhiều trận đánh bọn lính địch đi tuần tra, phục kích đánh xe địch trên quốc lộ 13, tập kích địch đóng chốt cầu Định, Nhà Cơm, Lai Khê... làm tiêu hao nhiều sinh lực địch, ngăn chặn các cuộc càn quét, khủng bố của địch, bảo vệ căn cứ, bảo vệ nhân dân sản xuất.

Đầu tháng 4/1952, Đại đội Lê Hồng Phong phối hợp với cơ sở nội ứng tua Kiến Điền, xã An Điền¹, đột nhập lấy tua Kiến Điền, thu 1 súng tiểu liên Mytuyn, 12 súng trường và hàng ngàn viên đạn.

Ngày 28/4/1952, Đại đội Lê Hồng Phong phối hợp với 1 trung đội thuộc Tiểu đoàn 303 và du kích xã Lai Hưng tổ chức phục kích đánh thiệt hại nặng trung đội địch tuần tiểu trên quốc lộ 13 (từ Lai Khê đến Đồng Sở), thu 3 súng, trong đó có 1 đại liên.

Liên tục trong 3 tháng (từ tháng 3 đến tháng 6/1952), lực lượng vũ trang huyện phối hợp với các đơn vị chủ lực (D303 của tỉnh, D302 của Phân liên khu miền Đông) đứng chân trên địa bàn cùng du kích các xã vùng căn cứ bố trí hầm chông, mìn, cạm bẫy; tổ chức những tổ bắn sẻ, đánh tập kích, phục kích ngăn chặn địch từ bên ngoài căn cứ, hạn chế sức tấn công của địch trong các cuộc hành quân càn quét đánh phá căn cứ Nam, Bắc Bến Cát của ta. Đồng chí Chín Tường - Xã đội trưởng Kiến Hưng cùng Năm Bày, Năm Tia... (là du kích xã, giỏi gài trái) tổ chức chặn đánh, dùng mìn, trái gài diệt hàng chục tên địch khi chúng tấn công vào căn cứ Long Nguyên.

1. Là Tư Xây và Bảy Bô, do bà Hai Nhạn, người làng Kiến Điền xây dựng.

Sau thất bại trong các đợt tấn công và càn quét vào chiến khu Đ, căn cứ Long Nguyên, lấn chiếm ba xã tây nam, từ giữa năm 1952, thực dân Pháp tiếp tục đẩy mạnh đánh phá, bóp nghẹt vùng căn cứ, ráo riết bình định các xã vùng du kích, củng cố và vơ vét nhân tài, vật lực vùng tạm chiếm.

Thực hiện âm mưu chia cắt, phong tỏa và bóp nghẹt vùng căn cứ của ta trên chiến trường Bến Cát, địch tăng cường củng cố các đường giao thông chiến thuật như đường số 7 (Chánh Lưu - Bến Cát - Rạch Bắp), đường tỉnh lộ 14, đường 30 Bắc Bến Cát... Để ngăn chặn giao thông tiếp vận của ta từ Nam Bến Cát qua đường quốc lộ 13 về Vĩnh Lợi, địch sử dụng lực lượng đóng bót Vĩnh Hòa. Dọc hai bên đường 7 ngang, địch bắt dân phát quang sâu vào 30 - 50m để ngăn cản ta qua lại căn cứ Nam - Bắc Bến Cát. Trên đường liên tỉnh từ Long Nguyên đi Dương Minh Châu, địch thả do thám, đặt gián điệp ở các đầu cầu tiếp vận (đường giao liên) của ta để theo dõi, kết hợp sử dụng trung đội commăngđô tiến hành đột kích, sử dụng phi cơ oanh tạc sâu vào căn cứ, phá hoại sản xuất, làm “hoang vu hóa” vùng căn cứ kháng chiến nhằm làm lung lay ý chí chiến đấu của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ.

Bị địch bao vây, phong tỏa kinh tế, đời sống của bộ đội, du kích và nhân dân rất thiếu thốn. Huyện ủy chỉ đạo các xã ven sông Sài Gòn như An Tây, Phú An, Thanh Tuyền, Thanh An, tổ chức cho dân sang các xã phía tây sông Sài Gòn như Phú Hòa Đông, Nhuận Đức, An Nhơn Tây (Củ Chi) mua lương thực, nhu yếu phẩm cần thiết vận chuyển về cung cấp cho vùng căn cứ. Đồng thời, Huyện ủy cũng chỉ đạo cấp ủy các xã tổ chức lực lượng du kích, dân quân hướng dẫn, giúp đỡ nhân dân sửa chữa, đào thêm hầm trú ẩn tránh máy bay và pháo địch; tổ chức canh gác cho đồng bào tranh thủ cày cấy, gieo trồng vào ban đêm để tránh địch càn quét bắn phá.

Kiên quyết phá âm mưu chia cắt, phong tỏa của địch từ Bến Cát qua Vĩnh Lợi, cuối tháng 7/1952, Đại đội Lê Hồng Phong cùng du kích Thới Hòa phối hợp với Tiểu đoàn 303 chủ lực của tỉnh tấn công đồn Vĩnh Hòa do 1 đại đội commăngđô đóng giữ. Trước đó, đồng chí Út Sỹ - Xã đội phó đã móc nối xây dựng được 4 lính trong đồn Vĩnh Hòa sẵn sàng làm nội ứng khi ta tấn công.

Chuẩn bị cho trận đánh đồn Vĩnh Hòa, huyện đã huy động một số ghe xuồng của nhân dân Phú An đưa rước bộ đội qua sông trong đêm công đồn. Chi bộ ba xã tây nam huy động Hội Mẹ chiến sĩ, Hội Phụ nữ vận động nhân dân quyên góp lương thực, thực phẩm ủng hộ bộ đội chiến đấu.

Đêm 20/7/1952, bộ đội vượt sông Thị Tính tiếp cận đồn Vĩnh Hòa. Đại đội Lê Hồng Phong của huyện và du kích Thới Hòa làm nhiệm vụ chặn viện trên quốc lộ 13. Đúng 0 giờ 30 phút ngày 21/7/1952, nhận được tín hiệu của cơ sở nội ứng trong đồn, lực lượng xung kích và trinh sát đặc công của Tiểu đoàn 303 dùng mìn bêtô phá rào, mở cửa cho bộ đội xung phong. Địch phản kích dữ dội. Bộ đội ta gặp thương vong khi xung phong đánh chiếm lô cốt 3. Sau khi trinh sát đặc công bắt liên lạc được với cơ sở nội ứng trong đồn, ta nhanh chóng đánh chiếm xe bọc thép¹, kiểm chế hỏa lực địch ở điểm cao này cho các mũi đánh chiếm các lô cốt, nhưng khẩu 40 ly không thể chếch nòng 60° để bắn vào tháp canh chính. Địch từ trên tháp canh chính bắn đại liên xuống các vị trí quân ta đang tiến công.

Lực lượng đại đội commăngđô địch đóng giữ đồn Vĩnh Hòa cơ bản đã bị ta tiêu diệt, nhưng tên Ngồi và tốp lính trên chòi canh, lợi dụng cao điểm, vẫn ngoan cố chống cự, khống chế hỏa lực của ta. Bộ đội buộc phải rút ra với hơn 30 cán bộ, chiến sĩ thương vong. Chiến sĩ bị thương vong của Tiểu đoàn 303 được đưa về xã An Tây. Nhân dân và các đoàn thể xã An Tây lo chôn cất các

1. Ta định sử dụng súng 40 ly gắn trên xe để bắn thẳng lên tháp canh chính (Milado).

chiến sĩ đã hy sinh; chăm sóc, nuôi dưỡng thương binh, thăm hỏi tặng quà bộ đội. Các mẹ trong Hội Mẹ chiến sĩ của ba xã tây nam đã chăm sóc, nuôi dưỡng thương binh như con ruột của mình.

Trận đánh đồn Vĩnh Hòa tuy không giành được thắng lợi trọn vẹn như kế hoạch đề ra, nhưng đã tạo điều kiện thuận lợi cho du kích Thới Hòa tiếp tục bám địa bàn, hỗ trợ cho phong trào kháng chiến của xã tiếp tục phát triển, nhất là phong trào đấu tranh chống địch gom dân, bắt lính.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh đội bộ Thủ Biên về xây dựng căn cứ, từ cuối năm 1951, Huyện ủy Bến Cát phát động phong trào xây dựng địa đạo ở ba xã tây nam. Ban Chỉ huy Huyện đội bố trí cán bộ cùng Ban Chỉ huy Xã đội của ba xã tổ chức lực lượng, chỉ huy triển khai khởi công cùng lúc đào địa đạo ở cả ba xã. Hàng ngàn dân quân (cả nam và nữ) của ba xã đã hăng hái thi đua thực hiện công trình này. Dự kiến địa đạo sẽ được nối liền sau khi hoàn thành ở từng xã. Nhưng công trình xây dựng địa đạo ở ba xã tây nam mới thực hiện được một phần thì xảy ra trận bão lụt (ngày 20/10/1952), nên buộc phải ngưng lại để tập trung sức khắc phục hậu quả bão lụt, chống đói, cứu đói.

Trong hai năm 1951 - 1952, cuộc đấu tranh giành cơ quyết liệt với địch của Đảng bộ, quân và dân Bến Cát đã từng bước ngăn chặn kế hoạch tấn công càn quét, lấn chiếm, bình định của địch trên chiến trường của huyện. Ba xã tây nam, các xã vùng căn cứ Long Nguyên bị thu hẹp một phần, một số đồng bào ba xã tây nam, Chánh Phú Hòa, Lai Uyên, Tân Định, Hòa Lợi bị địch gom ra vùng tạm chiếm. Tuy nhiên, phong trào kháng chiến của nhân dân trong huyện vẫn đứng vững. Kết quả, hoạt động mọi mặt của quân và dân trong huyện cùng các lực lượng, các địa phương trong tỉnh đã buộc địch phải căng ra đối phó, hạn chế khả năng tập trung lực lượng tấn công đánh phá chiến khu Đ, góp phần bảo vệ căn cứ kháng chiến của miền Đông, cũng là căn cứ của tỉnh Thủ Biên.

4. Khắc phục thiên tai, đẩy mạnh kháng chiến, góp phần giành thắng lợi trên chiến trường toàn tỉnh (1952 - 1954)

Trong khi cuộc đấu tranh của Đảng bộ, quân và dân Bến Cát cùng quân và dân trong tỉnh đang giành được những thắng lợi to lớn thì hạ tuần tháng 10/1952, miền Đông Nam Bộ xảy ra trận bão lụt chưa từng có trong lịch sử, mưa bão lớn trong cả tuần. Nước từ đầu nguồn sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Bé, sông Thị Tính... đổ về như thác lũ. Nước dâng lên rất nhanh. Cả một vùng rộng lớn dọc đôi bờ các sông, suối, vùng đất trũng khắp các tỉnh miền Đông bị nhấn chìm trong nước lũ.

Tại Bến Cát, những cánh đồng, dải rừng ven suối các xã vùng căn cứ Long Nguyên và các xã dọc theo sông Sài Gòn, sông Thị Tính chìm ngập trong biển nước. Hàng trăm ngàn hécta lúa, hoa màu, nhà cửa, vườn tược của nhân dân, cơ quan bị nước cuốn trôi hoặc ngập chìm trong nước cả tuần lễ nên gần như mất trắng. Nhiều hầm hào, công sự chiến đấu, hầm chông, hố đinh, hàng rào chiến đấu trong các làng xã, nhà cửa, doanh trại, kho tàng của các cơ quan dân - chính - đảng và của lực lượng vũ trang huyện trong căn cứ đều bị ngập chìm trong nước, hư hỏng nặng.

Trận bão lụt đã gây hậu quả nghiêm trọng cho nhân dân vùng bị ngập lụt và các lực lượng kháng chiến của Bến Cát, tỉnh Thủ Biên. Khó khăn đầu tiên và dài ngày là tình trạng thiếu lương thực. Nhân dân, cán bộ dân - chính - đảng, du kích cũng như bộ đội trong vùng căn cứ đều lâm vào nạn đói. Trong khi đó, do địch phong tỏa nên đồng bào không thể đi lại mua bán trao đổi hàng hóa. Thiếu muối, bộ đội, du kích và đồng bào phải đốt tranh lấy than tro để nấu ăn thay muối.

Trong khi nhân dân và các lực lượng kháng chiến của ta đang phải vật lộn với những khó khăn do hậu quả bão lụt gây ra, thì thực dân Pháp lợi dụng thiên tai, tập trung lực lượng

đánh phá ta quyết liệt ở cả vùng căn cứ, vùng du kích và vùng tạm chiếm. Từ cuối tháng 11/1952 đến những tháng đầu năm 1953, ngoài tập trung đánh phá chiến khu Đ, căn cứ Long Nguyên ngày càng quyết liệt, thực dân Pháp còn mở nhiều cuộc hành quân lấn chiếm vùng tự do phì nhiêu của ta ở các xã Nam Bến Cát, biến nhiều vùng ven căn cứ thành “vùng trắng” để ngăn chặn giao lưu, buôn bán, tiếp tế giữa nhân dân vùng tạm chiếm với vùng tự do. Địch còn tung ra hàng trăm ngàn bạc giả để phá giá đồng bạc Cự Hồ in dùng trong vùng chiến khu. Chúng sử dụng máy bay bắn giết hàng trăm trâu, bò của nhân dân ở ba xã tây nam và các xã vùng căn cứ Long Nguyên, Kiến An, Thanh Tuyền, Thanh An.

Ngoài ra, chúng còn sử dụng những đội biệt kích áo đen (commăngđô) đột kích vào vùng ven căn cứ, vùng du kích, cắt lúa, nhổ khoai sắn, đốt phá nhà cửa, nường rẫy của nhân dân. Nhất là khi ta thực hiện phương châm “ba vùng” một cách cứng nhắc, hữu khuynh, địch càng rảnh tay “bình định” vùng tạm chiếm và vùng du kích, thực hiện “hoang vu hóa” vùng căn cứ. Bằng các thủ đoạn đó, địch đã gom được một số dân ở An Tây, An Điền, Phú An (khoảng 2.000 người), Kiến An (500 người), Chánh Phú Hòa, Tân Định, Hòa Lợi. Nhiều quân chúng và cả cán bộ, du kích chết, bị thương và bị bắt trong những cuộc càn quét, phục kích, đột kích, đánh phá giao thông tiếp vận của ta.

Cùng các hoạt động quân sự, bao vây kinh tế, thực dân Pháp còn thực hiện chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng. Chúng tung gián điệp vào vùng tự do, vùng căn cứ để phản tuyên truyền chính sách thuế nông nghiệp của ta, kích động, dụ dỗ, mua chuộc những người nhẹ dạ cả tin, gây hoang mang hòng lung lạc ý chí của quân và dân ta.

Do nạn đói hoành hành nên cán bộ, chiến sĩ, nhân viên các cơ quan dân - chính - đảng bị giảm sút sức khỏe, ốm yếu, nhiễm nhiều bệnh tật, nhất là bệnh sốt rét.

Trong hoàn cảnh thiên tai, địch họa, Đảng bộ huyện cùng Ủy ban kháng chiến - hành chính, Mặt trận Liên Việt động viên quân, dân trong huyện đoàn kết, giúp nhau thu hoạch mùa màng, khắc phục khó khăn, thiếu thốn; chia sẻ cho nhau bát cơm, củ khoai; động viên nhau khôi phục sản xuất, từng bước khắc phục nạn đói.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện chỉ đạo Huyện đoàn tổ chức đội thanh niên xung phong vận tải cứu đói. Huyện đoàn Bến Cát rút thanh niên các xã và đoàn viên cơ quan thành lập Đại đội thanh niên xung phong vận tải cứu đói cho các đơn vị, cơ quan ở chiến khu Đ. Đây là nhiệm vụ quan trọng đối với thanh niên lúc này. Tất cả thanh niên trong lực lượng đi tải gạo đều được giáo dục, quán triệt nhiệm vụ đi vận tải sẽ gặp nhiều gian khổ và cả nguy hiểm trên mỗi cung đường vận chuyển lương thực từ Kinh Ba (Đồng Tháp Mười) qua Bến Cát về chiến khu Đ, nhưng không ai từ chối. Huyện ủy cũng nhấn mạnh mỗi đoàn viên vận tải chính là một chiến sĩ trên mặt trận cứu đói.

Ngay trong đợt đầu tiên, Đại đội thanh niên xung phong đã mang được 4.000 lít gạo về đến căn cứ An Thành (An Tây). Nhìn những bông gạo thơm ngon từ miền Tây chuyển về, cán bộ, chiến sĩ, đồng bào trong căn cứ ủa ra đón trong niềm vui khôn xiết.

Đánh địch, cứu đói là những nhiệm vụ quan trọng nhất đối với Đảng bộ, quân và dân Bến Cát lúc này. Huyện ủy chủ trương phải chú trọng xây dựng Đại đội Lê Hồng Phong; xây dựng, củng cố lực lượng du kích xã, ấp, chủ động chiến đấu chống càn, chống đột cùng với đẩy mạnh công tác vũ trang tuyên truyền và công tác dân vận xây dựng cơ sở vùng du kích và vùng địch hậu; tích cực tăng gia sản xuất, chuẩn bị điều kiện vật chất, tinh thần để đối phó với nạn đói và chống địch càn quét, lấn chiếm. Huyện ủy yêu cầu cấp ủy các chi bộ tăng

cường công tác giáo dục cán bộ, đảng viên, bộ đội, du kích nêu cao tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc; tăng cường đấu tranh với những hành vi sai trái, giảm sút ý chí, tự động bỏ ngũ; khắc phục tư tưởng cố thủ, hữu khuynh, không dám tấn công địch. Trước mắt, Huyện ủy chỉ đạo phải tích cực đánh địch bảo vệ nhân dân thu hoạch mùa màng và sản xuất, kiên quyết làm thất bại âm mưu cướp của, cướp người của địch, củng cố niềm tin cho quần chúng.

Cuối năm 1953 đầu năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta bước vào thời điểm quyết định. Cả nước đẩy mạnh cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954. Để đẩy mạnh hơn nữa đợt hoạt động phối hợp với chiến trường chính trong chiến dịch tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, Tỉnh ủy Thủ Biên chủ trương phát huy chiến thắng, tiếp tục tấn công vào hệ thống đồn bót của địch trên các trục giao thông quan trọng, các điểm xung yếu bao quanh thị trấn, thị xã, tiêu hao, tiêu diệt, kìm chân địch.

Quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy, quân và dân Bến Cát đã tích cực chủ động phối hợp với chiến trường chung của tỉnh tấn công tiêu diệt địch kết hợp với xây dựng căn cứ, xây dựng lực lượng mọi mặt.

Giữa tháng 3/1954, Đại đội Lê Hồng Phong phối hợp du kích các xã mở đợt hoạt động đánh vào các đường giao thông huyết mạch của địch, làm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch để mở rộng, nối liền các vùng căn cứ của ta, giành quyền chủ động trên địa bàn quan trọng này. Cấp ủy chi bộ xã đã chỉ đạo du kích, cán bộ đoàn thể móc nối, xây dựng cơ sở trong đồn bót địch như Cầu Định, Thới Hòa, Thanh Tuyên, Chánh Phú Hòa...; thông qua gia đình có con em đi lính vận động bỏ ngũ về nhà làm ăn hoặc mang súng đi theo cách mạng. Một số binh lính ngụy đã chấp nhận ở lại làm cơ sở nội ứng cho ta, góp phần hạn chế hoạt động của địch, tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang địa phương

thực hiện những trận đánh đồn, diệt bót. Trong vùng địch kiểm soát như: An Hòa, An Lợi (xã Hòa Lợi), cầu Định (xã Tân Định), thị trấn Mỹ Phước, Bến Súc (xã Thanh Tuyền), đồng bào đã vận động được hàng chục thanh niên không đi lính cho địch, tham gia du kích hoặc thoát ly vào bộ đội.

Trên cơ sở phong trào kháng chiến ngày càng phát triển, cơ sở đảng ở các cơ quan, đơn vị vũ trang, nhất là chi bộ các xã không ngừng được củng cố và phát triển, một số xã có trên 100 đảng viên. Ở xã Thới Hòa, nhờ vũ trang tuyên truyền tấn công địch, chỉ trong 3 tháng (từ tháng 12/1953 đến tháng 3/1954), đội du kích xã từ một tiểu đội gồm 15 người đã xây dựng, phát triển lên 40 đội viên và gần 100 du kích mật ở các ấp. Ngoài ra, cấp ủy chi bộ các xã còn chú trọng công tác giáo dục đảng viên về vai trò lãnh đạo, nhiệm vụ tham gia lực lượng du kích chiến đấu, nhiệm vụ giáo dục vận động quần chúng tham gia đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, tiến công địch về mọi mặt.

Cuối tháng 5/1954, lực lượng vũ trang huyện Bến Cát phối hợp với lực lượng vũ trang huyện Châu Thành và Tiểu đoàn 303 tổ chức tấn công đồn Cầu Định, xã Tân Định lần thứ ba. Lực lượng chủ công đánh đồn Cầu Định bí mật hành quân về tập kết tại căn cứ An Điền. Trong khi các đơn vị tham gia trận đánh tổ chức huấn luyện thì Hội Mẹ chiến sĩ, Hội Phụ nữ ba xã tây nam vận động nhân dân quyên góp quà bánh, tổ chức thăm hỏi, động viên bộ đội. Cấp ủy chi bộ các xã Thới Hòa, Phú An, An Tây, Tân Định, Hòa Lợi được lệnh chuẩn bị lực lượng dân công sẵn sàng phục vụ trận đánh.

Phối hợp với trận đánh đồn Cầu Định, Đại đội Lê Hồng Phong được lệnh tổ chức hoạt động mạnh trên đường số 7, đường số 2, cùng lực lượng huyện Lái Thiêu hoạt động ở phía nam của tỉnh để nghi binh, thu hút lực lượng địch, hạn chế khả năng chi viện của chúng cho Cầu Định.

Trận tấn công đồn Cầu Định diễn ra từ 0 giờ ngày 01/6/1954. Dịch chống trả quyết liệt. Ngô Chí Quốc - Tiểu đội phó đặc công của Tiểu đoàn 303, lên thay xung kích mở cửa. Dù bị thương, Ngô Chí Quốc vẫn ôm khối bêta nặng 8kg, đánh thẳng vào hàng rào cuối cùng, mở cửa cho bộ đội ta xông lên trước khi hy sinh. Trên các mũi, bộ đội tiếp tục tấn công địch. Đến 02 giờ sáng ngày 01/6/1954, trận đánh mới dứt điểm. Ta xóa sổ Đại đội commăngđô 752 gồm 156 tên địch, thu toàn bộ vũ khí. Tiếng súng trong đồn vừa dứt, hơn 100 dân công các xã Thới Hòa, Tân Định, Định Hòa đã theo chân bộ đội tràn vào đồn, thu súng đạn, lương thực, quân trang, quân dụng chuyển về căn cứ. Một bộ phận của Tiểu đoàn 303 rút về căn cứ ba xã tây nam được ghe, xuồng của đồng bào xã Phú An bố trí đón sẵn.

Mất liên lạc với đồn Cầu Định, địch cho lực lượng từ Thủ Dầu Một lên cứu viện. Bọn lính cứu viện bị quân ta chặn đánh tại ngã tư Sở Sao, khu vực rừng Cào Cào. Ta diệt và làm bị thương 36 tên. Khi trở về, hơn 30 tên trong đơn vị địch đi cứu viện đã bỏ ngũ. Tại đồn Vĩnh Hòa (xã Thới Hòa), chỉ mấy ngày sau khi đồn Cầu Định bị diệt đã có 6 lính ngụy bỏ về với gia đình. Trận đánh đồn Cầu Định (lần thứ ba) là trận chiến đấu hiệp đồng công đồn với sự tham gia của nhiều lực lượng, cũng là trận đánh lớn nhất của lực lượng vũ trang tỉnh Thủ Biên trong đợt hoạt động phối hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ.

Phát huy thắng lợi, ngày 05/7/1954, quân và dân Bến Cát phối hợp với Đại đội 65, Tiểu đoàn 303, tấn công đồn Bến Tranh lần thứ hai. Trước đó, khi địch đưa Đại đội 1 commăngđô đóng lại đồn Bến Tranh (tháng 10/1953), Xã đội Thanh An đã tổ chức xây dựng được nội tuyến trong đồn. Kết hợp ngoại công với nội ứng, ta tấn công, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đại đội địch đóng giữ đồn Bến Tranh. Nhân dân Thanh Tuyên, Long Nguyên, Kiến An cùng bộ đội, du kích đã dùng xe bò vận chuyển toàn bộ chiến lợi phẩm, súng đạn, lương thực về căn cứ.

Trận tấn công tiêu diệt đại đội địch đóng giữ hai đồn Cầu Định, Bến Tranh cùng với các hoạt động tấn công địch trên khắp các chiến trường khiến địch tại Bến Cát càng hoang mang. Phát huy thắng lợi hoạt động tác chiến của các lực lượng vũ trang, du kích cùng đồng bào hai xã Thanh An, Thanh Tuyền, các xã ven quốc lộ 13, đường số 2... đẩy mạnh hoạt động binh vận, tác động, hù dọa binh lính đóng trong các đồn bót, tháp canh. Trên đường 14, binh lính địch đóng ở tua Suối Dứa, bót Cỏ Tranh (xã Thanh An), đồn Bến Súc (xã Thanh Tuyền) cả tuần không dám ra ngoài.

Phát huy thắng lợi, lực lượng vũ trang Bến Cát phối hợp với du kích Thanh An móc nối cơ sở nội ứng lấy được tua ấp Giáng Hương mà không tốn một viên đạn.

Trước khi ngừng bắn ở chiến trường Nam Bộ theo Hiệp định Giơnevơ, ngay trong đêm 20/7/1954, thực hiện quyết tâm của tỉnh, Tiểu đoàn 303 cùng bộ đội địa phương Châu Thành phối hợp với đội du kích xã Chánh Phú Hòa và cơ sở nội ứng trong đồn tấn công địch đóng giữ đồn Chánh Lưu, bắt sống hơn 60 tên, thu toàn bộ vũ khí. Trận tiêu diệt đồn Chánh Lưu đã kết thúc trước khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực ở Nam Bộ. Đây cũng là trận chiến đấu cuối cùng của quân, dân Bến Cát trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Những thắng lợi giành được trong đợt hoạt động phối hợp chiến trường trong chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954 của quân và dân Bến Cát nói riêng và tỉnh Thủ Biên nói chung đã khắc phục được nhược điểm về vận dụng phương châm “ba vùng”, khắc phục được tư tưởng hữu khuynh, cố thủ, tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức tư tưởng và hành động từ huyện đến xã, chủ động sử dụng lực lượng vũ trang huyện phối hợp với lực lượng tỉnh mở những đợt hoạt động trên vùng du kích, thực hiện vũ trang tuyên truyền, diệt tề

trừ gian, xây dựng, khôi phục cơ sở chính trị vùng tạm chiếm, củng cố và mở rộng vùng giải phóng.

Thắng lợi trong đợt hoạt động phối hợp chiến trường trong Đông Xuân 1953 - 1954 của Đảng bộ, quân và dân huyện Bến Cát là kết quả của việc chăm lo xây dựng thực lực cách mạng về mọi mặt, trước hết là chăm lo xây dựng Đảng bộ, xây dựng lực lượng vũ trang; là kết quả của sự kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và đẩy mạnh, phát huy hiệu quả mũi tấn công binh vận, kết hợp tấn công tiêu diệt với gọi hàng, bức rút đồn bót, lôi kéo thức tỉnh binh sĩ ngụy trở về với nhân dân, với cách mạng; là kết quả của một quá trình liên tục không ngừng xây dựng, củng cố căn cứ kháng chiến huyện, xã, liên xã gắn liền với căn cứ của tỉnh, tạo nên hệ thống căn cứ liên hoàn; là kết quả của việc chăm lo xây dựng phát triển lực lượng vũ trang gắn liền với xây dựng lực lượng chính trị, cơ sở chính trị, cơ sở hậu cần sâu rộng cả ở vùng căn cứ, vùng du kích và vùng bị tạm chiếm, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang của tỉnh, huyện, du kích xã, áp hoạt động tác chiến tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, từng bước mở rộng căn cứ, tạo thế cho quần chúng vùng địch kiểm soát đẩy mạnh đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ, góp phần vào thắng lợi chung trên chiến trường.

Những ngày cuối tháng 7/1954, tại căn cứ Long Nguyên, các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy ban kháng chiến - hành chính, Mặt trận Liên Việt của huyện Bến Cát cùng cán bộ chủ chốt của huyện Hớn Quản đã tham gia học tập ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định Giơnevơ và nhiệm vụ của cách mạng trong thời gian tới do đoàn cán bộ của tỉnh về triển khai.

Trên tinh thần của Hiệp định Giơnevơ, thực hiện chỉ thị của tỉnh, lực lượng vũ trang tỉnh, huyện và một bộ phận cán bộ các ngành được đưa đi tập kết ra miền Bắc phải gấp rút chuẩn bị sẵn sàng lên đường ra Hàm Tân - Xuyên Mộc (điểm tập trung tập kết của lực lượng tỉnh Thủ Biên) cho kịp ngày quy định.

Giữa bộn bề công việc phải sắp xếp ổn định tổ chức nên không ai có thời gian để suy tính cho riêng mình. Đi tập kết hay ở lại là do Đảng phân công. Nhiều đồng chí còn không kịp trở về nhà chia tay gia đình, người thân khi được lệnh rời căn cứ Long Nguyên về chiến khu Đ để tập kết ra Bắc.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta đã giành thắng lợi, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nhưng ở miền Nam vẫn còn lực lượng quân đội “liên hiệp Pháp” tạm thời chiếm đóng. Lúc này, đế quốc Mỹ đang ngấm ngấm thực hiện âm mưu nhảy vào miền Nam, thay chân Pháp xâm lược nước ta. Vì vậy, nhiệm vụ của những cán bộ, đảng viên được phân công ở lại cùng nhân dân tiếp tục cuộc đấu tranh cho sự nghiệp thống nhất đất nước còn rất nặng nề.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc thắng lợi. Đó là cuộc chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong cuộc chiến đấu đó, cùng với quân và dân cả nước, những người cộng sản của Bến Cát đã từng bước xây dựng tổ chức, phát triển lực lượng, giữ vững vai trò lãnh đạo, không ngừng sáng tạo, kiên trì vận động nhân dân đoàn kết vượt mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh, thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh của Đảng. Cán bộ, đảng viên của huyện luôn dũng cảm trong chiến đấu, sống chết với nhân dân, trung thành với cách mạng, được quần chúng tin yêu. Những cán bộ, đảng viên ở từng chi bộ trực thuộc Đảng bộ huyện công tác và chiến đấu trong các cơ quan, đơn vị, xã, ấp len lỏi trong vùng địch hậu..., luôn mưu trí dũng cảm, kiên trì đeo bám địa bàn, vượt qua thiếu thốn, đói khổ, anh dũng chiến đấu, sẵn sàng hy sinh vì thắng lợi của cuộc kháng chiến. Chính họ đã mang quyết tâm của Đảng bộ huyện đến với quần chúng và cùng quần chúng vượt qua gian khổ, khó khăn, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ mà Đảng bộ đã đề ra, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trải qua các giai đoạn cách mạng (1930 - 1945, 1945 - 1946 và 1947 - 1954), từ chỗ chưa có tổ chức đảng đến khi Bến Cát xây dựng lực lượng cách mạng, tập hợp được quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là một quãng thời gian dài với biết bao khó khăn, thử thách, trong đó có cả những hy sinh xương máu của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Tuy nhiên, chính một niềm tin son sắt đất nước sẽ hòa bình, nhân dân sẽ được hưởng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc đã thôi thúc các tổ chức đảng kiên trì gây dựng cơ sở cách mạng, tập hợp lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh, làm cho nhân dân hiểu âm mưu thâm độc của kẻ thù, hiểu được phải đoàn kết nhau lại, trên dưới một lòng thì mới có thể đấu tranh chống lại sự kìm kẹp của kẻ thù, bảo vệ gia đình, quê hương và đất nước.

Không chỉ có những chủ trương đúng đắn, phù hợp, Đảng bộ huyện Bến Cát còn chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang (như Đại đội 3 (Chi đội 1) và các tiểu đội du kích tập trung) và công tác phát triển đảng trong quần chúng nhân dân. Tính đến cuối năm 1947, Bến Cát đã có các tổ chức đảng từ huyện đến các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang và các xã. Các lớp bồi dưỡng, giáo dục quần chúng ưu tú được mở ra để kết nạp đảng viên đứng vào hàng ngũ của Đảng. Giai đoạn này, các tổ chức đoàn thể cũng lần lượt ra đời như Hội Mẹ chiến sĩ, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Công đoàn... Đây là những tổ chức quan trọng trong việc gây dựng cơ sở cho chiến tranh nhân dân, từng bước phá thế bao vây của kẻ địch, chuyển từ thế bị động sang chủ động để làm nên thắng lợi của chiến dịch Bến Cát (chiến dịch Lê Hồng Phong năm 1950), góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Với niềm tin vào thắng lợi của cách mạng, Đảng bộ và nhân dân Bến Cát tiếp tục chiến đấu, viết tiếp những trang sử hào hùng của Đảng bộ, quân và dân trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chương 2

ĐẢNG BỘ BẾN CÁT LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ, GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (1954 - 1975)

I- QUÂN VÀ DÂN BẾN CÁT CÙNG QUÂN VÀ DÂN
THỦ DẦU MỘT ĐẤU TRANH ĐÒI THI HÀNH HIỆP ĐỊNH
GIONEVO, CHUẨN BỊ TIẾN TỚI KHỎI NGHĨA VŨ TRANG
(1954 - 1960)

1. Đấu tranh đòi Mỹ - Diệt thi hành Hiệp định Giơnevơ (7/1954 - 7/1956)

Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết là thắng lợi to lớn của nhân dân ta và nhân dân Đông Dương. Theo tinh thần Hiệp định, các lực lượng kháng chiến Nam Bộ nói chung, tỉnh Thủ Biên nói riêng, sẽ chuyển quân tập kết ra miền Bắc trong thời hạn 80 ngày kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Tỉnh Thủ Biên và huyện Bến Cát khẩn trương thực hiện Hiệp định.

Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương của Xứ ủy, cuối năm 1954, tỉnh Thủ Biên tách thành hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Tỉnh Thủ Dầu Một gồm các huyện: Lái Thiêu, Châu Thành, Bến Cát, Hớn Quản và các đồn điền cao su Dầu Tiếng, Quản Lợi, Lộc Ninh. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bí mật gồm 9 đồng chí. Đồng chí Lê Đình Nhơn (Chín Lệ) được Xứ ủy chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy. Tỉnh ủy lập ra một số ban chuyên

môn như Tuyên huấn, Binh vận, Giao liên căn cứ, Kinh tế - tài chính Đảng. Riêng công tác tổ chức, kiểm tra do Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp phân công phụ trách. Các huyện ủy, thị ủy cũng tổ chức bộ máy gọn nhẹ gồm một số ban chuyên môn (mỗi ban có 1 - 2 đồng chí). Tỉnh ủy đề ra một số nhiệm vụ trước mắt là: Tập trung lãnh đạo công tác tổ chức, đẩy mạnh công tác dân vận, xây dựng căn cứ bí mật sát dân, trong dân; giữ vững nguyên tắc hoạt động bí mật nhằm giữ gìn lực lượng, sẵn sàng đối phó với âm mưu, thủ đoạn mới của địch. Các đoàn thể trong kháng chiến chống Pháp tự giải thể chỉ còn Đoàn Thanh niên Lao động (gọi tắt là Đoàn thanh lao) ở cơ sở (xã) do cấp ủy chỉ bộ xã trực tiếp lãnh đạo. Tỉnh ủy chỉ định cấp ủy bí mật của các huyện, thị.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bến Cát do đồng chí Diệp Hồi làm Bí thư, đồng chí Ba Thương (Sáu Thị) làm Phó Bí thư. Huyện ủy viên có các đồng chí: Đoàn Văn Thuận (Bảy Ngân), Nguyễn Hữu Phúc - Trưởng Ban Binh vận Huyện ủy, Lê Văn Hòa (Năm Hòa) - Bí thư Đảng ủy xã Long Nguyên, Nguyễn Văn Thới (Tư Thới) - Bí thư Đảng ủy xã Thới Hòa, Nguyễn Văn Mừng (Sáu Mừng) - Bí thư Đảng ủy xã An Điền, Nguyễn Văn Tân, Nguyễn Văn Lý.

Tại căn cứ Long Nguyên, đồng chí Diệp Hồi - Bí thư Huyện ủy chủ trì cuộc họp đầu tiên của Huyện ủy để bố trí, sắp xếp lại lực lượng, triển khai nhiệm vụ xây dựng cơ sở và lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân. Huyện ủy chỉ định cấp ủy chỉ bộ các xã và thành lập Ban Cán sự Đảng cao su Dầu Tiếng do đồng chí Đoàn Văn Thiện làm Bí thư. Ngoài ra, Huyện ủy cũng chỉ đạo Đảng ủy xã Long Nguyên chôn giấu hơn 200 khẩu súng để lại trước khi tập kết.

Khi ký kết Hiệp định Giơnevơ, phần lớn địa bàn huyện Bến Cát là vùng căn cứ và vùng giải phóng như Thanh An, Thanh Tuyên, Long Nguyên, Kiến Hưng, An Tây, An Điền, Phú An,

Lai Uyên... Các xã còn lại là vùng du kích tranh chấp mạnh. Đồng bào sống rải rác trong vùng căn cứ, vùng giải phóng tương đối đông. Hầu hết nhân dân đều tham gia các đoàn thể quần chúng cách mạng. Số lượng đảng viên của huyện (khi đã đi tập kết) đến cuối năm 1954 là gần 1.000 đồng chí. Các xã Long Nguyên, An Điền, Thới Hòa vẫn là đảng bộ, các xã còn lại là chi bộ. Sau khi sắp xếp lại tổ chức, một số đảng viên được phân công sinh hoạt trong các tổ chức quần chúng hợp pháp, làm nòng cốt để tập hợp quần chúng; số khác được bố trí hoạt động bí mật, phải hạn chế đi lại, tiếp xúc với gia đình, người thân.

Ngay sau khi lên làm Thủ tướng chính quyền Sài Gòn, Ngô Đình Diệm ráo riết thực hiện ý đồ của đế quốc Mỹ là xây dựng quân đội, bộ máy thống trị phản động tay sai từ trung ương đến tỉnh, huyện, xã, ấp. Cuối năm 1954, Diệm cho lập tổ chức chính trị phản động “Cần lao nhân vị cách mạng đảng”, phát động phong trào “cách mạng quốc gia”; lôi kéo, ép buộc quần chúng tham gia vào các tổ chức phản động như “Thanh niên cộng hòa”, “Phụ nữ liên đới”... nhằm tập hợp lực lượng, đồng thời đánh lạc hướng phong trào đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ đang phát triển mạnh mẽ trong các tầng lớp nhân dân miền Nam. Ngô Đình Diệm đưa ra khẩu hiệu “Bài phong, đả thực, diệt cộng”, nhưng thực chất là đánh vào những người cộng sản, những người kháng chiến cũ, đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam. Ngoài ra, chúng biến vùng căn cứ kháng chiến của ta thành vùng dân cư nằm trong tầm kiểm soát có ý nghĩa chiến lược. Từ cuối năm 1954, chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm đưa số đồng bào miền Bắc theo đạo Công Giáo di cư vào sống trên khắp các địa bàn xung yếu, vùng căn cứ kháng chiến của tỉnh. Tại Bến Cát, chúng lập các trại định cư tại Giáng Hương, Phó Bình, Sở Trà, Xuân Ninh, Trà Cổ, Long Cầu, Rạch Kiến, Lai Khê... Khu định cư Thị Tịch, một điểm nằm sâu

trong căn cứ kháng chiến Long Nguyên được Diệm đích thân đi kiểm tra.

Tại Bến Cát, tháng 10/1954, địch đưa Sư đoàn 13 sơn cước án ngữ ở Lai Khê, Chơn Thành nhằm cơ động đánh phá đông tây quốc lộ 13, ngăn chặn hành lang chiến khu Long Nguyên nối chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh) với chiến khu Đ. Đầu năm 1955, địch giải thể các ban đại diện ở các xã vùng giải phóng (do nhân dân lập ra khi Hiệp định Giơnevơ có hiệu lực), lập Hội đồng hương chính do chúng chỉ định. Chúng đưa những tên tay sai có nhiều nợ máu với nhân dân hoặc đầu hàng, phản bội về nắm giữ những chức vụ chủ chốt trong bộ máy tề ở cơ sở. Để đánh phá cơ sở của cách mạng, kiểm soát, khống chế quần chúng ở từng thôn ấp, chúng lập ra “ngũ gia liên bảo”. Những gia đình có người thân đi kháng chiến, đi tập kết bị chúng khống chế ngày càng gắt gao. Hằng ngày, bọn công dân vụ tiến hành các hoạt động tuyên truyền, sách động quần chúng bằng các thủ đoạn vu khống cách mạng, bôi nhọ hạ uy thế đảng viên, cán bộ kháng chiến. Chúng ép buộc quần chúng, những người kháng chiến cũ phải tham dự những buổi “học tập”, buộc mọi người phải “tố cộng”, bắt vợ tố chồng, con tố cha, ly khai cộng sản, nói xấu cách mạng, xuyên tạc kháng chiến trước quần chúng. Chúng tung bọn đầu hàng, phản bội, bọn chỉ điểm giả danh người đi mua trâu, bò, mua đồ hàng bông, mua bán ve chai, thiến heo, cắt tóc dạo, bắt ếch, bắt rắn... len lỏi trong từng ngõ xóm, ngoài đồng ruộng hòng phát hiện dấu vết, nơi ăn ở, đi lại hoạt động của cán bộ, đảng viên mà chúng gọi là “Việt cộng nằm vùng” để truy bắt.

Trước tình hình đó, Đảng bộ huyện Bến Cát chủ trương một mặt đấu tranh đòi bầu cử dân chủ, mặt khác chuẩn bị đưa những người mà địch cho là không nguy hiểm hoặc chưa nắm chắc tham gia vào bộ máy tề. Nhờ vậy, nhiều ban tề xã, ấp đã có người của ta tham gia, tạo điều kiện nắm tình hình để

đối phó với các âm mưu, thủ đoạn của địch. Đồng thời, Đảng bộ huyện còn quán triệt cấp ủy chi bộ cơ sở tổ chức học tập cho từng cán bộ, đảng viên trong chi bộ hoặc hoạt động đơn tuyến phải giữ đúng nguyên tắc hoạt động bí mật của Đảng khi ra công khai; cán bộ, đảng viên ra hoạt động công khai phải “tùy cơ ứng biến”. Một số đồng chí hoạt động bí mật không thể ra công khai phải dùng thẻ căn cước giả do cơ sở cung cấp. Đơn vị cung cấp thẻ căn cước giả do bộ phận an ninh của Tỉnh ủy làm việc trong bộ máy hành chính của địch ở Dầu Tiếng là chị Nguyễn Thị Dậu chuyển ra. Đồng chí Nguyễn Văn Lý (bí danh Tám Cẩn, hay còn gọi là Tám thầy thuốc) - Huyện ủy viên được bố trí công tác tại Ban Cán sự Đảng đồn điền Dầu Tiếng là “chuyên gia” làm dấu giả, giả chữ ký quận trưởng trên thẻ căn cước cho cán bộ, đảng viên hoạt động bí mật. Nhờ vậy, trong những năm 1955 - 1956, đảng viên hoạt động bí mật ở Bến Cát, Dầu Tiếng không ra làm căn cước do địch cấp, nhiều đồng chí đã tránh được sự truy bắt của địch.

Tại Long Nguyên, năm 1955, Tổ điện đài của Tỉnh ủy (gồm 5 đồng chí) phải thường xuyên di chuyển. Lúc đầu, tổ đóng ở rừng Tà Mun (ấp Trảng Xếp), rồi dời về ấp Bò Càng. Tại đây, tổ được cơ sở trong Hội đồng hương chính xã Long Nguyên giúp đỡ làm giấy thông hành với tên giả để tạo thế hợp pháp trong ăn ở, đi lại làm việc. Nhờ có những cơ sở cách mạng như: gia đình anh Năm Song, Trần Thị Hữu (Sáu Hữu), Bảy Sẻ (tức Bảy Hiệp), Út Cánh, Út Bình... nuôi dưỡng, bảo vệ nên Tổ điện đài vẫn an toàn làm việc trước những hoạt động lùng sục của bọn bảo an, dân vệ.

Cũng trong năm 1955, hàng trăm công nhân đồn điền cao su Dầu Tiếng cùng với công nhân cao su miền Đông, công nhân Sài Gòn tham gia đấu tranh đòi chính quyền Diệm phải chấp nhận những điều trong “cộng đồng khế ước cao su Việt Nam” do công nhân đưa ra. Tại Bến Cát, ta vận động quần chúng đấu tranh khi địch bỏ mặc hơn 3.000 đồng bào miền

Bắc bị cưỡng bức di cư đến lập khu định cư ở Kiến An, Long Nguyên, Lai Hưng (ở dọc lộ 7 từ Kiến An đến Rạch Bắp) sống trong cảnh màn trời, chiếu đất. Đồng bào vạch mặt tên Lưu (kẻ thay mặt “Tổng quỹ di cư” của Ngô Đình Diệm tại địa phương) đã bớt xén tiêu chuẩn của dân, yêu cầu hẳn phải cấp hết gạo, thực phẩm, thùng gánh nước cho đồng bào. Tên Lưu không thực hiện lời yêu cầu, đồng bào kéo lên huyện Bến Cát đấu tranh đòi về miền Bắc.

Trước tình cảnh đồng bào di cư bị bệnh tật, đói khát, Huyện ủy chỉ đạo chi bộ các xã vận động quần chúng đóng góp tiền, gạo giúp đỡ họ trong hoạn nạn; đồng thời, vận động, tiếp sức cho đồng bào di cư tiếp tục đấu tranh. Sau vụ tên Lưu và lính đồn Bến Súc truy lùng bắt những người dân di cư bỏ trốn, đánh chết 9 người, bị thương hơn 20 người khác, nhân dân địa phương và đồng bào di cư đã kéo lên quận đấu tranh đòi bồi thường nhân mạng, đòi cấp gạo và phương tiện để làm ăn sinh sống. Nhiều đồng bào di cư đã hiểu rõ âm mưu lừa mị của địch, liên tiếp đấu tranh đòi chính quyền Diệm phải trả họ về miền Bắc, đòi Mỹ - Diệm phải thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi bình thường hóa quan hệ hai miền Nam - Bắc, đòi tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Cùng với phong trào đòi dân sinh, dân chủ, đòi tự do đi lại làm ăn, phong trào đấu tranh của nhân dân Bến Cát đòi chính quyền Diệm thực hiện hiệp thương thống nhất đất nước diễn ra rầm rộ. Ở ba xã tây nam, Thới Hòa, Kiến An, Long Nguyên, Chánh Phú Hòa..., nhân dân tổ chức từng đoàn biểu tình kéo về tỉnh lỵ, đòi Tỉnh trưởng cho gặp đại diện phái đoàn Ủy hội quốc tế để đưa kiến nghị. Nhiều đồng bào đã khéo léo vượt qua sự kiểm soát của địch, xuống tận Sài Gòn cùng với quần chúng các địa phương đưa kiến nghị cho phái đoàn Ủy hội quốc tế, đòi chính quyền Sài Gòn phải thực hiện các điều khoản trong Hiệp định Giơnevơ.

Từ tháng 9/1955, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương chuyển căn cứ về địa bàn Bến Cát (An Điền, Kiến An, Long Nguyên). Huyện ủy Bến Cát kịp thời tiếp nhận sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển mạnh mẽ.

Khi Ngô Đình Diệm bày trò “trưng cầu dân ý” (ngày 23/10/1955), chủ trương của ta là lên án trò lừa bịp của địch. Tại Bến Cát, Huyện ủy chỉ đạo cấp ủy chi bộ các xã vận động đưa quần chúng phối hợp với các địa phương trong tỉnh và toàn Miền ra đấu tranh, tạo thành một phong trào rộng lớn, vạch trần “trò hề” của bọn tay sai bán nước Ngô Đình Diệm. Đây là đợt đấu tranh lớn đầu tiên kể từ sau ngày 20/7/1954 của nhân dân Bến Cát. Phụ nữ là lực lượng tham gia đấu tranh đi đầu và đông đảo nhất.

Sau khi tổ chức “trưng cầu dân ý” (ngày 23/10/1955) để phết truất Bảo Đại, tự phong mình làm Tổng thống, Ngô Đình Diệm tiếp tục bày trò tổng tuyển cử (ngày 04/3/1956) lập quốc hội bù nhìn, tạo cho chính quyền tay sai bộ mặt hợp hiến giả hiệu. Diệm đưa ra những khẩu hiệu bịp bợm như: “Phục hồi văn hóa Á Đông”, “thăng tiến cần lao”, “cộng đồng hương thôn”, “đoàn kết quốc gia” để thực hiện mục tiêu “loại trừ cộng sản”.

Từ khi thực hiện Hiệp định Giơnevơ đến đầu năm 1956, Huyện ủy Bến Cát chủ trương lấy Hiệp định làm cơ sở pháp lý để đưa ra những khẩu hiệu đấu tranh đòi các quyền tự do đi lại làm ăn, đòi được gởi và nhận bưu phẩm (của người thân đi tập kết), không được trả thù những người kháng chiến cũ, đòi cứu tế, chống bắt lính. Những khẩu hiệu đưa ra đấu tranh hợp pháp hoặc nửa hợp pháp vừa sức, phù hợp với quyền lợi, tâm tư nguyện vọng của nhân dân nên được đông đảo quần chúng đồng tình tham gia.

Lúc này, chủ trương của Đảng vẫn là đấu tranh chính trị. Cán bộ, đảng viên sử dụng vũ khí tự vệ là bị kiểm điểm vì như

vậy là biểu hiện “thiếu tin tưởng vào đường lối của Đảng”, có tư tưởng “vũ trang mạnh động”. Có những trường hợp, chỉ 1 - 2 tên do thám vào ấp, vào rừng giả vờ đồn củi, bứt dây để tìm kiếm căn cứ nơi cán bộ, đảng viên trụ bám; khi phát hiện cán bộ, chúng đuổi bắt, cán bộ phải tự tìm cách thoát thân không được dùng vũ khí tự vệ. Hoặc khi thấy tên cảnh sát, mật vụ hà hiếp dân ngay bìa căn cứ của ta, cán bộ cũng phải làm ngơ cho chúng lục soát như ở chỗ không người. Ở Thới Hòa, trước sự khủng bố gắt gao của địch, cấp ủy chủ trương bí mật diệt những tên ác ôn của Chi cảnh sát Bến Cát liên bị kiểm điểm. Cán bộ xã bức xúc thổ lộ: Ta đấu tranh kiểu này với địch chỉ có cửa huê, cửa thua... Địch ruồng, chạy thoát là huê, bị bắt là thua.

Trước sự đánh phá điên cuồng, đồng loạt, trên diện rộng của địch, nhiều đảng viên, cán bộ, quần chúng trung kiên bị bắt, tù đầy, giết hại, quần chúng hoang mang, lo lắng, sợ liên lụy. Phong trào đấu tranh chính trị tạm lắng xuống.

Tuy vậy, ở một số xã như Thanh Tuyền, Long Nguyên, Thới Hòa..., cán bộ, đảng viên vì quá phẫn nộ trước hành động dã man của địch đã viết đơn kiến nghị lên huyện, tỉnh xin lập tổ tự vệ vũ trang để chống địch khủng bố, bảo vệ cán bộ, bảo toàn lực lượng. Trong khi chờ ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Bến Cát chủ trương cán bộ, đảng viên bị lộ không còn khả năng hoạt động công khai hợp pháp dựa vào thế rừng, tạo thế ẩn ở để tránh địch truy lùng, bắt bớ. Từ đó, một số xã như Thanh Tuyền, Long Nguyên đã hình thành nhóm vũ trang tự vệ.

Đầu tháng 10/1956, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một tổ chức Hội nghị bất thường nhằm đánh giá tình hình, bàn biện pháp chấn chỉnh tổ chức và thực hiện Chỉ thị số 4-HBC của Xứ ủy Nam Bộ về công tác cán bộ. Hội nghị chỉ rõ nhiệm vụ của Tỉnh ủy lúc này là: Phải chấn chỉnh lại tổ chức, tiếp tục củng cố giữ gìn lực lượng trong điều kiện địch đang điên cuồng đánh phá

khủng bố trắng. Tỉnh ủy chủ trương: Những đảng viên có vấn đề nghi vấn chính trị hoặc có biểu hiện dao động thì cho nghỉ, đưa ra ngoài tổ chức đảng; những đảng viên trung kiên bị lộ thì điều đi nơi khác hoạt động hoặc rút ra vùng căn cứ, tổ chức thành chi bộ lộ, hoạt động dựa vào thế rừng ở địa phương để giữ gìn lực lượng; những đảng viên tốt, chưa bị lộ có thể tạm thời không hoạt động để che mắt địch; những đồng chí có “vỏ bọc” hợp pháp tốt tiếp tục hoạt động công khai. Đồng thời, Tỉnh ủy chỉ định bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Mừng (Sáu Mừng, Ba Đoàn) - Bí thư Huyện ủy Bến Cát vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; đồng chí Nguyễn Văn Thới (Tư Thới) - Huyện ủy viên, Bí thư Đảng ủy xã Thới Hòa làm Phó Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Văn Dâu (Sáu Trung) - Huyện ủy viên vào Ban Thường vụ Huyện ủy... Ngoài ra, Tỉnh ủy cũng chủ trương lấy căn cứ Long Nguyên bí mật xây dựng căn cứ, xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh.

Cuối năm 1956, địch tiếp tục đánh phá ác liệt phong trào cách mạng của địa phương. Cấp ủy chi bộ các xã đã nhanh chóng thực hiện chủ trương của Huyện ủy, đưa hầu hết những đảng viên còn nhiệt huyết có dấu hiệu bị lộ, hoặc bị lộ nhưng chưa bị bắt ra rừng căn cứ tạo thế ẩn ở bí mật để giữ gìn lực lượng. Khi Tỉnh ủy thực hiện chủ trương rút một số cán bộ, đảng viên của huyện Châu Thành và Bến Cát về Bắc Bến Cát, bí mật xây dựng căn cứ, xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh, Đảng bộ huyện Bến Cát đã có thêm thuận lợi để củng cố tổ chức đảng, giữ gìn lực lượng, từng bước chuyển hướng đấu tranh, đưa phong trào cách mạng vượt qua thời kỳ khó khăn nghiêm trọng nhất.

2. Từng bước vũ trang tuyên truyền, diệt ác, phá kiềm, góp phần củng cố căn cứ (7/1956 - 1959)

Từ cuối năm 1956, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương xây dựng căn cứ, lực lượng vũ trang, trước mắt tập hợp, bảo vệ, giữ

gìn cán bộ, du kích bị lộ mà Tỉnh ủy xác định số cán bộ này là nòng cốt. Tỉnh ủy giao nhiệm vụ cho đồng chí Trương Văn Nghĩ (Nguyễn Như Phong) - nguyên Bí thư Huyện ủy Châu Thành, tập hợp một số cán bộ, đảng viên lộ của Châu Thành, Bến Cát xây dựng căn cứ Long Nguyên. Tháng 02/1957, từ vị trí đứng chân ở rừng Hóc Măng, Bà Tòng, số cán bộ, đảng viên, du kích bị lộ đưa về Long Nguyên đã mở đường lên suối Đá, ấp Bà Tứ, ấp Hố Mên (xã Long Nguyên) xây dựng căn cứ đứng chân.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị bất thường (10/1956) của Tỉnh ủy, từ cuối năm 1956, Huyện ủy chủ trương điều lắng cán bộ, đảng viên và tiến hành tổ chức lại chi bộ xã dưới hai hình thức: *Chi bộ lộ* gồm những đảng viên không còn khả năng công khai hợp pháp, bí mật ra rừng để lãnh đạo chi bộ bên trong (chi bộ mật) hoạt động, xây dựng củng cố cơ sở quần chúng, khôi phục phong trào; *chi bộ mật* gồm những đảng viên còn khả năng hoạt động công khai hợp pháp, đã trải qua những đợt khủng bố đánh phá của địch vẫn tỏ ra vững vàng. Chi bộ mật thông qua những cơ sở quần chúng cũ, xây dựng cơ sở mới; hướng dẫn cơ sở và quần chúng đấu tranh chính trị; vận động nhân dân đóng góp lương thực nuôi dưỡng lực lượng ở vùng căn cứ. Chi bộ lộ hướng dẫn, chỉ đạo chi bộ mật bên trong hoạt động. Huyện ủy đã điều động, bố trí bí thư chi bộ cho những xã bị tổn thất nặng cả đảng viên và cấp ủy như Chánh Phú Hòa. Chỉ trong một thời gian ngắn (từ cuối năm 1956 đến đầu năm 1958), tất cả các xã đều hình thành tổ chức hai chi bộ (lộ, mật).

Do đặc điểm của thị trấn, Mỹ Phước đã tổ chức hai chi bộ mật là: Chi bộ 21 (vì còn 21 đảng viên) phụ trách các ấp, xóm; Chi bộ 14 (vì còn 14 đảng viên), còn gọi là chi bộ thị trấn. Cả hai chi bộ đều chịu sự chỉ đạo của hai đồng chí Mười Tỷ và Hai Xấu do Huyện ủy phân công. Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ 21 đã tổ chức bộ phận bí mật hoạt động

trong rừng căn cứ cũ làm nhiệm vụ in ấn tài liệu, truyền đơn, do Tư Thờ và Bảy Cai phụ trách. Mọi thư từ, công văn, tài liệu, truyền đơn được chuyển xuống các ấp đều thông qua hệ thống cơ sở hoạt động công khai. Để duy trì và đẩy mạnh phong trào quần chúng, Huyện ủy chủ trương các chi bộ xây dựng cơ sở bí mật trong các tầng lớp nhân dân. Mục tiêu đấu tranh chính trị là nhằm bảo vệ quyền lợi thiết thực của quần chúng như đòi miễn, hoãn quân dịch, chống khủng bố, chống lập khu trù mật, khu đồn dân.

Về phía địch, tháng 4/1957, Ngô Đình Diệm ban hành cái gọi là “quốc sách dinh điền” đặt ngang với “quốc sách tổ cộng”, thực chất là nhằm thực hiện chính sách đầu tư, khai thác và chuẩn bị chiến tranh, đàn áp cách mạng miền Nam. Hầu hết các địa điểm địch xây dựng dinh điền đều đặt tại các vùng đất phì nhiêu, vùng rừng núi căn cứ cách mạng trong kháng chiến.

Ngay sau khi kết thúc chiến dịch Trương Tấn Bửu, Mỹ - Diệm mở tiếp cuộc càn Sao Mai, đánh phá vùng nông thôn và căn cứ của ta, gom dân lập các “khu trù mật”, “khu dinh điền”, bắt thanh niên đi lính hoặc tham gia vào các tổ chức phản động như “Thanh niên cộng hòa”, “Phụ nữ liên đới”, “Phòng vệ quốc gia”... nhằm xây dựng và tập hợp lực lượng ở xã, ấp và triệt phá cơ sở cách mạng.

Chính sách “cải cách điền địa” của Mỹ - Diệm với chương trình “khu trù mật” đã vấp phải sự chống phá quyết liệt của nhân dân Bến Cát. Tại Bến Cát, địch đưa hơn 3.000 đồng bào Công giáo di cư từ các tỉnh phía bắc vào ở dọc lộ 7, Thị Tính, Kiến An, Phó Bình hòng triệt phá địa bàn căn cứ kháng chiến của ta. Không kế mưu sinh, đồng bào phải phá rừng bán củ, đốt than, tạo thành lực lượng phá rừng căn cứ thay cho chúng. Tháng 4/1957, địch tiến hành gom dân lập “khu trù mật” Phó Bình (xã Long Nguyên). Nhân dân đấu tranh quyết liệt trong

hai tháng, cuối cùng địch phải bỏ dở kế hoạch. Tại Sở Trà (Kiến An), Diệm đưa đồng bào Công giáo di cư tới lập dinh điền, cho đồng bào Công giáo chặt phá hơn 30ha rừng làm củi, thực chất là phá rừng căn cứ của ta. Đồng chí Tám Lưu - cán bộ phụ trách công tác di cư của huyện phối hợp với cấp ủy chỉ bộ các xã Kiến An, Long Nguyên, An Điền vận động quần chúng tại chỗ giúp đỡ thuốc men, gạo, mắm cho đồng bào di cư lúc thiếu thốn, đau yếu; vận động đồng bào đấu tranh buộc địch đến năm 1961 - 1962 phải chuyển toàn bộ số dân di cư về Dầu Giây, Xuân Lộc.

Để củng cố tư tưởng cho cán bộ, đảng viên trong những năm 1956 - 1958, tại căn cứ Ba Bàu (xã Lai Hưng), căn cứ Giếng Chảo (xã An Điền), nhiều lớp bồi dưỡng chính trị cho cán bộ, đảng viên, chi ủy viên chi bộ, đoàn viên đang hoạt động công khai, bí mật ở cơ sở được mở. Nội dung học tập là những tài liệu thiết yếu cho cán bộ cơ sở như “5 bước công tác”, “những việc cần thiết và cần phải làm” của cán bộ cơ sở, “26 câu hỏi về đường lối cách mạng miền Nam”, tài liệu “sống vĩ đại, chết vinh quang”, học tập khí tiết cách mạng của người cộng sản qua hai tấm gương Võ Thị Sáu và Lý Tự Trọng... Qua đó, hướng dẫn cho cán bộ, đảng viên nắm vững nguyên tắc, phương pháp xây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng; hiểu biết thêm về đường lối cách mạng, củng cố niềm tin; giữ vững khí tiết trong mọi hoàn cảnh khó khăn, ác liệt. Do điều kiện về lương thực, ăn ở, đi lại khó khăn nên mỗi lớp học chỉ có 10 - 15 học viên, với thời gian học 2 - 3 ngày. Nhờ có nhân dân giúp đỡ, căn cứ ổn định, huyện đã mở được nhiều lớp, cán bộ cơ sở lần lượt được học tập, hiểu biết thêm về đường lối của Đảng, nắm thêm được tình hình, củng cố thêm niềm tin vào cách mạng.

Trước yêu cầu về lương thực để nuôi quân, xây dựng lực lượng vũ trang, thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, năm 1957,

Huyện ủy Bến Cát phân công cán bộ thành lập bộ phận hậu cần do Chi bộ xã Chánh Phú Hòa trực tiếp tổ chức lực lượng, làm nhiệm vụ bí mật vận động quần chúng đóng góp tiền gạo, thuốc men tiếp tế cho cách mạng. Ngoài lực lượng tại chỗ, ta còn móc nối với cơ sở (cài trong hàng ngũ địch ở Quận 11, Sài Gòn) cung cấp giấy tờ hợp lệ cho tổ giao liên đi lại hoạt động, thu mua lương thực, thực phẩm để vận chuyển về căn cứ bằng con đường hợp pháp.

Trong hai năm 1957 - 1958, mặc dù địch đẩy mạnh thực hiện chính sách “tố cộng, diệt cộng” nhưng lực lượng vũ trang cách mạng trong các căn cứ vẫn tiếp tục được hình thành. Từ đầu năm 1957, thực hiện chủ trương của Huyện ủy, cấp ủy chỉ bộ các xã Thanh An, Thanh Tuyên, Long Nguyên, Thới Hòa, ba xã tây nam, Lai Hưng đã vận động rút hàng chục thanh niên tình nguyện tham gia lực lượng vũ trang của tỉnh. Tại xã An Tây, trong hai năm 1957 - 1958, đã có 10 thanh niên như: Sáu Đeo, Hai Bảy, Trào, Tám, Cả, Thời... thoát ly ra rừng căn cứ.

Tại Bến Cát, Huyện ủy chỉ đạo các xã lập tổ vũ trang tự vệ, tổ chức diệt một vài tên ác ôn nguy hiểm để khôi phục, củng cố phong trào quần chúng. Tại xã Phú An, Ban Bình vận của huyện phối hợp với cơ sở diệt tên A - cảnh sát chìm. Tại xã Chánh Phú Hòa, tổ vũ trang tự vệ của tỉnh phối hợp với cơ sở diệt tên Đoàn Xuân Sơn - một tên đầu hàng phản bội gây nhiều tội ác với nhân dân, cán bộ, đảng viên. Ở xã Thanh Tuyên, đội vũ trang tự vệ xã (trang bị rửa nên còn gọi là “đội rửa”) đã chém bị thương nặng hai tên Lộc và Dợt khi chúng đột nhập vào căn cứ Đường Long lòng bắt cán bộ.

Thất bại cả về chính trị và quân sự, tháng 12/1958, Mỹ - Diệm thực hiện vụ đầu độc hàng ngàn tù nhân là cán bộ, đảng viên và người dân yêu nước bị chúng giam giữ ở nhà tù Phú Lợi khiến hàng trăm người bị trúng độc.

Sự kiện Mỹ - Diệt đầu độc những người dân yêu nước ở nhà tù Phú Lợi vừa diễn ra, Tỉnh ủy luôn thành lập Ban Chỉ đạo đấu tranh từ tỉnh tới các huyện, xã để tố cáo tội ác của chúng. Khắp nơi, nhân dân đã xuống đường đấu tranh chống khủng bố.

Để đối phó với phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân miền Nam đang lên cao, tháng 3/1959, Ngô Đình Diệm tuyên bố “Đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”. Tháng 4/1959, Diệm cho mở chiến dịch “Đồng tâm diệt cộng”, tổ chức càn quét, khủng bố, bắt bớ giam cầm, giết hại đồng bào ở khắp nơi. Ngày 06/5/1959, Mỹ - Diệm ban hành Luật 10-59, lập tòa án quân sự đặc biệt, giết hại hàng loạt những người yêu nước.

Hành động phátxít của chính quyền Ngô Đình Diệm đã gây cho nhân dân Bến Cát nói riêng, nhân dân miền Nam nói chung rất nhiều đau thương, tang tóc, lực lượng cách mạng thêm tổn thất. Hàng trăm cán bộ, đảng viên ở các xã của Bến Cát bị địch truy bắt, nhiều người bị giết hoặc lưu đầy khổ sai tại nhà tù Côn Đảo, nhưng các đồng chí vẫn kiên cường bất khuất, giữ vững khí tiết cách mạng. Tiêu biểu có đồng chí Huỳnh Văn Lớn (Tư Lớn)¹.

Từ cuối năm 1958, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về xây dựng lực lượng, xây dựng căn cứ, Huyện ủy Bến Cát đã chỉ đạo cho cấp ủy chi bộ mật, lộ ở các xã khẩn trương xây dựng cơ sở cách mạng trong các tầng lớp nhân dân, tổ chức lực lượng quần chúng nòng cốt, vận động thanh niên ra căn cứ xây dựng lực lượng vũ trang ở những nơi cơ sở đang tổn thất nặng, tích cực chuẩn bị để khôi phục, củng cố lại cơ sở đảng.

1. Năm 1955, đồng chí bị địch bắt, giam cầm tại nhà lao Tân Hiệp (Biên Hòa). Sau đó, đồng chí tham gia phá khám nhà lao Tân Hiệp (02/12/1956), rồi lại bị địch bắt đày ra Côn Đảo và đồng chí đã hy sinh tại đó. Huỳnh Văn Lớn luôn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản.

Từ giữa năm 1959, Thường vụ Huyện ủy Bến Cát phân công các đồng chí trong Huyện ủy phụ trách các xã, chỉ đạo củng cố chi bộ và đẩy mạnh công tác xây dựng, khôi phục cơ sở. Tại Mỹ Phước, đồng chí Chín Đốm - Huyện ủy viên trực tiếp tham gia cấp ủy Chi bộ 21 (sau khi Chi ủy Chi bộ bị một tên phản bội chỉ điểm vây bắt toàn bộ). Tại xã An Tây, đồng chí Phan Văn Tiến - Phó Bí thư Huyện ủy trực tiếp củng cố phong trào An Tây, hợp nhất hai chi bộ (mật, lộ) thành một chi bộ do đồng chí Trần Thị Lý (Tám Trầu) làm Bí thư. Huyện ủy điều động đồng chí Ba Hà (Ba Thông) về An Tây làm Phó Bí thư, phụ trách xây dựng lực lượng vũ trang tự vệ. Đến cuối năm 1959, xã Thanh Tuyền tổ chức được hai chi bộ: chi bộ mật do Tư Hình làm Bí thư; chi bộ lộ do Tư Khiêm làm Bí thư, trực tiếp phụ trách tiểu đội vũ trang tự vệ.

Cuối năm 1959, phong trào cách mạng của Bến Cát có bước chuyển biến mạnh mẽ. Các xã dọc theo sông Sài Gòn (ba xã tây nam, Thanh Tuyền, Thanh An), Kiến An, Long Nguyên (là căn cứ của huyện cũng là căn cứ của tỉnh) tiếp tục được xây dựng và mở rộng, nối liền căn cứ Long Nguyên với chiến khu Đ và căn cứ Dương Minh Châu của miền Đông. Những quần chúng nông cốt trước đây chưa liên lạc được nay đã tập hợp trở lại. Nhiều thanh niên ở các xã Thanh An, Thanh Tuyền, Long Nguyên, Kiến An, Lai Hưng, Lai Uyên, Thới Hòa... đã tham gia lực lượng vũ trang của tỉnh. Cơ sở đảng ở các xã được khôi phục, củng cố. Các xã Phú An, Thanh Tuyền, Long Nguyên, An Điền, Thới Hòa, Lai Hưng... đã hình thành tổ vũ trang tự vệ.

Trung tuần tháng 11/1959, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy thành lập tổ vũ trang tự vệ do đồng chí Huỳnh Văn Hảo làm Tổ trưởng. Tổ vũ trang tự vệ đã phối hợp với một số địa phương diệt tên Trương Văn Ôn - cảnh sát ác ôn xã Phú An, tên Trọng ở Thới Hòa, tên Kết thám báo, tên Chờ cảnh sát ở Thanh An; hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

3. Quán triệt nghị quyết của Đảng và tham gia phong trào Đồng khởi (cuối năm 1959 đến năm 1960)

Tháng 11/1959, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập Hội nghị mở rộng đến Bí thư Tỉnh ủy, học tập quán triệt nội dung cơ bản Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng) về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà và đề ra phương hướng thực hiện Nghị quyết trong tình hình thực tế ở Nam Bộ. Nghị quyết 15 đã xác định phương hướng phát triển của cách mạng ở miền Nam là: *“lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân. Đó là mục tiêu phấn đấu của nhân dân miền Nam hiện nay”*¹. Nghị quyết 15 là hiệu lệnh vùng lên, là luồng gió mới thổi vào ngọn lửa cách mạng được giữ gìn bằng máu của những người cộng sản, của nhân dân miền Nam. Trên tinh thần đó, Xứ ủy đề ra chủ trương phải nhanh chóng phát triển lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho toàn dân đồng loạt nổi dậy giành chính quyền.

Ngày 30/01/1960, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành (đến các Bí thư Huyện ủy) tại căn cứ Giếng Chảo, xã An Điền, huyện Bến Cát để quán triệt Nghị quyết 15 và bàn kế hoạch khởi nghĩa. Để chuẩn bị cho giai đoạn đấu tranh mới (đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang), Hội nghị Tỉnh ủy chỉ rõ nhiệm vụ lúc này là phải khẩn trương đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang tự vệ, phát triển nhiều cơ sở cách mạng, xây dựng căn cứ đứng chân tương đối an toàn cho nhiệm vụ chiến đấu lâu dài.

Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ trước mắt và bước phát triển tiếp theo, Tỉnh ủy quyết định chọn Bến Cát làm điểm chỉ đạo;

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.82.

lấy ba xã An Điền, An Tây, Phú An làm điểm đột phá và địa bàn các xã Bắc Châu Thành làm hướng nổi dậy phối hợp. Tỉnh ủy yêu cầu các huyện tổ chức Ban Chỉ đạo của huyện và chọn xã điểm để chỉ đạo. Đồng thời, Tỉnh ủy thống nhất chọn ngày 25/02/1960 làm ngày “Đồng khởi”, phát động quần chúng đồng loạt nổi dậy giành quyền làm chủ trong toàn tỉnh.

Sau khi Tỉnh ủy triển khai Nghị quyết 15, Huyện ủy Bến Cát tổ chức Hội nghị mở rộng (tới Bí thư Chi bộ xã) để quán triệt Nghị quyết 15, Nghị quyết của Tỉnh ủy và triển khai kế hoạch khởi nghĩa, phát động quần chúng đồng loạt nổi dậy. Hội nghị nhận định: Qua các đợt khủng bố trắng của địch, nhất là trong chiến dịch Trương Tấn Bửu, Mỹ - Diệm đã gây cho ta nhiều tổn thất; ta mất nhiều đảng viên, cán bộ, quần chúng cốt cán, nhưng tinh thần quần chúng không hề giảm sút, phong trào cách mạng vẫn được giữ vững và có mặt phát triển. Bến Cát có nhiều thuận lợi để giữ gìn lực lượng, xây dựng căn cứ, nhất là khi Tỉnh ủy chủ trương khôi phục căn cứ, xây dựng lực lượng vũ trang. Huyện ủy đã chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể hơn công tác củng cố, khôi phục cơ sở đảng, từng bước khôi phục và xây dựng cơ sở quần chúng cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang tự vệ, chuẩn bị điều kiện sẵn sàng cùng các địa phương trong tỉnh tiến tới “Đồng khởi”.

Theo nhận định của Huyện ủy, ta có cơ sở quần chúng mạnh, có cơ sở nội ứng trong lực lượng dân vệ đóng tại Thới Hòa. Vì vậy, nếu lấy Thới Hòa làm điểm đột phá sẽ tạo điều kiện để phát triển và phối hợp với các xã trên quốc lộ 13 (từ Tân Định đến Lai Uyên), gỡ thế kìm kẹp của địch cho dân. Huyện ủy phân công đồng chí Nguyễn Văn Thới (Tư Thới) - Phó Bí thư Huyện ủy và đồng chí Sáu Thành - Huyện ủy viên, Bí thư Chi bộ xã trực tiếp chỉ đạo xã điểm Thới Hòa. Các xã đều có các đồng chí Huyện ủy viên trực tiếp chỉ đạo.

Đêm 25/02/1960, tại ba xã tây nam, điểm chỉ đạo của tỉnh, lực lượng vũ trang tỉnh bao vây đồn Phú An, Ban Xình, Rạch Bắp... hỗ trợ quần chúng nổi dậy đánh thù, gỡ mìn. Các tổ vũ trang hành động truy lùng bọn ác ôn tề điệp lẫn trốn trong xóm, ấp. Đội vũ trang hành động các xã dùng đất đèn bỏ vào ống tre, tìn nước mắm, đốt nổ vang như tiếng pháo lớn để gây thanh thế, uy hiếp tinh thần địch. Một số cán bộ Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Giao liên căn cứ, Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy cùng nhiều cơ sở quần chúng ở ba xã rải truyền đơn, dán băng rôn khẩu hiệu, phát loa kêu gọi binh lính đầu hàng hoặc mang súng trở về với cách mạng. Đồng bào ở ba xã còn vận động gia đình binh sĩ kéo lên trụ sở tề xã, đồn bắt đầu tranh đòi chồng, con và hù dọa: “Đêm qua “Việt Minh” kéo về đây xóm ấp. Họ treo cờ, dán khẩu hiệu, rải truyền đơn, đào công sự. Người nào cũng có súng, súng to, súng nhỏ đủ cả. Mấy chú liệu mà về với vợ con”.

Sau khi đồn Ban Xình bị diệt, địch còn đóng trong các đồn, bót ở ba xã tây nam thường xuyên bị quần chúng tác động, lực lượng vũ trang tự vệ các xã bao vây, nên ít lâu sau cũng rút chạy. Ta hoàn toàn làm chủ địa bàn ba xã tây nam.

Đêm 25/02/1960, tại các xã Long Nguyên, Chánh Phú Hòa, Thanh An, Thanh Tuyên, Lai Hưng..., dưới sự lãnh đạo của các chi bộ, quần chúng đánh thù, gỡ mìn vang động khắp thôn, xóm. Các tổ vũ trang hành động tăng cường truy lùng bọn ác ôn đang lẫn trốn. Tại căn cứ Long Nguyên, quần chúng trương băng rôn, cờ, khẩu hiệu “Hòa bình, thống nhất, tự do, cơm áo”, tổ chức biểu dương lực lượng từ Đồng Gò kéo qua sở Cà Na, cầu Trệt tới Bến Đập, tổ chức mítting. Trước khí thế của quần chúng, bọn tề, dân vệ sợ hãi, lẫn trốn. Sau đó, để động viên khí thế cách mạng của quần chúng, cấp ủy Chi bộ Long Nguyên đã tổ chức biểu diễn văn nghệ, đồng bào rất phấn khởi.

Tại xã Tân Định, lực lượng vũ trang của tỉnh với sự phối hợp của cơ sở nội ứng đã đánh diệt đồn dân vệ, thu toàn bộ vũ khí. Được lực lượng vũ trang hỗ trợ, quần chúng nổi dậy đốt trụ sở tệ xã.

Cuối tháng 3/1960, các chi bộ Long Nguyên, Thanh An đưa lực lượng vũ trang tự vệ (mỗi xã 1 tiểu đội) phối hợp với đội vũ trang tuyên truyền Dầu Tiếng hoạt động vũ trang tuyên truyền trên địa bàn các làng của Sở cao su Dầu Tiếng. Lấy danh nghĩa “Tiểu đoàn 500”, lực lượng vũ trang Dầu Tiếng cùng tiểu đội vũ trang tự vệ (du kích) xã Long Nguyên, Thanh An hoạt động nghi binh, gây thanh thế ở hầu hết các làng, diệt một số tên tệ điệp ác ôn, kêu gọi công nhân ủng hộ cách mạng.

Phong trào Đồng khởi của huyện Bến Cát cùng các địa phương trong tỉnh diễn ra liên tục đến cuối năm 1960. Rút kinh nghiệm đợt 1 (từ ngày 25/02 đến giữa tháng 3/1960), trong đợt 2 và đợt 3 (từ cuối tháng 3 đến cuối năm 1960), để phối hợp với hoạt động vũ trang, Tỉnh ủy chỉ đạo thành lập Ban đấu tranh chính trị (từ tỉnh đến huyện, xã) nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác vận động quần chúng đấu tranh phối hợp hoạt động phá vỡ bộ máy kìm kẹp của địch ở xã, ấp. Mỗi đợt đấu tranh chính trị (tỉnh, huyện, xã), ta đều bố trí lực lượng đấu tranh trực diện, lực lượng hậu cần, giúp đỡ những người tham gia đấu tranh gặp khó khăn. Mỗi cuộc đấu tranh, mỗi đợt đấu tranh đều được tổ chức chặt chẽ.

Kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, công tác binh vận được hình thành ở Bến Cát ngay từ những ngày đầu Đồng khởi. Sau đợt 1, Huyện ủy Bến Cát chỉ đạo những nơi giành được quyền làm chủ phải nhanh chóng xây dựng, tổ chức lực lượng bảo vệ, lập hàng rào chiến đấu, xây dựng căn cứ chiến đấu, vận động thanh niên tham gia lực lượng vũ trang huyện, tỉnh.

Tại Long Nguyên, trong đợt 1, được sự hỗ trợ của quần chúng, đội vũ trang tự vệ của xã đã diệt một số tên mật thám nằm vùng như tên Đức (ấp Trảng Lớn), tên Rành (ấp Cầu Trệt), tên Chành (ấp Nhà Mát)... Trong đợt 2, trước khí thế của quần chúng, kết hợp với hoạt động vũ trang tuyên truyền, địch đóng tại dinh điền Thị Tính, bót Nhà Mát phải tháo chạy; căn cứ Long Nguyên được giải phóng, nối liền với ba xã tây nam.

Tại Thới Hòa, Mỹ Phước, Tân Định, Chánh Phú Hòa, Lai Hưng..., đội vũ trang tự vệ các xã hoạt động vũ trang tuyên truyền, kết hợp diệt bọn tề điệp ác ôn, hỗ trợ cho quần chúng đánh thung, gõ mõ, dán, rải truyền đơn, đưa thư cho thân nhân kêu gọi binh sĩ trở về với nhân dân. Nhiều xã đã lập tòa án nhân dân xét xử tại chỗ bọn tề điệp ác ôn, được quần chúng hoan nghênh.

Trước sự phát triển của phong trào Đồng khởi, tháng 3/1960, trên cơ sở lực lượng nòng cốt (1 tiểu đội vũ trang được cấp trên đưa về), huyện Bến Cát thành lập đơn vị vũ trang đầu tiên, lấy phiên hiệu là B2, gồm 27 cán bộ, chiến sĩ, do đồng chí Ba Trần làm Trung đội trưởng, đồng chí Mười Nền làm Chính trị viên. Sự ra đời của đơn vị vũ trang đầu tiên của huyện ngay giữa những ngày Đồng khởi đang sôi động đã cổ vũ tinh thần quần chúng nhân dân. Nhiều thanh niên các xã Thanh An, Thanh Tuyên, An Điền, Long Nguyên... đã tình nguyện tham gia vào lực lượng vũ trang huyện.

Trung tuần tháng 5/1960, tại ấp Bà Tứ, xã Long Nguyên, Liên Tỉnh ủy miền Đông mở Hội nghị sơ kết phong trào Đồng khởi. Hội nghị đánh giá: Đồng khởi ở Bến Cát đã mở ra vùng căn cứ quan trọng, tạo thế liên hoàn giữa Châu Thành, Bến Cát, nối liền căn cứ chiến khu Đ và Dương Minh Châu, đồng thời chuyển một số xã thành vùng tranh chấp mạnh giữa ta và địch, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng của địa phương tiếp tục phát triển.

Cao trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam làm cho chính quyền tay sai của Mỹ ở Sài Gòn đã mâu thuẫn lại càng mâu thuẫn gay gắt hơn. Ngày 11/11/1960, phái chống Diệm - Nhu tiến hành cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm. Cuộc đảo chính Diệm (lần thứ nhất) diễn ra trong 2 ngày (11 và 12/11/1960) không thành công nhưng đã gây tâm lý hoang mang trong nội bộ địch ở cơ sở.

Trong khi đó, Tỉnh ủy Thủ Biên mở Hội nghị tổng kết đánh giá kết quả ba đợt Đồng khởi tại căn cứ Sở Trà, xã Kiến An. Được tin Sài Gòn có đảo chính Diệm, Tỉnh ủy chủ trương nhân cơ hội này mở đợt đấu tranh chính trị nhằm áp đảo tinh thần địch.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy Bến Cát chỉ đạo Ban đấu tranh chính trị (do đồng chí Mười Hồng làm Trưởng ban thay đồng chí Tám Liên về tỉnh) mở đợt đấu tranh chính trị trên diện rộng nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng tiếp tục phát triển. Trong ngày 13/11/1960, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy chi bộ và sự chỉ đạo của Ban đấu tranh chính trị của xã, nhân dân các xã đã tổ chức xuống đường giương cao khẩu hiệu: “Ngô Đình Diệm phải từ chức”, đòi lật đổ tên tay sai độc tài phátxít Ngô Đình Diệm.

Tại xã Chánh Phú Hòa, đoàn biểu tình của nhân dân các ấp rầm rộ kéo vào chợ Chánh Lưu. Địch cho lính chặn đường và bắn vào đoàn biểu tình. Tuy nhiên, quần chúng nhân dân vẫn không chùn bước, khiêng nạn nhân kéo thẳng vào khu chợ, xông vào trụ sở hội tề xã chiếm giữ trong 3 - 4 giờ liền.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, nhân sự kiện đảo chính Ngô Đình Diệm, Huyện ủy Bến Cát đã kịp thời lãnh đạo, vận động quần chúng tham gia đấu tranh trên diện rộng, mạnh mẽ, quyết liệt, không lùi bước dù địch thẳng tay đàn áp. Tuy nhiên, đợt đấu tranh đã diễn ra vào thời điểm không còn thuận lợi: Phe đảo chính thất bại, bộ máy ngụy quyền,

ngụy quân trung thành với Diệm từ trung ương đến xã, áp hoàn toàn nắm quyền kiểm soát nên thẳng tay chống lại cả phe đảo chính và cách mạng. Do đó, khi cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân Bến Cát đụng đến gốc rễ thể chế ngụy quyền Sài Gòn, địch đã thẳng tay đàn áp phong trào, gây cho ta nhiều tổn thất.

Thực hiện chủ trương của tỉnh, trung tuần tháng 12/1960, Huyện ủy Bến Cát chỉ đạo cấp ủy chi bộ các xã triển khai đợt hoạt động vũ trang tuyên truyền phổ biến Cương lĩnh Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân, kết hợp cảnh cáo, trừng trị những tên tề điệp ác ôn, từng bước gỡ bỏ thế kìm kẹp. Phong trào diễn ra rộng khắp các xã. Nhân dân hăng hái xây dựng căn cứ chiến đấu xã, ấp; động viên con em tham gia lực lượng vũ trang tỉnh, huyện; đóng góp lương thực, thực phẩm nuôi quân. Tại xã Long Nguyên, ngay trong ngày thành lập Mặt trận, hàng trăm đồng bào đã tham dự mítting tại ấp Bà Tòng. Đồng bào rất phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tin tưởng vào Mặt trận. Ở các xã Hòa Lợi, Chánh Phú Hòa, Tân Định, Thới Hòa, chỉ trong một tuần, đội vũ trang tự vệ các xã đã diệt hàng chục tên tề điệp, hỗ trợ quân chúng nổi dậy. Thực hiện chủ trương của huyện, hằng đêm, các xã tổ chức 20 - 50 người đi đắp mô, phá đường, làm chướng ngại vật, rải, dán truyền đơn. Nhiều nam, nữ thanh niên ngày thì lao động sản xuất, tối lại có mặt trong lực lượng phá giao thông địch hoặc xây dựng căn cứ chiến đấu của xã.

Cùng với các địa phương trong tỉnh và toàn Miền, Đảng bộ huyện Bến Cát đã lãnh đạo nhân dân vượt qua thời kỳ đen tối nhất của cách mạng trong những năm 1955 - 1959. Trong cuộc đấu tranh đầy gian khổ, hy sinh đó, nhiều cán bộ, đảng viên, quân chúng yêu nước của Bến Cát đã bị Mỹ - Diệm bắt bớ, tù đày, giết hại. Mặc dù có nhiều hy sinh, tổn thất

nhưng phong trào cách mạng ở Bến Cát vẫn được giữ vững, căn cứ cách mạng ngày càng được mở rộng, mở rộng từ ba xã tây nam nối liền với Bắc Bến Cát, lực lượng cách mạng ngày càng đông đảo và trưởng thành. Phong trào Đồng khởi đã thôi thúc Đảng bộ, quân và dân Bến Cát nhanh chóng xốc lại tinh thần, mở rộng lực lượng đẩy mạnh tiến công, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của kẻ thù.

II- TỪNG BƯỚC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, TIẾN HÀNH ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ VÀ TAY SAI (1961 - 1965)

1. Từng bước xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng, đánh địch bình định (1961 - 1962)

Phong trào Đồng khởi năm 1960 là bước ngoặt phát triển mới của cách mạng miền Nam. Ngược lại, đối với Mỹ - ngụy, đây là một đòn bất ngờ, dồn ngụy quyền vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng.

Trước nguy cơ sụp đổ của ngụy quyền tay sai Sài Gòn, tháng 01/1961, Kennơđi làm Tổng thống, đã quyết định tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam bằng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. “Xương sống” của chiến lược này là dồn dân, lập “ấp chiến lược”, tách dân ra khỏi cách mạng, bao vây, phong tỏa kinh tế, tiến tới tiêu diệt phong trào cách mạng miền Nam trong vòng 18 tháng.

Để thực hiện chiến lược mới đầy tham vọng này, ngày 13/4/1961, chính quyền Ngô Đình Diệm ra sắc lệnh giải tán các quân khu, chia lãnh thổ thành các vùng chiến thuật; kiện toàn các tiểu khu quân sự (cấp tỉnh), chi khu (cấp quận, huyện), củng cố bộ máy tệ xã, ấp đang bị tan rã; chuyển bộ máy chính quyền cấp tỉnh, quận (huyện) mang tính hành chính thành chính quyền quân sự do những sĩ quan cấp tá trung thành

làm tỉnh trưởng, quận trưởng, xây dựng bộ máy chính quyền các cấp thực hiện hữu hiệu nhiệm vụ càn quét và bình định ở địa phương. Định bắt thanh niên đi quân dịch, xây dựng thêm nhiều lực lượng quân đội chính quy, thúc ép hàng trăm ngàn thanh niên, phụ nữ vào tổ chức “Thanh niên cộng hòa”, “Phụ nữ liên đới”, xây dựng lực lượng bán vũ trang mà nòng cốt là dân vệ nhằm tăng cường lực lượng tại chỗ để hỗ trợ cho quân chủ lực, tăng cường khả năng tập trung cơ động.

Ngoài ra, Mỹ - ngụy còn thúc ép, dồn hàng triệu quân chúng vùng nông thôn vào các trại tập trung trá hình với các tên gọi “khu trừ mật”, “ấp chiến lược”. Theo tính toán của chúng, nếu dồn dân vào các ấp chiến lược thì sẽ kìm kẹp được quần chúng, vơ vét được sức người, sức của; triệt phá được cơ sở của cách mạng, triệt hạ được nguồn cung cấp sức người và sức của cho “Việt cộng”. Vì vậy, địch đã lập ra bộ máy xây dựng ấp chiến lược từ trung ương đến xã, ấp.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Cục miền Nam, tháng 6/1961, tỉnh Thủ Biên¹ được tách ra để tái lập hai tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa và lập thêm tỉnh Phước Thành, tương ứng với địa giới hành chính ba tỉnh của địch. Lúc này, tỉnh Thủ Dầu Một cùng với tỉnh Tây Ninh là địa bàn thuộc Khu chiến thuật 32, Vùng 3 chiến thuật, là cửa ngõ bảo vệ hướng bắc, tây bắc Sài Gòn.

Tỉnh Thủ Dầu Một được tái lập gồm các huyện: Bến Cát, Dầu Tiếng, Châu Thành, Lái Thiêu và thị xã Thủ Dầu Một. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được Khu ủy miền Đông chỉ định gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Trung (Sáu Trung) làm Bí thư Tỉnh ủy; Trần Quốc Ân (Ba Ân) làm Phó Bí thư, phụ trách quân sự; Trương Văn Rê (Hai Kiên) làm Ủy viên Thường vụ; Nguyễn Thị Liên (Tám Liên), Phan Văn Trang (Năm Trang)

1. Tỉnh Thủ Biên được tái lập từ tháng 9/1960.

làm Tỉnh ủy viên. Đầu năm 1962, đồng chí Phan Văn Tiến (Ba Tiến) - Bí thư Huyện ủy Bến Cát cùng các đồng chí Bí thư Huyện ủy Châu Thành, Bí thư Thị ủy được bổ sung vào Tỉnh ủy.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngay trong những ngày đầu tháng 6/1961, tại căn cứ xã An Điền, Huyện ủy Bến Cát họp hội nghị đánh giá tình hình và xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 1961; trong đó nhấn mạnh các nhiệm vụ: xây dựng Đảng về tổ chức, phát triển đảng viên ở xã, ấp; xây dựng, phát triển đoàn thể, tạo nguồn cán bộ tại chỗ bổ sung cho cơ sở; xây dựng, củng cố hệ thống tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, cán bộ cấp đoàn thể; xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ chiến đấu, xã ấp chiến đấu, củng cố vùng giải phóng, quyết tâm đánh bại âm mưu, thủ đoạn mới của địch trên chiến trường. Huyện ủy phân công đồng chí Nguyễn Văn Thới (Tư Thới) - Phó Bí thư Huyện ủy tiếp tục phụ trách công tác quân sự và phân công mỗi đồng chí Huyện ủy viên chịu trách nhiệm từng mặt công tác trực tiếp chỉ đạo các xã.

Trong khi phong trào cách mạng của huyện đang phát triển, khí thế quần chúng đang lên cao thì lực lượng vũ trang của huyện (B2) mới hình thành trong cao trào Đồng khởi, qua một số trận tác chiến, đã bộc lộ rõ trình độ tác chiến, tổ chức, chỉ huy chiến đấu còn yếu. Sau trận phục kích xe địch trên quốc lộ 13 tại ngã ba Lăngxi (xã Thới Hòa), B2 bị thương vong nhiều (cả Trung đội trưởng Đoàn Văn Trần và Chính trị viên Mười Nền đều hy sinh).

Trước tình hình đó, đồng chí Nguyễn Văn Thới (Tư Thới) - Phó Bí thư Huyện ủy chỉ đạo tiến hành xây dựng lực lượng vũ trang tập trung của huyện. Lấy B2 làm nòng cốt, huyện điều động du kích và thanh niên tình nguyện từ các xã lên, xây dựng thành một đại đội. Đồng chí Tư Thới đề nghị lấy tên

đơn vị là “61” - Đại đội 61, với quyết tâm năm 1961 phải là năm chiến thắng của lực lượng vũ trang của huyện.

Sau một thời gian củng cố về tổ chức, tư tưởng, bổ sung quân số, trang bị, ngày 20/02/1961, tại rừng 123 (xã An Điền), Đại đội 61 - đơn vị vũ trang của huyện Bến Cát chính thức được thành lập do đồng chí Đoàn Văn Chinh (Năm Chinh) - Huyện đội phó làm Đại đội trưởng. Đại đội 61 là đơn vị vũ trang cấp đại đội đầu tiên của huyện Bến Cát, huyện Bến Cát cũng là huyện đầu tiên của tỉnh Thủ Dầu Một tổ chức đơn vị vũ trang cấp đại đội. Hàng trăm đồng bào ba xã tây nam đã đến dự buổi tuyên thệ dưới cờ của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 61. Đại đội 61 được biên chế tổ chức thành 2 trung đội bộ binh, 1 tiểu đội trinh sát và bộ phận văn phòng.

Ngay sau khi được thành lập, Đại đội 61 đã phục kích lính đồn Ban Xình (xã An Tây) đi mở đường, đánh lật chiếc xe dos, diệt gọn tiểu đội địch, thu toàn bộ 11 súng cạcbin, nhiều tên địch hoang mang, lo sợ. Chẳng bao lâu sau, địch đóng bót Ban Xình rút chạy. Vùng giải phóng ba xã tây nam được mở rộng.

Được bọn gián điệp ngấm báo tin, địch đưa 1 đại đội bảo an từ quận lỵ Bến Cát bí mật hành quân vào sở cao su Ông Kho (An Điền) với ý định bao vây, đánh úp Đại đội 61 đang đứng chân tại đây. Nhưng đêm trước, Tiểu đoàn 800 của Khu trên đường đi công tác đã dừng chân nghỉ lại vùng giải phóng xã An Điền. Được nhân dân báo tin, Tiểu đoàn 800 cùng Đại đội 61 bố trí đội hình sẵn sàng chiến đấu và tiêu diệt đại đội bảo an của địch.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, Đại đội 61 mở đợt hoạt động trên quốc lộ 13, đánh địch gỡ thế kìm kẹp cho dân. Tháng 7/1961, đơn vị phục kích bọn tuần đường tại khu vực Cầu Tây, nhử địch đóng bót Thới Hòa bung ra lòng sục và diệt gọn 1 trung đội địch tại ngã ba Lăngxi. Phát huy thắng lợi, chưa đầy 10 ngày sau, phối hợp với cơ sở nội ứng, Đại đội 61 đánh

đồn Bến Thế (xã Tân An), diệt và bắt sống toàn bộ trung đội dân vệ, thu toàn bộ vũ khí. Kết hợp tác chiến với vũ trang tuyên truyền, vận động quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng, Đại đội 61 đã trở thành lực lượng nòng cốt dìu dắt du kích các xã phát triển.

Cùng với sự phát triển chung của phong trào, thanh niên các xã hăng hái tòng quân, tham gia lực lượng vũ trang cách mạng. Ở các xã Thanh Tuyên, Thanh An, Thới Hòa, Phú An, Long Nguyên, thanh niên rủ nhau tòng quân tập thể, có đợt mỗi xã có hơn 10 thanh niên nhập ngũ. Đầu năm 1962, tỉnh thành lập Đại đội 304, có phần lớn là thanh niên tình nguyện của Bến Cát đưa về. Từ đó, du kích các xã phát triển nhanh chóng, mỗi xã có 1 - 2 tiểu đội, các xã Thới Hòa, An Điền, An Tây, Phú An xây dựng được trung đội du kích chiến đấu; mỗi ấp có từ 1 bán đội đến 1 tiểu đội. Quần chúng hăng hái tham gia các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Nông hội... Tổ chức đảng phát triển mạnh, có xã thành lập được đảng bộ như An Điền, Thới Hòa. Các căn cứ của huyện, xã tiếp tục được xây dựng và củng cố. Lực lượng cách mạng của Bến Cát đến cuối năm 1961 phát triển mạnh mẽ.

Hạ tuần tháng 02/1962, Mỹ - ngụy mở cuộc càn mang tên “Mặt trời mọc” trên chiến trường miền Đông Nam Bộ nhằm hỗ trợ cho kế hoạch gom dân, lập ấp chiến lược. Tại Thủ Dầu Một, địch triển khai kế hoạch gom dân đầu tiên ở Bến Cát, rồi lan rộng khắp các địa phương khác với quy mô rộng lớn và quyết liệt.

Tại Bến Cát, cùng với những cuộc hành quân càn quét đánh phá căn cứ kháng chiến, địch tiến hành gom dân lập ấp chiến lược ở các xã dọc quốc lộ 13 rồi phát triển rộng ra các xã khác. Trước hết, địch tiến hành gom dân của xã Lai Hưng, một phần hai xã Chánh Phú Hòa và Mỹ Phước (gồm 277 gia đình và 857 nhân khẩu) vào ấp chiến lược Bến Tượng. Chúng

âm mưu xây dựng “ấp chiến lược kiểu mẫu” tại Bến Tượng làm thí điểm cho toàn miền Nam.

Để xây dựng “ấp chiến lược kiểu mẫu” Bến Tượng, Diệm giao cho Thiếu tướng Văn Thành Cao trực tiếp chỉ huy. Chúng đưa hơn 100 tên công dân vụ đến Bến Tượng để thúc ép quần chúng đào hào, đắp lũy, làm hàng rào, xây dựng lô cốt. Bên trong ấp chiến lược có sân bay trực thăng, kho vũ khí, kho lúa gạo, trại gia binh, trại giam. Lực lượng địch có 1 đại đội thanh niên chiến đấu, 1 đại đội bảo an cùng dân vệ, tề xã, ấp, liên gia. Tiếp sức cho bộ máy kìm kẹp còn có bọn bình định được huấn luyện bài bản tại “Trung tâm huấn luyện cán bộ xây dựng nông thôn” ở Vũng Tàu. Hằng ngày, bọn bình định giả vờ cùng ăn, cùng ở, cùng làm với dân để thực hiện những thủ đoạn tình báo, tâm lý chiến. Địch còn sử dụng 3 tiểu đoàn chủ lực thuộc Sư đoàn 5 bộ binh đóng ở Lai Khê hoạt động ở các địa bàn phụ cận, sẵn sàng yểm trợ cho “ấp chiến lược kiểu mẫu” Bến Tượng khi cần thiết.

Ngày 09/5/1962, đích thân Ngô Đình Diệm và Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mack Namara cùng Tỉnh trưởng Bình Dương đến dự lễ khánh thành “ấp chiến lược kiểu mẫu” Bến Tượng. Khi máy bay chở các quan chức chóp bu của chính quyền ngụy Sài Gòn cùng Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ hạ cánh, hàng trăm phụ nữ ăn mặc rách rưới, tả tơi đã kéo đến giáp mặt Diệm, lớn tiếng tố khổ, kể tội bộ máy kìm kẹp của địch, đòi được trở về xóm cũ. Mỹ - Diệm chưa kịp đọc diễn văn, chưa kịp khui rượu sâmpanh ăn mừng đã phải vội vã lên máy bay trực thăng về thẳng Sài Gòn.

Ngay từ những ngày đầu địch tiến hành gom dân lập ấp chiến lược Bến Tượng, cuộc đấu tranh chống phá kế hoạch bình định, gom dân lập ấp chiến lược Bến Tượng của Đảng bộ, quân và dân Bến Cát đã diễn ra quyết liệt. Giữa năm 1962, Khu ủy miền Đông thành lập đoàn cán bộ chỉ đạo chống phá

ấp chiến lược Bến Tượng gồm cán bộ quân sự, chính trị, an ninh, nông hội, phụ nữ do đồng chí Nguyễn Trọng Tâm - cán bộ Ban Định vận của Khu ủy, làm Trưởng đoàn. Ban Chỉ đạo chống phá ấp chiến lược Bến Tượng của Khu cùng Huyện ủy Bến Cát thống nhất kế hoạch đánh phá ấp chiến lược Bến Tượng. Huyện ủy Bến Cát phân công đồng chí Nguyễn Văn Thêu (Sáu Dệt) - Huyện ủy viên làm Bí thư Chi bộ Bến Tượng, cùng một số đồng chí trong Huyện đội, các ngành của huyện tham gia Ban Chỉ đạo.

Huyện ủy chủ trương: Sử dụng Đại đội 61 đánh địch, hỗ trợ quần chúng chống gom dân tại chỗ, khi địch gom dân thì tổ chức vận động quần chúng đấu tranh đòi về nhà cũ; trong các ấp chiến lược phải tổ chức đảng viên, chi bộ mật, xây dựng cơ sở nòng cốt để đưa phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng lên một bước mới, vừa giữ thế hợp pháp cho quần chúng, vừa buộc địch phải nhượng bộ.

Tại xã Long Nguyên, địch dùng các biện pháp đánh phá, càn quét, sử dụng các xe thiết giáp ủi phá hoa màu, phá nhà cửa, xúc tác, gom dân về khu tập trung ấp chiến lược Mương Thuộc, Phú Bình. Nhân dân Long Nguyên đã đấu tranh quyết liệt chống gom dân, chống ủi phá nhà cửa, vườn tược, đòi về xóm cũ. Nhiều đồng bào ở Long Nguyên, Kiến An bị dồn vào ấp chiến lược (thời gian đầu khi chúng đang xây dựng) đã tìm mọi cách trốn về xóm cũ. Một số đồng bào chạy tản vào rừng hoặc xuống bờ sông Thị Tính dựng chòi, đào hầm để ở, quyết không vào ấp chiến lược.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, từ tháng 9/1961, Huyện ủy Bến Cát đã triển khai kế hoạch xây dựng căn cứ vững chắc để bám trụ lâu dài, đủ sức đánh trả các cuộc càn quét dài ngày của địch. Lúc này, xây dựng căn cứ bám trụ chiến đấu trở thành nhiệm vụ cấp bách trước mắt, cũng là nhiệm vụ thường xuyên của tất cả các lực lượng, cơ quan, đơn vị của huyện,

xã, ấp. Huyện ủy quyết định tiếp tục xây dựng, củng cố căn cứ của huyện tại ba xã tây nam.

Học tập kinh nghiệm đào địa đạo của nhân dân xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, tháng 9/1961, Huyện ủy Bến Cát phát động phong trào đào địa đạo ở ba xã tây nam. Tất cả người dân ba xã đều tham gia thực hiện nhiệm vụ này. Huyện ủy giao nhiệm vụ cho Ban Chỉ huy Huyện đội, cấp ủy chi bộ, đảng bộ ba xã tây nam phân công cán bộ trực tiếp theo dõi công việc đào địa đạo ở từng ấp theo kế hoạch chung của huyện. Hằng ngày, nông dân ba xã vẫn đi cấy lúa, trồng khoai, tối về lại tham gia đội quân đào địa đạo, bưng đất, trồng cỏ ngụy trang. Nhiều người nhận phần việc đan ki, làm đèn, lo trà nước. Hội Phụ nữ tổ chức quyên góp quà bánh, nấu cháo, luộc khoai... ủng hộ các tổ, nhóm đào địa đạo.

Sau hơn 3 tháng lao động trong âm thầm, hối hả, khẩn trương và quyết liệt, địa đạo ba xã tây nam đã tạo thành đường trục xương sống trên trục đường chính của cả ba xã. Tháng 10/1962, Huyện ủy chỉ đạo tiếp tục đào bước 2: từ đường trục chính đào các trục ngang và xây dựng các ô ụ chiến đấu. Mỗi ô ụ cách đường trục chính hoặc trục ngang 150 - 350m. Thế trận địa đạo ba xã tây nam đã thành một hệ thống liên hoàn giữa các ấp trong từng xã. Nối liền trục chính có hàng chục đường ngang, hình thành đường chân rết tỏa rộng khắp các thôn, ấp của ba xã với hàng chục ụ chiến đấu nằm khuất dưới các lùm cây, bụi cỏ, ụ mối. Hệ thống địa đạo nằm sâu trong lòng đất ở ba xã gồm những đường dọc, đường ngang, nơi một tầng, nơi hai tầng chằng chịt như “trận đồ bát quái” dưới lòng đất.

Bên cạnh đó, cấp ủy chi bộ các xã Thới Hòa, Lai Uyên, Thanh Tuyên, Thanh An... cũng chỉ đạo cho xã đội huy động dân công các ấp cùng du kích xã tiến hành đào những đoạn địa đạo, xây dựng công sự chiến đấu của xã.

Các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Sài Gòn - Gia Định đứng chân trên địa bàn ba xã tây nam cũng chuẩn bị căn cứ bám trụ bằng hệ thống địa đạo, hầm hào, công sự chiến đấu, sẵn sàng cùng quân, dân của huyện Bến Cát chiến đấu với kẻ thù.

Hệ thống địa đạo như “làng” trong lòng đất, có nơi ăn ở, giếng nước, nơi hội họp, sinh hoạt. Địa đạo vừa là nơi bảo tồn lực lượng, vừa là công sự vững chắc để lực lượng vũ trang bám trụ chiến đấu chống địch hành quân càn quét, thể hiện ý chí “Một tấc không đi, một ly không rời”, quyết tâm bám trụ chiến đấu chống Mỹ - nguy của Đảng bộ, quân và dân Bến Cát.

Đến giữa năm 1962, phong trào du kích chiến tranh trong huyện phát triển rộng khắp. Hầu hết các xã đã xây dựng được đội du kích chiến đấu từ 2 tiểu đội đến 1 trung đội. Tại xã Thới Hòa, đến giữa năm 1962, du kích xã đã có hơn 70 đội viên. Xã Thới Hòa là xã có lực lượng du kích phát triển nhanh nhất, hoạt động mạnh nhất trong các xã những năm 1962 - 1963. Tháng 6/1962, du kích Thới Hòa phối hợp với du kích Mỹ Phước và Đại đội 61 đánh bọn dân vệ đồn Chánh Lưu đi càn ở ấp Suối Sỏi. Ta diệt gọn 1 trung đội, thu 21 súng, bắt sống 9 tên. Cuối năm 1962, huyện rút 1 tiểu đội du kích xã Thới Hòa bổ sung cho Đại đội 61; đội du kích xã còn 56 đồng chí, tổ chức thành 2 trung đội.

Trước bước phát triển và yêu cầu của phong trào cách mạng, đầu năm 1963, huyện Bến Cát thành lập Đội biệt động (do đồng chí Tư Hùng làm Đội trưởng¹). Các đội trinh sát đặc công, đội công binh, đội giao liên, bệnh xá huyện... cũng được thành lập và tổ chức huấn luyện, học tập phối hợp hoạt động chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Từ cuối năm 1961 đến đầu năm 1963, có một thực tế là trong khi lực lượng vũ trang, các cơ quan, đơn vị phát triển

1. Khi đồng chí Tư Hùng hy sinh, đồng chí Sáu Ân làm Đội trưởng.

nhANH chóng thì khả năng cung cấp vũ khí, trang bị, nhất là lương thực, thực phẩm gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, thực hiện chủ trương của tỉnh, Huyện ủy chỉ đạo Huyện đội tổ chức khung huấn luyện tân binh. Tất cả thanh niên tòng quân của các xã đưa lên huyện trong đợt vận động đều được đưa về đơn vị vừa học tập chính trị, huấn luyện quân sự vừa làm nhiệm vụ phát rẫy, tăng gia sản xuất như trồng bắp, trồng mì, rau màu... để tự túc một phần lương thực. Các đơn vị, cơ quan ở căn cứ Long Nguyên, Kiến An, Lai Uyên đều tổ chức một bộ phận làm nhiệm vụ tăng gia sản xuất trồng lúa, bắp, khoai mì, cà bẫy, cà chua... Nhờ vậy, các cơ quan dân - chính - đảng, các đơn vị bộ đội của huyện Bến Cát đã tự túc được một phần lương thực, giải quyết được một phần tình trạng thiếu thốn lương thực.

Mặt khác, trong phong trào phá ấp chiến lược, mặc dù quân chúng đấu tranh rất quyết liệt nhưng bằng các biện pháp phátxít dưới lưỡi lê và báng súng, đến cuối năm 1962 đầu năm 1963, địch đã gom dân hầu hết các xã vào các ấp chiến lược. Ta chỉ còn dân vùng Bắc Bến Cát, một phần xã Phú An, An Tây. Mặc dù phần lớn quân chúng bị gom vào ấp chiến lược nhưng cuộc đấu tranh chống địch bình định của Đảng bộ, quân và dân Bến Cát vẫn diễn ra ngày càng quyết liệt.

2. củng cố tổ chức, đấu tranh phá “ấp chiến lược”, góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (1963 - 1965)

Trên chiến trường của tỉnh, song song với việc bình định gom dân lập ấp chiến lược, địch tăng cường mở những cuộc hành quân quy mô lớn đánh phá căn cứ, hành lang giao liên của ta từ chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh) qua Bắc Bến Cát về chiến khu Đ. Tại Bến Cát, địch đánh phá căn cứ, chia cắt chiến trường Nam - Bắc Bến Cát bằng hệ thống đồn bót trên đường 7, gây cho Đảng bộ huyện nhiều khó khăn trong lãnh đạo, chỉ đạo.

Trước tình hình đó, cuối năm 1962, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương chia Bến Cát thành hai huyện: Nam Bến Cát, Bắc Bến Cát. Huyện Bắc Bến Cát gồm các xã: Thanh Tuyền, Thanh An, Kiến An, Long Nguyên, Lai Uyên, phía tây xã Lai Hưng và hai dinh điền Thị Tính và Cây Trường. Huyện ủy Bắc Bến Cát gồm các đồng chí: Lê Văn Hòa (Năm Hòa) làm Bí thư; Trần Thị Hữu (nguyên Bí thư Ban Cán sự Đảng Dầu Tiếng) làm Phó Bí thư Thường trực.

Huyện Nam Bến Cát gồm các xã: An Điền, An Tây, Phú An, Mỹ Phước, Thới Hòa, Chánh Phú Hòa, phía đông xã Lai Hưng (có ấp chiến lược Bến Tượng) và ba xã của huyện Châu Thành là Tân An, Tương Bình Hiệp và Tân Định. Căn cứ của huyện Nam Bến Cát đóng tại rừng Đồng Chòn, xã Kiến An. Đồng chí Phan Văn Tiến làm Bí thư Huyện ủy Nam Bến Cát.

Tháng 3/1963, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nam Bến Cát được tổ chức. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm các đồng chí: Phan Văn Tiến (Ba Tiến) làm Bí thư Huyện ủy; Nguyễn Văn Hoàng (Hai Hoàng) làm Phó Bí thư Thường trực kiêm Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy; Ba Nhân làm Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên huấn; Mười Hồng (nữ) làm Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Dân vận; Sáu Đòn làm Ủy viên Thường vụ, Trưởng Công an; Nguyễn Hữu Ý (Út Ý) làm Ủy viên Thường vụ, Chính trị viên phó Huyện đội; Tư Ca làm Ủy viên Thường vụ, phụ trách công tác tài chính; Ba Cơi làm Huyện ủy viên, phụ trách thị trấn Bến Cát; Sáu Tần làm Huyện ủy viên, Phó trưởng Ban Tổ chức; Út Thung làm Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy; Út Cẩm làm Huyện ủy viên, Bí thư Huyện đoàn; các đồng chí Huyện ủy viên là bí thư chi bộ, đảng bộ các xã có: đồng chí Sáu Tiến làm Bí thư Chi bộ xã Tân Định, Sáu Dệt làm Bí thư Chi bộ xã Chánh Phú Hòa, Ba Thanh làm Bí thư Chi bộ xã Mỹ Phước, Tư Riêng làm Bí thư Chi bộ xã An Điền.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nam Bến Cát đã chỉ rõ khó khăn của Đảng bộ, quân và dân trong huyện lúc này là: mối liên hệ giữa cách mạng và nhân dân gặp nhiều khó khăn do địch gom dân vào các ấp chiến lược; những biện pháp chống phá ban đầu của ta mặc dù gây khó khăn cho địch, nhưng chưa ngăn chặn có hiệu quả. Tại xã Thới Hòa, mặc dù quần chúng đấu tranh quyết liệt liên tục suốt 4 tháng (từ cuối tháng 11/1962 đến tháng 02/1963), nhưng địch vẫn gom được dân ra quốc lộ 13, lập 3 ấp chiến lược (Balăngxi, Bù Chí, Thới Hòa), khiến hoạt động của ta bị đảo lộn.

Tháng 4/1964, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bắc Bến Cát được tổ chức. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm các đồng chí: Lê Văn Hòa làm Bí thư, Lê Văn Na làm Phó Bí thư (thay đồng chí Trần Thị Hữu đi học, sau đó về Khu ủy nhận công tác). Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bắc Bến Cát xác định nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng căn cứ, xây dựng thực lực cách mạng, phát triển du kích chiến tranh, đánh địch mở rộng và giữ vững vùng căn cứ, vùng giải phóng.

Để chống phá kế hoạch bình định, gom dân lập ấp chiến lược của địch có kết quả, Huyện ủy Bắc Bến Cát triển khai quán triệt cho cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân hiểu rõ âm mưu thâm độc của địch trong chương trình dồn dân lập ấp chiến lược; khơi dậy lòng căm thù, xây dựng quyết tâm cho cán bộ, đảng viên về nhiệm vụ chống phá ấp chiến lược. Huyện ủy chỉ rõ, phải hết sức tranh thủ sự đồng tình của đông đảo binh lính trong việc phá ấp chiến lược, chống càn, đấu tranh chống khủng bố, đòi dân chủ, dân sinh. Huyện ủy yêu cầu cấp ủy các chi bộ phải xác định rõ vai trò to lớn của phụ nữ trong công tác này. Trước hết, Huyện ủy chỉ đạo các xã địch đã gom và đang gom dân lập ấp chiến lược phải nhanh chóng xây dựng cơ sở mật (đảng viên, du kích, cán bộ đoàn thể, quần chúng nòng cốt) theo dân vào trong ấp chiến lược

để lãnh đạo quần chúng; từ đó, kết hợp lực lượng lộ, mật, kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự và công tác binh vận đánh vào bộ máy kìm kẹp của địch trong ấp chiến lược, gỡ thế kìm kẹp cho dân. Đồng thời, Huyện ủy cũng nhấn mạnh nhiệm vụ của cấp ủy về xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ chiến đấu, xây dựng vùng giải phóng, phát triển du kích chiến tranh rộng khắp, giữ vững và không ngừng củng cố, mở rộng vùng giải phóng làm chỗ dựa để tấn công địch, làm thất bại kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược của địch.

Giữa năm 1963, Trung ương Cục tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm về phong trào du kích chiến tranh và kinh nghiệm đánh phá ấp chiến lược trên toàn miền Nam. Hội nghị đã chỉ ra một số kinh nghiệm bước đầu về chống phá chương trình bình định, gom dân lập ấp chiến lược của địch ở một số địa phương. Quán triệt phương châm, tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Cục, Huyện ủy Nam Bến Cát chủ trương tổ chức đánh vào lực lượng kìm kẹp trong ấp chiến lược Truông Thơm, xã Tân Định.

Ấp chiến lược Truông Thơm nằm dọc theo quốc lộ 13 về phía đông, cách trung tâm tỉnh lỵ Bình Dương khoảng 10km, cách ngã tư Sở Sao khoảng 2km. Ở đây, địch vừa chú trọng xây dựng hệ thống bố phòng (hàng rào, bờ đê, mìn, gài trái, bót gác, chòi canh, đèn pha...), vừa bố trí 1 trung đội dân vệ canh giữ. So với một số ấp chiến lược khác, Truông Thơm có lợi thế cho việc phòng thủ như vị trí tương đối cao và bằng phẳng, xung quanh khá trống trải và gần các đồn bót như An Hòa, An Lợi, Định Hòa, Bù Chí. Sau những trận đánh của ta ở Mỹ Phước, Thới Hòa, Tân An, địch thường đột xuất tăng cường thêm lực lượng cho ấp chiến lược Truông Thơm nhằm trấn an tinh thần cho bộ máy kìm kẹp tại chỗ.

Sau nhiều đêm trinh sát nắm tình hình địch, đồng chí Trương Văn Quân (Ba Quân) - Đại đội trưởng Đại đội 61 đã đề xuất phương án ém quân trong nhà dân, phục kích đánh

địch giữa ban ngày trong áp chiến lược Trưông Thơm. Thực hiện phương án trên, ngay trong đêm trước trận đánh, du kích xã Tân Định cùng trinh sát huyện bí mật đưa Đại đội 61 vào ém sẵn ở nhà đồng bào trong áp chiến lược Trưông Thơm, chờ trung đội dân vệ sáng đi hành quân lục soát sẽ đồng loạt nổ súng. Đêm đó, Đại đội 62 Châu Thành chặn đánh trung đội địch đi mở đường ở Định Hòa. Sợ ta tấn công, nên sáng sớm, địch đưa 1 trung đội bảo an lên áp chiến lược Trưông Thơm. Vừa lên tới áp chiến lược Trưông Thơm, trung đội bảo an hành quân ra các dãy nhà dân để lục soát. Chúng chia thành hai cánh đi hai bên dãy nhà dân (nơi bộ đội đang phục kích), tạo thành thế bao vây kẹp lực lượng ta vào giữa. Trung đội bảo an vẫn “thản nhiên” đi vào trận địa phục kích của Đại đội 61.

Đại đội 61 vẫn quyết tâm tiêu diệt địch. Trung đội khóa đuôi do đồng chí Nguyễn Văn Thanh (Tám Thanh) chỉ huy, theo phương án sẽ đánh quân địch đi phía trước mặt, nay chuyển hướng tấn công cánh quân địch đang kẹp phía sau. Ở cả hai hướng, bộ đội ta nổ súng quyết liệt vào đội hình địch. Hoàn toàn bị bất ngờ, địch không kịp đối phó. Một số tên sống sót cố chạy băng bờ đê áp chiến lược để về đồn.

Trong khi đó, du kích xã Tân Định bắn cầm canh kiểm chế địch trong đồn áp chiến lược Trưông Thơm. Du kích các xã Mỹ Phước, Thới Hòa, An Điền bố trí mìn trái, phục kích chặn viện trên quốc lộ 13. Trung đội dân vệ trong đồn nghe thấy tiếng súng nổ, lại thấy lính bảo an chạy về đồn nên tướng quân ta tấn công, bắn chặn, diệt thêm một số tên. Ta thu 22 súng, trong đó có 2 súng trung liên.

Sau khi bộ đội rút ra, đồng bào trong áp chiến lược Trưông Thơm kéo đến nhà ấp trưởng và đồn dân vệ đấu tranh đòi trở về xóm cũ. Đòn “đánh bồi” đấu tranh chính trị bằng lực lượng quần chúng đang bị kìm kẹp trong áp chiến lược càng làm cho địch thêm lúng túng.

Trận đánh tiêu diệt trung đội bảo an địch trong ấp chiến lược Truong Thơm của Đại đội 61 khẳng định sự trưởng thành, tiến bộ về trình độ tổ chức, chỉ huy, sáng tạo trong cách đánh, quyết tâm tấn công tiêu diệt địch của lực lượng vũ trang huyện Nam Bến Cát. Hội nghị tổng kết phong trào du kích chiến tranh của Quân khu miền Đông đã khẳng định Đại đội 61 xứng đáng là “con chim đầu đàn” của các lực lượng vũ trang địa phương toàn Quân khu. Đây là kết luận có ý nghĩa thực tiễn quan trọng để từ đó, Huyện ủy Nam Bến Cát xác định quyết tâm, đặt ra yêu cầu phá banh ấp chiến lược kiểu mẫu Bến Tượng cũng như các ấp chiến lược khác trên địa bàn trong thời gian sắp tới.

Sau trận tập kích địch ở ấp chiến lược Truong Thơm, Ban Chỉ huy Quân sự huyện bổ sung thêm quân số, trang bị, thành lập thêm trung đội trợ chiến cho Đại đội 61. Các trung đội được tổ chức biên chế, trang bị hoàn chỉnh.

Từ giữa năm 1963, phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” do Ban Chỉ huy Quân sự huyện phát động diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Tại xã Thanh An, đội du kích xã nhiều lần phối hợp với Đại đội 61 (Nam Bến Cát), Đại đội 81 (Bắc Bến Cát) phục kích đánh địch trên liên tỉnh lộ 14, hỗ trợ quần chúng đấu tranh chống bắt lính, chống gom dân lập ấp chiến lược. Ở ấp Bến Chùa (xã Thanh An), em Phạm Hồng Lập mới 16 tuổi, đã mưu trí dùng lựu đạn gài ở bờ giếng gần bót Lâm Vô, bọn lính dân vệ đi tắm thì đập nổ, tiêu diệt 1 tên, làm bị thương một số tên khác.

Đêm 25/8/1963, trong khi đội du kích xã Thanh An phối hợp với Trung đoàn 762 chủ lực Miền đánh đồn Cỏ Trách, Chi bộ xã Thanh An vận động đồng bào ấp Bến Tranh, Cồn Vần, Cỏ Trách kéo tới trụ sở tề xã đấu tranh đòi hủy bỏ chế độ độc tài phátxít Ngô Đình Diệm, đòi trở về xóm cũ làm ăn, chống bắt xâu, bắt lính.

Từ giữa năm 1963, phong trào cách mạng của hai huyện Nam và Bắc Bến Cát phát triển mạnh mẽ, bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo được củng cố và tăng cường. Một số xã như Phú An, Thới Hòa, An Điền, An Tây, Long Nguyên..., các đơn vị lực lượng vũ trang của huyện (C61, C81, đội trinh sát, đội biệt động) đều thành lập chi bộ. Nhiều thanh niên, cán bộ đoàn thể đã được kết nạp vào Đảng. Cán bộ các đoàn thể tích cực vận động quần chúng tham gia vào các tổ chức đoàn thể cách mạng, đóng góp nuôi quân, xây dựng ấp, xã chiến đấu, động viên con em tòng quân. Huyện có công trường (xưởng quân giới), xã có tổ sản xuất vũ khí tự tạo. Nhiều cơ sở binh vận trong hàng ngũ địch đã lấy được súng đạn cho bộ đội, du kích, cung cấp tin tức địch phục vụ cho hoạt động đấu tranh ba mũi chống phá ấp chiến lược.

Tại Nam Bến Cát, đến cuối năm 1963, bộ máy kìm kẹp của địch ở các ấp chiến lược Tân Định, Thới Hòa, Chánh Phú Hòa, Phú An, Hòa Lợi... đều bị ta phá lỏng, phá rã.

Tại Bắc Bến Cát, Huyện ủy chủ trương phá ấp chiến lược Giáng Hương, Phú Bình nằm sâu trong vùng căn cứ của ta. Ta kết hợp ba mũi khiến lực lượng dân vệ đóng tại ấp chiến lược Giáng Hương hoang mang, một số tên bỏ ngũ. Đến tháng 10/1963, ấp chiến lược Giáng Hương bị ta phá rã hoàn toàn. Tiếp đó, ngày 18/10/1963, lực lượng vũ trang Bắc Bến Cát phối hợp với Trung đoàn 2 (Q762) chủ lực Miền tấn công tiêu diệt đại đội bảo an địch đóng bót Cây Trường, mở thông tuyến hành lang giao liên Đông - Tây, quốc lộ 13, nối Bắc Bến Cát với chiến khu Dương Minh Châu và chiến khu Đ. Phát huy thắng lợi, Đại đội 81 Bắc Bến Cát kết hợp du kích Kiến An, Long Nguyên bao vây uy hiếp trung đội dân vệ đóng bót tại ấp chiến lược Phú Bình, tạo điều kiện cho quần chúng đấu tranh phá lỏng thế kìm kẹp, tản ra rừng căn cứ sinh sống. Đến đầu năm 1964, quân và dân Bắc Bến Cát phá rã

hoàn toàn áp chiến lược Phú Bình, vùng căn cứ Bắc Bến Cát được mở rộng.

Những hoạt động quân sự và phong trào phá ấp chiến lược của quân, dân ta trên chiến trường Nam - Bắc Bến Cát trong những tháng cuối năm 1963 ngày càng phát triển mạnh mẽ, là mối uy hiếp thường xuyên đối với địch từ hướng bắc. Để ngăn chặn phong trào phá ấp chiến lược của quân và dân ta đang phát triển mạnh mẽ trên khắp các chiến trường miền Đông Nam Bộ, cuối tháng 12/1963, Mỹ - ngụy sử dụng Sư đoàn 5 bộ binh và một bộ phận Sư đoàn 25 bộ binh mở cuộc hành quân “Đại phong 35” vào khu vực Tây Ninh, Dầu Tiếng, Bắc Bến Cát hòng đánh phá căn cứ và tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta.

Tại Bắc Bến Cát, địch sử dụng Tiểu đoàn 32 biệt động quân nổi tiếng gian ác, mang danh “cọp đen” càn quét vào khu vực Long Nguyên, Thanh An, Thanh Tuyền. Ngày 31/12/1963, Tiểu đoàn 32 của địch càn vào vùng Bến Súc. Lực lượng vũ trang Bến Cát phối hợp với 2 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn Q762 chủ lực Miền đánh diệt gọn, xóa sổ tiểu đoàn “cọp đen” này. Âm mưu tiêu diệt lực lượng vũ trang, đánh phá căn cứ cách mạng Bắc Bến Cát - Dầu Tiếng của địch hoàn toàn bị thất bại.

Đến cuối năm 1963, chương trình bình định gom dân, lập ấp chiến lược của Mỹ - ngụy đã bị quân, dân miền Nam đánh phá quyết liệt và bị phá vỡ từng mảng lớn. Ngày 01/11/1963, dưới sự chỉ đạo của Mỹ, một nhóm tướng lĩnh Sài Gòn lật đổ Ngô Đình Diệm hòng cứu vãn tình hình nhưng lại làm mâu thuẫn nội bộ ngày càng gay gắt, tinh thần binh lính thêm sa sút.

Cuối năm 1963, Giôn-xơn lên làm Tổng thống Mỹ, tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Tháng 3/1964, Giôn-xơn đề ra kế hoạch “Giôn-xơn - Mắc Namara” nhằm đẩy mạnh hoạt động quân sự hỗ trợ cho kế hoạch gom dân trở lại ấp chiến lược (lúc này gọi là “ấp tân sinh”) với âm mưu “bình định” có trọng điểm miền Nam trong vòng 2 năm.

Trước tình hình trên, Hội nghị lần thứ hai Trung ương Cục miền Nam (tháng 3/1964) đánh giá: “Nhưng nói chung địch vẫn ở trong thế bị động phòng ngự. *Hiện nay tình hình cơ bản là địch đang lùi từng bước về thế thủ và đang do dự bị động; lực lượng ta đang được phát triển mau chóng và ta đang từng bước tiến lên thế công.* Tình hình đó rất thuận lợi cho sự phát triển của phong trào cách mạng miền Nam đồng thời cuộc chiến đấu sẽ còn diễn ra giằng co ác liệt”¹. Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ: “nhiệm vụ năm 1964 của chúng ta là: *Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, tranh thủ thời cơ, liên tục tấn công địch, kiên quyết đánh bại kế hoạch Mắc Namara làm cho mưu đồ tập trung quân tấn công trọng điểm, gom dân lập ấp chiến lược, mua chuộc sử dụng giáo phái thất bại nặng, sinh lực địch tổn thất nhiều hơn nữa, đồng thời ra sức khắc phục các nhược điểm của mình, khẩn trương xây dựng vùng căn cứ, vùng giải phóng về mọi mặt, khẩn trương xây dựng thực lực chính trị và vũ trang của ta, đặc biệt là lực lượng vũ trang, đẩy mạnh mọi mặt công tác, làm cho tình trạng bất đồng giữa các chiến trường giảm bớt, tạo ra những điều kiện cần thiết để sang năm sau có thể mở ra những cục diện to lớn của phong trào, tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.* Do đó năm 1964 là năm có ý nghĩa rất quan trọng, đòi hỏi chúng ta phải có quyết tâm đầy đủ, nỗ lực vượt bậc, mạnh dạn tiến lên”².

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương Cục miền Nam và Chỉ thị của Bộ Chỉ huy miền Đông Nam Bộ về đẩy mạnh đấu tranh phá ấp chiến lược của địch, mở rộng vùng giải phóng, mở rộng căn cứ, tháng 4/1964, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương mở đợt hoạt động phá ấp chiến lược trên phạm vi toàn tỉnh. Tỉnh ủy chỉ đạo phải đẩy mạnh tấn công địch bằng vũ

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.25, tr.710, 719.

trang kết hợp với phong trào quần chúng nổi dậy, phá banh, phá rã các ấp chiến lược của địch ở vùng nông thôn, xây dựng xã, ấp chiến đấu và phát động phong trào đấu tranh mới của công nhân trong thị xã, thị trấn. Tỉnh ủy chọn ấp chiến lược Bến Tượng - ấp chiến lược “kiểu mẫu” của địch, làm điểm chỉ đạo với quyết tâm giành thắng lợi để tác động tới phong trào chung. Tỉnh ủy phân công đồng chí Phan Văn Tiến (Ba Tiến) - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Nam Bến Cát trực tiếp chỉ đạo phá ấp chiến lược Bến Tượng.

Tháng 5/1964, Huyện ủy Nam Bến Cát thành lập Ban Chỉ đạo phá ấp chiến lược Bến Tượng do đồng chí Sáu Đồn - Phó Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban; đồng chí Nguyễn Bá Niên (Mười Niên) - cán bộ của Khu ủy cử xuống tham gia chỉ đạo, làm Phó ban; các đồng chí Võ Văn Bồ (Năm Bồ) - Huyện đội phó, Sáu Tần - Phó ban Tuyên giáo Huyện ủy và Bí thư Chi bộ các xã Mỹ Phước, Lai Hưng, Chánh Phú Hòa làm Ủy viên. Tham gia phá ấp chiến lược Bến Tượng còn có sự phối hợp của lực lượng Bắc Bến Cát; đồng chí Lê Văn Hòa - Bí thư Huyện ủy cùng đồng chí Hai Bình - Huyện ủy viên phụ trách Nông hội trực tiếp tham gia trong Ban Chỉ đạo.

Trong đợt hoạt động đánh phá ấp chiến lược Bến Tượng lần này, Ban Chỉ đạo chủ trương cho tất cả các lực lượng tham gia học tập, quán triệt nghị quyết và thảo luận hiến kế. Những vướng mắc về phương châm, cách đánh, từng bước đi cụ thể trong quá trình thực hiện đều được Ban Chỉ đạo giải đáp, tạo sự thống nhất và quyết tâm cao.

Kế hoạch phá ấp chiến lược Bến Tượng được tiến hành theo 5 bước. Các bước 1, 2, 3 và 4 đạt kết quả tương đối tốt, nhưng không kém phần gay go, nguy hiểm. Ta hy sinh 2 cán bộ. Trong quá trình móc nối, xây dựng cơ sở bên trong ấp chiến lược Bến Tượng, quần chúng đã hiến kế cho ta cách phá bộ máy kìm kẹp trong ấp chiến lược này. Sau khi bị ta bắt và

được hưởng khoan hồng, Trưởng ấp Vĩnh đã tác động làm cho 72 liên gia trưởng, ô trưởng trong ấp chiến lược Bến Tượng đồng loạt xin nghỉ việc. Khi Quận trưởng Bến Cát bắt một số tên liên gia trưởng, ô trưởng thì vợ con họ đã kéo lên quận đấu tranh. Tiếp đó, cán bộ mật hoạt động công khai trong ấp chiến lược Bến Tượng là chị Cao Thị Nguyên và chị Đúng, đã bí mật dùng phấn viết lên cửa nhà một số tên tề dòng chữ: “làm tay sai cho Mỹ - ngụy là đắc tội với cách mạng, nghỉ việc thì được tha; ngoan cố bị trừng trị”, khiến vợ con của bọn chúng càng thêm hoang mang. Một số liên gia trưởng, ô trưởng nghe theo lời vợ con, bỏ việc, trốn đi nơi khác. Dựa vào thế “người của quốc gia bỏ ấp mà đi”, đồng bào trong ấp đấu tranh, tìm cách bung về xóm cũ.

Cuộc đấu trí, đấu lực giữa ta và địch diễn ra quyết liệt trong suốt quá trình tiến hành phá ấp chiến lược Bến Tượng. Ta tiến hành từng bước, từ xây dựng cơ sở mật bên trong ấp đến vận động quần chúng đấu tranh đòi quyền dân sinh (đòi về xóm cũ sản xuất được đi sớm về tối, đòi gạo cứu tế, đòi cấp thuốc chữa bệnh...), tiến tới vận động cơ sở mật trong ấp lấy vũ khí địch để trang bị cho ta, dùng cơ sở binh vận mật tác động đến bọn tề điệp, gia đình binh sĩ. Tùy theo từng đối tượng, ta đánh cả vào tư tưởng, tổ chức của địch; dùng tề tác động tề; vận động gia đình binh sĩ tác động gia đình binh sĩ; kết hợp sử dụng lực lượng vũ trang đánh bọn bảo an, dân vệ bung ra lùng sục bằng mìn trái gài buộc chúng phải co lại. Trong lực lượng chủ lực Sư đoàn 5 bộ binh ngụy được tăng cường hoạt động hỗ trợ trên địa bàn, có nhiều binh lính đã tỏ thái độ đồng tình với quần chúng trong các cuộc đấu tranh. Trong khi đó, lực lượng Đại đội 61, Đội du kích liên xã (Mỹ Phước, Lai Hưng, Chánh Phú Hòa) và Đại đội 81 Bắc Bến Cát thường xuyên pháo kích, bắn tỉa trung đội dân vệ đóng chốt trong ấp chiến lược, không cho chúng tự do hoạt động.

Trước nguy cơ sụp đổ của áp chiến lược Bến Tượng, địch mở nhiều cuộc hành quân càn quét những vùng xung quanh, những lõm căn cứ ở Lai Hưng, Chánh Phú Hòa nhằm đẩy lực lượng vũ trang của ta ra xa. Bên trong ấp, địch vẫn dựa vào nhau kìm kẹp quần chúng. Những cuộc đấu tranh của quần chúng bên trong ấp chiến lược tiếp tục diễn ra dai dẳng, quyết liệt. Nhiều gia đình đã sẵn sàng bung về xóm cũ, nhưng không thể bỏ lại đồ dùng, vật dụng.

Trong khi Ban Chỉ đạo còn đang tìm biện pháp, tạo thế để vận động đồng bào cùng lúc bung về xóm cũ, thì đồng bào hiến kế: “cứ để dân chúng tôi tự đốt nhà mình, lấy có đó mà đấu tranh với địch”. Được quần chúng đồng tình, ta thực hiện kế “hỏa công”, hướng dẫn đồng bào đốt một số nhà tranh nhỏ, chuồng trâu, chuồng bò để lấy có đấu tranh với địch. Gần 3.000 quần chúng kéo nhau đến trước dinh quận trưởng la khóc, đòi được cấp gạo, mắm, muối, quần áo, đòi cấp cây, tôn lợp nhà. Ta vận động đồng bào Mỹ Phước, Thới Hòa, Chánh Phú Hòa kéo lên quận gây áp lực để ủng hộ đồng bào áp chiến lược Bến Tượng đấu tranh. Cuối cùng, Quận trưởng Bến Cát buộc phải chấp thuận cấp gạo, cây, tôn cho dân. Đồng bào dùng xe bò chở thặng về xóm cũ. Cuộc đấu tranh phá áp chiến lược Bến Tượng kéo dài suốt 92 ngày đêm, kết quả gần 85% hộ gia đình với hơn 3.500 đồng bào trong ấp đã trở về xóm cũ làm ăn sinh sống.

Trong khi ta đang chuẩn bị phá áp chiến lược Bến Tượng, ngày 12/8/1964, Mỹ - ngụy sử dụng chiến thuật “trục thẳng vận” với hơn 100 máy bay lên thẳng thực hiện cuộc hành quân chớp nhoáng, đổ 14 tiểu đoàn quân chủ lực ngụy càn quét khu vực Bến Súc, Đường Long (xã Thanh Tuyền) và các xã An Điền, Kiến An, Long Nguyên. Xã Thanh Tuyền, Kiến An là trọng điểm của cuộc càn quét. Kinh nghiệm đánh trả chiến thuật “trục thẳng vận” của quân và dân Mỹ Tho từ đầu năm 1963 đã được quân và dân tỉnh Thủ Dầu Một tiếp thu và vận dụng. Những bãi trống, trảng lớn ở Kiến An, Đường Long (Thanh Tuyền),

Long Nguyên, An Điền được quân và dân Bến Cát bố trí những bãi cọc (cự mã), kết hợp gài mìn trái để chống trực thăng đổ bộ, hạn chế khả năng cơ động của địch.

Tại Thanh Tuyên, Kiến An, Long Nguyên, du kích phối hợp với lực lượng vũ trang huyện, cán bộ, chiến sĩ các cơ quan đóng trong các căn cứ bám trụ sử dụng mìn trái tự tạo kết hợp tập kích, phục kích, pháo kích, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Trung đoàn 762 chủ lực Miền cùng lực lượng vũ trang tỉnh, huyện liên tiếp giáng cho địch những đòn đau: Diệt 1 đại đội ở khu vực Lai Khê, đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 5 bộ binh ngụy ở Thới Hòa và tiểu đoàn hành quân trên quốc lộ 13...

Ngày 18/8/1964, địch phải vội vã chấm dứt cuộc hành quân “trục thăng vận” trên chiến trường Bến Cát. Âm mưu thực hiện một cuộc càn chớp nhoáng bằng chiến thuật “trục thăng vận”, thọc một nhát kiếm sâu vào căn cứ phía sau của ta trên chiến trường Bến Cát của địch đã hoàn toàn thất bại.

Cuối năm 1964, đầu năm 1965, địa bàn hai huyện Nam, Bắc Bến Cát cơ bản được giải phóng, địch chỉ còn lại trong thị trấn và căn cứ quân sự Lai Khê. Trên quốc lộ 13, ta đã bức rút hàng loạt đồn bót của địch từ ngã tư Sở Sao đến Thới Hòa, làm chủ quốc lộ 13 từ Cây Trường đến Bắc Lai Khê. Trên đường số 2, ta bức rút đồn An Hòa, An Lợi, Chánh Lưu. Trên đường 14, ta bức rút đồn Cỏ Trách (Thanh An), đồn Bến Súc, Bưng Còng, Rạch Kiến (Thanh Tuyên), bót An Thuận, Phú Thứ (Phú An), bót ngã tư Kiến Điền (An Điền). Vùng căn cứ và vùng giải phóng của hai huyện Nam, Bắc Bến Cát đã nối liền với vùng giải phóng các địa phương trong tỉnh. Đường hành lang từ Long Nguyên qua chiến khu Đ sang chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh) cũng như từ căn cứ Huyện ủy về căn cứ các xã được thông suốt. Nhân dân vùng căn cứ, vùng giải phóng phấn khởi, hăng hái tham gia xây dựng căn cứ xã, ấp chiến

đấu bảo vệ vùng giải phóng, tích cực tăng gia sản xuất đóng góp lương thực nuôi quân. Lực lượng mọi mặt của hai huyện đều phát triển mạnh. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở bám sát phong trào, nhiệm vụ chính trị, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời những vấn đề đặt ra của địa phương. Hầu hết đảng viên mới phát triển ở các chi bộ lực lượng vũ trang và chi bộ, đảng bộ các xã là những đoàn viên, thanh niên ưu tú có nhiều thành tích trong chiến đấu và công tác. Phong trào du kích chiến tranh phát triển rộng khắp và mạnh mẽ ở các xã vùng căn cứ và vùng mới giải phóng. Lực lượng vũ trang của huyện và du kích các xã phát triển nhanh, tiến bộ trong đánh đồn, diệt bót, linh hoạt sử dụng mìn trái tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy, các ban ngành của huyện cũng không ngừng được củng cố. Các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Nông hội phát triển nhanh, tập hợp được đông đảo quần chúng. Hai huyện Nam, Bắc Bến Cát trở thành hậu phương trực tiếp, là chỗ dựa cho các lực lượng của tỉnh đứng chân xây dựng và phát triển, tăng thêm sức mạnh tổng hợp để tấn công địch.

Trước tình hình đó, khoảng tháng 4/1965, Tỉnh ủy chủ trương sáp nhập hai huyện Nam Bến Cát và Bắc Bến Cát thành huyện Bến Cát. Sau khi sáp nhập, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bến Cát gồm các đồng chí:

- Phan Văn Tiến (Ba Tiến) - nguyên Bí thư Huyện ủy Nam Bến Cát làm Bí thư Huyện ủy.

- Nguyễn Văn Hoàng (Hai Hoàng) làm Phó Bí thư Huyện ủy kiêm Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy.

- Nguyễn Hữu Ý (Út Ý) làm Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Chính trị viên phó Huyện đội.

- Nguyễn Thị Hồng (Muội Hồng) làm Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Dân vận.

- Cao Văn Bỏ làm Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Huyện đội trưởng.

- Nguyễn Văn Nhân (Ba Nhân) làm Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tuyên huấn Huyện ủy.

- Trần Văn Dò làm Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban An ninh.

- Trương Văn Ca (Tư Ca) làm Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Kinh tài.

- Lê Văn Minh (Minh Râu) làm Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng.

- Nguyễn Văn Tấn (Sáu Tấn) làm Huyện ủy viên, Phó ban Tổ chức.

- Huỳnh Văn Hảo (Năm Hảo) làm Huyện ủy viên, Chính trị viên phó Huyện đội.

- Nguyễn Thị Thu (Tư Thu) làm Huyện ủy viên, Trưởng Ban Bình vận.

- Lý Chí Lý (Năm Lý) làm Huyện ủy viên, Huyện đội phó.

- Nguyễn Văn Quý (Tư Quý) làm Huyện ủy viên, Huyện đội phó.

- Trương Văn Quyết (Ba Quyết) làm Huyện ủy viên, Trưởng Ban Nông hội.

- Hà Minh Tiến (Sáu Tiến) làm Huyện ủy viên, Bí thư Chi bộ xã Tân Định.

- Sáu Dệt làm Huyện ủy viên, Bí thư Chi bộ xã Chánh Phú Hòa.

- Lê Văn Na (Na Đèo) làm Huyện ủy viên, Chủ tịch Hội đồng cung cấp.

- Nguyễn Văn Thanh làm Huyện ủy viên, Bí thư Chi bộ xã Mỹ Phước.

- Tô Văn Minh (Tư Minh) làm Huyện ủy viên, Bí thư Chi bộ thị trấn.

- Huỳnh Văn Khương (Ba Khương) làm Huyện ủy viên, Bí thư Chi bộ xã Lai Hưng.

- Huỳnh Văn Tấn làm Bí thư Chi bộ xã Tương Bình Hiệp.

Sau khi sáp nhập, Hội đồng cung cấp huyện tiếp tục được củng cố và tăng cường thêm lực lượng. Hội đồng cung cấp huyện có chân rất tới các xã, do 1 đồng chí chỉ ủy viên làm trưởng ban. Đêm nào cũng có những tiểu đội, trung đội xe bò của các xã vận chuyển hàng hóa từ các trạm bên bờ sông Sài Gòn về căn cứ Long Nguyên sang Nha Thúc, hoặc từ Chánh Phú Hòa, Hòa Lợi chuyển về chiến khu Đ. Nhiều xã có các đội xe bò phục vụ vận chuyển cho bộ đội cả vũ khí lớn như súng, đạn ĐKB. Cùng với những đoàn xe bò phục vụ vận chuyển hàng hóa cho bộ đội, nhân dân các xã còn tham gia đóng góp hàng chục ngàn gia lúa cho cách mạng trong vụ mùa 1964 - 1965. Năm 1965, ở Phú An, nhiều gia đình đã đóng góp vài chục đến cả trăm gia lúa như gia đình bà Nguyễn Thị Chường (ấp Phú Thuận): 55 gia lúa; gia đình ông Nguyễn Văn Đoàn (ấp Phú Thuận): 60 gia; gia đình bà Nguyễn Thị Ngân: 200 gia... Bộ đội, du kích cần ghe xuồng vận chuyển trên sông Sài Gòn lúc nào cũng được nhân dân Phú An, An Tây sẵn sàng phục vụ.

Đến giữa năm 1965, Bến Cát là vùng giải phóng, căn cứ vững chắc nối liền với các căn cứ, vùng đứng chân xây dựng lực lượng của tỉnh, khu Sài Gòn - Gia Định, kho trạm các đoàn hậu cần của Miền, đồng thời là bàn đạp cho các đơn vị chủ lực của tỉnh, huyện mở những chiến dịch tiêu diệt sinh lực địch.

III- QUYẾT TÂM ĐÁNH THẮNG ĐỂ QUỐC MỸ VÀ TAY SAI, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA MỸ - NGUYỄN (1965 - 1968)

1. Đẩy mạnh phong trào du kích, bám trụ chiến đấu, giữ vững căn cứ, góp phần bẻ gãy các cuộc phản công mùa khô của địch (1965 - 1967)

Sau khi chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản, đế quốc Mỹ đề ra chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, trực tiếp đưa quân đội viễn chinh và chư hầu vào miền Nam nhằm cứu nguy

cho ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn, dập tắt phong trào cách mạng miền Nam.

Trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, trong năm 1965, Mỹ triển khai Sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ” đóng tại Lai Khê (Lữ đoàn 3), Phước Vĩnh (Lữ đoàn 1), Hố Quán (Lữ đoàn 2) và căn cứ Phú Lợi (Bộ Tư lệnh); Sư đoàn bộ binh số 25 “Tia chớp nhiệt đới” đóng căn cứ Đồng Dù cũng bố trí Lữ đoàn 3 tại Dầu Tiếng, núi Cậu...

Tại Bến Cát, ngày 18/6/1965, Mỹ đã 27 lần sử dụng máy bay chiến lược B52 ném bom rải thảm xuống ấp Trảng Lớn, Bò Cảng (xã Long Nguyên), nơi có căn cứ của Tỉnh ủy, Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Thủ Dầu Một. Đây là lần đầu tiên trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, đế quốc Mỹ sử dụng máy bay ném bom chiến lược để đánh phá căn cứ của ta. Tiếp đó, ngày 21/7/1965, Mỹ sử dụng hơn 30 lần máy bay B52 ném bom rải thảm xuống Bắc Bến Cát, kéo dài từ ấp Hóc Măng đến ấp Bò Cảng, từ Hóc Măng đến Phú Bình qua Kiến An.

Cùng với quân và dân miền Nam, Đảng bộ, quân và dân Bến Cát không hề nao núng, khiếp sợ trước sức mạnh bom đạn cùng với những âm mưu, thủ đoạn mới của đế quốc Mỹ và tay sai. Sau khi Tỉnh ủy triển khai quán triệt Nghị quyết của Trung ương Cục (tháng 01/1965), Đảng bộ, quân và dân Bến Cát đã khẩn trương chuẩn bị, sẵn sàng đánh thắng địch trong mọi tình huống. Đặc biệt, Đảng bộ huyện đã quan tâm giải quyết ba vấn đề lớn là tân binh, dân công và tài chính.

Ngày 05/6/1965, tại xóm Vườn Trầu, ấp Hố Mên, xã Long Nguyên, Tiểu đoàn Phú Lợi, tiểu đoàn chủ lực đầu tiên trong kháng chiến chống Mỹ của lực lượng vũ trang tỉnh Thủ Dầu Một, được thành lập. Chỉ sau một tuần thành lập, tại Suối Dứa, ngày 07/7/1965, Tiểu đoàn Phú Lợi phối hợp với du kích xã Thanh An, Đại đội 64 Dầu Tiếng phục kích tiêu diệt

Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 8, Sư đoàn 5 bộ binh ngụy, bắt sống 49 tên, thu 270 súng các loại.

Sự ra đời của Tiểu đoàn Phú Lợi ngay trên vùng căn cứ, vùng giải phóng của huyện, cùng với chiến thắng oanh liệt của Tiểu đoàn trong trận đầu ra quân là niềm tự hào to lớn, góp phần cổ vũ, động viên tinh thần chiến đấu của quân và dân Bến Cát.

Sau những cuộc càn ở xã Tân Bình, Bình Mỹ, Vĩnh Tân, chiến khu Thuận An Hòa (Lái Thiêu), chiến khu Đ bị thất bại, ngày 14/9/1965, Mỹ - ngụy đã huy động 20 tiểu đoàn mở cuộc hành quân “Hùng Vương 9” đánh vào các căn cứ của ta ở Bến Cát nhằm giải tỏa quốc lộ 13. Địch càn dọc hai bên quốc lộ 13 từ Thới Hòa tới Lai Hưng, Lai Uyên, ném bom bắn phá ba xã tây nam. Quân Mỹ đổ vào Cà Na (xã Long Nguyên), vừa đánh phá căn cứ, thăm dò lực lượng ta, vừa hỗ trợ cho quân ngụy tiến hành gom dân vào lại các ấp chiến lược, thực hiện mục tiêu “bình định” và bảo vệ an toàn cho căn cứ Lai Khê.

Sau gần nửa tháng lùng sục kết hợp phi pháo đánh phá ác liệt địa bàn các xã Long Nguyên, Kiến An, Lai Uyên, Lai Hưng, địch chỉ thực hiện được ý đồ phô trương sức mạnh quân sự để tuyên truyền, trong khi mục tiêu “tìm diệt” chủ lực ta và giải tỏa quốc lộ 13 vẫn không thực hiện được.

Ngay sau khi địch kết thúc cuộc hành quân “Hùng Vương 9”, Huyện ủy triệu tập hội nghị mở rộng để đánh giá tình hình, triển khai kế hoạch đối phó với âm mưu, thủ đoạn mới của địch trên chiến trường. Hội nghị nhận định: Bến Cát là địa bàn căn cứ của tỉnh và nhiều cơ quan, đơn vị của cấp trên; có vùng giải phóng mở rộng liên hoàn từ đông sang tây, từ bắc xuống nam, nối liền với các căn cứ lớn của miền Đông Nam Bộ; là bàn đạp cho bộ đội chủ lực hoạt động tác chiến. Những động thái dùng phi pháo và sử dụng lực lượng từ căn cứ Lai Khê

“thả vôi” ra thăm dò ở Lai Hưng, Long Nguyên của quân Mỹ cho thấy chúng đang dọn đường cho một cuộc hành quân càn quét vào ba xã tây nam. Hội nghị thảo luận đưa ra nhiều ý kiến về biện pháp đối phó với địch. Ngoài ra, Hội nghị cũng nhận định, khi quân Mỹ vào, chiến trường ác liệt hơn, nhưng bom đạn Mỹ (kể cả Mỹ dùng máy bay B52 ném bom rải thảm) cũng không làm quân và dân Bến Cát khiếp sợ. Nhân dân Bến Cát quyết tâm cùng nhân dân cả nước “quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn”. Tuy nhiên, tại Hội nghị có ý kiến còn băn khoăn, trăn trở trước thực tế là: Ta sẽ đánh Mỹ như thế nào, sẽ tiếp tục thực hiện phương châm ba mũi giáp công, tiến hành đấu tranh chính trị, binh vận trước đối tượng tác chiến mới là quân Mỹ được hay không?

Kết thúc Hội nghị, đồng chí Phan Văn Tiến - Bí thư Huyện ủy kết luận: Ta chưa có kinh nghiệm đánh Mỹ nhưng đã chuẩn bị tốt về tư tưởng, có quyết tâm đánh Mỹ và có bước chuẩn bị cả về thế trận và lực lượng. Nhưng như thế chưa đủ vì Mỹ có pháo binh, không quân hùng hậu chi viện cho bộ binh nên chiến trường sẽ ác liệt hơn rất nhiều so với khi quân Mỹ chưa trực tiếp tham chiến. Tất cả hầm hào, ụ chiến đấu, hầm chống phi pháo ở các nơi công cộng và từng gia đình phải được củng cố lại. Lực lượng của huyện và các xã phải chuẩn bị lương thực và khí tài phục vụ chiến đấu liên tục được 2 tháng để đề phòng địch càn quét dài ngày. Ban Chỉ huy Huyện đội bổ sung kế hoạch chiến đấu ở ba xã tây nam cũng như khu vực trọng điểm khác. Sau Hội nghị, Ban Chỉ huy Huyện đội phân công đồng chí Lý Chí Lý - Huyện ủy viên, Huyện đội phó, trực tiếp kiểm tra toàn bộ công tác chuẩn bị chiến đấu của ba xã tây nam.

Đúng như nhận định của Huyện ủy, ngày 08/10/1965, Mỹ - ngụy mở cuộc hành quân càn quét lần thứ hai vào địa bàn Bến Cát trong vòng một tháng. Trung tâm của cuộc càn quét

là ba xã tây nam, mục tiêu là “tìm diệt” lực lượng vũ trang, phá hủy căn cứ kháng chiến của ta và lập tuyến an ninh cho căn cứ Lai Khê. Định huy động 6 trung đoàn gồm 12.000 quân, trong đó có 8.000 quân Mỹ thuộc lực lượng Sư đoàn bộ binh số 1, Lữ đoàn dù 173, 200 xe quân sự, 113 máy bay các loại, 13 tàu xuồng (hoạt động trên sông Sài Gòn và sông Thị Tính) tham gia cuộc càn này.

Liên tục trong 6 ngày đêm (từ ngày 08 đến ngày 13/10/1965), bộ đội huyện và du kích các xã đã kiên cường bám trụ địa đạo, ô ụ, sử dụng các loại mìn trái tự tạo, đánh địch cả ban ngày và ban đêm, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch.

Tại xã An Điền, ngày 10/10/1965, một tổ du kích xã gồm 4 đồng chí (2 đảng viên, 2 đoàn viên) do Nguyễn Văn Mỗi (Tu Mỗi) chỉ huy, dựa vào ụ chiến đấu khu vực Sở cao su Ông Kho và cầu Ông Kỳ, sử dụng mìn tự tạo (4 trái đầu pal 105 ly, 1 trái ĐH10), đẩy lùi ba đợt xung phong của 1 tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn dù 173 Mỹ, làm chết và bị thương hơn 100 tên. Ngay trong đêm đó, hai tổ trinh sát đặc công của huyện đã phối hợp với du kích An Điền tổ chức ba mũi bám theo đường địa đạo, tập kích bằng thủ pháo vào cụm quân Mỹ đóng dã ngoại tại bìa ấp 1, loại khỏi vòng chiến đấu 2 tên. Tiếp đó, ngày 12/10/1965, quân Mỹ càn vào ấp 2, cách ngã ba An Điền 300m về phía tây, bị tổ du kích ấp 3 bám trụ địa đạo đánh 3 trái đầu pal (bằng đầu đạn pháo 105 ly), loại khỏi vòng chiến đấu gần 50 tên địch.

Trong lúc đó, địch cho 1 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 7, Sư đoàn 5 bộ binh ngụy, vượt cầu Ông Cộ càn vào từ ấp Phú Thứ (xã Phú An) lên tới ấp 3 (xã An Điền). Một tổ du kích của ấp 3 (xã An Điền) bắn tỉa, đánh đầu pal, loại khỏi vòng chiến đấu 5 tên địch. Tiểu đoàn địch dạt ra, cắt rừng đi tiếp, đụng trái gài của ông Năm (ông dân xã An Điền tự gài), khiến 7 tên chết và bị thương.

Tại xã An Tây, du kích xã phối hợp với 1 tiểu đội thuộc Đại đội 61 bắn tỉa tại ngã tư Thùng Thờ, diệt 6 tên địch khiến bọn lính Mỹ hoảng sợ, không dám tiến lên.

Tại xã Phú An, cả hai cánh quân địch càn vào ấp An Thuận và ấp Phú Thuận đều bị du kích ta chặn đánh bằng mìn, trái gài, hơn 20 tên chết và bị thương.

Trong khi đó, lực lượng địch hoạt động vùng ngoại tuyến ở xã Tân Định, Tân An, Thới Hòa, Mỹ Phước, Hòa Lợi... đều bị du kích chặn đánh bằng mìn trái tự tạo. Ta đã gây cho địch nhiều thiệt hại.

Tại xã Thới Hòa, quân chúng làm vật cản trên quốc lộ 13, đấu tranh ngăn cản không cho xe cơ giới địch hành quân khiến hơn 40 xe cơ giới của địch bị ùn tắc trong nhiều giờ liền, tạo điều kiện cho du kích bố trí mìn trái đánh địch. Khi địch tổ chức lực lượng càn vào ấp Vĩnh Hòa, khu vực ấp Rừng Núi thì đụng phải 18 trái mìn do du kích gài (bãi tử địa), hơn 60 tên địch chết và bị thương. Đêm 11/10/1965, bán đội (6 đồng chí) du kích Thới Hòa tập kích cụm quân Mỹ đóng tại cầu Tây bằng 7 trái lựu đạn, diệt và làm bị thương 15 tên, phá hỏng nặng 4 xe cơ giới.

Trong một tuần càn vào Bến Cát, Mỹ - ngụy còn sử dụng cả máy bay chiến lược B52 để ném bom rải thảm. Chúng sử dụng khoảng 2.700 tấn bom đạn, 126.000 trái đạn pháo, cối các loại, trong đó, tập trung ném bom xuống An Điền (khoảng 2.000 tấn). Chia bình quân, mỗi người dân xã An Điền trong một tuần lễ phải chịu nửa tấn bom và hơn 10 trái đạn pháo... Tuy nhiên, quân và dân Bến Cát đã chiến đấu ngoan cường, diệt và làm bị thương 516 tên địch (trong đó có 425 tên Mỹ), bắn rơi 3 máy bay lên thẳng, bắn bị thương 9 chiếc khác, phá hủy 4 xe quân sự. Hãng thông tấn API của Mỹ buộc phải thú nhận, cuộc hành quân lớn nhất của Sư đoàn bộ binh số 1 vào khu “Tam giác sắt” hoàn toàn bị thất bại.

Hành quân càn quét vào một địa bàn nhỏ hẹp, hoàn toàn không có một tiểu đoàn chủ lực nào của “Việt cộng”, nhưng địch đã bị thiệt hại nặng nề, mất hơn 500 quân (chủ yếu là quân Mỹ). Đội quân viễn chinh Mỹ với những vũ khí hiện đại như máy bay chiến lược B52, xe tăng, trọng pháo, phương tiện kỹ thuật quân sự hiện đại được trang bị “từ đầu đến chân” vẫn bị quân và dân Bến Cát đánh bại bằng hầm chông, hố đinh, mìn trái tự tạo... Những mục tiêu mà Mỹ đề ra không những không đạt được mà tình hình còn xấu đi nghiêm trọng: Quốc lộ 13 vẫn bị cắt đứt, địa bàn ba xã tây nam cũng như toàn bộ chiến trường huyện Bến Cát vẫn là “vùng đất lửa” đối với cả quân ngụy và quân Mỹ.

Chiến thắng của quân và dân Bến Cát trong cuộc chiến đấu chống càn quy mô lớn đầu tiên của quân viễn chinh Mỹ đã thể hiện tinh thần chủ động đánh địch, dám đánh và quyết thắng Mỹ, biết tạo thế trận và tìm cách đánh thích hợp. Trong chống càn, du kích Bến Cát đã kiên cường bám trụ, anh dũng chiến đấu, không ngại hỏa lực, đánh ngày, đánh đêm, đánh bồi, đánh nhồi, đánh bằng mọi thứ vũ khí có trong tay. Khi địch dựa vào hỏa lực phi pháo, ồ ạt tấn công, ta đã lợi dụng địa hình, địa vật, hầm, hào, công sự; khéo léo sử dụng các loại vũ khí tự tạo đánh gần, đánh xa, biến hóa tài tình; kết hợp chặt chẽ giữa nội tuyến (trung tâm cuộc càn) với ngoại tuyến để chia lửa, căng kéo địch và kết hợp với đấu tranh chính trị của quần chúng.

Chiến thắng của quân và dân Bến Cát đã góp phần giải đáp câu hỏi đặt ra trên chiến trường khi quân Mỹ mới vào, khẳng định lực lượng vũ trang địa phương hoàn toàn có khả năng đánh được quân Mỹ, là một thực tế sinh động để Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền, Khu ủy miền Đông rút ra kết luận: Du kích có khả năng đánh được Mỹ và phát động phong trào học tập du kích An Điền đánh Mỹ khắp miền Đông.

Khi địch vừa kết thúc cuộc càn, Huyện ủy tổ chức rút kinh nghiệm, chỉ đạo củng cố lại hầm hào, công sự chiến đấu để chuẩn bị đánh địch. Học tập du kích An Điền, phong trào “thi đua đánh Mỹ, diệt ngụy” phát triển rộng khắp trong toàn huyện. Du kích bảy xã Long Nguyên, Kiến An, Lai Hưng, Chánh Phú Hòa, Thới Hòa, Tân Định... lập những tổ bắn tỉa, tổ “săn” xe cơ giới bằng mìn trái tự tạo, tiêu hao nhiều sinh lực địch. Tháng 11/1965, một tổ du kích xã Lai Hưng do Nguyễn Ngọc Dạng chỉ huy, đã bố trí dậu pal đánh diệt 1 trung đội Mỹ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 40 tên tại ấp Gót Chàng. Trong vòng một tháng, hai tổ du kích xã Chánh Phú Hòa và Lai Hưng đã dùng mìn tự tạo phục kích, loại khỏi vòng chiến gần 70 tên Mỹ - ngụy trong những cuộc hành quân càn quét của chúng vào căn cứ Bông Trang và trong khi các đơn vị công binh địch sửa đường số 7.

Sau chiến thắng Đất Cuốc (ngày 08/11/1965), Bộ Chỉ huy Miền chủ trương mở chiến dịch tiến công tiêu diệt địch trên chiến trường Bến Cát, quốc lộ 13, Dầu Tiếng. Đảng bộ, quân và dân Bến Cát cùng quân và dân trong tỉnh dồn sức phục vụ chiến dịch và phối hợp tác chiến với bộ đội chủ lực trên chiến trường của huyện.

Trong khi ta đang chuẩn bị chiến trường, một chiến đoàn Mỹ thuộc Sư đoàn bộ binh số 1 từ Lai Khê hành quân lên phía nam ấp Bàu Bàng. Theo kế hoạch, chiến đoàn này sẽ hành quân lên Chơn Thành, quay về phía tây hình thành thế bao vây, kẹp chặt vùng tam giác Bắc Sài Gòn (Củ Chi - Dầu Tiếng - Bến Cát), nơi có nhiều cơ quan, kho tàng và một sư đoàn “Việt cộng” đang trú đóng. Ý định của địch chưa kịp thực hiện thì sáng ngày 12/11/1965, cả chiến đoàn Mỹ cùng lực lượng xe tăng yểm trợ đã bị Sư đoàn 9 của ta tấn công. Ta tiêu diệt 2 tiểu đoàn, 2 chi đoàn xe tăng tại Bàu Bàng, loại khỏi vòng chiến đấu 2.040 tên Mỹ, phá hủy 39 xe bọc thép và 6 khẩu pháo. Đây là lần đầu tiên 1 chiến đoàn Mỹ bị tiêu diệt

trên chiến trường miền Đông Nam Bộ. Bà Bàng trở thành mảnh đất chôn vùi uy danh Sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ” của quân đội viễn chinh Mỹ.

Những thắng lợi của quân và dân Bến Cát nói riêng, quân và dân miền Nam nói chung trong những trận đầu độ sức với đội quân viễn chinh xâm lược Mỹ đã làm nức lòng nhân dân cả nước và được Chủ tịch Hồ Chí Minh khen ngợi trong *Thơ Chúc mừng năm mới* năm 1966:

“Mừng miền Nam rực rỡ chiến công,

Nhiều Dầu Tiếng, Bà Bàng, Plâyme, Đà Nẵng...”¹.

Sau thất bại của cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất, Mỹ - ngụy đẩy mạnh thực hiện kế hoạch hai gọng kìm, tăng cường không quân, pháo binh đánh phá ác liệt các vùng căn cứ của ta. Suốt trong 6 tháng mùa mưa năm 1966, Mỹ đã sử dụng chất độc hóa học và cho máy bay B52 ném bom rải thảm xuống nhiều vùng rộng lớn của huyện từ ba xã tây nam đến Thanh Tuyên, Thanh An, Long Nguyên, Kiến An... Chất độc hóa học đã hủy diệt hàng trăm ngàn hécta rừng, hoa màu của nhân dân. Những cánh rừng bạt ngàn ở Thanh An, Thanh Tuyên, Long Nguyên, Kiến An, Lai Uyên bị rụng lá xơ xác; đến củ khoai mì, khoai lang nằm dưới đất cũng bị chất độc hóa học làm hư hại. Hàng trăm đồng bào ở các xã Thanh An, Thanh Tuyên, Long Nguyên, Kiến An... bị nhiễm độc nặng.

Cùng với các biện pháp đánh phá hủy diệt vùng căn cứ, địch còn tăng cường hệ thống phòng thủ cho thị trấn Bến Cát, đóng thêm nhiều đồn bót ở các điểm xung yếu như Xóm Xoài, Cầu Quan, Cầu Đồ, Cầu Củi..., tăng cường bộ máy tề điệp đánh phá cơ sở cách mạng của ta trong các ấp chiến lược ở Mỹ Phước. Địch thí điểm quân sự hóa bộ máy hành chính xã, ấp bằng cách đưa một tên thiếu úy về nắm bộ máy tề Mỹ Phước.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t,15, tr.1.

Quán triệt Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 12 (tháng 12/1965) và Nghị quyết của Tỉnh ủy, đầu năm 1966, Huyện ủy Bến Cát chỉ đạo cấp ủy chi bộ, đảng bộ cơ sở các xã và các ngành, đoàn thể cùng các đơn vị vũ trang tích cực xây dựng lực lượng, củng cố thế trận chiến tranh nhân dân, làng xã chiến đấu, căn cứ chiến đấu ở cả phía trước và phía sau để tiếp tục chiến đấu lâu dài, kiên quyết bám trụ, góp phần làm thất bại các cuộc hành quân “tìm, diệt” và âm mưu, thủ đoạn “bình định” của địch trên chiến trường. Huyện ủy chủ trương rút một bộ phận lực lượng du kích các xã Lai Hưng, Chánh Phú Hòa, Mỹ Phước để lập Đội chốt Lai Khê (gọi là C3) sử dụng các loại vũ khí, trang bị hiện có, nhất là mìn, trái tự tạo đánh ngăn chặn, làm tiêu hao, tiêu diệt địch trong căn cứ Mỹ ở Lai Khê. Huyện ủy yêu cầu các cấp ủy, các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang phải thường xuyên giữ vững tư tưởng tiến công và vận dụng linh hoạt phương châm ba mũi giáp công. Lực lượng vũ trang và cán bộ địa phương phải thực hiện phương châm ba bám: Cán bộ bám dân; dân bám đất, bám làng; du kích bám địch. Công trường (xưởng quân giới) của huyện được củng cố, tăng thêm lực lượng gồm hơn 30 đồng chí để sản xuất đủ mìn, trái cho các đơn vị vũ trang tập trung tác chiến và bảo vệ căn cứ. Các xã đã đưa du kích về công trường huyện học tập cách làm, gài đặt một số loại mìn, trái để vừa tăng cường trang bị đánh địch bên ngoài, vừa bố trí bảo vệ căn cứ. Chỉ trong 10 ngày đầu tháng 02/1966, công trường huyện đã gấp rút làm đủ 400 trái thủ pháo để cung cấp cho tỉnh, phục vụ các đơn vị tham gia phối hợp với cuộc binh biến của trung đoàn thiết giáp ngụy đóng tại Gò Đậu (tháng 3/1966).

Trung tuần tháng 02/1966, Mỹ mở cuộc hành quân mang tên “Hòn đá lăn” đánh vào ngoại vi chiến khu Đ. Một mũi tấn công của địch càn vào Bến Cát sửa đường số 7 làm đường vận chuyển cơ động từ Bến Cát đi Phước Vĩnh, đồng thời, hỗ trợ quân ngụy tiến hành bình định khu vực Nhà Đỏ, Tân Bình.

Trên quốc lộ 13, đoạn từ Tân Định đến Lai Hưng, từ cuối năm 1965, địch tăng cường lực lượng quân nguy đóng các bót Cầu Định, Thới Hòa, Bù Chí, ngã ba Lăngxi, tua Cầu Tây, Mỹ Thạnh, Xóm Xoài. Chúng kết hợp càn quét với bắn pháo vào các xóm ấp để thực hiện dồn dân trở lại. Trên quốc lộ 13 từ thị xã Thủ Dầu Một đi Bình Long, địch cho ủi trống dọc hai bên đường sâu vào 30 - 50m nhằm ngăn chặn ta phục kích.

Ngày 24/3/1966, Sư đoàn 9 (bộ đội chủ lực Miền) tập kích, tiêu diệt 1 chiến đoàn Mỹ (thuộc Lữ đoàn 1, Sư đoàn 1 bộ binh) tại Bông Trang - Nhà Đỏ, diệt và làm bị thương 1.300 tên Mỹ (gồm 2 tiểu đoàn bộ binh Lữ đoàn 1 và 1 chi đoàn thiết giáp). Âm mưu hỗ trợ nguy bình định gom dân tại các khu vực Bình Mỹ, Tân Bình, Chánh Phú Hòa của địch trong cuộc hành quân “Hòn đá lăn” đã bị giáng một đòn choáng váng.

Phối hợp với hoạt động tác chiến của bộ đội chủ lực, trong 6 tháng đầu năm 1966, bộ đội huyện, du kích các xã liên tục tấn công địch. Tại Mỹ Phước, du kích xã cùng tổ công binh huyện đánh mìn phá hủy 1 xe GMC Mỹ tại cống Hổ Đá. Du kích xã Thới Hòa đánh mìn phá hỏng 1 xe tăng M41 của địch tại ngã ba Lăngxi khi chúng hành quân tiếp viện cho đồng bọn ở Bông Trang - Nhà Đỏ, diệt 1 trung đội biệt kích tại cống Thầy Khoa. Có lần đồng chí Trọng (du kích Thới Hòa) đã bố trí mìn trên quốc lộ 13 (khu vực gần xóm Chùa), phá hủy 3 xe thiết giáp 113, 1 xe GMC, loại khỏi vòng chiến đấu 38 tên địch.

Đêm 15/3/1966, Đại đội 61 phối hợp với Tiểu đoàn Phú Lợi, Đại đội 62 huyện Châu Thành tập kích các đơn vị địch đóng dã ngoại tại ấp Gò Mối, xã Tân Định. Trận đánh diễn ra trong điều kiện bất lợi cho ta do đêm đó địch tăng cường lên ấp Gò Mối 2 tiểu đoàn mà trinh sát ta không nắm được. Tuy nhiên, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị vẫn ngoan cường chiến đấu. Mặc dù hai đồng chí Đại đội trưởng Đại đội 61 và Chính trị viên đã

hy sinh nhưng đơn vị vẫn không rời trận địa, anh dũng chiến đấu cùng đơn vị bạn đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 5 bộ binh ngụy.

Được quân chúng giúp đỡ, Đội chốt Lai Khê (do đồng chí Tư Hùng làm Đội trưởng, đồng chí Long Đen làm Đội phó) đánh mìn hện giờ vào căn cứ Mỹ tại Lai Khê, phá hủy 1 kho đạn, 1 máy bay lên thẳng và đánh trúng cơ quan tham mưu của Lữ đoàn 3 Sư đoàn bộ binh số 1 Mỹ. Những trận tập kích bằng mìn hện giờ bên trong căn cứ, phục kích đánh mìn, trái các địa bàn xung quanh căn cứ, kết hợp với đòn tấn công binh vận (cơ sở mật mang truyền đơn vào trong căn cứ Mỹ) của Đội chốt Lai Khê khiến lính Mỹ trong căn cứ Lai Khê nơm nớp lo sợ bị tấn công. Ngày 24/4/1966, một tiểu đoàn Mỹ đóng tại căn cứ Lai Khê đã phản đối lệnh hành quân, không lên máy bay trực thăng đi càn quét ở Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Cũng trong tháng 4/1966, tại xã An Điền, đội du kích xã cùng Trung đội 2 thuộc Đại đội 61, do đồng chí Đoàn Minh Chiến (Chiến Huỳnh) làm Trung đội trưởng, anh dũng bám trụ căn cứ chiến đấu với quân Mỹ suốt một tuần lễ, chống gom dân lập ấp chiến lược. Khi một cánh quân Mỹ từ ấp 3 rút về ấp 1, Đoàn Minh Chiến sử dụng súng B40 bắn cháy 1 xe tăng Mỹ. Đây là lần đầu tiên lực lượng vũ trang Bến Cát được trang bị súng B40 để diệt xe tăng địch.

Ngày 25/8/1966, khi đang dừng chân tại căn cứ, Tiểu đoàn Phú Lợi đã đánh bại cuộc đột kích của Lữ đoàn 2 Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ tại xóm Bông Trang - Lò Gạch, xã Chánh Phú Hòa. Chiến thắng Bông Trang - Lò Gạch không chỉ là chiến công của Tiểu đoàn Phú Lợi mà còn là niềm tự hào của quân và dân Bến Cát.

Qua nhiều lần trực tiếp tác chiến với quân Mỹ trên chiến trường, quân và dân Bến Cát đã có được những kinh nghiệm

thực tiễn như: Vận dụng linh hoạt các hình thức tác chiến, thực hiện tập kích, phục kích, pháo kích; kết hợp đánh độc lập với đánh hiệp đồng phối hợp nhiều mũi, nhiều tuyến, đánh ngày, đánh đêm bằng nhiều loại vũ khí có trong tay, triệt để sử dụng các loại mìn trái tự tạo; đánh cả vào căn cứ, hậu cứ của địch khiến chúng ở đâu, đi đến đâu cũng không an toàn, cũng bị đánh, bị tiêu diệt. Thực tế chiến trường cho thấy Mỹ dễ đánh hơn nguy nếu ta phát huy tối đa lối đánh gần, sử dụng hiệu quả mìn trái tự tạo.

Từ cuối mùa mưa năm 1966, Mỹ ráo riết chuẩn bị cuộc phản công chiến lược lần thứ hai trong mùa khô 1966 - 1967. Địch chuyển biện pháp “tìm và diệt” sang “tìm diệt” và “bình định” hòng đánh bại ta trong năm 1967 để giải quyết chiến tranh Việt Nam theo hướng có lợi cho chúng. Trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, âm mưu của địch là tập trung đánh vào một bộ phận chủ lực kết hợp bình định mở rộng vành đai an ninh quanh Sài Gòn.

Đứng trước âm mưu, thủ đoạn mới của đế quốc Mỹ, ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược.

Tại Hội nghị tổng kết du kích chiến tranh toàn Miền lần thứ ba (tháng 10/1966), những kinh nghiệm đánh Mỹ của quân và dân Bến Cát như du kích xã An Điền, xã Thới Hòa, Đội chốt Lai Khê... đã góp phần làm phong phú thêm nội dung Hội nghị.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quán triệt nhiệm vụ mà Hội nghị du kích chiến tranh của Miền lần thứ ba đã đề ra, Huyện ủy Bến Cát triển khai đợt học tập Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nghị quyết Trung ương Cục, Chỉ thị của Tỉnh ủy về phát triển du kích chiến tranh cho cấp ủy các chi bộ, đảng bộ cơ sở, cán bộ các ngành, đoàn thể của huyện, cán bộ trung đội, đại đội các đơn vị lực lượng vũ

trang, qua đó giáo dục, động viên toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ và nhân dân tiếp tục giữ vững ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Bước vào mùa khô 1966 - 1967, trước khi mở cuộc hành quân đánh vào chiến khu Dương Minh Châu, địch đã mở hàng chục cuộc hành quân ở các địa bàn có liên quan nhằm đánh lạc hướng chú ý của ta ở mục tiêu trọng điểm. Đồng thời, chúng còn thực hiện chia cắt chiến trường nhằm hạn chế khả năng đối phó của ta ở khu vực trọng điểm mà chúng đã lựa chọn. Trên chiến trường Bến Cát, địch tăng cường lực lượng chủ lực (Sư đoàn 5 bộ binh ngụy) yểm trợ cho bảo an, dân vệ bình định gom dân trở lại các ấp chiến lược, trong khi đó quân Mỹ tiếp tục tăng cường càn quét đánh phá vào các căn cứ của ta ở cả phía nam, phía bắc của huyện.

Ngày 28/10/1966, Mỹ sử dụng Lữ đoàn 1 Sư đoàn bộ binh số 1 mở cuộc hành quân đánh phá vùng căn cứ của ta ở Long Nguyên - Nhà Mát, Nam Cẩm Xe. Đại đội 61 phối hợp với du kích xã Long Nguyên và tự vệ các cơ quan trong căn cứ đã anh dũng đánh trả 4 đợt tấn công của địch, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội Mỹ, diệt và làm bị thương hơn 60 tên, buộc địch phải rút khỏi Long Nguyên.

Sau thất bại trong cuộc càn Áttonbơ (từ tháng 9 đến tháng 11/1966) đánh vào căn cứ Dương Minh Châu, đầu tháng 01/1967, Mỹ mở cuộc hành quân Xêđaphôn với lực lượng gồm 3 lữ đoàn (thuộc Sư đoàn 1, Sư đoàn 25 bộ binh), 3 chiến đoàn quân ngụy, 400 xe tăng, xe bọc thép, 100 khẩu pháo, 80 tàu xuống và nhiều máy bay đánh vào khu tam giác Củ Chi - Bến Súc - Bến Cát, trọng điểm là khu vực Hồ Bò, An Nhơn Tây (Củ Chi) và phía đông sông Sài Gòn (một địa bàn có ý nghĩa chiến lược).

Tại Bến Cát, địch sử dụng hàng trăm phi vụ máy bay B52, máy bay phản lực ném bom rải thảm, sử dụng pháo từ các

căn cứ Lai Khê, Đồng Dù, Dầu Tiếng, Bàu Đồn bắn phá nhiều ngày liền vào các xã Thanh An, Thanh Tuyên, An Điền, An Tây, Kiến An. Làng Bến Súc (xã Thanh Tuyên) đã bị địch hủy diệt. Trong những ngày đầu của cuộc hành quân, địch sử dụng Sư đoàn bộ binh số 25 đánh vào Hố Bò, xóm Mương Thuộc (An Nhơn Tây); dùng tàu thuyền đánh dọc hai bên bờ sông Sài Gòn; đưa Lữ đoàn 3 Sư đoàn bộ binh số 1 đánh vào phía nam Dầu Tiếng, dọc theo đường 14 từ ấp Suối Dứa đến Cỏ Trách, Bàu Nổ, Đất Ung (xã Thanh An); sử dụng Lữ đoàn 1 (Sư đoàn bộ binh số 1) đánh dọc đường số 2 từ ấp An Hòa (xã Hòa Lợi) đến Chánh Lưu (xã Chánh Phú Hòa), sau đó đưa lực lượng này xuống Phú An, Rạch Bắp; sử dụng Trung đoàn 8 Sư đoàn 5 bộ binh ngụy liên tục mở hai cuộc càn vào các ấp Kiến Điền (xã An Điền), Long Cầu, Mương Đào (xã Long Nguyên); dùng 1 chi đoàn bộ binh cơ giới của Lữ đoàn 2 Sư đoàn bộ binh số 1 càn dọc hai bên quốc lộ 13 để giải tỏa bảo vệ đường; đưa 2 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn thiết giáp số 11 Mỹ lên Bến Cát; đưa Lữ đoàn 173 từ đường 15 lên quốc lộ 13.

Chỉ trong 4 ngày đầu của cuộc hành quân, Mỹ - ngụy đã ném xuống Thanh An, Thanh Tuyên, Long Nguyên, Kiến An và ba xã tây nam hàng ngàn tấn bom đạn. Làng Bến Súc, xã Thanh Tuyên, nơi quân Mỹ cho là “có công sự phòng thủ kiên cố của Việt cộng” được chúng chọn làm mục tiêu hủy diệt đầu tiên.

Khi địch mở cuộc hành quân Gianxơn Xity (Junction City) (từ ngày 22/02 đến ngày 14/5/1967) đánh vào chiến khu Dương Minh Châu, Huyện ủy Bến Cát quán triệt chủ trương bám trụ chiến đấu cho các cấp ủy chi bộ, đảng bộ, các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, kết hợp ba mũi giáp công đưa địch vào thế đối phó khắp nơi; kết hợp tiêu hao, tiêu diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh

của địch với bảo vệ căn cứ, thực hiện chia lửa với chiến trường Bắc Tây Ninh.

Thực hiện chỉ đạo của Khu ủy miền Đông, tháng 5/1967, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương tổ chức lại huyện Bến Cát. Các xã Tân An, Tân Định, Tương Bình Hiệp, Thới Hòa, Chánh Phú Hòa nhập về huyện Châu Thành¹.

Tỉnh ủy chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bến Cát gồm các đồng chí:

- Phan Văn Tiến (Ba Tiến) - Bí thư Huyện ủy.
- Võ Văn Hải (Tư Hải) - Ủy viên Ban Thường vụ Thường trực Huyện ủy.
- Nguyễn Hữu Ý (Út Ý), Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Chính trị phó Huyện đội.
- Trương Văn Quyết (Ba Quyết) - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Dân vận.
- Nguyễn Văn Nhân (Ba Nhân) - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tuyên huấn.
- Cao Văn Bồ (Năm Bồ) - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Huyện đội trưởng.
- Trần Văn Dò (Tư Dò) - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban An ninh.
- Huỳnh Văn Hảo - Huyện ủy viên, Huyện đội phó.
- Lý Chí Lý - Huyện ủy viên, Huyện đội phó.
- Nguyễn Thị Hồng (Mười Hồng) - Huyện ủy viên, Hội trưởng Hội Phụ nữ huyện.

1. Khi giao 5 xã về huyện Châu Thành, một số đồng chí Huyện ủy viên huyện Bến Cát cũng được bàn giao cho Huyện ủy Châu Thành, gồm các đồng chí: Hai Hoàng - Phó Bí thư Huyện ủy Bến Cát làm Phó Bí thư Huyện ủy Châu Thành; Tư Ca - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Bến Cát làm Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Châu Thành. Các đồng chí là bí thư chi bộ, đảng bộ các xã là Huyện ủy viên Huyện ủy Bến Cát về làm Ủy viên Huyện ủy Châu Thành.

- Nguyễn Văn Mẫn (Bảy Mẫn) - Huyện ủy viên, Bí thư Huyện đoàn.

- Huỳnh Văn Khương (Ba Khương) - Huyện ủy viên, Bí thư Chi bộ xã Lai Hưng.

- Phan Minh Hoàng - Huyện ủy viên, Huyện đội phó.

- Trần Nam Văn - Huyện ủy viên, phụ trách kinh tài huyện.

- Nguyễn Văn Đen (Ba Đen) - Huyện ủy viên, phụ trách Đội chốt Lai Khê.

- Chín Cò - Huyện ủy viên, Phó ban Tuyên huấn huyện.

- Nguyễn Thị Tiện - Huyện ủy viên, Bí thư Chi bộ xã Thanh An.

- Nguyễn Văn Tấn (Sáu Tấn) - Huyện ủy viên, Phó ban Tổ chức Huyện ủy.

- Huỳnh Văn Thu - Huyện ủy viên, Bí thư Đảng ủy Đội chốt Lai Khê - phụ trách đông quốc lộ 13.

- Đoàn Văn Quý (Tư Quý) - Huyện ủy viên, Huyện đội phó.

- Hồ Thị Phương (Út Phương) - Huyện ủy viên, Hội trưởng Hội Phụ nữ huyện.

- Lê Văn Na (Na Đèo) - Huyện ủy viên, Chủ tịch Hội đồng cung cấp.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, tháng 7/1967, huyện Bến Cát thành lập trung đội nữ đầu tiên, cũng là một trong những trung đội nữ vũ trang của tỉnh Thủ Dầu Một. Khi mới thành lập, đơn vị chỉ có 11 chị em, do đồng chí Ba Hồng (cán bộ Phụ nữ huyện đưa qua) làm Trung đội trưởng. Lúc đầu, đơn vị chỉ sử dụng 1 khẩu cối 60 ly. Được các đồng chí cán bộ Đại đội 61 hướng dẫn, chỉ sau ít ngày, đơn vị nữ đã sử dụng thành thạo vũ khí được trang bị. Trong trận phối hợp với Đại đội 61 tập kích áp chiến lược Kiến Diên cuối năm 1967, đồng chí Ba Hồng hy sinh. Huyện đội điều động đồng chí Trương Thị Hòa (Sáu Hòa) - Xã đội phó xã Thanh An về làm Trung đội trưởng;

đồng chí Nguyễn Thị Vân - Xã đội phó xã Long Nguyên làm Chính trị viên. Huyện bổ sung quân số cho đơn vị (gồm chị em nữ cơ quan huyện, thanh niên các xã đưa lên) được 23 đồng chí. Cuối năm 1967, Đội nữ pháo binh Bến Cát phát triển lên thành đại đội và ngày 06/01/1968, Đại đội 5 (C5) chính thức được thành lập. Lúc đầu, “đội quân tóc dài” (C5) có 27 người. Nhiệm vụ của Đại đội 5 là chiến đấu và kết hợp chiến đấu với các đơn vị ở địa phương; phục vụ chiến đấu như tải thương, tải lương thực và tải đạn. Với lòng căm thù giặc, tình yêu quê hương xóm làng, qua từng trận đánh, C5 đã dần trưởng thành, vừa chiến đấu vừa học hỏi, liên tiếp giành được những chiến công vang dội.

Trong khi các đơn vị, địa phương đang khẩn trương thực hiện kế hoạch bảo vệ căn cứ, thì ngày 12/6/1967, đế quốc Mỹ sử dụng máy bay B52 ném bom rải thảm, sử dụng pháo từ các căn cứ Lai Khê, Dầu Tiếng, Bến Cát... bắn phá hàng giờ liền, sau đó cho xe tăng, xe bọc thép, xe ủi thuộc Trung đoàn thiết giáp số 11 và máy bay trực thăng đổ 2 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn bộ binh số 25 tràn vào các xã An Điền, An Tây, Phú An, Long Nguyên, Kiến An... nhằm triệt phá những khu rừng căn cứ của ta. Tuy nhiên, chỉ trong vòng 2 tuần (từ ngày 12 đến ngày 25/6/1967), trong số 250 xe tăng, xe bọc thép, xe ủi đất được Mỹ - ngụy đưa lên Bến Cát thì có 127 xe phải kéo về do bị trúng mìn, hư hỏng nặng, hơn 100 lính Mỹ chết và bị thương.

Kết hợp với đấu tranh vũ trang, 8 tháng đầu năm 1967, hơn 10.000 lượt đồng bào đã tham gia đấu tranh chính trị. Bằng sức mạnh của sự đoàn kết và lý lẽ đanh thép, các cuộc đấu tranh chính trị của chị em ở các xã đã buộc địch phải bồi thường gần 3 triệu đồng, thả hơn 50 người bị bắt trong các cuộc đấu tranh, cứu chữa cho gần 30 người bị thương vì bom đạn, vận động và thuyết phục được hơn 130 binh sĩ ngụy (dân vệ, bảo an, chủ lực) bỏ ngũ.

Liên tục từ tháng 7 đến tháng 12/1967, du kích các xã An Tây, Phú An, An Điền bám trụ địa đạo, sử dụng mìn trái đánh tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Đêm 11/7/1967, một bán đội du kích Phú An (5 đồng chí) tổ chức đánh cụm quân Mỹ nghỉ chân tại khu vực nhà bà Bống, ấp An Thuận, tiêu diệt tại chỗ 96 tên, làm bị thương 22 tên. Tiếp đó, đội du kích xã Phú An phối hợp với đơn vị trinh sát, đặc công của huyện chặn đánh một đại đội thuộc Lữ đoàn 82 dù ngụy, diệt 24 tên; đánh đầu pal diệt 65 tên Mỹ, làm bị thương 17 tên khác tại ấp Phú Thuận (ngày 14/9/1967)... Đặc biệt trong tháng 12/1967, du kích xã Phú An đã sử dụng một trái bom 250kg đánh địch trên sông Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 50 tên Mỹ thuộc Sư đoàn 25 bộ binh khi đơn vị này từ Phú An xuống phà rút về căn cứ Đồng Dù (Củ Chi).

Từ khi Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, địa bàn huyện Bến Cát ngày càng trở nên ác liệt vì bom đạn và các cuộc hành quân càn quét đánh phá căn cứ, bình định gom dân của Mỹ - ngụy. Trong quá trình chiến đấu, Đảng bộ huyện có tổn thất, nhiều đảng viên thuộc lực lượng vũ trang, du kích, cán bộ địa phương bị thương vong nhưng lực lượng cách mạng vẫn không ngừng phát triển. Số đảng viên, đoàn viên mới được kết nạp không ngừng tăng lên. Trong các ấp chiến lược, cơ sở trung kiên, đảng viên, đoàn viên mật tiếp tục được xây dựng. Phong trào quần chúng vẫn được giữ vững dù một số nơi bị địch gom dân trở lại. Cấp ủy các chi bộ, đảng bộ, cán bộ, chiến sĩ các cơ quan, đơn vị, bộ đội huyện, du kích các xã trong gian khổ, ác liệt, hy sinh đã phát huy tinh thần chủ động tiến công địch, thực hiện phương châm “Đảng bám dân; dân bám đất; bộ đội, du kích bám địch”, vận dụng linh hoạt ba mũi giáp công tấn công địch bằng nhiều hình thức phong phú và sáng tạo với nhiều loại vũ khí tự tạo độc đáo, hiệu quả, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch, giữ vững căn cứ.

2. Tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (1967 - 1968)

Sau khi đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô của địch, cục diện chiến trường đã có nhiều mặt chuyển biến có lợi cho ta. Thế và lực của cách mạng miền Nam không ngừng được phát triển, niềm tin vào thắng lợi được củng cố. Trên cơ sở đó, tháng 01/1968, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 của Trung ương Đảng đã quyết định mở cuộc tổng công kích khởi nghĩa vào Tết Mậu Thân năm 1968 trên toàn bộ chiến trường miền Nam với quyết tâm *“chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ tiến công và nổi dậy giành thắng lợi quyết định”*¹.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng, tháng 10/1967, Trung ương Cục miền Nam quyết định điều chỉnh tổ chức, bố trí lại chiến trường, chuẩn bị cho Tổng tiến công và nổi dậy, lấy Sài Gòn - Gia Định làm trọng điểm.

Ngày 25/10/1967, Trung ương Cục quyết định giải thể Quân khu Sài Gòn - Gia Định và Quân khu 1, tổ chức lại chiến trường miền Đông Nam Bộ theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Khu trọng điểm gồm Sài Gòn - Gia Định và các tỉnh lân cận, tổ chức 5 phân khu thành 5 mũi tiến công vào các cơ quan đầu não của Mỹ - ngụy.

Theo tổ chức mới, Phân khu 1 trên hướng tây bắc Sài Gòn bao gồm địa bàn huyện Bến Cát, Dầu Tiếng (tỉnh Thủ Dầu Một) cùng với các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Gò Vấp (Sài Gòn - Gia Định) và huyện Trảng Bàng (tỉnh Tây Ninh). Cơ cấu tổ chức đảng, các đoàn thể, lực lượng vũ trang của huyện Dầu Tiếng, Bến Cát vẫn giữ nguyên khi chuyển giao về Phân khu 1.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.29, tr.50.

Phân khu 5 gồm các huyện Tân Uyên, Phú Giáo, Châu Thành (bao gồm các xã Chánh Phú Hòa, Thới Hòa, Tân An, Tương Bình Hiệp, Tân Định của huyện Bến Cát giao về huyện Châu Thành), thị xã Thủ Dầu Một, Lái Thiêu và Dĩ An, Bắc Thủ Đức (Sài Gòn - Gia Định).

Căn cứ vào tổ chức chiến trường, Trung ương Cục quyết định thành lập Ban Chấp hành các phân khu (Phân khu ủy) thay cho các tỉnh ủy. Phân khu 1 do đồng chí Mai Chí Thọ làm Bí thư, đồng chí Trần Đình Xu (Ba Đình) làm Tư lệnh, đồng chí Phan Văn Tiến - Bí thư Huyện ủy Bến Cát là Phân khu ủy viên.

Thực hiện chỉ đạo của Phân khu ủy Phân khu 1, từ đầu tháng 01/1968, mọi công tác chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy trong Xuân - Hè 1968 được Đảng bộ, quân và dân Bến Cát tiến hành rất khẩn trương.

Trên cơ sở thanh niên tình nguyện và du kích các xã đưa lên, từ trung tuần tháng 12/1967, lực lượng vũ trang Bến Cát đã tổ chức thành 3 đại đội bộ binh, 1 đại đội trợ chiến và đại đội nữ. Cụ thể:

- Đại đội 1 (C1): Mã Thành Long làm Đại đội trưởng; Phan Văn Sản làm Chính trị viên.

- Đại đội 2 (C2): Nguyễn Văn Thanh (Tám Thanh) làm Đại đội trưởng (sau đợt 2 Mậu Thân năm 1968 đồng chí làm Huyện đội phó kiêm Đại đội trưởng Đại đội 3 - chốt Lai Khê); Đặng Thành Phương (Út Phương) làm Chính trị viên; Đoàn Minh Chiến (Ba Chiến) làm Đại đội phó.

- Đại đội 3 (C3): Nguyễn Văn Việt (Sáu Việt) làm Đại đội trưởng; Long Đen làm Đại đội phó.

- Đại đội 4 (C4): đồng chí Minh làm Đại đội trưởng; Đoàn Minh Phương (Út Phương) làm Chính trị viên; Năm Hữu làm Chính trị viên phó.

- Đại đội 5 (C5): Đại đội nữ, thành lập ngày 06/01/1968, do đồng chí Trương Thị Hòa (Sáu Hòa) - Huyện đội phó làm Đại đội trưởng; Nguyễn Thị Vân (Ba Vân) làm Chính trị viên.

Những ngày cuối tháng 01/1968, các đơn vị lực lượng vũ trang vừa xây dựng lực lượng, sẵn sàng chiến đấu, vừa tranh thủ huấn luyện, nhất là các đại đội mới thành lập như C3, C5. Xưởng quân giới mở đợt sản xuất cao điểm để có đủ 1.600 thủ pháo, mìn, trái... chuyển cho các đơn vị chiến đấu. Đảng ủy và Ban Chỉ huy Huyện đội phân công cán bộ xuống từng đại đội, từng xã kiểm tra mọi mặt công tác chuẩn bị. Số lượng tiền, gạo, trâu, bò của đồng bào quyên góp ở các xã được đưa về các trạm tập kết ở Thanh Tuyền, Thanh An, An Điền, Kiến An, Long Nguyên ngày càng tăng. Lực lượng thanh niên xung phong cùng “đội quân xe bò” của Hội đồng cung cấp ngày đêm trên các cung đường chuyển hàng “X” vũ khí từ căn cứ xuống các trạm tập kết để chuyển giao cho các đơn vị.

Chuẩn bị bước vào cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), nhiều cơ quan, đơn vị của Phân khu 1, hậu cần của Miền, Trung đoàn 16, Y4, T4, cơ quan quân báo, Ban Hoa vận của Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn... đã có căn cứ bám trụ hoặc đứng chân ở Bến Cát. Nhân dân Bến Cát từ vùng giải phóng, vùng căn cứ đến đồng bào trong các ấp chiến lược đều dốc lòng, dốc sức tham gia đóng góp sức người, sức của cho cách mạng. Thanh niên náo nức tòng quân, xung phong vào đội dân công tải đạn, tải thương phục vụ bộ đội chiến đấu.

Sau một thời gian chuẩn bị, đợt 1 cuộc Tổng tiến công và nổi dậy bắt đầu từ đêm 30 rạng sáng ngày 31/01/1968 (tức đêm Mùng 1, rạng sáng Mùng 2 Tết Mậu Thân). Quân và dân Bến Cát chia thành ba mũi tấn công vào các vị trí then chốt của địch trong chi khu quân sự Bến Cát và căn cứ dã chiến của Trung đoàn 8 thuộc Sư đoàn 5 bộ binh ngự đóng tại khu vực ngoại vi phía đông thị trấn Bến Cát.

- Mũi 1: Đại đội 1 do đồng chí Mã Thành Long - Đại đội trưởng chỉ huy, có nhiệm vụ đánh chiếm Dinh Quận trưởng.

- Mũi 2: Đại đội 2 được tăng cường 1 trung đội đặc công của Miền (trang bị 5 súng phun lửa), do đồng chí Nguyễn Văn Thanh - Đại đội trưởng, đồng chí Đặng Thành Phương - Chính trị viên Đại đội 2 chỉ huy, có nhiệm vụ đánh vào căn cứ dã chiến của Trung đoàn 8 (Sư đoàn 5 bộ binh ngụy).

- Mũi 3: Đại đội 3, được tăng cường 1b hỏa lực của Đại đội 4, do đồng chí Nguyễn Văn Việt - Đại đội trưởng chỉ huy, có nhiệm vụ tấn công từ hướng nam chi khu.

Khi Đại đội 1 trên đường tiếp cận mục tiêu, có đồng chí đạp phải mìn, bị lộ, nên đơn vị đã chuyển hướng đánh chốt Cầu Đò, Cầu Quan, làm bàn đạp mở đường đánh vào chi cảnh sát, Dinh Quận trưởng.

Trên hướng Đại đội 2, cán bộ, chiến sĩ bí mật đột nhập, áp sát bờ đê căn cứ dã chiến của Trung đoàn 8. Trong khi bọn sĩ quan Trung đoàn 8 còn đang say sưa chúc tụng nhau thì đúng 2 giờ 30 phút Mừng 2 Tết Mậu Thân (1968), bộ phận thọc sâu của Đại đội 2, do đồng chí Đoàn Minh Chiến - Đại đội phó chỉ huy, đã đánh thẳng vào Sở chỉ huy Trung đoàn 8 bằng trái bộc phá 8kg. Đại đội 2 và trung đội đặc công tăng cường của Miền đồng loạt nổ súng, tấn công mãnh liệt vào khu trại lính, trận địa pháo, chiếm giữ một số lô cốt, công sự chiến đấu.

Trong khi đó, Đại đội 3 vẫn chưa áp sát được mục tiêu, bị địch chặn lại ngay khu nhà dân. Đại đội 3 mở nhiều đợt xung phong để vượt qua mặt đường đánh vào phía nam chi khu. Địch tập trung hỏa lực đánh chặn quyết liệt. Lực lượng xung kích 1, các đồng chí Nhân, Nam, Dũng đã hy sinh và một số đồng chí bị thương, Đại đội trưởng Nguyễn Văn Việt động viên bộ đội tiếp tục chiến đấu, quyết giữ khu vực đã chiếm được với quyết tâm giữ vững đội hình chuẩn bị cho đợt xung phong tiếp theo.

Địch phản kích quyết liệt. Đại đội 3 tiếp tục gặp thương vong và bị sát thương vì đạn pháo, cối của địch.

Theo kế hoạch chung của toàn Miền, Ban Chỉ đạo của huyện Bến Cát đã chuẩn bị phương án tác chiến và chọn mục tiêu cụ thể gồm: Dinh Quận trưởng, chi khu quân sự, chi khu cảnh sát và các cụm chốt địch. Đúng đêm giao thừa ngày 30/01/1968, vào giờ quy định nổ súng toàn Miền, các mũi tiến công của C61 và du kích các xã tiếp cận mục tiêu và đồng loạt nổ súng. Mặc dù được xe tăng Mỹ tiếp viện, địch phản công mạnh, ta hy sinh nhiều nhưng chi khu quận đã bị phá tan tành, Dinh Quận trưởng bị đánh sập, trụ sở chiêu hồi bị sập, 4 xe tăng bị bắn cháy...

Cùng lúc đó, Đại đội 4 lực lượng vũ trang huyện pháo kích vào trận địa pháo thuộc Trung đoàn 8 Sư đoàn 5 bộ binh ngự đóng trên đồi 29, phía đông Chi khu quân sự Bến Cát làm thiệt hại nặng nề kho tàng, đạn dược và gây nhiều thương vong cho địch. Sau đợt tấn công lần thứ nhất, trước những tổn thất của ta, Huyện ủy chủ trương củng cố lại lực lượng, tổ chức tấn công lần thứ hai vào Chi khu quân sự Bến Cát.

Đêm 03 rạng ngày 04/02/1968, Ban Chỉ huy Huyện đội sử dụng 3 đại đội bộ binh, 1 trung đội trợ chiến, 1 trung đội thuộc C5 (đại đội nữ) phối hợp với Sư đoàn 7 bộ binh chủ lực của Miền tấn công vào các vị trí địch trong chi khu và căn cứ dã chiến Trung đoàn 8 Sư đoàn 5 bộ binh ngự. Ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 200 tên, phá hủy 10 xe quân sự, 2 pháo 105 ly, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội địch đóng chốt Lầu Giáo Bảy, diệt gọn tiểu đội địch đóng tua Cầu Quan. Tuy vậy, các đơn vị lực lượng vũ trang huyện cũng gặp nhiều thương vong.

Trong khi lực lượng vũ trang tập trung huyện tấn công địch ở Chi khu quân sự Bến Cát, căn cứ dã chiến Trung đoàn 8 Sư đoàn 5 bộ binh, thì du kích các xã phối hợp với các lực lượng huyện tấn công tiêu hao nhiều sinh lực địch đóng ấp

chiến lược Kiến Điền (xã An Điền), áp chiến lược Lò Than (xã Long Nguyên), áp chiến lược Mỹ Thạnh (xã Mỹ Phước)..., hỗ trợ quần chúng nổi dậy đấu tranh giành quyền làm chủ. Tại ấp chiến lược Mỹ Thạnh, đồng bào nổi dậy phá hàng rào ấp, phá hủy nhà làng Xóm Xoài.

Phối hợp với đòn tấn công quân sự, cấp ủy chi bộ, đảng bộ các xã, nhất là các xã dọc quốc lộ 13, đã huy động lực lượng binh vận nòng cốt với trên 1.000 chị em phụ nữ làm nhiệm vụ thường trực (trong đó có hơn 200 gia đình binh sĩ) tổ chức đánh trống, gõ thùng thiếc uy hiếp địch, kết hợp phát loa và đưa “ngòi nổ” là gia đình binh sĩ tới các căn cứ, vị trí đóng quân, kêu gọi binh sĩ bỏ súng trở về với gia đình. Sau hai lần bị ta tấn công, binh lính địch đóng trên địa bàn Bến Cát, nhất là Sư đoàn 5 bộ binh ngụy rất hoang mang. Nhiều binh sĩ các đơn vị thuộc Sư đoàn 5 bộ binh ngụy đã đào rã ngũ, thậm chí có cuộc đào rã ngũ tập thể với 80 binh sĩ.

Sau Hội nghị Trung ương Cục miền Nam lần thứ sáu (tháng 3/1968), Phân khu ủy Phân khu 1 chỉ đạo kiểm điểm, đánh giá đợt hoạt động của các lực lượng. Phân khu ủy chỉ ra những mặt hạn chế cần khắc phục của các đơn vị, địa phương trong chỉ đạo, chỉ huy về bảo đảm thông tin liên lạc, về phối hợp tác chiến với đấu tranh chính trị, công tác binh vận.

Cùng với quân và dân toàn Miền, trong đợt 1 Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, Đảng bộ, quân và dân Bến Cát đã nêu cao tinh thần quyết tâm, vượt qua gian khổ, ác liệt, hy sinh, anh dũng chiến đấu tiến công địch. Chỉ trong 5 ngày, huyện đã hai lần tấn công vào các vị trí địch trong Chi khu quân sự Bến Cát. Dù có hy sinh, tổn thất nhưng cả lực lượng phía trước và các đơn vị phía sau vẫn không giảm sút ý chí, quyết tâm tiếp tục tấn công và phát động quần chúng nổi dậy.

Để thực hiện nhiệm vụ tiếp theo, Huyện ủy chỉ đạo tập trung xây dựng, củng cố các đại đội vũ trang của huyện theo

hướng ưu tiên cho các đơn vị phía trước, bổ sung thêm quân số, trang bị cho các đại đội bộ binh. Du kích, thanh niên từ các xã được động viên đưa lên bổ sung cho các đại đội đủ quân số (mỗi đại đội có 60 - 80 tay súng chiến đấu), bổ sung thêm vũ khí, trang bị.

Sau hơn 2 tháng tham gia đợt 1 Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân và dân Bến Cát đã giành được một số thắng lợi nhất định, gây cho địch những tổn thất nặng nề, góp phần vào thắng lợi chung của Miền.

Tuy chưa đạt được những yêu cầu cao nhất, nhưng đòn tập kích chiến lược của quân và dân ta đã làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Ngày 31/3/1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn phải tuyên bố chấm dứt ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Pari. Trên chiến trường miền Nam, từ tháng 3/1968, Mỹ phải từ bỏ chiến lược phản công “tìm diệt” chuyển sang chiến lược phòng ngự “quét và giữ” hòng đẩy lực lượng ta ra xa vành đai phòng thủ bảo vệ Sài Gòn, bao gồm các tỉnh Long An, Hậu Nghĩa, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, giải tỏa áp lực tấn công của ta ở vùng ven đô, đánh phá vùng căn cứ bàn đạp và căn cứ phía sau của ta nhằm ngăn chặn ta mở tiếp những cuộc tấn công vào thành phố, hỗ trợ cho quân ngụy đẩy mạnh gom dân quyết liệt hơn.

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương Cục và nhiệm vụ của Phân khu ủy Phân khu 1 về thực hiện chủ trương mở đợt tấn công lần thứ hai với quyết tâm “phải cố gắng cao nhất để giành thắng lợi quyết định, đồng thời chuẩn bị mọi mặt để thắng địch trong điều kiện chiến tranh kéo dài”, từ cuối tháng 3/1968, Huyện ủy Bến Cát đã chỉ thị cho cấp ủy các địa phương, cơ quan đơn vị quán triệt cho cán bộ, đảng viên nhận thức rõ tình hình hiện tại trên chiến trường và xây dựng quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, tiếp tục đẩy mạnh tiến công địch. Huyện ủy cũng yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên,

đoàn viên phải khắc phục tư tưởng trông chờ; xây dựng ý chí quyết tâm, nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng.

Từ đầu tháng 3/1968, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Bến Cát dùng lực lượng vũ trang tập trung phối hợp với du kích các xã chiến đấu đánh trả các cuộc hành quân phản kích của địch, bảo vệ căn cứ; tổ chức tập kích địch đóng tua Suối Tre, hỗ trợ cho du kích mật xã Mỹ Phước diệt ác, phá kìm, xây dựng cơ sở, chuẩn bị cả thế trận sẵn sàng đối phó với những âm mưu, thủ đoạn mới của địch.

Thực hiện mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy Phân khu 1, mở đầu đợt 2 Tổng tiến công và nổi dậy, đêm 04 rạng sáng ngày 05/5/1968, Ban Chỉ huy Huyện đội sử dụng một bộ phận lực lượng vũ trang tập trung tập kích vào một số vị trí trong Chi khu quân sự Bến Cát, tiêu hao sinh lực địch, hỗ trợ phong trào quần chúng nổi dậy phá lỏng thế kìm của địch.

Sau những trận mở đầu đợt 2, địch tập trung phản kích quyết liệt cả vùng ven, vùng trung tuyến và căn cứ phía sau của ta. Tại Bến Cát, trung tuần tháng 6/1968, địch đưa 1 tiểu đoàn Mỹ thuộc Sư đoàn bộ binh số 1 cùng với 50 xe ủi đất đến đóng dã ngoại tại khu vực ngã năm bến Ông Do, xã Long Nguyên, chuẩn bị cho đợt càn quét ủi phá rừng căn cứ của ta. Không bỏ lỡ thời cơ diệt địch, Huyện ủy chỉ đạo trình sát huyện phối hợp du kích xã gài mìn, trái ở các chốt 26, 28, 30 và phục kích trên đường, phá hỏng 23 xe quân sự (trong đó có 16 xe tăng M41 và xe bọc thép M113). Riêng Đại đội 5 đã bắn cháy và phá hỏng 5 xe bọc thép, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 30 lính Mỹ.

Đầu tháng 8/1968, trong khi các đơn vị lực lượng vũ trang của huyện đang củng cố để bước vào đợt 3 thì địch đưa 1 tiểu đoàn Mỹ cùng 150 xe tăng, xe ủi càn vào bưng Ông Hồ, là căn cứ của Huyện đội và các đơn vị vũ trang tập trung của huyện. Một cánh quân Mỹ càn vào căn cứ của Đại đội 5. Đại đội trưởng Trương Thị Hòa cùng Ban Chỉ huy Đại đội đã chiến

đấu hơn 3 giờ, đánh lui 4 đợt tấn công của địch, bắn cháy và phá hủy 3 xe bọc thép M113, diệt hơn 40 tên.

Nghe tiếng súng hướng Đại đội 5, Ban Chỉ huy Đại đội 1 (C61) tổ chức lực lượng cắt rừng, kịp thời hành quân tới nổ súng vào sườn trái đội hình địch. Bị đánh vu hồi bất ngờ từ hai cánh, địch vội vã rút khỏi bưng Ông Hồ, cho phi pháo bắn phá.

Những ngày sau đó, địch tăng cường lực lượng, tổ chức nhiều mũi tấn công vào căn cứ của Đại đội 5 ở bưng Ông Hồ. Cán bộ, chiến sĩ Đại đội 5 kiên cường bám trụ đánh bật các mũi tiến công của địch.

Sau 19 ngày liên tục càn quét, đánh phá vào khu vực căn cứ bưng Ông Hồ, địch đã thất bại nặng nề, 41 xe tăng, xe ủi bị phá hủy, phá hỏng, hơn 200 tên thuộc đoàn 3 Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ bị loại khỏi vòng chiến đấu.

Từ sau đợt 2, cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân miền Nam (giữa tháng 6/1968), trên chiến trường Bến Cát, Dầu Tiếng, địch càng phản kích quyết liệt. Chúng sử dụng lực lượng bộ binh, cơ giới kết hợp phi pháo, chất độc hóa học, càn quét, đánh phá hủy diệt vùng giải phóng, vùng căn cứ của ta; đồng thời hỗ trợ cho quân ngụy đẩy mạnh thực hiện chương trình gom dân, bình định cấp tốc.

Liên tiếp từ tháng 7 đến đầu tháng 10/1968, ở vùng căn cứ, địch kết hợp sử dụng máy bay B52 với biệt kích, đánh phá liên tục với mật độ dày và cao hơn so với bất cứ thời kỳ nào. Địch tiến hành 4 cuộc hành quân ngăn chặn và án ngữ sâu vào Nam Dầu Tiếng, Bắc Bến Cát với quy mô từ 2 tiểu đoàn đến chiến đoàn hoặc lữ đoàn. Trong khi đó, từ tháng 5/1968, trên địa bàn 9 xã, ta có khoảng 30.000 dân, 3 xã giải phóng (Thanh An, Thanh Tuyên, Long Nguyên, có trên 4.000 dân) và 6 xã đã bị địch gom vào ấp chiến lược, chỉ còn cán bộ, du kích bám căn cứ hoạt động. Đến cuối năm 1968, phần lớn dân các xã bị địch gom vào các ấp chiến lược.

Cuối tháng 8/1968, địch tung nhiều tiểu đoàn bộ binh cơ giới hành quân càn quét vào địa bàn Bắc Bến Cát nhằm hỗ trợ cho chiến dịch “Diên Hồng”, thực hiện chương trình “bình định cấp tốc”. Chúng đánh phá ác liệt bằng phi pháo vào các xã dọc lộ 14 từ Phú An tới Thanh An; dùng máy bay B52 ném bom rải thảm có tính chất hủy diệt địa bàn từ ấp Đường Long, Cầu Xéo (xã Thanh Tuyền) tới Phú Bình, dọc lộ 16 từ Bàu Khai xuống Bến Nhung (xã Kiến An) và vùng căn cứ Long Nguyên.

Trong hai ngày 23, 24/9/1968, đội đặc công cùng đội biệt động của huyện tổ chức những trận tập kích vào chốt Mỹ ở Lai Khê, loại khỏi vòng chiến đấu 162 tên Mỹ; chặn đánh giao thông trên quốc lộ 13 (bằng mìn ĐH10), diệt và làm bị thương 50 tên ngụy.

Từ ngày 24/10/1968 đến cuối tháng 11/1968, Ban Chỉ huy Huyện đội dùng Đại đội 61, Đại đội 4 trợ chiến phối hợp với du kích xã Thanh An, Thanh Tuyền liên tục chặn đánh địch nống ra càn quét khu vực Bến Chùa, Bến Trống, Cà Tông (xã Thanh An), Cầu Xéo (ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền), Hồ Cạn, Bàu Khai (xã Kiến An), pháo kích cụm quân địch đóng chốt Bến Tranh, Rạch Kiến... loại khỏi vòng chiến đấu hơn 100 tên Mỹ, bắn cháy và phá hủy hàng chục xe tăng, xe bọc thép. Tại xã Thanh Tuyền, cụ Tám Khởi (63 tuổi) một mình một súng trường săn máy bay địch. Ở xã Thanh An, Xã đội trưởng Nguyễn Văn Trạch gài mìn tự tạo tại Bến Chùa, Xóm Mới, cầu Cần Nôm. Ngày nào, xe Mỹ, lính Mỹ đóng chốt Bến Tranh đi càn cũng bị trúng trái gài của du kích. Trong vòng 2 tháng (từ cuối tháng 11/1968), du kích Thanh An đã đánh mìn, phá hủy 53 xe tăng, xe cơ giới địch.

Cùng với hoạt động tác chiến đánh địch càn quét bảo vệ căn cứ, đánh địch trong các ấp chiến lược, Huyện ủy cũng chỉ đạo các chi bộ, đảng bộ hỗ trợ quần chúng đấu tranh chống bắt lính, chống tổ chức phòng vệ dân sự.

Từ cuối năm 1968, trên chiến trường Bến Cát, địch đánh phá ác liệt cả phía trước và phía sau gây nhiều khó khăn cho ta trong việc chỉ đạo từ Phân khu xuống huyện cũng như từ huyện xuống cơ sở. Nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men và vũ khí trang bị luôn trong tình trạng thiếu thốn. Nguồn vũ khí tự tạo do Xưởng quân giới sản xuất trong ba tháng (từ tháng 4 đến tháng 6/1968) chỉ đủ cho bộ đội hoạt động tác chiến thường xuyên. Trong khi đó, nguồn dự trữ mìn đầu gậy, thuốc TNT và các loại nguyên vật liệu còn rất ít. Ở nhiều xã, số lượng đảng viên, cán bộ, du kích bị hao hụt quá nửa. Các xã An Điền, An Tây, Phú An, Long Nguyên, Lai Hưng, cán bộ Xã đội, cấp ủy phải bổ sung liên tục vì thương vong khi chiến đấu với địch.

Trước tình hình đó, Huyện ủy nhấn mạnh vấn đề xây dựng căn cứ; mỗi cơ quan dù đông hay ít người cũng phải có căn cứ chính, căn cứ dự bị, nhiều căn cứ dự bị và hậu cứ. Cấp ủy, chỉ huy từng cơ quan, đơn vị, từng xã, ấp ở cả phía sau và phía trước phải củng cố, xây dựng căn cứ bám trụ lâu dài, giữ vững liên lạc với trên.

Để bảo đảm chỉ đạo kịp thời, Huyện ủy chủ trương chia địa bàn thành hai vùng: vùng giải phóng (vùng căn cứ) và vùng yếu (tức địa bàn còn áp chiến lược của địch). Đối với vùng yếu, Huyện ủy chủ trương xây dựng thế bám trụ trong dân, trong ấp chiến lược. Huyện ủy quyết định thành lập Đảng ủy liên xã (An Điền, An Tây, Phú An, Kiến An) do đồng chí Tư Rua - Huyện ủy viên làm Bí thư; đồng chí Út Mười Một làm Phó Bí thư; các đồng chí Lê Văn Mỗi (Tư Mỗi), Ba Vân, Năm Thiểu là Ủy viên Ban Thường vụ.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, Đảng bộ, quân và dân Bến Cát luôn chấp hành mệnh lệnh; thực hiện phối hợp hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng phía trước và phía sau, giữa lực lượng vũ trang tập trung của

huyện với du kích, giữa bộ đội địa phương với bộ đội chủ lực và các cơ quan, đơn vị đứng chân trên địa bàn. Từng cấp ủy, từng cơ quan, đơn vị; từng cán bộ, đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ lực lượng lộ, mặt... đều thể hiện ý chí quyết tâm vượt mọi khó khăn gian khổ, ác liệt, hy sinh, anh dũng chiến đấu, một người cũng đánh, một tổ cũng tiến công... Hàng trăm đảng viên vừa chiến đấu diệt địch vừa bám dân xây dựng cơ sở. Nhiều cán bộ, đoàn viên, quần chúng cách mạng đã anh dũng hy sinh cho thắng lợi của cách mạng.

Trong điều kiện chiến trường ác liệt, quá trình chỉ đạo, chỉ huy của cấp ủy, cán bộ chỉ huy của từng đơn vị, từng phân đội còn bộc lộ những khuyết điểm trong chỉ đạo, tổ chức hiệp đồng giữa lực lượng phía trước và phía sau; giữa hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang với đấu tranh chính trị và công tác binh vận; giữa lực lượng địa phương với chủ lực... Sau đợt 1, địch bung ra phản kích mạnh, đánh phá ác liệt cả phía trước và phía sau, khó khăn ác liệt càng tăng lên, khiến ta tổn thất, hy sinh càng nhiều. Trong khi đó, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa thực sự tốt nên đã có một số cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên có biểu hiện ngại gian khổ, ác liệt, hy sinh, giảm sút ý chí chiến đấu... Những hạn chế này đòi hỏi Đảng bộ huyện phải khắc phục để cách mạng và phong trào phát triển trong thời gian tiếp theo.

IV- KHÔI PHỤC, Củng cố lực lượng cách mạng, Góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ (1969 - 1972)

1. Kiên cường bám trụ, đánh địch phản kích, tích cực xây dựng và củng cố phong trào chống phá bình định (1969 - 1971)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968 của quân và dân miền Nam đã làm cho chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ bị phá sản. Trước thất bại nặng nề về

quân sự, Mỹ buộc phải chấp nhận ngồi vào đàm phán với ta tại Hội nghị Pari, nhưng vẫn không từ bỏ âm mưu tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lược. Từ “tìm diệt”, đến cuối năm 1968, Mỹ buộc phải thực hiện “quét và giữ”. Đó thực chất là một bước thụt lùi về quân sự của Mỹ trên chiến trường.

Đầu năm 1969, Níchxơn lên làm Tổng thống Mỹ và thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Thực chất chiến lược chiến tranh này là “dùng người Việt đánh người Việt”, rút quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam mà vẫn giữ được chính quyền tay sai của Mỹ ở miền Nam. Thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Mỹ - ngụy kết hợp các biện pháp quân sự, chính trị, kinh tế, chiến tranh tâm lý, tình báo gián điệp... để đánh bại lực lượng vũ trang và bình định nông thôn miền Nam.

Địch lấy Sài Gòn làm trung tâm, hình thành ba tuyến phòng thủ: tuyến ven đô, tuyến giữa (còn gọi là tuyến trung gian) và tuyến biên giới, trong đó tuyến giữa được xác định là tuyến quan trọng nhất. Tuyến giữa là một vòng cung bao gồm cả khu vực Dầu Tiếng, Bến Cát, Lai Khê, Phước Vĩnh..., là địa bàn cơ động, có ý nghĩa chiến lược trên chiến trường miền Đông Nam Bộ. Mỹ - ngụy ưu tiên cho tuyến phòng thủ trung gian này trong sử dụng lực lượng, bình định và càn quét.

Tại Bến Cát, từ cuối năm 1968, từ Thanh An, Thanh Tuyền, Long Nguyên, Kiến An, Lai Uyên đến An Điền, An Tây..., ở đâu cũng nhan nhản lính mũ nồi xanh, xe tăng, xe ủi của Mỹ. Địch thực hiện những cuộc hành quân càn quét ủi phá rừng cản cứ gắn liền với bình định gom dân, đồn quân bắt lính, đóng thêm nhiều đồn bót. Dọc đường 30 (Bến Cát - Thị Tín) qua hai xã Long Nguyên, Lai Hưng, địch ủi rừng, đóng chốt Cây Khế, chốt cây số 5, đồn Cây Da ở xã Tân Định; ủi phá rừng Bà Kỳ, đóng tua rừng Bến Bà Tân, áp cầu Định; gom dân lập lại áp chiến lược Gò Mối, Trông Thơm, Sở Sao.

Trong năm 1969, địch tung quân Mỹ và quân ngụy cấp chiến đoàn càn quét, đánh phá kho tàng, căn cứ của ta bằng nhiều thủ đoạn. Chúng dùng máy bay B52 và các loại máy bay chiến thuật khác (như cá rô, cá lẹp, máy bay trinh sát L19) yểm trợ tối đa để dò tìm dấu vết nơi ăn, chốn ở của ta, nhất là các khu vực dọc theo sông, suối, đường mòn, rừng lồm còn lại, đánh phá mỗi ngày 2 - 3 lần ở cả vùng ven các ấp chiến lược, vùng sâu căn cứ. Từ tháng 3/1969, chúng tập trung 300 xe (có 100 xe ủi) ủi phá rừng căn cứ Bắc Bến Cát liên tục 25 ngày đêm rất ác liệt. Từ tháng 3 đến tháng 8/1969, có ngày, địch sử dụng tới 8 phi vụ, 72 lượt phi cơ B52 đánh vào một khu vực nhỏ, sử dụng 50 khẩu pháo ở căn cứ Lai Khê, Bến Cát, Phú Lợi. Có lúc, chúng bắn hàng ngàn trái pháo vào một điểm trong vùng căn cứ, sau đó dùng trực thăng đổ chụp từ cấp đại đội đến cấp tiểu đoàn có cơ giới yểm trợ, đóng chốt dã chiến sâu trong rừng căn cứ, từ đó bung ra từng đại đội, trung đội càn quét, lùng sục đánh phá kho tàng căn cứ, phục kích gài trái trên đường mòn, ven sông, bờ suối để đánh phá lực lượng ta đi lại. Ở vùng ven các ấp chiến lược, chúng sử dụng bọn bảo an, dân vệ, thám báo, biệt kích bung ra từng tiểu đội đến đại đội càn quét hòng đánh bật lực lượng bám trụ của ta ra xa.

Trên địa bàn huyện Bến Cát, trong năm 1970, Mỹ - ngụy đã tiến hành 87 cuộc càn cấp trung đoàn, tiểu đoàn (có 3 cuộc càn cấp trung đoàn Mỹ). Mỗi cuộc càn đều có 3 - 5 chi đoàn cơ giới phối hợp, sử dụng 15 - 25 tàu hoạt động dưới sông Sài Gòn, sông Thị Tính. Vùng ven thị trấn Bến Cát và các ấp chiến lược, chúng mở 177 cuộc càn cấp trung đội, đại đội kết hợp với 2 - 3 chi đoàn cơ giới đánh phá. Khu vực ven thị trấn và xung quanh ấp chiến lược, địch cho công binh Mỹ dùng 5 xe chứa xăng bột, kết hợp sử dụng 1 chi đoàn cơ giới càn ủi, đốt phá hủy diệt khu vực rừng Mỹ Phước và cầu Ông Khương trở ra

sát thị trấn Bến Cát. Chúng còn sử dụng 1 trung đội biệt kích Mỹ thọc sâu vào các khu vực khả nghi và các con đường mòn.

Để tìm kẹp quần chúng, ở một số ấp chiến lược, chúng sử dụng bọn ác ôn từ nơi khác tới lập bộ máy tề xã. Trong ấp chiến lược, chúng bắt từng gia đình treo bảng trước nhà theo phân loại. Những gia đình chúng cho là người của “quốc gia” thì dùng bảng tra viết chữ xanh; những gia đình bị tình nghi thì dùng bảng đỏ viền vàng; còn những gia đình cách mạng, có người đi kháng chiến thì treo bảng có màu đỏ viền đen với chữ “gia đình cộng sản”.

Để ngăn chặn quần chúng tiếp tế lương thực cho cách mạng, ở ấp chiến lược Thanh An, Kiến Điền (xã An Điền), địch bắt dân tập trung lúa gạo về kho, đến bữa cấp phát về nấu. Chúng còn đột xuất xông vào nhà kiểm tra, lục soát, kiểm tra lúa cấy từng vụ bao nhiêu, khi đồng bào gặt lúa thì phải báo trước 10 ngày để chúng cho bảo an, dân vệ đi canh giữ, ngăn chặn không cho quần chúng đóng góp cho cách mạng.

Trước những âm mưu, thủ đoạn mới của địch trên chiến trường, Huyện ủy phân công từng đồng chí trong Ban Chấp hành, Ban Chỉ huy Huyện đội và cán bộ các ngành bám địa bàn từng xã, chỉ đạo cấp ủy chi bộ thực hiện chủ trương của huyện, tùy tình hình cụ thể của từng xã, từng ấp để bố trí cán bộ, đảng viên bám trụ trong dân. Ở những nơi không thể bám trụ bên trong ấp chiến lược thì xây dựng hầm bí mật sát hàng rào ấp chiến lược để móc nối quần chúng. Ở những nơi đã xây dựng được chi bộ mật trong ấp chiến lược như ấp chiến lược Lò Than (3 đồng chí) thì tiếp tục xây dựng, phát triển. Ở các xã, các ấp chưa có cơ sở mật, phải xây dựng được cơ sở mật, đảng viên mật để chỉ đạo phong trào quần chúng đấu tranh phá thế kìm kẹp của địch. Ngoài ra, trong tình hình chiến trường bị chia cắt, Huyện ủy chủ trương chia địa bàn thành hai khu vực để bố trí cán bộ chỉ đạo.

Khu vực đông nam quốc lộ 13 (gồm Chánh Phú Hòa, ấp chiến lược Cây Xoài (xã Mỹ Phước), Bến Củi, Lai Khê (xã Lai Hưng)) do đồng chí Huỳnh Văn Thu (Bảy Thu) - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Bí thư Đảng ủy phụ trách chung, cùng các đồng chí Trần Nam Văn, Nguyễn Văn Tấn, Nguyễn Trọng Hiền, Lê Hoàng Nghĩa và các đồng chí Bí thư Chi bộ xã Mỹ Phước, Bí thư Chi bộ ấp Bến Tượng (xã Lai Hưng).

Khu vực tây bắc (gồm phía tây xã Lai Hưng, xã An Điền, Kiến An, Long Nguyên), do đồng chí Ba Đen - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy phụ trách chung, cùng đồng chí Mười Phước (Bí thư Chi bộ Nam Long Nguyên), đồng chí Bí thư Chi bộ xã Kiến An.

Sau khi học tập, chỉnh huấn theo tinh thần Nghị quyết VIII của Trung ương Cục (quý II/1969), kiểm điểm, đánh giá kết quả tiến công trong Tết Mậu Thân năm 1968, Đảng bộ huyện Bến Cát đã giải quyết được một số khúc mắc về mặt tư tưởng của cán bộ và quần chúng, củng cố thêm lòng tin vào sự tất thắng của cách mạng. Từ đó, Huyện ủy đề ra phương châm hoạt động cụ thể cho từng vùng là:

- Vùng thị trấn: Sử dụng lực lượng chính trị là chủ yếu, kết hợp vũ trang có mức độ.

- Vùng ven thị trấn, các ấp chiến lược: Dùng lực lượng vũ trang làm đòn xeo đắc lực cho phong trào đấu tranh chính trị đòi quyền dân sinh, dân chủ, đưa hoạt động ba mũi song song tiến lên mạnh mẽ, diệt ác, phá kìm kẹp, phá vỡ các tổ chức phản động và các hình thức kìm kẹp của địch.

Huyện ủy chỉ đạo cấp ủy cơ sở quán triệt nghị quyết, nhiệm vụ trong nội bộ Đảng (lộ, mật) ra các đoàn thể (Nông, Thanh, Phụ); thực hiện phương châm: chỉ huy bám chiến sĩ, cán bộ bám dân, bám cơ sở xây dựng cơ sở; thực hiện quan điểm tin dân, dựa hẳn vào dân.

Huyện ủy xác định trong trường hợp bị đứt liên lạc giữa huyện và các khu vực, các đồng chí lãnh đạo trên từng khu vực phải chủ động lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng phương hướng hoạt động tác chiến, chủ động xây dựng cơ sở liên lạc báo cáo với Huyện ủy. Trong trường hợp không liên lạc được với Phân khu 1, Huyện ủy cũng phải độc lập lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân tiếp tục chiến đấu.

Tháng 02/1969, Bộ Chỉ huy Miền mở chiến dịch Dầu Tiếng nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch ở khu vực tam giác Dầu Tiếng, Củ Chi, Trảng Bàng, hỗ trợ cho lực lượng địa phương chống phá kế hoạch bình định cấp tốc của địch. Phối hợp với chiến dịch Dầu Tiếng, tại Bến Cát, đêm 23/02/1969, huyện sử dụng lực lượng trinh sát và Đội chốt Lai Khê phối hợp với phân đội pháo binh của Miền pháo kích dữ dội vào căn cứ Mỹ ở Lai Khê, phá hủy 30 máy bay, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 300 tên Mỹ. Trong khi đó, Đại đội 4, Đại đội 5 của huyện dùng cối 81 ly, pháo kích vào Chi khu quân sự Bến Cát, làm sập 2 căn nhà lính, loại khỏi vòng chiến đấu một số tên. Đội du kích xã Chánh Phú Hòa phối hợp với Đại đội đặc công 510 của Phân khu 5 phục kích diệt 1 trung đội Mỹ tại Cổng Xanh, bắn cháy và phá hủy 4 xe bọc thép M113 tại hố Bình Lương, phá hỏng 2 chiếc khác tại Tràm Nu. Tiếp đó, đầu tháng 3/1969, một bán đội du kích xã Chánh Phú Hòa, với hơn 60 trái lựu đạn, đã tập kích cụm đóng quân dã ngoại của tiểu đoàn Mỹ tại khu vực ấp Nhà Đỏ (xã Tân Bình), tiêu diệt và làm bị thương hàng chục tên.

Bằng biện pháp cưỡng bức dưới họng súng và lưỡi lê, Mỹ - ngụy gom được dân vào ấp chiến lược, nhưng không thu phục được “trái tim và khối óc” của nhân dân Bến Cát. Sống trong rào gai ấp chiến lược, đồng bào vẫn một lòng, một dạ thủy chung với cách mạng. Mỗi kilôgam gạo, lon muối, lọ thuốc kháng sinh của đồng bào trong ấp chiến lược mang ra tiếp tế

cho cách mạng có khi phải đổi bằng những trận đòn tra tấn, giam cầm của địch. Nhiều đồng bào ở Mỹ Phước, Thới Hòa, Phú An, Kiến An, Lai Hưng... còn xuống tận thị xã Thủ Dầu Một hoặc qua Phú Hòa Đông mua từng cục pin, lọ thuốc kháng sinh cho bộ đội, du kích. Bị bắt, ở tù, nhưng khi địch thả ra thì đồng bào lại đi mua hàng tiếp tế cho cách mạng. Quần chúng vẫn luôn tin tưởng vào cách mạng: “Đồng cỏ dù hôm nay bị cháy, nhưng ngày mai cỏ sẽ lại mọc lên”.

Trong lúc khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua được, Huyện ủy Bến Cát xác định chỉ có chủ động đánh địch, chống càn bảo vệ căn cứ, bám vào dân mới tìm ra lối thoát. Vì vậy, Huyện ủy chỉ thị cho cấp ủy chỉ bộ các xã phải tích cực xây dựng cơ sở trong các ấp chiến lược, tạo thế cho quần chúng đấu tranh bung ra sản xuất, đi lại làm ăn, từ đó có điều kiện tiếp tế cho cách mạng.

Tháng 3/1969, Phân khu ủy chỉ định đồng chí Nguyễn Hữu Ý (Út Ý) - Ủy viên Ban Thường vụ, Chính trị viên phó Huyện đội làm Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Ba Tiến về nhận công tác tại Phân khu ủy. Tiếp đó, Phân khu ủy chỉ định đồng chí Phan Minh Hoàng - Huyện ủy viên, Huyện đội phó làm Huyện đội trưởng thay đồng chí Lý Chí Lý; đồng chí Võ Văn Hải (Tư Hải) làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Tháng 9/1969, trong khi Đảng bộ, quân và dân Bến Cát cùng quân, dân toàn Miền đang nỗ lực vượt qua khó khăn thì nghe tin Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Cùng với cả nước, tin Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời đã dấy lên lòng thương tiếc vô hạn trong Đảng bộ và quân dân Bến Cát. Tại căn cứ, Huyện ủy làm lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay trong hầm bí mật. Thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Người, toàn thể đảng viên, đoàn viên, cán bộ, chiến sĩ, quân và dân Bến Cát đã biến đau thương thành hành động cách mạng, cùng quân, dân cả nước quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Đến cuối năm 1969, lực lượng cách mạng của huyện Bến Cát tiếp tục trải qua những ngày tháng khó khăn, gian khổ, ác liệt. Đường giao liên về Phân khu ủy và Bộ Chỉ huy Phân khu 1 bị gián đoạn. Quyết tâm bám trụ giữ vững địa bàn vùng căn cứ, Huyện ủy chủ trương mở đợt hoạt động phối hợp với các lực lượng đứng chân trên địa bàn đánh địch đồ chụp, biệt kích, càn quét ủa phá, bảo vệ căn cứ. Ban Chỉ huy Huyện đội chủ động sử dụng lực lượng Đại đội 61, Đại đội 5 phân tán xuống các xã trọng điểm (Thanh An, Thanh Tuyên, ba xã tây nam) để phối hợp với du kích, binh vận, hỗ trợ quần chúng chống địch bắt thanh niên vào phòng vệ dân sự.

Cuối năm 1969, Mỹ - ngụy tung Lữ đoàn 3 Sư đoàn số 1 bộ binh Mỹ đóng căn cứ Lai Khê và một bộ phận lực lượng Sư đoàn 5 bộ binh ngụy mở cuộc hành quân càn quét khu vực từ Bến Mui (xã Kiến An) đến ấp Hàng Nù và dọc lộ 30, từ chốt cây Khế tới cầu Hố Đá (xã Long Nguyên). Sau khi cho không quân, pháo binh bắn phá dữ dội vào các khu vực trên, địch sử dụng hàng chục máy bay trực thăng đổ quân xuống Bến Mui và dọc lộ 30. Bọn tâm lý chiến (bộ phận làm công tác chiêu hồi) dùng băng cò, khẩu hiệu, truyền đơn “chiêu hồi” dán, rải khắp nơi, sử dụng hệ thống loa phóng thanh công suất lớn phát lời kêu gọi cán bộ, chiến sĩ ta ra hàng với những luận điệu như: “Lực lượng Việt Nam Cộng hòa và đồng minh đã bao vây các bạn... Các bạn hãy hồi hương để bảo toàn tính mạng... Các bạn hãy ra chiêu hồi tại chốt 26, 28... sẽ được đón tiếp nồng hậu”. Chúng kêu tên từng đồng chí trong Huyện ủy, Huyện đội...; nêu lên những khó khăn hiện tại ta đang phải đối mặt hàng ngày như tình hình thiếu thốn lương thực, đau bệnh thiếu thuốc men, chịu đựng phi pháo.

Cả bộ đội, du kích và nhân dân bám trụ trong vùng căn cứ đều phải cố gắng chịu đựng, vượt qua những tháng ngày nghiệt ngã ấy. Chỉ cần địch phát hiện một lối mòn, một làn khói mỏng

trong rừng, ven suối hay trong xóm ấp thì ít phút sau những đợt pháo bầy, những đợt bom đào, bom chụp sẽ dội xuống. Cơ quan Huyện ủy, Huyện đội trong một tuần có khi phải dời qua, dời lại nơi ở 3 - 4 lần. Nguồn cung cấp lương thực của cơ sở cách mạng từ trong các ấp chiến lược đưa ra bị địch bịt kín. Cả tháng, bộ đội, du kích, cán bộ các cơ quan phải sống nhờ vào rau, củ rừng. Những bát cháo rau lang, rau tàu bay, củ mài, lá bướm dù thiếu muối nhưng đồng đội vẫn luôn có nhau. Cái đói, bệnh tật hàng ngày lại phải đối mặt với những cuộc càn quét, bom đạn, xe tăng, ủi phá rừng và tiếng gầm rú của các loại máy bay, tiếng loa kêu gọi chiêu hồi, chiêu hàng ngày đêm kích động của địch khiến thần kinh mỗi người dường như nhào ra. Sự sống, cái chết dường như không có sự phân biệt ranh giới...

Trước những âm mưu, thủ đoạn mới của địch, Huyện ủy chủ trương phân tán mỏng lực lượng, sử dụng mìn trái đánh nhỏ, đánh lẻ. Trong ba tháng cuối năm 1969, các lực lượng vũ trang huyện đã đánh hàng chục trận, phá hủy hàng chục xe tăng, xe bọc thép, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 50 tên Mỹ.

Từ cuối năm 1969 đến đầu năm 1970 là thời gian đầy khó khăn, thử thách đối với lực lượng cách mạng của huyện Bến Cát. Đứt liên lạc với Phân khu ủy và Bộ Chỉ huy Phân khu, Huyện ủy đã chủ động lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân bám trụ địa bàn chiến đấu bảo vệ căn cứ, đánh địch hỗ trợ quần chúng đấu tranh nổi lỏng thế kìm kẹp cho dân. Tại các ấp chiến lược Thanh An, Kiến Điền, Lò Than, Mỹ Thạnh..., ta dần dần khôi phục, phát triển thêm được nhiều cơ sở mật, đảng viên mật. Tháng 01/1970, đồng chí Lê Hùng Dũng được Huyện ủy bố trí làm Bí thư Chi bộ xã Nam Long Nguyên, phụ trách ấp chiến lược Lò Than. Sau hơn một tháng móc nối cơ sở, đồng chí Dũng cùng Chi bộ đã xây dựng được 2 chi bộ mật (Chi bộ Đông lộ 30 có 5 đảng viên, Chi bộ Tây lộ 30 có 5 đảng viên). Thông qua đảng viên, cơ sở mật trong ấp chiến lược, ta đã đưa cán bộ,

du kích đột nhập áp chiến lược mua lương thực và bồi dưỡng cho đảng viên, cơ sở mật.

Trong năm 1970, bộ đội địa phương và du kích Bến Cát đã tăng cường phát huy vai trò đồn xeo hỗ trợ quân chúng đấu tranh chính trị. Đại đội 61 và đội nữ vũ trang (C5) tổ chức nhiều trận đánh độc lập và phối hợp với du kích các xã ở ấp chiến lược Kiến Điền, Lò Than, nhà hàng Mỹ Phước... Nổi bật có trận tập kích ấp chiến lược Mỹ Thạnh, Cây Xoài xã Mỹ Phước (tháng 6/1970) của lực lượng vũ trang huyện kết hợp cơ sở mật bên trong, diệt 6 tên ác ôn, thu 5 súng, phá hủy 2 nhà hàng (trụ sở hội tề) Mỹ Thạnh và Cây Xoài; tập kích ấp chiến lược Lò Than, xã Long Nguyên (tháng 12/1970), diệt gọn trung đội bảo an, loại khỏi vòng chiến đấu 15 tên, thu 6 súng, phá hủy 1 đại liên. Du kích xã Thanh An phối hợp cơ sở nội ứng diệt tên Kim - Đồn trưởng và tiểu đội dân vệ đóng chốt Xóm Mới, thu toàn bộ vũ khí.

Tháng 12/1970, Đại đội 61 phối hợp du kích xã Phú An tổ chức phục kích đánh tàu địch trên sông Sài Gòn tại khu vực Bến Trống (cách tua dân vệ Bến Trống 200m). Các chiến sĩ đã dùng B40 bắn rơi máy bay địch. Chiếc trực thăng cần cầu trúng đạn, rơi thẳng xuống chiếc tàu đang tiếp tế. Cả máy bay và tàu địch bốc cháy. Chủ động tấn công địch, Xã đội trưởng Phú An - Nguyễn Văn Chê chỉ huy đội du kích mưu trí dùng tấm gương phản chiếu làm “mồi nhử” máy bay “cá lẹp”, “cá rô” của địch bay tới để tiêu diệt. Trong hai năm 1969 - 1970, Nguyễn Văn Chê đã bắn rơi 5 máy bay lên thẳng của Mỹ.

Từ cuối năm 1970, mặc dù bị địch kìm kẹp, đánh phá ác liệt nhưng một số đảng viên, cơ sở mật của ta vẫn bám được trong ấp chiến lược nên cơ sở dân khôi phục và phát triển. Tổ chức đảng, đoàn thể từng xã dần được củng cố. Ở xã Chánh Phú Hòa, đến tháng 3/1971, cả 4 khu đều đã xây dựng được chi bộ hoặc đảng viên mật, du kích mật và một số hội viên

Hội Phụ nữ, Nông hội. Xã Thới Hòa xây dựng được 1 chi bộ có 11 đảng viên, 4 du kích xã, 3 du kích ấp, 1 chi đoàn mật, 7 tổ Nông hội. Xã Tân Định có 1 chi bộ với 3 đảng viên, 4 đảng viên hoạt động đơn tuyến, 1 chi đoàn mật, 6 tổ với 18 hội viên Nông hội, 3 cán bộ làm công tác binh vận, 3 cán bộ làm công tác quân báo. Xã Kiến An củng cố được chi bộ mật và một số hội viên Nông hội, Hội Phụ nữ hoạt động đơn tuyến trong ấp chiến lược Kiến Điền. Xã Nam Long Nguyên có 1 chi bộ lộ, 2 chi bộ mật. Xã Phú An có 1 chi bộ lộ, 1 đảng viên mật. Xã An Điền có 1 chi bộ lộ, 2 đảng viên mật. Xã An Tây có 1 chi bộ lộ. Xã Mỹ Phước có đồng chí Xã đội phó cũng là cấp ủy Chi bộ hoạt động mật trong ấp chiến lược Cây Xoài.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy và chỉ đạo của Ban Chỉ huy Huyện đội, trong hai năm 1971 - 1972, Xưởng quân giới đã sưu tầm được 3.500kg thuốc bom (TNT), sửa được hơn 700 mìn trái cũ, sản xuất được 446 trái gài tự động và thủ pháo, cấp cho các cơ quan, đơn vị, các xã hơn 5.000 đầu nổ để làm mìn tự động. Đồng chí Phạm Văn Lập (Bảy Đục) - Xưởng phó thường xuyên động viên anh em trong xưởng sản xuất mìn trái. Trong hai năm (1970 - 1971), đồng chí đã trực tiếp thu lượm được 315 trái đạn pháo, cối, 100kg sắt, cùng đơn vị gài 150 trái mìn bảo vệ căn cứ, đánh lui nhiều cuộc càn quét của địch vào căn cứ, loại khỏi vòng chiến đấu 124 tên ngụy, phá hủy 30 xe tăng, xe ủi, bắn rơi 1 máy bay lên thẳng OH6. Đồng chí Nguyễn Hữu Tâm - Xưởng trưởng gài trái, phá hủy 7 xe tăng, xe bọc thép Mỹ và 1 máy bay trực thăng khi địch đổ quân vào khu vực căn cứ của xưởng tại Hố Cạn, xã Kiến An.

Ngoài ra, cuộc đấu tranh của nhân dân chống lại các âm mưu, thủ đoạn của địch trong ấp chiến lược cũng diễn ra gay gắt, quyết liệt. Từng bước, quần chúng nhân dân đã thu được thắng lợi trong cuộc đấu tranh giành quyền dân sinh, dân chủ, đấu tranh chống bắt lính, chống phá tổ chức phòng vệ dân

sự. Chỉ trong tháng 8/1971, toàn huyện có gần 700 lượt quần chúng tham gia 18 cuộc đấu tranh tập thể, trong đó có hàng trăm gia đình binh sĩ được tuyên truyền, giáo dục. Tại xã Thới Hòa, tháng 6/1971, có 72 nam thanh niên, 73 nữ thanh niên bị cưỡng bức vào phòng vệ dân sự đã trả súng không đi gác. Ở ấp Chánh Lưu, xã Chánh Phú Hòa có trên 100 nam nữ phòng vệ trả súng, đấu tranh không đi gác. Ở xã Hòa Lợi, Tân Định, Mỹ Phước, du kích mật phối hợp với du kích lộ diệt tề điệp, ác ôn, dân vệ, đánh bọn bình định, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh phá kìm, phá rã tổ chức phòng vệ dân sự của địch, tạo thế cho quần chúng tiếp tục đấu tranh chống gài trái bom dè dặt áp chiến lược, đòi được tự do đi lại để làm ăn, ra đồng sản xuất.

Giai đoạn từ cuối năm 1968 đến cuối năm 1971, lực lượng cách mạng của huyện Bến Cát bị tổn thất lớn. Hàng trăm cán bộ, đảng viên đã hy sinh, trong đó có đồng chí Bí thư Huyện ủy và nhiều đồng chí Huyện ủy viên. Có xã có đến 2 - 3 bí thư chi bộ, xã đội trưởng hy sinh vì sự đánh phá ác liệt của địch. Suốt hơn một năm đứt liên lạc với Phân khu ủy và Bộ Chỉ huy Phân khu, Đảng bộ, quân và dân Bến Cát vẫn nêu cao tinh thần chủ động tấn công, kiên cường bám đất, bám dân, tự động công tác, anh dũng chiến đấu làm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, vượt qua thời kỳ đầy khó khăn thử thách; củng cố lại được một số căn cứ trên những địa bàn vùng căn cứ, căn cứ lồi. Thực lực mọi mặt của cách mạng từng bước được khôi phục, mở ra điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ, quân và dân Bến Cát cùng lực lượng Phân khu 1 và toàn Miền đẩy mạnh tiến công địch trong năm 1972.

2. Đẩy mạnh đánh phá bình định, góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ (năm 1972)

Đầu năm 1972, lực lượng địch bố trí trên chiến trường Bến Cát còn rất lớn. Chúng sử dụng 2 - 3 tiểu đoàn bộ binh

của Trung đoàn 7, Trung đoàn 8 thuộc Sư đoàn 5 bộ binh ngụy, 2 chi đoàn thiết giáp; 2 đại đội bảo an chi khu để đóng chốt; tăng cường Tiểu đoàn bảo an 306 (tiểu khu Bình Dương) đóng chốt trục đường 14 và đường số 7; sử dụng Giang thuyền 20 hoạt động trên sông Sài Gòn từ Bình Dương lên Dầu Tiếng; đưa chi đoàn thiết xa vận hoạt động khu vực đông tây quốc lộ 13, đường 30 và khu vực Sa Thôn, Bến Sắn, cùng với hệ thống đồn bót dày đặc.

Quán triệt chủ trương của Phân khu ủy, đầu tháng 3/1972, Huyện ủy Bến Cát triển khai học tập nhiệm vụ năm 1972 cho cấp ủy các chi bộ, đảng bộ. Huyện ủy yêu cầu các cấp, các ngành, các đơn vị lực lượng vũ trang phải quán triệt sâu sắc mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của Chiến dịch Nguyễn Huệ. Huyện ủy chỉ rõ địa bàn Bến Cát không phải là chiến trường chính, nhưng tình hình chung trên chiến trường sẽ chuyển biến nhanh khi ta vào đợt hoạt động tới. Vì vậy, Huyện ủy chủ trương chuyển phong trào địa phương lên một bước với khí thế “đồng khởi”; thực hiện tấn công và nổi dậy, diệt ác, phá kìm, bung dân ra giành quyền làm chủ trong các ấp chiến lược, phá rã phòng vệ dân sự, vây ép đồn bót, bức rút, bức hàng, tiêu hao, tiêu diệt và làm tan rã hàng ngũ địch bằng ba mũi giáp công với phương châm “căn cơ, vững chắc” cả phía trước và phía sau. Huyện ủy nhấn mạnh phải tranh thủ đòn tấn công của các đơn vị chủ lực trên chiến trường chính và trên địa bàn, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng nổi dậy.

Từ tháng 01 đến tháng 3/1972, nhân dân các xã: Mỹ Phước, An Điền, Thới Hòa, Chánh Phú Hòa, Tân Định, Lai Hưng... đã tổ chức 5 cuộc đấu tranh trực diện với chính quyền địch, chống đồn quân, bắt lính, chống bầu cử lập ban tề xã ấp, đòi được trở về xóm cũ sản xuất, đòi bồi thường thiệt hại do địch bắn pháo bừa bãi. Đến cuối tháng 3/1972, toàn huyện đã có hơn

200 gia đình trong các ấp chiến lược bung ra đồng sản xuất, hơn 550 phòng vệ dân sự trả súng không đi canh gác.

Đồng thời, từ ngày 01 đến ngày 20/3/1972, du kích các xã Thới Hòa, Mỹ Phước, An Điền, bộ đội địa phương phối hợp với Trung đoàn 16, Tiểu đoàn 13 Đoàn đặc công 429 của Miền, liên tục chặn đánh lực lượng biệt động quân, Trung đoàn thiết giáp số 6 và bọn bảo an Chi khu quân sự Bến Cát đi càn quét giải tỏa trên đường số 7, 14, diệt hơn 120 tên, bắn cháy 3 tàu, bắn rơi 1 máy bay khu trục, phá hủy 9 xe M113 và xe ủi đất. Nổi bật nhất có trận đánh của Đại đội 61 phối hợp với du kích lộ, mật của xã Mỹ Phước tập kích trung đội bảo an đóng đồn Cây Xoài (ngày 01/3/1972), diệt và làm bị thương 15 tên.

Bước vào Chiến dịch Nguyễn Huệ, trên địa bàn Bến Cát, Phân khu ủy và Bộ Chỉ huy Phân khu quyết định lấy hai xã Thanh An, Thanh Tuyền làm điểm chỉ đạo giải phóng vùng là bàn đạp nối liền vùng tranh chấp phía tây huyện Bến Cát với Củ Chi, Trảng Bàng nhằm mở rộng địa bàn căn cứ phía trước với phía sau, nối liền với Phân khu 5 và kim chân địch, hỗ trợ chiến trường chính ở Bình Long, Lộc Ninh.

Để giải phóng Thanh An, Thanh Tuyền, Bộ Chỉ huy Phân khu quyết định sử dụng Trung đoàn 16 và đại đội pháo của Phân khu, Đại đội 64 Dầu Tiếng, du kích hai xã Thanh An, Thanh Tuyền, vận dụng linh hoạt các hình thức như vây lấn, tấn diệt kết hợp bức rút, bức hàng giải phóng hai xã. Huyện Bến Cát sử dụng Đại đội 61, Đại đội 4, Đại đội 5 cùng du kích các xã đánh địch từ Bưng Còng tới lộ 7 và đường 30, cầm chân địch tiến tới bức rút không để cho địch tiếp viện lên đường 14 (từ Rạch Kiến tới Suối Dứa), tạo điều kiện cho lực lượng Phân khu và Dầu Tiếng hoàn thành nhiệm vụ.

Trong những ngày đầu tháng 4/1972, quân và dân Dầu Tiếng, Thanh An, Thanh Tuyền cùng các lực lượng của Phân khu đánh địch giải phóng xã Thanh An và một số vị trí trên

đường 14. Tại Bến Cát, Đại đội 4 pháo kích chi khu quân sự Bến Cát; Đại đội 61, Đại đội 5 bao vây tua Rinét, bót Rạch Bắp, pháo kích chốt Cây Khế, chốt 26, chốt Ngã Năm (trên lộ 30).

Trước sự tấn công của ta và sự tác động từ các chiến trường Tây Ninh, Bình Long, Quảng Trị..., địch trên đường 7, lộ 30 đã rút chạy. Ta giải phóng hoàn toàn đoạn đường số 7 (từ Rinét đến Rạch Bắp) và đường 14, giải phóng hai xã Thanh An, Thanh Tuyền (từ ngã ba Rạch Bắp tới Bến Tranh). Tại Long Nguyên, được sự hỗ trợ của du kích, gần 100 gia đình trong ấp chiến lược Lò Than đã bung về xóm cũ sản xuất.

Trên quốc lộ 13, du kích Thới Hòa, Mỹ Phước, Lai Uyên, Lai Hưng đắp mô, gài trái, đánh phá giao thông để ngăn chặn địch điều động lực lượng chi viện cho Lộc Ninh, Bình Long đang bị ta tấn công. Trong các ấp chiến lược, chi bộ mật vận động cơ sở mật cùng du kích mật rải truyền đơn kêu gọi quần chúng nổi dậy đấu tranh đòi giải tán phòng vệ dân sự, đòi tự do đi lại làm ăn, vận động gia đình binh sĩ đấu tranh đòi cho chồng, con, em về với gia đình, không đi lính chết thay cho Mỹ - ngụy.

Tin chiến thắng Lộc Ninh (ngày 07/4/1972) đã làm nức lòng Đảng bộ, quân và dân Bến Cát. Phong trào đấu tranh chính trị, binh vận của nhân dân trong các ấp chiến lược được tiếp thêm sức mạnh. Đồng bào trong các ấp chiến lược Kiến Điền, Lò Than, Lai Hưng, Mỹ Phước, Thới Hòa, Tân Định, Chánh Phú Hòa, An Hòa, An Lợi... đã đấu tranh trên diện rộng với bọn tề xã đòi không bắt chồng, con đi lính, không đi tiếp viện ở thị xã An Lộc (Bình Long).

Tại xã Hòa Lợi, ngày 15/4/1972, đội du kích xã phối hợp với Tiểu đoàn Phú Lợi (lúc này thuộc Phân khu 5) tấn công tiêu diệt đồn An Lợi, diệt 47 tên, bắt sống 30 tên, thu toàn bộ vũ khí. Chi bộ xã chỉ đạo cơ sở mật tại ấp chiến lược An Lợi vận động gia đình binh sĩ kéo lên trụ sở tề xã đấu tranh, lôi kéo được 11 phòng vệ trả súng không đi gác đêm. Du kích mật, lộ

phối hợp vũ trang tuyên truyền và truy đuổi diệt 2 tên, bắt sống 1 tên thám báo khi bọn này trà trộn trong quần chúng đi làm đồng để thăm dò lực lượng ta.

Huyện ủy Bến Cát - Dầu Tiếng sau khi sáp nhập tập trung phát triển thực lực cách mạng, xây dựng, củng cố vùng giải phóng. Lực lượng vũ trang huyện tiếp tục đẩy mạnh thế tiến công địch ở các xã trên quốc lộ 13, thị trấn Dầu Tiếng, Bến Cát, hỗ trợ quần chúng bung về xóm cũ sản xuất.

Trên mặt trận quốc lộ 13, ta và địch tranh chấp quyết liệt. Địch quyết tâm giải tỏa; ta kiên cường bám giữ, cắt quốc lộ 13, uy hiếp Chơn Thành, Lai Khê, Bến Cát. Các lực lượng vũ trang huyện phối hợp với các đơn vị bộ đội chủ lực Miền chốt chặn trên quốc lộ 13 (đoạn Bắc Lai Khê - Nam Chơn Thành), đánh thiệt hại nhiều tiểu đoàn, đại đội địch.

Từ giữa năm 1972, cục diện chiến trường tiếp tục có những thay đổi lớn, có lợi cho cách mạng. Trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, Bình Long trở thành nơi giam chân nhiều sư đoàn chủ lực ngụy.

Thực hiện đánh đau, đánh hiểm, đêm 11 rạng ngày 12/8/1972, Đội chốt Lai Khê phối hợp với Đặc công 429 của Miền tập kích vào căn cứ Lai Khê, nơi địch tập trung lực lượng lớn quân chủ lực, sẵn sàng yểm trợ cho Tiểu khu Bình Long đang bị bao vây. Các mũi tiến công của bộ đội bí mật thọc sâu, đánh thẳng vào khu sở chỉ huy, trận địa pháo, kho tàng và các trại lính... Ta đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 250 pháo binh, tiểu đoàn công binh, kho dự trữ thiết bị máy móc, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 400 tên, phá hỏng 7 đại bác 105 ly và 155 ly, đánh sập 124 căn nhà бат lính, thu nhiều đồ dùng quân sự.

Trong khi cuộc đối đầu giữa ta và địch trên mặt trận quốc lộ 13 ngày càng quyết liệt, Huyện ủy chỉ đạo cấp ủy chi bộ các xã trên quốc lộ 13, ba xã tây nam tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ quần chúng đấu tranh phá thế kìm kẹp của địch.

Tại Phú An, An Tây, từ ngày 11 đến ngày 20/8/1972, du kích các xã phối hợp với lực lượng huyện diệt 1 tiểu đội bảo an đồn Phú Thứ nổi ra thăm dò. Đội du kích Kiến An, Mỹ Phước, An Điền phối hợp đột nhập áp chiến lược Kiến Điền, tấn công trung đội bảo an ác ôn, loại khỏi vòng chiến đấu 17 tên, thu 2 súng; tập kích trung đội dân vệ đóng ở Ban Xinh, tạo thế cho quần chúng đấu tranh chính trị, vận động, giúp đỡ binh lính địch cải trang như dân thường đón xe đò về quê.

Tại xã Thới Hòa, ngày 03/9/1972, đội du kích xã phối hợp với Đại đội công binh 506 (Phân khu 5), sử dụng mìn trái, cối 60 ly bắn vào đội hình 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 5 bộ binh ngụy vừa hành quân từ Thới Hòa qua Xóm Ruộng. Bị cối bắn vào giữa đội hình, địch chạy tán loạn thì vướng phải mìn do du kích bố trí, 19 tên bị tiêu diệt, 12 tên bị thương. Ta thu 12 súng AR15, 7 súng M72 (chống tăng), 15 ba lô.

Từ cuối tháng 10/1972, Huyện ủy Bến Cát chủ trương tiếp tục đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, kết hợp ba mũi diệt ác, phá kìm, phát động quần chúng đấu tranh giành quyền làm chủ, tạo điều kiện cho những bước tiếp theo. Huyện sử dụng Đại đội 64 cùng du kích Thanh An, Định Thành vây ép đồn Suối Dứa. Trên đường số 7 và quốc lộ 13, Đại đội 61, Đại đội 4, Đại đội 5 kết hợp với lực lượng chủ lực Miền đánh thiệt hại nặng nhiều đơn vị thuộc Sư đoàn 5 bộ binh, lực lượng bảo an, dân vệ tại Chánh Phú Hòa, Thới Hòa, Mỹ Phước, An Điền, An Tây, Phú An; phá vỡ hệ thống kìm kẹp, tế xã và tổ chức phòng vệ dân sự ở Mỹ Phước, Thới Hòa, Phú An, Hòa Lợi, Chánh Phú Hòa, tạo điều kiện cho hàng trăm đồng bào bung về xóm cũ làm ăn.

Đầu tháng 01/1973, địch sử dụng Sư đoàn 5 bộ binh, Chiến đoàn 46 thuộc Sư đoàn 25 bộ binh, 2 tiểu đoàn biệt động quân số 65 và 84 mở cuộc hành quân “Toàn thắng 731”, tái chiếm vùng giải phóng Thanh An, Dầu Tiếng, Minh Hòa, Minh Thạnh

nhằm giải tỏa cho Chi khu quân sự Dầu Tiếng, mở rộng khả năng kiểm soát tuyến phòng thủ Bắc Sài Gòn.

Tuy nhiên, cuộc hành quân “Toàn thắng 731” đã bị thất bại hoàn toàn. Bộ đội địa phương huyện cùng du kích các xã Thanh An, Long Nguyên, Kiến An, Thanh Tuyền phối hợp với Sư đoàn 7 chủ lực, Trung đoàn 205 thuộc Bộ Tham mưu Miền tấn công ác liệt vào các cánh quân địch, diệt gọn 2 tiểu đoàn thuộc Chiến đoàn 8 Sư đoàn 5 bộ binh, đánh thiệt hại nặng 3 tiểu đoàn khác, loại khỏi vòng chiến đấu 800 tên địch (trong đó bắt sống 487 tên), thu hơn 720 súng, 54 máy thông tin.

Phối hợp với toàn Miền, từ ngày 20 đến ngày 25/01/1973, các đơn vị lực lượng vũ trang của huyện cùng du kích các xã mở đợt hoạt động tấn công đánh phá hệ thống kìm kẹp của địch ở các ấp chiến lược Mỹ Thạnh (xã Mỹ Phước), Lò Than (xã Long Nguyên), Kiến Điền (xã An Điền) nhằm hỗ trợ quần chúng bung về xóm cũ sản xuất. Nổi bật nhất là trận tấn công ấp chiến lược Kiến Điền (ngày 20/01/1973). Huyện ủy chọn ấp chiến lược Kiến Điền để làm điểm chỉ đạo rút kinh nghiệm cho đợt “chồm lên” giải phóng ấp chiến lược. Huyện tập trung lực lượng Đại đội 5, Đại đội 61, du kích liên xã của ba xã tây nam (tổng số 45 cán bộ, chiến sĩ) do đồng chí Phan Minh Hoàng - Huyện đội trưởng chỉ huy, đột nhập ấp chiến lược Kiến Điền, đánh giữ suốt ngày 20/01/1973, tiêu hao nặng 1 đại đội bảo an, 1 trung đội dân vệ, đánh sập 1 tua. Ta kết hợp đánh địch với vận động quần chúng. Địch tăng thêm lực lượng tới phản kích; ta vẫn giữ vững trận địa, tới 19 giờ rút ra khỏi ấp chiến lược. Ngày hôm sau, hơn chục gia đình tạo có đấu tranh bung về vùng giải phóng làm ăn.

Hai năm 1969 - 1970 là thời gian thử thách ác liệt nhất của Đảng bộ, quân và dân huyện Bến Cát trước các thủ đoạn đánh phá điên cuồng, thâm độc của Mỹ - ngụy. Khi bị gián đoạn liên lạc với Phân khu ủy, Bộ Chỉ huy Phân khu, Đảng bộ

đã động viên toàn thể cán bộ, chiến sĩ, quân và dân quyết tâm bám trụ, khôi phục cơ sở, xây dựng cơ sở mật, du kích, đảng viên mật trong ấp chiến lược; phát huy tốt vai trò đòn xeo trong đấu tranh ba mũi, từng bước phá lỏng thế kìm của địch. Trong Chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972, quân và dân Bến Cát đã cùng các đơn vị chủ lực liên tục chiến đấu, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, vùng căn cứ, hỗ trợ quần chúng đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh vận, phá lỏng thế kìm của địch, tạo thế cho dân bung về xóm cũ sản xuất. Đến cuối năm 1972, Bến Cát đã có vùng căn cứ rộng lớn, là bàn đạp có ý nghĩa chiến lược áp sát sào huyệt địch trên hướng Bắc Sài Gòn.

V- PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG, CÙNG QUÂN VÀ DÂN CẢ NƯỚC THAM GIA CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY, GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (1973 - 30/4/1975)

1. Phát triển lực lượng, tạo thế và lực mới, đánh địch bình định, lấn chiếm, giữ vững vùng giải phóng (1973 - 1974)

Mọi cố gắng của Mỹ - ngụy trên chiến trường đều thất bại. Ngày 27/01/1973, Mỹ phải chấp nhận ký Hiệp định Pari, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, cam kết rút quân về nước. Thắng lợi này mở đường cho Đảng bộ, quân và dân Bến Cát, quân và dân miền Nam cùng quân và dân cả nước tiếp tục “đánh cho ngụy nhào”, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trước sự phát triển của tình hình trên chiến trường, từ cuối năm 1972, Trung ương Cục miền Nam quyết định tổ chức lại chiến trường miền Đông Nam Bộ, giải thể các phân khu, tái lập lại các tỉnh. Tỉnh Thủ Dầu Một được tái lập gồm các huyện Bến Cát - Dầu Tiếng, Châu Thành, Phú Giáo, Tân Uyên,

Lái Thiêu và thị xã Thủ Dầu Một. Đồng chí Nguyễn Văn Trung (Sáu Trung) được Trung ương Cục chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Bùi Xuân Thuận làm Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Nguyễn Văn Hữu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, Tỉnh đội trưởng.

Nhằm bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời trước tình hình mới, tháng 3/1973, huyện Bến Cát - Dầu Tiếng tách thành hai huyện Bến Cát và Dầu Tiếng. Tỉnh ủy chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bến Cát gồm các đồng chí: Nguyễn Hữu Ý - Tỉnh ủy viên làm Bí thư Huyện ủy; Phan Minh Hoàng làm Phó Bí thư; Đặng Thành Phương làm Ủy viên Ban Thường vụ, Huyện đội trưởng; Nguyễn Văn Tấn (Sáu Tấn) làm Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban An ninh huyện; Trương Văn Quyết làm Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Nông hội; Phạm Văn Hòa (Ba Hòa) làm Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên huấn; Huỳnh Văn Thu làm Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Dân vận; Nguyễn Văn Không - Trưởng Ban Kinh tài; Lê Hoàng Nghĩa - Trưởng Ban Tổ chức kiêm Binh vận; Trần Nam Văn - Bí thư thị trấn, phụ trách phía đông quốc lộ 13; Nguyễn Thị Năm - Bí thư Huyện đoàn (hy sinh giữa năm 1973), Hồ Minh Phương (Út Phương) thay thế; Nguyễn Thị Tiệp - Bí thư xã Thanh An; Lê Văn Nghi - Phó ban An ninh; Lê Văn Hiền - phụ trách thị trấn Mỹ Phước; Nguyễn Thị Tuyết - Hội trưởng Hội Phụ nữ; Lê Hùng Đưng - Phó ban Tuyên huấn.

Sau khi Hiệp định Pari có hiệu lực, ở miền Nam đã hình thành hai vùng: vùng giải phóng của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và vùng do chính quyền Sài Gòn kiểm soát. Ngoài vùng giải phóng liên hoàn và căn cứ địa là hậu phương trực tiếp, lực lượng cách mạng còn có cả một vùng gồm nhiều xã, ấp giải phóng xen kẽ với các ấp chiến lược do địch kiểm soát, hình thành thế “da beo”, một hình thái khiến địch luôn lo sợ. Trước khi buộc phải ký kết

Hiệp định Pari, Nguyễn Văn Thiệu đã hô hào “tái chiếm lãnh thổ”, mở rộng phạm vi chiếm đóng. Ngay sau khi Hiệp định được ký kết, địch càng đẩy mạnh các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng hòng xóa thể da beo, tiến tới xóa bỏ hoàn toàn vùng giải phóng.

Những tháng đầu sau khi ký kết Hiệp định Pari, trong vùng kiểm soát, địch đẩy mạnh bình định, củng cố bộ máy tế xã, ra sức xuyên tạc nội dung Hiệp định, “ngưng chiến không ngừng bắn”. Chúng bắt người dân dự các cuộc hội họp, mítting ủng hộ chính quyền Thiệu chống lại cách mạng. Bọn cảnh sát, tề điệp ngày đêm lùng sục, cấm quân chúng quay về xóm cũ sản xuất, từng bước lấn chiếm vùng tranh chấp với các hình thức ủi phá địa hình, bắn pháo, ném bom; đồng thời, từng lúc, từng nơi dùng bộ binh đột kích, xâm nhập vùng giải phóng, thực hiện giành dân, lấn đất cấm cò. Đầu tháng 02/1973, địch mở rộng ra tua Cây Lội, tua Cây Xoài. Tháng 4/1973, chúng tiếp tục đóng bót và bắc lại cầu Ông Cộ, lấn chiếm đường 7. Đầu tháng 6/1973, địch sử dụng pháo bắn phá dọc tỉnh lộ 14, đưa Chiến đoàn 50 (Sư đoàn 25 bộ binh) càn quét khu vực Suối Dứa (Dầu Tiếng); ném bom, bắn pháo dọc quốc lộ 13 từ Bàu Bàng đến Cây Sắn, khu vực Cà Thung, Xa Mát, cầu Ông Trinh... thuộc vùng căn cứ Long Nguyên. Tháng 7/1973, chúng ủi đường Chánh Lưu qua Mỹ Phước. Chỉ 10 ngày trung tuần tháng 5/1973, trong cuộc càn quy mô cấp chiến đoàn đánh vào ba xã tây nam, địch đã bắn trên 15.000 trái đạn pháo để hỗ trợ cho kế hoạch ủi rừng, lấn chiếm vùng giải phóng.

Trước những hành động phá hoại Hiệp định, lấn chiếm, bình định của địch, Đảng bộ, quân và dân huyện Bến Cát nhận thức rõ cuộc đấu tranh chống lấn chiếm và bình định sẽ tiếp tục diễn ra gay gắt và quyết liệt. Tháng 6/1973, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bến Cát họp vào chỉ rõ: Sau

khi triển khai học tập Chỉ thị số 03/CT-73 của Trung ương Cục miền Nam về nhiệm vụ “huyện, xã phải làm gì khi có lệnh ngừng bắn” và các tài liệu văn bản pháp lý của Hiệp định Pari, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và các đoàn thể của huyện đã đẩy mạnh gắn bó với quần chúng, phát động khẩu hiệu “Mừng hòa bình”, khôi lại các hình thức đấu tranh tại chỗ chống các thủ đoạn phátxít của địch. Từ đó, tinh thần cách mạng của quần chúng được nâng lên. Hàng trăm quần chúng ở xã Chánh Phú Hòa đã đấu tranh chống cấm trại, chống bắt người. Ở xã Hòa Lợi, 80 quần chúng chống đối ký đơn ủng hộ Thiệu. Ở xã Mỹ Phước, hơn 200 đồng bào đã biến cuộc họp của địch thành cuộc đấu tranh đòi bung về xóm cũ, đòi bồi thường thiệt hại... Phổ biến nhất là phong trào quần chúng tự xé rào ra đồng sản xuất, ra vùng căn cứ liên hoan, ăn Tết với cán bộ, bộ đội. Lực lượng vũ trang huyện đã phối hợp với bộ đội chủ lực Miền đánh diệt một tiểu đoàn ngụy khi chúng nống ra lấn chiếm đường 7, tác động mạnh đến tâm lý binh lính ngụy.

Tuy nhiên, thực tế là có một bộ phận quần chúng trong ấp chiến lược bị địch kìm kẹp vẫn dè dặt khi tiếp xúc với cán bộ cách mạng. Phong trào cách mạng của quần chúng phát triển chưa mạnh, diện chưa rộng, khẩu hiệu đấu tranh còn tản mạn, phân tán. Một số nơi chỉ đạo, chỉ huy chưa kịp thời, chưa chú ý phát hiện những quần chúng tích cực trong đấu tranh để bồi dưỡng. Huyện ủy đã chỉ ra những lệch lạc trong nhận thức tư tưởng của một số đảng viên, cán bộ, chiến sĩ, kể cả cán bộ, đảng viên là cấp ủy trong Đảng bộ, đó là: “chưa đánh giá hết ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định Pari, chưa thấy được nhân tố mới, sinh ra hoài nghi, bi quan; chưa tin vào khả năng chính trị là cơ sở, đấu tranh vũ trang là hậu thuẫn đắc lực; thực lực ít, yếu, sinh ra cố thủ hữu khuynh và có biểu hiện chủ quan mất cảnh giác”. Từ đó, Huyện ủy xác định nhiệm vụ của

Đảng bộ huyện lúc này là phải đẩy mạnh xây dựng, phát triển thực lực, xây dựng tổ chức, củng cố và nâng cao năng lực lãnh đạo của chi bộ; đồng thời phải tăng cường công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, làm cho mỗi đảng viên, cán bộ, chiến sĩ nhận thức rõ yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, thực hiện khẩu hiệu trung tâm là: “Hòa bình, dân chủ, áo cơm, hòa hợp dân tộc”. Sau Hội nghị, Ban Thường vụ Huyện ủy Bến Cát đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương uốn nắn lệch lạc và từng bước đã có chuyển biến trong nhận thức và hành động của đảng viên, cán bộ, chiến sĩ.

Những tháng cuối năm 1973, địch tập trung lính bảo an và Trung đoàn 9 Sư đoàn 5 bộ binh ủi phá rừng Mỹ Phước và mở đường số 7 từ Chánh Lưu qua Mỹ Phước nhằm lập tuyến ngăn chặn các lực lượng vũ trang ta tiến công chi khu và bắc thị xã Thủ Dầu Một. Cuộc chiến đấu của quân và dân Bến Cát chống địch lấn chiếm vùng giải phóng diễn ra quyết liệt.

Tháng 8/1973, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương chia huyện Bến Cát thành hai huyện Nam Bến Cát và Bắc Bến Cát. Nhằm tập trung xây dựng huyện Bắc Bến Cát thành vùng giải phóng toàn diện vững chắc, là trung tâm chính trị làm ngọn cờ hiệu triệu, Tỉnh ủy chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Bến Cát gồm các đồng chí: Nguyễn Thanh Vân (Tám Vân, Nguyễn Thanh Đồng) làm Bí thư (từ tháng 8/1973 đến tháng 3/1974); Huỳnh Văn Thu làm Phó Bí thư.

Đầu năm 1974, Tỉnh ủy tăng cường cán bộ cho huyện Bắc Bến Cát. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Bến Cát gồm các đồng chí: Trần Bình (Hai Bình) - Tỉnh ủy viên làm Bí thư Huyện ủy; Huỳnh Văn Thu (Bảy Thu) - Phó Bí thư Huyện ủy; Trương Văn Quyết - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Dân vận; Đoàn Minh Chánh (Hai Chánh), trợ lý chính quyền; Nguyễn Lữ phụ trách Tổ chức Huyện ủy; Tư Trung phụ trách an ninh; Trần Nam Văn phụ trách thương nghiệp; Hồ Minh

Phường - Bí thư Huyện đoàn kiêm Chánh Văn phòng Huyện ủy; Nguyễn Thị Hòa (Năm Hòa), sau đó đồng chí Năm Chanh, làm Hội trưởng Hội Phụ nữ; Nguyễn Văn Cho (Tư Cho) - Chính trị viên phó Huyện đội; Dương Văn Ngành - Huyện đội phó; Nguyễn Thị Vân (Ba Vân) - Huyện đội phó; Lê Hùng Đưng (Mười Đưng) - Trưởng Ban Tuyên huấn; Nguyễn Văn Cường (Tám Cường) - Bí thư Chi bộ xã Thanh Tuyền.

Huyện Bắc Bến Cát - vùng giải phóng Bắc Bến Cát có vị trí đặc biệt quan trọng, là căn cứ của tỉnh, của lực lượng hai huyện (Nam Bến Cát, Bắc Bến Cát), cũng là căn cứ đứng chân xây dựng lực lượng của nhiều đơn vị chủ lực Miền và địa phương bạn như: Đoàn Bắc Thái, Đoàn Quảng Bình, Đoàn 75 (pháo binh), Trung đoàn 16, Đoàn 235 hậu cần Miền, đơn vị T4 của Đặc khu Sài Gòn - Gia Định...

Thực hiện chỉ đạo của tỉnh, Huyện ủy Bắc Bến Cát đã tập trung xây dựng, phát triển thực lực cách mạng (cả lực lượng vũ trang tại chỗ với các đoàn thể), động viên nhân dân tích cực tăng gia sản xuất, tích cực xây dựng và chủ động sẵn sàng chiến đấu bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ an ninh trật tự cho xã, ấp.

Cùng với xây dựng lực lượng, Huyện ủy Bắc Bến Cát còn chỉ đạo các xã vận động nhân dân đẩy mạnh khai hoang, phục hóa, sản xuất lương thực, rau màu, giải quyết những khó khăn về lương thực. Tất cả các đơn vị đóng trên địa bàn đều tham gia sản xuất lương thực. Ban Kinh tài cùng Ban Nông hội của huyện đã cho người sang Campuchia mua hơn 30 đôi trâu, giao cho dân để sản xuất và sinh sản.

Huyện Nam Bến Cát gồm địa bàn còn lại của huyện Bến Cát (các xã Lai Hưng, Phú An, An Tây, An Điền, Mỹ Phước) và các xã Chánh Phú Hòa, Thới Hòa, Tân Định, Tân An, Tương Bình Hiệp (trước đây giao cho huyện Châu Thành, nay giao trở lại huyện Nam Bến Cát).

Tỉnh ủy chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Nam Bến Cát gồm các đồng chí:

- Nguyễn Hữu Ý - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy.
- Phan Minh Hoàng - Phó Bí thư Huyện ủy, Huyện đội trưởng.
- Phan Văn Quận (Năm Thành) - Phó Bí thư.
- Đặng Thành Phương - Ủy viên Ban Thường vụ, Chính trị viên phó Huyện đội.
- Đồng chí Sáu Tấn - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban An ninh huyện.
- Nguyễn Văn Không - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Kinh tài.
- Lê Thanh Thuận (Út Thuận) - Huyện ủy viên, Hội trưởng Hội Phụ nữ.
- Đồng chí Sáu Hiền - Huyện ủy viên, Bí thư thị trấn Bến Cát.
- Lê Hoàng Nghĩa - Huyện ủy viên, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy.
- Huỳnh Công Kháng (Sáu Kháng) - Huyện ủy viên, Trưởng Ban Dân vận.
- Nguyễn Văn Rô (Ba Rô, Ba Tâm) - Huyện ủy viên, Bí thư Chi bộ xã An Tây.
- Đoàn Văn Tung (Tư Tung) - Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy.
- Nguyễn Chí Cường (Út Cường) - Bí thư Chi bộ xã Hòa Lợi.
- Đồng chí Hai Lục - Huyện ủy viên, Phó Công an huyện.
- Nguyễn Chí Thông (Ba Thông) - Bí thư Chi bộ xã Thới Hòa.
- Lê Nguyễn Văn Nghi (Sáu Nghi) - Huyện ủy viên, Phó ban An ninh (được bổ sung vào Ban Thường vụ, giữ chức Trưởng Ban An ninh sau khi đồng chí Sáu Tấn hy sinh).

Tháng 12/1973, Tỉnh ủy điều động đồng chí Nguyễn Hữu Ý - Bí thư Huyện ủy về làm Tỉnh đội phó chính trị. Đồng chí Phan Minh Hoàng được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Đặng Thành Phương - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy làm Huyện đội trưởng. Đến tháng 4/1974, đồng chí Phan Minh Hoàng hy sinh, đồng chí Năm Thành làm Quyền Bí thư Huyện ủy.

Căn cứ vào tình hình của địa phương, Đảng bộ huyện Nam Bến Cát đã đề ra yêu cầu cụ thể cho từng vùng. Đối với vùng giải phóng, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, xây dựng củng cố căn cứ, cơ quan, đơn vị bảo đảm tự túc lương thực, thực phẩm; củng cố ấp đội, giáo dục phòng gian bảo mật. Ở vùng tranh chấp yếu, tăng cường củng cố du kích xã, chi bộ, chi đoàn, đẩy mạnh du kích chiến tranh, dùng lực lượng du kích kết hợp với lực lượng vũ trang bao vây đồn bót, tua lẻ, chống địch ủi phá địa hình. Vùng áp chiến lược và thị trấn, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, kết hợp du kích, an ninh mật diệt ác, hỗ trợ quần chúng chống địch bắt thanh niên vào phòng vệ dân sự, đồn quân, bắt lính.

Tháng 12/1974, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Nam Bến Cát có những thay đổi: đồng chí Đặng Thành Phương (Út Phương) - nguyên Phó Bí thư Huyện ủy (kiêm Huyện đội trưởng), giữ chức Bí thư Huyện ủy (thay đồng chí Năm Thành hy sinh); đồng chí Huỳnh Văn Thu (Bảy Thu) - Phó Bí thư Huyện ủy Bắc Bến Cát được Tỉnh ủy điều động về huyện Nam Bến Cát, bổ sung vào Huyện ủy, là Ủy viên Ban Thường vụ, giữ chức Huyện đội trưởng.

Cùng với các địa phương trong tỉnh, đến cuối năm, trên địa bàn hai huyện (Nam Bến Cát, Bắc Bến Cát), ta đã làm thất bại và thụt lùi một bước quan trọng âm mưu bình định lấn chiếm của địch; tình thế chuyển biến theo hướng có lợi cho ta trên cả ba vùng. Vùng giải phóng rộng lớn ở Bắc Bến Cát và các

lõm giải phóng ở Nam Bến Cát áp sát vùng tranh chấp hình thành thế bao vây lấn địch, ngày càng được củng cố, mở rộng. Dân về ngày càng tăng. Các mặt kinh tế, chính trị trong vùng giải phóng đều có bước tiến bộ, từng bước đi vào căn cơ. Lực lượng vũ trang hai huyện và du kích các xã đứng vững trên địa bàn trọng điểm lâu dài, liên tục bẻ gãy ý đồ lấn chiếm, ủi phá địa hình của địch. Phong trào đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng ngày càng phát triển. Quần chúng trong các ấp chiến lược xé rào bung ra đồng sản xuất, một số trở về vùng giải phóng hoặc ở lại luôn xóm cũ ngày càng tăng trên diện rộng. Nhiều đồng bào trong ấp chiến lược Lò Than (xã Long Nguyên), Bến Củi (xã Lai Hưng), Kiến Điền (xã An Điền), vượt qua sự kìm kẹp của địch về vùng giải phóng Bắc Bến Cát sinh sống, gắn bó với chính quyền cách mạng. Đến cuối tháng 10/1974, số dân trong vùng giải phóng Bắc Bến Cát đã có 825 gia đình với 3.594 nhân khẩu, tăng hơn so với cuối năm 1973 trên 1.300 người. Đồng bào về, cấp ủy cùng các đoàn thể giúp bà con ổn định nơi ăn ở, hỗ trợ lương thực, giải quyết một phần khó khăn trong cuộc sống. Cuộc sống mới của một chế độ mới trên vùng giải phóng Bắc Bến Cát được Đảng bộ, quân và dân xây dựng, gìn giữ và vun đắp trong muôn vàn khó khăn, thử thách. Tất cả chỉ mới là sự khởi đầu cho một chế độ mới, nhưng đủ để thắp sáng niềm tin, động viên, khích lệ tinh thần Đảng bộ, quân, dân trong huyện tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh đánh bại chính sách bình định, lấn chiếm của địch.

Từ sau khi ký kết Hiệp định Pari đến cuối năm 1974, cuộc đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm của Đảng bộ, quân và dân hai huyện Nam - Bắc Bến Cát đã giành được những thắng lợi quan trọng. Vùng giải phóng được mở rộng và ngày càng phát huy hiệu quả. Đó là những tín hiệu vui mừng để Đảng bộ, quân và dân hai huyện Nam - Bắc Bến Cát vững bước vào mùa khô 1974 - 1975.

2. Tham gia đánh bại các hoạt động đánh phá, bình định của địch; cùng quân và dân toàn Miền thực hiện Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng toàn miền Nam

Chiến dịch mùa khô 1974 - 1975 mở ra trên khắp các chiến trường toàn Miền. Sau đợt một, Chiến dịch đường 14 - Phước Long ta giành thắng lợi lớn. Ngày 06/01/1975, tỉnh Phước Long hoàn toàn giải phóng. Chiến thắng Phước Long mở ra điều kiện thuận lợi mới, là cơ sở thực tiễn cho Bộ Chính trị hạ quyết tâm chiến lược kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ngay trong năm 1975.

Chiến thắng Phước Long đã tiếp thêm sức mạnh cho Đảng bộ, quân và dân hai huyện Nam Bến Cát, Bắc Bến Cát. Phối hợp với chiến trường tỉnh và toàn Miền, từ trung tuần tháng 12/1974 đến tháng 02/1975, bộ đội huyện Nam Bến Cát cùng du kích các xã liên tục tấn công địch (tập kích, pháo kích, đánh đồn, diệt ác...). Ta tiêu diệt đồn ngã tư Cây Me (xã Tân An); tua Cây Xoài (xã Mỹ Phước); diệt trung đội địch ở tua Bù Chí (xã Thới Hòa); phục kích diệt bọn bình định ở chốt Ông Giáo, tua Cây Quéo... Nổi bật nhất là trận đánh đồn ngã tư Cây Me (xã Tân An), Đại đội 61 phối hợp với 2 cơ sở nội ứng trong đêm 07/02/1975, diệt gọn trung đội dân vệ, bắt sống 9 tên, thu 25 súng. Sau trận đánh đồn ngã tư Cây Me, địch rất hoang mang, bọn phòng vệ dân sự tan rã hoàn toàn. Trong khi đó, đồng bào rất phấn khởi, tin tưởng vào khả năng tiêu diệt địch trong công sự vững chắc ở vùng yếu.

Mặt khác, ngày 31/01/1975, đội du kích Hòa Lợi phối hợp với Đại đội công binh 506 của tỉnh tập kích cụm đóng quân của Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 2, Sư đoàn 5 bộ binh ngự nòng ra đóng chốt Gò Thơm bằng mìn ĐH10 và hỏa lực B40, diệt và làm bị thương 23 tên (trong đó có 1 thiếu tá, 1 đại úy), thu

8 súng AR15. Trận đánh đã khiến trung đội dân vệ đóng tua Suối Máng sợ hãi rút chạy.

Kết hợp với hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang, đồng bào các xã Lai Hưng, Mỹ Phước, Thới Hòa, Tân An, Tân Định, Tương Bình Hiệp liên tục đấu tranh với bọn tề xã, áp với khẩu hiệu đòi nghỉ gác, trả súng, đòi bồi thường nhân mạng, đòi tự do đi lại sản xuất, chống ký sổ (khi ra ngoài áp chiến lược), chống làm xâu đào hào... Tại xã Tân An, đồng bào đấu tranh giành cơ quyết liệt, đòi bồi thường tính mạng con em, buộc bọn tề phải xoa dịu và chấp nhận cho phòng vệ trả súng, không đi gác. Ở xã Lai Hưng, bọn tề xã ép buộc phòng vệ đi gác nhưng phòng vệ không mang súng. Thông qua cơ sở tuyên truyền, từ cuối tháng 01 đến cuối tháng 02/1975, cả huyện đã có 35 lính thuộc Sư đoàn 5 bộ binh ngụy bỏ ngũ.

Để thực hiện kế hoạch tác chiến đợt 2 (từ ngày 11/3 đến giữa tháng 4/1975) của tỉnh, Huyện ủy chủ trương rút một số du kích các xã, một số cán bộ, chiến sĩ các cơ quan dân, chính, đảng để thành lập 2 đại đội mới, đồng thời, tập trung vận động thanh niên tình nguyện vào du kích, tham gia lực lượng vũ trang. Đến đầu tháng 4/1975, huyện Nam Bến Cát đã có 3 đại đội được bổ sung.

Trên chiến trường của tỉnh, lực lượng vũ trang huyện Dầu Tiếng cùng bộ đội chủ lực Miền tấn công tiêu diệt địch ở Chi khu quân sự Dầu Tiếng, giải phóng hoàn toàn huyện Dầu Tiếng. Huyện Dầu Tiếng được hoàn toàn giải phóng, mở ra vùng giải phóng Dầu Tiếng - Bắc Bến Cát rộng lớn, là động lực cho Đảng bộ, quân và dân hai huyện Nam và Bắc Bến Cát đẩy mạnh tấn công địch.

Trong 20 ngày đầu tháng 3/1975, Huyện ủy Nam Bến Cát chỉ đạo lực lượng vũ trang phối hợp với du kích tấn công mạnh vào đối tượng kìm kẹp, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Tại Thới Hòa, một bộ phận Đại đội 61 phối hợp với

du kích Thối Hòa và cơ sở nội ứng áp chiến lược Bù Chí đánh diệt 2 tên áp trưởng và áp phó giữa ban ngày, làm cho bọn dân vệ, bảo an rất hoang mang.

Tại ba xã tây nam, liên đội du kích phối hợp với một bộ phận Đại đội 61, kết hợp pháo kích với bắn tỉa vào bọn địch đang đóng bót ngã ba Chú Lường, ngã tư Phú Thứ, loại khỏi vòng chiến đấu 46 tên.

Trước sự phát triển nhanh của chiến trường, ngày 02/4/1975, Ban Thường vụ Trung ương Cục chỉ thị cho các tỉnh ủy và lực lượng vũ trang toàn Miền: “Táo bạo, đánh các điểm then chốt, kể cả các tiểu khu, thị xã, khi có thời cơ” và “... Bằng tất cả khả năng sẵn có của địa phương mà mạnh dạn, táo bạo, phát động quần chúng nổi dậy, áp giải phóng ấp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh bằng lực lượng của bản thân phối hợp với chiến trường chung”.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng, chỉ thị của Trung ương Cục, ngày 02/4/1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thủ Dầu Một yêu cầu cấp ủy các địa phương: “Phải hết sức nhạy bén, linh hoạt, táo bạo, chủ động tiến công để phối hợp với chiến trường chung giành thắng lợi lớn... Chần chờ, do dự, rụt rè không dám tấn công quyết liệt, táo bạo lúc này là có tội với cách mạng”, “các huyện ủy, thị ủy, xã ủy và chi bộ phải mạnh dạn, táo bạo phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa bằng tất cả khả năng hiện có của mình để áp giải phóng ấp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện với lực lượng của bản thân... Các huyện, xã cần nắm, chỉ đạo chặt chẽ lực lượng vũ trang của mình; táo bạo đánh tua bót, kể cả một số mục tiêu then chốt, các chi khu, thị trấn, thị xã khi có thời cơ và thấy chắc ăn là phóng tay làm. Đồng thời phải gấp rút xây dựng lực lượng chính trị binh vận, chuyên môn và lực lượng lãnh đạo để đủ sức liên tục tiến công địch”. Cũng trong ngày 02/4/1975, Thường trực Tỉnh ủy ban hành Công văn số 21/CV-X chỉ đạo

việc tổ chức và lãnh đạo tấn công về binh vận nhằm tiếp tục đẩy nguy quân, nguy quyền vào thế suy sụp mới.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy Nam Bến Cát bố trí một số đồng chí Huyện ủy viên cùng Ban Chỉ huy Quân sự huyện kiểm tra lại tình hình chuẩn bị các mặt về vũ khí, trang bị, lương thực, thực phẩm...; động viên cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, lực lượng vũ trang sẵn sàng bước vào đợt hoạt động mới.

Từ ngày 14 đến ngày 16/4/1975, Tỉnh ủy mở Hội nghị cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo chủ chốt của tỉnh và bí thư các huyện, thị ủy để phổ biến nhiệm vụ trong chiến dịch tấn công và nổi dậy giải phóng tỉnh và nhiệm vụ phối hợp với các quân đoàn chủ lực trong chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Đồng chí Nguyễn Văn Luông - Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp giao nhiệm vụ cho các đồng chí lãnh đạo huyện ủy, thị ủy.

Trong chiến dịch tiến công và nổi dậy giải phóng tỉnh, Tỉnh ủy giao nhiệm vụ cho huyện Nam Bến Cát giải phóng thị trấn, cùng lực lượng chủ lực ngăn chặn địch ở căn cứ Lai Khê rút chạy, tiến tới bức hàng địch ở căn cứ Lai Khê. Tỉnh tăng cường đồng chí Nguyễn Hữu Ý - Tỉnh ủy viên, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy Tỉnh đội, trực tiếp cùng Huyện ủy thực hiện nhiệm vụ.

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy Miền, tỉnh điều động lực lượng của Bến Cát, Lái Thiêu, Châu Thành, Tân Uyên với 120 đồng chí, do đồng chí Huỳnh Tư - Tỉnh đội phó trực tiếp chỉ huy, làm nhiệm vụ dẫn đường cho Quân đoàn 1 hành quân chiến đấu trên chiến trường của tỉnh và tiến công các mục tiêu địch trong thành phố Sài Gòn. Với tinh thần “1 ngày bằng 20 năm”, mọi công tác chuẩn bị được tiến hành rất khẩn trương.

Sau khi kết thúc Hội nghị triển khai nhiệm vụ của Tỉnh ủy, đêm 17/4/1975, Huyện ủy Nam Bến Cát tiến hành Hội nghị

mở rộng đến cán bộ đầu ngành, phổ biến tinh thần Chỉ thị số 04-CT/TU của Tỉnh ủy và triển khai công tác tháng 4/1975. Đồng chí Đặng Thành Phương - Bí thư Huyện ủy giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị.

Cấp ủy chỉ bộ các xã triển khai nhiệm vụ sẵn sàng phối hợp hành động cho cấp ủy chỉ bộ mật. Các xã khu vực Quốc lộ 13 trong ngày 19/4 đã triển khai nhiệm vụ xong cho các chi bộ, chi đoàn bên trong các ấp chiến lược và số lộ bên ngoài. Huyện tiếp tục rút số công nhân viên cơ quan và du kích các xã Thới Hòa, Tân Định, Tân An, Tương Bình Hiệp để tăng cường lực lượng bổ sung cho Đại đội 61 làm nhiệm vụ cơ động.

Huyện ủy quyết định thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng Nam Bến Cát, gồm 7 đồng chí: đồng chí Đặng Thành Phương - Bí thư Huyện ủy làm Chủ tịch; đồng chí Huỳnh Văn Thu - Ủy viên Thường vụ, Huyện đội trưởng làm Phó Chủ tịch.

Để bảo đảm cho công tác tiếp quản thị trấn Bến Cát và căn cứ Lai Khê khi giải phóng, Huyện ủy chỉ định Ban tiếp quản (quân quản) gồm 11 đồng chí, do đồng chí Đặng Thành Phương - Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng làm Trưởng ban; đồng chí Nguyễn Văn Thanh - Huyện ủy viên, Huyện đội phó và đồng chí Lê Văn Nghi (Sáu Nghi) - Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban An ninh huyện làm Phó ban. Các cơ quan phục vụ bảo đảm thực hiện nhiệm vụ công tác tiếp quản được tổ chức thành 6 tiểu ban gồm: Tiểu ban dân vận, Tiểu ban thu chiến lợi phẩm, Tiểu ban truy lùng diệt ác ôn, Tiểu ban y tế - xã hội, Tiểu ban binh vận, Tiểu ban văn hóa.

Mười ngày trước khi bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh, tất cả các lực lượng của hai huyện Nam, Bắc Bến Cát đều được học tập, quán triệt Nghị quyết, Thư của Trung ương Cục miền Nam, Lời kêu gọi của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh. Cán bộ, đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang, du kích các xã cùng các cơ quan dân, chính, đảng của hai huyện

đều tin tưởng, phấn khởi bước vào nhiệm vụ mới, quyết tâm giành thắng lợi lớn nhất.

Để thực hiện mục tiêu chiến dịch, ngày 20/4/1975, Ban Chỉ đạo khởi nghĩa huyện Nam Bến Cát quyết định sử dụng lực lượng trên các khu vực cụ thể như sau:

Khu vực 1: Sử dụng một bộ phận Đại đội 61 (C61), do đồng chí Hoàng Trọng Lập - Đại đội trưởng và Năm Tân chỉ huy, phối hợp chi bộ, lực lượng du kích lộ, mật ba xã Tân Định, Thới Hòa, Mỹ Phước, có nhiệm vụ đánh địch, phát động quần chúng nổi dậy giải phóng ba xã, sau đó, tập trung tấn công địch đóng trong Chi khu quân sự Bến Cát, giải phóng thị trấn Bến Cát.

Khu vực 2: Sử dụng 1 trung đội thuộc Đại đội 61 (C61), 1 tiểu đội thuộc Đại đội 5 (C5) phối hợp với chi bộ, lực lượng du kích lộ, mật các xã Tân An, Tương Bình Hiệp do đồng chí Phạm Văn Vân - Đại đội phó, đồng chí Trần Trung An - Chính trị viên Đại đội C61 và đồng chí Huỳnh Văn Thu - Huyện đội trưởng chỉ huy, có nhiệm vụ tấn công địch, phát động quần chúng nổi dậy giải phóng hai xã Tân An, Tương Bình Hiệp.

Khu vực 3: Sử dụng lực lượng của huyện (C4 cũ), 1 trung đội thuộc Đại đội 5 (C5), cùng chi bộ và du kích ba xã tây nam do đồng chí Huỳnh Công Kháng (Sáu Kháng) - Huyện ủy viên, Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy cùng bí thư chi bộ ba xã tây nam trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy, có nhiệm vụ tấn công, vây đánh địch đóng chốt ngã ba Chú Lường, ngã tư Thùng Thợ, ngã tư Phú Thứ, phát động quần chúng nổi dậy giải phóng ba xã tây nam.

Khu vực 4: Sử dụng Đội biệt động huyện và du kích các xã Chánh Phú Hòa, Lai Hưng do đồng chí Tám Lù - Đội trưởng Đội biệt động chỉ huy, có nhiệm vụ tấn công địch, giải phóng Chánh Phú Hòa, Lai Hưng và quận lỵ.

Khu vực 5: Sử dụng Trung đội công an vũ trang, cùng

du kích vùng giải phóng xã Kiến An, Kiến Điền, do đồng chí Trương Văn Quyết - Ủy viên Thường vụ Bắc Bến Cát chỉ đạo, chỉ huy, có nhiệm vụ tấn công địch, phát động quần chúng nổi dậy giải phóng ấp chiến lược Kiến Điền.

Riêng căn cứ Lai Khê sẽ do lực lượng của huyện Bắc Bến Cát phối hợp lực lượng của trên tiến công đánh chiếm căn cứ.

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy, từ ngày 20/4/1975, Huyện ủy Nam Bến Cát đã điều chỉnh lực lượng, đưa 1 trung đội của Đại đội 2 và 6 đồng chí Xã đội trưởng các xã Tân Định, Thới Hòa, Mỹ Phước, Lai Hưng, Chánh Phú Hòa và Hòa Lợi, do đồng chí Nguyễn Hữu Tâm (Tư Tâm) - Đại đội trưởng Đại đội 2 chỉ huy, đồng chí Nguyễn Văn Hùng (Ba Hùng) - Chính trị viên phó Huyện đội trực tiếp chỉ đạo làm nhiệm vụ dẫn đường cho Trung đoàn tăng cường thuộc Sư đoàn 312 - Quân đoàn 1 làm nhiệm vụ chốt chặn nhiều tuyến trên địa bàn các xã Tân Định, Thới Hòa, Mỹ Phước, Chánh Phú Hòa và Hòa Lợi, phối hợp du kích các xã chặn đánh không cho lực lượng Sư đoàn 5 bộ binh đóng căn cứ Lai Khê rút chạy về Bình Dương và Sài Gòn, hỗ trợ lực lượng tại chỗ phát động quần chúng nổi dậy tiến công địch, giải phóng địa phương.

Trong vòng 1 tuần (từ ngày 20 đến ngày 26/4/1975), Ban Chỉ huy Huyện đội kiểm tra, đôn đốc công tác chuẩn bị, điều chỉnh lực lượng các khu vực và đưa lực lượng áp sát địa bàn, sẵn sàng đánh chiếm các mục tiêu.

Ngày 26/4/1975, mở đầu Chiến dịch Hồ Chí Minh, các lực lượng vũ trang tấn công vào các cơ quan đầu não của địch ở Sài Gòn. Trong khi đó, ở nhiều nơi khác trong vùng địch kiểm soát, quần chúng công khai vận động, kêu gọi binh sĩ trở về với nhân dân, với cách mạng.

Tại huyện Nam Bến Cát, đêm 27/4/1975, bộ đội địa phương phối hợp du kích ba xã tây nam vây ép, bao bó các đồn bót,

các chốt đóng quân của Tiểu đoàn 361 bảo an ở ngã ba Chú Lường, ngã tư Thùng Thơ, ngã tư Phú Thứ. Quân ta bao vây, dùng loa kêu gọi địch đầu hàng. 6 giờ sáng ngày 28/4/1975, toàn bộ quân địch đóng các vị trí ở ba xã tây nam bị ta tấn công. Địch hoảng loạn bỏ chạy. Ta truy kích, diệt 16 tên, thu trên 100 súng các loại và 4 tấn gạo. Tiểu đoàn 361 bảo an và toàn bộ bộ máy kìm kẹp của địch bị tiêu diệt và tan rã. Ba xã tây nam (An Điền, An Tây, Phú An) hoàn toàn giải phóng.

Tại Tân An, Tương Bình Hiệp, đêm 28 rạng ngày 29/4/1975, lực lượng vũ trang huyện vượt qua khu vực án ngữ của địch ở cầu Ông Cộ, luồn vào trong ấp, phối hợp du kích tấn công địch, phát động quần chúng nổi dậy. Một số gia đình binh sĩ cùng quần chúng là cơ sở đã tác động, hù dọa khiến địch bỏ chạy. Lực lượng huyện, xã tiếp quản toàn bộ cơ sở của địch. Chính quyền cách mạng hai xã Tân An, Tương Bình Hiệp nhanh chóng được thành lập và ra mắt đồng bào.

Cũng trong ngày 29/4/1975, trên quốc lộ 13, Đại đội 61 và du kích Mỹ Phước, Thới Hòa tấn công đồn Mỹ Thạnh (xã Mỹ Phước), dùng loa kêu gọi, địch đầu hàng 25 tên (có cả tên đồn trưởng). Khi địch ở đồn Mỹ Thạnh đầu hàng, quần chúng phấn khởi kéo đến bắt dân vệ (cách đồn Mỹ Thạnh gần 200m), vừa vận động, vừa hù dọa, khiến trung đội dân vệ (18 tên) đóng chốt bỏ chạy. Đảng viên mật ấp Mỹ Thạnh vận động thanh niên và cơ sở mật được 15 tân binh, lập đội tự vệ, trang bị vũ khí, bảo vệ địa phương ngay trong ngày 29/4/1975.

Tại xã Hòa Lợi, Chánh Phú Hòa, được sự hỗ trợ của Sư đoàn 312, du kích xã đã đánh chiếm trụ sở tề, giải phóng xã trong ngày 29/4/1975.

Sáng ngày 30/4/1975, lực lượng vũ trang huyện Nam Bến Cát phát động nhân dân nổi dậy đồng loạt đánh chiếm các mục tiêu trong thị trấn và các xã còn lại trên Quốc lộ 13. Cơ sở cách mạng trong thị trấn dẫn đường cho bộ đội đánh

chiếm chi khu cảnh sát, dinh Quận trưởng, bắt tên Quận trưởng, Quận phó. Trưa ngày 30/4/1975, ta hoàn toàn làm chủ thị trấn.

Đúng 16 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, ta chiếm lĩnh toàn bộ các căn cứ, cơ sở quân sự và dân sự của địch trong toàn huyện. Ban quân quản huyện phát động quần chúng gọi hàng và truy bắt toàn bộ địch trong thị trấn.

Đúng 19 giờ ngày 30/4/1975, tại Dinh Quận trưởng quận Bến Cát, Ban Chỉ đạo, chỉ huy chiến dịch, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện cùng Ban Chỉ huy Huyện đội Nam Bến Cát đã họp thống nhất chuyển giao nhiệm vụ cho Ban quân quản huyện làm nhiệm vụ quân quản, giải quyết các công tác trước mắt như ổn định đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn.

Phối hợp với quân và dân trong tỉnh cùng quân, dân toàn Miền, Đảng bộ hai huyện Nam, Bắc Bến Cát đã lãnh đạo quân và dân trong huyện tham gia Chiến dịch mùa khô 1974 - 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã đánh chiếm toàn bộ các căn cứ quân sự, diệt và bắt sống, làm tan rã hoàn toàn lực lượng ngụy quân, đập tan bộ máy ngụy quyền từ huyện đến xã, ấp, giành chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của Đảng bộ, quân và dân huyện Nam, Bắc Bến Cát trong đánh địch lần chiếm, đánh phá bình định từ sau khi Hiệp định Pari ký kết, nhất là trong Chiến dịch mùa khô 1974 - 1975 đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, là thắng lợi của sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy; của tinh thần quyết chiến, quyết thắng, chủ động, tích cực tiến công địch với quyết tâm cao nhất của từng cấp ủy chi bộ, đảng bộ, cơ quan, đơn vị, của toàn thể đảng viên, đoàn viên, cán bộ, chiến sĩ cả phía trước và phía sau.

Trong quá trình hoạt động tác chiến, Đảng bộ hai huyện đã tập trung giải quyết những biểu hiện của tư tưởng ngại

hy sinh, gian khổ ở một số cán bộ, chiến sĩ, tư tưởng sợ chiến tranh kéo dài của đồng bào; xây dựng tinh thần sẵn sàng khắc phục khó khăn, tự lực, tự cường, liên tục tiến công địch, hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu mà Chiến dịch đề ra.

Trong Chiến dịch mùa khô năm 1974 - 1975, Đảng bộ hai huyện luôn quán triệt tư tưởng tiến công, tin tưởng ở quần chúng trong kết hợp ba mũi giáp công; vận dụng linh hoạt, kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động tác chiến với đấu tranh chính trị và công tác binh vận bằng lực lượng tại chỗ trong từng mục tiêu (đánh đồn, bót), từng đợt hoạt động. Hai huyện đã xây dựng và sử dụng tốt các cơ sở nội tuyến trong đánh đồn, bót, diệt tề điệp, ác ôn, tranh thủ bọn lưng chừng để cô lập địch, chọn đúng đối tượng ác ôn ngoan cố tiêu diệt, như trong trận Bù Chí, Thới Hòa. Đồng thời, hai huyện cũng tích cực vận động quần chúng trong ấp chiến lược, nhất là gia đình binh sĩ, sử dụng pháp lý của Hiệp định Pari làm vũ khí sắc bén để đấu tranh chống bắt lính, đôn quân, chống vào phòng vệ dân sự, đòi quyền dân sinh, dân chủ...

Trong sử dụng lực lượng vũ trang hoạt động tác chiến, Đảng bộ hai huyện đã vận dụng linh hoạt giữa tập trung và phân tán, từng lúc đưa bộ đội tập trung ở huyện xuống địa bàn trọng điểm làm nòng cốt phối hợp với du kích (lộ, mật) diệt ác, phá kìm; khi cần thì tập trung lực lượng đánh tiêu diệt (như trận Tân An, Thới Hòa...) góp phần thúc đẩy mọi mặt phong trào phát triển.

Điểm nổi bật của Bến Cát trong Chiến dịch mùa khô 1974 - 1975 là đã tích cực xây dựng và phát triển thực lực trong suốt quá trình chiến dịch; mạnh dạn mở lớp học tập, giáo dục số phòng vệ dân sự tan rã, lính đào ngũ; động viên lực lượng từ cơ quan, du kích bổ sung kịp thời cho các đơn vị chiến đấu. Các xã Tân An, Tương Bình Hiệp, Thới Hòa... phát triển nhiều đảng viên, đoàn viên, cơ sở quần chúng, đặc biệt

là xã Thới Hòa, chỉ trong 1 tháng đã phát triển được 15 du kích mật, hoạt động tốt. Lực lượng huyện được tăng cường, phát triển thành 3 đại đội. Các cơ quan, đơn vị và nhân dân vùng giải phóng Bắc Bến Cát không ngừng xây dựng, củng cố và phát huy vai trò hậu phương trực tiếp, tiếp sức cho Đảng bộ, quân và dân Nam Bến Cát đẩy mạnh cuộc tấn công, giải phóng hoàn toàn vùng đất Bến Cát, cùng quân, dân trong tỉnh đóng góp xứng đáng vào thắng lợi trọn vẹn của dân tộc trong ngày 30/4/1975, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Bến Cát là một địa bàn có ý nghĩa chiến lược trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là vùng căn cứ của quân và dân trong tỉnh đồng thời cũng là nơi trú đóng của nhiều cơ quan lãnh đạo cách mạng ở miền Đông Nam Bộ và các đơn vị chủ lực kháng chiến. Mặc dù bị địch dùng nhiều thủ đoạn để chia cắt địa bàn, kiểm soát gắt gao mọi hoạt động của quần chúng, song trong bất cứ hoàn cảnh nào, đảng viên và quần chúng nhân dân Bến Cát đều thấm nhuần chân lý: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”.

Từ năm 1954 đến năm 1975, phải đối mặt với 4 chiến lược chiến tranh mà Mỹ - ngụy gây ra, dù phong trào cách mạng của Bến Cát từ khi đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ đến từng bước xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng (1961 - 1965) và phát triển mạnh mẽ như những năm 1965 - 1967 rồi gặp khó khăn, tổn thất lớn trong giai đoạn 1968 - 1969, nhưng Đảng bộ huyện Bến Cát luôn thực hiện phương châm ba bám: “cán bộ bám dân; dân bám đất, bám làng; du kích bám địch” để lãnh đạo quần chúng nhân dân đến thắng lợi cuối cùng.

Ngoài ra, thắng lợi của Bến Cát trong giai đoạn 1954 - 1975 có vai trò rất quan trọng của quần chúng nhân dân. Với một niềm tin sắt son vào vai trò lãnh đạo của Đảng, nhân dân

Bến Cát có ý thức giác ngộ, có tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để, luôn anh dũng đi đầu trong các phong trào cách mạng. Là nơi phong trào đấu tranh chính trị nổ ra sớm hơn các nơi khác trong tỉnh, Bến Cát đã thành lập lực lượng vũ trang sớm, và cũng là nơi đầu tiên của tỉnh và cả miền Đông Nam Bộ tiêu diệt gọn cấp đại đội của địch trong áp chiến lược. Mảnh đất anh hùng đã sinh ra và nuôi dưỡng những người con anh hùng, rất nhiều đồng chí quê ở Bến Cát đã trưởng thành từ phong trào cách mạng, rồi sau đó nắm giữ những vị trí quan trọng của tỉnh; nhiều đồng chí chiến đấu dũng cảm kiên quyết bảo vệ từng tấc đất quê hương và được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam như liệt sĩ Nguyễn Văn Thành (tức Bưởi - hy sinh 1968), liệt sĩ Nguyễn Văn Chê hay các đồng chí hoạt động trong các đơn vị chủ lực như đồng chí Nguyễn Văn Thâm (Xướng), đồng chí Đoàn Văn Thái, đồng chí Nguyễn Văn Song...

Có thể thấy, sức mạnh của cuộc kháng chiến chống Mỹ ở Bến Cát nói riêng và nhân dân cả nước nói chung là sức mạnh tổng hợp toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, chiến đấu cho một lý tưởng cao cả là độc lập - tự do. Trong suốt quá trình vừa chiến đấu, vừa xây dựng lực lượng và căn cứ cách mạng, Đảng bộ huyện Bến Cát luôn phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân để cùng cả nước làm nên đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Chương 3

BẾN CÁT KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ỔN ĐỊNH CUỘC SỐNG, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT (4/1975 - 1986)

**I- XÂY DỰNG, Củng cố hệ thống chính quyền
CÁCH MẠNG SAU GIẢI PHÓNG, TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT,
TỪNG BƯỚC ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1975 - 1977)**

1. Xây dựng, củng cố hệ thống chính quyền cách mạng

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 thắng lợi đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhân dân Bến Cát cùng nhân dân tỉnh Thủ Dầu Một và nhân dân cả nước bước vào giai đoạn cách mạng mới.

Tại thị trấn Mỹ Phước của huyện Nam Bến Cát, 17 giờ ngày 30/4/1975, đồng chí Nguyễn Hữu Ý - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, chủ trì cuộc họp Huyện ủy để triển khai các nhiệm vụ trọng tâm gồm giáo dục cán bộ, đảng viên ra sức thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, cùng Ban Quân quản¹ tiếp quản, xây

1. Khi chưa thành lập chính quyền, Ban Quân quản huyện là tổ chức thay chính quyền quản lý xã hội được Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chỉ đạo thành lập từ tháng 3/1975. Phần lớn nhân sự được rút từ Huyện đội.

Ban Quân quản huyện Nam Bến Cát do đồng chí Đặng Thành Phương - nguyên Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban; đồng chí Nguyễn Văn Thanh - Huyện ủy viên, Huyện đội phó làm Phó Trưởng ban; đồng chí Nguyễn Văn Lục - Huyện ủy viên, Phó ban An ninh làm Phó Trưởng ban.

dựng chính quyền, đoàn thể cách mạng, truy quét, cải tạo tàn quân chế độ cũ, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, từng bước ổn định đời sống nhân dân.

Ban Quân quản đã cùng các đồng chí lãnh đạo sắp xếp, bố trí cán bộ quân sự cùng lực lượng công an từ huyện đến các xã bảo vệ tốt trật tự trị an; tổ chức cho các lực lượng thuộc chính quyền cũ học tập chủ trương của Đảng và Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, giúp họ an tâm, xóa bỏ mặc cảm, ra sức lao động ổn định cuộc sống bản thân, gia đình, góp phần xây dựng đất nước.

Trong tháng 5/1975, các đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân được hình thành ở khắp các xã trong huyện. Trong chiến tranh, ta đã xây dựng cơ sở Mặt trận, binh vận, du kích mật, nay cán bộ quân quản của huyện dựa vào các tổ chức này để chọn cán bộ Mặt trận đưa lên đảm nhiệm công tác quản lý chính quyền cơ sở. Đây là những cán bộ được dân tin nhiệm nên chính quyền cơ sở được thành lập ở các xã trong huyện đều nhận được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân.

Lực lượng an ninh huyện Nam Bến Cát¹ trước tình hình quân số ít, cơ sở vật chất trang bị thiếu thốn, đã nhanh chóng tuyển dụng thêm tân binh, cấp tốc đào tạo nghiệp vụ để kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Khi tỉnh Thủ Dầu Một giải phóng, tại Bến Cát có hàng ngàn sĩ quan, binh lính chế độ cũ cùng các đối tượng là tàn dư tệ nạn của chế độ cũ lẫn trốn trong nhân dân, có thể gây bất ổn về an ninh và trật tự xã hội.

Ban Quân quản huyện Bắc Bến Cát do đồng chí Trần Nam Văn - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy làm Trưởng ban; đồng chí Trần Văn Ân - Huyện ủy viên, Huyện Đội phó làm Phó Trưởng ban; đồng chí Nguyễn Văn Ấp - Phó ban An ninh, ủy viên và đồng chí Nguyễn Trọng Hiền - Huyện ủy viên làm Ủy viên phụ trách y tế.

1. Đồng chí Nguyễn Văn Nghi - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy làm Trưởng ban; đồng chí Nguyễn Văn Lục - Huyện ủy viên làm Phó ban.

Vì vậy, công an huyện đã phát động phong trào tự quản trong nhân dân, giáo dục ý thức phòng gian bảo mật cho nhân dân; đồng thời, dùng các biện pháp nghiệp vụ để khám phá các tổ chức phản động. Công an huyện đã giải về trên xử lý và tổ chức cải tạo tại chỗ trên 10.000 sĩ quan và binh lính của chính quyền cũ.

Ban Chỉ huy Quân sự huyện Nam Bến Cát¹ và các đơn vị trực thuộc gồm 3 đại đội (Đại đội 1, Đại đội 2, Đại đội 3) được xây dựng từ Đại đội 61 được điều động phân công kết hợp với lực lượng công an để bảo vệ trật tự trị an trên địa bàn huyện.

Cuối năm 1975, tỉnh điều Đại đội 2 sang Long Khánh tập huấn nghiệp vụ, sau đó, đơn vị chuyển sang ngành công an và được điều về quản lý trại giam của tỉnh ở Nhà Đỏ. Đại đội 5 (đội nữ vũ trang) được chuyển qua các ngành dân sự và phục viên theo nguyện vọng. Còn lại Đại đội 1 được phân thành 3 trung đội, làm nòng cốt kết hợp với du kích các xã và anh em binh lính chế độ cũ biết nghề công binh để lập ra 3 đội công binh tổ chức huấn luyện làm nhiệm vụ tháo gỡ bom, mìn cho nhân dân khai hoang, phục hóa đất đai.

Sau giai đoạn quân quản, tháng 7/1975, chính quyền huyện được thành lập². Nhờ dựa vào cơ sở cách mạng và nhân dân nên chính quyền đã nhanh chóng tiếp quản và tổ chức quản lý xã hội từ huyện đến cơ sở.

1. Gồm đồng chí Huỳnh Văn Thu - Huyện đội trưởng, đồng chí Đặng Thành Phương - Chính trị viên trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Hùng - Chính trị viên phó, đồng chí Nguyễn Văn Thanh - Huyện đội phó, đồng chí Nguyễn Tấn Hòa - Huyện đội phó.

2. Đồng chí Huỳnh Văn Thu - Huyện đội trưởng huyện Nam Bến Cát làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng huyện Nam Bến Cát; sau đó, đồng chí được cử đi học, đồng chí Nguyễn Văn Không thay làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng huyện Nam Bến Cát; đồng chí Ngô Văn Rô (Ngô Văn Tâm) làm Phó Chủ tịch.

Tháng 8/1975, Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Xây dựng vùng kinh tế mới tại hai huyện Nam Bến Cát và Bắc Bến Cát¹. Sau khi thành lập, Ban Xây dựng vùng kinh tế mới hai huyện Nam Bến Cát và Bắc Bến Cát đồng loạt triển khai kế hoạch xây dựng các xã kinh tế mới. Nam Bến Cát lấy ấp Bến Tượng (thuộc xã Lai Hưng) làm điểm xây dựng đầu tiên, sau đó là Bàu Bàng, Cây Trường II... Bắc Bến Cát xây dựng xã Long Hòa, tiếp theo là Long Tân, Long Chiêu... Các xã Tân Hưng, Hưng Hòa, Tân Long do huyện Phú Giáo thành lập và bàn giao cho huyện Bến Cát vào cuối năm. Mỗi xã kinh tế mới có diện tích khoảng 2.000ha, tiếp nhận khoảng 5.000 dân. Trong thời gian ngắn (từ tháng 8/1975 đến cuối năm 1976), huyện Bến Cát đã tiếp nhận khoảng 40.000 dân, thành lập 7 xã kinh tế mới gồm Bến Tượng, Bàu Bàng, Cây Trường, Long Hòa, Long Tân, Long Chiêu và Long Bình (đa số các xã này hiện nay thuộc huyện Bàu Bàng). Đến cuối năm 1976, huyện Bến Cát có 10 xã kinh tế mới.

Nguồn kinh phí xây dựng vùng kinh tế mới do Trung ương cấp. Ban Xây dựng vùng kinh tế mới của tỉnh nhận về giao lại cho huyện để thực hiện các công việc như: tháo gỡ bom, mìn, khai hoang làm nhà, cấp đất, phân phát tiền sinh hoạt, lương thực, hàng tiêu dùng cho nhân dân (với định mức mỗi gia đình 5 nhân khẩu cấp 1 nhà bằng gỗ vách đất, mái lợp tôn hoặc tranh, 1.500m² đất nhà ở và 1ha đất sản xuất, nếu gia đình dưới 5 nhân khẩu thì cấp từ 3.000m² đến 5.000m², tiền ăn được cấp hàng tháng 150 đồng/người, 13kg gạo và các mặt hàng tiêu dùng cần thiết như bột ngọt, muối, đường, dầu hôi, xà bông cục. Mỗi tháng được xem phim 2 lần do đội chiếu

1. Ban Xây dựng vùng kinh tế mới Nam Bến Cát do đồng chí Nguyễn Văn Lục - Huyện ủy viên huyện Nam Bến Cát làm Trưởng ban, đồng chí Huỳnh Công Kháng làm Phó ban. Ban Xây dựng vùng kinh tế mới Bắc Bến Cát do đồng chí Trần Nam Văn - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Bắc Bến Cát làm Trưởng ban.

phim của Ty Văn hóa - Thông tin tỉnh phục vụ. Ngoài các tiêu chuẩn được Nhà nước cấp, thỉnh thoảng các quận ở Thành phố Hồ Chí Minh có dân đi lập nghiệp đến thăm, tặng quà (mừng, mên, đường, bột ngọt, nước chấm...).

Khi mới giải phóng, địa bàn huyện Bến Cát và huyện Dầu Tiếng ngày nay có 3 đơn vị cấp huyện là Nam Bến Cát, Bắc Bến Cát và Dầu Tiếng, thuộc tỉnh Thủ Dầu Một. Tháng 10/1975, Tỉnh ủy quyết định hợp nhất hai huyện Nam Bến Cát và Bắc Bến Cát thành huyện Bến Cát. Đến tháng 10/1976, hai huyện Bến Cát và Dầu Tiếng sáp nhập thành huyện Bến Cát. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện mới sắp xếp lại có 27 đồng chí (trong đó có 5 đồng chí ủy viên dự khuyết), Ban Thường vụ có 9 đồng chí, Bí thư Huyện ủy là đồng chí Nguyễn Hữu Ý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện là đồng chí Trương Văn Cao. Tổ chức chi bộ cơ sở ở các ngành trước đó ghép từ 2 đến 3 cơ quan thành một chi bộ, sau hợp nhất huyện thành lập chi bộ theo nhiệm vụ chính trị từng cơ quan. Đến tháng 5/1977, Bến Cát có 22 chi bộ (cả hệ quân sự, công an, chính quyền và đoàn thể).

Ở các xã cũ, trong chiến tranh, hầu hết là đảng viên sinh hoạt đơn lẻ. Sau khi giải phóng, huyện phát triển thêm đảng viên để thành lập chi bộ. Đến tháng 5/1977, toàn Đảng bộ huyện có 18 chi bộ ở 22 xã, còn 5 xã chưa thành lập chi bộ (Long Tân, Long Chiêu, Long Bình, Bến Tượng, Cây Trường II). Trong 2 năm, Đảng bộ đã phát triển được 64 đảng viên mới.

Đầu năm 1977, tổ chức quân sự, công an, chính quyền và các đoàn thể cơ bản được hình thành và củng cố. Các ngành kinh tế - tài chính được tách ra và bổ sung để thành lập các đơn vị như: Phòng Kế hoạch - Công nghiệp, Tòa án, Viện Kiểm sát, thủy lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp, vật tư, thương binh - xã hội, trường mầm non. Ngành phát triển nhanh và nhiều nhất là lực lượng công an, tăng lên hơn 100 người.

2. Tổ chức lại sản xuất, từng bước ổn định đời sống nhân dân

Từ tháng 5/1975, nhân dân Bến Cát trong các ấp chiến lược và trại tập trung của chế độ cũ đã khẩn trương sắp xếp, thu dọn nhà cửa về xóm cũ. Nhân dân rất yên tâm, tin tưởng khi biết Huyện đội đã cử các tổ, đội công binh về xã, ấp tháo gỡ bom, mìn kịp thời giúp dân dọn đất cấy lúa, trồng khoai... để chống đói trước mắt.

Cùng với công tác khẩn trương ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội, Đảng bộ huyện còn tập trung vào sản xuất nông nghiệp. Ngoài việc chỉ đạo công binh huyện thành lập các tổ, đội công binh, huyện còn đề nghị lực lượng công binh Sư đoàn 312 hỗ trợ tháo gỡ bom, mìn, đạn khắp nơi để nhân dân khai vỡ đất hoang, phát triển sản xuất. Chỉ trong thời gian ngắn (từ tháng 5/1975 đến cuối năm 1977), huyện đã giải phóng được hàng ngàn héc-ta ruộng hoang. Được Đảng bộ và chính quyền tập trung chỉ đạo, lãnh đạo cùng với sự cố gắng vươn lên của nhân dân, vụ mùa năm 1975 toàn huyện phục hóa hơn 1.203ha ruộng, 70ha lúa rẫy, 700ha đất trồng hoa màu. Hai năm 1976 - 1977, huyện phát triển được 6.709ha ruộng, 3.000ha rẫy, 9.000ha đất trồng hoa màu. Dù huyện đã có nhiều cố gắng trong việc phá, gỡ bom, mìn, giải phóng đất đai, nhưng do trong đất còn sót lại nhiều loại vũ khí nên vẫn gây thiệt hại về người và của (làm chết và bị thương 380 người dân, hàng trăm chiến sĩ công binh của huyện và Sư đoàn 312 chi viện, cùng nhiều trâu, bò).

Song song với việc phá gỡ bom, đạn, khai hoang, phục hóa, huyện còn phát động phong trào làm thủy lợi ở hầu hết các xã. Khí thế thi đua lao động sản xuất, làm thủy lợi diễn ra sôi nổi ở khắp nơi. Trong hai năm 1976 - 1977, các xã trong huyện đã tổ chức đào được 82.606m³ kênh mương, đắp đập với

176.261 công; lập ba trạm bơm điện ở An Tây, đình Bến Liễn, An Điền; xây đập thủy lợi Ông Khương (Mỹ Phước). Nhờ đó, diện tích lúa mùa, vụ đông - xuân và hè - thu tăng lên nhiều. Tổng sản lượng lúa, mì đạt 32.774 tấn, màu đạt 24.000 tấn; sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt 400kg/năm. Huyện Bến Cát cơ bản đã khắc phục được nạn đói sau chiến tranh.

Các ngành nông nghiệp, vật tư, ngân hàng đã kịp thời cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu, xăng, dầu, giải quyết vốn cho vay để phục vụ và động viên nhân dân phát triển sản xuất.

Về chăn nuôi, huyện bước đầu tổ chức chăn nuôi ở các cơ sở quốc doanh do Nhà nước đầu tư vốn, đồng thời, khuyến khích chăn nuôi ở gia đình. Hầu hết gia đình đều nuôi heo, gà, vịt... Đàn trâu, bò cũng được khuyến khích phát triển để tăng sức kéo cho nhà nông với trên 6.000 con trâu và 4.000 con bò. Do nhân dân vùng kinh tế mới chưa quen với lao động sản xuất nông nghiệp nên huyện đã điều động nhân dân vùng kinh tế cũ hướng dẫn cách gieo trồng các loại khoai mì, khoai lang, đậu, cách chăm sóc các loại cây trồng để phát triển sản xuất và tăng sản lượng sản phẩm nông nghiệp.

Trong chiến tranh, toàn huyện không có cơ sở công nghiệp sản xuất chế biến ngoài một vài nhà máy xay lúa. Viện Nghiên cứu cao su đóng ở Lai Khê đã dời đi từ năm 1965, nay chỉ còn một số vườn cao su đã già cỗi. Huyện tổ chức chăm sóc, đưa vào khai thác lại vườn trồng thí nghiệm của Viện Nghiên cứu cao su; khôi phục và phát triển 20 nhà máy xay lúa, trong đó có 2 nhà máy quốc doanh của lương thực huyện, 2 lò gạch quốc doanh, 1 trại mộc công tư hợp doanh. Huyện cũng tiếp nhận nhà máy xẻ gỗ tỉnh giao ở Thị Tính đưa vào sửa chữa, hoạt động lại, xẻ gỗ phục vụ xây dựng cơ bản cho huyện và làm nhà cho nhân dân. Tư nhân huyện đã thành lập 35 lò rèn ở khắp các xã để sản xuất nông cụ cầm tay như rựa, liềm, cuốc... cho nhân dân. Ngoài ra, huyện còn có một số người biết đóng xe,

ghe, cối xay lúa, đan đệm, thúng, nia... góp phần làm ra sản phẩm phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

Ngành lương thực từ việc làm nhiệm vụ cung cấp cho nội bộ trong chiến tranh nay trở thành cơ quan thu mua, phân phối phục vụ cho nhân dân. Trong hai năm 1976 - 1977, ngành thu mua huyện đã đưa về và điều hòa phân phối cho nhân dân được 701.341kg lúa gạo, góp phần chống đầu cơ tích trữ, ổn định thị trường và đời sống nhân dân.

Cùng với nông nghiệp, thương nghiệp cũng phát triển khá nhanh. Hệ thống thương nghiệp được tổ chức từ huyện đến các xã với 27 cửa hàng và 2 hợp tác xã mua bán, đã cung cấp được một số mặt hàng thiết yếu góp phần ổn định đời sống nhân dân và cán bộ, chiến sĩ. Từ tháng 5/1975 đến tháng 4/1977, ngành thương nghiệp đã nhận và phân phối được 1.600 tấn nhu yếu phẩm các loại cho các xã trong huyện. Tuy nguồn hàng ít nhưng thương nghiệp huyện đã có nhiều cố gắng để đáp ứng nhu cầu các mặt hàng thiết yếu cho cán bộ và nhân dân.

Từ sau ngày giải phóng đến năm 1977, nguồn thu ngân sách của huyện chủ yếu từ nông nghiệp, giao thông - vận tải. Tuy nhiên, nguồn thu chưa ổn định, nguồn chi chưa bảo đảm theo yêu cầu nhiệm vụ.

Ngành vật tư mặc dù cán bộ ít, chưa qua đào tạo nghiệp vụ, năng lực còn yếu, nhưng vẫn cố gắng khắc phục khó khăn về phương tiện; đã nhận hàng triệu lít xăng, dầu và chất đốt phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân, việc phân phối có nhiều tiến bộ.

Về giao thông - vận tải, trong những năm 1975 - 1977, huyện đã sửa chữa được 54km đường làng, 6 cầu và 30 cống để đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân.

Được sự hỗ trợ của tỉnh, huyện đã từng bước sửa chữa và xây dựng mới nhà, kho, sửa trụ sở làm việc. Tuy còn nhiều thiếu thốn, chật hẹp, nhưng cơ sở vật chất đã tương đối ổn định.

Ngành bưu điện chuyển từ phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo trong thời chiến sang công tác phục vụ thông tin liên lạc cho nhân dân. Tuy gặp khó khăn bước đầu trong chuyển hướng công tác, phương tiện kỹ thuật còn thiếu, nghiệp vụ chuyên môn còn yếu, nhưng ngành đã có nhiều cố gắng, bảo đảm chuyển giao kịp thời và đầy đủ các loại công văn, bưu phẩm cho các cơ quan, đơn vị từ huyện đến xã, đồng thời chuyển tải thư, điện tín đáp ứng nhu cầu thông tin, liên lạc của nhân dân.

Dù rất bận rộn, lãnh đạo huyện vẫn luôn quan tâm chỉ đạo các xã khắc phục khó khăn, huy động nhân dân góp công sức, vật liệu để dựng được 194 phòng học bằng tranh, tre tạm thời, đáp ứng công tác dạy và học. Bên cạnh khôi phục lại các trường, lớp ở những nơi đã có, huyện còn gây dựng được một số trường, lớp ở nơi chưa có như vùng giải phóng cũ, vùng kinh tế mới. Hai năm sau giải phóng, thành tựu đạt được trong công tác giáo dục bước đầu là rất khả quan. Đến năm học 1976 - 1977, toàn huyện có 24 trường, 569 lớp với 20.029 học sinh ở các cấp học, ngành học. Trong đó, mẫu giáo có 41 lớp với 1.512 học sinh; cấp I có 492 lớp với 16.993 học sinh; cấp II có 32 lớp với 1.514 học sinh; cấp III có 4 lớp với 112 học sinh. Tổng số học sinh phổ thông toàn huyện là 18.623 học sinh. Phong trào xóa mù chữ và học bổ túc văn hóa cũng diễn ra sôi nổi. Toàn huyện có 100 lớp học bổ túc văn hóa với 1.738 học viên, 13 lớp cơ quan với 135 học viên; huyện đã xóa mù chữ được 11 xã với 1.500 người, đạt tỷ lệ 90%. Huyện tiếp nhận 720 giáo viên cũ và do cấp trên chỉ viện để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên gay gắt. Tuy nhiên, trường, lớp của huyện còn đơn giản, thiếu nhiều bàn ghế, nhất là các trường ở vùng giải phóng cũ.

Hệ thống tổ chức của ngành thông tin - văn hóa được hình thành từ huyện đến xã, ấp, hoạt động tuyên truyền chống văn hóa đồi trụy, phản động của chế độ cũ, phổ biến chủ trương, đường lối của cách mạng đến với nhân dân được thực hiện tương đối tốt.

Ngành y tế huyện tiếp nhận từ Chi y tế cũ 15 giường và 4 nhân viên tình nguyện ở lại làm việc cùng 16 quân dân y đến tiếp quản. Năm 1976, huyện mở lớp cấp tốc đào tạo y tá với 60 học viên; từ đó phân bổ và hình thành mạng lưới y tế từ huyện đến trạm xá xã (mỗi trạm xá có 1 - 2 y tá), thực hiện hai nhiệm vụ quan trọng là cấp cứu chấn thương và phòng chống dịch bệnh. Trong hai năm, huyện đã thực hiện tốt công tác sơ cứu, điều trị bệnh cho nhân dân, triển khai được công tác y tế dự phòng. Cụ thể, huyện đã thực hiện cấp cứu chấn thương do bom mìn nổ cho hàng ngàn trường hợp, sơ cấp cứu chuyển về tỉnh điều trị 649 ca, hộ sản 1.395 ca, cho 64.607 lượt người uống thuốc phòng bệnh sốt rét. Khi sáp nhập vào huyện Bến Cát, Dầu Tiếng bổ sung 18 cán bộ, hình thành ban lãnh đạo ngành y tế, gồm 1 bác sĩ là Trưởng ban và 3 y sĩ làm Phó ban.

Thực hiện nhiệm vụ đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc gia đình liệt sĩ, thương binh, cấp ủy huyện và xã đã chỉ đạo tiến hành làm giấy báo tin, báo tử cho 200 gia đình liệt sĩ, cấp bằng Tổ quốc ghi công cho 147 liệt sĩ, cấp tiền tuất cho 539 gia đình liệt sĩ, làm giấy chứng nhận cho 365 gia đình liệt sĩ. Huyện xây dựng 2 nghĩa trang liệt sĩ ở Bến Cát và Dầu Tiếng và quy tập 240 hài cốt liệt sĩ về an táng. Ngoài ra, huyện còn chỉ đạo ngành chức năng và các đoàn thể tổ chức cứu đói, cứu bệnh cho 1.007 gia đình với tổng số tiền 14.841 đồng, 12.180kg gạo. Tuy Đảng bộ huyện đã có nhiều cố gắng nhưng do công tác còn mới, số gia đình diện chính sách nhiều, nên việc giải quyết chính sách ở một số địa phương trong huyện còn chậm; gia đình liệt sĩ, cán bộ già yếu, neo đơn ở một số xã chưa được chăm lo tốt. Việc tìm kiếm hài cốt liệt sĩ còn phải tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

Để bảo đảm sự lãnh đạo xuyên suốt của Đảng, huyện đã điều động nhiều đảng viên từ các xã kinh tế cũ đến các xã kinh tế mới. Nhờ đó, quá trình giải quyết công việc được thuận lợi hơn.

Từ tháng 5/1975 đến tháng 5/1977, việc khôi phục và phát triển kinh tế của huyện đạt kết quả tương đối khả quan. Song, việc vận động nhân dân đoàn kết, giúp đỡ nhau trong cuộc sống ở một số xã còn gặp khó khăn. Nguyên nhân là do nhân dân còn tranh chấp ruộng đất, việc đưa dân đi lập các xã kinh tế mới được thực hiện ào ạt, chưa có sự chuẩn bị nên trong quá trình tổ chức cuộc sống, hướng dẫn lao động sản xuất chưa chu đáo.

Những thắng lợi trong hai năm đầu xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng là rất lớn. Những kết quả đạt được từ công tác cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tốt an ninh chính trị, khôi phục sản xuất và bước đầu phát triển được kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh đã đem lại sự phấn khởi, tin tưởng trong các tầng lớp nhân dân. Qua các phong trào thi đua lao động, công tác đã xuất hiện nhiều nhân tố mới, tích cực trong cán bộ, nhân viên các ngành và trong quần chúng. Ý thức làm chủ tập thể của nhân dân qua việc tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp cũng được thể hiện rõ rệt. Trên nền tảng những thắng lợi đó, rút kinh nghiệm và khắc phục những khuyết điểm, hạn chế, Đảng bộ, quân và dân Bến Cát không ngừng phấn đấu, vươn lên giành những thắng lợi mới.

II- TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CÁCH MẠNG, GIỮ VỮNG TRẬT TỰ TRỊ AN, GÓP PHẦN BẢO VỆ BIÊN GIỚI TÂY NAM, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1977 - 1980)

1. Tăng cường công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể cách mạng

Hai năm sau giải phóng, khí thế cách mạng, phong trào thi đua lao động, sản xuất vẫn diễn ra sôi nổi, tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội của huyện bước đầu đi vào ổn định. Mặc dù còn nhiều khó khăn trước mắt nhưng nhân dân

Bến Cát luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, hăng hái thi đua lao động, khôi phục, phát triển sản xuất để chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp.

Từ ngày 11 đến ngày 13/4/1977, Đảng bộ huyện Bến Cát tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ I, nhiệm kỳ 1977 - 1979. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 28 đồng chí (có 1 ủy viên dự khuyết). Đồng chí Nguyễn Hữu Ý - Tỉnh ủy viên được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Không làm Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Trương Văn Cao làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Đại hội đánh giá cao thành quả lãnh đạo của Đảng bộ huyện sau hai năm huyện được giải phóng, đặc biệt là những kết quả bước đầu trong công cuộc khai hoang, phục hóa, hàn gắn vết thương chiến tranh, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, ổn định cuộc sống nhân dân, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội.

Căn cứ vào mục tiêu kế hoạch 5 năm của Đảng, 2 năm của Đảng bộ tỉnh Sông Bé¹ và đặc điểm tình hình của huyện Bến Cát, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ I đề ra nhiệm vụ trong xây dựng Đảng, quốc phòng - an ninh là: Tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo toàn diện của cấp ủy Đảng, phát huy truyền thống cách mạng, vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tăng cường kiện toàn cơ cấu tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, quần chúng; nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế, văn hóa - xã hội; phát động phong trào lao động sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện cần kiệm xây dựng đất nước, lấy sản xuất nông nghiệp làm trung tâm, chủ yếu là sản xuất lương thực, phấn đấu tăng năng suất, ngoài thực hiện nghĩa vụ 11.650 tấn lương thực cho Nhà nước, còn lại để phục vụ cho cuộc sống của nhân dân và tích lũy. Cụ thể, phấn đấu lương thực bình quân

1. Tháng 7/1976, tỉnh Sông Bé được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai tỉnh Thủ Dầu Một, Bình Phước và 4 xã của huyện Thủ Đức.

đầu người đạt 353kg, tổ chức phân bổ lại lao động, tổ chức vận đổi công và tập đoàn sản xuất; lấy xã Tây Nam là điểm hợp tác xã cấp cao; tiến hành quy hoạch phân vùng sản xuất bố trí cây trồng hợp lý, hoàn thành cải tạo nông nghiệp, công thương nghiệp tư doanh, xóa bỏ tàn dư phong kiến, địa chủ.

Một số phương hướng, chỉ tiêu, biện pháp về xây dựng kinh tế, văn hóa, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, cải tạo quan hệ sản xuất, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong từng năm cũng đã được đề ra một cách cụ thể nhằm xây dựng huyện theo cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp hoàn chỉnh.

Trong công tác xây dựng Đảng, nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ huyện đã tổ chức học tập Nghị quyết số 254-NQ/TW của Bộ Chính trị về những công tác trước mắt ở miền Nam và Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sông Bé về công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Công tác xây dựng Đảng ngày càng gắn với nhiệm vụ chính trị, với phong trào thi đua lao động của quần chúng, chú trọng xây dựng Đảng trên ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao chất lượng đảng viên đi đôi với nâng cao chất lượng công tác kiểm tra giữ gìn kỷ luật Đảng. Các cơ sở của Đảng đều được quan tâm củng cố và tăng cường, nhất là ở xã. Bộ máy chính quyền từ huyện đến xã từng bước được củng cố. Công tác điều chỉnh và sắp xếp bộ máy, quản lý và sử dụng cán bộ, cải tiến lề lối làm việc được thực hiện có hiệu quả; tệ quan liêu, cửa quyền, tham ô, móc ngoặc qua nhiều đợt phát động, giáo dục, đấu tranh đã được ngăn chặn hiệu quả.

Do yêu cầu nhiệm vụ chính trị, tháng 8/1978, Tỉnh ủy điều đồng chí Nguyễn Hữu Ý - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy đi học và cử đồng chí Trần Bình về làm Bí thư Huyện ủy Bến Cát.

Mặt trận và các đoàn thể huyện đã có nhiều cố gắng trong việc củng cố tổ chức, giáo dục, vận động, hướng dẫn đoàn viên,

hội viên và các tầng lớp nhân dân thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng nếp sống mới, con người mới.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngày 17/8/1979, Huyện ủy Bến Cát triệu tập Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II. Đại hội đã tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 1977 - 1978 và đề ra những mục tiêu, phương hướng cơ bản trong hai năm 1979 - 1980. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé.

Trên cơ sở đánh giá những thành tựu và hạn chế của nhiệm kỳ 1977 - 1978, Đại hội Đảng bộ huyện Bến Cát lần thứ II xác định nhiệm vụ của Đảng bộ, quân và dân Bến Cát trong hai năm 1979 - 1980 là: Sản xuất thật nhiều lương thực, thực phẩm, nông sản để ổn định và nâng dần đời sống nhân dân về vật chất, tinh thần, đồng thời làm tốt nghĩa vụ lương thực trong tình hình mới phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Để thực hiện nhiệm vụ chung, Đại hội đã thông qua từng kế hoạch cụ thể về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh, cải tạo quan hệ sản xuất, xác lập và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân và biện pháp chỉ đạo từng lĩnh vực cụ thể, trong đó, nhấn mạnh vấn đề tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy cơ sở, nâng cao chất lượng cán bộ với nội dung chủ yếu là đưa sinh hoạt chi bộ vào nền nếp, phấn đấu thực hiện 5 yêu cầu do Ban Bí thư đề ra.

Đại hội Đảng bộ huyện Bến Cát lần thứ II đã bầu Ban Chấp hành gồm 32 đồng chí (có 3 ủy viên dự khuyết), đồng chí Trương Văn Cao - Tỉnh ủy viên được bầu làm Bí thư; đồng chí Huỳnh Văn Thu được bầu làm Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Nguyễn Lữ được bầu làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Đại hội cũng bầu Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ II

bắt đầu từ ngày 22/8/1979 đến ngày 24/12/1981, nhưng sau đó kéo dài đến hết năm 1982.

Do yêu cầu lãnh đạo, giữa năm 1980, đồng chí Trương Văn Cao - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bến Cát được Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng rút về Tổng cục Cao su Việt Nam. Tỉnh ủy cử đồng chí Huỳnh Văn Thu - Phó Bí thư Thường trực làm Quyền Bí thư Huyện ủy Bến Cát.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Sông Bé, Đảng bộ huyện đã thực hiện khảo sát phân loại các chi bộ theo 4 loại (loại 1: trong sạch, vững mạnh; loại 2: khá; loại 3: yếu; loại 4: kém). Tỉnh ủy yêu cầu phân loại đánh giá nghiêm túc để có biện pháp củng cố nâng loại từ yếu kém lên khá.

Năm 1980, Đảng bộ huyện lần đầu tiên tiến hành phân loại chất lượng chi bộ Đảng, kết quả như sau: Trong 28 chi bộ nông thôn có 4 chi bộ đạt loại 1, 9 chi bộ đạt loại 2, 5 chi bộ đạt loại 3 và 10 chi bộ đạt loại 4; khối cơ quan có 20 chi bộ, trong đó có 5 chi bộ loại 1, 10 chi bộ loại 2, 5 chi bộ loại 3 và 2 chi bộ loại 4; trong 6 chi bộ xí nghiệp, nông trường có 5 chi bộ loại 2 và 1 chi bộ loại 4; chi bộ trường học có 2 chi bộ loại 1 và 1 chi bộ loại 4.

Số chi bộ xã bị đánh giá yếu, kém là do các nguyên nhân sau: Số lượng đảng viên làm nhiệm vụ ít, sinh hoạt chi bộ thất thường, đoàn thể hoạt động yếu, phong trào làm ăn tập thể của nông dân tan rã, 3 năm không phát triển được đảng viên mới, nội bộ chi bộ thiếu đoàn kết, một số cấp ủy viên bỏ việc.

Hai cơ sở đảng trong đơn vị Trung ương trú đóng ở địa bàn huyện được xếp loại 2 và trong 6 cơ sở của tỉnh trú đóng ở huyện có 4 cơ sở xếp loại 2 và 2 cơ sở xếp loại 4.

Huyện thành lập đoàn công tác củng cố các cơ sở yếu, kém, bước đầu đạt được kết quả trên một số lĩnh vực, một số đơn vị đã vươn lên đạt loại khá. Huyện ủy cũng tìm biện pháp nâng cao chất lượng đảng viên, chất lượng nội dung sinh hoạt ở

chi bộ thông qua việc đánh giá thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng viên, chi bộ trong phong trào của quần chúng, đồng thời, tăng cường giáo dục, giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho đảng viên, đưa sinh hoạt định kỳ của chi bộ vào nề nếp, tích cực giúp đỡ đảng viên yếu kém sửa sai.

Hai năm 1979 - 1980, Đảng bộ huyện kết nạp được 85 đồng chí đảng viên mới. Đến cuối năm 1980, Ban Tổ chức Huyện ủy tham mưu cho Đảng bộ huyện tổ chức phát thẻ đảng viên cho 317 đảng viên chính thức của 22 đơn vị, đạt tỷ lệ 40% . Nhân dịp kỷ niệm 91 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/1981) và 36 năm ngày Quốc khánh (02/9/1945 - 02/9/1981), huyện tổ chức hai đợt phát thẻ đảng viên cho đơn vị khác, số đảng viên còn lại đã có kế hoạch giáo dục để phát vào đợt tiếp theo nhân kỷ niệm 64 năm ngày Cách mạng tháng Mười Nga thành công (07/11/1917 - 07/11/1981). Số đảng viên sau khi nhận thẻ luôn phấn khởi, tích cực công tác, góp phần nâng chất lượng hoạt động của đơn vị.

Thực hiện xây dựng Đảng gắn với việc kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước, Đảng bộ huyện luôn quan tâm phát hiện, kết nạp những nhân tố mới tích cực trong phong trào hoạt động cách mạng của quần chúng để bổ sung nhân lực cho chính quyền. Bên cạnh đó, Đảng bộ huyện cũng thường xuyên khảo sát chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

Trong nhiệm kỳ 1979 - 1981, Bến Cát có 26/28 xã có quyết định ranh giới của Quốc hội, còn hai xã An Lập, Thanh Tân chưa có quyết định. 27 xã đã bầu Hội đồng nhân dân với 677 thành viên. Xã Thanh Tân mới thành lập nên chưa tổ chức bầu cử và đến cuối năm 1980 được sáp nhập vào xã Thanh An, trở thành một ấp của xã Thanh An. Năm 1980, số thành viên Hội đồng nhân dân xã giảm 22 đại biểu, trong đó có 8 đại biểu chuyên công tác, 13 đại biểu tự ý bỏ việc, 1 phạm pháp. Ủy ban

nhân dân cấp xã có 191 người, trong năm 1980 giảm 9 người, trong đó 8 người tự ý bỏ việc.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân ở các xã không đều, chất lượng thấp. Nếu như năm 1979, hầu hết các xã sinh hoạt đều, thì đến năm 1980, nhất là 6 tháng cuối năm, hơn 2/3 Hội đồng nhân dân xã bỏ sinh hoạt do cuộc sống khó khăn. Tinh thần hoạt động của thành viên Hội đồng nhân dân giảm dần, cuối năm, số thành viên tích cực chỉ còn 1/3.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân xã thì tương đối đồng đều. Tuy nhiên, ở cơ sở, do cuộc sống gia đình khó khăn nên có một số thành viên chưa hoàn thành nhiệm vụ, số khác có hiện tượng tiêu cực, tham ô, hủ hóa, thậm chí vi phạm pháp luật. Cuối năm 1980, có 6 Ủy ban nhân dân xã được đánh giá hoạt động khá, 16 trung bình, 5 yếu kém.

Năm 1980, huyện phát sinh nhiều xã yếu, kém phải củng cố nhiều lần do nhiều nguyên nhân. Trong đó, hiện tượng mất đoàn kết trong nội bộ cấp ủy là điều cần rút kinh nghiệm và kiên quyết xử lý, kịp thời khắc phục để không gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của tổ chức.

Bên cạnh công tác củng cố tổ chức đảng và chính quyền, Đảng bộ huyện còn luôn quan tâm đến công tác xây dựng các đoàn thể. Hội Nông dân tập thể ở một số xã được củng cố, hoạt động tốt như: Bến Tượng, Bàu Bàng, An Điền, Long Chiêu, Mỹ Phước. Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện có 27 ủy viên, trong đó có 5 cán bộ chuyên trách. Ở 28 xã đều có Ban Chấp hành với tổng số 252 ủy viên; 172 ban cán sự ấp, với 482 cán sự viên và 107 tổ với 6.993 hội viên. Ban đầu, khi mới đi vào tổ chức, trình độ cán bộ hạn chế, công việc nhiều, song các hội luôn quyết tâm xây dựng phong trào, phấn đấu hoàn thành các mặt công tác.

Hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn bám sát chủ trương của Đảng, thể hiện trong công tác

tuyển quân, huy động lương thực, thu mua nông sản, xây dựng tổ chức đoàn cơ sở. Về tổ chức, Huyện đoàn có Ban Chấp hành với 27 đồng chí, chuyên trách là 10 đồng chí, cơ sở 17 đồng chí. Tổ chức đoàn trực thuộc Huyện đoàn có 56 đơn vị, trong đó có 28 xã. Trước tình hình công tác phát triển, các tổ chức của Đoàn cũng từng bước tăng thêm, từ 5 xã đoàn năm 1979, đến năm 1980 đã thành lập thêm 9 xã đoàn, các trường trung học đã có Ban Chấp hành Đoàn trường. Năm 1978, các trường phổ thông cơ sở (cấp I, II) ở các xã đều thành lập chi đoàn, phân đoàn. Từ thị trấn Mỹ Phước đến các xã đều có tổ chức cho thanh niên sinh hoạt để kết nạp vào Đoàn Thanh niên. Đây là điều kiện thuận lợi để mở rộng phong trào hoạt động Đoàn.

Giai đoạn này, các tổ chức đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ đã được củng cố, sắp xếp nhiều lần. Mọi tổ chức đều cố gắng nâng cao chất lượng hoạt động, tạo điều kiện cho những bước phát triển tiếp theo. Tuy nhiên, số đảng viên yếu, kém còn cao (chiếm 36% trong tổng số đảng viên), phát triển đảng chậm, trình độ văn hóa và kiến thức về chủ nghĩa xã hội còn thấp, chưa làm tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo. Vì vậy, năng lực hoạt động của bộ máy chính quyền và các đoàn thể còn nhiều hạn chế, nhất là quản lý kinh tế chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

2. Giữ vững trật tự trị an, góp phần bảo vệ biên giới Tây Nam

Nhằm bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân, công tác bảo đảm trật tự trị an luôn được Đảng bộ huyện theo dõi sát sao và chỉ đạo kịp thời. Trong những năm 1977 - 1978, lực lượng công an huyện đã kịp thời phát hiện và làm tan rã 12 tổ chức chính trị phản động rải rác ở các xã Lai Uyên, Bến Tượng, Lai Hưng, Chơn Thành... như: “Mặt trận nhân dân đoàn kết phục quốc”, “Việt Nam phục quốc”, “Lực lượng phục hưng”,

“Thanh niên cứu quốc”...; bắt giữ 56 tên, thu nhiều tài liệu và vũ khí. Đặc biệt nguy hiểm hơn, tổ chức Sư đoàn 2 Nguyễn Trãi đã hình thành tại huyện một khung từ sư đoàn đến đại đội và cơ cấu các phòng trực thuộc. Chúng móc nối, mua chuộc, xây dựng cơ sở được 3 tên trong nội bộ các ngành ở huyện. Qua tổ chức học tập, có 2 người đã tự thú, cung cấp cho ta nhiều tài liệu quan trọng, phục vụ công tác phá tan âm mưu gây bạo loạn và lật đổ chính quyền ở địa phương. Ngoài ra, lực lượng công an huyện còn phá được 34 vụ trọng án hình sự, bắt 47 tên, trong đó có 4 vụ cướp có vũ khí với quy mô hàng chục tên, liên quan đến nhiều xã.

Trong lúc nhân dân ta đang tập trung sức xây dựng đất nước, hàn gắn vết thương chiến tranh, thì đầu năm 1977, Khmer đỏ phản động do Pôn Pốt - Iêng Xari - Khiêuxamphon cầm đầu đã tổ chức nhiều cuộc tiến công trên toàn tuyến biên giới Tây Nam nước ta, trong đó có biên giới của tỉnh Sông Bé. Trước tình hình trên, tỉnh quyết định điều động đơn vị C61 lên đứng chân ở Lộc Ninh. Huyện đội cử đồng chí Nguyễn Văn Hùng - Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự huyện, đồng chí Nguyễn Hữu Tâm - Tham mưu trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện cùng với Ban Chỉ huy Đại đội (đồng chí Đặng Minh Quân - Đại đội trưởng C61, đồng chí Trần Trung An - Chính trị viên, đồng chí Lương Hoàng Bảy - Đại đội phó, đồng chí Trịnh Trọng Hùng - Đại đội phó) trực tiếp chỉ huy chiến đấu bảo vệ biên giới và xây dựng tuyến bố phòng hơn 30km dọc biên giới.

Đồng thời, Đảng bộ huyện cũng phát động phong trào quần chúng bảo vệ Tổ quốc. Trên 1.500 thanh niên đã gia nhập quân đội, gần 2.000 thanh niên tham gia dân công hỏa tuyến, đóng góp trên 6 triệu bàn chông và hàng trăm tấn lương thực, góp phần đánh địch bảo vệ biên giới Tây Nam Tổ quốc. Ngoài ra, lực lượng du kích, tự vệ, dân quân, công an huyện cũng

được tổ chức ở khắp các xã, ấp, cơ quan, xí nghiệp, công - nông trường, vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu.

Tháng 02/1978, huyện Bến Cát thành lập đơn vị C64 là đại đội địa phương thứ hai của huyện. Đồng chí Lương Hoàng Bảy - Đại đội phó C61 làm Đại đội trưởng, đồng chí Nguyễn Minh Phú - Tham mưu phó Ban Chỉ huy Quân sự huyện làm Chính trị viên Đại đội, đồng chí Nguyễn Văn Công làm Đại đội phó. Sau khi thành lập, C64 đã tổ chức huấn luyện ráo riết để chuẩn bị tham gia bảo vệ biên giới. Tháng 01/1979, ta giải phóng biên giới Tây Nam. Tỉnh rút C61 về Bến Cát để củng cố, chuẩn bị tham gia bảo vệ biên giới phía Bắc. Đồng thời, tỉnh điều C64 lên thay C61 bảo vệ biên giới Lộc Ninh và làm nghĩa vụ quốc tế với tỉnh bạn Kratie (Campuchia).

Huyện Bến Cát tích cực tham gia bảo vệ biên giới với hai Đại đội C61 và C64 thay nhau thường trực giữ vững biên giới; trên 5.000 lượt người làm nhiệm vụ xây dựng tuyến bố phòng biên giới và phục vụ chiến đấu, tháo gỡ 473 quả bom mìn các loại, giải phóng 82ha đất để xây tuyến bố phòng biên giới. Với những thành tích trên, ngày 18/4/1979, huyện tổ chức lễ mừng công về thành tích tham gia bảo vệ biên giới phía Tây Nam Tổ quốc và tổng kết thành tích khen thưởng năm 1978.

Đảng bộ huyện thường xuyên lãnh đạo thực hiện tốt công tác quốc phòng, vận động con em nhân dân hăng hái lên đường cầm súng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng. Năm 1979, huyện chuyển 116 du kích cho D304; trong hai năm 1979 - 1980 động viên được 1.453 thanh niên, giao 558 quân. Ngoài ra, huyện còn tổ chức huấn luyện dân quân, du kích và quân dự bị 988 người, tổ chức cơ sở quân báo trình sát 45 người. Hằng năm, huyện đều tổ chức hàng trăm cuộc tuyên truyền trong công dân về nghĩa vụ quân sự với hàng chục ngàn lượt người tham dự. Việc xét, tuyển nghĩa vụ quân sự đúng tiêu

chuẩn, chất lượng về chính trị, sức khỏe, trình độ văn hóa. Tuy nhiên, việc bố trí cán bộ cho các nơi chưa đều, có xã chưa có cán bộ xã đội trưởng như Long Chiêu, Định Thành; 10 xã đội trưởng là đoàn viên, 5 xã đội trưởng không hoạt động.

Công tác hậu phương quân đội đã thực hiện một số việc như: quy tập 160 hài cốt liệt sĩ về nghĩa trang, trợ cấp khó khăn cho 55 gia đình liệt sĩ và trợ cấp 12 tháng cho 191 gia đình liệt sĩ khác, xác minh và làm 412 hồ sơ liệt sĩ, lập hồ sơ đề nghị trao 4.356 huân chương các loại.

Lực lượng quân sự kết hợp với công an huyện tổ chức truy quét nhiều lần, thu gom số người cư ngụ bất hợp pháp, thu gom quân đào ngũ, bỏ ngũ, số người chống lệnh... nên tội phạm hình sự (trọng án gồm: giết người, cướp của, bắn chết người) năm sau giảm hơn năm trước. Đặc biệt có Sáu Thẹo, tên cướp nguy hiểm có nhiều tiền án, tiền sự, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh tuyên án tử hình nhưng trốn trại sống ngoài vòng pháp luật, rồi tiếp tục gây án ở Tây Ninh, sau đó trốn sang Núi Cậu, xã Định Hiệp (nay thuộc huyện Dầu Tiếng). Năm 1982, công an huyện Bến Cát phát hiện nơi ẩn nấp. Sau nhiều lần kêu gọi đầu thú, Sáu Thẹo vẫn chống trả nên ta đã nổ súng tiêu diệt, góp phần giữ ổn định trật tự khu vực lòng hồ Dầu Tiếng và Tây Ninh. Về các tội danh khác như tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa, móc ngoặc..., mỗi năm, huyện đã phát hiện, làm rõ và xử lý bắt giáo dục, tạm tha về, truy tố một số đối tượng là cán bộ, công nhân viên thoái hóa, biến chất, thu hồi một số tài sản xã hội chủ nghĩa. Về trật tự xã hội, các ngành chức năng thụ lý trên 564 vụ, thu hồi một số lớn tài sản. Về xây dựng đội ngũ cán bộ công an cơ sở, trưởng công an có 24 đồng chí, gồm 18 đảng viên và quần chúng; Phó công an xã có 30 đồng chí. Trong hai năm, ngành công an đã làm tốt một số mặt trong công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội. Tuy nhiên, việc tổ chức giáo dục, học tập trong nội bộ

ngành chưa được thực hiện thường xuyên, nên có một số cán bộ, chiến sĩ có tác phong, đạo đức chưa tốt, cần chấn chỉnh.

Nhìn chung, công tác quốc phòng - an ninh của huyện ngày càng tiến bộ, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, kịp thời phá vỡ các tổ chức phản động của địch, kiên quyết chống tiêu cực trong nội bộ, bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng. Lực lượng vũ trang được xây dựng, phát triển ngày càng vững mạnh, bảo đảm lực lượng thường trực chiến đấu trong mọi tình huống.

3. Phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân

Trên mặt trận kinh tế, Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng bộ huyện đã đề ra phương hướng: Lấy sản xuất nông nghiệp làm trung tâm, hoàn thành một bước quan trọng nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại lực lượng lao động sản xuất, đẩy mạnh chăn nuôi, phát triển các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp... Với những nỗ lực không ngừng của Đảng bộ và nhân dân huyện, diện tích gieo trồng hằng năm đều tăng, trong đó diện tích cây lương thực được quan tâm đầu tư mở rộng. Năm 1978, diện tích gieo trồng đạt 20.312ha; trong đó, diện tích trồng hoa màu là 12.312ha, tỷ trọng 61%, diện tích cây công nghiệp là 3.227ha, chiếm tỷ trọng 13,2%... Diện tích lúa đông - xuân và hè - thu ngày càng được mở rộng. Năm 1978, huyện gieo trồng được 3.285ha, tăng 10% so năm 1977, tăng 50% so với năm 1976. Diện tích gieo trồng lúa hè - thu đạt 110% so với kế hoạch. Diện tích khai hoang mới năm 1978 đạt 9.936ha, diện tích phục hóa đạt 6.243ha.

Do gặp nhiều khó khăn vì thiên tai nên phần lớn diện tích lúa đạt năng suất thấp, bình quân đạt 2 tấn/ha/vụ, sản lượng lúa so với kế hoạch chỉ đạt 48,6%. Song huyện vẫn huy động nhân dân bán lương thực cho Nhà nước, trong hai năm 1977 - 1978 được 1.736,432 tấn, đạt 50% kế hoạch và bán nông sản

thực phẩm cho Nhà nước được 74,50 tấn, đạt 98% kế hoạch. Đàn trâu, bò cày kéo, sinh sản phát triển vượt kế hoạch, đàn heo do gặp khó khăn về lương thực nên không phát triển, bình quân 3 hộ nuôi 1 con.

Tiếp tục phát huy mọi ưu thế, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp, hai năm 1977 - 1978, phong trào làm thủy lợi đã được Đảng bộ và chính quyền huyện tập trung chỉ đạo, phát động sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Quân và dân Bến Cát đã ra quân làm thủy lợi với 228.183 ngày công, đào 17.978.026m³ đất, nạo vét 175.588m³ kênh suối. Với thành tích trên, năm 1978, huyện đã được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Phần thưởng này đã khẳng định bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ huyện, đồng thời, động viên nhân dân phát huy truyền thống anh hùng trong chiến tranh, năng động, sáng tạo trong lao động, sản xuất.

Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ xây dựng như sản xuất các loại gạch, ngói, đạt 90% kế hoạch. Ngoài ra, ở Lai Uyên còn có 1 lò sản xuất đồ nhôm gia dụng. Rải rác ở các xã đều có lò rèn để rèn các dụng cụ sản xuất như liềm, dao, cuốc, xẻng, cày... Về công nghiệp chế biến nông sản phơi xay, đã chế biến thành bột được 378 tấn mì, các lò ép gia công ép dầu đậu phộng làm ăn rất phát đạt.

Các mặt văn hóa, giáo dục phát triển tốt. Về giáo dục, cơ sở vật chất trường, lớp, sách giáo khoa cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Số học sinh huy động vào học các trường, lớp đều đạt cao. Chất lượng giáo dục ngày một nâng lên; tỷ lệ học sinh khá, giỏi năm học 1978 - 1979 đạt trên 80%. Đội ngũ giáo viên ngày càng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, so với yêu cầu, số trường lớp, giáo viên vẫn còn thiếu nhiều.

Xác định việc nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ và nhân dân là khâu quan trọng, góp phần làm chuyển biến chất lượng,

hiệu quả công tác của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân, huyện đã quyết định thành lập trường bổ túc văn hóa để cùng Tổ bổ túc văn hóa của Phòng Giáo dục tổ chức dạy và học văn hóa cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, thanh niên, nhân dân. Được sự quan tâm của cấp ủy và chính quyền, cuối năm 1977, ngành giáo dục huyện đã thực hiện xóa mù chữ cho 3.625 người. Nhiều lớp bổ túc văn hóa tại chức từ xã đến cơ quan, xí nghiệp, nông trường được mở ra với số học viên trên 1.000 người, trong đó, nông thôn có 220 học viên cấp I và cấp II.

Ngành văn hóa - thông tin tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng như sinh hoạt văn nghệ, chiếu phim ở các xã, với hàng triệu lượt người tham dự, tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong nhân dân, góp phần xây dựng con người mới, nếp sống mới.

Về thực hiện chính sách đền ơn, đáp nghĩa đối với các gia đình liệt sĩ, thương binh, tuy gặp nhiều khó khăn trong việc xác nhận, tìm kiếm quy tập hài cốt về nghĩa trang liệt sĩ, song với sự quyết tâm của lãnh đạo, sự tích cực của cán bộ chuyên môn, sự nhiệt tình đóng góp của nhân dân, đến cuối năm 1978, huyện đã xác nhận cho 4.079 liệt sĩ, tặng bằng Tổ quốc ghi công cho 103 liệt sĩ, từng bước giúp đỡ gia đình liệt sĩ neo đơn, thương binh, con liệt sĩ mồ côi không nơi nương tựa.

Cùng với nhiệm vụ đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh tế, văn hóa, xã hội, huyện luôn quan tâm tiến hành nhiệm vụ cải tạo nông nghiệp, công thương nghiệp, giao thông - vận tải.

Đối với nông nghiệp, sau chiến tranh, ruộng đất bị bỏ hoang nhiều, phương tiện sản xuất hầu như không có gì, trâu, bò rất thiếu, thậm chí nông cụ cầm tay cũng không đủ. Để khắc phục tình trạng đó, huyện chỉ đạo nhân dân tổ chức các tổ vận động công, tổ đoàn kết sản xuất để giúp nhau phát triển sản xuất.

Cụ thể hóa Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ ba (khóa IV) (tháng 01/1978), chấp hành sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, tháng 9/1978, Đảng bộ huyện tổ chức cho cán bộ huyện, xã học tập chủ trương của Đảng về cải tạo nông nghiệp, tổ chức hợp tác hóa nông nghiệp; tập dượt cho cán bộ và nông dân để vụ đông - xuân năm 1978 - 1979 thành lập 2 hợp tác xã của ấp I xã Tây Nam và ấp I xã An Điền. Song song với việc tổ chức học tập Nghị quyết Đảng bộ huyện, quý IV năm 1978, huyện đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo phương hướng cải tạo nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên với việc chuẩn bị xây dựng 2 hợp tác xã điểm và chuẩn bị chuyển một số ấp điểm lên tập đoàn sản xuất ở các xã kinh tế cũ và các xã kinh tế mới (với chỉ tiêu từ tháng 10/1978 đến tháng 02/1979 hoàn thành 2 hợp tác xã kinh tế cũ và 3 hợp tác xã kinh tế mới).

Thực hiện chủ trương, kế hoạch trên, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo vận động đưa nông dân vào làm ăn tập thể dưới hai hình thức tập đoàn sản xuất nông nghiệp và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Để đi vào hoạt động có hiệu quả, Đảng bộ huyện chỉ đạo các xã chọn ấp điểm vụ đông - xuân. Song song đó, huyện mở 3 lớp với khoảng 900 học viên cho các hợp tác xã. Thực tế, công tác vận động nhân dân vào các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp ở nhiều xã gặp nhiều khó khăn do nông dân chưa thấy được hiệu quả cụ thể trong các tổ chức này. Tuy nhiên, lãnh đạo huyện vẫn kiên trì chỉ đạo các đoàn cán bộ huyện về xã, ấp để vận động nhân dân. Với sự vận động tích cực và bằng nhiều biện pháp, đến tháng 02/1979, toàn huyện đã có 24 hợp tác xã ở 9 xã. Trong đó, có 21 hợp tác xã ở hầu hết các xã kinh tế mới và 3 hợp tác xã ở vùng kinh tế cũ (hợp tác xã ấp I, ấp II, xã Tây Nam và ấp I, xã An Điền). Đến cuối năm 1979, huyện đã đưa được 432 hộ (55.590 nhân khẩu) vào làm ăn tập thể, đạt tỷ lệ 46,2% so với tổng số dân, với

diện tích canh tác đạt 4.941ha, chiếm tỷ lệ 20,2% so với tổng số diện tích chung của huyện. Bước đầu đi vào làm ăn tập thể, do thiếu kinh nghiệm, cơ sở vật chất chưa có, kỹ thuật chưa được đào tạo, nên việc thực hiện kế hoạch của các hợp tác xã gặp nhiều khó khăn, hiệu quả đạt thấp.

Tuy nhiên, nhờ tổ chức làm ăn tập thể, việc khai hoang phục hóa được thực hiện nhanh chóng hơn, kịp thời sản xuất lương thực, giải quyết được nạn đói trước mắt. Một số hợp tác xã, tập đoàn sản xuất do biết chọn đúng ban quản lý để giao nhiệm vụ nên đạt hiệu quả cao, như tập đoàn sản xuất ở ấp 2 Định Thành đã nâng năng suất lúa từ 2 tấn, 6 tấn lên 10 tấn theo kỹ thuật hướng dẫn của cán bộ nông nghiệp.

Đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, chấp hành chủ trương chung của cấp trên, huyện đã cải tạo 232 hộ tư bản tư doanh, chuyển sang sản xuất. Song song đó, huyện đã tổ chức hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa với 16 cơ sở gồm các cửa hàng ở thị trấn, khu vực đông dân và các xã; trị giá mua, bán hàng hóa đạt khoảng 6 triệu, đạt trên 90% kế hoạch. Tuy nhiên, việc tổ chức cung ứng của ngành thương nghiệp còn chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân. Do đó, số hộ buôn bán tự do ngày càng nhiều.

Ngành giao thông - vận tải đã cải tạo 83 chủ xe, xây dựng một hợp tác xã vận tải gồm 96 xe các loại, đạt 90% phương tiện cơ giới, vận chuyển hàng hóa, phục vụ nhân dân đi lại.

Tuy quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ I gặp khó khăn về nhiều mặt, nhưng Đảng bộ huyện đã lãnh đạo nhân dân tích cực phấn đấu giành được nhiều thắng lợi rất quan trọng. Về kinh tế, quan hệ sản xuất mới được xác lập, diện tích khai hoang, phục hóa được mở rộng; thâm canh, tăng vụ đều phát huy tác dụng tốt; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước. Bức tranh toàn cảnh của huyện thay đổi từng ngày, màu xanh của

đồng lúa, ruộng khoai dần dần phủ kín những vết loang lổ của bom đạn. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được bảo đảm.

Đạt được những thắng lợi trên là do Đảng bộ huyện đã biết khơi dậy phong trào thi đua lao động sản xuất trong nhân dân để tập trung sức thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, những khâu then chốt nhất là phát triển kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố, phát triển lực lượng vũ trang, bán vũ trang, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; cán bộ, đảng viên trong huyện đều có tinh thần công tác tốt, nắm được chủ trương, nhiệm vụ của cách mạng, phát huy truyền thống của địa phương. Nhờ đó, Đảng bộ huyện không chỉ khơi dậy được các phong trào thi đua lao động sản xuất, xây dựng lực lượng mà còn xây dựng được ý thức làm chủ của quần chúng.

Song song đó, huyện vẫn còn tồn tại những khuyết điểm ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở. Các tổ chức đảng chưa thực sự vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, chưa lãnh đạo quyết liệt để quần chúng phát huy quyền làm chủ tập thể trong lao động sản xuất. Việc khai thác tài nguyên vật tư ít nhiều ảnh hưởng không tốt đến sản xuất. Việc hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, việc làm nghĩa vụ đối với quốc phòng hằng năm chỉ ở mức cơ bản hoặc đạt kế hoạch từng mặt.

Về nhận thức, trong báo cáo công tác hai năm 1978 - 1979, Đảng bộ huyện đã thẳng thắn nhận xét: Công tác cải tạo và xây dựng chưa nhịp nhàng với nhau. Trong khi Đảng ta chủ trương duy trì 5 thành phần kinh tế ở các tỉnh phía Nam trong thời gian nhất định, thì chúng ta nhanh chóng dập tắt các thành phần kinh tế cá thể, trong khi thành phần kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa chưa được xây dựng và phát triển tốt, nên gây khó khăn cho đời sống cán bộ, nhân dân. Từ nhận thức đó, Đảng bộ huyện đã có biện pháp lãnh đạo để tháo gỡ khó khăn trong giai đoạn sau.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II, toàn huyện đã đẩy lên những hoạt động sôi nổi nhằm đẩy mạnh sản xuất, củng cố an ninh, quốc phòng, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch 05 năm 1975 - 1980. Theo đó, huyện đã đạt được thành quả ở một số lĩnh vực.

Huyện đã ra sức phấn đấu xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp, cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp. Bến Cát được xác định là huyện điểm của tỉnh Sông Bé về sản xuất nông nghiệp. Về mặt tổ chức, có 2 vùng kinh tế, vùng kinh tế cũ có 17 xã, vùng kinh tế mới có 11 xã. Năm 1979, diện tích gieo trồng đạt 21.718ha, sản lượng đạt 34.638 tấn, sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt 347 kg/nhân khẩu. Nhịp độ phát triển năm 1978 tăng 94%, năm 1980 tăng 110% so với năm 1979. Huyện đã tiến hành giao dần đất cho Công ty cao su và hạn chế nhân dân phá rừng làm rẫy. Do đó, diện tích gieo trồng giảm 10% so với năm 1979. Năm 1980, diện tích 8 loại cây trồng so với cùng kỳ năm trước đều giảm từ 6% đến 18,5%. Lực lượng lao động làm nông nghiệp cũng giảm do nông dân chuyển sang làm công nhân cao su.

Về chăn nuôi, nhân dân trong huyện chủ yếu nuôi heo, trâu, bò, dê, gia cầm, cá... ở quy mô hộ gia đình. Công ty thương nghiệp huyện có một trại chăn nuôi heo quốc doanh trên 50 con. Nhờ mở rộng diện tích trồng cây lương thực, thực phẩm nên việc chăn nuôi cũng phát triển, trung bình 3 hộ nuôi 4 con heo, năm 1979 tăng 94% so với 1978, năm 1980 tăng 140,7% so với năm 1979.

Tiềm năng sản xuất nông nghiệp của huyện rất lớn, nhưng khả năng sử dụng lao động, đất đai (khai hoang, phục hóa, thâm canh đồng ruộng) còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân là do hạn, mùa còn nhiều trong đất, thiếu nước, thiếu sức kéo và sản xuất còn manh mún, cá thể. Do đó, thế mạnh của huyện

chưa được khai thác và phát huy tốt. Mặt khác, các chỉ tiêu kế hoạch đề ra chưa sát thực tiễn, thiếu khách quan, nên thực hiện không đạt.

Về quy hoạch vùng, các xã kinh tế cũ dọc theo sông Sài Gòn, Thị Tịch như An Điền, Phú An, An Tây, nửa xã Thới Hòa, Mỹ Phước, Lai Hưng tập trung lao động mở rộng diện tích gieo trồng, thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất lúa; chú trọng xây dựng thủy lợi, chọn giống lúa mới kháng rầy, có năng suất cao như: 3A, 5A, IR 2307, HT19. Vùng kinh tế mới và một phần diện tích còn lại của các xã kinh tế cũ tập trung sản xuất đậu, mía, hoa màu, lương thực như khoai mì, bắp, lúa rẫy. Đặc biệt, huyện còn có vùng chuyên canh sản xuất đậu phộng như Chánh Phú Hòa, Hòa Lợi, hằng năm sản xuất 2 vụ hè - thu và vụ mùa với diện tích lớn, năng suất khá. Mục tiêu quy hoạch phát triển kinh tế nông nghiệp được nông dân chấp nhận, nhưng khi đưa vào sản xuất thì nảy sinh nhiều bất đồng do một số nông dân thấy lợi nhuận từ cây cao su cao nên trồng xen với cây đậu. Việc làm này ảnh hưởng đến chỉ tiêu sản xuất đậu xuất khẩu nên không được các cấp chính quyền đồng tình ủng hộ.

Lúc này, phương hướng lâu dài của Bến Cát là phát triển kinh tế để xây dựng huyện theo cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, nhưng trước mắt cần tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, mà hàng đầu là sản xuất lương thực thực phẩm, bảo đảm cân đối được lương thực tại chỗ và có dư điều phối theo kế hoạch lên tỉnh để cân đối chung. Tuy nhiên, ngành công nghiệp chế biến thực phẩm phục vụ chăn nuôi chưa xây dựng được. Nhìn chung, sự phát triển của các ngành còn mất cân đối. Việc điều hòa lao động giữa hai vùng kinh tế mới và cũ chưa phù hợp, vùng kinh tế cũ thừa lao động, thiếu đất sản xuất; vùng kinh tế mới thiếu lao động, lại thiếu lương thực nên lao động sản xuất bị hạn chế.

Tháng 9/1979, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) đã thông qua nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Căn cứ vào tình hình đất đai và tiềm năng, huyện cho một số lò gạch của các cơ quan Tỉnh đội, Văn phòng Huyện ủy liên doanh với tư nhân, những lò tư nhân được thành lập, đi vào sản xuất liên tục đáp ứng nhu cầu xây dựng của nhân dân.

Để ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân và cán bộ, lãnh đạo huyện chủ trương đẩy mạnh sản xuất, chăn nuôi đi đôi với quản lý thị trường; triệt để thu mua hàng hóa sản xuất tại địa phương, quan hệ trao đổi hàng hóa với các nơi khác, nhận hàng từ trên cấp về phân phối cho nhân dân và cán bộ, phấn đấu chấm dứt tình trạng thiếu thốn trong nhân dân và cán bộ. Chủ trương đúng đắn này đã khơi dậy tiềm năng lao động sản xuất hàng nông nghiệp trong huyện. Nhân dân tăng cường trả đũa trên đất gò vụ chính và đất bung vụ đông - xuân, đồng thời tiếp tục khai vỡ đất hoang, mở rộng diện tích đất gò trồng điều.

Về lâm nghiệp, do khai thác rừng không đúng quy hoạch nên diện tích rừng bị giảm. Đảng bộ huyện đã kịp thời chỉ đạo phát động quần chúng gìn giữ và có biện pháp ngăn chặn nên việc phá rừng được hạn chế. Phong trào trồng cây phát triển trên một số khu vực. Toàn huyện đã trồng được 484.100 cây các loại. Đồng thời, ngành lâm nghiệp tổ chức khai thác được 2.075m³ gỗ tròn, 26.445 site củi và 145 tấn than.

Công tác phân phối, lưu thông hàng hóa từng bước được cải tiến. Thương nghiệp quốc doanh ngày càng vươn lên hoạt động khá. Lượng hàng mua vào, bán ra cơ bản đáp ứng tối thiểu 6 mặt hàng chủ yếu (thịt, vải, bột ngọt, nước chấm, xà phòng, dầu lửa). Thu mua nông sản đạt và vượt chỉ tiêu.

Nhờ vận dụng trao đổi hàng hai chiều, tổ chức đại lý thu mua được hưởng hoa hồng, nên năm 1981, huyện đã huy động lương thực đạt 1.500 tấn, cao hơn các năm trước. Cung ứng vật tư trong ba năm (1979 - 1981) đạt 7.652.836 đồng, trong đó, vật tư xăng dầu 819.563 lít, phân bón các loại 1.413 tấn, thuốc trừ sâu 142 tấn.

Về giao thông vận tải, Công ty cao su Dầu Tiếng đã sửa chữa cơ bản xong tuyến đường 14 (ngã ba Suối Giữa đi Dầu Tiếng). Huyện hoàn thành sửa chữa 5km đường số 7; nhân dân tham gia tu bổ, sửa chữa làm mới nhiều cống rãnh, đường trong xóm, ấp.

Về đầu tư xây dựng cơ bản, mặc dù xăng, dầu, vật tư, vốn mà tỉnh cung cấp ngày càng giảm, nhưng 3 năm (1979 - 1981) huyện đã cố gắng khắc phục khó khăn, xây dựng hoàn thành một số công trình như Nghĩa trang liệt sĩ huyện, trụ sở Ủy ban nhân dân hai xã Tân Định, Tân Long, cửa hàng bách hóa huyện... với tổng giá trị trên 484.000 đồng (chưa tính vốn hỗ trợ của Công ty cao su Dầu Tiếng và tiền đóng góp của nhân dân để xây dựng Nghĩa trang liệt sĩ huyện).

Ngành văn hóa - thông tin làm tốt chức năng tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; tăng cường chiếu phim, phát thanh tin tức thời sự, khoa học phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương; tổ chức nhiều đợt truy quét văn hóa đồi trụy, phản động của chế độ cũ tại một số địa bàn tập trung đông dân, như thị trấn Bến Cát, Dầu Tiếng, Lai Khê.

Ngành giáo dục đã phát triển được nhiều cơ sở trường lớp. Phong trào bổ túc văn hóa tập trung và tại chức trong khu vực Nhà nước chuyển biến khá, học viên phấn khởi, an tâm học tập.

Về thực hiện chủ trương cải tạo nông nghiệp và công - thương nghiệp, trong 3 năm 1978 - 1980, Đảng bộ huyện chỉ đạo

ngành chức năng tổ chức học tập Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 19/8/1977 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tập trung cao độ lực lượng cả nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, quán triệt chủ trương xóa bỏ tàn dư địa chủ phong kiến, thực hiện đi vào làm ăn tập thể của Đảng, tổ chức xây dựng hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

Bước vào nhiệm kỳ 1979-1980, Bến Cát tiếp tục vận động nhân dân vào tập đoàn sản xuất, hợp tác xã. Đến tháng 6/1979, huyện đã xây dựng được 24 hợp tác xã và 15 tập đoàn sản xuất nông nghiệp, có diện tích gieo trồng 2.593,90ha với trên 8.000 hộ, 39.237 nhân khẩu, trong đó có 13.531 lao động chính. Trước đó, tháng 10/1978, Phú An được tỉnh chỉ đạo làm hợp tác xã điểm của tỉnh do đồng chí Lê Văn Thứ làm Chủ nhiệm Ban Quản trị. Huyện Bến Cát chọn hai ấp An Sơn, An Mỹ của xã An Điền làm điểm chỉ đạo hợp tác xã của huyện gọi là Hợp tác xã An Điền 1 (do ông Nguyễn Văn Sinh làm Chủ nhiệm), Hợp tác xã An Điền 2 (ấp Kiến Điền) (do ông Nguyễn Văn Bích làm Chủ nhiệm, sau đó ông Võ Thanh Điền thay làm Chủ nhiệm). Trong ba hợp tác xã Phú An, An Điền 1, An Điền 2, Hợp tác xã An Điền 2 có giá trị ngày công cao nhất (2,43kg thóc/ngày). Đạt được kết quả trên là nhờ Ban Chủ nhiệm đã năng động, mạnh dạn vay vốn ngân hàng đầu tư mua heo, trâu, bò giao cho hợp tác xã nuôi; thành lập tổ ngành nghề, kinh doanh vật liệu xây dựng, mở cửa hàng bán nước giải khát nên thu lợi nhuận khá. Hợp tác xã An Điền 2 còn đầu tư xây dựng được 1 hội trường với 250 chỗ ngồi để phục vụ sinh hoạt hội họp của xã viên.

Ở các nơi khác, trong quá trình vận động phong trào làm ăn tập thể, việc tổ chức quản lý và sản xuất chưa hợp lý làm cho nông dân bất bình nên vụ mùa năm 1979 chỉ có 8 hợp tác xã hoạt động tốt (diện tích canh tác là 1.338ha, 1.897 hộ với

9.150 nhân khẩu, trong đó có 4.361 lao động chính), còn lại 16 hợp tác xã hoạt động sa sút, 15 tập đoàn sản xuất hoạt động chưa có hiệu quả. Trong số các hợp tác xã hoạt động sản xuất có ăn chia, phân phối, giá trị ngày công bằng lương thực cao nhất là 4,4kg (khoai, bắp), bằng tiền là 2 đồng 62 xu, như hợp tác xã Thành Công (Long Chiểu); giá trị ngày công bằng lương thực thấp nhất 0,6kg, bằng tiền là 0,93 đồng, như hợp tác xã Hưng Phước (xã Hưng Hòa). Để tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo phong trào làm ăn tập thể, Đảng bộ huyện đưa cán bộ huyện xuống làm Bí thư ở 7 xã: Thanh An, Thanh Tuyền, Định Thành, Tây Nam, Chánh Phú Hòa, Hòa Lợi, Long Bình; chỉ đạo Hội Nông dân huyện tổ chức các phong trào học tập cho cán bộ, hội viên nhằm nâng cao chất lượng hội viên, góp phần củng cố các tổ chức hợp tác xã, tập đoàn sản xuất; giúp đỡ, tạo điều kiện để các hợp tác xã làm ăn có hiệu quả. Song, Đảng bộ huyện luôn tôn trọng quyền làm chủ của nông dân. Vì vậy, khi các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất tổ chức sản xuất kém hiệu quả, nông dân đề nghị được lấy lại ruộng để tự sản xuất, lãnh đạo huyện chấp thuận cho hợp tác xã điểm Phú An giải quyết cho 15 hộ lấy ruộng hợp tác xã ra làm cá thể. Năm 1980, phong trào làm ăn tập thể của nhân dân ngày càng gặp nhiều khó khăn.

Thông qua hợp tác hóa nông nghiệp và thủ công nghiệp, huyện vận động cải tạo 232 hộ công thương nghiệp tư doanh, tổ chức 16 cơ sở thương nghiệp bán lẻ cho nhân dân. Tháng 12/1979, khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV), huyện đã tiến hành đăng ký kinh doanh công - thương nghiệp và cấp giấy hành nghề cho 268 hộ tại thị trấn Bến Cát để rút kinh nghiệm, nhân rộng sản xuất, kinh doanh.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (1976 - 1980), Đảng bộ, nhân dân huyện Bến Cát

đã giành được những thắng lợi quan trọng trong khai hoang, phục hóa, khôi phục sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh, trực tiếp góp phần chiến đấu giữ vững biên giới phía tây của tỉnh, góp phần bảo vệ hòa bình, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Trên mặt trận lao động, sản xuất và chiến đấu, Đảng bộ và nhân dân Bến Cát đã vượt qua mọi khó khăn về thiên tai và hậu quả chiến tranh, khắc phục những khó khăn trong tổ chức hợp tác hóa nông nghiệp để hoàn thành tốt nhiệm vụ tại chỗ cũng như chỉ tiêu huy động lực lượng chiến đấu và lương thực cho tỉnh.

III- VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, THỬ THÁCH, ĐẨY MẠNH CẢI TẠO, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, GIỮ VỮNG AN NINH CHÍNH TRỊ, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1981 - 1986)

1. Đẩy mạnh cải tạo, phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội

Những năm 1981 - 1982, Bến Cát tiếp tục nỗ lực thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II. Khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV), tình hình kinh tế đã có sự chuyển biến rõ rệt, nhân dân phấn khởi, tin tưởng, ra sức tăng cường sản xuất trên hầu hết các lĩnh vực, ngành nghề.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, năm 1982, huyện thành lập Công ty Bách hóa tổng hợp (cấp 3); nâng cấp hợp tác xã mua bán thành Công ty xuất nhập khẩu huyện Bến Cát để kịp thời thu mua nguồn hàng, mở rộng kinh doanh.

Thời điểm này, mặc dù có những hạn chế, nhưng nhìn chung, phong trào lao động sản xuất của huyện đã từng bước phát triển. Các vụ lúa đông - xuân, xuân - hè, hè - thu đã trở thành phong trào thi đua lao động sản xuất của quần chúng. Công tác huy động lương thực, thu mua nông sản trước đây

gặp nhiều khó khăn nên kết quả thấp, nay trở thành hoạt động nghĩa vụ thường xuyên của nhân dân. Ý thức tự giác thực hiện nghĩa vụ của quần chúng nhân dân là thắng lợi to lớn, bao gồm cả về vật chất lẫn tinh thần, làm cơ sở phát huy và bảo đảm các thắng lợi khác.

Ngày 03/02/1983, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bến Cát lần thứ III được tổ chức. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 35 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí; đồng chí Trần Bình làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Văn Thu làm Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Phạm Văn Hòa làm Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III, Bến Cát có những điều kiện thuận lợi về lao động, đất đai, ngành nghề. Với tổng diện tích tự nhiên 107.400ha, trong đó đất nông nghiệp 42.333ha, đất lâm nghiệp 16.915ha, đất sét cao lanh 47 triệu mét khối... Về tổ chức hành chính, Bến Cát có 1 thị trấn và 23 xã với 136.536 người dân, trong đó có 65.836 lao động chính, lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ 93%. Đất đai thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi, trồng cây công nghiệp. Mạng lưới giao thông thuận tiện cho việc đi lại, giao lưu hàng hóa.

Để tăng cường sự lãnh đạo một cách toàn diện và hiệu quả, Đảng bộ huyện Bến Cát luôn quan tâm, chú trọng công tác xây dựng Đảng. Trong nhiệm kỳ, tỉnh rút 2 người, đưa đi học 3 người, khai trừ 1 người, bầu bổ sung 1 người, còn 30 đồng chí hoạt động. Đảng bộ huyện giữ vững được sự đoàn kết, thống nhất, căn cứ vào nghị quyết để thực hiện nhiệm vụ, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo, Đảng bộ huyện cũng từng bước củng cố và nâng cao năng lực lãnh đạo, nhận thức về tư tưởng, qua đó, trình độ tổ chức thực hiện Nghị quyết của từng đồng chí trong cấp ủy Đảng được nâng

lên rõ rệt. Các tổ chức cơ sở đảng thường xuyên được củng cố và tăng cường. Năm 1983, huyện Bến Cát có 51 cơ sở đảng, với 8 đảng ủy với 1.313 đảng viên, hầu hết các ấp đều có tổ chức đảng hoặc chi bộ. Kết quả phân loại cơ sở đảng năm 1984, có 11 cơ sở vững mạnh, 27 cơ sở khá, 11 cơ sở yếu và 2 cơ sở kém. Năm 1985, chất lượng cơ sở đảng được nâng lên với 21 cơ sở vững mạnh, 28 cơ sở khá, 2 cơ sở yếu và không còn cơ sở kém, trong đó, 9 cơ sở được tỉnh khen thưởng. Công tác phát triển Đảng cũng được quan tâm, huyện đã phát triển được 190 đảng viên mới, hầu hết đều trẻ, có trình độ năng lực và phẩm chất đạo đức cách mạng.

Hoạt động của bộ máy nhà nước từng bước được cụ thể hóa trong cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Bộ máy nhà nước từ huyện đến xã được củng cố, hoàn thiện thêm một bước. Huyện đã giảm bớt 6 phòng, ban (còn 15), giảm 36 người (còn 120). Lề lối làm việc được cải tiến, chất lượng hoạt động của các phòng, ban được nâng lên. Các phòng ban ngày càng làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh bước đầu đổi mới cơ chế quản lý, đi vào hạch toán kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa V) (6/1985). Một số cơ sở làm ăn có lãi như Xí nghiệp quốc doanh gạch ngói Tân Định, Công ty Lương thực và Công ty Thương nghiệp Tổng hợp, các cơ sở còn lại bước đầu có chuyển biến.

Hội đồng nhân dân huyện, xã tổ chức tiếp dân, tiếp xúc cử tri theo định kỳ, lắng nghe ý kiến đóng góp của cử tri và đã khắc phục được một số mặt hạn chế nhất định. Đồng thời, thông qua các cuộc tiếp xúc, tuyên truyền, giải thích chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, tính năng động sáng tạo và quyền làm chủ tập thể của nhân dân đã được phát huy.

Trong nhiệm kỳ này, cơ chế tập trung, bao cấp bước đầu được chuyển sang hướng hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện “bù giá vào lương”, đổi tiền, nên tình hình kinh tế - xã hội có những đột biến. Sản xuất chậm phát triển, giá cả tăng vọt, các mặt hàng phục vụ đời sống thiếu thốn nghiêm trọng, gây khó khăn trong việc lãnh đạo và tổ chức thực hiện. Trong cải tiến cơ chế quản lý kinh tế và phát triển sản xuất, từng xã đều đã đề ra chương trình, kế hoạch hành động nhưng giải quyết công việc phần lớn còn chạy theo sự vụ, bị động, chưa thực hiện đầy đủ nội dung Nghị quyết đã đề ra. Đội ngũ cán bộ cơ sở còn thiếu, trình độ quản lý còn yếu. Điều kiện kinh tế khó khăn, chế độ sinh hoạt phí còn quá thấp nên không động viên, khuyến khích được tính năng nổ của cán bộ trong công tác.

Trong việc nghiên cứu thi hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ và của tỉnh, lãnh đạo huyện đã rất cân nhắc trong quá trình vận dụng để giảm nhẹ khó khăn trong sản xuất và lưu thông như: Giao hẳn cho các hộ trong sản xuất nông nghiệp, khoán trên chân ruộng cũ; trong ba thu (thu thuế, thu nợ, thu mua), coi trọng thu mua nông sản theo giá thỏa thuận, từng bước để nông dân có quyền đối với ruộng đất và sản phẩm mình làm ra; nới lỏng việc cải tạo công thương nghiệp, không cải tạo đối với thợ cắt tóc, hàng quán nhỏ có tính dịch vụ và bản lẻ, đặc biệt với thợ sửa chữa nhỏ thì trả lại đồ nghề cho họ tiếp tục hành nghề; giao lại máy xay xát gạo cho chủ cũ; bãi bỏ việc xay gạo phải xin giấy; thương nghiệp quốc doanh được buôn bán đường dài, mở rộng kinh doanh nhiều mặt hàng...

Quá trình tổ chức lại và thực hiện các biện pháp đẩy mạnh sản xuất trong 3 năm (1983 - 1985) đã tạo được sự chuyển biến trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh. Từ đó, diện mạo của huyện có sự thay đổi, đời sống của nhân dân bắt đầu khởi sắc, lòng tin của nhân dân được củng cố.

Về sản xuất nông nghiệp, là huyện trọng điểm về nông nghiệp của tỉnh, được sự tập trung chỉ đạo và hỗ trợ một phần về vật tư, tiền vốn của tỉnh, huyện đã dồn sức xây dựng các công trình thủy lợi, đầu tư giống mới, phân bón, thuốc trừ sâu để phát triển nông nghiệp. Về thủy lợi, huyện đầu tư hơn 400 triệu đồng xây dựng 21 công trình thủy lợi vừa và nhỏ, 27 giếng khoan có áp, tưới cho 2.600ha cây trồng, nâng hệ số sử dụng ruộng đất từ 1,2 lần năm 1976 lên 1,6 lần năm 1985.

Với sự cố gắng đầu tư, tạo điều kiện của tỉnh và huyện, cùng với sự lao động cần cù, nỗ lực học hỏi, tiếp thu, ứng dụng kỹ thuật nông nghiệp, kết hợp các biện pháp thâm canh tăng vụ, các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã và các hộ nông dân trong huyện đã gieo trồng được 19.065ha, đạt 74,79% kế hoạch, nếu tính cả diện tích xen canh thì đạt 100% kế hoạch. Diện tích lúa đạt 9.325ha, trong đó lúa 2 vụ đạt 1.876ha, năng suất bình quân 26 tạ/ha, tăng 18,18% so với năm 1982; lúa năng suất cao đạt 290ha, năng suất bình quân 32 tạ/ha.

Tổng sản lượng lương thực năm 1985 đạt 31.709 tấn quy lúa, bình quân nhân khẩu 344 kg/năm (không tính nhân khẩu vùng cao su), đạt 134,37% kế hoạch. Huyện có hơn 4.000ha cây đậu phộng, phần lớn tập trung ở Chánh Phú Hòa và Hòa Lợi, năng suất bình quân 6,8 tạ/ha, có nơi lên đến 15 tạ/ha. Diện tích cây điều phát triển nhanh với hơn 1.500ha trồng phân tán trong nông dân. Diện tích cao su cũng tăng nhanh với 225ha cao su khai hoang trồng mới của các nông trường cao su của huyện và 50ha trong nhân dân. Đàn gia súc tăng bình quân hằng năm gần 2.000 con.

Trong hoàn cảnh khó khăn về tài chính, vật tư, tỉnh và huyện vẫn cố gắng đầu tư phát triển nông nghiệp, tuy nhiên còn chậm và ít, không đồng bộ và thiếu tập trung nên hiệu quả kém. Các công trình thủy lợi phần lớn được khai thác,

sử dụng có hiệu quả, diện tích canh tác được mở rộng nhanh chóng. Việc áp dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật còn nhiều hạn chế, chưa đồng bộ, nhất là việc áp dụng giống mới nên chưa tạo ra được một sự chuyển biến về các biện pháp thâm canh tăng vụ cải tạo đồng ruộng, xây dựng vùng lúa và vùng nông sản có năng suất cao. Tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề còn lớn, nhưng chưa được khai thác và sử dụng triệt để, năng suất cây trồng phát triển chậm, nhất là năng suất lúa còn thấp và không ổn định. Chính sách giá cả thu mua còn bất hợp lý giữa hàng công nghiệp và hàng nông sản, lương thực, thực phẩm nên chưa khuyến khích được người sản xuất. Đàn heo giảm mạnh do việc tổ chức tiêm ngừa phòng dịch cho đàn gia súc chưa kịp thời, huyện chưa có cơ sở chế biến thức ăn gia súc, chưa có chính sách đầu tư thỏa đáng...

Được tỉnh và các đơn vị kinh tế Trung ương giúp đỡ cùng với sự đóng góp của các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân, một số công trình được xây dựng mới, hệ thống đường bộ nối huyện với các xã và giữa các xã được sửa chữa. Hai huyện Bến Cát và Củ Chi đã hợp tác xây dựng phà qua sông Sài Gòn (phà Bến Súc - Phú Mỹ Hưng) với tải trọng 50 tấn, tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu giữa hai huyện. Các xe trong huyện đã cải tạo được đưa vào quốc doanh và tập thể, phục vụ phần lớn cho vận tải hàng hóa và hành khách.

Về cơ sở vật chất, hầu hết các nhà làm việc của các cơ quan, các cơ sở kinh tế và công trình công cộng cần phải xây lại. Trong nhiệm kỳ, huyện đã tôn tạo, nâng cấp được Nghĩa trang liệt sĩ huyện, xây dựng nhà hát nhân dân 1.200 chỗ ngồi, trạm bảo vệ thực vật, nhà làm việc của bệnh viện, ngân hàng, Ban Tuyên huấn, Huyện đội, công an và nhiều cơ sở kinh tế khác, nổi bật là các cơ sở của ngành thương nghiệp. Phần lớn các xã đều đã xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân. Nhà ở của nhân dân cũng từng bước được sửa chữa và xây

dựng mới, nhiều hộ đặt mục tiêu phấn đấu xây dựng nhà tường mái ngói. Cuối năm 1985, tỷ lệ nhà mái ngói và tôn chiếm 60% (phần lớn ở vùng kinh tế cũ). Nhìn một cách toàn diện, các công trình xây dựng mới của huyện phần nhiều là bán kiên cố, đã góp phần tạo nên một gương mặt mới, khí thế mới cho việc phát triển sản xuất và đời sống.

Tuy có nhiều cố gắng nhưng hoạt động của ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp vẫn còn trì trệ, chưa tập trung đầu tư phát triển tương xứng với yêu cầu phát triển nông nghiệp, chưa hỗ trợ tích cực cho nông nghiệp. Công nghiệp chế biến và sản xuất nông cụ còn yếu. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng chưa đáp ứng được yêu cầu, xe vận tải hàng hóa còn thiếu.

Trong khi nông nghiệp, công nghiệp phấn đấu tăng cường sản xuất và sản xuất có hiệu quả thì lâm nghiệp của huyện gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức bảo vệ rừng. Hầu hết rừng của huyện không còn do bị tàn phá trong chiến tranh, một số lõm rừng còn lại bị khai thác không có kế hoạch vào những năm đầu mới giải phóng. Nhằm gây dựng lại vốn rừng, năm 1983, huyện đã thành lập Lâm trường Long Nguyên để chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng còn lại (chủ yếu là rừng tái sinh). Đến năm 1985, huyện trồng mới được 243ha, trong đó giao cho tập đoàn sản xuất quản lý 43ha; bước đầu giao đất, giao rừng cho xã, hợp tác xã và tập đoàn sản xuất quản lý 6.315ha. Đồng thời, huyện đã phát động rộng rãi phong trào trồng cây gây rừng, bình quân hàng năm trồng mới 350.000 cây. Do công tác quản lý bảo vệ rừng chưa chặt chẽ và xử lý vi phạm chưa nghiêm, việc giáo dục pháp lệnh bảo vệ rừng trong quần chúng còn hạn chế, cộng với những hiện tượng tiêu cực trong một số cán bộ, nhân viên quản lý, bảo vệ rừng nên diện tích rừng còn lại có nguy cơ bị xâm hại, diện tích rừng trồng mới bị cháy.

Thực hiện chủ trương “Nắm chắc bán buôn, nới lỏng thị trường bán lẻ”, ngành thương nghiệp huyện tăng cường bán buôn đường dài, mở rộng kinh doanh đa dạng nhiều mặt hàng. Mạng lưới thương nghiệp ngày càng được mở rộng và phát triển. Lãnh đạo ngành rất cố gắng để vừa bảo đảm kinh doanh có lãi, vừa phục vụ được nhu cầu thiết yếu cho đời sống của nhân dân. Ngành đã xây dựng được 2 cửa hàng bách hóa tổng hợp ở Bến Cát, Dầu Tiếng; mở nhiều cửa hàng bán lẻ, ăn uống, dịch vụ. Các xã đều có hợp tác xã mua bán. Từ năm 1978 đến năm 1985, hợp tác xã mua bán xã An Điền là đơn vị tổ chức kinh doanh hiệu quả nhất trong huyện. Ban Chủ nhiệm hợp tác xã (do ông Nguyễn Văn Ký làm Chủ nhiệm, ông Hồ Hồng Ngọc làm Phó Chủ nhiệm) luôn năng động, đẩy mạnh các phương thức kinh doanh. Ngoài vốn nhận của Công ty thương nghiệp huyện ứng trước, Ban Chủ nhiệm còn mạnh dạn vay vốn ngân hàng, huy động vốn của tư nhân để tổ chức kinh doanh, làm đại lý thu mua tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho Công ty lương thực huyện và các công ty thương mại, hợp tác xã mua bán trong, ngoài tỉnh; nhận mua về hàng công nghiệp tiêu dùng, xăng dầu vật tư phục vụ sản xuất và mua thực phẩm ở các tỉnh miền Tây, Bà Rịa - Vũng Tàu (cá khô, mắm, cá tươi...) để bán cho nhân dân địa phương. Ngoài ra, hợp tác xã còn tổ chức mua trâu, bò, heo mổ thịt để bán cho nhân dân, tổ chức dịch vụ uốn tóc, cắt tóc, xay lúa, bán điện máy, sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, chế biến thức ăn gia súc... Doanh thu của hợp tác xã hàng năm đều tăng mạnh. Mạng lưới phục vụ của hợp tác xã cũng mở rộng đến tận xóm, ấp (gồm ba cửa hàng ở ba ấp và hàng chục quầy hàng ở các xóm). Do tổ chức kinh doanh có hiệu quả, hợp tác xã An Điền đã được lãnh đạo tỉnh, huyện và ngành thương nghiệp tỉnh công nhận là lá cờ đầu của các hợp tác xã mua bán trong tỉnh. Từ năm 1984 đến năm 1986, hợp tác xã mua bán An Điền đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé tặng 3 bằng khen

và giữ cò luân lưu 3 năm liền. Bên cạnh lá cò đầu là hợp tác xã An Điền còn có hợp tác xã mua bán Chánh Phú Hòa (do ông Trần Văn Ghe làm Chủ nhiệm) cũng kinh doanh có hiệu quả tốt. Nguồn hàng hợp tác xã Chánh Phú Hòa phục vụ cho nhân dân như lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đáp ứng được tương đối nhu cầu ăn mặc và sản xuất cho nhân dân trong xã. Tuy nhiên, phạm vi mua bán trao đổi nguồn hàng, chủng loại hàng kinh doanh hạn chế hơn hợp tác xã An Điền.

Thương nghiệp huyện khai thác, nắm 70% nguồn hàng tại địa phương, chủ yếu là các mặt hàng nông sản xuất khẩu; thu mua heo hơi và các loại đậu, hạt điều mỗi năm đều tăng, đạt và vượt chỉ tiêu. Đồng thời, thương nghiệp huyện còn mở rộng liên doanh, liên kết với các huyện, tỉnh khác để trao đổi nguồn vật tư, hàng hóa phục vụ cho phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân trong huyện. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chiếm đại bộ phận bán buôn và 80% bán lẻ, hỗ trợ tích cực cho phát triển kinh tế và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho huyện. Ngoài việc đầu tư 45.500.000 đồng bằng vật tư hàng hóa cho các tập đoàn sản xuất chuyên canh cây đậu phộng, ngành thương nghiệp còn đầu tư vốn mở rộng sản xuất kinh doanh tổng hợp, sản xuất nước đá, bánh kẹo, đường, nước chấm, xà bông, chế biến nông sản, chăn nuôi heo, sữa chữa điện tử, mở rộng cơ sở vật chất của ngành và hỗ trợ một phần xây dựng Nghĩa trang liệt sĩ, Nhà hát và trụ sở Ủy ban nhân dân huyện.

Năm 1985, Công ty Bách hóa tổng hợp huyện đổi tên thành Công ty Thương mại tổng hợp. Năm 1986, công ty được trực tiếp xuất khẩu hàng nông sản sang các nước Malaixia, Xingapo, Thái Lan. Bằng cách đầu tư ứng trước vốn cho sản xuất, hàng năm, Công ty Thương mại tổng hợp Bến Cát (tên giao dịch là Becamex) và Công ty Xuất khẩu Bến Cát đã thu mua phần lớn hàng nông sản xuất khẩu như: đậu xanh, đậu phộng, hạt điều

và tôm càng; tổng giá trị xuất khẩu năm 1985 đạt 685.000 USD, tăng 226% so với năm 1980, bình quân đầu người đạt 2 USD (1980) và 7,8 USD (1985).

Về công tác cải tạo nông nghiệp, bản khoản trước tình trạng sản xuất nông nghiệp bị sa sút, tổ chức làm ăn tập thể không hiệu quả, nông dân bỏ ruộng ở nhiều nơi kể cả ở hợp tác xã điểm, lãnh đạo chính quyền các cấp đã cố gắng tìm giải pháp để tạo động lực mới cho sản xuất nông nghiệp. Từ tổng kết kinh nghiệm giao khoán cho xã viên ở một số địa phương, ngày 13/01/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp (gọi tắt là Chỉ thị 100). Chủ trương này được nông dân tích cực hưởng ứng góp phần chặn đứng sự sa sút trong sản xuất nông nghiệp, mở đầu cho bước đổi mới cơ chế quản lý trong những năm sau. Từ khi có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, và các nghị quyết Trung ương 4, 6 và 8 (khóa V), công tác cải tạo nông nghiệp đã có chuyển biến rõ rệt. Quá trình giáo dục, thuyết phục, kết hợp làm thí điểm khoán ở nhiều nơi thành công như ở Định Thành, Thanh Tuyên, Tân Định... đã phát huy tác dụng tích cực. Từ 9 tập đoàn sản xuất và 1 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong các năm 1982 - 1983, Đảng bộ huyện tập trung cho công tác cải tạo nông nghiệp, xây dựng mới 210 tập đoàn sản xuất, 1 hợp tác xã, chiếm 90,74% số hộ và 84,61% diện tích trong hai năm 1984 - 1985. Đến tháng 6/1985, huyện đã cơ bản hoàn thành công tác tổ chức hợp tác hóa nông nghiệp. Huyện còn thực hiện củng cố, nâng cao chất lượng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, đi vào hướng sản xuất, kinh doanh tổng hợp. Ngoài sản xuất lương thực, có hơn 30 tập đoàn sản xuất và 1 hợp tác xã chú trọng mở rộng ngành nghề như: xay xát lúa gạo, ép mía làm đường, mở lò gạch, lò rèn và mở ra các điểm bán hàng, ăn uống, dịch vụ phục vụ xã viên, tập đoàn viên. Kết quả ăn chia phân phối vụ đông -

xuân 1984 - 1985 bình quân đạt 6,2kg lúa/ngày và vụ mùa đạt 7,4kg lúa/ngày. Riêng hợp tác xã Phú An vẫn duy trì sản xuất, phấn đấu tăng hiệu quả và động viên các xã viên hoàn thành kế hoạch sản xuất.

Công tác cải tạo nông nghiệp tuy đã cơ bản hoàn thành nhưng nhìn chung chất lượng còn rất thấp. Việc đầu tư giống mới, phân bón và thuốc trừ sâu chưa được thực hiện kịp thời và đồng bộ, chưa ứng dụng mạnh mẽ các biện pháp thâm canh tăng vụ, cải tạo đồng ruộng trong tập đoàn sản xuất. Phần lớn các tập đoàn sản xuất còn độc canh cây lúa, chưa mở ra hướng sản xuất, kinh doanh tổng hợp. Kết quả phân chia còn thấp, một số tập đoàn sản xuất chỉ là hình thức. Tuy quá trình tổ chức sản xuất của hợp tác xã và tập đoàn sản xuất còn nhiều bất cập, song phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đã vận động được nhân dân giúp nhau khai hoang ruộng, đất, thực hiện các khâu trong sản xuất hiệu quả hơn và nhất là điều tiết được ruộng đất trong nhân dân. Nhiều hộ nông dân nghèo, gia đình chính sách không có đất sản xuất đã được cấp ruộng đất để sản xuất, ổn định đời sống.

Trong cải tạo công - thương nghiệp, giao thông - vận tải, các đầu xe cơ giới trong huyện đã được đưa vào công ty vận tải hàng hóa, hành khách và hợp tác xã. Đối với các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, 45% nhà máy xay xát lúa đã thực hiện cải tạo xong, trong đó tập đoàn sản xuất quản lý 33 nhà máy xay lúa. Các nhà máy nước đá, chế biến bột mì, lò đường, ép dầu cơ bản cũng đã được cải tạo đưa vào quốc doanh, công tư hợp doanh, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất.

Cuối năm 1985, công tác cải tạo công - thương nghiệp cơ bản hoàn thành, nhưng chất lượng chưa cao, nhiều cơ sở vẫn mang nặng hình thức, không thể hiện đúng nội dung, tính chất xã hội chủ nghĩa; cải tạo công - thương nghiệp từng lúc, từng nơi chưa kết hợp chặt chẽ với cải tạo nông nghiệp.

Nhìn chung, lĩnh vực phân phối lưu thông, tài chính có nhiều tiến bộ đã đem lại nhiều lợi ích trong việc phục vụ phát triển địa phương và đời sống nhân dân, nhưng cũng còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm. Từng lúc vẫn để xảy ra những biến động phức tạp, cơ chế giá không ổn định, giá thu mua lương thực thực phẩm còn chênh lệch, thấp, chưa đồng bộ, chưa tương ứng với hàng công nghiệp, gây khó khăn trong sản xuất, thu mua và nắm hàng. Đời sống nhân dân dù được nâng lên nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thậm chí một bộ phận nông dân còn thiếu ăn. Đời sống của những người làm công ăn lương giảm sút nghiêm trọng, trong lúc đó, một bộ phận không nhỏ những kẻ lén lút làm ăn phi pháp, những người buôn bán lại có thu nhập cao, đời sống sung túc. Chính sách đầu tư khuyến nông, sản xuất hàng xuất khẩu chưa được quan tâm đúng mức nên chưa khai thác được hết nguồn hàng xuất khẩu tại địa phương. Thuế nông nghiệp còn bị thất thu khá lớn, qua cân đối ngân sách chỉ còn hơn 1.000.000 đồng, nếu chi đúng theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện thì bị bội chi ngân sách rất lớn.

Về tài chính - ngân sách, huyện đã tận dụng được các nguồn thu để bảo đảm cho các yêu cầu chi. Những năm 1984 - 1985 đã cơ bản cân đối được ngân sách huyện. Tổng thu ngân sách đạt 16.540.107 đồng, trong đó phần huyện hưởng là 14.183.523 đồng; tổng chi là 12.765.926 đồng. Có 11/23 xã đã chủ động được nguồn thu - chi. Huyện đã quản lý được một phần tiền mặt để chi lương, hỗ trợ cho công tác thu mua, phát triển sản xuất và xây dựng cơ bản, ngoài ra cũng đã phát triển được 13 hợp tác xã tín dụng, bước đầu huy động được một phần tiền nhàn rỗi trong nhân dân hỗ trợ cho sản xuất và thu mua.

Từ năm 1984 đến năm 1985, với chủ trương tự lực là chính, Đảng bộ huyện Bến Cát quyết tâm xây dựng ngân sách Đảng, bảo đảm phần lớn việc chi lương, chi hoạt động cho khối Đảng.

Nhờ đó, lần đổi tiền năm 1985 tuy có tác động xấu đến đời sống cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, nhưng huyện vẫn khắc phục cân đối được ngân sách.

Tuy có những khuyết điểm, hạn chế và dù trong tình trạng bị chi phối bởi cơ chế hai giá (giá bán thị trường tự do và giá phân phối theo tiêu chuẩn của Nhà nước bao cấp), giá cả thị trường tăng cao, tiền tệ bị lạm phát gây khủng hoảng kinh tế - xã hội trên cả nước, song Bến Cát đã rất nỗ lực để giảm bớt được khó khăn trong nhân dân, tự lực giải quyết chi lương cho khối Đảng và hoạt động của Huyện ủy, quản lý được tiền mặt để chi hỗ trợ thu mua, chi đầu tư phát triển sản xuất và xây dựng cơ bản. Đó là thắng lợi quan trọng của huyện.

2. Phát triển văn hóa, giáo dục, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh

Trên mặt trận giáo dục, huyện đã căn bản hoàn thành xóa mù chữ cho nhân dân trong năm 1980. Tuy cơ sở vật chất phục vụ dạy và học còn thiếu thốn, khó khăn nhưng huyện vẫn cố gắng dành kinh phí sửa lại nhà cũ để làm phòng học và nơi ở cho học viên các lớp bổ túc văn hóa. Năm 1981, huyện xây dựng mới 18 phòng học, nâng tổng số phòng học lên 303 phòng. Năm học 1981 - 1982, huyện có trên dưới 20.000 học sinh phổ thông; có 385 người học bổ túc văn hóa tại chức, trong đó cấp I: 193 học viên, cấp II: 160 học viên, cấp III: 46 học viên; bổ túc văn hóa phổ thông có 36 học viên, trong đó cấp I: 4 học viên, cấp II: 32 học viên.

Chất lượng giáo dục đã chuyển biến rõ rệt qua từng năm. Bước đầu huyện đã thực hiện chương trình cải cách giáo dục ở cấp I đạt một số kết quả nhất định. Tỷ lệ tốt nghiệp phổ thông cơ sở năm 1985 đạt 92,6%, phổ thông trung học đạt 100%. Hầu hết thanh, thiếu niên trong lứa tuổi đi học đều được

đến trường. Do đó, số lượng học sinh hằng năm tăng nhanh, năm 1984 có 29.460 học sinh, năm 1985 tăng lên 39.255 học sinh. Ngành học bổ túc văn hóa cũng thường xuyên duy trì; có hơn 4.000 cán bộ, công nhân theo học chương trình cấp I, II. Huyện thành lập Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông.

Hầu hết các trường, lớp đã ổn định, song do nhiều nguyên nhân nên một số giáo viên vẫn chưa thật sự yên tâm công tác, nhất là số giáo viên công tác tại những xã xa xôi, hẻo lánh, điều kiện sinh hoạt, phương tiện đi lại khó khăn. Vì vậy, việc bỏ tiết, bỏ giờ lên lớp thỉnh thoảng xảy ra, thậm chí có 87 người đã tự ý bỏ việc, 6 người xin nghỉ việc. Một số trường chất lượng giảng dạy giảm hơn trước. Để khắc phục tình trạng này, lãnh đạo các xã cùng Ban Giám hiệu các trường đã vận động nhân dân đóng góp công sức để làm nhà tập thể, tạo điều kiện để giáo viên có nơi ở lại nhằm bảo đảm sức khỏe và thời gian lên lớp. Được sự quan tâm giúp đỡ của địa phương, giáo viên phấn khởi, gắn bó hơn với trường, lớp và học sinh.

Ngành văn hóa - thông tin huyện có nhiều tiến bộ. Huyện đã xây dựng được 29 đài, trạm truyền thanh ở các xã và nông trường, thường xuyên tuyên truyền giải thích chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cổ động quần chúng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Đài truyền thanh của huyện 4 năm liên được công nhận là đơn vị khá nhất tỉnh Sông Bé. Văn hóa đồi trụy, phản động cơ bản đã bị xóa bỏ, tệ nạn mê tín đã giảm đáng kể. Sách, báo, phim ảnh cách mạng từng bước đi vào đời sống nhân dân, phong trào văn hóa văn nghệ quần chúng có nhiều tiến bộ; phong trào xây dựng gia đình văn hóa mới được nhiều đơn vị đăng ký thực hiện, trong đó, Công ty Cao su Dầu Tiếng có phong trào phát triển mạnh nhất.

Phong trào thể dục - thể thao phát triển khá đều ở các cơ quan, đơn vị nông - lâm trường và các xã, với đủ các môn như bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, điền kinh, bơi lội... Toàn huyện có hàng ngàn người đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể. Qua các phong trào thi đấu, các vận động viên trong huyện đã giành được 10 huy chương vàng, 4 huy chương bạc, 10 huy chương đồng; trường cấp II, III Bến Cát 4 năm liên được công nhận là đơn vị khá nhất về thể dục, thể thao toàn tỉnh. Văn nghệ quần chúng thường xuyên tổ chức biểu diễn, mỗi năm có hàng trăm buổi. Thư viện đã xây dựng được nền nếp mượn và đọc sách cho học sinh các trường, đã phục vụ 3.000 lượt người đến thư viện đọc và mượn sách. Phòng Văn hóa - Thông tin đã tổ chức sinh hoạt nếp sống văn hóa, mở 2 lớp ca múa cho 15 học viên là công nhân viên các cơ quan, nông trường và các xã.

Từ năm 1981 đến năm 1985, ngành y tế huyện đã mở 4 lớp đào tạo được 265 y tá; trang bị thêm nhiều thiết bị y tế, thuốc men điều trị và dự phòng; xây dựng mạng lưới y tế cơ sở. Hệ điều trị được nâng cao và mở rộng về nội, ngoại khoa, cấp cứu. Công tác đông y cũng được hình thành và có sự phối hợp cùng tây y trong điều trị bệnh. Công tác tuyên truyền, giáo dục vệ sinh phòng bệnh được đẩy mạnh. Chất lượng khám, điều trị bệnh được nâng cao và đạt hiệu quả cao hơn trước. Trình độ chuyên môn của đội ngũ y tế được nâng lên. Phong trào vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình phát triển rộng rãi ở các nơi, đã có trên 20.000 người thực hiện các biện pháp sinh đẻ có kế hoạch. Trong 3 năm (1983 - 1985) có 6.916 người thực hiện, tỷ lệ phát triển dân số từ 2,5% năm 1982 đã giảm xuống còn 2% năm 1985.

Nhìn chung, công tác văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao của huyện đã đạt được những thành tựu quan trọng, làm cơ sở cho sự phát triển trong giai đoạn sau. Đời sống nhân dân bước đầu bớt khó khăn. Việc thực hiện chính sách đền ơn

đáp nghĩa đối với gia đình thương binh, liệt sĩ, cán bộ hưu trí, chính sách hậu phương quân đội được thực hiện tốt hơn trước. Huyện đã xây dựng được 12 ngôi nhà tình nghĩa và trao tặng đợt đầu 88 huân, huy chương cho các liệt sĩ.

Về quốc phòng - an ninh, quán triệt Nghị quyết số 03-NQ/HNTW Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII ngày 29/6/1992 về nhiệm vụ quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia, chống “diễn biến hòa bình” của địch và Nghị quyết số 128/HĐBT ngày 02/8/1982 của Hội đồng Bộ trưởng, lực lượng công an huyện thường xuyên tổ chức học tập và rèn luyện, nâng cao cảnh giác, xây dựng mạng lưới an ninh nhân dân. Công tác kiểm tra kê khai nhân khẩu, hộ khẩu đã hoàn thành, thường xuyên nắm chắc và tổ chức học tập cải tạo giáo dục các đối tượng hình sự. Nhờ vậy, ba năm (1983 - 1985), tình hình an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, lực lượng công an huyện 3 năm liền được tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”. Ngoài công tác chuyên ngành, công an huyện còn tích cực xây dựng, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống và xây dựng cơ sở vật chất của ngành. Tuy nhiên, hoạt động của công an ở cơ sở còn yếu, mỗi xã đều có tổ an ninh nhân dân, nhưng chất lượng hoạt động chưa hiệu quả, vẫn còn xảy ra một số việc trọng án và thường án.

Quán triệt Nghị quyết của Ban Thường vụ Đảng bộ huyện về việc củng cố quốc phòng - an ninh, lực lượng công an cùng với nhân dân luôn nâng cao cảnh giác, phối hợp chặt chẽ, bảo vệ các mục tiêu kinh tế, chính trị của huyện, làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với tỉnh Kratie (Campuchia) và cùng với lực lượng nghĩa vụ lao động của huyện góp phần xây dựng tuyến biên giới của tỉnh. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, học tập luật nghĩa vụ quân sự trong nhân dân, trong thanh niên nên tình trạng thanh niên chống lệnh, quân nhân bỏ ngũ đã giảm rõ rệt, 3 năm liền huyện đều đạt và vượt chỉ tiêu giao

quân. Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng chiếm 12,7% dân số trong huyện (trong đó có 1.000 quân dự bị). Nhờ thường xuyên tổ chức huấn luyện, hội thao, diễn tập và kiểm tra đột xuất nên chất lượng hoạt động của dân quân tự vệ được nâng lên. Dân quân tự vệ còn là lực lượng xung kích xây dựng kinh tế ở cơ sở, tham gia các phong trào hành động cách mạng. Lực lượng vũ trang huyện cũng tích cực tham gia xây dựng kinh tế, cải thiện đời sống và xây dựng cơ sở vật chất của đơn vị. Chất lượng hoạt động, huấn luyện của lực lượng vũ trang huyện có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, việc giáo dục quốc phòng toàn dân chưa rộng khắp và thường xuyên, phong trào thực hiện nghĩa vụ quân sự phát triển chưa đồng đều ở các xã.

Huyện đã thực hiện tốt việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, trước hết là quyền làm chủ tập thể về kinh tế ở cơ sở, dựa trên sự thống nhất giữa ba lợi ích: Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

4. Vận động quần chúng thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quyết tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III

Giai đoạn 1981 - 1985, công tác vận động quần chúng được Đảng bộ huyện rất quan tâm, chú trọng hơn nữa. Các đoàn thể ở cơ quan và các xã sâu sát quần chúng hơn, qua đó, vận động quần chúng tham gia các phong trào cách mạng, nhất là phong trào cải tạo nông nghiệp và công thương nghiệp. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện có hơn 3.000 đoàn viên, trong đó đa số nam, nữ công nhân viên chức, trí thức, nông dân đều được tập hợp vào các tổ chức Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân tập thể và là lực lượng nòng cốt đi đầu trong các phong trào cách mạng. Thiếu niên, nhi đồng cũng được thường xuyên chăm sóc, giáo dục trong tổ chức Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh và Đội Nhi đồng

Hồ Chí Minh. Các tổ chức tôn giáo trên địa bàn huyện luôn hướng tín đồ chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận động tín đồ mua công trái xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, công tác vận động quần chúng thời kỳ này chưa được quan tâm đúng mức. Việc tuyên truyền, giáo dục chưa thường xuyên, sâu rộng và thiết thực để nâng cao nhận thức, tin tưởng hơn vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong nhân dân. Các đoàn thể tuy có cố gắng tổ chức gây dựng phong trào, nhưng hoạt động còn nhiều hạn chế, còn mang nặng tính hình thức, chưa tạo được chuyển biến mạnh về số lượng và chất lượng. Từng lúc, từng nơi, các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên còn xa rời quần chúng, xem nhẹ vai trò của 3 đoàn thể, nên có lúc thiếu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để củng cố và phát triển phong trào.

Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bến Cát lần thứ III đạt được nhiều thắng lợi là nhờ trong quá trình thực hiện, Đảng bộ luôn có sự đoàn kết, thống nhất từ Ban Chấp hành đến các cơ sở và từng đảng viên, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, đi đôi với sự năng động, sáng tạo của các tổ chức cơ sở đảng; nhờ sự điều hành, chỉ đạo thống nhất của Ủy ban nhân dân huyện, sự hoạt động khá đồng bộ giữa các ban ngành, đoàn thể và ý thức tự lực vươn lên, sự năng động sáng tạo của nhiều cơ sở, của các đơn vị sản xuất, kinh doanh. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên giữ được phẩm chất đạo đức cách mạng, luôn phấn đấu xây dựng và phát triển kinh tế. Nhờ đó, nhân dân tin vào Đảng, cần cù lao động sáng tạo.

Bên cạnh đó, những hạn chế, yếu kém trong việc thực hiện Nghị quyết cũng có nhiều nguyên nhân. Về khách quan, trước hết là do cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp kéo dài nhiều năm chưa bị xóa bỏ hẳn, cơ chế quản lý mới chưa được hình thành rõ nét; thị trường chưa ổn định, giá cả tiếp tục tăng cao,

nhiều chính sách còn bất cập, chưa hợp lý nên không khuyến khích được sản xuất phát triển. Mặt khác, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn nghèo, thời tiết thất thường, nắng hạn kéo dài đã tác động không nhỏ đến việc phát triển kinh tế, xã hội của huyện. Về chủ quan, trình độ, năng lực quản lý kinh tế của cán bộ còn nhiều hạn chế. Cán bộ chưa nhận thức rõ chủ trương coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, coi Bến Cát là huyện trọng điểm về nông nghiệp của tỉnh, do đó, việc tập trung đầu tư cho nông nghiệp còn ít, chưa kịp thời và đồng bộ. Mặt khác, huyện cũng chưa sử dụng đối đa số vốn đầu tư cho nông nghiệp để khai thác hết tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề nhằm từng bước hình thành rõ nét cơ cấu kinh tế nông - công - lâm nghiệp trên địa bàn.

Tuy còn những hạn chế, song trong giai đoạn 1981 - 1985, thắng lợi đạt được là cơ bản, là tiền đề quan trọng để huyện Bến Cát vươn lên, đạt những thành tựu mới trong sự nghiệp đổi mới.

*

* *

Trong 10 năm (1975 - 1985) dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Bến Cát, cán bộ và nhân dân Bến Cát luôn đoàn kết, phát huy sức mạnh nội lực vượt qua giai đoạn khó khăn nhanh chóng khắc phục hậu quả của chiến tranh, vươn lên ổn định mọi mặt của đời sống xã hội. Trước thực tế cần phải tập trung phát triển kinh tế nhưng phải xuất phát từ đặc điểm thực tế của địa phương, Bến Cát đã điều chỉnh lại phân công lao động trong xã hội, hình thành các vùng kinh tế mới, quy hoạch lại vùng và các xã tổ chức lại sản xuất, khai thác có hiệu quả thế mạnh về sản xuất nông nghiệp. Từng bước hướng tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, từng bước xây dựng được một số cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp quốc doanh và tập thể gồm công nghiệp chế biến lương thực,

thực phẩm, chế biến lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng và sửa chữa cơ khí. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp năm 1985 đạt 29,9 triệu đồng, tăng 216% so với năm 1982, riêng công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm tăng 125%, sản xuất vật liệu xây dựng tăng 270% và sửa chữa cơ khí tăng 140%.

Ngoài ra, công tác xây dựng Đảng được củng cố tăng cường, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được phát huy. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được bồi luyện trong chiến tranh luôn tiên phong trong học tập nhất là học quản lý và xây dựng kinh tế, nêu gương bằng những hành động cụ thể trong cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, Bến Cát trong giai đoạn này vẫn còn nhiều mặt hạn chế, trong đó việc chưa quán triệt sâu sắc các nghị quyết của Trung ương và của tỉnh, chưa lường trước được những khó khăn nảy sinh từ thực tế địa bàn nên việc lãnh đạo, chỉ đạo chưa đạt được hiệu quả cao. Đời sống tinh thần của nhân dân còn thấp. Công tác văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao chưa được đầu tư và phát triển, vì vậy chưa đáp ứng được nhu cầu thụ hưởng của người dân. Dù còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng Đảng bộ và nhân dân Bến Cát vẫn hăng hái bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện.

Chương 4

BẾN CÁT THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1986 - 2014)

I- BẾN CÁT TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU ĐỔI MỚI (1986 - 1991)

Năm 1986, tình hình kinh tế - xã hội cả nước gặp nhiều khó khăn. Trên cơ sở rút kinh nghiệm thực tiễn trong giai đoạn 1981 - 1985, Đảng ta đã đề ra quan điểm cơ bản và đi đến quyết định tại Đại hội lần thứ VI (12/1986) là phải đổi mới toàn diện nền kinh tế đất nước. Đường lối đổi mới được khẳng định là xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, trước mắt, “tập trung sức người, sức của vào việc thực hiện cho được ba chương trình mục tiêu về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu”¹.

Từ ngày 24 đến ngày 26/9/1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bến Cát lần thứ IV (nhiệm kỳ 1986 - 1989) được tổ chức. Tham dự Đại hội có 228/234 đại biểu, đại diện cho 1.399 đảng viên trong toàn huyện. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 49 đồng chí (trong đó có 10 ủy viên dự khuyết); tuổi đời bình quân 37,75 (trẻ hơn so với khóa trước 5,31 tuổi),

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.381.

nữ chiếm 16,33%. Đại hội cũng bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 13 đồng chí, đồng chí Huỳnh Văn Thu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Lữ làm Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Nguyễn Văn Không - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV đã nhấn mạnh một số nhiệm vụ trong giai đoạn 1986 - 1989 như sau:

- Ổn định tương đối toàn diện về kinh tế - xã hội, trên cơ sở sắp xếp lại cho phù hợp giữa lao động - đất đai và các nguồn tài nguyên khác của huyện. Phấn đấu hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số, phân bổ lực lượng lao động phù hợp, giải quyết việc làm cho người lao động.

- Củng cố và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xác định sự tồn tại của 5 thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế quốc doanh phải đóng vai trò chủ đạo, ưu tiên phát triển kinh tế tập thể.

- Củng cố, nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng và vai trò các đoàn thể, chú trọng củng cố và kiện toàn bộ máy nhà nước từ huyện đến xã.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bến Cát lần thứ IV xác định: Cần ổn định tương đối toàn diện về kinh tế - xã hội, trước hết, cần ổn định tình hình trong lĩnh vực sản xuất, phân phối, lưu thông trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại cho phù hợp giữa lao động, đất đai và các nguồn tài nguyên khác; tổ chức sản xuất thật đồng bộ, đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, trên cơ sở đó từng bước ổn định về giá cả, tiến tới cơ bản làm chủ thị trường, bảo đảm Nhà nước nắm đại bộ phận hàng và tiền, ổn định một bước trật tự xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực phân phối lưu thông.

Tháng 11/1989, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bến Cát lần thứ V (nhiệm kỳ 1989 - 1991) được tổ chức. Đại hội đã

bầu Ban Chấp hành gồm 45 đồng chí (trong đó có 6 ủy viên dự khuyết). Trong phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã bầu Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí, đồng chí Huỳnh Văn Thu được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Lê Hoàng Nghĩa được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Văn Không được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Đại hội Đảng bộ huyện Bến Cát lần thứ V (nhiệm kỳ 1989 - 1991) đánh dấu sự chuyển biến quan trọng về tư tưởng, chính trị của Đảng bộ theo quan điểm đổi mới của Đảng. Đại hội đặt ra quyết tâm thực hiện kinh tế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Bước vào năm 1986, với chủ trương xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công - lâm nghiệp hợp lý, trong nông nghiệp, huyện chủ trương: Dựa vào kế hoạch của các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã để đầu tư về kỹ thuật và bố trí giống cây trồng, vật nuôi; phân đấu giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm trong khu vực kinh tế do huyện quản lý; có cung cấp, hỗ trợ một phần cho khu vực công nhân cao su của trung ương; tận dụng hết lao động, đất đai để sản xuất cây công nghiệp ngắn và dài ngày; trồng rừng và kinh doanh nghề rừng tạo thêm nhiều nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xuất khẩu; phát triển nhanh công nghiệp chế biến cao su, nông sản thực phẩm, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, nhất là các mặt hàng thế mạnh của địa phương, mở rộng ngành cơ khí sửa chữa và các cơ sở rèn thủ công tạo thêm nhiều công cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Trên cơ sở mục tiêu trên, huyện xác định sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu và quy hoạch 4 vùng sản xuất gồm:

Vùng 1: Các xã Định Thành, Thanh An, Thanh Tuyên, An Tây, Phú An; chủ yếu trồng cây lúa, một phần cây đậu phộng và cây điều trên đất thổ cư, chăn nuôi trâu, bò.

Vùng 2: Các xã An Lập, Long Nguyên, Long Hòa, Long Bình, Long Chiêu, Long Tân; chủ yếu sản xuất lâm nghiệp, trồng và kinh doanh nghề rừng, một phần cây lương thực, cây cao su của Trung ương.

Vùng 3: Phía đông xã Mỹ Phước, xã Lai Hưng, Hòa Lợi, Chánh Phú Hòa, phía đông xã Thới Hòa, Tân Định; chủ yếu trồng cây đậu phộng, cây lương thực, cây cao su gắn với đất thổ cư, chăn nuôi trâu, bò.

Vùng 4: Các xã Lai Uyên, Tân Long, Cây Trường, Tân Hưng, Hưng Hòa; chủ yếu trồng cây mì, mía, đậu phộng, nghệ và một phần cây lương thực, riêng vùng ruộng lúa cố gắng tăng thêm hệ số sử dụng ruộng đất bằng cách mở rộng thủy lợi, tưới tiêu để tăng vụ và bố trí 2 vụ lúa, một vụ mùa, đối với đất 3 vụ; 1 vụ lúa, 1 vụ mùa đối với đất 2 vụ và 2 vụ lúa đối với đất lầy. Đối với ruộng triền, gò không bị sập thì kiên quyết trồng cây đậu phộng trong vụ đông - xuân, vùng đất bị úng dọc sông Thị Tính trồng thí điểm cây cói. Lập khu vực trồng rau xanh để cung cấp cho hai thị trấn Bến Cát và Dầu Tiếng. Cây điều trồng trên đất gò ở các xã.

Việc phân vùng, quy hoạch vùng sản xuất rất cụ thể trên cơ sở đất đai, thổ nhưỡng và điều kiện thực tế của huyện đã tạo điều kiện hình thành những vùng chuyên canh để các xã định hướng được loại hình sản xuất, bước đầu giúp cho sản xuất nông nghiệp phát triển đúng hướng. Về sản xuất và đời sống, trước tình hình thời tiết không thuận lợi ở một số vụ mùa, huyện đã chỉ đạo các ngành chức năng đẩy mạnh liên kết kinh tế, tạo quỹ hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Mặt khác, huyện cũng phát động nhân dân và các cơ quan sản xuất tự túc 1 tháng lương thực, bù đắp diện tích bị thiệt hại. Do đó, mặc dù trong năm 1987, đời sống nhân dân trong cả nước nói chung gặp rất nhiều khó khăn, nhưng tình hình đời sống của phần lớn nhân dân Bến Cát vẫn cơ bản được bảo đảm.

Đến năm 1989, đời sống của cán bộ và nhân dân trong huyện cơ bản ổn định hơn so với trước. Điều đó đã khẳng định tính đúng đắn trong chủ trương của Đảng bộ huyện Bến Cát.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện, nhân dân Bến Cát đã ra sức phấn đấu giành được nhiều kết quả quan trọng

Về phát triển kinh tế:

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng bộ huyện về tập trung phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đến năm 1989, diện tích và sản lượng cây trồng nói chung của huyện tăng so với những năm trước, vượt 5,7% so với kế hoạch. Riêng đối với cây điều, diện tích trồng mới có xu hướng giảm do giá cả hạt điều chưa ổn định, diện tích cây cao su bắt đầu phát triển khá mạnh. Đến năm 1989, diện tích cây cao su trong toàn huyện là 1.164ha.

Từ sau khi có Nghị quyết số 01-NQ/HU của Huyện ủy, phong trào làm ăn tập thể trong nông nghiệp được đánh giá lại đúng thực chất. Qua đó, nhiều tập đoàn sản xuất đã được chuyển đổi sang hình thức tổ đoàn kết sản xuất theo nhu cầu và nguyện vọng của nông dân.

Trước tình hình khó khăn của kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, hoạt động các hợp tác xã ngày càng thu hẹp, giảm sút, kém hiệu quả, qua soát xét có 9/25 hợp tác xã ngưng hoạt động. Nguyên nhân là do các hợp tác xã lúng túng khi chuyển sang hạch toán kinh doanh, trông chờ vào sự hỗ trợ của thương nghiệp quốc doanh, không cạnh tranh nổi với mạng lưới thương nghiệp tư nhân. Trong năm 1989, huyện đã cấp giấy phép cho 1.536 hộ kinh doanh thương nghiệp cá thể.

Về sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Hầu hết các chỉ tiêu, sản phẩm đều đạt thấp so với kế hoạch, chủ yếu do các đơn vị chậm chuyển đổi sang cơ chế hạch toán kinh doanh. Huyện chủ trương giải thể Xí nghiệp quốc doanh cơ khí,

chuyển sang đấu thầu cho thuê mướn cơ sở, các đơn vị quốc doanh còn lại đều phải tiến hành củng cố. Tuy nhiên, các cơ sở tư nhân (tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, công nghiệp) bắt đầu phát triển mạnh. Trong năm 1989, huyện đã cấp phép cho 52 cơ sở hoạt động kinh doanh.

Với những thuận lợi về đất đai, thời tiết, lao động, truyền thống của địa phương, những chủ trương đúng và kịp thời trong lãnh đạo và chỉ đạo đã giúp Đảng bộ đạt những kết quả nhất định.

Nền kinh tế dần đi vào ổn định. Huyện đã tổ chức tốt việc quán triệt Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp, giao quyền chủ động và sử dụng đất đai lâu dài cho nông dân. Tình hình sản xuất nông nghiệp bắt đầu phát triển, nông dân yên tâm hơn trong việc đầu tư sản xuất; diện tích đất khai hoang, phục hóa, thâm canh tăng đáng kể so với các năm trước. Hai năm 1989 - 1990, diện tích khai hoang, phục hóa tăng khoảng 2.000ha, kéo theo sản lượng và năng suất cây trồng đều tăng.

Tình hình đời sống của cán bộ và nhân dân trong huyện đã có bước cải thiện đáng kể. Đến năm 1991, bình quân lương thực trên đầu người đạt 260kg/năm (vượt 14,5% so với kế hoạch). Tuy nhiên, do tác động của giá cả nên diện tích hoa màu, cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày giảm, nhân dân chuyển sang trồng các loại cây có giá trị như cao su, điều, bạch đàn... Đến cuối năm 1990, diện tích cây điều là 8.318ha (tăng 881ha so với năm 1988), diện tích cây cao su là 2.841ha (tăng 1.677ha so với năm 1988). Thời điểm này, đàn trâu, bò trong huyện bắt đầu giảm dần về số lượng qua từng năm do diện tích đồng cỏ bị thu hẹp để phát triển các cây công nghiệp dài ngày.

Bên cạnh những thắng lợi cơ bản trên, tình hình sản xuất nông nghiệp vẫn còn những hạn chế. Việc đưa khoa học -

kỹ thuật vào nông nghiệp mới chỉ là bước đầu, chưa thật sự góp phần nâng cao năng suất cây trồng. Xóa bỏ cơ chế bao cấp trong nông nghiệp giúp người nông dân tự chủ trong sản xuất nhưng công tác hỗ trợ về vốn, các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, chưa đáp ứng đủ nhu cầu của nông dân.

Về công nghiệp, các cơ sở tư nhân phát triển ngày càng mạnh, trong khi đó nhiều cơ sở quốc doanh hoạt động cầm chừng kém hiệu quả, nhiều đơn vị phải tiến hành thanh lý, giải thể. Nguyên nhân là do trong điều kiện cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác, các cơ sở quốc doanh có vốn đầu tư hạn chế, phải thường xuyên vay vốn, trả lãi, hàng hóa lại thiếu sức cạnh tranh...

Trong nhiệm kỳ 1989 - 1991, huyện đã tập trung đầu tư xây dựng một số công trình cần thiết như xí nghiệp chế biến điều, Trung tâm Kế hoạch hóa gia đình, trụ sở Ủy ban nhân dân huyện, nhiều đường điện 15KV; xây dựng và sửa chữa tuyến đường chính, các trục lộ quan trọng; rải nhựa đường nội ô thị trấn Dầu Tiếng, Bến Cát, đường cấp phối phục vụ khu du lịch Lòng Hồ Dầu Tiếng; sửa cầu tàu Định Thành. Bên cạnh đó, nhiều tuyến đường thuộc các xã kháng chiến cũ cũng được nâng cấp, sửa chữa góp phần đổi mới diện mạo của huyện, phục vụ thiết thực cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống nhân dân.

Hệ thống thông tin liên lạc được cải tiến từng bước. Đến năm 1991, huyện đã trang bị tổng đài 200 số để phục vụ nhu cầu thông tin liên lạc trong huyện.

Trong phân phối lưu thông, ngay khi chuyển đổi cơ chế kinh tế, xóa bỏ cơ chế cũ, trước tình hình nhiều đơn vị gặp khó khăn, lúng túng trong kinh doanh, huyện đã kịp thời chỉ đạo, chấn chỉnh lại phương thức mua bán đối với từng công ty; xác định tập trung mua bán các mặt hàng nông sản thế mạnh của

địa phương để phục vụ yêu cầu xuất khẩu lâu dài, đồng thời kích thích và thúc đẩy sản xuất. Từ đó, hoạt động xuất khẩu có nhiều tiến bộ. Năm 1989, xuất khẩu hàng hóa đạt trên 9,3 tỷ đồng; năm 1990, đạt trên 1,4 triệu USD; năm 1991, đạt 2.231.000 USD, mặt hàng chủ yếu là gỗ xẻ, hạt điều và mủ cao su. Riêng hệ thống hợp tác xã mua bán thì ngày càng khó khăn. Đến hết nhiệm kỳ, hầu hết các hợp tác xã mua bán đều ngừng hoạt động, phần lớn kinh doanh kém hiệu quả do thiếu sức cạnh tranh.

Về tài chính, trong tình hình khó khăn chung về tài chính, huyện chủ trương chuyển hướng các nguồn thu theo hướng phát triển kinh tế nhiều thành phần, tích cực thu thuế nông nghiệp. Từ đó, kết quả thu hàng năm đều tăng. Năm 1990, thu ngân sách đạt 113% kế hoạch (tăng 39% so với năm 1989). Nhờ thu ngân sách tương đối tốt, đội ngũ cán bộ được trả lương kịp thời. Ngoài ra, ngân sách còn cấp vốn giúp các đơn vị sản xuất hoạt động và đầu tư xây dựng một số công trình phúc lợi.

Tóm lại, trong những năm 1986 - 1991, tình hình kinh tế của huyện đã có những chuyển biến đáng kể. Sau khi xác định cơ cấu kinh tế hợp lý và tiến hành quy hoạch tổng thể, cơ cấu cây trồng từng bước ổn định, tốc độ mở rộng diện tích đất sản xuất, khai hoang, phục hóa tăng nhanh. Bên cạnh đó, tiến bộ khoa học - kỹ thuật cũng dần được đưa vào nông nghiệp. Ngành thương nghiệp, công nghiệp ban đầu gặp nhiều khó khăn khi áp dụng cơ chế mới, sau đó đã phấn đấu để tìm ra hướng đi thích hợp.

Về văn hóa - xã hội:

Từ năm 1986, Đảng bộ huyện đã khẳng định con người đóng vai trò quyết định đến sự phát triển của địa phương. Trong phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phấn đấu trong những năm 1986 - 1988, Đảng bộ huyện nêu rõ: Phấn đấu hạ thấp tỷ lệ tăng dân số và phân bổ lực lượng với từng vùng kinh tế,

giải quyết cho mọi người có việc làm, ổn định đời sống, bảo đảm ăn no, mặc ấm..., tiến tới cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động.

Đến ngày 01/4/1989, toàn huyện có 31.166 hộ với 150.209 nhân khẩu (trong đó nữ là 76.801 người).

Ngành giáo dục huyện tiếp tục được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, từng bước khắc phục các khó khăn vốn có từ những năm học trước. Số lượng học sinh ngày càng tăng. Tuy vậy, đến năm học 1989 - 1990, so với nhu cầu thực tế, vẫn còn nhiều lớp học thiếu bàn ghế cho học sinh và giáo viên, nhiều trường còn phải tổ chức lớp học ca 3, gây ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục, đào tạo. Kết quả, năm học 1988 - 1989 có 77% học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở, 30% học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học; tuyển sinh lớp 6 là 69,1%, lớp 10 là 57,5%. Tuy khó khăn nhưng toàn ngành vẫn phấn đấu giữ vững phong trào thi đua “Hai tốt”. Đến năm 1989, có 1 trường đạt tiên tiến, 2 đơn vị tiệm cận tiên tiến, 35 giáo viên được công nhận là giáo viên giỏi các cấp, 3 học sinh tham gia dự thi học sinh giỏi toàn quốc...

Việc đầu tư cho sự nghiệp giáo dục được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện quan tâm thông qua việc khắc phục các khó khăn về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy và học, ngoài ra có sự đóng góp rất quan trọng của Công ty Cao su Dầu Tiếng và nhân dân. Nhờ khắc phục khó khăn về cơ sở vật chất, tình trạng học ca 3 của học sinh ngày càng giảm, chất lượng dần được cải thiện. Riêng năm học 1990 - 1991, học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở đạt 88,5%, bậc mầm non có 28 cháu thi bé khỏe, bé ngoan vòng tỉnh và 2 cháu đạt giải Nhì. Đây là những tín hiệu khả quan bước đầu so với những năm học trước. Tuy vậy, trên thực tế, ngành giáo dục vẫn còn những khó khăn nhất định về cơ sở vật chất, đời sống của đội ngũ giáo viên, chất lượng giáo dục...

Ngành y tế huyện đã phấn đấu triển khai công tác chăm sóc

sức khỏe ban đầu cho nhân dân, các chương trình y tế quốc gia cơ bản đạt kế hoạch. Ngành đã tổ chức khám, chữa bệnh và cấp thuốc cho nhân dân các vùng kháng chiến, vùng xa; đưa Trung tâm Kế hoạch hóa gia đình vào hoạt động.

Hệ thống truyền thanh được củng cố, phục vụ tương đối kịp thời các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Huyện đã xây dựng Phòng truyền thông, Bia truyền thống Tàng Dù, bộ Lịch sử truyền thống và phim Truyền thống Bến Cát. Tuy nhiên, trên lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, mức hưởng thụ vẫn chưa đồng đều trong nhân dân, phần lớn còn tập trung ở khu vực đông dân cư, thị trấn, thị tứ.

Về công tác chính trị - tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ:

Về tổ chức bộ máy và biên chế, năm 1986, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương về sắp xếp lại bộ máy các phòng, ban cấp huyện, huyện đã sáp nhập 13 đơn vị thành 6 đơn vị mới gồm:

- Sáp nhập Phòng Lao động và Ban Tổ chức chính quyền, lấy tên là Ban Tổ chức - Lao động.

- Sáp nhập Phòng Nông nghiệp, Phòng Hợp tác hóa nông nghiệp và Phòng Thủy lợi, lấy tên là Phòng Nông nghiệp.

- Sáp nhập Ban Liên hiệp xã và Phòng Công nghiệp, lấy tên là Phòng Công nghiệp.

- Sáp nhập Trạm khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng vào Xí nghiệp Xây lắp quốc doanh, lấy tên là Xí nghiệp Xây lắp quốc doanh.

- Nhập Đội máy kéo và Xí nghiệp Quốc doanh cơ khí lấy tên là Xí nghiệp Quốc doanh cơ khí.

- Thành lập 5 đơn vị mới, gồm: Công ty Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, Công ty Dịch vụ văn hóa, Công ty Thủy nông, Nông trường điều xuất khẩu, Xí nghiệp Quốc doanh khai thác chế biến và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Thực hiện Nghị định số 40/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về việc điều chỉnh địa giới hành chính, huyện đã sáp nhập xã Lai Hưng và xã Bến Tượng thành xã Lai Hưng, xã Bàu Bàng và xã Lai Uyên sáp nhập thành xã Lai Uyên, xã Long Chiêu, Long Bình vào xã Long Nguyên. Lúc này, huyện Bến Cát còn 24 xã, thị trấn.

Bộ máy hành chính ở huyện Bến Cát đến năm 1989 còn 11 phòng, ban với tổng biên chế là 96 người; các đơn vị sự nghiệp sau khi sắp xếp biên chế còn lại 1.598 người; các đơn vị sản xuất, kinh doanh có tổng số cán bộ, nhân viên là 484 người.

Tháng 11/1989, huyện tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện thành công, đúng luật định. Tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 99,79%. Huyện đã bầu được 40/45 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa VI.

Về tổ chức, giai đoạn 1989 - 1991, huyện đã tiếp tục từng bước chấn chỉnh, sắp xếp hợp lý bộ máy các cơ quan, đơn vị. Đến năm 1991, từ 25 phòng, ban còn 13 phòng, ban; biên chế từ 147 người còn 112 người. Đối với các đơn vị kinh tế quốc doanh làm ăn kém hiệu quả, huyện đã kiên quyết giải thể. Năm 1991, huyện thành lập 3 đơn vị: Phòng Nông nghiệp, Xí nghiệp Chế biến điều xuất khẩu và bộ phận thường trực Ủy ban dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Từ năm 1989, Đảng bộ huyện bắt đầu thực hiện chủ trương phân loại cơ sở đảng hằng năm. Trên cơ sở giữ vững nền nếp sinh hoạt, công tác phân loại hằng năm, số cơ sở đảng đạt vững mạnh và khá luôn chiếm tỷ lệ cao. Theo số liệu phân loại, năm 1989, có 16 cơ sở vững mạnh, 21 cơ sở loại khá và 1 loại yếu, số đảng viên không đủ tư cách là 16. Năm 1990, cơ sở đảng vững mạnh là 14, khá 34, yếu 2; 1.672 đảng viên được phân loại loại 1, đủ tư cách là 1.630, không đủ tư cách là 42.

Từ ngày 12 đến ngày 27/3/1990, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) họp và ban hành Nghị quyết số 8A-NQ/HNTW về tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta và Nghị quyết số 8B-NQ/HNTW về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Nghị quyết số 8B-NQ/HNTW đã nêu lên 4 nguyên tắc chỉ đạo và đề ra 3 nhiệm vụ cụ thể. Trong 4 nguyên tắc chỉ đạo, nguyên tắc thứ tư nhấn mạnh: Công tác quần chúng không chỉ là trách nhiệm của các đoàn thể, mà còn là trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, có phối hợp nhau dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mọi cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước đều phải làm công tác vận động quần chúng theo chức trách của mình. Trong 3 nhiệm vụ cụ thể thì: Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng, giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân là nhân tố quyết định thắng lợi công cuộc đổi mới và toàn bộ sự nghiệp cách mạng.

Thực hiện Nghị quyết 8B-NQ/HNTW, Huyện ủy chú trọng đổi mới công tác chính trị tư tưởng theo hướng mở rộng thông tin, thông tin nhiều chiều, từ đó giúp cơ sở nắm được đầy đủ những diễn biến trên thế giới và trong nước, làm cho đại bộ phận cán bộ, đảng viên xác định lập trường, gương mẫu chấp hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, những diễn biến xấu của tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu đã ảnh hưởng đến một số ít đảng viên và nhân dân. Ngoài ra, do đời sống còn khó khăn nên nhiều cán bộ, đảng viên uể oải, thụ động trong công tác. Trước tình hình đó, Huyện ủy đã thường xuyên tổ chức học tập các nghị quyết của Đảng, đấu tranh thẳng thắn với các biểu hiện tiêu cực, lệch lạc trong nội bộ để củng cố, uốn nắn. Song song đó, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện còn ban hành nghị quyết và phân công cán bộ về những cơ sở còn yếu; kịp thời cử cấp ủy viên đến chỉ đạo, theo sát để

có hướng giải quyết cụ thể, tạo được sự nhất trí của toàn Đảng bộ đối với các chủ trương của Huyện ủy trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hằng tháng, Thường trực Huyện ủy đều tổ chức họp giao ban với các đảng bộ cơ sở, kịp thời phát hiện những thiếu sót, lệch lạc của cơ sở để có chỉ đạo uốn nắn.

Công tác chăm lo cho các gia đình chính sách được thực hiện tốt. Huyện đã bắt đầu triển khai rộng rãi công tác vận động xây dựng nhà tình nghĩa cho các gia đình thương binh, liệt sĩ gặp khó khăn. Huyện đã vận động xây dựng, trao tặng 82 nhà tình nghĩa và sửa chữa 13 căn khác cho các đối tượng chính sách khó khăn về nhà ở. Trong giai đoạn này, thực hiện chủ trương “Đền ơn đáp nghĩa”, huyện đã quy tập 163 hài cốt liệt sĩ hy sinh trong kháng chiến về Nghĩa trang liệt sĩ huyện; xây dựng 2 mộ liệt sĩ tập thể ở hai xã Phú An, Thới Hòa; xây dựng 2 bia tưởng niệm ở An Tây và Phú An.

Về quốc phòng- an ninh:

Giai đoạn 1986 - 1990, tình hình an ninh chính trị được bảo đảm. Đặc biệt, huyện đã tổ chức triển khai học tập Nghị định số 143-CP ngày 27/5/1977 ban hành Điều lệ về phạt vi cảnh và Nghị định số 250-HĐBT ngày 06/7/1985 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Điều lệ về phạt vi cảnh, Chỉ thị số 135/CT ngày 14/5/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới; đặc biệt chú trọng phát động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đi sâu củng cố các Tổ an ninh nhân dân. Tuy nhiên, trong giai đoạn 1991 - 1995, tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội trong huyện vào một số thời điểm có chiều hướng diễn biến phức tạp. Trước tình hình đó, quán triệt các nghị quyết của cấp trên, huyện đã thường xuyên có những chỉ đạo kịp thời để nhằm ổn định tình hình, thông qua một số biện pháp hiệu quả như: Hình

thành mối quan hệ giữa Liên đoàn Lao động với Huyện đoàn và Phòng Giáo dục, phối hợp chính quyền địa phương, cùng các cơ quan, nông trường cao su trú đóng trên địa bàn nhằm phát động phong trào tự quản trong cán bộ, công nhân viên, học sinh và nhân dân; tăng cường lực lượng huyện đến hỗ trợ cơ sở, đồng thời chú ý phát triển mạng lưới an ninh nhân dân. Nhờ việc phối hợp, kết hợp tốt từ huyện đến cơ sở, công tác kiểm tra nâng cao phong trào tự quản về an ninh trật tự, truy quét, tấn công tội phạm để ngăn chặn các tệ nạn xã hội ngày càng có hiệu quả. Nhờ những giải pháp tích cực đó, tình hình an ninh chính trị được ổn định, trật tự xã hội có mặt tốt hơn so với trước. Tổng kết phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 1990, huyện Bến Cát được đánh giá là có phong trào toàn diện nhất tỉnh; xã Tân Định là lá cờ đầu toàn tỉnh; huyện có 5 xã và Nông trường cao su được tỉnh tặng bằng khen. Trong 2 năm của nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V, công an huyện luôn giữ vững truyền thống đơn vị quyết thắng của tỉnh. Bên cạnh việc tổ chức tốt công tác diễn tập “PT-N 90”, lực lượng dự bị động viên được củng cố hằng năm, đạt tỷ lệ 3% tổng dân số. Tuy nhiên, công tác quốc phòng - an ninh vẫn còn một số hạn chế: Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân chưa được thường xuyên, tình hình an ninh trật tự còn phức tạp, nạn trộm cắp tài sản, tệ nạn xã hội còn nhiều, trong khi đó, biện pháp đối phó đôi lúc còn hạn chế, thiếu kịp thời.

Tóm lại, giai đoạn 1986 - 1991, thực hiện chủ trương đổi mới đã được Đại hội VI (12/1986) của Đảng đề ra, Đảng bộ huyện Bến Cát đã tích cực đề ra nhiều chủ trương, biện pháp thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Đảng bộ đã có bước đổi mới về nội dung và phương thức lãnh đạo trên tinh thần lấy dân làm gốc và sát với thực tế, thực hiện các nghị quyết của Trung ương và địa phương. Thông qua công tác điều hành các hoạt động kinh tế, đặc biệt là chú trọng sản xuất nông - lâm nghiệp, đến năm 1991, huyện có 70% diện tích cây ngắn ngày

trồng được 2 vụ/năm. Diện tích hoang hóa không còn. Huyện đã mở rộng trồng các loại cây như điều, cao su, bạch đàn. Riêng rừng trồng có khoảng 10.000ha. Đây là thành quả của cơ chế đổi mới. Các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp từng bước đi vào ổn định, khai thác tối đa tiềm năng, gắn chế biến với sản xuất, phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng, giải quyết việc làm cho người lao động. Từ những thành tựu trên, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của huyện ổn định, đời sống của cán bộ và nhân dân trong huyện được nâng lên rõ rệt.

II- BẾN CÁT VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, PHÁT HUY NHỮNG THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TỪNG BƯỚC CẢI THIỆN, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1991 - 1995)

Ngày 14/11/1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bến Cát lần thứ VI (nhiệm kỳ 1991 - 1995) được tổ chức. Tham dự Đại hội có 163 đại biểu đại diện cho 52 tổ chức cơ sở đảng và 1.739 đảng viên trong toàn huyện. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 39 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Không được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Lê Hoàng Nghĩa được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Huy Hoàng được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Đây là lần đầu tiên Đảng bộ huyện thực hiện nhiệm kỳ 5 năm (1991 - 1995).

Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết nhiệm kỳ 1991 - 1995, trong đó tiếp tục xác định: Sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu và chỉ đạo các ngành, các cấp và từng đơn vị tiến hành rà soát lại hiện trạng sử dụng đất để điều chỉnh quy hoạch, bố trí cây trồng, vật nuôi có hiệu quả nhất; vùng rau xanh và thực phẩm tươi sống được bố trí tập trung xung quanh khu vực thị trấn, thị tứ; mở rộng diện tích những cây trồng có hiệu quả như cây mì, đậu các loại, cây công nghiệp dài ngày như cao su, điều...

Đại hội chủ trương: Hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô hoặc sơ tái chế và tập trung vào đầu tư sâu cho các cơ sở chế biến hiện có; quản lý và hướng dẫn chặt chẽ việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, nhất là nguồn khoáng sản như kim loại; hợp tác liên doanh hoặc kêu gọi các thành phần kinh tế có vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý trong và ngoài nước để xây dựng cơ sở công nghiệp với quy mô phù hợp, công nghệ tiên tiến, tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, nâng cao giá trị sản phẩm để xuất khẩu và tiêu thụ trong nước; khuyến khích phát triển các ngành nghề thủ công nghiệp trong nhân dân, nhất là vùng nông thôn nhằm phục vụ sản xuất, xây dựng, giải quyết thêm việc làm cho người lao động.

Công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ huyện xác định là nhiệm vụ then chốt, từ đó tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở. Đảng bộ huyện đã bố trí các đồng chí thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh làm Bí thư chi bộ, đảng bộ cơ sở, đưa những đồng chí có năng lực làm Bí thư chi bộ, đảng bộ xã. Huyện cũng thành lập các chi bộ trường học, chi bộ nội chính. Song song với mục tiêu củng cố, nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, Huyện ủy cũng xác định vai trò quan trọng của các tổ chức đoàn thể; tập trung đẩy mạnh công tác phát triển đảng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao về chất lượng, làm cho Đảng bộ đủ sức lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của địa phương. Đồng thời, Huyện ủy cũng xác định tầm quan trọng có ý nghĩa quyết định trong công tác xây dựng Đảng là đào tạo và phát triển đảng viên. Huyện ủy chủ trương: Trong đào tạo phải “khẩn trương” đào tạo và đào tạo lại, làm cho người đảng viên tự rèn luyện từ lập trường quan điểm của giai cấp công nhân đến những kiến thức khoa học và quản lý, quy hoạch rõ nhu cầu của từng loại cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật để đào tạo, bồi dưỡng cho trước mắt và lâu dài. Trong kết nạp đảng viên mới, Đảng bộ huyện cũng đã

chú trọng nâng cao tỷ lệ đảng viên kết nạp ở các xã, các đơn vị trường học, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, bệnh viện nơi chưa có đảng viên, đặc biệt là chú ý lực lượng trẻ có trình độ năng lực và phẩm chất tốt.

Trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, tình hình thế giới có diễn biến hết sức phức tạp, sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã ảnh hưởng đến tư tưởng của một số cán bộ, đảng viên trong huyện. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, đặc biệt là trên cơ sở thực hiện các nghị quyết nói chung và Nghị quyết 8B nói riêng, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bến Cát đã lãnh đạo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu Nghị quyết đề ra trong nhiệm kỳ.

Về phát triển kinh tế:

Tình hình sản xuất kinh doanh của huyện giai đoạn này có bước tăng trưởng khá, kinh tế nông nghiệp tăng bình quân mỗi năm 14 - 16%, công nghiệp tăng bình quân mỗi năm 40 - 60%, thương mại, dịch vụ tăng bình quân 20 - 25%. Trong nông nghiệp, nông dân đã thực sự chuyển đổi từ sản xuất có tính tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa. Nhiều diện tích trồng những cây giá trị kinh tế thấp, nguồn tiêu thụ bấp bênh được chuyển sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, tiêu thụ ổn định.

Song song với sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và thủ công nghiệp cũng có những chuyển biến to lớn. Đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước ngày càng nhiều, đưa tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế tăng nhanh gấp nhiều lần so nhiệm kỳ trước, góp phần tạo ra nhiều giá trị hàng hóa, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động tại địa phương. Mức thu nhập bình quân của người dân được nâng lên rõ rệt. Bên cạnh đó, việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cũng được quan tâm. Huyện đã đầu tư xây dựng nhiều công trình phúc

lợi như đường, điện, trường học, bệnh viện... làm cho bộ mặt các thị trấn và cả nông thôn có nhiều nét khởi sắc.

Cụ thể hóa quan điểm của Đảng bộ huyện, đến năm 1996, giá trị tổng sản lượng nông nghiệp Bến Cát đạt trên 1.500 tỷ đồng. Bình quân mỗi năm tăng trưởng khoảng 14%. Diện tích gieo trồng cây hằng năm luôn đạt từ 16.000ha đến 17.000ha. Năng suất vụ đông - xuân, hè - thu từ 30 tạ/ha tăng lên 35 tạ/ha. Đặc biệt, sản xuất nông nghiệp đã có sự chuyển dịch rất lớn về cơ cấu cây trồng theo hướng tăng diện tích cây lâu năm (chủ yếu là cây cao su, cây điều), từ đó tạo nguồn nguyên liệu tại chỗ cho công nghiệp chế biến và sản xuất hàng hóa xuất khẩu của địa phương. Tính đến năm 1995, diện tích cây cao su là 49.486ha, tăng 25% so với năm 1991; cây ăn trái là 1.850ha, tăng 20% so với năm 1991. Do vậy, tỷ trọng thu nhập từ cây lâu năm ngày càng lớn hơn so với cây hằng năm. Ngoài ra, nhiều giống lúa, bắp, điều, cao su... mới đã được đưa vào thực nghiệm. Riêng cây lúa, huyện đã đầu tư lúa năng suất cao trong 226 hộ nông dân với 121ha, cho năng suất bình quân có nơi đạt 4,5 - 5 tấn/ha. Việc chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho nông dân có bước chuyển lớn, tác động tích cực đến một bộ phận sản xuất nông nghiệp.

Huyện thường xuyên sửa chữa, nâng cấp 13 công trình thủy lợi để phục vụ sản xuất với tổng số vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng. Ngoài ra, ở các xã có điện, nhân dân khoan giếng, nhiều hộ dùng bơm để tưới cho gần một ngàn hécta lúa, hoa màu và chủ động nguồn nước cho cây trồng.

Bên cạnh những biện pháp tích cực, để giúp nông dân yên tâm sản xuất, trong 5 năm (1991 - 1995), huyện đã tổ chức đo đạc và cấp trên 18.600 giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất với diện tích gần 21.000ha (đạt 56% so với số hộ toàn huyện). Trong đó, có 71% hộ nông dân được cấp 14.200 giấy chứng nhận với diện tích 17.230ha.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm trong từng hộ gia đình phát triển mạnh. Đàn heo, trâu, bò, gia cầm đều tăng. Cơ cấu trong ngành chăn nuôi đã thay đổi so với trước do sự xuất hiện của một số nhân tố mới, có khả năng phát triển mạnh như: việc chuyển hướng sang nuôi bò sữa, phong trào chăn nuôi gà công nghiệp, gà lai, chăn nuôi vịt thả đồng, số hộ nuôi heo đàn 20 - 30 con để kinh doanh và giải quyết lao động đang phổ biến ở các xã phía nam... Thức ăn cho gia cầm từ tận dụng nay chủ yếu sử dụng cám công nghiệp. Đàn bò sữa từ chưa có, nay đã phát triển lên 102 con. Bệnh tụ huyết trùng trâu, bò và dịch tả heo cơ bản đã được khống chế. Có được kết quả trên là nhờ huyện đã có mạng lưới thú y, nhất là thú y tư nhân được đào tạo và cấp giấy hành nghề ở khắp các xã. Trạm thú y duy trì 2 đợt tiêm phòng hằng năm, bình quân đạt 40 - 50% tổng đàn gia súc.

Cơ cấu kinh tế của huyện cũng có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp. Năm 1991, tỷ trọng công nghiệp chỉ chiếm 5% (nông - lâm nghiệp: 86%, dịch vụ: 9%); đến năm 1995, tỷ trọng công nghiệp đã chiếm 19% (nông nghiệp: 66%, dịch vụ: 15%). Huyện có 184 hộ sản xuất kinh doanh cá thể tiểu thủ công nghiệp theo Nghị định số 66/HĐBT ngày 02/3/1992 về cá nhân và nhóm kinh doanh có vốn thấp hơn vốn pháp định quy định trong Nghị định số 221/HĐBT ngày 23/7/1991 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành quy định về cụ thể hóa một số điều trong Luật Doanh nghiệp tư nhân với trên 700 lao động; 29 doanh nghiệp theo Nghị định số 222/HĐBT ngày 23/7/1991 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành quy định về cụ thể hóa một số điều trong Luật Doanh nghiệp tư nhân, với số vốn đầu tư 94 tỷ 913 triệu đồng, thu hút gần 8.000 lao động. Theo định hướng phát triển chung của huyện là phát triển một phần công nghiệp hàng nông sản xuất khẩu và sản xuất vật liệu xây dựng, thì tỷ trọng công nghiệp tăng

đã tác động quan trọng đến các ngành sản xuất khác mà trước hết là sản xuất nông nghiệp.

Tổng giá trị sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thực hiện trong 5 năm (1991 - 1995) đạt trên 269 tỷ đồng. Giá trị tăng trưởng trong 2 năm 1991 - 1992 đạt 30 - 40%, riêng những năm 1994 - 1995, mỗi năm tăng 400 - 600%. Cơ cấu ngành công nghiệp dần được hình thành và ổn định chủ yếu ở các xã phía nam và tây nam, dọc quốc lộ 13. Đến năm 1995, huyện đã có 4 dự án lớn của nước ngoài được duyệt đầu tư với vốn đầu tư 58 triệu USD.

Huyện đã đầu tư lớn vào xây dựng kết cấu hạ tầng. Huyện đã huy động trên 39 tỷ đồng để làm mới, tu sửa và nâng cấp cầu, đường với tổng chiều dài trên 228km, trong đó, rải đá láng nhựa trên 70km, xây dựng mới và tu sửa 8 cầu (có 2 cầu bằng bê tông dự ứng lực là cầu Đò và cầu Ông Cộ). Ngoài ra, Đảng bộ các xã cũng vận động nhân đóng góp làm được nhiều kilômét đường giao thông nông thôn, giúp cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa được thuận lợi.

Đối với các công trình hạ tầng cơ sở, huyện đã mạnh dạn vận động nhiều nguồn vốn từ Trung ương, tỉnh, địa phương để xây dựng nhiều công trình như: chợ mới, công viên, vườn hoa, đường ĐT744, trường cấp III, Trung tâm Y tế huyện, nhà làm việc của Huyện ủy, Hội trường huyện, trụ sở làm việc của nhiều xã, quy hoạch tổng thể thị trấn Mỹ Phước và thị trấn Dầu Tiếng, quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội huyện thời kỳ 1996 - 2000.

Huyện cũng đã nỗ lực rất lớn trong đầu tư mạng lưới điện. Bằng phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm, huyện đã xây dựng trên 176km đường điện trung và hạ thế với tổng kinh phí trên 11 tỷ đồng (chiếm 48% tổng kinh phí đầu tư), trong đó, nhân dân đóng góp 2 tỷ 960 triệu đồng. Đến cuối năm 1995, toàn huyện có 16/23 xã có nguồn điện quốc gia và

gần 48% số hộ sử dụng điện (vượt chỉ tiêu Nghị quyết 8%), giúp nhân dân có điều kiện đưa khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và cải thiện một bước tình hình sinh hoạt ở nông thôn. Huyện đã đầu tư gần 100 triệu đồng để duy tu hệ thống đèn đường của thị trấn Mỹ Phước, Dầu Tiếng.

Hệ thống thông tin liên lạc được nhanh chóng nâng cấp và mở rộng mạng lưới, phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo của huyện và thông tin liên lạc của nhân dân và các thành phần kinh tế. Đến năm 1995, toàn huyện có 14/23 xã có điện thoại với 1.300 máy, nâng tỷ số lên 0,9 máy/100 hộ dân. Từ năm 1993, hệ thống thông tin liên lạc đã được hiện đại hóa mạng lưới, số máy điện thoại năm 1995 tăng 5 lần so năm 1993.

Trong 5 năm (1991 - 1995), tổng thu ngân sách của huyện đạt 95 tỷ 83 triệu đồng, đạt 130,4% so với kế hoạch; từ đó, bảo đảm tốt cho nhu cầu chi phục vụ nhiệm vụ chính trị, các công trình phúc lợi của địa phương. Đến cuối năm 1995, tổng chi ngân sách huyện là 26 tỷ 163 triệu đồng, đạt 148% kế hoạch.

Trong 5 năm, Ngân hàng Nông nghiệp đã huy động vốn nhàn rỗi trong nhân dân được trên 269 tỷ đồng, thực hiện đầu tư cho vay được gần 150 tỷ đồng với trên 25.000 lượt hộ vay vốn, huy động thêm 700 triệu đồng cho các hộ nghèo vay (riêng tỷ trọng cho vay vốn trung hạn chỉ chiếm 17% do hạn chế nguồn vốn), bước đầu giúp nhân dân có thêm điều kiện đầu tư thâm canh tăng vụ, trồng và chăm sóc cây công nghiệp (cao su, điều), chăn nuôi gia súc, gia cầm...

Cùng với sự tăng trưởng trong công nghiệp, nông nghiệp, hoạt động thương mại, dịch vụ cũng có những bước phát triển đáng kể. Sức mua và nhu cầu dịch vụ của xã hội bình quân mỗi năm tăng 30 - 40%. Đến năm 1995, có 13/23 xã, thị trấn có chợ, các điểm dịch vụ được hình thành dọc theo các trục lộ giao thông.

Về văn hóa - xã hội:

Huyện đã từng bước tổ chức lại mạng lưới trường học theo chỉ đạo của ngành, tiêu chuẩn hóa đội ngũ giáo viên để nâng cao chất lượng học tập của học sinh. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp hằng năm đạt trên 90%. Từ năm học 1992 - 1993, huyện đều có học sinh giỏi đạt giải ở vòng toàn quốc. Phong trào học bỏ túi văn hóa, xóa mù chữ đã căn bản được hoàn thành tại 21/23 xã và đủ điều kiện để công nhận hoàn thành cấp huyện. Đối với cơ sở vật chất, huyện đã vận động nhiều nguồn vốn để từng bước khắc phục các khó khăn về trường lớp. Trong 5 năm (1991 - 1995), huyện đã đầu tư xây mới 208 phòng học và các trang thiết bị khác với kinh phí khoảng 4,7 tỷ đồng, cơ bản xóa lớp học ca 3; trang bị máy vi tính cho một số trường để từng bước đưa môn tin học vào giảng dạy.

Huyện đã hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng Trung tâm y tế quy mô 60 giường với tổng vốn đầu tư trên 5 tỷ đồng. Ngành y tế đã tích cực củng cố mạng lưới y tế cơ sở, 100% xã đều có trạm xá, góp phần tích cực vào việc triển khai các chương trình y tế quốc gia. Công tác phòng chống sốt rét có tiến bộ so với nhiệm kỳ trước, số bệnh nhân sốt rét giảm 42,26%. Công tác y tế dự phòng như tiêm chủng mở rộng, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em, kế hoạch hóa gia đình được tích cực đẩy mạnh, các chỉ tiêu đều tăng so với nhiệm kỳ trước. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ trên 2% qua các năm, đến năm 1995 còn 1,97%.

Sự nghiệp văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao có chuyển biến tích cực, đáp ứng phần nào nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Huyện đã xây dựng mới Nhà truyền thống huyện, Khu văn hóa thiếu nhi, một số bia, đài tưởng niệm ở các xã An Điền, Thới Hòa, Chánh Phú Hòa, Thanh Tuyền... Nhiều đội văn nghệ, thể thao được thành lập ở các xã, hoạt động ngày càng phong phú, được đông đảo quần chúng hưởng ứng, cổ vũ.

Nhìn chung, lĩnh vực văn hóa - xã hội đã có bước phát triển tốt, góp phần làm thay đổi nếp sống, sinh hoạt của đại bộ phận nhân dân. Cùng với sự phát triển về kinh tế, văn hóa phát triển đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân theo hướng ngày càng văn minh, lành mạnh.

Công tác chăm sóc các đối tượng chính sách, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng được quan tâm thực hiện. Các đối tượng chính sách được chi trợ cấp ổn định trong từng tháng, bảo đảm đúng chế độ và kịp thời. Đối với các gia đình liệt sĩ, gia đình chính sách khó khăn, huyện đã vận động từ nhiều nguồn vốn xây mới và bàn giao được 513 căn nhà tình nghĩa, sửa chữa 88 căn, tặng 703 sổ tiết kiệm với tổng kinh phí trên 6 tỷ 750 triệu đồng (tăng trên 300% so với Nghị quyết).

Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương “đền ơn đáp nghĩa” của Đảng, huyện đã hoàn thành các hồ sơ chính sách còn tồn đọng. 290 Mẹ Việt Nam anh hùng của huyện đã được Chính phủ công nhận. Huyện tổ chức phụng dưỡng 100% các bà mẹ, mức bình quân 200.000 đồng/tháng. Ngoài ra, huyện còn giải quyết trên 3.000 hồ sơ tồn đọng sau chiến tranh, nhiều lần tu sửa, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ Bến Cát, Dầu Tiếng, xây dựng 2.000 mộ vô danh, quy tập về Nghĩa trang liệt sĩ huyện 3.627 hài cốt liệt sĩ.

Với thành tích đạt được trong kháng chiến, huyện Bến Cát và hai xã Chánh Phú Hòa, Lai Hưng đã được Nhà nước tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, nâng tổng số đơn vị của huyện được tuyên dương lên 8 xã và 1 cơ quan (Công ty Cao su Dầu Tiếng).

Đối với các vấn đề xã hội, các xí nghiệp mới thành lập đã giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động. Triển khai chương trình cho vay vốn theo Nghị quyết số 120/HĐBT ngày 11/4/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về chủ trương, phương hướng và biện pháp giải quyết việc làm trong các năm tới, với tổng số vốn

cho vay trên 1 tỷ đồng, huyện đã góp phần giải quyết việc làm cho hơn 1.400 lao động, nâng tổng số người có việc làm trong toàn huyện lên hơn 30.000 người. Chương trình xóa đói, giảm nghèo với số vốn trên 6 tỷ đồng đã giúp 20% số hộ nghèo trong huyện bước đầu khắc phục khó khăn và ổn định cuộc sống.

Tình hình đời sống của các tầng lớp dân cư trong huyện được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ hộ nghèo thiếu ăn giảm, số hộ trung bình tăng lên, tỷ lệ ngôi nhà ở đạt khoảng 70%, phương tiện đi lại, sinh hoạt được cải thiện. Năm 1995, GDP bình quân đầu người của huyện là 306USD.

Về công tác chính trị - tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ:

Huyện ủy thường xuyên tổ chức quán triệt các nghị quyết của Đảng, đặc biệt là giáo dục cho cán bộ, đảng viên đổi mới tư duy theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng, qua đó, uốn nắn những lệch lạc, hạn chế trong tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên, từng bước củng cố niềm tin của quần chúng, mà trước hết là kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Song song với nhiệm vụ chỉnh đốn, củng cố về tư tưởng, công tác giáo dục đạo đức cách mạng, ý thức về truyền thống dân tộc là nhiệm vụ cần thiết của các cấp ủy Đảng. Vào các ngày lễ lớn trong năm, từ huyện đến các xã đều có những hoạt động thiết thực bằng nhiều hình thức tuyên truyền với nội dung đa dạng, phong phú phù hợp với ý nghĩa của từng sự kiện như: sinh hoạt chính trị, họp mặt, tọa đàm về truyền thống, triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội, hội diễn văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao... để ôn lại truyền thống hào hùng của dân tộc, thành tích của từng ngành, địa phương.

Đặc biệt, nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/1995), huyện đã tổ chức mít tinh trọng thể, đồng thời, đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân của huyện,

Công ty Cao su Dầu Tiếng và hai xã Lai Hưng, Chánh Phú Hòa, phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho 290 mẹ. Trong chiến tranh và sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, cán bộ cách mạng của huyện được cấp trên điều động đi công tác tại nhiều nơi khác nhau trong và ngoài tỉnh (thị xã Thủ Dầu Một, Thuận An, Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu...), một số do sức khỏe yếu không thể tiếp tục công tác, trở về quê sinh sống. Nhân dịp kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh 02/9, Huyện ủy tổ chức họp mặt cán bộ kháng chiến của huyện. Buổi họp mặt có ý nghĩa chính trị rất to lớn và được sự đồng tình ủng hộ của mọi người, không chỉ đem lại sự phấn khởi cho cán bộ kháng chiến mà còn có tác dụng giáo dục, bồi dưỡng tình cảm cách mạng cho đội ngũ cán bộ đàn em, lực lượng thanh thiếu niên trong huyện.

Sự kiện chính trị trên cùng với quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” (như vận động xây dựng nhà tình nghĩa, chăm sóc phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng, thực hiện toàn dân báo công lập sổ vàng truyền thống, biên soạn lịch sử cho các xã Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hoàn thành bộ phim truyền thống lịch sử 20 năm của huyện) đã tác động tích cực đến tâm tư, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện. Những hoạt động đó đã tạo luồng sinh khí mới trong cộng đồng, tạo không khí tin tưởng, phấn khởi, góp phần cổ vũ, động viên mọi tầng lớp cán bộ, đảng viên và nhân dân tích cực phấn đấu vì sự nghiệp phát triển của huyện.

Song song với công tác nâng cao chất lượng đảng viên, Huyện ủy cũng chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra để chỉnh đốn, làm cho mọi đảng viên phải chấp hành kỷ luật Đảng, nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Huyện còn mạnh dạn đấu tranh

đưa ra khỏi Đảng và xử lý theo pháp luật những kẻ thoái hóa, biến chất về chính trị, đa nguyên, đa đảng, mất phẩm chất đạo đức nhằm giữ gìn kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Huyện đã tiến hành xử lý kỷ luật 1 tập thể Đảng ủy xã và 108 trường hợp đảng viên vi phạm, trong đó cách chức 1 Huyện ủy viên.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình cơ sở đảng, trong năm 1995, huyện sắp xếp lại đảng viên ở các chi bộ, Đảng bộ thị trấn Mỹ Phước, Thới Hòa, Lai Hưng, Long Nguyên, Long Bình, Long Tân, Long Chiêu phù hợp với địa giới hành chính; tách Đảng bộ Công ty Cao su Dầu Tiếng trực thuộc Tỉnh ủy theo yêu cầu nhiệm vụ mới; thành lập 4 đảng bộ cơ sở xã từ chi bộ cơ sở; tách cơ sở đảng Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân thành 2 chi bộ; thành lập mới Chi bộ Bảo hiểm xã hội. Đến năm 1995, toàn huyện có 50 chi bộ đảng, đảng bộ cơ sở (17 đảng bộ và 33 chi bộ cơ sở) với số lượng đảng viên là 1.673 (trong đó có 321 đảng viên nữ).

Trong nhiệm kỳ 1991 - 1995, huyện có 386 quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng, nâng tổng số đảng viên trong Đảng bộ huyện lên 1.636 đồng chí, giảm so với nhiệm kỳ trước (1.759 đồng chí) do Đảng ủy Công ty Cao su Dầu Tiếng chuyển về trực thuộc Tỉnh ủy Sông Bé.

Đến năm 1995, so với năm 1991, toàn huyện đã thực hiện tinh gọn bộ máy, giảm từ 16 xuống còn 12 phòng, ban; giải thể và chuyển giao cho tỉnh quản lý toàn bộ các đơn vị sản xuất, kinh doanh theo Quyết định số 315/HĐBT ngày 01/9/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về chấn chỉnh và tổ chức lại sản xuất và kinh doanh trong khu vực kinh tế quốc doanh, Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành quy chế về thành lập và giải thể doanh nghiệp Nhà nước; về biên chế, đã giảm 233 người, trong đó hành chính sự nghiệp là 175 người, các đơn vị sản xuất, kinh doanh là 58 người.

Về tổ chức, huyện thành lập mới 9 đơn vị cơ quan, tách Ban Kế hoạch và Phòng Thống kê, bộ phận Bảo hiểm xã hội của Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội thành đơn vị mới; đình chỉ hoạt động và giải thể 7 đơn vị sản xuất, kinh doanh theo Quyết định 315 của Trung ương; bàn giao về tỉnh quản lý 5 đơn vị gồm Trạm Thú y, Trạm Bảo vệ thực vật, Hạt Lâm nghiệp, Phòng Thống kê, Đội Quản lý thị trường.

Bộ máy chính quyền huyện hoạt động ngày càng có hiệu quả, mang lại những kết quả đáng kể về mọi mặt, trước hết là từng bước cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các tầng lớp nhân dân, mang lại những nét mới, đáng phấn khởi cho bộ mặt thị trấn và một bộ phận khu vực nông thôn.

Trong nhiệm kỳ, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, huyện đã thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương là bầu Bí thư cấp ủy làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện và xã; bố trí cán bộ chuyên trách Hội đồng nhân dân huyện. Hội đồng nhân dân huyện giữ vững được chất lượng hoạt động, từng bước nâng cao năng lực công tác của cơ quan quyền lực ở địa phương.

Chính quyền từ huyện đến các xã thường xuyên được quan tâm, củng cố. Thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy chính quyền cấp xã theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, đến cuối năm 1995, số lượng cán bộ xã còn 23 - 25 người/xã. Mức phụ cấp sinh hoạt phí cán bộ xã được tăng lên gần tương đương với mức lương của công nhân viên chức nhà nước. Công nhân viên chức yên tâm hơn với chế độ tiền lương mới. Hầu hết cán bộ xã được cử đi học các lớp bồi dưỡng chuyên đề về quản lý nhà nước, từ đó hiệu quả công tác chính quyền cấp xã cũng được nâng lên. Mô hình Ban lãnh đạo ấp được Huyện ủy quan tâm củng cố và từng bước phát huy có hiệu quả; cơ chế Bí thư làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã đã phát huy được vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cơ quan quyền lực ở địa phương,

tạo sự đoàn kết, nhất trí cao trong bộ máy lãnh đạo và không ngừng phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Tháng 7/1992, huyện đã tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa IX và tháng 11/1994 tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp với tỷ lệ cử tri đi bầu cao, bảo đảm dân chủ và đúng luật định. Từ giữa năm 1995, huyện đã triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính.

Về quốc phòng - an ninh:

Tình hình quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện được bảo đảm, an ninh chính trị được giữ vững. Hệ thống chính trị được kiện toàn, củng cố ngày càng vững mạnh. Vai trò và chất lượng lãnh đạo điều hành của các cấp ủy Đảng và chính quyền từ huyện đến cơ sở được nâng lên.

Được các tổ chức đoàn thể vận động, ý thức giác ngộ của quần chúng ngày càng được nâng lên, quần chúng ngày càng tích cực tham gia vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Bên cạnh những thành tựu cơ bản, tính đến cuối nhiệm kỳ, Bến Cát vẫn còn những hạn chế nhất định: Mặc dù Đảng bộ huyện đã có nhiều nỗ lực lãnh đạo phát triển kinh tế và đã đạt những kết quả rõ nét, song dưới tác động của cơ chế thị trường, nhiều phát sinh trong quá trình sản xuất chưa được tháo gỡ kịp thời bằng những chủ trương phù hợp sát với thực tế. Từ đó, có lúc trong chỉ đạo, điều hành về kinh tế còn lúng túng, có mặt chưa hợp lý giữa cơ chế lãnh đạo của Đảng và vai trò điều hành của Nhà nước. Kinh tế - xã hội có bước phát triển khá nhanh nhưng vẫn còn một bộ phận nhân dân khó khăn về đời sống. Đời sống của người dân ở vùng sâu và

ở các thị trấn, thị tứ còn khá chênh lệch. Công tác giải quyết việc làm cho người lao động chưa được quan tâm, sâu sát.

Giai đoạn 1991 - 1995, bên cạnh những mục tiêu quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng Đảng được đặc biệt chú trọng cả về số lượng và chất lượng, là nhân tố cơ bản có vai trò quyết định trong xây dựng huyện Bến Cát ngày càng phát triển, đặt nền móng vững chắc toàn diện trong những năm cuối của thế kỷ XX.

III- PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996 - 2000)

Từ ngày 21 đến ngày 22/3/1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bến Cát lần thứ VII (nhiệm kỳ 1996 - 2000) được tổ chức. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 35 đồng chí, Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 11 đồng chí. Đồng chí Lê Hoàng Nghĩa được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Lê Thành Nhơn được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Huy Hoàng được bầu làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Sau khi tổng kết những thành tựu và hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo trên tất cả các mặt của đời sống xã hội ở nhiệm kỳ VI, Đảng hội đề ra một số phương hướng là:

- Thực hiện chính sách mở cửa theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, khuyến khích, tạo điều kiện để phát triển nông nghiệp, hình thành cơ cấu nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ.

- Tập trung phát triển nông nghiệp, xác định cơ cấu cây trồng chủ yếu phải khuyến khích đầu tư bao gồm: cao su, điều, lúa nước và cây ăn trái có giá trị kinh tế cao. Đẩy mạnh chăn nuôi trong hộ gia đình theo hướng chuyển từ chăn nuôi tự túc sang chăn nuôi kinh doanh, đưa chăn nuôi kinh doanh thành nghề sản xuất chính; từng bước cơ khí hóa - cơ giới hóa nông nghiệp.

- Gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ vững chắc quốc phòng và an ninh, tiến bộ và công bằng xã hội.

- Chú trọng xây dựng nguồn nhân lực, đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực trong sự nghiệp phát triển toàn diện; đầu tư thỏa đáng kết cấu hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng nhằm tạo sự chuyển biến tích cực về kinh tế, văn hóa, xã hội, thu ngắn cách biệt về văn hóa, đời sống giữa thị trấn và các xã vùng xa.

Ngoài ra, Đại hội còn xác định mục tiêu phát triển là: Động viên toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong huyện phấn đấu giữ vững về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, kiện toàn, củng cố các đơn vị kinh tế quốc doanh thuộc Đảng bộ huyện Bến Cát để giữ được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, đưa kinh tế nông nghiệp phát triển theo chiều sâu nhằm tăng năng suất, sản lượng cây trồng, chú trọng đầu tư công nghiệp đi vào chế biến thành phẩm, hạn chế xuất thô các nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương, trên cơ sở khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào các khu vực đã quy hoạch. Giải quyết kịp thời, thỏa đáng các yêu cầu bức xúc về tiến bộ và công bằng xã hội, chăm lo cải thiện đời sống nhân dân. Tăng cường sự lãnh đạo của các tổ chức đảng, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành hợp lý làm cho toàn bộ hoạt động đồng bộ, có kỷ cương và hiệu lực cao.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bến Cát lần thứ VII, Huyện ủy Bến Cát đã lãnh đạo nhân dân đoàn kết quyết tâm hoàn thành mục tiêu đề ra

Về phát triển kinh tế:

Cụ thể hóa chủ trương đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, kiện toàn, củng cố các đơn vị kinh tế quốc doanh trực thuộc

Đảng bộ huyện Bến Cát để giữ được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, đưa kinh tế nông nghiệp phát triển theo chiều sâu nhằm tăng năng suất. Sản xuất nông nghiệp ở Bến Cát có sự chuyển dịch rất lớn về cơ cấu cây trồng, theo hướng tăng diện tích cây lâu năm (chủ yếu là cây cao su, tiêu và cây ăn quả). Đến tháng 6/2000, diện tích cây cao su là 28.266ha (cao su tiểu điền là 16.415ha), tăng 119,32%; cây tiêu là 138,1ha, tăng 450,4%; cây ăn quả là 2.029,7ha, tăng 189%; riêng diện tích cây điều còn 2.513,13ha, giảm 25,12%. Bên cạnh đó, diện tích, năng suất các loại cây hàng năm đều tăng, trong đó diện tích lúa đạt 7.797,9ha, tăng 14,02%, năng suất bình quân đại trà đạt 24 - 27 tạ/ha, tăng so với năm 1995 từ 1 đến 3 tạ/ha. Đặc biệt, diện tích vùng lúa năng suất cao đã đầu tư trên 2.500ha/năm, đạt kế hoạch đề ra.

Để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, huyện đã đầu tư một số công trình thủy lợi gồm bờ bao An Tây, Phú An, cản Nhà Mát, cản cầu Trệt, đập Cây Chai, đập Cây Dương, cản cầu Định, đập Bông Bông, hồ Từ Vân 1, 2... Ngoài ra, các xã còn vận động nhân dân tổ chức nạo vét nhiều tuyến kênh mương nội đồng phục vụ tưới tiêu và giao thông nội đồng ở các xã An Điền, Phú An, An Tây, Trừ Văn Thố, Mỹ Phước, Lai Hưng... Các công trình được đầu tư đã phục vụ tưới, tiêu cho 3.000 - 3.500ha, góp phần rất lớn trong việc thâm canh tăng vụ lúa và cây trồng các loại.

Đối với chăn nuôi, huyện chú trọng phát triển chăn nuôi kinh tế hộ gia đình, đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển mở rộng chăn nuôi trên quy mô lớn nhằm tăng sản lượng thịt, trứng, sữa, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Đến cuối năm 2000, đàn trâu có 2.459 con, giảm 6,46%; đàn bò 4.620 con, tăng 4,8%; riêng bò sữa đạt 700 con; đàn heo có 94.218 con (trong đó Công ty Chiahsin có 74.218 con), tăng 21,16%; đàn gia cầm có khoảng 1 triệu con, tăng 94,02%.

Về chủ trương khuyến khích phát triển các tổ chức và thành phần kinh tế trong nông nghiệp: Trên cơ sở lực lượng nòng cốt là Hội Nông dân, đến năm 2000, toàn huyện có 15 Ban Chấp hành cơ sở, 78 chi hội ấp với 6.690 hội viên trên tổng số 9.891 hộ nông dân trong toàn huyện. Do nhu cầu tương trợ trong sản xuất, đã hình thành nhiều tổ hợp tác từng khâu công việc trong sản xuất và tín chấp trong vay vốn đầu tư... ổn định và từng bước nâng dần kết quả hoạt động. Đặc biệt, kinh tế trang trại ngày càng được nhiều tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế tham gia đầu tư. Tính đến cuối năm 2000, huyện có 440 trang trại với tổng diện tích quản lý trên 2.500ha. Tuy phần lớn các trang trại đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản nhưng trong những năm tới sẽ có khả năng cung ứng nguồn nguyên liệu rất lớn cho chế biến và tiêu thụ nông phẩm.

Trên lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, cơ cấu kinh tế của huyện có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, tạo điều kiện góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nếu năm 1995 tỷ trọng công nghiệp là 19% thì năm 2000 tỷ trọng công nghiệp là 30%. Đến cuối năm 2000, toàn huyện có 2.450 hộ sản xuất kinh doanh cá thể theo Nghị định số 66/HĐBT ngày 02/3/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về cá nhân và nhóm kinh doanh có vốn thấp hơn vốn pháp định quy định trong Nghị định số 221/HĐBT ngày 23/7/1991 với gần 1.200 lao động. So với năm 1996, số hộ kinh doanh tăng 33%, giá trị sản lượng công nghiệp tăng 25 - 30%. Trên địa bàn huyện có 82 doanh nghiệp với tổng vốn đầu tư gần 200 tỷ đồng; 18 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với vốn đầu tư là 106 triệu USD.

Hệ thống thông tin liên lạc thường xuyên được nâng cấp, mở rộng, góp phần không nhỏ trong sự nghiệp phát triển kinh tế. Đến cuối năm 2000, toàn huyện có 4.371 máy, nâng tỷ lệ số hộ sử dụng lên 4,1/100 hộ dân (tăng 0,71 lần so với

năm 1995). Huyện đã duy tu và nâng cấp trên 120km đường sỏi đỏ, trong đó láng nhựa 18km, thảm bê tông nhựa nóng gần 2km; hoàn thành láng nhựa lộ 7B (giai đoạn 1). Bên cạnh đó, phong trào làm đường giao thông nông thôn cũng được triển khai thực hiện từ năm 1997. Đến hết năm 2000, huyện đã huy động 15 xã, thị trấn ra quân làm được trên 200 tuyến, với tổng chiều dài là 209,95km (trong đó sỏi đỏ là 115 tuyến, với chiều dài 75,48km). Đường sỏi đỏ và đường đất được nhân dân khai thông và mở rộng tạo điều kiện giao thông thuận lợi từ huyện đến các ấp, với tổng vốn đầu tư là 2 tỷ 730 triệu đồng (vốn ngân sách nhà nước, địa phương huy động và nhân dân đóng góp), 21.774 ngày công. Đồng thời, huyện đã tổ chức cắm mốc lộ giới các tuyến đường được tỉnh giao cho huyện quản lý được 384 cọc lộ giới, cọc tiêu các loại; 250 cọc và 48 biển báo giao thông.

Từ khi có Luật Khoáng sản năm 1997, huyện đã có 11 đơn vị có tư cách pháp nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn với trữ lượng bình quân 60.000m³/năm. Mặt khác, huyện đã phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức kiểm tra xử lý phạt hành chính các đơn vị khai thác trái phép.

Về văn hóa - xã hội:

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) và Chương trình hành động ngày 10/5/1997 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, sự nghiệp giáo dục của huyện được tập trung đầu tư vào chiều sâu nhằm từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Trước hết, huyện đã tiến hành quy hoạch lại mạng lưới trường lớp phù hợp. Đến cuối năm 2000, toàn huyện có 3 trường mầm non, 8 trường mẫu giáo, 21 trường tiểu học, 8 trường trung học cơ sở và 4 trường phổ thông trung học, bảo đảm tổ chức

giảng dạy cho 2.659 cháu nhà trẻ, mẫu giáo và 29.392 học sinh phổ thông các cấp với 888 lớp. Chất lượng học tập của học sinh cũng được nâng lên, tỷ lệ học sinh các cấp tốt nghiệp bình quân hằng năm đạt 90% trở lên. Hằng năm, huyện đều có học sinh giỏi cấp tỉnh. Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn (thị trấn Mỹ Phước) được Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Bình Dương đề nghị Bộ Giáo dục - Đào tạo công nhận là trường học đạt chuẩn quốc gia đầu tiên trong tỉnh. Để ổn định việc dạy học, huyện đã đầu tư 10 tỷ 205 triệu đồng để xây dựng 152 phòng học, lầu hóa một số trường học như Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn, Trường Tiểu học Tân Định, Trường Trung học cơ sở Chánh Phú Hòa, Trường Phổ thông trung học bán công Lê Quý Đôn, Trường Phổ thông trung học Bến Cát. Huyện đã cơ bản xóa lớp học ca 3. Riêng năm 2000, huyện xây mới 71 phòng học.

Phong trào bổ túc văn hóa, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở có bước phát triển. Đến cuối năm 2000, toàn huyện có 15/15 xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn quốc gia về chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, 7/15 đơn vị được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở (vượt 4 đơn vị so với Nghị quyết). Việc huy động học sinh đến lớp hằng năm đều đạt cao, riêng năm học 1999 - 2000, học sinh tiểu học đến lớp đạt 98,1%, học sinh trung học cơ sở đạt 90% so với kế hoạch.

Ngành y tế huyện đã thực hiện tốt mục tiêu chiến lược "Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân". Mạng lưới y tế cơ sở được tăng cường, công tác y tế dự phòng được thực hiện tốt. Ngành y tế đã triển khai đạt chỉ tiêu các chương trình y tế quốc gia, đặc biệt là chương trình tiêm chủng mở rộng luôn đạt và vượt chỉ tiêu hằng năm. Huyện đã được công nhận thanh toán được bệnh bại liệt và bệnh phong. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng hoạt động có hiệu quả, tỷ lệ trẻ em suy

dinh dưỡng hằng năm giảm trên 2,95%. Đến cuối năm 2000, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng là dưới 22% (Nghị quyết là 30%). Từ năm 1999 đến năm 2000, huyện xây dựng mới 7 trạm y tế xã, có 6 bác sĩ phục vụ tại cơ sở, đạt 40% số bác sĩ phục vụ tại tuyến xã (đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra). Từ năm 1998, công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được chuyên môn hóa (có chuyên trách) góp phần bảo vệ quyền và lợi ích của trẻ em, chăm lo thiết thực cho những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch hằng năm. Tỷ suất sinh giảm nhanh, bình quân mỗi năm giảm 0,6%. Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên giảm từ 18,2% năm 1996 xuống còn 11,09% năm 2000. Tỷ lệ tăng dân số giảm từ 2,12% xuống còn 2,08%, tỷ suất tăng dân số tự nhiên còn 1,61% (chỉ tiêu là 1,8%).

Năm 1996, Bến Cát đã hình thành cụm sản xuất công nghiệp Tân Định và một số doanh nghiệp ở các xã Phú An, Lai Hưng, An Tây, Hòa Lợi... Từ năm 1997 đến năm 2000, huyện đã thu hút và giải quyết việc làm cho 5.179 lao động. Huyện tiếp tục triển khai chương trình giải quyết việc làm cho 1.049 lao động với tổng nguồn vốn trên 2 tỷ đồng, giúp nhân dân có việc làm, tự ổn định cuộc sống. Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo được Đảng bộ huyện quan tâm triển khai sâu rộng, thiết thực. Đến cuối năm 2000, số hộ nghèo trên địa bàn huyện còn dưới 3,8% (vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra). Tình hình đời sống của các tầng lớp dân cư trong huyện được cải thiện rõ rệt; tỷ lệ hộ nghèo, thiếu ăn giảm; số hộ trung bình và khá dần tăng lên.

Trên lĩnh vực văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, huyện triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng cho khu văn hóa thiếu nhi, xây dựng các phong trào văn hóa, nghệ thuật, thể dục - thể thao từ huyện đến cơ sở nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và xây dựng cuộc sống mới được quan tâm phối hợp tổ chức. Qua cuộc vận động xây dựng cuộc sống mới, đời sống nhân dân tại các xã, thị trấn đã có nhiều chuyển biến tốt, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong cộng đồng được vun đắp, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống. Đến cuối năm 2000, toàn huyện có 70% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; 50% ấp, khu phố được công nhận đạt chuẩn văn hóa. Song song đó, tiếp tục thực hiện Nghị định số 87/CP ngày 12/12/1995 của Chính phủ về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng, Nghị định số 88/CP ngày 14/12/1995 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng chống một số tệ nạn xã hội và Chỉ thị số 814/TTg ngày 12/12/1995 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, thiết lập trật tự kỷ cương trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng, các ngành chức năng của huyện thường xuyên tổ chức kiểm tra các hoạt động dịch vụ văn hóa.

Về công tác chính trị - tư tưởng, tổ chức và cán bộ:

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần VII được thực hiện hơn 3 năm thì ngày 20/8/1999, Bến Cát được chia tách thành hai huyện Bến Cát và Dầu Tiếng theo Nghị định số 58/CP của Chính phủ. Tỉnh ủy đã chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời huyện Bến Cát gồm 29 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí; đồng chí Lê Hoàng Nghĩa làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Lê Thành Nhơn làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy. Đồng chí Nguyễn Văn Khải - Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thay cho đồng chí Nguyễn Thị Tuyết chuyển sang làm Bí thư Huyện ủy lâm thời huyện Dầu Tiếng.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, Đảng bộ huyện Bến Cát có 39 chi bộ, đảng bộ (15 xã, thị trấn và 24 đơn vị hành chính sự nghiệp (13 đảng bộ, 26 chi bộ và 87 chi bộ nhỏ trực thuộc đảng bộ cơ sở)) với tổng số đảng viên là 1.452 đồng chí. Đến tháng 8/2000, Đảng bộ huyện có 40 cơ sở đảng, trong đó có 17 cơ sở đảng là đảng bộ (15 xã, 2 cơ quan), tăng 4 đảng bộ cơ sở và 14 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở so với tháng 8/1999. Các cơ sở đảng khối hành chính, lực lượng vũ trang cũng có nhiều thay đổi về nhân sự, song với quyết tâm cao của toàn Đảng bộ và sự chuẩn bị chu đáo, các cơ sở đảng sớm đưa hoạt động đi vào nền nếp.

Ngay khi chia tách, Huyện ủy Bến Cát tập trung chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm gồm: Kiểm tra, kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết của cấp trên, xây dựng tổ chức bộ máy Đảng bộ, đoàn thể, chính quyền lâm thời của hai huyện Bến Cát - Dầu Tiếng đi vào hoạt động theo quy định; thực hiện tốt việc bổ sung, củng cố, thay thế nhân sự cấp ủy cơ sở sau khi tách huyện; giải quyết tốt các đơn thư khiếu nại, tố cáo đảng viên, giữ vững đoàn kết nội bộ cấp ủy cơ sở, giúp cho các đơn vị đi vào hoạt động có nền nếp và đạt hiệu quả.

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương về công tác cán bộ và Quy định số 53-QĐ/TW ngày 05/5/1999 của Bộ Chính trị về chế độ kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ, Đảng bộ huyện Bến Cát luôn xác định trách nhiệm xây dựng, củng cố bộ máy chính quyền là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài. Từ đó, huyện đã từng bước sắp xếp bộ máy các cơ quan, phòng ban, đoàn thể theo hướng gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả. Theo quy hoạch chung, trình độ cán bộ, công chức được nâng lên thông qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Trong 5 năm (1996 - 2000), huyện đã đưa đi đào tạo 122 cán bộ, trong đó có

15 cán bộ đạt trình độ cử nhân, cao cấp chính trị, 85 cán bộ đạt trung cấp chính trị, 22 cán bộ được đào tạo đại học các chuyên ngành. Hầu hết trưởng, phó phòng ban, chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đều đã tốt nghiệp trung học phổ thông.

Công tác cải cách thủ tục hành chính ở giai đoạn đầu chủ yếu là tổ chức kiểm tra, soát xét ở một số ngành, xã về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thủ tục cấp phép xây dựng nhà ở, thủ tục vay vốn ngân hàng... Ủy ban nhân dân huyện đã niêm yết thủ tục công khai và giải quyết các thủ tục nhanh hơn so với trước đây, giảm bớt những khâu trung gian chông chéo giữa các ngành, giảm bớt thời gian đi lại, phiền hà cho nhân dân. Huyện đã tổ chức triển khai hướng dẫn Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở và Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08/9/1998 của Chính phủ về ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan..., từ đó, cơ bản tạo được niềm tin của quần chúng đối với Đảng, giảm đáng kể các vụ khiếu nại, thắc mắc trong nhân dân.

Trên cơ sở tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08B-NQ/HNTW ngày 27/3/1990 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân và Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bến Cát khóa VII, giai đoạn 1996 - 2000, công tác vận động quần chúng đã có những chuyển biến tích cực. Cán bộ chủ chốt của huyện thường xuyên đến cơ sở vận động nhân dân tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, phát huy được vai trò làm chủ của nhân dân thông qua việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo về đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, đáp ứng được một số lợi ích thiết thực của nhân dân.

Tình hình tôn giáo và tình hình người Hoa kiều luôn ổn định, đạt được những kết quả nhất định. Chính quyền các cấp đã tạo điều kiện cho các tín đồ tôn giáo xây dựng mới, sửa chữa nơi thờ tự khang trang hơn để có nơi hành lễ cầu nguyện trang nghiêm. Mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể với bà con tín đồ chuyển biến theo chiều hướng tích cực.

Huyện ủy đã kịp thời ban hành những chủ trương lãnh đạo công tác vận động quần chúng phù hợp, sát với tình hình địa phương. Chính quyền các cấp đã có những bước cải cách về thủ tục hành chính, giải quyết đúng và nhanh các công việc có liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân. Việc triển khai chương trình xóa đói giảm nghèo đạt được những kết quả nhất định.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thường xuyên đổi mới về phương thức hoạt động, xây dựng được nhiều mô hình mới phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Thông qua các mô hình hoạt động thiết thực đã thu hút, tập hợp quần chúng vào tổ chức đoàn thể. Tính đến năm 2000, tổng số đoàn viên, hội viên là 54.988 người (trong đó có 565 hội viên tín đồ tôn giáo, 95 hội viên người Hoa), chiếm tỷ lệ 70,22% dân số trong độ tuổi, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận từ huyện đến cơ sở đều được quy hoạch, đào tạo về văn hóa, chuyên môn để nâng cao trình độ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác dân vận trong tình hình mới.

Với phương châm “Uống nước nhớ nguồn”, huyện xác định công tác giải quyết các vấn đề chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng có ý nghĩa chính trị rất quan trọng. Các chế độ đối với gia đình chính sách được thực hiện cơ bản và kịp thời. Đối với các gia đình khó khăn về nhà ở, huyện đã vận động nhiều nguồn để xây dựng và trao tặng được 222 căn nhà tình nghĩa (nâng tổng số nhà đã trao tặng là 669 căn) với tổng kinh phí trên 8,7 tỷ đồng. Riêng

trong năm 2000, huyện đã vận động xây dựng và sửa chữa trên 100 căn với tổng kinh phí trên 800 triệu đồng và cơ bản hoàn thành việc xây dựng nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách khó khăn về nhà ở theo Nghị quyết đề ra. Đến cuối năm 2000, toàn huyện có 247 Mẹ Việt Nam anh hùng, trong đó có 57 mẹ còn sống. Huyện thực hiện phụng dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng với mức bình quân là 200.000 đồng/người/tháng. Trong 5 năm (1996 - 2000), huyện đã quy tập về nghĩa trang 317 hài cốt liệt sĩ, nâng tổng số mộ liệt sĩ ở nghĩa trang là 3.189 mộ, trong đó 1.334 mộ có tên và 1.855 mộ chưa biết tên; tổ chức xây dựng 2 nhà bia ghi tên liệt sĩ tại xã Thanh Tuyên và xã Long Nguyên với kinh phí 300 triệu đồng. Với thành tích trong kháng chiến, đến năm 2000, toàn huyện có 10/15 xã, thị trấn vinh dự được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Về quốc phòng - an ninh:

Kinh tế phát triển quá nhanh tất yếu sẽ làm nảy sinh những mặt trái của xã hội, gia tăng các loại hình tội phạm, đặc biệt là tội phạm ma túy và tệ nạn xã hội. Trước tình hình đó, huyện đã triển khai chương trình hành động phòng chống ma túy, kiểm chế tốc độ gia tăng tội phạm, làm giảm một số loại án nghiêm trọng như: giết người cướp của, cướp có vũ trang..., nâng cao tỷ lệ điều tra phá án trong từng năm. Kết quả 5 năm (1996 - 2000), về phạm pháp hình sự xảy ra 52 vụ, giảm 18,75% so với cùng kỳ, điều tra làm rõ 46/52 vụ, đạt 88,46%; thường án là 516 vụ, giảm 14,14% so với cùng kỳ, đã điều tra làm rõ 370/516 vụ, đạt 71,7%. Đặc biệt, trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, huyện đã điều tra khám phá một số băng nhóm làm ăn phạm pháp, trộm cắp chuyên nghiệp như khám phá vụ tàng trữ sử dụng tiền giả ở thị trấn Dầu Tiếng - là vụ tàng trữ sử dụng tiền giả lớn nhất tỉnh Bình Dương từ trước đến nay - góp phần rất lớn trong công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương. Lực lượng công an tích cực kiểm

tra an toàn giao thông, phát hiện 2.087 vụ vi phạm, xử phạt hành chính với số tiền 1 tỷ đồng.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được duy trì và phát triển. Các mô hình Tổ an ninh nhân dân, Tổ an ninh tự quản đã phát huy hiệu quả. Đến năm 2000, toàn huyện có 34 tổ hòa giải, 1.378 tổ nhân dân tự quản, 257 đội thanh niên xung kích và 18.000 lượt học sinh tham gia lực lượng chiến sĩ an ninh nhỏ, góp phần không nhỏ trong công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Lực lượng vũ trang từ huyện đến cơ sở được xây dựng, củng cố về mọi mặt, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Từ năm 1996 đến năm 1999, huyện có 600 thanh niên lên đường nhập ngũ, bảo vệ Tổ quốc. Hằng năm, huyện đều xây dựng hoàn thành và thực hành diễn tập khu vực phòng thủ theo kế hoạch A và A2 nhằm nâng cao công tác huấn luyện quân sự địa phương, chống mọi tình huống xảy ra trên địa bàn. Công tác tuyên truyền và tổ chức thực hiện Pháp lệnh về dân quân tự vệ và dự bị động viên được thực hiện tốt. Hằng năm, Huyện đội đều tổ chức huấn luyện đạt trên 95% kế hoạch đề ra. Lực lượng dân quân tự vệ cơ sở được củng cố thường xuyên, đạt 3,47% dân số, góp phần bảo vệ cuộc sống yên lành cho nhân dân.

Đạt được những thành tựu trên, trước hết là nhờ những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tỉnh đúng đắn, kịp thời, sự nghiệp đổi mới phù hợp với lòng dân. Sau đó, Đảng bộ huyện đã cụ thể hóa những chủ trương, chính sách đó phù hợp với điều kiện của địa phương. Đó cũng là nhờ sự kế thừa và phát huy những thành tựu, kinh nghiệm của các thế hệ đi trước; sự nỗ lực điều hành của các cấp chính quyền; sự đồng tình ủng hộ và quyết tâm thực hiện chủ trương của Đảng bộ để nâng cao đời sống và xây dựng quê hương giàu đẹp của nhân dân trong huyện.

Tóm lại, trong giai đoạn 1996 - 2000, Đảng bộ huyện Bến Cát đã động viên toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong huyện phát triển kinh tế, kiện toàn, củng cố các đơn vị kinh tế quốc doanh để giữ được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, đưa kinh tế nông nghiệp phát triển theo chiều sâu nhằm tăng năng suất, sản lượng cây trồng; đưa công nghiệp đi vào chế biến thành phẩm, hạn chế xuất thô các nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương; khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào các khu vực đã quy hoạch; giải quyết kịp thời, thỏa đáng các yêu cầu bức xúc về tiến bộ và công bằng xã hội, chăm lo cải thiện đời sống nhân dân. Đồng thời, Đảng bộ huyện cũng tăng cường sự lãnh đạo của các tổ chức đảng, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành làm cho huyện Bến Cát hoạt động đồng bộ, có kỷ cương và hiệu lực cao.

IV- TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (2000 - 2005)

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW ngày 02/5/2000 của Bộ Chính trị, Thông tri số 13-TTr/TU ngày 11/6/2000 của Tỉnh ủy Bình Dương¹ và Kế hoạch số 08-KH/HU ngày 21/6/2000 của Huyện ủy, ngày 15/11/2000, Đảng bộ huyện Bến Cát đã tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2000 - 2005).

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 33 đồng chí, bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 11 đồng chí; đồng chí Lê Thành Nhơn được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Trần Văn Xuân được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Văn Khải được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII nhìn lại giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2000, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII, huyện Bến Cát có sự chuyển biến

1. Tỉnh Bình Dương được tái lập từ năm 1997.

quan trọng trên tất cả các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, giữ được thế ổn định toàn diện theo chiều hướng phát triển. Trên cơ sở đó, căn cứ vào mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh Bình Dương và tình hình thực tế của địa phương, Đại hội đã đề ra định hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp đến năm 2005 gồm:

- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đến năm 2005, cơ cấu kinh tế của huyện là nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ.

- Tập trung phát triển nông nghiệp, xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi chủ lực phù hợp với vùng quy hoạch chuyên canh gồm: cao su, tiêu, điều, lúa nước và cây ăn trái có giá trị kinh tế cao; gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản. Đẩy mạnh chăn nuôi hộ gia đình theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp.

- Gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Chú trọng xây dựng nguồn nhân lực.

- Tiếp tục đầu tư các cơ sở, công trình phúc lợi công cộng, thu hẹp cách biệt về sinh hoạt văn hóa, đời sống của nhân dân vùng xa với thị trấn.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, tăng cường hiệu lực quản lý của chính quyền, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

Đại hội khẳng định: Trong giai đoạn tới phải đầu tư phát triển nông nghiệp một cách toàn diện trên ba lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và chế biến nông súc sản; quy hoạch các vùng chuyên canh, thâm canh, vùng nguyên liệu; có kế hoạch xây

dựng trại cây giống của huyện để cung cấp cây giống mới, có năng suất cao nhằm chuyển đổi các loại cây giống chất lượng thấp, kém hiệu quả; từng bước quản lý chất lượng cây giống trên thị trường và cụ thể hóa chủ trương cơ giới hóa nông nghiệp; chú trọng những loại cây công nghiệp, cây ăn quả và các loại cây có giá trị xuất khẩu; chăn nuôi theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp, áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nhất là khâu chọn giống, phấn đấu giữ vững đàn gia súc; nâng tổng đàn bò sữa từ 700 lên 1.900 con vào cuối năm 2005.

- Có giải pháp nhằm mời gọi, tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vốn, kỹ thuật phát triển công nghiệp trên địa bàn, ưu tiên cho đầu tư chế biến cây ăn quả, tinh và sơ chế mủ cao su, chế biến các loại nông sản, súc sản, vật liệu xây dựng và các ngành nghề khác sử dụng nhiều lao động.

- Khuyến khích mạng lưới thương mại - dịch vụ từ thị trấn đến nông thôn, đặc biệt là ở các vùng xa để đáp ứng nhu cầu hàng hóa thiết yếu của nhân dân. Trong những năm 2001 - 2005, dự kiến triển khai nâng cấp, cải tạo các chợ: Chánh Phú Hòa, Phú Thứ, Lai Khê, Long Nguyên, Lai Uyên, Cây Trường; xây dựng mới chợ Tân Định và Hưng Hòa.

- Thực hiện tốt chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình. Từ năm 2000 đến năm 2005, giảm tỷ suất sinh thô hàng năm 0,8‰, phấn đấu đến cuối năm 2005, tỷ suất sinh thô toàn huyện là 17,37‰, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,2‰, cơ bản không có người sinh con thứ 3.

- Lĩnh vực văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, phát triển có chất lượng, chú trọng phong trào xây dựng ấp văn hóa, gia đình văn hóa, cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa. Phấn đấu đến 2005, toàn huyện có 80% gia đình và 60% ấp, khu phố, 100% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa. Kiên quyết chống và loại bỏ các tệ nạn văn hóa. Phát triển thư viện, hình thành các khu

vui chơi, giải trí cho thanh thiếu niên, các khu công viên văn hóa, vườn hoa cây cảnh, xây dựng các câu lạc bộ năng khiếu.

- Phát triển và củng cố mạng lưới truyền thanh ở tuyến xã để thường xuyên thông tin, tuyên truyền cho nhân dân về các nhiệm vụ chính trị, các văn bản luật, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước...

- Kịp thời nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, đồng thời tham mưu cho cấp ủy giải pháp uốn nắn những diễn biến tư tưởng, tâm trạng xã hội lệch lạc.

- Nâng cao chất lượng tuyên truyền. Nội dung tuyên truyền phục vụ cho việc tổ chức thực hiện Nghị quyết của cấp ủy và theo hướng dẫn của cấp trên, củng cố, bồi dưỡng, hướng dẫn hoạt động cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên.

- Công tác tổ chức thực hiện việc cải cách tổ chức bộ máy và biên chế theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII). Đến năm 2005, 80% cán bộ trưởng, phó ngành huyện có trình độ đại học phù hợp với ngành được phân công, lý luận chính trị từ trung cấp trở lên; 100% bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân xã - thị trấn có trình độ trung cấp lý luận chính trị và trung cấp quản lý nhà nước; 80% cấp ủy cơ sở đạt trình độ trung cấp chính trị; 100% cấp ủy chi bộ trực thuộc Đảng bộ học chương trình bồi dưỡng cấp ủy; 100% đảng viên mới kết nạp học lớp lý luận chính trị sơ cấp trở lên.

Cụ thể hóa các chủ trương của Đảng bộ huyện, giai đoạn 2000 - 2005, Bến Cát đã giành được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực

Về phát triển kinh tế:

Giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2005, kinh tế của huyện tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 19,5%/

năm (vượt 4,5% so với Nghị quyết), trong đó công nghiệp tăng 29,65%/năm, nông nghiệp tăng 7,16%/năm, thương mại - dịch vụ tăng 15,86%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, thương mại. Đến cuối năm 2005, cơ cấu kinh tế của huyện tiếp tục chuyển dịch với tỷ trọng: công nghiệp 69,37%, nông nghiệp 18,62%, thương mại - dịch vụ 12,01%. Tổng giá trị sản xuất đạt 19.710 tỷ 760 triệu đồng. Thu nhập bình quân đầu người đạt 13.327.000 đồng/người/năm (vượt 18,99% so với Nghị quyết).

Chủ trương của Đảng bộ huyện trong nhiệm kỳ là tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vốn, kỹ thuật phát triển công nghiệp trên địa bàn, ưu tiên cho đầu tư chế biến cây ăn quả, tinh và sơ chế mủ cao su, chế biến các loại nông, súc sản, vật liệu xây dựng và các ngành nghề khác sử dụng nhiều lao động. Huyện đã thu hút được 156 doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước, 119 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nâng tổng số các doanh nghiệp trên địa bàn huyện lên 383 doanh nghiệp, trong đó có 245 doanh nghiệp trong nước, tổng số vốn đầu tư là 2.102 tỷ 545 triệu đồng, 138 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổng số vốn đăng ký là 746.724.000USD. Hầu hết các doanh nghiệp trong nước đầu tư vào hoạt động sản xuất ra sản phẩm, chiếm 80% số dự án đăng ký, các doanh nghiệp nước ngoài chiếm 60% số dự án đăng ký. Tiểu thủ công nghiệp phát triển khá mạnh, đặc biệt là ngành dệt may, vật liệu xây dựng, điện tử... Giá trị sản xuất trong 5 năm (2000 - 2005) đạt 12.073 tỷ 520 triệu đồng, tăng bình quân 29,65%/năm. Ngoài ra, thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng về công nghiệp hóa, huyện đã khuyến khích nhân dân tự trang bị máy móc và các phương tiện kỹ thuật áp dụng vào sản xuất.

Lĩnh vực trồng trọt, giá trị sản xuất đạt 5.133 tỷ 560 triệu đồng, tăng trưởng bình quân 7,16%/năm. Hằng năm, nhân dịp

kỷ niệm ngày sinh nhật của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5), huyện đều tổ chức phát động tuần lễ tết trồng cây, được nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia trồng trên 50.000 cây phân tán. Ngoài ra, nhân dân trong huyện còn tự đầu tư trồng tập trung trên 10ha, gồm các loại cây như: sao, dầu, xà cừ, trà... Thực hiện dự án 5 triệu hécta rừng (Chương trình 661), huyện đã đầu tư cho 132 hộ ở các xã: Trừ Văn Thố, Tân Hưng, Long Nguyên trồng rừng phòng hộ với diện tích 140,31ha.

Huyện đã tổ chức các đợt diễn tập tìm kiếm cứu nạn ở các xã An Tây, Phú An, Mỹ Phước, An Điền có hơn 500 lượt cán bộ và lực lượng dân quân tham dự; trích ngân sách và quỹ phòng chống lụt bão trên 16 tỷ 234 triệu đồng hỗ trợ các hộ gặp nạn do lốc xoáy, ngập úng khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất.

Bên cạnh việc thường xuyên tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhân dân bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức sử dụng nước sạch, bảo đảm sức khỏe cho cộng đồng, huyện còn đầu tư hỗ trợ xây dựng 776 giếng nước sạch nông thôn với giá trị trên 1 tỷ đồng, nâng tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 94,8%.

Trên địa bàn huyện còn khoảng 13.032 hộ nông nghiệp, trong đó có 400 trang trại, giá trị sản lượng hàng hóa đạt 165 tỷ 664 triệu đồng, thu nhập bình quân 1 trang trại đạt 81 triệu 560 ngàn đồng/năm, đất sản xuất bình quân 1 trang trại từ 9 - 10ha, tổng vốn đầu tư của 400 trang trại là 301 tỷ 245 triệu đồng, giải quyết việc làm cho 2.143 lao động.

Đến năm 2005, trên địa bàn huyện có 21 hợp tác xã (tăng 14 hợp tác xã so với năm 2000), tổng vốn điều lệ là 43 tỷ 569 triệu đồng, với 435 xã viên, giải quyết việc làm cho 716 lao động; 419 tổ liên kết sản xuất (tăng 6,34% so với năm 2000) với 9.472 tổ viên và 24 câu lạc bộ nhà nông với 626 thành viên.

Giai đoạn này, huyện đã đầu tư 171 tỷ 843 triệu đồng vào các lĩnh vực, trong đó: giao thông chiếm 32%, giáo dục chiếm 24,1%,

điện chiếm 23,6%, trụ sở cơ quan chiếm 12,0%, các công trình văn hóa - xã hội chiếm 7,5%, y tế chiếm 0,8%. Hệ thống thông tin liên lạc thường xuyên được nâng cấp, mở rộng phục vụ nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân và các thành phần kinh tế. Toàn huyện có 15.055 máy điện thoại cố định, nâng tỷ lệ số dân sử dụng là 13 máy/100 dân (tăng 2,13 lần so với năm 2000).

Để phát triển giao thông nông thôn, chỉnh trang đô thị, huyện đã đầu tư 16 tỷ 802 triệu đồng để thực hiện 500 công trình giao thông nông thôn với chiều dài 585,31km. Trong đó, ngân sách đầu tư 6 tỷ 914 triệu đồng, nhân dân đóng góp bằng tiền, đất đai, tài sản, hoa màu trên đất là 9 tỷ 888 triệu đồng.

Về văn hóa - xã hội:

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng bộ huyện trong việc nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học, phấn đấu đến cuối năm 2002, huyện được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở, huyện đã đầu tư xây dựng 152 phòng học, lầu hóa một số trường học như: Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn, Trường Tiểu học Tân Định, Trường Trung học cơ sở Chánh Phú Hòa, Trường Trung học cơ sở Hòa Lợi, Trường Trung học phổ thông bán công Lê Quý Đôn, Trường Trung học phổ thông Bến Cát, Trường Trung học phổ thông Tây Nam. Huyện luôn giữ vững danh hiệu đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở (15/15 xã, thị trấn) và hoàn thành phổ cập cấp tiểu học đúng độ tuổi (vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra). Việc huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 hàng năm đều đạt 100%, học sinh trung học cơ sở đạt 90% so với kế hoạch. Toàn huyện có 7 trường mầm non, 8 trường mẫu giáo, 23 trường tiểu học, 8 trường trung học cơ sở và 4 trường trung học phổ thông, bảo đảm giảng dạy cho 4.081 cháu nhà trẻ, mẫu giáo và 19.116 học sinh phổ thông các cấp với 629 lớp. Hằng năm, huyện đều có giáo viên và học sinh giỏi cấp huyện và tỉnh. Huyện có

2 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia là Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn, Trường Mầm non Hưng Hòa.

Ngành y tế đã thực hiện mục tiêu “chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân” và Chỉ thị số 11-CT/HU của Huyện ủy về việc tăng cường củng cố mạng lưới y tế cơ sở. Mạng lưới y tế áp có 87 cán bộ và 150 nhân viên sức khỏe cộng đồng. Huyện có 10/15 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế và có 15/15 trạm y tế xã có bác sĩ. Trong 5 năm (2000 - 2005), huyện không để xảy ra dịch sốt rét và không có trường hợp nào tử vong do sốt rét. Chương trình tiêm chủng mở rộng, chương trình phòng chống suy dinh dưỡng hoạt động có hiệu quả. Tỷ lệ trẻ em uống và tiêm đủ liều vắc xin đạt tỷ lệ miễn dịch cơ bản hàng năm đạt trên 96%, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng đến cuối năm 2005 giảm còn 12,21% (Nghị quyết là 15%). Tỷ suất sinh giảm còn 13,48‰. Đến cuối năm 2005, tỷ lệ phát triển dân số giảm xuống còn 2,26%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 0,83%, tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm còn 8,14% (bình quân mỗi năm giảm 0,67%).

Phong trào thể dục - thể thao được nhân dân trong huyện hưởng ứng tích cực. Các xã đã hình thành đội tuyển bóng đá, bóng chuyền, có 12/15 xã, thị trấn có sân bóng đá đủ kích thước. Đến cuối năm 2004, huyện có 14,33% số người luyện tập thể thao thường xuyên, 18,33% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao, tăng bình quân hàng năm 0,5 - 1%; một số môn đạt huy chương vàng tại các giải tỉnh và khu vực như: võ cổ truyền, Judo, Taekwondo, Karaté, bida, điền kinh. Song song đó, mạng lưới thông tin đại chúng, đài truyền thanh từ huyện đến xã vẫn duy trì và phát triển. Tiếp tục thực hiện các Nghị định số 87/CP, 88/CP của Chính phủ và Chỉ thị số 814/TTg của Thủ tướng Chính phủ, các ngành chức năng thường xuyên tổ chức kiểm tra các hoạt động dịch vụ văn hóa, xử lý các trường hợp vi phạm quy định, xử phạt hành chính và tịch thu nhiều tang vật.

Huyện đã giải quyết việc làm cho 17.531 lao động (tăng 5 - 10%/năm). Đến cuối năm 2005, tổng số lao động có việc làm ổn định là 73.987/77.085 lao động, đạt 95,98% số lao động có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Huyện tiếp tục triển khai chương trình giải quyết việc làm cho 1.865 lao động với 105 dự án, tổng nguồn vốn trên 6 tỷ 533 triệu đồng, giúp người lao động có việc làm, ổn định cuộc sống.

Huyện đã giải quyết trợ cấp thường xuyên cho 2.052 lượt người nghèo theo tinh thần Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 của Chính phủ về chính sách cứu trợ xã hội với tổng số tiền 1.812.660.000 đồng; xây tặng 502 căn nhà tình thương với tổng trị giá 3 tỷ 428 triệu đồng. Đến cuối năm 2005, số hộ nghèo trên toàn huyện còn 0,83%, tỷ lệ hộ trung bình và khá tăng, tỷ lệ hộ có phương tiện nghe nhìn là 98,36%, hộ được ngói hóa 92,52%, tỷ lệ hộ có xe gắn máy 95%, đời sống của các tầng lớp dân cư được cải thiện đáng kể.

Về công tác chính trị - tư tưởng, tổ chức và cán bộ

Công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng được Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm. Huyện ủy thường xuyên tổ chức quán triệt, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đồng thời, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể và phân công các đồng chí trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ tổ chức triển khai, học tập cho cán bộ, đảng viên, qua đó nâng cao bản lĩnh chính trị, giữ vững lập trường tư tưởng tạo sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng bộ. Tỷ lệ đảng viên tham gia học tập đạt trên 94% trong tổng số đảng viên trong toàn huyện (tăng 8% so với nhiệm kỳ trước). Bên cạnh đó, công tác nắm tình hình diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn cũng được Đảng bộ quan tâm thường xuyên. Vì vậy, khi tình hình có những diễn biến mới, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện luôn ổn định, vững tin vào đường lối đổi mới và sự lãnh đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh đó, để ghi nhận và giáo dục tốt lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống của địa phương, Đảng bộ huyện đã quan tâm chỉ đạo công tác biên soạn lịch sử. Kết quả 5 năm (2000 - 2005), huyện đã hoàn thành biên soạn, phát hành lịch sử đảng bộ các xã Tân Định, Phú An và huyện Bến Cát, hoàn thành biên soạn lịch sử của xã Hòa Lợi, đạt yêu cầu Nghị quyết đề ra.

Nhìn chung, công tác chính trị, tư tưởng trong giai đoạn 2001 - 2005 của huyện có những chuyển biến tích cực. Nổi bật nhất là huyện đã cụ thể hóa các nghị quyết, văn bản của cấp trên bằng các chương trình hành động và phân công chỉ đạo thực hiện đạt kết quả khá cao. Đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng từ huyện đến cơ sở có nhiều nỗ lực trong đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, bám sát các diễn biến của tình hình thực tiễn và làm tốt công tác tham mưu.

Đến tháng 8/2005, toàn huyện có 45 cơ sở đảng, tăng 5 đảng bộ cơ sở so với năm 2000, trong đó có 17 đảng bộ (15 đảng bộ xã, thị trấn, 2 đảng bộ cơ quan), và 28 chi bộ cơ quan, xí nghiệp; có 135 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở. Việc củng cố tổ chức cơ sở đảng luôn được coi trọng. Chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng luôn được giữ vững và nâng cao. Kết quả, qua phân tích chất lượng cơ sở đảng, bình quân hàng năm có 90,25% tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh (tăng 4,25% so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII đề ra) và 9,75% tổ chức cơ sở đảng đạt loại khá, không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

Trong nhiệm kỳ, toàn Đảng bộ huyện phát triển được 521 đảng viên, nâng tổng số đảng viên toàn huyện lên 1.866 đảng viên (vượt 30% Nghị quyết đề ra). Đảng viên mới kết nạp có trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn cơ bản, tuổi đời còn trẻ. Phần đông đảng viên mới được kết nạp công tác ở các ấp và các trường học. Trong đó, đảng viên nữ 425 đồng chí, chiếm 23,66%, dự bị 124 đồng chí; đảng viên miễn công tác, miễn sinh hoạt là

132 đồng chí; đảng viên được giao nhiệm vụ chiếm tỷ lệ 92,6% (giảm 2% so với năm 2000). Việc đổi thẻ đảng viên được các cấp ủy thực hiện nghiêm túc, đã tổ chức được 5 đợt đổi thẻ với 1.724 đảng viên.

Qua bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại hội Đảng bộ các cấp, Đảng bộ huyện đã từng bước sắp xếp, củng cố các cơ quan, phòng, ban, đoàn thể, khối Đảng, bộ máy chính quyền cấp xã, thị trấn. Hầu hết các đơn vị đã xây dựng được nội quy, quy chế hoạt động nhằm bảo đảm tính nguyên tắc Đảng lãnh đạo và khắc phục tình trạng quan liêu, trì trệ, gây sách nhiễu, phiền hà cho nhân dân. Tổng số biên chế toàn huyện có 147 người, trong đó khối nhà nước là 76 biên chế, khối đảng 71 biên chế. Ngoài ra, do yêu cầu nhiệm vụ chung, huyện còn hợp đồng với 73 trường hợp vào làm việc tại các cơ quan chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đồng thời, Huyện ủy đã điều động 2 đồng chí về công tác ở xã nhằm tăng cường quản lý nhà nước ở cấp cơ sở. Toàn huyện có 14 xã và 1 thị trấn với 407 cán bộ. Trong đó, trình độ đại học có 23 đồng chí, chiếm 5,7%; trình độ trung cấp, cao đẳng có 74 đồng chí, chiếm 18,75%. Thành viên ủy ban nhân dân xã có 67 đồng chí, trong đó trình độ đại học có 2 đồng chí, chiếm 4,47%; trình độ trung cấp, cao đẳng có 34 đồng chí, chiếm 50,47%. Để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới, huyện chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Trong 5 năm, huyện đã chọn cử 5.517 lượt cán bộ, đảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng ở các trường huyện, tỉnh và Trung ương. Song song với việc đào tạo, bồi dưỡng, huyện đã điều chỉnh, bổ sung nguồn quy hoạch cán bộ được 61 đồng chí (trong đó có 8 đồng chí nữ), bầu bổ sung 5 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và 3 đồng chí vào Ban Thường vụ Huyện ủy.

Tính đến năm 2005, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể có 83.933 đoàn viên, hội viên, tăng 34,3%; tổ chức được

76 câu lạc bộ, tăng 51,3%; có 691 tổ liên kết và tương trợ vốn, tăng 53,5% so với năm 2000.

Với phương châm “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, huyện đã thực hiện tốt và kịp thời các chế độ đối với gia đình chính sách. Trong nhiệm kỳ, từ nhiều nguồn vốn, huyện đã xây dựng và trao tặng được 247 căn nhà tình nghĩa với tổng kinh phí trên 4 tỷ 528 triệu đồng (nâng tổng số nhà đã trao tặng lên 688 căn); tổ chức quy tập 89 hài cốt liệt sĩ về Nghĩa trang liệt sĩ huyện, nâng tổng số mộ được quản lý tại nghĩa trang lên 3.259 mộ (trong đó có 1.321 mộ có tên). Huyện đã cơ bản hoàn thành việc giải quyết hồ sơ chính sách cho 2.863 trường hợp đúng theo các quy định của Nhà nước.

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được tổ chức thực hiện tốt, được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Hằng năm, các ấp đều tổ chức ngày Hội đoàn kết toàn dân và đăng ký gia đình văn hóa, đơn vị văn hóa, kết quả có trên 95% số hộ và 100% cơ quan đã đăng ký. Qua kết quả xét bình chọn hằng năm, huyện có 82 cơ quan đạt đơn vị văn hóa; 16 khu, ấp văn hóa 5 năm liền; 4 khu, ấp văn hóa 3 năm liền; 48 hộ được tỉnh công nhận gia đình văn hóa tiêu biểu và huyện công nhận 93 gia đình văn hóa tiêu biểu. Toàn huyện có 87% số hộ gia đình văn hóa.

Về quốc phòng - an ninh:

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện về giữ vững ổn định về chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống tham nhũng, buôn lậu, chống gây rối, bạo loạn và âm mưu “diễn biến hòa bình”, lực lượng vũ trang từ huyện đến cơ sở được xây dựng, củng cố về mọi mặt nhằm đáp ứng yêu cầu của nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Trong 5 năm, huyện có 840 thanh niên lên đường nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu pháp lệnh, trong đó có 37 đảng viên, chiếm tỷ lệ 4,52%, 802 đoàn viên, thanh niên, chiếm tỷ lệ 95,48%. Thanh niên có đơn tình nguyện nhập ngũ

và phục vụ lâu dài trong quân đội ngày càng tăng. Hằng năm, huyện kịp thời xây dựng, bổ sung kế hoạch phòng thủ; kế hoạch A, A2, A4 và kế hoạch phòng chống lụt bão. Huyện đã tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho 514 đồng chí thuộc các đối tượng, huấn luyện quân sự và giáo dục quốc phòng cho 9.011 em học sinh các trường trung học phổ thông theo quy định; tổ chức huấn luyện, nâng cao chất lượng chính trị và khả năng sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng dự bị động viên; thường xuyên củng cố lực lượng dân quân thường trực cơ sở, tuyển chọn và cử đi đào tạo 17 chỉ huy trưởng các xã, thị trấn tại trường quân sự địa phương tỉnh Bình Dương.

An ninh chính trị được giữ vững và ổn định. Huyện thực hiện tốt công tác chuyển hóa địa bàn ở 15 xã, thị trấn; tổ chức diễn tập kế hoạch A2, A4 tại huyện và ba xã Hòa Lợi, Thới Hòa, Lai Uyên nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm cho công tác phòng ngừa, sẵn sàng xử lý kịp thời khi có tình huống xảy ra.

Huyện đã triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và chương trình hành động phòng chống ma túy, thực hiện tốt các biện pháp quản lý hành chính về an ninh trật tự, an toàn xã hội, góp phần giảm thiểu tội phạm, làm giảm một số loại án nghiêm trọng như: giết người, cướp của, cướp có vũ trang... Tỷ lệ điều tra phá án được nâng lên trong từng năm, kết quả đã điều tra khám phá làm rõ 67/69 vụ trọng án hình sự, đạt 97,1%; 342/538 vụ thường án, đạt 63,6%.

Huyện thường xuyên tổ chức kiểm tra an toàn giao thông, phát hiện 5.000 vụ vi phạm và kiên quyết xử lý phạt hành chính, tuy nhiên mức độ tai nạn giao thông vẫn chưa được kiềm chế, vẫn xảy ra 505 vụ, làm chết 321 người, bị thương 730 người.

Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật có những chuyển biến tích cực. Qua 5 năm, huyện đã tổ chức học tập được 3.420 cuộc, với 341.830 lượt người tham gia. Nội dung

học tập mang tính thiết thực đến quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, làm cho nhân dân hiểu rõ hơn các văn bản pháp luật của Nhà nước. Ngoài ra, các xã, thị trấn còn trang bị tủ sách pháp luật với hơn 2.798 đầu sách để phục vụ nhân dân. Huyện đã tăng cường củng cố cán bộ tư pháp xã và tổ hòa giải ở cơ sở; có 34 tổ hòa giải, đã hòa giải 7.968 vụ, đạt 70% số vụ tranh chấp, mâu thuẫn, góp phần ổn định tình hình ở địa phương.

Tóm lại, giai đoạn 2000 - 2005, mặc dù còn một số hạn chế nhất định, nhưng những thành tựu trên tất cả các lĩnh vực mà Đảng bộ huyện Bến Cát đạt được trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo rất đáng ghi nhận, nổi bật nhất là lĩnh vực kinh tế. Mặc dù đầu nhiệm kỳ, Đảng bộ huyện xác định cơ cấu kinh tế của huyện là nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, nhưng trước sự phát triển nhanh về mọi mặt của tỉnh Bình Dương, huyện Bến Cát lại nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh nên có điều kiện phát huy nội lực, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã nắm bắt thời cơ, mạnh dạn chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa nền kinh tế từ thuần nông sang nền kinh tế công nghiệp. Tỷ trọng công nghiệp từ chiếm 30% năm 2000 đã tăng lên 69,37% vào năm 2005, đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, từ 13% trong nhiệm kỳ 1996 - 2000 tăng lên 19,5% trong nhiệm kỳ 2000 - 2005. Huyện đã hình thành các khu, cụm công nghiệp công nghệ cao; hạn chế tối đa việc phát triển các điểm công nghiệp ngoài các khu, cụm công nghiệp được quy hoạch và những ngành nghề có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh phát triển công nghiệp, huyện cũng chú trọng phát triển dịch vụ; ưu tiên tập trung đầu tư vào những công trình mang tính trọng yếu; tiếp tục phát triển hình thành các khu, cụm dân cư tập trung và tập trung đô thị hóa một số vùng gắn với phát triển văn hóa, xã hội, du lịch. Đây là một bước ngoặt về phát triển kinh tế của huyện, từ đó, tạo điều kiện cho đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Những thành tựu trong

nhiệm kỳ 2000 - 2005 đã chuẩn bị các điều kiện, tiền đề cần thiết để Bến Cát chuyển mình bước vào thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

V- PHÁT HUY NỘI LỰC, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (2005 - 2010)

Từ ngày 20 đến ngày 22/9/2005, Đảng bộ huyện Bến Cát tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ IX (nhiệm kỳ 2005 - 2010). Tham dự Đại hội có 184 đại biểu, đại diện cho 1.866 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 2000 - 2005 và đề ra phương hướng, mục tiêu cho nhiệm kỳ 2005 - 2010. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 39 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí; đồng chí Lê Thành Nhơn làm Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện; đồng chí Nguyễn Hoàng Châu làm Phó Bí thư Thường trực và đồng chí Nguyễn Văn Khải làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện¹.

Phát huy những thành tựu đạt được trong nhiệm kỳ 2000 - 2005, căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương đến năm 2010 và tình hình thực tế của địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bến Cát (khóa IX) đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể.

Đại hội đề ra phương hướng chung là phát triển kinh tế - xã hội Bến Cát nhanh, hiệu quả, bền vững. Mục tiêu là:

- Cuối năm 2010, cơ cấu kinh tế của huyện là công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, trong đó công nghiệp chiếm 74,6%, dịch vụ chiếm 17,9%, nông nghiệp chiếm 7,5%; cơ cấu lao động

1. Tháng 3/2011, đồng chí Nguyễn Văn Khải được Tỉnh ủy điều động về làm Phó Trưởng Ban Quản lý Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP).

hợp lý theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa - xã hội và củng cố quốc phòng, ổn định, giữ vững an ninh chính trị.

- Bên cạnh việc phát triển công nghiệp, huyện cũng chú trọng phát triển dịch vụ. Ưu tiên tập trung đầu tư vào những công trình mang tính trọng yếu của huyện. Tiếp tục xây dựng các khu, cụm công nghiệp công nghệ cao; hạn chế tối đa các điểm công nghiệp ngoài các khu, cụm công nghiệp được quy hoạch và những ngành nghề có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Tiếp tục phát triển các khu, cụm dân cư tập trung và tập trung đô thị hóa một số vùng gắn với phát triển văn hóa, xã hội, du lịch.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, xem đây vừa là mục tiêu vừa là động lực cho sự phát triển của huyện.

- Về văn hóa, xã hội, phấn đấu đến năm 2010, 70% trường của các cấp học đạt tiêu chuẩn quốc gia; tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; nâng cấp bệnh viện huyện lên 100 giường; đầu tư xây dựng 4 phòng khám khu vực; giảm tỷ suất sinh mỗi năm 0,6‰ - 0,7‰; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn dưới 10% vào năm 2010; tỷ lệ người lao động được đào tạo đạt 40 - 50%; phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2010 còn dưới 2% (theo tiêu chí mới của tỉnh). Chất lượng đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần được nâng lên. Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, tăng cường hiệu lực điều hành, quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận và các tổ chức đoàn thể đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX, toàn Đảng bộ, toàn dân và toàn quân trong huyện đã nỗ lực phấn đấu thực hiện hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, tạo sự chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực kinh tế,

văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể.

Về phát triển kinh tế:

Sau 5 năm (2006 - 2010), tình hình kinh tế - xã hội của Bến Cát tiếp tục phát triển ổn định, mức tăng trưởng cao, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 26,5%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (tăng 25 - 27%). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ sang công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, phù hợp với sự phát triển của địa phương. Thu nhập bình quân đầu người đến cuối nhiệm kỳ đạt 28.000.000 đồng/năm.

Về công nghiệp, Đảng bộ huyện thực hiện chính sách mời gọi đầu tư phát triển công nghiệp, giai đoạn 2006 - 2010, huyện thu hút được 702 dự án trong nước và ngoài nước; đến cuối nhiệm kỳ toàn huyện có 1.189 dự án.

Về thương mại - dịch vụ, Đảng bộ huyện luôn chủ trương chú trọng phát triển các ngành dịch vụ, thông qua việc đầu tư hạ tầng cơ sở từ nguồn ngân sách nhà nước cũng như kêu gọi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trên các lĩnh vực thương mại - dịch vụ. Tổng giá trị ngành dịch vụ 5 năm đạt 8.396 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 26,5%, vượt 5,5% so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

Về nông nghiệp và phát triển nông thôn, tuy huyện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, xác định huyện là một huyện công nghiệp với tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế lên đến 74,6% nhưng nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế của địa phương. Trong 5 năm, tổng giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 9.111 tỷ 800 triệu đồng.

Đối với trồng trọt, huyện đặc biệt quan tâm đến việc chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp,

triển khai có hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế nông thôn nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng của địa phương. Đối với chăn nuôi, huyện tiến hành quy hoạch, áp dụng công nghệ trang trại khép kín trong chăn nuôi nhằm giảm thiểu mức độ ô nhiễm môi trường, thực hiện tốt công tác kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm đi đôi với việc phòng chống dịch bệnh. Ngoài ra, huyện cũng chủ trương khuyến khích phát triển kinh tế hộ cá thể và loại hình kinh tế hợp tác xã. Tuy nhiên, huyện cũng gặp phải nhiều khó khăn do những biến đổi của thời tiết dẫn tới xuất hiện nhiều dịch bệnh và chưa có sự quản lý tập trung trong kiểm tra cũng như phát triển chất lượng chăn nuôi.

Về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện chủ trương xã hội hóa, huyện đã vận động nhân dân tham gia rộng rãi, mở rộng các nguồn đầu tư, khai thác các nguồn lực trong xã hội phối hợp với nguồn ngân sách của địa phương. Trong 5 năm, tổng vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng là 19.908 tỷ 782 triệu đồng. Ngoài đầu tư trực tiếp, huyện còn đẩy mạnh phân cấp xã, thị trấn làm chủ đầu tư thực hiện 113 công trình xây dựng cơ bản với tổng kinh phí 29 tỷ 157 triệu đồng. Những chủ trương đúng đắn này đã đem lại nhiều kết quả cao trong xây dựng kết cấu hạ tầng, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung toàn huyện, đáp ứng nhu cầu cuộc sống của người dân và thu hút được nguồn vốn đầu tư.

Vấn đề giao thông nông thôn, chỉnh trang đô thị có những biến chuyển tích cực. Huyện đã tổ chức triển khai thực hiện 383 công trình giao thông nông thôn, chỉnh trang đô thị với tổng chiều dài 275,2km; thực hiện duy tu, sửa chữa chống xuống cấp 15 tuyến đường; lắp đặt biển báo, cọc tiêu, cọc kilômét, phân luồng... trên các tuyến đường thuộc huyện quản lý. Huyện đã đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông huyết mạch, trọng yếu, đặc biệt là các trục giao thông ngang tuyến

Tân Uyên - Bàu Bàng - Dầu Tiếng; Hòa Lợi - Thới Hòa - An Điền - Phú An và đường ĐT 744 để phục vụ tốt nhất nhu cầu vận chuyển hàng hóa, góp phần đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa. Các tuyến đường giao thông nông thôn từng bước được nâng cấp từ đường đất thành đường sỏi đỏ, từ đường sỏi đỏ thành đường nhựa. Huyện cũng ưu tiên đầu tư cho các tuyến giao thông nội đồng để phục vụ nhu cầu đi lại và sản xuất nông nghiệp của người dân; tập trung mở rộng các tuyến đường hẻm trong khu dân cư và hoàn chỉnh bằng đường bê tông hóa.

Đối với các công tác khác, Huyện ủy cũng đã đề ra những chủ trương, giải pháp phù hợp nhằm giải quyết những vấn đề tồn đọng, tạo điều kiện cho kinh tế - xã hội phát triển có định hướng và bền vững như: công tác quy hoạch và quản lý nhà nước về quy hoạch, công tác quản lý nhà nước về tài nguyên - môi trường, công tác thu - chi ngân sách.

Về văn hóa - xã hội:

Để bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, hướng sự phát triển chung của toàn huyện đi theo hướng bền vững, quán triệt tinh thần của Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) ngày 24/12/1996 về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng bộ huyện chủ trương tăng cường khuyến khích việc xã hội hóa, tập trung vào chiều sâu, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục; tiến hành cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ nhu cầu giảng dạy hằng năm của các trường; đầu tư xây dựng mới 1 trường mầm non, 5 trường tiểu học, 3 trường trung học cơ sở, 1 trường trung học phổ thông theo hướng đạt chuẩn quốc gia. Hội khuyến học huyện được thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả.

Về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và dân số, Đảng bộ huyện luôn xác định công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao

sức khỏe nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm. Huyện đã đầu tư nâng cấp, xây mới Bệnh viện đa khoa huyện; xây dựng 3 phòng khám khu vực và 4 trạm y tế các xã nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Công tác phòng và chữa bệnh được thực hiện có hiệu quả giúp bảo đảm số lượng vắc xin tiêm chủng và giảm bớt số bệnh truyền nhiễm trong nhân dân.

Đối với lĩnh vực văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao, Đảng bộ huyện chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa và đầu tư phát triển các lĩnh vực văn hóa phục vụ nhu cầu vui chơi, hưởng thụ của nhân dân. Đến năm 2006, trên địa bàn huyện đã có nhà hát và các cơ sở dịch vụ văn hóa do tư nhân đầu tư, kinh doanh đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần cho nhân dân. Điều này chứng minh chủ trương xã hội hóa của huyện là hoàn toàn đúng đắn. Huyện thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa lành mạnh, cổ vũ phong trào thể dục - thể thao trong nhân dân. Bên cạnh đó, Đảng bộ huyện cũng lãnh đạo đôn đốc, kiểm tra chất lượng, nội dung văn hóa được tuyên truyền trong nhân dân, bảo đảm đúng với quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Về công tác bảo đảm chính sách xã hội, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, Đảng bộ huyện lãnh đạo thực hiện đầu tư nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ huyện, Trung tâm Dạy nghề và giới thiệu việc làm, giải quyết trợ cấp kịp thời cho người có công cách mạng, gia đình chính sách; vận động các doanh nghiệp phụng dưỡng 25 Mẹ Việt Nam anh hùng đến cuối đời; xây tặng và sửa chữa 131 căn nhà tình nghĩa, 241 căn nhà đại đoàn kết. Huyện còn mở các lớp dạy nghề, bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho trên 12.000 lao động; tiến hành cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo trong huyện.

Về công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ:

Đối với công tác xây dựng, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đội

ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở đã có nhiều nỗ lực trong đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, làm tốt công tác tham mưu. Các cấp ủy đã quan tâm lãnh đạo sâu sát, thường xuyên tạo sự đoàn kết, nhất trí cao trong toàn Đảng bộ.

Đối với công tác tổ chức, huyện đã thành lập 3 tổ chức cơ sở đảng, đồng thời, quyết định giải thể 1 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc. Toàn huyện có 47 tổ chức cơ sở đảng. Huyện tích cực bồi dưỡng, kết nạp 800 đảng viên mới đạt chất lượng cả về đạo đức và năng lực chuyên môn.

Việc thực hiện công tác tổ chức, kiểm điểm, đánh giá, phân loại, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng theo các quan điểm, nguyên tắc của Đảng về công tác tổ chức cán bộ. Qua đó, trình độ nhận thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, đảng viên được nâng cao, đạt tiêu chuẩn cán bộ theo quy hoạch đã đề ra, tạo sự chuyển biến về quan điểm, phương pháp trong quản lý và xây dựng đội ngũ cán bộ ở địa phương.

Bằng nhiều hình thức, Đảng bộ huyện đã bảo đảm đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Huyện đã xây dựng các chương trình hành động cụ thể và cụ thể bằng các nghị quyết hằng tháng, quý, năm của huyện; phân công các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bám sát cơ sở tổ chức triển khai, thực hiện tốt. Đảng bộ huyện tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới. Kịp thời nắm bắt diễn biến tình hình tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện, đồng thời tham mưu cho cấp ủy giải pháp uốn nắn những diễn biến tư tưởng, tâm trạng xã hội lệch lạc, ngăn chặn có hiệu quả việc phổ biến các quan điểm sai trái của các phần tử cơ hội, bất mãn...; đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục rèn luyện về đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Việc nâng cao chất lượng tuyên truyền, nhất là tuyên truyền miệng, nhằm đưa Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống được coi trọng, bảo đảm trên 95% cán bộ, đảng viên tham dự học tập. Nội dung tuyên truyền tập trung vào các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của cấp trên. Bên cạnh đó, huyện cũng củng cố, bồi dưỡng, hướng dẫn hoạt động cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, tăng cường kiểm tra việc tổ chức tuyên truyền ở các cơ sở, tăng cường công tác tuyên truyền qua đài truyền thanh của huyện và các xã, thị trấn.

Huyện đã tổ chức các lớp trung cấp chính trị và trung cấp hành chính; lý luận chính trị sơ cấp; lý luận chính trị cho đảng viên mới; bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng; bồi dưỡng trưởng khu, ấp; bồi dưỡng cấp ủy viên và Bí thư Chi bộ; bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho Mặt trận và các đoàn thể. Đồng thời, huyện cũng tổ chức báo cáo thời sự định kỳ hằng quý cho cán bộ, đảng viên trong huyện.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc. Hằng năm, Huyện ủy đều chỉ đạo Ban Thường vụ và Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát thường xuyên, đúng quy định, thẩm quyền được giao.

Tổ chức bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở được kiện toàn, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động. Hội đồng nhân dân huyện đã tổ chức thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân đề ra sát với với tình hình thực tế của địa phương. Công tác giám sát, khảo sát được triển khai thực hiện thường xuyên. Huyện đã xem xét, giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu nại, tố cáo và trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri đúng quy định. Hoạt động điều hành của ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm xuyên suốt và hiệu quả, phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, góp phần thực hiện

thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Huyện đã thực hiện tinh giản bộ máy cán bộ, công chức, kiện toàn từng bước bộ máy lãnh đạo theo hướng gọn nhẹ, chất lượng.

Cải cách thủ tục hành chính được huyện xác định là khâu đột phá, trọng tâm trong công tác cải cách hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng để thu hút đầu tư, giải quyết công việc hành chính của tổ chức và công dân, hạn chế, ngăn ngừa tiêu cực, tham nhũng, giảm phiền hà cho nhân dân. Năm 2007, huyện đã thành lập và đưa vào hoạt động mô hình “Tổ nghiệp vụ hành chính công”; triển khai xây dựng, tiếp tục điều chỉnh bổ sung việc thực hiện đề án “cơ chế một cửa, một cửa liên thông” ở tất cả các xã. Các mô hình cải cách thủ tục hành chính của huyện cơ bản được thực hiện có hiệu quả, góp phần tích cực vào việc giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giảm đáng kể tình trạng tiêu cực, trong đó, đặc biệt không còn tình trạng cán bộ, công chức vùi vĩnh, đòi hối lộ, giảm thời gian đi lại, tránh phiền hà cho tổ chức, công dân về thủ tục hành chính.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2, khóa VIII) về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, Đảng bộ huyện tiếp tục lãnh đạo đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, nhằm từng bước kiện toàn, củng cố bộ máy của hệ thống chính trị. Qua kiểm tra, thanh tra, giám sát, huyện đã phát hiện 11 vụ hối lộ, tham ô tài sản của Nhà nước. Huyện đã chỉ đạo xử lý nghiêm, đúng quy định, đúng pháp luật đối với các hành vi vi phạm, góp phần xây dựng Đảng bộ huyện ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Bên cạnh việc lãnh đạo, chỉ đạo tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, huyện cũng thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng; kịp thời ghi nhận những đóng góp của cá nhân, tổ chức đối với công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội nhằm tạo thêm động lực thi đua và sự phấn khởi trong nhân dân.

Công tác vận động quần chúng được Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chú trọng thực hiện. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đã phối hợp chặt chẽ với các ngành, bám sát nhiệm vụ chính trị ở địa phương, với phương châm “sát cơ sở, gần nhân dân” chăm lo cho lợi ích chính đáng của nhân dân, tạo điều kiện cho nhân dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống về mọi mặt. Mặt trận và các tổ chức đoàn thể đã đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện như phong trào xóa đói giảm nghèo, đóng góp tiền, của xây dựng cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, làm đường giao thông... Kết quả, huyện đã vận động xây tặng được 241 căn nhà đại đoàn kết với tổng kinh phí 5 tỷ 832 triệu đồng; vận động nhân dân đóng góp hơn 8.300 ngày công lao động tham gia nạo vét kênh mương, sửa chữa cầu và thực hiện hơn 1.260km đường giao thông nông thôn.

Về quốc phòng - an ninh:

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được giữ vững, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Huyện đã triển khai tốt công tác bảo đảm vững chắc an ninh - quốc phòng, điều tra, giải quyết được nhiều vụ án nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn, tạo được niềm tin từ nhân dân trong công tác trị an ở địa phương.

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật cũng được thực hiện rộng rãi trong nhân dân nhằm nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người dân. Giai đoạn 2006 - 2010, huyện đã tổ chức tuyên truyền phổ biến được 20.108 cuộc.

Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được quan tâm thực hiện. Đảng bộ huyện đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, thường xuyên củng cố kiện toàn, nâng cao chất lượng để các cơ quan tư pháp đi vào hoạt động có hiệu quả. Trong nhiệm kỳ, huyện đã xem xét và giải quyết 467/470 vụ khiếu nại, tố cáo của công dân, đạt tỷ lệ 99,4%.

Nhìn chung, trong nhiệm kỳ 2005 - 2010, dù gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng nhờ sự năng động, nhạy bén của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện cùng các cấp chính quyền và nhân dân, kinh tế của huyện vẫn phát triển một cách toàn diện, có trọng tâm, tạo đà cho kinh tế của Bến Cát trong 5 năm tới tiếp tục phát triển ổn định và tăng trưởng với tốc độ cao. Đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

VI- PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2010 - 2014)

Giai đoạn 2010 - 2015, tình hình trong nước và thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, bên cạnh những thuận lợi cũng đan xen những khó khăn, thách thức gây ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến tình hình phát triển của đất nước, trong đó có tỉnh Bình Dương nói chung và huyện Bến Cát nói riêng.

Từ ngày 25 đến ngày 27/8/2010, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bến Cát lần thứ X (nhiệm kỳ 2010 - 2015) được tổ chức. Tham dự Đại hội có 246/246 đại biểu, đại diện cho 2.130 đảng viên của 42/42 tổ chức cơ sở đảng. Đại hội đã đánh giá lại kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2005 - 2010 và đề ra phương hướng, mục tiêu phát triển trong 5 năm 2010 - 2015. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 45 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí; đồng chí Nguyễn Hoàng Châu

làm Bí thư Huyện ủy¹, đồng chí Bùi Hùng Dũng làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Tháng 10/2010, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định đồng chí Nguyễn Hữu Chí - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giữ chức vụ Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đến tháng 10/2011. Tháng 10/2011, đồng chí Nguyễn Hữu Chí được bầu làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 2011 - 2016².

Đại hội đã đề ra các mục tiêu cụ thể gồm:

- Chính quyền địa phương cần tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư sản xuất, kinh doanh.

- Đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp gắn liền đổi mới công tác quy hoạch, bảo đảm sự hài hòa, liên kết giữa các vùng kinh tế của tỉnh. Tiếp tục phát triển theo hướng nhanh và bền vững trên tất cả các khía cạnh.

- Kết cấu hạ tầng đầu tư xây dựng đồng bộ, duy tu, sửa chữa các tuyến đường và lắp đặt hệ thống chiếu sáng các tuyến đường giao thông nông thôn, đô thị từ ngân sách nhà nước và nhân dân đóng góp với tổng kinh phí 1.347 tỷ 173 triệu đồng³;

1. Tháng 4/2014, đồng chí Nguyễn Hoàng Châu - Bí thư Huyện ủy được Tỉnh ủy luân chuyển về công tác tại Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy) và đồng chí Nguyễn Minh Thủy - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Tỉnh ủy luân chuyển làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Hồng Khanh làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

2. Đến tháng 3/2014, đồng chí Nguyễn Hữu Chí được Tỉnh ủy điều động làm Bí thư Huyện ủy Bàu Bàng.

3. Thi công 175 công trình giao thông với tổng chiều dài 154,921km, tổng vốn đầu tư 1.271,939 tỷ đồng; duy tu, dặm vá 12 tuyến đường, tổng chiều dài 239,4km với tổng kinh phí là 36,11 tỷ đồng; đầu tư 13 hệ thống chiếu sáng với chiều dài 41,846km, kinh phí 9,762 tỷ đồng, đạt 108,03% so với chỉ tiêu đề ra; duy tu, gia cố đối với 9 công trình cầu, tổng chiều dài 257,5m, tổng vốn 29,362 tỷ đồng.

duy trì thường xuyên công tác vệ sinh đường phố; tổ chức thu gom trên 70% tại các điểm thu gom rác tập trung ở các khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ, chợ, dọc các tuyến đường. Mở rộng hệ thống cấp thoát nước, cung cấp điện, phấn đấu trên 99,5% người dân đô thị được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh và điện lưới quốc gia. Quan tâm thực hiện công tác kiểm tra chất lượng công trình, công tác quản lý nhà nước về xây dựng trên địa bàn¹.

- Phát triển kinh tế phải gắn với văn hóa - xã hội, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh.

- Đặc biệt quan tâm, khuyến khích áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp kỹ thuật cao gắn với chế biến... nhằm gia tăng giá trị sản xuất, tạo sự phát triển hài hòa giữa các ngành và bảo đảm cho việc phát triển bền vững trong tương lai.

- Xây dựng Đề án Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và sách giáo khoa cho các trường tạo tiền đề cho việc thực hiện kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tới; tăng tỷ lệ số học sinh lên lớp thẳng, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học ở bậc tiểu học và trung học cơ sở.

- Nhanh chóng hoàn thiện hạ tầng cơ sở trong các khu công nghiệp gắn với phát triển các tuyến đường mới tạo sự kết nối giữa nông thôn và thành thị. Tập trung nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các tuyến đường giao thông huyết mạch, trung tâm hành chính, thương mại, phát triển phương tiện

1. Trong 5 năm đã cấp 3.469 giấy phép xây dựng các loại; tổ chức kiểm tra, phát hiện, lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính 1.453 trường hợp vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xây dựng và đất đai, với tổng số tiền phạt nộp ngân sách nhà nước là 4.984.100.000 đồng.

giao thông công cộng, hệ thống thông tin liên lạc, tập trung đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa nhằm tạo động lực phát triển kinh tế của huyện.

- Đặc biệt quan tâm đến các lĩnh vực y tế, an sinh, phúc lợi xã hội, các phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của người dân. Bảo đảm công tác gọi thanh niên nhập ngũ thực hiện luôn đạt chỉ tiêu, đúng luật, dân chủ, công bằng.

- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, kiện toàn, củng cố hệ thống chính trị từ thị xã đến cơ sở phải ngày càng vững mạnh; nâng cao vai trò lãnh đạo điều hành của các cấp ủy Đảng và chính quyền, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra; nêu cao tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

- Ủy ban nhân dân các cấp phải cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng thành chương trình hành động cụ thể; tập trung triển khai thực hiện các nhóm giải pháp về xây dựng Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), gắn với Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải tích cực tham gia vào các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Trong nhiệm kỳ 2010 - 2014, thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của cả nước và tỉnh Bình Dương nói chung, huyện Bến Cát nói riêng. Nhưng với sự quyết tâm, nhạy bén, đoàn kết thống nhất, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Bến Cát đã nỗ lực khắc phục khó khăn đưa nền kinh tế của Bến Cát tiếp tục phát triển ổn định và tăng trưởng với tốc độ cao, đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt về vật chất lẫn tinh thần, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội luôn được ổn định.

Về phát triển kinh tế:

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện Bến Cát, huyện đã đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp gắn liền đổi mới công tác quy hoạch, bảo đảm sự hài hòa, liên kết giữa các vùng kinh tế của tỉnh. Kinh tế của huyện tiếp tục phát triển nhanh và bền vững trên tất cả các lĩnh vực, gắn với phát triển văn hóa - xã hội, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh.

Huyện đã tiến hành đầu tư đồng bộ để sớm hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Các khu công nghiệp tập trung được hình thành; gắn kết với hình thành các khu tái định cư, khu dân cư và khu đô thị mới. Huyện chủ trương thu hút đầu tư theo hướng các dự án có trình độ công nghệ cao, vốn đầu tư lớn; chú trọng tăng tỷ trọng vào các ngành dịch vụ hỗ trợ sản xuất để phát triển nhanh các ngành công nghiệp chủ lực, có thế mạnh; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, xem đây vừa là mục tiêu vừa là động lực nhằm đẩy mạnh quá trình phát triển của huyện. Cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch đúng hướng theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ X đã đề ra: công nghiệp (83,7%) - dịch vụ (15,73%) - nông nghiệp (0,57%).

Trong nhiệm kỳ, công nghiệp của huyện đã phát triển theo hướng đa dạng, năng động, hợp lý và hướng mạnh về xuất khẩu. Các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến ngày càng được chú trọng, ngoài ra, còn có các ngành công nghiệp sạch có hàm lượng kỹ thuật cao và các ngành công nghiệp phụ trợ. Môi trường đầu tư thông thoáng đã thu hút được nhiều nhà đầu tư. Bên cạnh đó, có chủ trương mở rộng, phát triển các khu công nghiệp mới, huyện đã thu hút được số lượng lớn các nhà đầu tư cũng như người lao động từ các tỉnh, vùng, miền khác trên cả nước đến.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, huyện đã phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp

công nghệ cao; xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa, song song với mô hình nông nghiệp sinh thái đô thị, tạo ra sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Chăn nuôi phát triển theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp. Huyện đã quy hoạch xây dựng các địa bàn chăn nuôi tập trung thành vùng an toàn dịch, bảo đảm chăn nuôi phát triển bền vững; đề ra các biện pháp phòng chống, kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi. Chương trình cấp nước sinh hoạt nông thôn cho các xã nghèo tiếp tục được thực hiện nhằm bảo đảm nguồn nước sinh hoạt cho người dân.

Về dịch vụ - thương mại, Đảng bộ huyện lãnh đạo tập trung phát triển ngành dịch vụ - thương mại theo hướng đa dạng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa đến các vùng sâu, vùng xa. Các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ trong các khu dân cư tập trung đã hình thành và ngày càng phát triển, hệ thống chợ nông thôn được xây dựng hoàn chỉnh. Huyện đã tiến hành cải tạo và nâng cấp các chợ hiện có; mở rộng và phát triển mạng lưới đại lý phân phối, hệ thống bán lẻ hàng hóa, dịch vụ cho thuê nhà trọ, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ẩm thực, khu vui chơi, giải trí, thể thao, bưu chính viễn thông, internet, tư vấn pháp lý...

Kết cấu hạ tầng trên một số lĩnh vực được tập trung đầu tư nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất và đời sống của nhân dân. Việc cung cấp đủ điện phục vụ hoạt động sản xuất và tiêu dùng được Đảng bộ hết sức quan tâm. Huyện đã từng bước nhựa hóa và bê tông hóa các tuyến đường liên ấp của các xã, thị trấn; nâng cao chất lượng hoạt động bến xe khách của huyện đi các tỉnh phía Bắc, miền Trung và miền Tây để đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân; xây dựng mới trung tâm hành chính - thương mại - dịch vụ huyện; tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trụ sở các xã, thị trấn, xây dựng mới trụ sở các cơ quan, phòng ban; triển khai, thực hiện thống nhất việc tiếp

nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” đúng trình tự và thời gian quy định.

Đảng bộ huyện lãnh đạo điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020; tiến hành quy hoạch xây dựng các xã phía bắc, quy hoạch Trung tâm hành chính huyện Bắc Bến Cát, gắn với quy hoạch chi tiết khu trung tâm hành chính các xã, thị trấn phục vụ chia tách huyện theo lộ trình của Quyết định số 3123/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương việc phê duyệt phương án quy hoạch các đơn vị hành chính của tỉnh Bình Dương giai đoạn 2007 - 2020.

Đảng bộ huyện đã lãnh đạo việc sử dụng đất giai đoạn 5 năm 2011 - 2015 một cách hợp lý, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Công tác đánh giá tác động môi trường được thực hiện nghiêm túc, từ đó nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, nhân dân về bảo vệ môi trường được nâng cao. Huyện tăng cường giám sát chặt chẽ, xử lý nghiêm minh, kịp thời ngăn chặn các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời, Đảng bộ huyện tiếp tục chỉ đạo đầu tư hoàn thiện hệ thống cấp, thoát nước gắn với việc bảo đảm vệ sinh môi trường ở các khu dân cư, đô thị, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt cho các khu công nghiệp, khu dân cư tập trung.

Bằng nhiều biện pháp, Đảng bộ đã lãnh đạo tăng cường quản lý và khai thác tốt các nguồn thu ngân sách, các khoản chi bảo đảm theo quy định, hợp lý. Các quỹ tín dụng được tạo điều kiện phát triển, tăng cường hỗ trợ các dự án trung hạn và dài hạn cho tất cả các thành phần kinh tế có nhu cầu đầu tư phát triển.

Về văn hóa - xã hội:

Trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo, huyện duy trì đạt chuẩn quốc gia về chống mù chữ, 90% số đơn vị cơ sở hoàn thành phổ

cấp bậc trung học; 100% xã, thị trấn có Hội khuyến học. Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi mẫu giáo ra lớp đạt 98 - 100%, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%. Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp các cấp đạt 95%.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và công tác dân số cũng được chú trọng. Chất lượng khám chữa bệnh từ huyện đến xã, thị trấn được nâng cao. Lực lượng y, bác sĩ về cơ sở phục vụ khám điều trị bệnh đạt 100%. Chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 5 tuổi và tiêm VAT2 cho phụ nữ có thai được duy trì tốt. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng hằng năm giảm xuống còn 0,5%. Các dịch bệnh, nhất là dịch sốt rét, sốt xuất huyết, cúm A/H1N1, H5N1, tiêu chảy... được khống chế. Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động được thực hiện thường xuyên.

Huyện tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học và bệnh viện huyện, hoàn thiện 4 phòng khám khu vực và 3 cụm y học cổ truyền phục hồi chức năng; nỗ lực duy trì mức sinh thay thế vững chắc, phấn đấu giảm tỷ suất sinh, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi. Tỷ lệ lao động qua đào tạo được nâng lên, nguồn nhân lực có chất lượng cao được chú trọng phát triển, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiện toàn. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường được bảo đảm.

Về văn hóa - thể thao, huyện lãnh đạo xây dựng hoàn thiện nhà thi đấu đa môn, đa năng; trung tâm văn hóa, thể dục - thể thao huyện; một số trung tâm văn hóa, thể dục - thể thao ở các xã, thị trấn. Các loại hình hoạt động văn hóa, thể thao được đẩy mạnh nhằm đáp ứng các yêu cầu vui chơi giải trí của nhân dân. Công tác xã hội hóa hoạt động văn hóa, thể thao từng bước được thực hiện phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của huyện. Huyện đã tăng cường công tác quản lý nhà nước về

lĩnh vực văn hóa, chủ động phòng chống, ngăn chặn các loại hình văn hóa phẩm độc hại, các tệ nạn xã hội; thành lập Câu lạc bộ Phòng, chống bạo lực gia đình, tổ hòa giải cơ sở.

Mạng lưới thông tin truyền thanh từ huyện đến các xã, thị trấn tiếp tục được phát triển và củng cố, kịp thời cung cấp thông tin liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân; tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân về các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Về thực hiện chính sách xã hội, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, Đảng bộ huyện lãnh đạo duy trì tổ công tác, xác lập hồ sơ để giải quyết các chế độ chính sách cho người có công với cách mạng và các đối tượng xã hội kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng theo quy định. Huyện cũng thực hiện tốt chủ trương giảm nghèo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề và bảo trợ xã hội, sửa chữa nhà tình nghĩa cho các gia đình thương binh, liệt sĩ và xây dựng nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo đạt kế hoạch.

Về công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ:

Đảng bộ huyện chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; duy trì tủ sách pháp luật và tăng cường đầu sách phục vụ cho nhân dân; phát triển giá sách pháp luật trong các khu nhà trọ ở các xã, thị trấn. Đội ngũ cán bộ làm công tác hòa giải ở cơ sở được kiện toàn, góp phần ổn định tình hình trật tự xã hội ở địa phương. Các câu lạc bộ trợ giúp pháp lý ở các xã, thị trấn ngày càng phát triển để trợ giúp cho người nghèo và các đối tượng chính sách.

Công tác tiếp dân và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền tiếp tục thực hiện tốt. Ngành kiểm sát làm tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp đúng quy định. Huyện thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động của các ngành, các xã, thị trấn và các tổ chức kinh tế - xã hội để kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn

các đơn vị, cá nhân, tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý hành chính nhà nước theo đúng quy định pháp luật.

Công tác đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị được Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của hệ thống chính trị.

Về xây dựng, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo từng cấp ủy nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, xây dựng tổ chức cơ sở đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm với nhiệm vụ mới.

Về chính trị, tư tưởng, công tác giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên được tăng cường. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng được cụ thể hóa thành những chương trình hành động, kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện; gắn với việc triển khai thực hiện có chiều sâu và hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, góp phần ngăn chặn kịp thời sự suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng. Huyện cũng nhanh chóng nắm bắt diễn biến tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân để kịp thời uốn nắn những diễn biến tư tưởng lệch lạc, nêu cao tinh thần cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Đảng bộ đặc biệt quan tâm đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, nhất là tuyên truyền miệng. Các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn, các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được tuyên truyền sâu rộng; có trên 95% cán bộ, đảng viên tham gia các đợt học

tập nghị quyết. Bên cạnh đó, huyện cũng thường xuyên củng cố, bồi dưỡng, hướng dẫn cho Ban Tuyên giáo cơ sở, đội ngũ làm công tác tuyên truyền; định hướng và nâng cao hiệu quả các ngành thông tin tuyên truyền, đài truyền thanh của huyện và các xã, thị trấn, đồng thời kiểm tra việc tổ chức tuyên truyền ở các cơ sở đảng theo yêu cầu của từng đợt tuyên truyền.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư về tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Huyện ủy đã chỉ đạo thực hiện biên soạn lịch sử của các xã, thị trấn giai đoạn sau năm 1975.

Đối với công tác tổ chức - cán bộ, Đảng bộ huyện chỉ đạo rà soát, hoàn thiện và thực hiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt của tổ chức cơ sở đảng, chi bộ, đảng viên. Hằng năm, huyện có trên 90% tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh, 100% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có tổ chức đảng yếu kém; trên 85% đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảng viên đủ tư cách, hoàn thành nhiệm vụ, hạn chế đến mức thấp nhất đảng viên vi phạm tư cách. Chất lượng công tác phát triển Đảng được nâng cao.

Đối với công tác kiểm tra, giám sát, huyện tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện Quyết định số 25-QĐ/TW ngày 24/11/2006 của Bộ Chính trị về ban hành Hướng dẫn thực hiện quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong chương VII và chương VIII Điều lệ Đảng khóa X do Bộ Chính trị ban hành và Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 30/7/2007 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Huyện đã xây dựng và thực hiện tốt chương trình kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tổ chức, đảng viên.

Về củng cố bộ máy chính quyền, Đảng bộ huyện tiếp tục chỉ đạo củng cố nâng cao chất lượng chính quyền từ huyện đến xã. Các phong trào thi đua được tổ chức thiết thực, cụ thể.

Về tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, Đảng bộ huyện lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể vận động quần chúng bằng nhiều biện pháp, tiếp tục đổi mới hình thức và nội dung hoạt động. Mặt trận và các đoàn thể đã vận động trên 50% số người trong độ tuổi vào các tổ chức đoàn thể địa phương.

Hệ thống tổ chức bộ máy của Mặt trận và các đoàn thể được kiện toàn nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết, nâng cao hiệu quả công tác vận động quần chúng. Đặc biệt, Đảng bộ huyện còn chỉ đạo các ban ngành liên quan quan tâm đến đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào có đạo. Chất lượng hoạt động của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được nâng lên.

Về quốc phòng - an ninh:

Tiếp tục quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương khóa IX về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05/10/2002 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự động viên trong tình hình mới, đề cao cảnh giác, phòng chống “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn, Đảng bộ huyện tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống kế hoạch tác chiến A, A2, A4, kế hoạch động viên công nghiệp quốc phòng. Đồng thời, Đảng bộ huyện tiếp tục tổ chức quán triệt Nghị quyết số 40-NQ/TW ngày 08/11/2004 của Bộ Chính trị về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác công an trong tình hình mới đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự. Đảng bộ huyện chỉ đạo tăng cường bảo đảm an ninh trật tự các cụm công nghiệp, an ninh

nông thôn, trật tự đô thị, an ninh trên lĩnh vực bưu chính, viễn thông. Tình hình tội phạm nghiêm trọng trên địa bàn huyện được giảm, tăng tỷ lệ điều tra phá án, tăng cường nắm tình hình bằng các biện pháp nghiệp vụ để kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn tham nhũng, tiêu cực, buôn lậu, ma túy và các tệ nạn xã hội khác.

Với sự nỗ lực của Đảng bộ huyện Bến Cát cùng với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, kinh tế của Bến Cát có sự tăng trưởng vượt bậc, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Triển khai có hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới (theo Đề án đã được Huyện ủy Bến Cát phê duyệt), trong nhiệm kỳ, huyện đã hoàn thành xây dựng nông thôn mới xã Chánh Phú Hòa và được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận vào năm 2013. Nhìn chung, Đề án xây dựng nông thôn mới được huyện triển khai thực hiện bảo đảm nội dung và lộ trình đề ra. Nông nghiệp đã có những bước phát triển mới, tình hình nông thôn có nhiều khởi sắc. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện đáng kể. An sinh xã hội luôn được bảo đảm. Các chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, chăm lo gia đình chính sách, người có công với cách mạng đều được triển khai thực hiện đúng quy định. Công tác giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước cũng như kêu gọi xã hội hóa, từ đó công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được nâng cao, chất lượng dạy và học năm sau luôn cao hơn năm trước. Các hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao được tổ chức với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, đáp ứng được nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân, đặc biệt là trong các dịp lễ, Tết.

Sau giải phóng, từ một vùng đất nông - lâm nghiệp là chủ yếu, các ngành công nghiệp không có điều kiện phát triển, đến giai đoạn 1986 - 2014, Bến Cát đã có bước phát triển toàn diện

trên tất cả các lĩnh vực. Chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã đưa Bến Cát bước vào giai đoạn phát triển mới. Đảng bộ huyện Bến Cát đã nắm bắt thời cơ, chủ động và mạnh dạn lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, thương mại sang công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ, thương mại, cuối cùng là công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Sớm xác định Bến Cát là một địa bàn có sức hấp dẫn nhờ có nhiều đất đai với địa chất, giao thông, vùng nguyên liệu rất thuận lợi cho các doanh nghiệp đến đầu tư sản xuất, giai đoạn 2001 - 2014, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Bến Cát đã xúc tiến và triển khai nhiều hoạt động thiết thực để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bến Cát “đi sau” so với các huyện phía nam “làm công nghiệp” nhiều năm, nhưng huyện đã có bước đi phù hợp, tập trung mọi nguồn lực (Công ty Becamex IDC là chủ đầu tư phần lớn hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp, giao thông ở huyện) để phát triển. Cấp ủy và chính quyền các cấp luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tập trung lãnh đạo từ khâu quy hoạch, giải tỏa đền bù, xây dựng hạ tầng cơ sở các khu, cụm công nghiệp và hỗ trợ thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Gắn liền với phát triển các khu công nghiệp, huyện cũng sớm quy hoạch các khu dân cư, đô thị cùng các khu tái định cư theo hướng công nghiệp hóa - đô thị hóa để giải quyết nhu cầu nhà ở cho người dân, nhất là người dân vùng bị giải tỏa đất để họ “ly nông bất ly hương”. Đi đôi với phát triển công nghiệp - dịch vụ, huyện cũng đề ra các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững. Huyện chủ trương chuyển dịch, bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với đất đai và điều kiện canh tác của địa phương; chú trọng phát triển cây công nghiệp, cây lâu năm có giá trị kinh tế cao, thực hiện hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới để đưa Bến Cát trở thành trung tâm công nghiệp - đô thị của tỉnh Bình Dương.

Chương 5

THÀNH LẬP THỊ XÃ BẾN CÁT, CƯỜNG CỐ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (2014 - 2020)

I- THỊ XÃ BẾN CÁT NĂM ĐẦU THÀNH LẬP (2014 - 2015)

Thực hiện Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ, huyện Bến Cát điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập thị xã Bến Cát và huyện Bàu Bàng. Thị xã Bến Cát chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/4/2014, là 1 trong 9 đơn vị hành chính của tỉnh Bình Dương, cách Thành phố Hồ Chí Minh 50km, cách trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương 15km. Thị xã Bến Cát có 8 đơn vị hành chính gồm 3 xã, 5 phường với 44 khu, ấp; tổng diện tích tự nhiên là 23.442,24ha; phía đông giáp thị xã Tân Uyên và huyện Bàu Bàng; phía tây giáp huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; phía nam giáp thành phố Thủ Dầu Một; phía bắc giáp huyện Dầu Tiếng và huyện Bàu Bàng. Khi mới thành lập, dân số của thị xã có 80.611 hộ với 208.829 nhân khẩu, trong đó, dân địa phương có 24.736 hộ với 100.678 nhân khẩu, dân nhập cư có 55.875 hộ với 108.151 nhân khẩu.

Sau khi thành lập, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Bến Cát nhiệm kỳ 2010 - 2015 được Tỉnh ủy kiện toàn, Ban Thường vụ Thị ủy gồm 13 đồng chí, đồng chí Nguyễn Minh Thủy -

Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được luân chuyển về làm Bí thư Thị ủy, đồng chí Bùi Hùng Dũng làm Phó Bí thư Thường trực Thị ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã, đồng chí Nguyễn Hồng Khanh làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã.

Khi mới thành lập, Đảng bộ thị xã có 37 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, với 2.610 đảng viên. Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự giúp đỡ của các sở, ban, ngành của tỉnh, cùng với tinh thần đoàn kết quyết tâm cao của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể và toàn thể nhân dân, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã đã lãnh đạo toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân kế thừa và phát huy những thành tựu đạt được của huyện Bến Cát trước đây, nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức để thực hiện các nhiệm vụ còn lại theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, nhiệm kỳ 2010 - 2015.

Sau khi thành lập, thị xã xác định công tác xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, tổ chức sắp xếp lại bộ máy là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt, trong đó công tác xây dựng, đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ hàng đầu. Vì vậy, lãnh đạo thị xã chỉ đạo thường xuyên tăng cường công tác giáo dục lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ nhằm giúp cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường tư tưởng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Từ đó, công tác tổ chức - cán bộ có những chuyển biến tích cực. Thị xã đã xây dựng, kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan Đảng, định hướng đổi mới tổ chức bộ máy chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng đồng bộ và hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện tốt. Việc thi hành kỷ luật Đảng được thực hiện đúng nguyên tắc và thủ tục theo quy định của Điều

lệ Đảng. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được thực hiện tốt, tạo bước chuyển biến rõ rệt. Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh với những mô hình, cách làm mới đã mang lại hiệu quả thiết thực trong đời sống xã hội. Có thể thấy, việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo được sức lan tỏa, góp phần ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, củng cố lòng tin của nhân dân và tạo được sự đoàn kết thống nhất cao trong Đảng cũng như ngoài xã hội, từ đó tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của thị xã phát triển.

Để xây dựng, củng cố tổ chức, hoạt động của bộ máy chính quyền, triển khai thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, thị xã đã khẩn trương tổ chức thành công cuộc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2011 - 2016. Sau đó, Hội đồng nhân dân tổ chức kỳ họp để bầu các chức danh Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và các chức danh khác theo luật định. Hội đồng nhân dân các xã, phường cũng tổ chức bầu cử bổ sung, thay thế chức danh Thường trực Hội đồng nhân dân do được điều động, phân công nhiệm vụ mới. Đại biểu Hội đồng nhân dân bảo đảm về chất lượng, trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu, góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân. Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân được ban hành kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế. Việc giám sát của Hội đồng nhân dân được tăng cường thực hiện trên nhiều lĩnh vực. Hoạt động tiếp xúc cử tri có đổi mới. Hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn trong các kỳ họp được chú trọng. Chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân ngày càng được nâng lên.

Ủy ban nhân dân thị xã và các xã, phường chỉ đạo, điều hành việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh theo Nghị quyết của cấp ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp trên và cấp mình đúng quy định pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn. Kỷ luật, kỷ cương được chấn chỉnh, dần đi vào nền nếp. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước từng bước được nâng cao. Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại được thực hiện tốt, không để xảy ra “điểm nóng”, phức tạp về an ninh trật tự. Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho cán bộ chủ chốt và bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức được chú trọng. Công tác cải cách thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thị xã có nhiều chuyển biến, mang lại những kết quả tích cực. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính được công bố, niêm yết công khai, minh bạch và kịp thời; hầu hết thủ tục hành chính được giải quyết và trả kết quả đúng hạn, tạo niềm tin trong nhân dân.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thị xã cũng được kiện toàn và hoạt động có hiệu quả, chất lượng ngày càng được nâng cao, nội dung, phương thức hoạt động đa dạng hóa. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể ngày càng hướng về cơ sở, gần dân, sát dân, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Nhiều mô hình, câu lạc bộ thiết thực, phù hợp với nhu cầu, sở thích của đoàn viên, hội viên đã được triển khai. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao đời sống của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể còn phối hợp chặt chẽ với các ngành, bám sát nhiệm vụ chính trị ở địa phương, triển khai có hiệu quả các chương trình giải quyết việc làm, hỗ trợ vốn phát triển sản xuất, kinh doanh, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, chăm sóc sức khỏe...

Song song với việc củng cố hệ thống chính trị, nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội được Đảng bộ xác định là

nhệm vụ trọng tâm, then chốt để tạo động lực thúc đẩy phát triển thị xã nhanh chóng và bền vững.

Ngay sau khi thành lập, trên cơ sở kế thừa những thành tựu, kết quả từ huyện Bến Cát cũ, Đảng bộ và nhân dân thị xã Bến Cát không ngừng phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, tập trung lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị còn lại. Thị xã tập trung chỉ đạo toàn diện, đề ra những chủ trương, biện pháp sát với thực tế; chủ động mời gọi và tạo mọi điều kiện, khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp; song song đó, ưu tiên kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến nông sản để giải quyết nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương.

Bằng nhiều chủ trương, giải pháp đột phá, đến cuối năm 2015, tình hình kinh tế - xã hội của thị xã Bến Cát đã có nhiều khởi sắc. Kinh tế phát triển ổn định, chuyển dịch theo đúng định hướng và đạt được một số kết quả quan trọng.

Công nghiệp đã phục hồi và tăng trưởng khá. Đến cuối năm 2015, thị xã thu hút được 769 dự án đầu tư trong và ngoài nước, trong đó có 1.129 dự án có vốn đầu tư trong nước với tổng số vốn 14.605 tỷ 488 triệu đồng và 407 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng số vốn là 3.871.637.020 USD. Đạt được kết quả này là nhờ lãnh đạo thị xã đã tập trung giải quyết những vấn đề còn tồn đọng trong quá trình chia tách, thường xuyên tổ chức gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp; chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn và tạo môi trường đầu tư thuận lợi, hỗ trợ cho các doanh nghiệp.

Công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được triển khai thực hiện nhanh chóng. Đảng bộ thị xã đã lãnh đạo triển khai lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Bến Cát đến năm 2025; triển khai, lập thủ tục trình

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/10.000 đô thị Nam Bến Cát và được Bộ Xây dựng công nhận là đô thị loại IV.

Công tác quản lý tài nguyên và môi trường được Đảng bộ thị xã quan tâm sâu sát, chỉ đạo tương đối toàn diện trên mọi lĩnh vực từ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, hoàn thành công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn...

Ngoài ra, thị xã còn chủ trương tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao và giữ vững ổn định sản xuất, trong đó, đặc biệt quan tâm đến chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, phát triển các vùng chuyên canh, bảo đảm an ninh lương thực. Cấp ủy, chính quyền thị xã chỉ đạo duy trì phát triển các nông sản có thế mạnh ở địa phương như cây cao su, cây ăn trái, chăn nuôi heo, gia súc, gia cầm...; chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống, kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Ngoài ra, thị xã còn quan tâm phát triển các loại hình nông nghiệp sạch phục vụ đô thị.

Công tác thủy lợi, phòng, chống thiên tai cũng được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo thực hiện như: Xây dựng mới hệ thống thoát nước, mương, suối; xây dựng phương án phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn năm 2015 theo phương châm “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện, kinh phí tại chỗ và hậu cần tại chỗ); tổ chức diễn tập phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn.

Từ khi thành lập thị xã, ngành thương mại - dịch vụ ngày càng phát triển về số lượng, đa dạng trong các loại hình. Các tổ chức tín dụng được mở rộng, phát triển. Hệ thống thương mại, dịch vụ được cải thiện về chất. Thị xã luôn khuyến khích, kêu gọi phát triển các ngành, loại hình dịch vụ bằng việc đầu

tư kết cấu hạ tầng như xây dựng mới, sửa chữa các chợ truyền thống, cơ sở tín dụng, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải... từ nguồn ngân sách nhà nước. Đồng thời, thị xã cũng kêu gọi, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội như nhà nghỉ, nhà trọ; tuy nhiên, vẫn chỉ ở mức quy mô nhỏ lẻ, chủ yếu là kinh doanh hộ gia đình.

Bên cạnh đó, thị xã còn triển khai thực hiện bình ổn thị trường sách giáo khoa, tập vở và dụng cụ học sinh theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm cung ứng đủ sách giáo khoa cho học sinh các cấp, trong đó, giảm giá một số mặt hàng sách, vở, dụng cụ học tập so với giá thị trường. Thị xã triển khai cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” vào năm 2015, phối hợp tổ chức nhiều phiên chợ do doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia bán hàng Việt Nam bình ổn giá. Công tác quản lý thị trường được coi trọng, kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm. Hoạt động thương mại nhìn chung ổn định, không có hiện tượng khan hiếm hàng hóa trên địa bàn.

Song song với phát triển kinh tế, các lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng được Đảng bộ thị xã lãnh đạo thực hiện và đạt nhiều kết quả khả quan, nhất là các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, giáo dục - đào tạo. Trên địa bàn thị xã có 41 trường học, trong đó, có 18/33 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 54,54%. Toàn thị xã có 8/8 xã, phường được công nhận đạt phổ cập trung học cơ sở.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có bước phát triển vượt bậc. Thực hiện sự lãnh đạo của Đảng bộ thị xã, ngành y tế đã tổ chức tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em; triển khai nhiều giải pháp, biện pháp nhằm phòng, chống và giám sát hiệu quả các dịch bệnh nguy hiểm như: tiêu chảy cấp, cúm A H7N9, cúm A H5N6 ở người, sốt xuất huyết, tay chân miệng...; triển khai các chiến dịch tổng vệ sinh môi trường nhằm phòng, chống

bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng và tổ chức phổ biến kiến thức an toàn thực phẩm cho các trường học bán trú trên địa bàn. Thị xã có 8/8 xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế, đạt tiên tiến về y học cổ truyền.

Các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, thông tin tuyên truyền được chú trọng thực hiện, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Thị xã đã tổ chức các chương trình biểu diễn văn nghệ phục vụ các buổi họp mặt, hội nghị... nhân các ngày lễ lớn, Tết; tổ chức các buổi chiếu phim lưu động phục vụ các xã và trường học; tổ chức và tham gia thi đấu các giải thể thao cấp huyện, tỉnh và ngoài tỉnh đạt nhiều kết quả cao.

Công tác thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ bảo đảm chính trị, an toàn xã hội được thực hiện tốt, kịp thời tuyên truyền sâu rộng về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; các sự kiện chính trị quan trọng, các ngày lễ lớn, tình hình kinh tế - xã hội; chủ quyền biển đảo Việt Nam. Các tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới là một trong những nội dung được Đảng bộ huyện Bến Cát quan tâm chỉ đạo và đem lại hiệu quả cao.

Công tác đền ơn đáp nghĩa, bảo đảm an sinh xã hội được thị xã chú trọng. Hằng năm, nhân các ngày lễ, Tết, thị xã Bến Cát luôn tổ chức các đợt thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách, tổ chức điều dưỡng cho người có công; thăm chúc thọ, mừng thọ các cụ cao tuổi; xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết; trao học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học... Đặc biệt, thị xã luôn có những giải pháp cụ thể để triển khai thành công công tác bảo đảm an sinh xã hội, nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 0,9%, hộ cận nghèo giảm còn 0,72%.

Công tác quốc phòng - an ninh được Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thị ủy đặc biệt quan tâm và chỉ đạo kịp thời. Thị xã chỉ đạo thường xuyên củng cố phong trào quần chúng bảo vệ an

ninh Tổ quốc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Công tác quân sự địa phương được quan tâm. Các chế độ trực, sẵn sàng chiến đấu được thực hiện nghiêm túc, không để xảy ra tình huống bị động bất ngờ. Công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ được chỉ đạo thực hiện, đúng quy trình, kế hoạch đề ra, tập trung nâng cao trình độ chính trị. Công tác huấn luyện được duy trì nhằm nâng dần chất lượng và hoạt động có hiệu quả. Công tác tuần tra canh gác, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, cảnh giác đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội được tăng cường thực hiện thường xuyên, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi trong thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thị xã.

II- ĐẢNG BỘ THỊ XÃ BẾN CÁT TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, Củng cố Hệ thống Chính trị, Giữ vững Quốc phòng - An ninh (2015 - 2020)

Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Bến Cát lần thứ XI (nhiệm kỳ 2015 - 2020) tiến hành từ ngày 25 đến ngày 26/8/2015. Chủ đề của Đại hội là: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, đổi mới toàn diện, phát huy có hiệu quả các nguồn lực, xây dựng Bến Cát thành đô thị văn minh, hiện đại. Tham dự Đại hội có 300/300 đại biểu, đại diện cho 2.610 đảng viên của 36 chi bộ, đảng bộ cơ sở. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã gồm 43 đồng chí, Ban Thường vụ Thị ủy gồm 13 đồng chí; đồng chí Nguyễn Hồng Khanh được bầu làm Bí thư¹, đồng chí Huỳnh Văn Nghe được bầu làm Phó Bí thư

1. Tháng 11/2016, đồng chí Nguyễn Hồng Khanh - Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy được Tỉnh ủy điều động về công tác tại Ban Tổ chức Tỉnh ủy; đồng chí Bùi Duy Hiền - Tỉnh ủy viên, Trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy luân chuyển về làm Bí thư Thị ủy nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Thường trực, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã và đồng chí Trương Tấn Dũng làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã¹.

Đại hội đề ra các nội dung cụ thể để tiếp tục xây dựng Bến Cát xứng tầm là một đô thị văn minh, hiện đại.

- Về lĩnh vực công nghiệp, Đại hội chủ trương phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng nội địa cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến hàng xuất khẩu. Phát triển công nghiệp gắn chặt với đô thị hóa, phát triển mạng lưới công nghiệp - dịch vụ đô thị theo hướng hiện đại, văn minh. Phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, thu hút lao động có chất lượng cao, tạo và giữ môi trường đầu tư thông thoáng để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Hình thành và phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ trong các khu dân cư tập trung, hoàn chỉnh hệ thống các chợ; khuyến khích phát triển mạng lưới đại lý phân phối, hệ thống bán lẻ hàng hóa và các dịch vụ cho thuê nhà trọ, khách sạn, nhà ở đô thị cao cấp, nhà ở cho người có thu nhập trung bình và thu nhập thấp, nhà ở xã hội, nhà hàng, dịch vụ ẩm thực, khu vui chơi, giải trí, thể thao, bưu chính viễn thông, internet, tư vấn pháp lý...

- Khai thác các tiềm năng về du lịch sinh thái đặc thù

1. - Tháng 6/2016, đồng chí Huỳnh Văn Nghe - Phó Bí thư được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã nhiệm kỳ 2016 - 2021.

- Đến tháng 12/2018, đồng chí Bùi Duy Hiền - Bí thư Thị ủy đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã nhiệm kỳ 2016 - 2021. Đến tháng 01/2020, đồng chí Nguyễn Trọng Ân - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một được Tỉnh ủy luân chuyển về làm Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, ứng cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã nhiệm kỳ 2016 - 2021.

- Ngày 01/02/2017, đồng chí Trương Tấn Dũng - Phó Bí thư Thị ủy được điều động về công tác tại Công an tỉnh Bình Dương. Ngày 01/6/2017, Tỉnh ủy luân chuyển đồng chí Nguyễn Hoàng Thông - Phó ban Nội chính Tỉnh ủy về làm Phó Bí thư Thường trực Thị ủy nhiệm kỳ 2015 - 2020.

của thị xã, kết nối với ngành du lịch của các tỉnh lân cận và Thành phố Hồ Chí Minh mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao; khuyến khích các dịch vụ tài chính ngân hàng đầu tư trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi về sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp và nhân dân.

- Phát triển nông nghiệp đô thị theo hướng hiện đại, tăng giá trị và lợi nhuận trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển đô thị một cách an toàn và bền vững, với mục tiêu đạt 80 - 100 triệu đồng/ha vào năm 2020. Phát triển mô hình đô thị kết hợp trang trại nhà vườn, tạo môi trường sinh thái, từng bước phát triển mô hình sinh thái đô thị. Phát triển cây ăn quả đặc sản ven sông Sài Gòn, sông Thị Tính gắn với du lịch sinh thái để tận dụng đất đai, lao động trong nông nghiệp nhằm tăng thu nhập cho khu vực nông thôn.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghệ cao, an toàn, phòng chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường gắn với chế biến. Thực hiện quy hoạch giết mổ, chăn nuôi, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục triển khai Đề án nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh từ thị xã đến xã, phường¹.

1. Duy trì tốt chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 5 tuổi là 99% và phụ nữ có thai tiêm VAT2+ là 90%; khống chế tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dưới 0,3%; tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi dưới 10%; tốc độ tăng dân số hàng năm dưới 1%; khống chế không để dịch bệnh xảy ra, nhất là dịch sốt rét, sốt xuất huyết, cúm A/H1N1, H5N1, tiêu chảy...; tỷ lệ sinh con thứ ba dưới 3% và tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai đạt trên 90%.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 119/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014 của Chính phủ về công tác quốc phòng ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương; Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 152/2007/NĐ-CP ngày 10/01/2007 của Chính phủ về xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, đẩy mạnh công tác giáo dục quốc phòng - an ninh theo phân cấp đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch đề ra, xây dựng hệ thống kế hoạch của các ngành.

- Tiếp tục tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng thành những chương trình hành động, kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay. Kịp thời nắm bắt diễn biến tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, đồng thời có giải pháp định hướng, uốn nắn kịp thời những diễn biến tư tưởng lệch lạc, nâng cao cảnh giác, ngăn chặn kịp thời các âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch... Tiếp tục tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử địa phương giai đoạn 1975 - 2010.

- Tập trung công tác cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo tinh thần “chung tay cải cách thủ tục hành chính”, sắp xếp bộ máy, tổ chức các cơ quan chuyên môn của thị xã tinh gọn, hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quy chế, củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy

chính quyền cấp xã đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực, tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân. Đổi mới hình thức và nội dung để tập hợp đông đảo quần chúng cho các phong trào của thị xã. Phát triển đoàn viên, hội viên gắn với củng cố hội cả về mặt tổ chức và bản lĩnh chính trị. Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Mặt trận và các đoàn thể từ thị xã đến cơ sở nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, gắn với đổi mới phương thức hoạt động nâng cao hiệu quả công tác vận động nhân dân.

Về kinh phát triển kinh tế:

Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế của thị xã Bến Cát luôn ở mức cao, phần lớn các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt mục tiêu của cả nhiệm kỳ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm theo giá so sánh đạt 11,86%, vượt chỉ tiêu đề ra. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng nông nghiệp giảm xuống còn 0,34%. GDP bình quân đầu người đạt 139,8 triệu đồng/năm. Thị xã đã thu hút được 2.671 dự án đầu tư (tăng 3,47 lần so với cùng kỳ), trong đó có 2.405 dự án có vốn đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký là 13.924 tỷ đồng, 266 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 1.685,8 triệu USD, nâng tổng số dự án trên địa bàn thị xã lên 4.126 dự án¹.

Thị xã đã triển khai các bước điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị xã Bến Cát đến năm 2040; ban hành Kế hoạch khắc phục các khu - điểm nhà ở tự phát trên địa bàn và được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương khắc phục 1 khu

1. Trong đó: dự án có vốn đầu tư trong nước là 3.442 dự án, tổng số vốn đầu tư 37.213 tỷ 414 triệu đồng; dự án có vốn đầu tư nước ngoài là 684 dự án, tổng vốn là 7 tỷ 029 triệu 652 ngàn USD, bao gồm: 576 dự án trong khu công nghiệp, tổng vốn là 6.691.665.755 USD, 108 dự án ngoài khu công nghiệp, tổng vốn là 337.986.601 USD.

(theo Công văn số 6533/UBND-KT ngày 19/12/2019). Thị xã còn đầu tư nâng cấp, mở rộng, duy tu, dặm vá 306 tuyến đường¹, đầu tư xây dựng 3 công viên, nâng cấp 3 công viên hiện hữu; phê duyệt 37 quy hoạch chi tiết các khu nhà ở².

Về văn hóa - xã hội

Thị xã thực hiện hiệu quả Đề án nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất trường lớp cơ bản đáp ứng nhu cầu giảng dạy. Tính đến năm 2020, thị xã có 25/33 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 75,76%. Thị xã đẩy mạnh xã hội hóa để tăng nguồn đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở các bậc học; kêu gọi đầu tư xã hội hóa 3 trường mầm non, nâng tổng số lên 34 trường ngoài công lập; tăng cường bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời về số lượng và chất lượng cho thị trường lao động. Thị xã thực hiện tốt Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kết quả chất lượng dạy và học của các cấp học có chuyển biến theo từng năm học. Công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục hàng năm được nâng dần mức độ đạt chuẩn ở từng bậc học. Đến nay, 8/8 xã, phường của thị xã Bến Cát đã hoàn thành các mức độ đạt chuẩn. Công tác xây dựng xã hội học tập được thực hiện thường xuyên thông qua hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thị xã. Hiện nay, thị xã đã có 3 trung tâm văn hóa, thể thao,

1. Tổng chiều dài là 251,02km, với tổng kinh phí là 341 tỷ 481 triệu đồng, đầu tư hệ thống chiếu sáng trên 499 tuyến đường, với tổng kinh phí 100 tỷ 650 triệu đồng, nâng tổng số đến nay có 408,25km đường có hệ thống chiếu sáng, tăng 3,5 lần với cùng kỳ; xử lý 8/19 điểm ngập trên địa bàn.

2. Với tổng diện tích 2.142ha. Thị xã đã cấp phép xây dựng cho 7.715 trường hợp; tổ chức kiểm tra phát hiện, quyết định xử phạt 307 trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng với tổng số tiền phạt là 3 tỷ 894 triệu đồng.

học tập cộng đồng và 5 trung tâm học tập cộng đồng phục vụ nhu cầu học tập người dân theo tiêu chí “cần gì học nấy”.

Giai đoạn này, thị xã triển khai thực hiện chỉ tiêu của Đề án nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 đạt mục tiêu; số bác sĩ đạt 7,2/vạn dân; số giường bệnh đạt 24,7/vạn dân; 100% trạm y tế xã, phường có bác sĩ, 100% xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực của ngành y tế được quan tâm đầu tư; mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và hoàn thiện. Công tác xã hội hóa y tế được đẩy mạnh, thu hút được nhiều thành phần tham gia¹. Thị xã cũng thường xuyên kiểm tra bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, các cơ sở hành nghề y tế tư nhân. Ngành y tế còn kiểm soát và không để các dịch bệnh như: sốt xuất huyết, tay chân miệng, cúm A/H1N1, H5N1, tiêu chảy... bùng phát thành dịch.

Qua kiểm tra, các hành vi vi phạm trong lĩnh vực văn hóa được chấn chỉnh kịp thời, xử phạt vi phạm hành chính². Thị xã đã triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục - thể thao đến năm 2020 và Chiến lược phát triển thể dục - thể thao Việt Nam đến năm 2020; ban hành kế hoạch triển khai cuộc vận động Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ. Ngoài ra, thị xã còn thực hiện các chương trình, đề án phát triển thể dục - thể thao của tỉnh trên địa bàn gắn với tổ chức phát động Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; Chương trình bơi an toàn,

1. Thị xã có 1 trung tâm y tế 100 giường, 3 phòng khám đa khoa khu vực, 8 trạm y tế xã, phường; có 1 bệnh viện đa khoa tư nhân với quy mô 500 giường, 6 phòng khám đa khoa tư nhân và trên 600 cơ sở hành nghề y - dược khác đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.

2. Có 39 trường hợp, tổng số tiền phạt 205 triệu đồng, tháo gỡ 600 băng rôn, 3.000 tờ rơi...

phòng chống đuối nước cho trẻ em. Thị xã đã tổ chức thành công Đại hội thể dục - thể thao cấp xã, phường và cấp thị xã vào năm 2017; tham dự Đại hội thể dục - thể thao tỉnh Bình Dương năm 2018 đạt kết quả tốt.

Đảng bộ thị xã luôn quan tâm thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, giải quyết việc làm, chăm lo cho gia đình chính sách, các đối tượng xã hội. Các chế độ, chính sách cho các đối tượng được giải quyết kịp thời, đúng quy định¹. Các chương trình bảo vệ, chăm sóc trẻ em và các mục tiêu chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và chương trình hành động vì sự tiến bộ phụ nữ giai đoạn 2015 - 2020 được thực hiện tốt.

Có thể nói, lĩnh vực văn hóa - xã hội của thị xã đã đạt được nhiều kết quả nhất định; an sinh xã hội luôn được bảo đảm; chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã phát huy hiệu quả. Công tác giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được quan tâm thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước cũng như xã hội hóa, từ đó ngày càng được nâng cao. Các hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao được tổ chức với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu vui chơi giải trí của người dân, đặc biệt là trong các dịp lễ, Tết.

Về công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ:

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”², “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”³. Thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thị ủy đã ban hành Nghị quyết số 234-NQ/TU

1. Tổng kinh phí 73 tỷ 287 triệu đồng, xây tặng 34 căn nhà tình nghĩa (Nghị quyết đề ra 2 - 3 căn/năm), sửa chữa 79 căn nhà tình nghĩa (Nghị quyết đề ra 3 - 5 căn/năm), xây tặng 44 căn nhà đại đoàn kết (Nghị quyết đề ra 3 - 5 căn/năm), giải quyết việc làm bình quân 4.613 người/năm (Nghị quyết đề ra 4.000 - 5.000 người/năm), có 142.692/207.258 lao động đã qua đào tạo, chiếm tỷ lệ 68,84% (Nghị quyết đề ra 60 - 70%). Đến nay, thị xã còn 277 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,02% (trong đó có 125 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 0,46% (Nghị quyết đề ra dưới 1%); 152 hộ nghèo xã hội, chiếm tỷ lệ 0,56%).

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.309, 280.

ngày 22/4/2019 về tăng cường đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị thị xã và tiến hành kiểm tra trực tiếp công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Đề án số 05-ĐA/TU gắn với công tác điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020 - 2025 đối với cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy xã, phường; kịp thời hướng dẫn, chỉ đạo khắc phục hạn chế trong quá trình thực hiện của cơ sở. Quá trình thực hiện được tiến hành thận trọng, chặt chẽ, có thí điểm, gắn với việc tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm; công tác lãnh đạo, chỉ đạo luôn có sự tập trung cao độ, thường xuyên và quyết liệt¹. Việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị được gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và Quy định số 03-QĐ/TU ngày 12/12/2017 của Tỉnh ủy về việc nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp đã tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên của thị xã, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý. Từ đó tác động tích cực đến các phong trào thi đua tại địa phương, cơ quan, đơn vị. Trong Đảng và trong nhân dân đã xuất hiện nhiều gương điển hình tiêu biểu “Làm theo Bác”, gương “Người tốt, việc tốt”. Tính nêu gương trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, trong thực thi nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng cao. Tinh thần tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên có chuyển biến tích cực. Đảng bộ thị xã kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý cán bộ, đảng viên tiêu cực, sai phạm..., góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vào sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng

1. Tính đến tháng 4/2020, toàn bộ thị xã có 34 tổ chức cơ sở đảng (gồm 14 đảng bộ với 140 chi bộ trực thuộc và 20 chi bộ cơ sở). Tổng số đảng viên: 3.492 đảng viên (3.331 đảng viên chính thức và 161 đảng viên dự bị), tăng 765 đảng viên so với đầu nhiệm kỳ, đạt 127,5% chỉ tiêu (Nghị quyết đề ra phát triển 600 đảng viên mới).

Đảng bộ thị xã luôn chú trọng đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng của Đảng và đạt được nhiều kết quả quan trọng, đặc biệt tập trung đổi mới phương thức giáo dục, tuyên truyền nâng cao hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng; chú trọng giáo dục, bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, niềm tin, lý tưởng, truyền thống cách mạng gắn với kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn. Đảng bộ thị xã cũng từng bước đổi mới hình thức, bảo đảm nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả trong triển khai học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; chú trọng chất lượng cung cấp thông tin, định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; thường xuyên nắm bắt, phản ánh diễn biến tư tưởng, tâm trạng xã hội. Đảng bộ thị xã chỉ đạo tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị đẩy mạnh xây dựng nguồn lực, tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, nhất là trên internet và mạng xã hội. Công tác bồi dưỡng và cập nhật kiến thức mới về lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên được thực hiện thường xuyên.

Đảng bộ thị xã thường xuyên chỉ đạo rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền từ thị xã đến các xã, phường bảo đảm hoạt động hiệu quả, đồng bộ¹. Hội đồng nhân dân thị xã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương; tổ chức thực hiện việc giám sát theo chương trình, kế hoạch đã được Hội đồng nhân dân quyết nghị về hoạt động chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân thị xã, các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, các xã, phường. Hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, lề lối, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức từ thị xã đến cơ sở từng bước được cải tiến, có chuyển biến tích cực.

1. Tổ chức kiện toàn bộ máy theo Quyết định số 711-QĐ/TU của Tỉnh ủy Bình Dương và Đề án số 05-ĐA/TU của Thị ủy; chỉ đạo xây dựng và phê duyệt Đề án thực hiện tinh giản bộ máy tại các xã, phường.

Về quốc phòng - an ninh:

Đảng bộ thị xã luôn quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, điều hành của chính quyền và sự phối hợp làm tham mưu của cơ quan quân sự trong xây dựng khu vực phòng thủ. Tiềm lực chính trị - tinh thần, kinh tế - xã hội được củng cố, phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu được giao. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội.

Từ ngày 20 đến ngày 22/7/2020, Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Bến Cát lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025) được tổ chức tại Trung tâm Hội nghị triển lãm thị xã. Tham dự Đại hội có 300/300 đại biểu, đại diện cho 3.492 đảng viên của 34/34 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc. Chủ đề Đại hội là: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động có hiệu quả các nguồn lực, xây dựng thị xã Bến Cát thành đô thị văn minh - hiện đại - nghĩa tình. Phương châm của Đại hội là: Dân chủ - Kỷ cương - Đoàn kết - Đổi mới - Phát triển.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 39/41 đồng chí (2 đồng chí được củng cố sau Đại hội), Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Bùi Duy Hiền làm Bí thư Thị ủy, đồng chí Nguyễn Hoàng Thông tái cử làm Phó Bí thư Thường trực Thị ủy, đồng chí Huỳnh Văn Nghe làm Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã, đồng chí Nguyễn Trọng Ân - Ủy viên Ban Thường vụ làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã.

Đại hội đã đề ra chủ trương gồm:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng chú trọng gia tăng

sản xuất công nghiệp trên cơ sở ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cải tiến công nghệ, nâng cao trình độ sản xuất, có hàm lượng khoa học - công nghệ gắn với phát triển đô thị xanh - sạch không gây ô nhiễm môi trường; ổn định tốc độ tăng trưởng và giữ vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực khác. Thương mại - dịch vụ phát triển theo hướng ưu tiên các dịch vụ có lợi thế, giá trị, chất lượng cao. Nông nghiệp ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển mạnh nông nghiệp công nghệ cao, kết hợp du lịch sinh thái với nhiều loại hình dịch vụ như: du lịch nghỉ dưỡng, du lịch mua sắm, du lịch văn hóa... và các sản phẩm du lịch sinh thái, về nguồn trên địa bàn thị xã đến năm 2025.

- Hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (theo tiêu chí mới của tỉnh) ở mức bằng hoặc thấp hơn tỷ lệ chung tỉnh đề ra.

- Tổ chức triển khai thực hiện công tác lập Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị xã đến năm 2040; điều chỉnh quy hoạch phân khu và quy hoạch nông thôn mới các xã, phường; lập quy hoạch sử dụng đất thị xã Bến Cát đến năm 2030; lập điều chỉnh quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị Bến Cát phù hợp với định hướng phát triển trong thời gian tới. Tiếp tục tăng cường công tác công khai quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch.

- Đối với lĩnh vực giáo dục, đặc biệt quan tâm chỉ đạo xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn từ 75% đến 80%, 12 - 15% cán bộ quản lý, giáo viên đạt trên chuẩn. Duy trì đạt chuẩn quốc gia về chống mù chữ, phổ cập các bậc học, nâng cao chất lượng giáo dục¹; phấn đấu xây dựng 75 - 80% trường học công lập ở các cấp đạt chuẩn quốc gia (trừ số trường

1. Huy động trẻ trong độ tuổi mẫu giáo ra lớp đạt từ trên 95%, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp các cấp đạt trên 97%; giảm tỷ lệ trẻ béo phì mỗi năm 1 - 2%; tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học dưới 2%; tỷ lệ thi đỗ vào trường đại học, cao đẳng hàng năm đạt trên 80%.

công lập được thành lập mới trong nhiệm kỳ). Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, nhất là đối với bậc mầm non. Tăng cường công tác xây dựng xã hội học tập. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, huy động các nguồn lực chăm lo các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, đối tượng xã hội; phát triển các quỹ an sinh xã hội, thực hiện có hiệu quả các giải pháp vận động toàn xã hội tham gia công tác giảm nghèo bền vững; chủ động nắm tình hình, phát hiện và giải quyết kịp thời các vụ việc tranh chấp lao động, đình công.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng thành các chương trình hành động, kế hoạch, nghị quyết cụ thể trong lãnh đạo, chỉ đạo; tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, kịp thời đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ trong toàn Đảng bộ, góp phần ngăn chặn kịp thời sự suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng; kịp thời nắm bắt diễn biến tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, đồng thời có giải pháp định hướng, uốn nắn những diễn biến tư tưởng lệch lạc, nêu cao tinh thần cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch...

Đại hội cũng thống nhất sự cần thiết trong việc xây dựng, triển khai và tổ chức thực hiện 2 đề án và 3 chương trình hành động cụ thể trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 như sau:

(1) Đề án “Nâng cao chất lượng phát triển đô thị thị xã Bến Cát giai đoạn 2020 - 2025 và những năm tiếp theo”.

(2) Đề án “Nâng cao đời sống tinh thần nhân dân và xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 và những năm tiếp theo”.

(3) Chương trình “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính thị xã Bến Cát giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

(4) Chương trình “Nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

(5) Chương trình “Xây dựng đội ngũ cán bộ thị xã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị giai đoạn 2020 - 2025 và những năm tiếp theo”.

Đại hội cũng đề ra chủ trương cụ thể khi huy động các nguồn lực gồm: Tiếp tục đầu tư xây dựng và phát triển đô thị thị xã trở thành đô thị công nghiệp, dịch vụ phát triển theo hướng văn minh và bền vững; tập trung phát triển khu vực phía tây, tây bắc thị xã, trong đó, giai đoạn 2020 - 2025, ưu tiên nâng cấp 2 xã lên phường và đến năm 2025 thị xã Bến Cát cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại II; chú trọng phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu hội nhập và đổi mới khoa học công nghệ theo xu thế của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xem đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực trong sự nghiệp phát triển của thị xã để thị xã Bến Cát xứng đáng trở thành đô thị văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

Như vậy, giai đoạn 2014 - 2020, chủ trương của Đảng bộ thị xã Bến Cát là: Tập trung đầu tư để Bến Cát trở thành một trong những địa bàn “trọng điểm phát triển công nghiệp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp”, nhất là các ngành công nghiệp phụ trợ, các ngành có hàm lượng chất xám, giá trị gia tăng cao, sử dụng ít lao động và không gây ô nhiễm môi trường, tạo môi trường thông thoáng để thu hút các nhà đầu tư, đồng thời, phát triển công nghiệp theo hướng đa dạng, tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa,

hiện đại hóa xây dựng thị xã Bến Cát sớm trở thành trung tâm công nghiệp - đô thị của tỉnh Bình Dương. Từ chủ trương trên, thị xã đã ra sức đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp, công nghiệp - đô thị. Về giao thông, trên địa bàn Bến Cát từ trước đã có các tuyến đường thủy, đường bộ nối thông với các vùng kinh tế, dân cư trong tỉnh và liên tỉnh như quốc lộ 13, đường liên tỉnh lộ 14 (ĐT 741), ĐT 744 (đi qua địa bàn xã Phú An và An Tây), lộ 7 ngang (từ Chánh Lưu qua Bến Cát), lộ 16, lộ 30... Hiện nay, thị xã Bến Cát đã có thêm đường Mỹ Phước - Tân Vạn, đường Vành đai 4, nhiều đường liên xã, liên phường tạo thành hệ thống giao thông thuận tiện từ trung tâm thị xã đến các xã, phường, khu phố, ấp cũng như với các địa phương trong và ngoài tỉnh.

Chương trình xây dựng nông thôn mới được các địa phương và nhân dân hưởng ứng, tham gia tích cực. Trong năm 2018, ba xã An Tây, An Điền, Phú An hoàn thành 19/19 tiêu chí nông thôn mới và thị xã Bến Cát được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Ngày 08/3/2019, thị xã Bến Cát được công nhận hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 264/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Song song với việc bố trí nguồn vốn từ ngân sách, thị xã cũng tích cực huy động nguồn lực từ xã hội hóa để đầu tư hạ tầng cơ sở thiết yếu, từng bước hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân khu vực nông thôn.

Trong giai đoạn này, thị xã Bến Cát còn thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách xã hội về lao động, việc làm, phát triển y tế, giáo dục, chính sách đối với người có công, gia đình thương binh, liệt sĩ, Mẹ Việt Nam anh hùng và các đối tượng chính sách khác. Chính vì vậy, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố, tăng cường cùng sự đồng lòng của quần chúng nhân dân giúp cho huyện Bến Cát huy động được mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội ngày càng hiệu quả.

KẾT LUẬN

Bến Cát là 1 trong 9 huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Bình Dương. Đảng bộ và nhân dân thị xã có truyền thống yêu nước, cần cù lao động, sáng tạo. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân giành nhiều thắng lợi to lớn, bảo vệ quê hương, góp phần thống nhất đất nước. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Bến Cát đã vượt qua những khó khăn, thử thách của thời kỳ bao cấp và đạt được nhiều thành tựu về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh... trong thời kỳ đổi mới.

Từ năm 1930 đến năm 1954, mặc dù bị thực dân Pháp và phátxít Nhật điên cuồng khủng bố, tàn sát, nhưng các đảng viên ở Bến Cát không ngại hy sinh, gian khổ, kiên cường lãnh đạo nhân dân tiến hành Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công, kết thúc hơn 80 năm đô hộ của thực dân Pháp và gần 5 năm thống trị của phátxít Nhật. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Nhà nước dân chủ nhân dân non trẻ ra đời chưa được bao lâu, thì ngày 23/9/1945, thực dân Pháp quay lại tái chiếm Nam Bộ, trong đó có Bến Cát. Dưới sự lãnh đạo của các chi bộ, đảng bộ, nhân dân Bến Cát cùng miền Nam và cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, các cơ sở đảng, tổ chức đoàn thể ở Bến Cát nhiều lần bị phá vỡ; nhiều cán bộ, đảng viên, đoàn viên bị bắt, tù đầy, thậm chí hy sinh. Nhưng với tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất, lòng

thủy chung son sắt với cách mạng, với Đảng, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân kháng chiến giành được thắng lợi vẻ vang; nổi bật là Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Bến Cát tham gia Chiến dịch Lê Hồng Phong (chiến dịch Bến Cát) và giành được những thắng lợi to lớn. Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Đảng bộ và nhân dân Bến Cát nói riêng, cả nước nói chung đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Giai đoạn 1954 - 1975, Đảng bộ và nhân dân Bến Cát tiếp tục cùng miền Nam và cả nước bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống Mỹ, cứu nước. Thời kỳ này, các chi bộ, đảng bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân Bến Cát đã khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh, phát huy tinh thần “miền Đông gian lao mà anh dũng”, một lòng đoàn kết, vượt qua mọi thử thách, tham gia nhiều chiến dịch lớn và giành chiến thắng vẻ vang, góp phần làm nên thắng lợi lịch sử vào ngày 30/4/1975, giải phóng quê hương, thống nhất Tổ quốc. Sau chiến thắng vĩ đại mùa Xuân năm 1975, Bến Cát bước sang một trang sử mới, cùng cả nước đi vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân huyện Bến Cát đã nhanh chóng bắt tay thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới: Xây dựng hệ thống chính quyền cách mạng; hàn gắn vết thương chiến tranh; củng cố, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Cũng như cả nước, Đảng bộ và nhân dân Bến Cát sau giải phóng còn nhiều bề bộn, lúng túng trong việc đánh giá tình hình địa phương, xác định mục tiêu và bước đi trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất mới, sử dụng các thành phần kinh tế, bố trí cơ cấu kinh tế, phân phối, lưu thông... Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Bến Cát đã tiến hành cải tạo nền kinh tế, xây dựng mô hình kinh tế tập thể với nhiều hình thức khác nhau gồm tập đoàn sản xuất, hợp tác xã

trong nông nghiệp và hợp tác xã trong thương nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Trong quá trình thực hiện những chủ trương của Đảng, Đảng bộ huyện Bến Cát còn nóng vội, chưa xuất phát từ thực tế của địa phương nên hiệu quả chưa cao. Nghị quyết Trung ương 6 (khóa IV) (năm 1979), Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (1981)... là những nhân tố mới giúp Đảng bộ và nhân dân Bến Cát từng bước tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Từ năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ huyện Bến Cát đã sáng tạo vận dụng đường lối chung vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, đề ra những chủ trương, biện pháp phù hợp để khơi dậy tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, kinh nghiệm canh tác, phát triển sản xuất, kinh doanh, phát huy hết thế mạnh của vùng đất giàu truyền thống, tạo ra nhiều của cải vật chất, nâng cao đời sống nhân dân và nhu cầu của thị trường. Tuy nhiên, do Bến Cát ở xa trung tâm của tỉnh, kết cấu hạ tầng chưa hoàn chỉnh nên việc kêu gọi các nhà đầu tư rất khó khăn, giá trị sản xuất các ngành công nghiệp, dịch vụ còn hạn chế. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Bến Cát luôn phát huy lợi thế của địa phương, phát triển cây công nghiệp, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thị trường. Bên cạnh đó, Đảng bộ huyện cũng lãnh đạo tốt công tác xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ, gắn liền với chỉnh trang đô thị, kiến thiết khu trung tâm, làm cho bộ mặt của huyện ngày càng khang trang, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên.

Năm 2014, sau khi chia tách huyện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng bộ thị xã Bến Cát đã lãnh đạo tốt việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các cấp, xây dựng được đội ngũ cán bộ từ thị xã đến các xã có đủ năng lực và phẩm chất, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình

hình mới. Hiện nay, Đảng bộ thị xã Bến Cát tiếp tục lãnh đạo tăng cường củng cố, kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy chính quyền từ thị xã đến cơ sở; không ngừng phát huy, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp theo hướng phục vụ nhân dân. Trong bước đường phát triển và hội nhập, Bến Cát có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn. Nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ và nhân dân thị xã trong thời gian tới là phải nắm vững quan điểm lớn của Đảng là: Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Từ đó, vận dụng vào điều kiện thực tế của địa phương.

Quá trình xây dựng và phát triển của Đảng bộ và nhân dân Bến Cát đã để lại nhiều bài học quý báu:

Một là, đặc biệt quan tâm đến công tác dân vận. Trong kháng chiến, từ một vùng cơ sở chưa mạnh, bị địch kìm kẹp và đàn áp nặng nề nhưng với tinh thần kiên trì, nhẫn nại, biết dựa vào dân và được nhân dân che chở, bảo vệ, các chi bộ đã từng bước xây dựng được cơ sở cách mạng, phát triển lực lượng cách mạng, tập hợp đông đảo quần chúng tham gia đấu tranh giải phóng quê hương. Sau ngày giải phóng, mặc dù gặp nhiều khó khăn trên nhiều mặt, nhưng các chi bộ, đảng bộ ở các xã thuộc huyện Bến Cát luôn dựa vào nhân dân, thông qua Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể để vừa tuyên truyền chính sách của Đảng vừa vận động thực hiện các phong trào nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, từng bước khôi phục kinh tế, phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân. Trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, công tác vận động quần chúng càng quan trọng, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị từ thị xã tới các xã, phường và ấp, khu phố. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên cần tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân, quán triệt quan

điểm “lấy dân làm gốc”, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt phương châm: Gần dân, hiểu dân, học ở dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin; chuyển từ chính quyền quản lý sang chính quyền phục vụ nhân dân, phục vụ doanh nghiệp, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, những yêu cầu chính đáng của người dân và doanh nghiệp. Chính quyền cần làm tốt vai trò kiến tạo, phát huy tất cả các nguồn lực, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn Bến Cát đã chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng. Chính quyền các cấp trong thị xã luôn thực hiện công khai, minh bạch các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, các khoản thu, chi từ ngân sách khi triển khai các dự án, công trình đầu tư, phương án đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư. Việc quản lý, sử dụng các loại quỹ, các khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình; các khoản huy động nhân dân đóng góp luôn được công khai để dân biết, dân bàn, dân giám sát và kiểm tra.

Đảng bộ, chính quyền thị xã chỉ đạo vận động nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh. Công tác tiếp công dân, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền từ thị xã đến các xã, phường với nhân dân và diễn đàn “Các ngành lắng nghe ý kiến nhân dân” được tổ chức thực hiện nghiêm túc, mang lại hiệu quả thiết thực¹. Công tác

1. Thị xã tổ chức diễn đàn “Các ngành lắng nghe ý kiến nhân dân” gồm các ngành: công an, y tế, tài nguyên - môi trường, giáo dục, ngân hàng; tổ chức giám sát việc thực hiện Kế hoạch số 81-KH/TU về thực hiện Quy định số 124-QĐ/TW ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về giám sát Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên, Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 22/8/2018 của Thị ủy.

dân vận chính quyền có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là giai đoạn 2015 - 2020. Việc triển khai thực hiện “Năm dân vận chính quyền”, cải cách hành chính, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã mang lại sự hài lòng cho người dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục phát huy và khẳng định vai trò nòng cốt trong công tác dân vận. Mặt trận và các đoàn thể đã có nhiều đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, nhất là việc triển khai thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, thi đua “dân vận khéo”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị với nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo trong cộng đồng dân cư. Mặt trận, các đoàn thể luôn phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội, hướng mạnh về cơ sở; đổi mới phương thức tổ chức, tập hợp đoàn viên, hội viên và đẩy mạnh đoàn kết tập hợp thanh niên công nhân lao động; luôn quan tâm xây dựng các lực lượng nòng cốt trong nhân dân; tích cực nắm bắt, định hướng kịp thời tình hình tư tưởng, dư luận xã hội; quan tâm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên và trong nhân dân... qua đó góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Nhờ thực hiện tốt công tác dân vận, ngày 08/3/2019, thị xã Bến Cát đã được Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 264/QĐ-TTg công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018. Song song với việc bố trí nguồn vốn từ ngân sách, thị xã cũng tích cực huy động nguồn lực từ xã hội hóa để đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, từng bước hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt, giúp cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân khu vực nông thôn ngày càng được nâng cao. Nhân dân rất ủng hộ, tích cực tham gia Chương trình

xây dựng nông thôn mới. Thị xã đã tập trung huy động các nguồn lực được 556 tỷ 131 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách 260.171 triệu đồng, chiếm 46,78%; vốn vay tín dụng 61.439 triệu đồng, chiếm 11,05%; doanh nghiệp 70.000 triệu đồng, chiếm 12,59%; nhân dân đóng góp 163.921 triệu đồng, chiếm 29,48%; vốn huy động khác: 600 triệu đồng, chiếm 0,11%.

Hai là, tập trung xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Mặc dù là vùng đất hội tụ cư dân từ nhiều vùng, miền, đồng thời là địa bàn có tính chất trọng yếu, tập trung nhiều thành phần tôn giáo, dân tộc khác nhau, tuy nhiên, tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau luôn là truyền thống tốt đẹp từ bao đời nay của người dân Bến Cát. Trong giai đoạn kháng chiến, tùy theo từng thời kỳ, từng đối tượng mà chi bộ, đảng bộ các địa phương có những biện pháp để tập hợp, đoàn kết nhân dân tham gia cách mạng, từng bước làm thất bại các âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù nhằm chia rẽ nhân dân với cách mạng. Sau năm 1975, thực hiện chủ trương đại đoàn kết, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tầng lớp nhân dân Bến Cát đã tập trung hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục sản xuất, xây dựng xã hội mới trên quê hương vừa được giải phóng. Bên cạnh đó, trong lịch sử hơn 90 năm qua, Bến Cát đã trải qua rất nhiều lần chia tách, sáp nhập (Nam Bến Cát - Bắc Bến Cát; Dầu Tiếng - Bến Cát; Bến Cát - Bàu Bàng...), mỗi lần chia tách lại nảy sinh những vấn đề, tồn tại cần giải quyết. Đứng trước bối cảnh đó, cán bộ, đảng viên và nhân dân Bến Cát luôn sát cánh bên nhau vì mục tiêu chung là xây dựng và phát triển Bến Cát. Lịch sử Bến Cát cho thấy, khi nào xuất phát từ mong muốn của nhân dân, phục vụ lợi ích của toàn dân, bảo vệ mọi quyền lợi chính đáng của nhân dân, không xem thường lợi ích của dân, không vì đầu tư phát triển mà hy sinh lợi ích của dân thì sẽ được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Đứng trước khó khăn thử thách, tinh thần đại đoàn kết không chỉ trong Đảng, mà tinh thần đoàn kết trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và toàn

dân lại trỗi dậy. Đại đoàn kết không chỉ là giá trị cao quý, sức mạnh của truyền thống mà còn là bài học kinh nghiệm có tầm tư tưởng, chính trị mang yếu tố quyết định đến sự thành công của Bến Cát. Vì vậy, Đảng bộ huyện Bến Cát đã có những chính sách đúng đắn để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân góp phần xây dựng Bến Cát ngày càng giàu mạnh. Trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, Đảng bộ thị xã Bến Cát luôn kiên định đường lối đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp cho các tầng lớp nhân dân; giảm sự phân hóa giàu - nghèo; thực hiện tốt các phong trào, cuộc vận động như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xóa đói, giảm nghèo”, “Xây dựng nông thôn mới”, “Đền ơn, đáp nghĩa”. Hiện nay, Bến Cát đã triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu bền vững đất nước. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong việc vận động nhân dân Bến Cát xây dựng đời sống văn hóa và môi trường văn hóa. Hoạt động văn hóa của Bến Cát được gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị¹. Những chỉ tiêu về xây dựng đời sống văn hóa, văn minh đô thị được Đảng bộ thị xã đề ra đều nhận được sự đồng tình, ủng hộ của cán bộ và nhân dân Bến Cát và nhanh chóng mang lại những kết quả thiết thực². Nhờ có tinh thần đoàn kết toàn dân, Bến Cát đã xây dựng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa tại các khu dân cư, các cụm công nghiệp, đầu tư xây dựng

1. Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa là 97,3%.

2. 100% khu phố, ấp văn hóa, 96,23% khu nhà trọ văn hóa; 95,55% cơ quan, đơn vị, 98,43% doanh nghiệp đạt danh hiệu văn hóa; 100% xã đạt văn hóa nông thôn mới; 60% phường đạt chuẩn văn minh đô thị.

nhà thiếu nhi, nhà truyền thống và thư viện, tượng đài Bến Cát; đồng thời, kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa thanh niên với quy mô hơn 1ha. Không chỉ phát huy sức mạnh đoàn kết trong phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội hay trong công tác xây dựng Đảng và củng cố quốc phòng - an ninh, tinh thần đại đoàn kết toàn dân của Bến Cát còn được thể hiện trong công tác bảo vệ, bảo tồn các khu di tích lịch sử, văn hóa, các sự kiện chính trị, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là trong dịp lễ, Tết, qua đó thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, góp phần xây dựng củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân.

Ba là, chú trọng công tác cán bộ. Trong kháng chiến, đa số cán bộ, đảng viên là những người trung kiên, toàn tâm, toàn ý vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, không ngại hy sinh, gian khổ như các đồng chí: Nguyễn Văn Theo (Ba Dề), Nguyễn Văn Ngộ (Bảy Quỳ), Đoàn Tấn Long (Ba Long), Lê Nam Hòa (Năm Hòa), Phan Văn Tiến (Ba Tiến), Nguyễn Hữu Ý (Út Ý)... và nhiều đồng chí khác. Chính bản lĩnh vững vàng của cán bộ, đảng viên trong chiến đấu, gian khổ đã góp phần tạo niềm tin của nhân dân với Đảng. Sau giải phóng, công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới luôn được các chi bộ, đảng bộ ở Bến Cát quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

Trong giai đoạn hiện nay, công tác cán bộ đòi hỏi những yêu cầu cao hơn. Đào tạo đội ngũ cán bộ phải theo tiêu chuẩn “vừa hồng vừa chuyên”, giỏi về chuyên môn, vững vàng về chính trị và dám đấu tranh với cái xấu, tiêu cực, bảo vệ cái tốt, cái đúng. Đảng bộ huyện Bến Cát luôn xác định xây dựng, củng cố bộ máy chính quyền là nhiệm vụ thường xuyên và liên tục để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài. Từ đó, thị xã đã từng bước sắp xếp bộ máy các cơ quan, phòng, ban, đoàn thể theo hướng gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả.

Theo quy hoạch chung, trình độ cán bộ, công chức được nâng lên thông qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ: 100% trưởng, phó phòng, ban thị xã, 100% Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường có trình độ chuyên môn đại học, cao cấp lý luận chính trị; trên 90% cán bộ, công chức các phòng, ban thị xã và công chức cơ sở xã, phường đạt trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng, trung cấp lý luận chính trị trở lên; số còn lại có trình độ chuyên môn, chính trị trung cấp trở lên. Thị xã thường xuyên rà soát lịch sử chính trị phục vụ công tác cán bộ, phát triển đảng; thực hiện tốt công tác chính sách cán bộ, trao tặng huy hiệu đảng, huân, huy chương đúng quy định và có kế hoạch phục vụ tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ. Đảng bộ thị xã Bến Cát luôn xác định thực hiện chiến lược cán bộ phải gắn chặt với công tác xây dựng Đảng và công tác chính trị, tư tưởng. Các cấp ủy đảng chỉ đạo thực hiện tốt việc nghiên cứu, quán triệt nghị quyết của cấp trên nhằm làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nắm vững quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từ đó xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án về công tác cán bộ sát với thực tế, có tính khả thi cao, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống đạt kết quả thiết thực. Cần thường xuyên quán triệt, thực hiện tốt nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, quản lý cán bộ; xác định rõ công tác cán bộ là trách nhiệm của các cấp ủy, mỗi cấp ủy thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng cán bộ theo trách nhiệm, quyền hạn được phân cấp. Đồng thời, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, bảo vệ chính trị nội bộ, sơ kết, tổng kết kịp thời để đánh giá đúng tình hình, tìm ra nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, đề ra những giải pháp phù hợp nhằm tạo chuyển biến mới trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ của thị xã. Ngoài ra, phải nắm vững yêu cầu, tiêu chuẩn chung của cán bộ cũng như tiêu chuẩn riêng của từng loại cán bộ để có kế hoạch xây

dựng đội ngũ cán bộ một cách đồng bộ, đáp ứng yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài. Các quy chế, quy trình phải được thực hiện đầy đủ và nghiêm túc về công tác cán bộ; phát huy dân chủ, công khai, gắn với giữ vững kỷ luật, kỷ cương. Trong các nội dung của công tác cán bộ, cần đặc biệt coi trọng khâu đánh giá cán bộ, lấy quy hoạch cán bộ làm cơ sở để thực hiện chiến lược cán bộ. Cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa quyền hạn và trách nhiệm, giữa lợi ích với nghĩa vụ, giữa cống hiến với hưởng thụ..., tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ phấn đấu, học tập nâng cao trình độ, đi đôi với rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống. Các chính sách, chế độ đối với cán bộ phải được thực hiện kịp thời, đầy đủ theo quy định; đồng thời cần xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với thực tế địa phương, đơn vị nhằm khuyến khích, động viên, tạo động lực thúc đẩy cán bộ phấn đấu, rèn luyện hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Bài học kinh nghiệm về chú trọng công tác cán bộ của Bến Cát cho thấy vai trò quan trọng của công tác cán bộ. Cán bộ là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Do vậy, chỉ khi nào huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ, đẩy mạnh được các phong trào thi đua trong các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể và quần chúng nhân dân, thông qua đó củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy từ đó sàng lọc cán bộ đảng viên, kịp thời phát hiện nhân tố mới, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thì lúc đó công tác cán bộ mới thực sự phát huy tác dụng.

Bốn là, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng bộ huyện Bến Cát. Trong suốt chiều dài lịch sử hơn 90 năm xây dựng và phát triển, việc phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng luôn là một bài học kinh nghiệm quý giá, quyết định sự thành công của cách mạng. Trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, Đảng bộ huyện Bến Cát luôn thể hiện bản lĩnh cách mạng

kiên cường, dũng cảm không run sợ trước kẻ thù. Mặc dù ở giai đoạn đầu, khi phong trào cách mạng còn diễn ra lẻ tẻ, chưa tập hợp được đông đảo quần chúng dân dân nhưng bằng những hành động cụ thể, sáng tạo, Đảng bộ huyện Bến Cát đã tuyên truyền chủ trương của Đảng, xây dựng phong trào cách mạng của quần chúng để từ đó tiến lên giành chính quyền về tay nhân dân trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Khi đất nước thống nhất, dù phải đối mặt với vô vàn khó khăn từ hậu quả của chiến tranh để lại, song Đảng bộ huyện Bến Cát luôn năng động, sáng tạo và bản lĩnh để xây dựng và củng cố hệ thống chính quyền cách mạng, giữ gìn an ninh trật tự xã hội, từng bước ổn định đời sống của nhân dân. Dưới sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền Bến Cát cùng với sự cố gắng vươn lên của nhân dân, vụ mùa năm 1975, toàn huyện Bến Cát đã phục hóa hơn 1.203ha ruộng, 70ha lúa rẫy, 700ha đất trồng hoa màu. Hai năm 1976 - 1977, Bến Cát phát triển được 6.709ha ruộng, 3.000ha rẫy, 9.000ha đất trồng hoa màu, hàng ngàn héc-ta ruộng hoang đã được giải phóng góp phần rất lớn vào việc ổn định đời sống nhân dân.

Bước vào giai đoạn thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, một lần nữa, Đảng bộ huyện Bến Cát luôn vững vàng bản lĩnh chính trị; nhận thức đúng về bản chất cách mạng và khoa học; kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tích cực, chủ động đấu tranh với những quan điểm sai trái, thù địch...

Tháng 12/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 136/NQ-CP điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bến Cát để thành lập thị xã Bến Cát. Sau khi thành lập, Đảng bộ thị xã đã đề ra các chủ trương, nghị quyết và hành động theo hướng vì nhân dân. Trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, Đảng

bộ thị xã Bến Cát luôn có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực, dân chủ, chắc chắn, có bước đi thích hợp. Đảng bộ thị xã đã xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, coi cải cách thủ tục hành chính là khâu đột phá, xây dựng chính quyền thân thiện nhằm góp phần tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng để thu hút đầu tư, giải quyết công việc hành chính của tổ chức và công dân ngày càng tốt hơn, hạn chế, ngăn ngừa tiêu cực, tham nhũng, giảm phiền hà cho nhân dân. Cùng với đó, Đảng bộ thị xã Bến Cát luôn chỉ đạo các cấp chính quyền nắm vững phương châm: phải bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người, giải quyết các vấn đề xã hội, không ngừng cải thiện, nâng cao thu nhập và phúc lợi của nhân dân, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Nhờ vào bản lĩnh, năng động, sáng tạo, đổi mới, sự tích cực, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và với tinh thần vì nhân dân của Đảng bộ thị xã Bến Cát trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, đặc biệt trong giai đoạn 2015 - 2020, kinh tế Bến Cát tiếp tục tăng trưởng vượt bậc, quy mô kinh tế tiếp tục mở rộng, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 23,5%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. GDP bình quân đầu người đạt 139,8 triệu đồng/năm. Công nghiệp tiếp tục giữ vai trò là động lực cho phát triển kinh tế. Các ngành dịch vụ phát triển ổn định, chất lượng được nâng lên. Sản xuất nông nghiệp được tăng cường ứng dụng khoa học - kỹ thuật, góp phần quan trọng bảo đảm an sinh xã hội. Hạ tầng cơ sở đồng bộ, địa hình thuận lợi, liên kết vùng thuận lợi, thủ tục hành chính được giải quyết nhanh gọn... đã giúp thị xã thu hút mạnh mẽ các doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư, góp phần thúc đẩy kinh tế của Bến Cát tăng trưởng ngày càng cao.

Với sự chỉ đạo sâu sát của tỉnh Bình Dương và của Đảng bộ thị xã Bến Cát, cùng sự nỗ lực vươn lên của nhân dân, thị xã Bến Cát đã đổi thay nhanh chóng, trở thành địa phương thu hút nhiều vốn đầu tư trong và ngoài nước. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ thị xã Bến Cát cũng nhận thức ngày càng cụ thể, đầy đủ hơn tầm quan trọng, mục tiêu và nội dung của việc giải quyết vấn đề xã hội, đặc biệt là an sinh xã hội, phúc lợi xã hội nhằm đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho người dân. Bến Cát đã xây dựng được hệ thống an sinh xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó, ưu tiên những gia đình có công với cách mạng, Mẹ Việt Nam anh hùng, những gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Ngay sau khi thành lập, thực hiện các nghị quyết của Trung ương, tỉnh Bình Dương về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thị xã Bến Cát xác định phải phấn đấu sớm hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng mà các cấp, các ngành, các địa phương và cả hệ thống chính trị tập trung thực hiện. Sau khi chia tách, dù gặp rất nhiều khó khăn do thay đổi nhân sự, Đảng bộ thị xã Bến Cát vẫn kịp thời chỉ đạo để kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới ở các xã, đồng thời, khẩn trương thông qua Đề án xây dựng nông thôn mới của ba xã. Trong quá trình thực hiện, thị xã Bến Cát đã đạt được một số kết quả về xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn; các ban, ngành và địa phương đã triển khai thực hiện đồng bộ gắn với thực hiện quy hoạch, kế hoạch của ngành, địa phương góp phần làm cho Bến Cát thực sự trở thành địa phương năng động, là điển hình của cả nước về xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành công.

PHỤ LỤC

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH
ĐẢNG BỘ HUYỆN BẾN CÁT
TỪ NĂM 1945 ĐẾN NGÀY 30/4/1975**

STT	Họ và tên	Chức vụ
Từ tháng 9 đến tháng 12/1945		
1	Nguyễn Văn Ngọc (Chín Ngọc)	Bí thư
2	Nguyễn Văn Ngọ (Bảy Quỳ)	Ủy viên Phụ trách Quân sự
3	Nguyễn Văn Theo (Ba Dè)	Ủy viên Chỉ huy phó Quốc gia tự vệ cuộc quận Bến Cát
Từ đầu năm 1948 đến tháng 3/1948		
1	Phạm Văn Tiệm	Bí thư
2	Đoàn Tấn Long (Ba Long)	Phó Bí thư
3	Nguyễn Văn Ngọ (Bảy Quỳ)	Ủy viên Phụ trách Quân sự
4	Nguyễn Văn Theo (Ba Dè)	Ủy viên Phụ trách Công an
5	Tổ Thành Lập (Út Kiên)	Ủy viên Phụ trách Xã hội

Từ tháng 3/1948 đến tháng 5/1951		
1	Đoàn Tấn Long (Ba Long)	Bí thư Huyện ủy
2	Phạm Văn Tiêm	Phó Bí thư Thường trực
3	Diệp Hồi	Phó Bí thư Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chính
4	Nguyễn Văn Cẩm (Bảy Cẩm)	Huyện ủy viên Huyện Đội trưởng
5	Nguyễn Văn Theo (Ba Dè)	Huyện ủy viên Trưởng Công an
6	Lê Văn Kia	Huyện ủy viên Chủ tịch Mặt trận Liên Việt
7	Vũ Thượng Liên	Huyện ủy viên Chính trị viên Tiểu đoàn 903
8	Nguyễn Văn Mừng (Ba Đoàn - Sáu Mừng)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Tổ chức
9	Lê Tấn Kiệt (Ba Kiệt)	Huyện ủy viên Chính trị viên Huyện đội
10	Đoàn Minh Huấn	Huyện ủy viên Đoàn trưởng (Bí thư) Đoàn Thanh niên huyện
Từ tháng 5/1951 đến tháng 7/1954		
1	Nguyễn Hữu Đang	Bí thư Huyện ủy Chính trị viên Huyện đội
2	Diệp Hồi	Phó Bí thư Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chính
3	Nguyễn Văn Mừng (Sáu Mừng)	Huyện ủy viên Chủ tịch Mặt trận Liên Việt
4	Đoàn Văn Thuận (Bảy Ngân)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Kinh tài

5	Nguyễn Văn Cẩm (Bảy Cẩm)	Huyện ủy viên Huyện Đội trưởng
6	Nguyễn Văn Theo (Ba Dè)	Huyện ủy viên Trưởng Công an
Từ tháng 7/1954 đến giữa năm 1955		
1	Diệp Hòi	Bí thư Huyện ủy Về Văn phòng Tỉnh ủy tháng 5/1955
2	Ba Thương (Sáu Thị)	Phó Bí thư (đến năm 1995)
3	Nguyễn Văn Mừng (Sáu Mừng)	Phó Bí thư (từ năm 1955) Huyện ủy viên (đến năm 1995) Thay đồng chí Ba Thương bị bắt năm 1955
4	Nguyễn Văn Tân	Huyện ủy viên Trưởng Ban Kinh tài
5	Nguyễn Hữu Phúc (Tám Vận)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Bình vận
6	Lê Văn Hòa (Năm Hòa)	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy xã Long Nguyên
7	Nguyễn Văn Thới (Tư Thới)	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy xã Thới Hòa
8	Nguyễn Văn Lý (Tám thầy thuốc)	Huyện ủy viên Bí thư Ban cán sự Đảng đồn điền cao su Dầu Tiếng
9	Đoàn Văn Thuận (Bảy Ngân)	Huyện ủy viên
Từ giữa năm 1955 đến tháng 11/1962		
1	Nguyễn Văn Mừng (Sáu Mừng - Ba Đoàn)	Quyền Bí thư Huyện ủy (1955 - 1956) Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy (1956 - 1957)
2	Đoàn Hữu Nhã (Nguyễn Hữu Nghĩa)	Bí thư Huyện ủy (từ 01/1958 - 5/1959 bị địch bắt)

3	Trương Văn Rê (Hai Kiên)	Bí thư Huyện ủy (6/1959 - 12/1959)
4	Nguyễn Văn Thới (Năm Thắng)	Phó Bí thư - Phụ trách quân sự Bí thư Huyện ủy (1961)
5	Phan Văn Tiến (Ba Tiến)	Quyền Bí thư Huyện ủy (1959) Bí thư Huyện ủy (1962)
6	Sáu Thành	Phó Bí thư Huyện ủy (1961) Huyện ủy viên (đến năm 1961) Bí thư Chi bộ xã Thới Hòa
7	Nguyễn Văn Tân (Sáu Tân)	Huyện ủy viên Chỉ đạo xã Thanh An
8	Nguyễn Văn Dâu (Sáu Trung)	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy xã Long Nguyên
9	Nguyễn Thị Xưởng (Tám Liên)	Huyện ủy viên Phụ trách công tác đấu tranh chính trị (công tác phong trào)
10	Đoàn Văn Chinh (Năm Chinh)	Huyện ủy viên Huyện đội trưởng (1960 - 1961), Đại đội trưởng C61
11	Tô Văn Minh (Tư Minh)	Huyện ủy viên Huyện đội phó (1961)
Từ năm 1963 đến tháng 4/1965 (Giai đoạn tách Bến Cát thành hai huyện: Nam Bến Cát và Bắc Bến Cát)		
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN NAM BẾN CÁT (1963 - 1965)		
1	Phan Văn Tiến (Ba Tiến)	Bí thư Huyện ủy
2	Nguyễn Văn Hoàng (Hai Hoàng)	Phó Bí thư Thường trực Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy
3	Nguyễn Văn Nhân (Ba Nhân)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên huấn Huyện ủy
4	Nguyễn Thị Hồng (Mười Hồng)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Dân vận - Phụ nữ

5	Trương Văn Ca (Tư Ca)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Kinh tài
6	Sáu Đồn	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Công an (<i>hy sinh năm 1964</i>)
7	Trần Văn Dò (Tư Dò)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban An ninh (1965)
8	Nguyễn Hữu Ý (Út Ý)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chính trị viên - Huyện Đội phó
9	Nguyễn Văn Cơi (Ba Cơi)	Huyện ủy viên Phụ trách thị trấn Bến Cát (<i>hy sinh năm 1964</i>)
10	Tô Văn Minh (Tư Minh)	Huyện ủy viên Huyện Đội trưởng (1962 - 1963) Phụ trách thị trấn Bến Cát (<i>thay đồng chí Ba Cơi hy sinh năm 1964</i>)
11	Võ Văn Bỏ (Năm Bỏ)	Huyện ủy viên Huyện đội phó
12	Út Thung	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy (<i>hy sinh năm 1964</i>)
13	Út Cẩm	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn
14	Sáu Dệt	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Chánh Phú Hòa
15	Nguyễn Văn Thanh (Ba Thanh)	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Mỹ Phước
16	Lê Văn Riêng (Tư Riêng) (Lê Văn Mong)	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã An Điền
17	Huỳnh Văn Tấn (Bảy Tấn)	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Tương Bình Hiệp

18	Hà Minh Tiến (Sáu Tiến)	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Tân Định
19	Nguyễn Văn Tần (Sáu Tần)	Huyện ủy viên Phó trưởng Ban Tổ chức
20	Nguyễn Thị Thu (Tư Thu)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Binh vận (1965)
21	Huỳnh Văn Khương (Ba Khương)	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Lai Hưng Bí thư Chi bộ xã Đông Lai Hưng (1965)
22	Lê Văn Minh (Minh râu)	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy (<i>thay đồng chí Út Thung hy sinh năm 1964</i>)
23	Nguyễn Văn Mới (Út Mới)	Huyện ủy viên Phó ban An ninh
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN BẮC BẾN CÁT (1962 - 1965)		
1	Lê Văn Hòa (Năm Hòa)	Bí thư (1962 - 1963) Bí thư Huyện ủy (1963 - 1965)
2	Lê Văn Na (Na Đèo)	Phó Bí thư (1962 - 1963) Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy - Bí thư Chi bộ xã Thanh An (đầu năm 1963) Chủ tịch Hội đồng cung cấp (1963 - 1965)
3	Huỳnh Bá Phước	Phó Bí thư Huyện ủy Trưởng Ban An ninh
4	Trần Thị Hữu (Sáu Hữu)	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Trưởng Ban Tổ chức
5	Cao Văn Thiện (Tám Đào)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Dân vận
6	Lê Văn Lý (Tư Lý)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phụ trách khối vận
7	Phạm Thị Lý (Tám Trầu)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên huấn

8	Võ Văn Hải (Tư Hải)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy - Huyện Đội trưởng (1962 - 1963) Chính trị viên - Huyện Đội phó (1963 - 1965)
9	Huỳnh Văn Hảo (Năm Hảo)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Huyện Đội trưởng (1963 - 1965)
10	Trương Văn Quyết (Ba Quyết)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Kinh tài
11	Chín Cò	Huyện ủy viên Trưởng Ban Tuyên huấn
12	Đoàn Văn Quý (Tư Quý)	Huyện ủy viên Huyện đội phó
Từ tháng 4/1965 đến giữa năm 1967 <i>(Giai đoạn sáp nhập huyện Nam Bến Cát và huyện Bắc Bến Cát thành huyện Bến Cát)</i>		
1	Phan Văn Tiến (Ba Tiến)	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy
2	Nguyễn Văn Hoàng (Hai Hoàng)	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Nguyễn Văn Nhân (Ba Nhân)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên huấn
4	Nguyễn Thị Hồng (Mười Hồng)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Dân vận
5	Cao Văn Bỏ (Năm Bỏ)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Huyện đội trưởng
6	Nguyễn Hữu Ý (Út Ý)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chính trị viên Huyện đội phó
7	Trần Văn Dò (Tư Dò)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban An ninh
8	Trương Văn Ca (Tư Ca)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Kinh tài
9	Huỳnh Văn Hảo (Năm Hảo)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chính trị viên Huyện đội phó

10	Nguyễn Văn Tấn (Sáu Tấn)	Huyện ủy viên Phó ban Tổ chức Huyện ủy
11	Lê Văn Minh (Minh Râu)	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy
12	Nguyễn Thị Thu (Tư Thu)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Binh vận
13	Lý Chí Lý (Năm Lý)	Huyện ủy viên Huyện đội phó
14	Trương Văn Quyết (Ba Quyết)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Nông hội
15	Lê Văn Na (Na Đèo)	Huyện ủy viên Chủ tịch Hội đồng cung cấp
16	Hà Minh Tiến (Sáu Tiến)	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Tân Định
17	Sáu Dệt	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Chánh Phú Hòa
18	Nguyễn Văn Thanh	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Mỹ Phước
19	Huỳnh Văn Tấn (Bảy Tấn)	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Tương Bình Hiệp
20	Huỳnh Văn Khương (Ba Khương)	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Lai Hưng
21	Tô Văn Minh (Tư Minh)	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ thị trấn
Từ giữa năm 1967 đến cuối năm 1969		
1	Phan Văn Tiến (Ba Tiến)	Phân khu ủy viên Phân khu I - Bí thư Huyện ủy <i>(tháng 3/1969, đồng chí được Phân khu rút về; đồng chí Nguyễn Hữu Ý thay làm Bí thư. Đồng chí Tiến hy sinh tháng 8/1969)</i>
2	Võ Văn Hải (Tư Hải)	Thường trực Huyện ủy

3	Nguyễn Hữu Ý (Út Ý)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chính trị viên phó Huyện đội
4	Trương Văn Quyết (Ba Quyết)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Dân vận
5	Nguyễn Văn Nhân (Ba Nhân)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên huấn
6	Cao Văn Bồ (Năm Bồ)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Huyện Đội trưởng
7	Trần Văn Dò (Tư Dò)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban An ninh (<i>Cấp trên rút</i>)
8	Nguyễn Thị Hồng (Mười Hồng)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Hội trưởng Hội Phụ nữ (<i>Cấp trên rút</i>)
9	Lý Chí Lý (Năm Lý)	Huyện ủy viên Huyện Đội phó
10	Huỳnh Văn Hảo (Năm Hảo)	Huyện ủy viên Huyện Đội phó (<i>Cấp trên rút</i>)
11	Đoàn Văn Quý (Tư Quý)	Huyện ủy viên Huyện Đội phó
12	Phan Minh Hoàng (Tám Hoàng)	Huyện ủy viên Huyện Đội phó
13	Nguyễn Văn Tấn (Sáu Tấn)	Huyện ủy viên Phó ban An ninh
14	Hồ Thị Phương (Út Phương)	Huyện ủy viên Hội trưởng Hội Phụ nữ
15	Nguyễn Văn Mẫn (Bảy Mẫn)	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn
16	Trần Nam Văn (Năm Văn)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Kinh tài
17	Lê Văn Na (Ba Na Đèo)	Huyện ủy viên Chủ tịch Hội đồng cung cấp (<i>Cấp trên rút</i>)

18	Chín Cò	Huyện ủy viên Phó ban Tuyên giáo
19	Nguyễn Thị Tiệp (Hai Tiệp)	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Thanh An
20	Nguyễn Văn Đen (Ba Đen)	Huyện ủy viên Phụ trách Đội chốt Lai Khê
21	Huỳnh Văn Thu (Bảy Thu)	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy Đội chốt Lai Khê - phụ trách phía đông quốc lộ 13
22	Huỳnh Văn Khương (Ba Khương)	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Lai Hưng
23	Nguyễn Văn Tấn (Sáu Tấn)	Huyện ủy viên Phó ban Tổ chức Huyện ủy (Cấp trên rút)
Từ cuối năm 1969 đến đầu năm 1972		
1	Nguyễn Hữu Ý (Út Ý)	Phân khu ủy viên Phân khu I - Bí thư Huyện ủy (Đầu năm 1970 thay đồng chí Ba Tiến)
2	Võ Văn Hải (Tư Hải)	Phó Bí thư Phụ trách cánh phía đông quốc lộ 13
3	Lý Chí Lý (Năm Lý)	Phó Bí thư Kiêm Huyện đội trưởng (Cấp trên rút cuối năm 1971)
4	Trương Văn Quyết (Ba Quyết)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Dân vận
5	Nguyễn Văn Tấn (Sáu Tấn)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban An ninh
6	Huỳnh Văn Thu (Bảy Thu)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Bí thư Đội chốt Lai Khê
7	Nguyễn Văn Đen (Ba Đen)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phụ trách cánh Tây Lai Hưng - Lai Khê
8	Nguyễn Văn Mẫn (Bảy Mẫn)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Bí thư Huyện đoàn

9	Phan Minh Hoàng (Tám Hoàng)	Huyện ủy viên Huyện Đội phó Huyện Đội trưởng (đầu năm 1972)
10	Hồ Thị Phương (Út Phương)	Huyện ủy viên Hội trưởng Hội Phụ nữ (<i>Phân khu rút về cuối năm 1969</i>)
11	Nguyễn Thị Tiệp (Hai Tiệp)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Bình vận
12	Trần Nam Văn (Năm Văn)	Huyện ủy viên Phụ trách cánh phía đông Mỹ Phước
13	Đặng Thành Phương (Út Phương)	Huyện ủy viên - Huyện đội phó Thường vụ Huyện ủy - Chính trị viên Huyện Đội phó (1972)
14	Nguyễn Văn Không (Tư Không)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Kinh tài
15	Nguyễn Thị Tuyết (Sáu Tuyết)	Huyện ủy viên Chỉ đạo phía đông quốc lộ 13
16	Võ Văn Cội (Tám Cội)	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy
17	Sáu Chín	Huyện ủy viên Phó ban An ninh
18	Nguyễn Văn Lục (Hai Lục)	Huyện ủy viên Phó ban An ninh (<i>Bổ sung khi đồng chí Sáu Chín bị bắt</i>)
19	Hồ Minh Phương (Út Phương)	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Thanh An
20	Lê Văn Nghi (Sáu Nghi)	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Phú An
21	Lê Văn Hiền (Sáu Hiền)	Huyện ủy viên Phụ trách thị trấn Bến Cát
22	Nguyễn Văn Thanh (Tám Thanh)	Huyện ủy viên Huyện Đội phó
23	Nguyễn Văn Quang	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ thị trấn Mỹ Phước

Từ đầu năm 1972 đến tháng 3/1973 <i>(Giai đoạn sáp nhập huyện Bến Cát và huyện Dầu Tiếng thành một huyện)</i>		
1	Nguyễn Hữu Ý (Út Ý)	Phân khu ủy viên Phân khu I - Bí thư Huyện ủy - Chính trị viên Huyện đội Kiêm Trưởng Ban Tổ chức
2	Trương Văn Cao (Tư Cao)	Phó Bí thư Thường trực
3	Phan Minh Hoàng (Tám Hoàng)	Phó Bí thư, Huyện đội trưởng
4	Phan Văn Đức	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chính trị viên - Huyện đội phó
5	Huỳnh Văn Thu (Bảy Thu)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phụ trách thị trấn Mỹ Phước
6	Nguyễn Văn Tấn (Sáu Tấn)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban An ninh
7	Trương Văn Quyết (Ba Quyết)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Nông hội
8	Nguyễn Văn Không (Tư Không)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Kinh tài
9	Võ Văn Cội (Tám Cội)	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy
10	Trần Nam Văn (Năm Văn)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Tuyên huấn
11	Huỳnh Thị Kim Oanh (Út Oanh)	Huyện ủy viên Hội trưởng Hội Phụ nữ
12	Nguyễn Lữ (Hai Lữ)	Huyện ủy viên Bí thư xã Thanh An
13	Nguyễn Văn Thượng (Ba Thượng)	Huyện ủy viên Phó ban Tổ chức
14	Nguyễn Văn Đạo (Hai Đạo)	Huyện ủy viên Phó ban Kinh tài

15	Lê Văn Nghi (Sáu Nghi)	Huyện ủy viên Phó ban An ninh
16	Nguyễn Thị Năm (Tám Năm)	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn
17	Trương Văn Tấn (Chín Tấn)	Huyện ủy viên Phó ban An ninh
18	Đặng Thành Phương (Út Phương)	Huyện ủy viên Chính trị viên - Huyện Đội phó
19	Út Lung	Huyện ủy viên Phó Bí thư Huyện đoàn
20	Huỳnh Phúc Kháng (Sáu Kháng)	Huyện ủy viên Bí thư xã Phú An
Từ tháng 3/1973 đến tháng 8/1973 <i>(Giai đoạn tách Bến Cát và Dầu Tiếng thành hai huyện)</i>		
1	Nguyễn Hữu Ý (Út Ý)	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy
2	Phan Minh Hoàng (Tám Hoàng)	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Đặng Thành Phương (Út Phương)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Huyện Đội trưởng
4	Nguyễn Văn Tấn (Sáu Tấn)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban An ninh
5	Phạm Văn Hòa (Ba Hòa)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên huấn
6	Huỳnh Văn Thu (Bảy Thu)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Dân vận
7	Trương Văn Quyết (Ba Quyết)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Nông hội
8	Nguyễn Văn Không	Huyện ủy viên Trưởng Ban Kinh tài
9	Trần Nam Văn (Năm Văn)	Huyện ủy viên Bí thư thị trấn và phụ trách phía đông quốc lộ 13

10	Nguyễn Thị Năm (Tám Năm)	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn (<i>Hy sinh đầu năm 1973</i>)
11	Hồ Minh Phương (Út Phương)	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn
12	Nguyễn Thị Tiệp (Hai Tiệp)	Huyện ủy viên Bí thư xã Thanh An
13	Lê Văn Nghi (Sáu Nghi)	Huyện ủy viên Phó ban An ninh
14	Lê Văn Hiền (Sáu Hiền)	Huyện ủy viên Phụ trách thị trấn Mỹ Phước
15	Lê Hoàng Nghĩa (Tư Nghĩa)	Huyện ủy viên Phụ trách Bình vận - Tổ chức
16	Nguyễn Thị Tuyết (Sáu Tuyết)	Huyện ủy viên Hội trưởng Hội Phụ nữ
17	Lê Hùng Đưng (Mười Đưng)	Huyện ủy viên Phó ban Tuyên huấn
Từ tháng 8/1973 đến năm 1975		
BAN CHẤP HÀNH HUYỆN ỦY NAM BẾN CÁT		
1	Nguyễn Hữu Ý (Út Ý)	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy (tháng 9 - 12/1973)
2	Phan Minh Hoàng (Tám Hoàng)	Phó Bí thư Huyện ủy - kiêm Huyện đội trưởng Bí thư Huyện ủy (tháng 01 - 4/1974)
3	Phan Văn Quận (Năm Thành)	Phó Bí thư Huyện ủy, Quyền Bí thư Huyện ủy (tháng 4 - cuối năm 1974)
4	Đặng Thành Phương (Út Phương)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy - Chính trị viên - Huyện đội phó Huyện đội trưởng - Chính trị viên phó (1974) Bí thư Huyện ủy - Chính trị viên Huyện đội (tháng 12/1974 - 5/1975)

5	Huỳnh Văn Thu (Bảy Thu)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Huyện đội trưởng (từ cuối năm 1974)
6	Nguyễn Văn Không (Tư Không)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Kinh tài
7	Nguyễn Văn Tấn (Sáu Tấn)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban An ninh (hy sinh tháng 12/1973)
8	Lê Văn Nghi (Sáu Nghi)	Huyện ủy viên Phó ban An ninh - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban An ninh (bổ sung đầu năm 1974)
9	Lê Thanh Thuận (Út Thuận)	Huyện ủy viên Hội trưởng Hội Phụ nữ
10	Đoàn Văn Tung (Tư Tung)	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy
11	Lê Hoàng Nghĩa (Tư Nghĩa)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Tổ chức
12	Nguyễn Văn Rô (Ba Rô, Ba Tâm)	Huyện ủy viên Bí thư xã An Tây
13	Nguyễn Chí Thông (Ba Thông)	Huyện ủy viên Bí thư xã Thới Hòa
14	Nguyễn Chí Cường (Út Cường)	Huyện ủy viên Bí thư xã Hòa Lợi
15	Huỳnh Công Kháng (Sáu Kháng)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Dân vận
BAN CHẤP HÀNH HUYỆN ỦY BẮC BẾN CÁT		
1	Nguyễn Thanh Vân (Tám Vân) (Nguyễn Thanh Đồng)	Bí thư Huyện ủy (8/1973 - 3/1974)
2	Trần Bình (Hai Bình)	Bí thư Huyện ủy (3/1974 - 01/1975)
3	Huỳnh Văn Thu (Bảy Thu)	Phó Bí thư Huyện ủy (cuối năm 1974 về Nam Bến Cát)

4	Trương Văn Quyết (Ba Quyết)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy - Trưởng Ban Dân vận (1974) Phó Bí thư Huyện ủy (cuối năm 1974) Bí thư Huyện ủy (02/1975 - 1976)
5	Nguyễn Lữ (Hai Lữ)	Huyện ủy viên - Phụ trách tổ chức Huyện ủy Phó Bí thư Huyện ủy (đầu năm 1975)
6	Lê Văn Nghi	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Huyện đội trưởng
7	Tư Trung	Huyện ủy viên Phụ trách An ninh
8	Trần Nam Văn (Năm Văn)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Kinh tài
9	Hồ Minh Phương (Út Phương)	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy
10	Nguyễn Văn Cường (Tám Cường)	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Thanh Tuyền
11	Nguyễn Thị Hòa ¹ (Năm Hòa)	Huyện ủy viên Hội trưởng Hội Phụ nữ
12	Phan Tấn Lập	Huyện ủy viên, Huyện Đội phó (đến năm 1974 làm Huyện Đội trưởng)
13	Nguyễn Văn Cho (Tư Cho)	Huyện ủy viên Chính trị viên phó Huyện đội
14	Trần Văn Ẩn (Ba Ẩn)	Huyện ủy viên Quyên Huyện Đội trưởng (1975)
15	Dương Văn Ngành (Năm Ngành)	Huyện ủy viên Huyện Đội phó
16	Nguyễn Thị Vân (Ba Vân)	Huyện ủy viên Huyện Đội phó
17	Lê Hùng Đưng (Mười Đưng)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Tuyên huấn

1. Sau đồng chí Năm Chanh thay làm Hội trưởng Hội Phụ nữ.

Đến tháng 01/1975, Ban Chấp hành hai huyện có một số thay đổi và bổ sung: đồng chí Huỳnh Văn Hảo được Tỉnh ủy điều về Bắc Bến Cát giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy kiêm Huyện đội trưởng (thay đồng chí Bảy Thu về Nam Bến Cát làm Huyện đội trưởng; đồng chí Phan Tấn Lập về Tân Uyên); các đồng chí được bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện có: Tư Trung - phụ trách an ninh (thay đồng chí Sáu Nghi hy sinh); Nguyễn Thị Tiên - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng xã Thanh An; Sáu Hiền - Chính trị viên Ban Dân y; Trần Nam Văn - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, phụ trách kinh tế, tài chính; Trần Văn Ân (Ba Ân) - Quyền Huyện đội trưởng (thay đồng chí Năm Hảo điều động về tỉnh).

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN BẾN CÁT TRƯỚC KHI BẦU
NHIỆM KỲ 1977 - 1979**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Ý (Nguyễn Văn Lo)	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy
2	Trương Văn Cao (Trương Văn Tươi)	Phó Bí thư Chủ tịch Ủy ban nhân dân
3	Nguyễn Văn Xôn (Nguyễn Văn Không)	Phó Bí thư Trưởng Ban Tổ chức
4	Võ Văn Thăng (Võ Văn Tiêu)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên huấn
5	Nguyễn Thị Đào (Nguyễn Thị Lan)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Kiểm tra
6	Nguyễn Văn Ảnh (Nguyễn Lữ)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Phòng Nông nghiệp
7	Huỳnh Văn Hảo	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Huyện Đội trưởng
8	Nguyễn Văn Thượng	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Công an huyện Dầu Tiếng mới nhập về Bến Cát
9	Trương Văn Ro (Trương Văn Quyết)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Dân vận - Mặt trận
10	Nguyễn Văn Hùng	Huyện ủy viên Chính trị viên Phó Huyện đội
11	Nguyễn Huy Hoàng	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Thương nghiệp
12	Nguyễn Văn Nghi	Huyện ủy viên Trưởng Công an

13	Lê Thanh Thuận	Huyện ủy viên Hội trưởng Hội Phụ nữ
14	Đào Văn Sở	Huyện ủy viên Thư ký Công đoàn huyện
15	Trương Văn Dạ (Trương Văn Trung)	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn
16	Trần Văn Truyền	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Tài chính
17	Trần Văn Dội (Trần Quốc Cường)	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Lương thực
18	Nguyễn Văn Lược ¹	Huyện ủy viên Trưởng Ban Kinh tế mới
19	Lê Hùng Đưng (Lê Thái Sơn)	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Văn hóa - Thông tin
20	Đặng Thị Tiệp	Huyện ủy viên Bí thư xã Thạnh An
21	Ngô Văn Rô (Ngô Văn Tâm)	Huyện ủy viên Phó ban Tài chính
22	Châu Ngọc Bửu (Châu Văn Bưởi)	Huyện ủy viên Bí thư xã Thới Hòa Phó ban Tổ chức
23	Nguyễn Chí Cường	Huyện ủy viên dự khuyết Bí thư xã Hòa Lợi
24	Bạch Văn Miếng (Bạch Văn Sơn)	Huyện ủy viên dự khuyết Phó Phòng Kế hoạch
25	Hồ Văn Co	Huyện ủy viên dự khuyết Bí thư xã Mỹ Phước
26	Dương Văn Tín (Dương Văn Dấu)	Huyện ủy viên dự khuyết Bí thư xã Lai Hưng
27	Nguyễn Trọng Hiền (Lê Văn Lê)	Huyện ủy viên dự khuyết Bí thư thị trấn Mỹ Phước

1. Theo hồ sơ lưu trữ tên Đoàn Văn Lược (Đoàn Minh Chánh).

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN
NHIỆM KỲ 1977 - 1979**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Ý (Nguyễn Văn Lo)	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy
2	Nguyễn Văn Xôn (Nguyễn Văn Không)	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
3	Nguyễn Đình Duyên (Ba Duyên)	Tỉnh ủy viên dự khuyết Phó Bí thư phụ trách cải tạo nông nghiệp
4	Trương Văn Cao (Trương Văn Tươi)	Phó Bí thư Huyện ủy Chủ tịch Ủy ban nhân dân
5	Nguyễn Thị Đào (Nguyễn Thị Lan)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tổ chức
6	Võ Văn Thăng (Võ Văn Tiêu)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên huấn
7	Nguyễn Văn Ảnh (Nguyễn Lữ)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
8	Phan Văn Đục (Phan Văn Đức)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Bí thư Đảng ủy cao su Dầu Tiếng
9	Nguyễn Văn Thượng	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Công an huyện
10	Võ Văn Mai	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Phòng Nông nghiệp
11	Huỳnh Văn Hảo (Năm Hảo)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Huyện Đội trưởng
12	Trương Văn Ro (Trương Văn Quyết)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ tịch khối Dân vận

13	Đào Văn Sở (Ba Sở)	Huyện ủy viên Thư ký Công đoàn huyện
14	Lê Hùng Đưng (Lê Thái Sơn)	Huyện ủy viên Phó ban Tuyên huấn
15	Nguyễn Huy Hoàng (Út Hoàng)	Huyện ủy viên Phụ trách Thông tin văn hóa - gia đình
16	Trương Văn Dạ (Trương Văn Trung)	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn
17	Ngô Văn Rô (Ngô Văn Tâm)	Huyện ủy viên Thư ký Nông hội
18	Nguyễn Văn Hùng (Ba Hùng)	Huyện ủy viên Chính trị viên Huyện đội
19	Trần Văn Truyền (Út Truyền)	Huyện ủy viên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
20	Lê Thanh Thuận	Huyện ủy viên Hội trưởng Hội Phụ nữ
21	Võ Văn Cần (Võ Văn Cội)	Huyện ủy viên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
22	Nguyễn Trọng Hiền (Lê Văn Lê)	Huyện ủy viên Trưởng phòng Tài chính
23	Bạch Văn Miếng (Bạch Văn Sơn)	Huyện ủy viên Trưởng phòng Kế hoạch
24	Trần Xuân Ngộ (Sáu Ngộ)	Huyện ủy viên Phó phòng Công an
25	Đặng Văn Ru (Út Ru)	Huyện ủy viên Trưởng phòng Thương nghiệp
26	Hồ Văn Co	Huyện ủy viên Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
27	Dương Văn Tín (Dương Văn Dấu)	Huyện ủy viên Trưởng Văn phòng Huyện ủy
28	Đặng Thị Sâu (Năm Sâu)	Huyện ủy viên dự khuyết Trưởng Ban Thanh tra

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN NHIỆM KỲ 1979 - 1982

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trương Văn Cao (Trương Văn Tươi)	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy
2	Nguyễn Văn Ảnh (Nguyễn Lữ)	Phó Bí thư Huyện ủy Chủ tịch Ủy ban nhân dân
3	Huỳnh Văn Thu	Quyền Bí thư Huyện ủy (từ giữa năm 1980) Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
4	Phan Văn Đục (Phan Văn Đức)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tổ chức
5	Đoàn Văn Quý	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Huyện đội trưởng
6	Nguyễn Văn Quang (Lê Hoàng Nghĩa)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên huấn
7	Nguyễn Quyết	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách nông nghiệp
8	Nguyễn Văn Kim	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
9	Nguyễn Văn Thượng	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Công an huyện
10	Nguyễn Văn Xôn (Nguyễn Văn Không)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ tịch khối Dân vận
11	Trần Văn Truyền	Huyện ủy viên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

12	Nguyễn Văn Hùng (Ba Hùng)	Huyện ủy viên Chính trị viên Phó Huyện Đội
13	Nguyễn Trọng Hiền (Lê Văn Lê)	Huyện ủy viên Bí thư xã An Điền
14	Châu Ngọc Bửu (Châu Ngọc Bưởi)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Kinh tế mới
15	Phạm Thanh Hải (Ba Hải)	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Giáo dục
16	Trần Hoài Ngân	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Thanh Tuyền
17	Nguyễn Văn Ai (Nguyễn Hữu Phước)	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy
18	Nguyễn Văn Nhiều	Huyện ủy viên Bí thư Công ty cao su Dầu Tiếng
19	Đặng Thị Sâu	Huyện ủy viên Bí thư xã Định Thành
20	Đào Văn Sở	Huyện ủy viên Bí thư xã Thanh An
21	Nguyễn Văn Thiện	Huyện ủy viên Bí thư xã Long Hòa
22	Nguyễn Văn Thắng	Huyện ủy viên Bí thư xã Long Nguyên
23	Bạch Thị Thu	Huyện ủy viên Hội trưởng Hội Phụ nữ
24	Hồ Văn Trực (Trần Trung Trực)	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Hợp tác hóa
25	Dương Văn Tín ¹ (Dương Văn Dấu)	Huyện ủy viên Trưởng Ban Kiểm tra
26	Trần Ngọc Thành	Huyện ủy viên Phó Công an huyện

1. Chuyển sang Ban Thanh tra.

27	Tô Văn Bé	Huyện ủy viên dự khuyết Bí thư xã Mỹ Phước
28	Nguyễn Văn Quý	Huyện ủy viên dự khuyết Phó Phòng Thương nghiệp
29	Trần Tấn Thành	Huyện ủy viên dự khuyết Bí thư Huyện đoàn
30	Hồ Văn Co	Huyện ủy viên Bí thư xã Chánh Phú Hòa
31	Nguyễn Huy Hoàng (Út Hoàng)	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Văn hóa - Thông tin
32	Nguyễn Văn Tâm ¹	Huyện ủy viên Trưởng Ban Kiểm tra Đảng

1. Bầu bổ sung.

Theo hồ sơ lưu trữ tên Đặng Văn Tâm.

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN NHIỆM KỲ 1983 - 1986

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Bình	Bí thư Huyện ủy
2	Huỳnh Văn Thu	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
3	Phan Văn Đức	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tổ chức
4	Lê Hoàng Nghĩa	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên huấn
5	Trần Hoài Ngân	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phụ trách khối vận
6	Phạm Văn Hòa	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ tịch Ủy ban nhân dân
7	Nguyễn Văn Xôn (Nguyễn Văn Không)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
8	Châu Ngọc Bửu (Châu Văn Bưởi)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Nông nghiệp
9	Trần Ngọc Thành	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Công an
10	Nguyễn Văn Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Huyện đội trưởng
11	Nguyễn Văn Kim	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
12	Nguyễn Văn Tâm ¹	Huyện ủy viên Trưởng Ban Kiểm tra

1. Theo hồ sơ lưu trữ tên Đặng Văn Tâm.

13	Nguyễn Hữu Phước	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy
14	Trần Tấn Thành	Huyện ủy viên Phó ban Cải tạo nông nghiệp
15	Tô Văn Bé	Huyện ủy viên Phó ban Cải tạo công thương nghiệp
16	Hồ Văn Co	Huyện ủy viên Bí thư xã Chánh Phú Hòa
17	Bạch Thị Thu	Huyện ủy viên Hội trưởng Hội Phụ nữ
18	Lê Thanh Thuận	Huyện ủy viên Thư ký Công đoàn
19	Huỳnh Công Toại	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn
20	Tô Văn Quang	Huyện ủy viên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thanh Tuyền
21	Trần Quốc Tiến	Huyện ủy viên Trưởng Ban Tài chính
22	Nguyễn Huy Hoàng	Huyện ủy viên Trưởng Ban Văn hóa - Thông tin
23	Trần Trung Trực	Huyện ủy viên Phó ban Nông nghiệp
24	Nguyễn Thị Tuyết	Huyện ủy viên Phó ban Giáo dục
25	Trương Văn Đây	Huyện ủy viên Trưởng Ban Y tế
26	Dương Văn Dấu	Huyện ủy viên Trưởng Ban Thanh tra
27	Bạch Văn Sơn	Huyện ủy viên Trưởng Ban Vật tư đời sống
28	Lê Thanh Cung	Huyện ủy viên Phó ban Kế hoạch

29	Đặng Thị Sâu	Huyện ủy viên Bí thư xã Định Thành
30	Nguyễn Trọng Hiền	Huyện ủy viên Bí thư xã An Điền
31	Trần Trung An	Huyện ủy viên Chủ nhiệm Công ty Thương nghiệp
32	Huỳnh Văn Kỳ	Huyện ủy viên Bí thư xã Hòa Lợi
33	Nguyễn Văn Trung	Huyện ủy viên Bí thư thị trấn Mỹ Phước
34	Nguyễn Công Thanh	Huyện ủy viên dự khuyết Bí thư xã Thới Hòa
35	Nguyễn Văn Nù	Huyện ủy viên dự khuyết Phó ban Công an
36	Nguyễn Tấn Giúp	Huyện ủy viên dự khuyết Chính trị viên phó Huyện đội

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN
NHIỆM KỲ 1986 - 1989**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Huỳnh Văn Thu	Bí thư Huyện ủy
2	Nguyễn Văn Ảnh (Nguyễn Lữ)	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
3	Nguyễn Văn Xôn (Nguyễn Văn Không)	Phó Bí thư Huyện ủy Chủ tịch Ủy ban nhân dân
4	Phan Văn Đức	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tổ chức
5	Lê Hoàng Nghĩa	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên huấn
6	Nguyễn Văn Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Kiểm tra
7	Nguyễn Văn Kim	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân
8	Tô Văn Bé	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách nông nghiệp
9	Nguyễn Văn Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Huyện Đội trưởng
10	Lê Thanh Thuận	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ tịch khối vận
11	Nguyễn Thị Ánh	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Thư ký Công đoàn
12	Võ Thành Đức	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Công an huyện

13	Nguyễn Hữu Phước	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Bí thư xã Mỹ Phước
14	Nguyễn Văn Trung	Huyện ủy viên Trưởng Ban Tổ chức chính quyền
15	Nguyễn Trọng Hiền (Lê Văn Lê)	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy
16	Huỳnh Văn Kỳ	Huyện ủy viên Chủ tịch Hội Nông dân
17	Nguyễn Thị Thu Ba	Huyện ủy viên Hội trưởng Hội Phụ nữ
18	Hoàng Đình Cường	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn
19	Lê Hồng Nga	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Y tế
20	Nguyễn Văn Mom	Huyện ủy viên Ủy viên Thư ký Ủy ban nhân dân huyện
21	Nguyễn Thị Khắc Xuân	Huyện ủy viên Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin
22	Nguyễn Văn Thắng	Huyện ủy viên Trưởng phòng Tài chính
23	Lê Thanh Cung ¹	Huyện ủy viên Trưởng Ban Kế hoạch
24	Trần Tấn Thành	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Nông nghiệp
25	Nguyễn Thị Tuyết	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Giáo dục
26	Huỳnh Công Toại	Huyện ủy viên Giám đốc Công ty Lương thực
27	Nguyễn Văn Hùng (Thắng)	Huyện ủy viên Giám đốc Công ty Thương mại tổng hợp

1. Sau được bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách nông lâm.

28	Lê Văn Khoa	Huyện ủy viên, Bí thư Đảng ủy - Phó Giám đốc Công ty Cao su Dầu Tiếng
29	Nguyễn Huy Hoàng	Huyện ủy viên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách công nghiệp
30	Đỗ Văn Thanh	Huyện ủy viên Giám đốc Công ty vật tư
31	Nguyễn Xuân Trường	Huyện ủy viên Giám đốc Ngân hàng
32	Nguyễn Văn Dũng	Huyện ủy viên Phó Công an
33	Nguyễn Tấn Giúp	Huyện ủy viên Huyện đội phó
34	Vương Thị Ngọc	Huyện ủy viên Chủ nhiệm Thanh tra
35	Đặng Thị Sáu	Huyện ủy viên Bí thư xã Định Thành
36	Đặng Văn Ru	Huyện ủy viên Bí thư xã An Tây
37	Nguyễn Công Thanh ¹	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Công nghiệp
38	Nguyễn Thị Huyền	Huyện ủy viên Phó ban Tổ chức
39	Nguyễn Chí Thông	Huyện ủy viên Bí thư xã Lai Hưng
40	Nguyễn Văn Xếp	Huyện ủy viên dự khuyết Bí thư Chi bộ xã Lai Uyên
41	Trần Thị Nga	Huyện ủy viên dự khuyết Phó ban Kiểm tra
42	Ngô Thị Ngọc Thanh	Huyện ủy viên dự khuyết Viện phó Viện Kiểm sát

1. Sau là Chánh Văn phòng Huyện ủy.

43	Nguyễn Thành Thâm	Huyện ủy viên dự khuyết Bí thư xã An Lập
44	Phạm Hồng Sơn	Huyện ủy viên dự khuyết Bí thư xã Chánh Phú Hòa
45	Nguyễn Văn Khải	Huyện ủy viên dự khuyết Chủ tịch xã Phú An
46	Trần Chí Thanh	Huyện ủy viên dự khuyết Phó ban Tuyên huấn
47	Phạm Văn Thảo	Huyện ủy viên dự khuyết Giám đốc Xí nghiệp Đường
48	Võ Văn Sáng	Huyện ủy viên dự khuyết Chủ tịch xã Thới Hòa
49	Phạm Văn Trọn	Huyện ủy viên dự khuyết Giám đốc Lâm trường Long Nguyên

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN
NHIỆM KỲ 1989 - 1991**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Huỳnh Văn Thu	Bí thư Huyện ủy
2	Lê Hoàng Nghĩa	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
3	Nguyễn Văn Không	Phó Bí thư Huyện ủy Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
4	Phan Văn Đức	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tổ chức
5	Nguyễn Văn Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
6	Nguyễn Văn Mom	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên huấn
7	Nguyễn Huy Hoàng	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách công nghiệp - thương mại
8	Nguyễn Văn Hùng (Thắng)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Giám đốc Công ty Thương mại tổng hợp (Becamex)
9	Nguyễn Công Thanh	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chánh Văn phòng Huyện ủy
10	Nguyễn Hữu Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Huyện đội trưởng
11	Tô Văn Bé	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách nông lâm
12	Võ Thành Đức	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Công an

13	Nguyễn Văn Thắng	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Tài chính - Thương mại
14	Võ Văn Sứ	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy Công ty - Phó Giám đốc Công ty cao su Dầu Tiếng
15	Đặng Văn Ru	Huyện ủy viên Bí thư xã An Tây
16	Trần Tấn Thành	Huyện ủy viên Giám đốc Công ty Dịch vụ nông nghiệp
17	Nguyễn Thị Tuyết	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Giáo dục
18	Nguyễn Xuân Trường	Huyện ủy viên Giám đốc Ngân hàng
19	Lê Hồng Nga	Huyện ủy viên Trưởng phòng Y tế
20	Đoàn Văn Thanh	Huyện ủy viên Trưởng Ban Kế hoạch
21	Trần Chí Thanh	Huyện ủy viên Bí thư xã Long Nguyên
22	Huỳnh Văn Kỳ	Huyện ủy viên Chủ tịch Hội Nông dân
23	Vương Thị Ngọc	Huyện ủy viên Chủ nhiệm Ban Thanh tra
24	Võ Văn Sáng	Huyện ủy viên Bí thư xã Thới Hòa
25	Đỗ Văn Thanh	Huyện ủy viên Giám đốc Công ty Vật tư
26	Phạm Văn Thảo	Huyện ủy viên Trưởng phòng Công nghiệp
27	Nguyễn Thành Thâm	Huyện ủy viên Bí thư xã An Lập
28	Hoàng Đình Cường	Huyện ủy viên Trưởng Ban Tổ chức Lao động

29	Võ Văn Gõ	Huyện ủy viên Giám đốc Công ty Xuất khẩu
30	Nguyễn Thị Huyền	Huyện ủy viên Phó trưởng Ban Tổ chức
31	Nguyễn Thị Thu Ba	Huyện ủy viên Hội trưởng Hội Phụ nữ
32	Đặng Văn Chí	Huyện ủy viên Phó Bí thư Chi bộ xã Định Thành
33	Nguyễn Thanh Liêm	Huyện ủy viên Bí thư xã Thanh Tuyền
34	Nguyễn Văn Dũng	Huyện ủy viên Phó Công an huyện
35	Lương Văn Đủ	Huyện ủy viên Bí thư thị trấn Mỹ Phước
36	Nguyễn Thị Khắc Xuân	Huyện ủy viên Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin
37	Phạm Văn Trọn	Huyện ủy viên Giám đốc Lâm trường
38	Nguyễn Tấn Giúp	Huyện ủy viên Huyện đội phó
39	Võ Kim Liên	Huyện ủy viên dự khuyết Chủ tịch Công đoàn huyện
40	Nguyễn Chí Thông	Huyện ủy viên dự khuyết Phó ban Tuyên huấn
41	Ngô Thị Ngọc Thanh	Huyện ủy viên dự khuyết Viện trưởng Viện Kiểm sát
42	Nguyễn Hoàng Châu	Huyện ủy viên dự khuyết Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
43	Trương Quốc Việt	Huyện ủy viên dự khuyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Điền
44	Phạm Thúy Trinh	Huyện ủy viên dự khuyết Bí thư Huyện đoàn

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN NHIỆM KỲ 1991 - 1995

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Không	Bí thư Huyện ủy
2	Lê Hoàng Nghĩa	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Nguyễn Huy Hoàng	Phó Bí thư Huyện ủy Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
4	Nguyễn Văn Mom	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tổ chức - Tuyên huấn
5	Nguyễn Văn Tâm ¹	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
6	Tô Văn Bé	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ tịch khối vận
7	Võ Thành Đức	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Công an
8	Nguyễn Hữu Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Huyện Đội trưởng
9	Phan Văn Đức	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Bí thư Đảng ủy Công ty cao su Dầu Tiếng
10	Nguyễn Thanh Liêm ²	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Bí thư xã Thanh Tuyền
11	Nguyễn Công Thanh	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân

1. Theo hồ sơ lưu trữ tên Đặng Văn Tâm.

2. Sau chuyển về tỉnh.

12	Nguyễn Thị Tuyết	Huyện ủy viên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách Văn hóa - Xã hội
13	Lê Thành Nhơn	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy
14	Nguyễn Thị Huyền	Huyện ủy viên Phó trưởng Ban Tổ chức
15	Phan Văn Liêm	Huyện ủy viên Phó trưởng Ban Tổ chức - Tuyên huấn
16	Nguyễn Hoàng Châu	Huyện ủy viên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
17	Võ Kim Liên	Huyện ủy viên Chủ tịch Công đoàn
18	Phạm Thúy Trinh	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn
19	Nguyễn Thị Thu Ba	Huyện ủy viên Hội trưởng Hội Phụ nữ
20	Huỳnh Văn Kỳ	Huyện ủy viên Chủ tịch Hội Nông dân
21	Nguyễn Thị Khắc Xuân	Huyện ủy viên Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin
22	Lê Hồng Nga	Huyện ủy viên Trưởng phòng Y tế
23	Phạm Thị Tú Hạ	Huyện ủy viên Trưởng phòng Giáo dục
24	Nguyễn Văn Dũng	Huyện ủy viên Phó trưởng Công an
25	Nguyễn Tấn Giúp	Huyện ủy viên Huyện đội phó
26	Vương Thị Ngọc	Huyện ủy viên Chánh Thanh tra

27	Ngô Thị Ngọc Thanh	Huyện ủy viên Viện Trưởng Viện Kiểm sát
28	Nguyễn Văn Thắng	Huyện ủy viên Trưởng phòng Tài chính
29	Nguyễn Mạnh Hồng	Huyện ủy viên Trưởng phòng Công nghiệp
30	Đoàn Văn Thanh	Huyện ủy viên Trưởng phòng Nông nghiệp
31	Đặng Văn Chí	Huyện ủy viên Bí thư xã Định Thành
32	Trần Chí Thanh	Huyện ủy viên Bí thư xã Long Nguyên
33	Trần Văn Xuân	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Mỹ Phước
34	Nguyễn Văn Khải	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Phú An
35	Võ Văn Sáng	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Thới Hòa
36	Trần Văn Thẩn ¹	Huyện ủy viên Bí thư Chi bộ xã Lai Hưng
37	Phan Bảo Toàn	Huyện ủy viên Phó Bí thư Huyện đoàn
38	Lâm Thanh Việt	Huyện ủy viên Bí thư xã Thanh Tuyền
39	Văn Quang Dũng	Huyện ủy viên Bí thư xã Hòa Lợi
40	Phạm Văn Thảo	Huyện ủy viên Phó trưởng Ban Tổ chức - Tuyên huấn

1. Bổ sung thay các đồng chí đi học hoặc chuyển công tác.

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN
NHIỆM KỲ 1996 - 2000**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Hoàng Nghĩa	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy
2	Lê Thành Nhơn	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
3	Nguyễn Huy Hoàng	Phó Bí thư Huyện ủy Chủ tịch Ủy ban nhân dân
4	Nguyễn Thị Tuyết	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
5	Nguyễn Công Thanh	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ tịch Hội đồng nhân dân
6	Trần Văn Xuân	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tổ chức
7	Nguyễn Văn Mom	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên giáo
8	Nguyễn Hoàng Châu	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
9	Tô Văn Bé	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc
10	Nguyễn Thành Nhân	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Công an
11	Nguyễn Hữu Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chỉ huy Trưởng Ban Chỉ huy Quân sự
12	Phạm Thúy Trinh	Huyện ủy viên Phó ban Tổ chức
13	Trần Chí Thanh	Huyện ủy viên Phó trưởng Ban Tuyên giáo

14	Trần Công Tâm	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy
15	Nguyễn Văn Khải	Huyện ủy viên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
16	Đoàn Văn Thanh	Huyện ủy viên Chánh Thanh tra
17	Nguyễn Mạnh Hồng	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Công nghiệp
18	Võ Văn Sáng	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Địa chính
19	Nguyễn Văn Thắng	Huyện ủy viên Trưởng phòng Tài chính
20	Phạm Thị Tú Hạ	Huyện ủy viên Trưởng phòng Giáo dục
21	Lê Hồng Nga	Huyện ủy viên Giám đốc Trung tâm Y tế
22	Nguyễn Thị Khắc Xuân	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Văn hóa - Thông tin
23	Huỳnh Văn Kỳ	Huyện ủy viên Chủ tịch Hội Nông dân
24	Nguyễn Thị Thu Ba	Huyện ủy viên Chủ tịch Hội Phụ nữ
25	Phan Bảo Toàn	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn
26	Võ Kim Liên	Huyện ủy viên Chủ tịch Liên đoàn Lao động
27	Nguyễn Văn Dũng	Huyện ủy viên Phó phòng Công an
28	Nguyễn Ngọc Hạnh	Huyện ủy viên Huyện đội phó
29	Ngô Thị Ngọc Thanh	Huyện ủy viên Viện trưởng Viện Kiểm sát

30	Nguyễn Phát Lâm	Huyện ủy viên Bí thư thị trấn Mỹ Phước
31	Đặng Văn Chí	Huyện ủy viên Bí thư thị trấn Dầu Tiếng
32	Trần Văn Thần	Huyện ủy viên Bí thư xã Lai Hưng
33	Văn Quang Dũng	Huyện ủy viên Bí thư xã Hòa Lợi
34	Lâm Thanh Việt	Huyện ủy viên Bí thư xã Thanh Tuyền
35	Nguyễn Văn Giũ	Huyện ủy viên Bí thư xã Lai Uyên

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN LÂM THỜI
(9/1999 - 11/2000)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Hoàng Nghĩa	Bí thư Huyện ủy
2	Lê Thành Nhơn	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Chủ tịch Hội đồng nhân dân
3	Nguyễn Văn Khải	Phó Bí thư Huyện ủy Chủ tịch Ủy ban nhân dân
4	Nguyễn Hoàng Châu	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
5	Trần Văn Xuân	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tổ chức
6	Nguyễn Hữu Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chỉ huy trưởng Quân sự
7	Nguyễn Lê Khôi	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên giáo
8	Tô Văn Bé	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Dân vận, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện
9	Nguyễn Thành Nhân	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Công an huyện
10	Nguyễn Hữu Chí	Huyện ủy viên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
11	Trần Công Tâm	Huyện ủy viên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

12	Phạm Thúy Trinh	Huyện ủy viên Phó ban Tổ chức
13	Phạm Văn Thảo	Huyện ủy viên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện
14	Phạm Thị Tú Hạ	Huyện ủy viên Trưởng phòng Giáo dục - Đào tạo
15	Nguyễn Thị Khắc Xuân	Huyện ủy viên Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin
16	Ngô Thị Ngọc Thanh	Huyện ủy viên Viện trưởng Viện Kiểm sát
17	Lê Hồng Nga	Huyện ủy viên Giám đốc Trung tâm Y tế
18	Nguyễn Văn Thắng	Huyện ủy viên Trưởng phòng Tài chính - Thương nghiệp
19	Phan Văn Trung	Huyện ủy viên Trưởng phòng Nông nghiệp - phát triển nông thôn và Địa chính
20	Huỳnh Thư Lập	Huyện ủy viên Trưởng phòng Công nghiệp
21	Nguyễn Ngọc Hạnh	Huyện ủy viên Phó Chỉ huy trưởng Quân sự
22	Đoàn Văn Thanh	Huyện ủy viên Chánh Thanh tra
23	Nguyễn Văn Lắm	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn
24	Huỳnh Văn Kỳ	Huyện ủy viên Chủ tịch Hội Nông dân
25	Nguyễn Thị Hòa	Huyện ủy viên Chủ tịch Hội Phụ nữ
26	Văn Quang Dũng	Huyện ủy viên Chủ tịch Liên đoàn Lao động

27	Nguyễn Phát Lâm	Huyện ủy viên Bí thư thị trấn Mỹ Phước
28	Trần Văn Thảo	Huyện ủy viên Bí thư xã Lai Hưng
29	Nguyễn Văn Giữ	Huyện ủy viên Bí thư xã Lai Uyên

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN NHIỆM KỲ 2000 - 2005

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thành Nhơn	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy
2	Trần Văn Xuân	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
3	Nguyễn Văn Khải	Phó Bí thư Huyện ủy Chủ tịch Ủy ban nhân dân
4	Nguyễn Hoàng Châu ¹	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
5	Phạm Thúy Trinh	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tổ chức
6	Trần Công Uẩn	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên giáo, Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị
7	Nguyễn Hữu Chí	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách Kinh tế
8	Nguyễn Thành Nhân	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Công an huyện
9	Triệu Văn Nhõ	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chỉ huy Trưởng Ban Quân sự
10	Tô Văn Bé	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Bí thư thị trấn Mỹ Phước
11	Đoàn Văn Thanh	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Dân vận
12	Lê Anh Quý	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy

1. Được bầu bổ sung Phó Bí thư Thường trực năm 2003.

13	Lê Văn Dắt	Huyện ủy viên Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện
14	Đặng Văn Ru	Huyện ủy viên Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc huyện
15	Huỳnh Văn Kỳ	Huyện ủy viên Chủ tịch Hội Nông dân
16	Nguyễn Văn Lắm	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn
17	Văn Quang Dũng ¹	Huyện ủy viên Chánh Thanh tra nhà nước
18	Nguyễn Thị Hòa	Huyện ủy viên Chủ tịch Hội Phụ nữ huyện
19	Phạm Văn Thảo	Huyện ủy viên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện
20	Phạm Thị Tú Hạ ²	Huyện ủy viên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
21	Nguyễn Thị Khắc Xuân	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Văn hóa - Thông tin
22	Ngô Thị Ngọc Thanh	Huyện ủy viên Viện trưởng Viện Kiểm sát
23	Lê Hồng Nga ³	Huyện ủy viên Giám đốc Trung tâm Y tế
24	Nguyễn Văn Thắng	Huyện ủy viên Trưởng phòng Tài chính
25	Phan Văn Trung ⁴	Huyện ủy viên Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Được bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ, giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy năm 2003.

2. Được bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ năm 2003.

3. Chuyển công tác năm 2003.

4. Giữa nhiệm kỳ giữ chức vụ Huyện ủy viên, Phó ban Tuyên giáo; cuối nhiệm kỳ là Huyện ủy viên, Bí thư Đảng ủy xã Trừ Văn Thố.

26	Huỳnh Thư Lập	Huyện ủy viên Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật
27	Vương Thị Ngọc	Huyện ủy viên Trưởng phòng Tư pháp
28	Lục Kim Thanh	Huyện ủy viên Trưởng phòng Giáo dục
29	Nguyễn Ngọc Hạnh	Huyện ủy viên Chỉ huy Phó ban Quân sự
30	Phạm Văn Thanh	Huyện ủy viên Phó Công an huyện
31	Trần Văn Thản	Huyện ủy viên Bí thư xã Lai Hưng
32	Nguyễn Văn Giữ	Huyện ủy viên Bí thư xã Lai Uyên
33	Bùi Hùng Dũng ¹	Huyện ủy viên Bí thư xã An Điền
34	Nguyễn Minh Thủy ²	Huyện ủy viên Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường
35	Lê Thành Tài ³	Huyện ủy viên Chánh thanh tra
36	Hà Văn Hoàng	Huyện ủy viên Trưởng phòng Y tế, Giám đốc Bệnh viện Bến Cát
37	Nguyễn Thanh Liêm	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy thị trấn Mỹ Phước
38	Ngô Văn Hạnh	Huyện ủy viên Chính trị viên Ban Chỉ huy quân sự

1. Được bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ, giữ chức vụ Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy năm 2003.

2. Thay đồng chí Phan Văn Trung.

3. Thay đồng chí Văn Quang Dũng.

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN NHIỆM KỲ 2005 - 2010

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thành Nhơn	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện
2	Nguyễn Hoàng Châu	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
3	Nguyễn Văn Khải	Phó Bí thư Huyện ủy Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
4	Nguyễn Hữu Chí	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (phụ trách kinh tế)
5	Phạm Thị Tú Hạ	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (phụ trách văn xã)
6	Bùi Hùng Dũng	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy
7	Trần Công Uẩn	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy
8	Văn Quang Dũng	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
9	Đoàn Văn Thanh ¹	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy
10	Trương Văn Dũng	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Công an huyện
11	Triệu Văn Nhỏ	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện

1. Năm 2008, đồng chí Phạm Minh Tuấn thay đồng chí Đoàn Văn Thanh.

12	Lương Văn Đủ	Huyện ủy viên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện
13	Phạm Văn Thảo	Huyện ủy viên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện
14	Lê Anh Quý	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy
15	Huỳnh Văn Nghe	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân
16	Lê Thành Tài	Huyện ủy viên Chánh Thanh tra Nhà nước
17	Nguyễn Tấn Hùng	Huyện ủy viên Chi cục trưởng Chi cục Thuế
18	Lê Khắc Tri	Huyện ủy viên Trưởng phòng Giáo dục
19	Võ Thành Giàu	Huyện ủy viên Trưởng phòng Kinh tế
20	Nguyễn Hồng Khanh	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch
21	Nguyễn Minh Thủy	Huyện ủy viên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường
22	Nguyễn Thị Khắc Xuân	Huyện ủy viên Trưởng Phòng Văn hóa Thông tin - Thể dục thể thao
23	Huỳnh Thư Lập	Huyện ủy viên Trưởng phòng Quản lý đô thị
24	Hà Văn Hoàng	Huyện ủy viên Trưởng phòng Y tế
25	Ngô Thị Ngọc Thanh	Huyện ủy viên Viện trưởng Viện Kiểm sát
26	Nguyễn Văn Minh	Huyện ủy viên Phó trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy

27	Lê Thị Ánh Tuyết	Huyện ủy viên Phó ban Tuyên giáo Huyện ủy
28	Võ Thành Nhân	Huyện ủy viên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
29	Phạm Văn Thanh ¹	Huyện ủy viên Phó Công an huyện
30	Ngô Văn Hạnh	Huyện ủy viên Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện
31	Lê Văn Dắt	Huyện ủy viên Chủ tịch Liên đoàn Lao động
32	Lê Thành Quý	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn
33	Võ Thị Kim Nghĩa	Huyện ủy viên Quyền Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ
34	Nguyễn Văn Hùng	Huyện ủy viên Phó Chủ tịch Hội Nông dân
35	Nguyễn Thanh Liêm	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị trấn Mỹ Phước
36	Nguyễn Văn Giũ	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy xã Lai Uyên
37	Phan Văn Trung	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy xã Trừ Văn Thố
38	Nguyễn Thị Hòa	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy xã Long Nguyên
39	Nguyễn Văn Thương	Huyện ủy viên Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi

1. Năm 2007, đồng chí Nguyễn Văn Thắng thay đồng chí Phạm Văn Thanh.

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN NHIỆM KỲ 2010 - 2015

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hoàng Châu ¹	Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy (đến năm 2014)
2	Nguyễn Minh Thủy	Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy (từ năm 2014)
3	Bùi Hùng Dũng	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
4	Nguyễn Hồng Khanh ²	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
5	Lê Khắc Tri	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
6	Nguyễn Hữu Chí ³	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
7	Huỳnh Văn Nghe ⁴	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy
8	Trần Công Uẩn ⁵	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy

1. Năm 2014, đồng chí Nguyễn Minh Thủy - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh được luân chuyển và giữ chức vụ Bí thư Thị ủy (thay đồng chí Nguyễn Hoàng Châu).

2. Năm 2014, giữ chức vụ Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (thay đồng chí Nguyễn Hữu Chí).

3. Tháng 10/2011, giữ chức vụ Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, đến tháng 3/2014 được tỉnh điều động làm Bí thư Huyện ủy Bàu Bàng.

4. Năm 2014, được bầu bổ sung và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

5. Giữa nhiệm kỳ, được điều chuyển và giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Bí thư Đảng ủy thị trấn Mỹ Phước (thay đồng chí Nguyễn Văn Minh).

9	Văn Quang Dũng ¹	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
10	Phạm Minh Tuấn	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy
11	Lê Anh Quý	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện
12	Trương Văn Dũng ²	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Trưởng Công an huyện
13	Triệu Văn Nhỏ	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy (đến năm 2014) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện
14	Nguyễn Thanh Tâm ³	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy (từ năm 2014)
15	Nguyễn Văn Minh ⁴	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Bí thư Đảng ủy thị trấn Mỹ Phước
16	Hồ Phương Nam ⁵	Huyện ủy viên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
17	Trần Thị Thảo ⁶	Thị ủy viên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã
18	Nguyễn Văn Lắm ⁷	Thị ủy viên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã
19	Đặng Văn Chum	Huyện ủy viên Chánh án Tòa án nhân dân huyện

1. Giữa nhiệm kỳ, không còn làm Huyện ủy viên (đồng chí Võ Thành Nhân thay thế).

2. Năm 2013, đồng chí Trương Văn Dũng chuyển công tác, đồng chí Trương Tấn Dũng thay.

3. Năm 2014, thay cho đồng chí Triệu Văn Nhỏ.

4. Năm 2014, được điều chuyển và giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo (thay đồng chí Trần Công Uẩn).

5. Giữa nhiệm kỳ, được bầu bổ sung.

6, 7. Năm 2014, được bầu bổ sung.

20	Lưu Văn Long ¹	Huyện ủy viên Chánh Thanh tra huyện
21	Nguyễn Văn Thương	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân
22	Trần Thanh Liêm ²	Huyện ủy viên Chánh Văn phòng Huyện ủy
23	Lê Văn Trí	Huyện ủy viên Chính trị viên Ban Chỉ huy Quân sự
24	Lê Minh Quốc Cường ³	Thị ủy viên Chính trị viên Ban Chỉ huy Quân sự
25	Đỗ Trọng Nhơn ⁴	Huyện ủy viên Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện
26	Hà Văn Hoàng	Huyện ủy viên Giám đốc Trung tâm Y tế
27	Lục Kim Thanh	Huyện ủy viên Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo
28	Trần Hùng Sơn	Huyện ủy viên Trưởng phòng Kinh tế
29	Bùi Văn Chiến	Huyện ủy viên Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
30	Tô Văn Sang ⁵	Huyện ủy viên Trưởng phòng Nội vụ

1. Giữa nhiệm kỳ, được điều chuyển làm Huyện ủy viên, Bí thư Đảng ủy xã Thới Hòa.

2. Giữa nhiệm kỳ, được điều chuyển và giữ chức vụ Huyện ủy viên, Bí thư Đảng ủy xã Chánh Phú Hòa (thay đồng chí Võ Thành Giàu).

3. Năm 2014, được bầu bổ sung thay đồng chí Lê Văn Trí.

4. Giữa nhiệm kỳ, được điều chuyển và giữ chức vụ Huyện ủy viên, Bí thư Đảng ủy xã Hưng Hòa. Đến cuối nhiệm kỳ, được bầu bổ sung và giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo (thay đồng chí Nguyễn Văn Minh).

5. Năm 2014, được điều chuyển và làm Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy phường Chánh Phú Hòa (thay đồng chí Trần Thanh Liêm).

31	Huỳnh Thư Lập ¹	Huyện ủy viên Trưởng phòng Quản lý đô thị
32	Nguyễn Thị Kim Phượng	Huyện ủy viên Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch
33	Võ Văn Tài ²	Thị ủy viên Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch
34	Huỳnh Công Du	Huyện ủy viên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường
35	Nguyễn Văn Thắng ³	Thị ủy viên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường
36	Nguyễn Minh Luân	Huyện ủy viên Trưởng phòng Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao
37	Nguyễn Tấn Hùng	Huyện ủy viên Chi cục trưởng Chi cục Thuế
38	Ngô Thị Ngọc Thanh	Huyện ủy viên Viện Trưởng Viện Kiểm sát
39	Nguyễn Thị Yến Loan ⁴	Huyện ủy viên Phó ban Tổ chức Huyện ủy
40	Nguyễn Văn Đội ⁵	Thị ủy viên Phó ban Tổ chức Thị ủy
41	Bạch Văn Nhân ⁶	Huyện ủy viên Phó ban Tuyên giáo Huyện ủy
42	Nguyễn Thị Thu Nga ⁷	Thị ủy viên Chánh Văn phòng Thị ủy

1. Năm 2014, được bầu bổ sung làm Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

2. Năm 2014, được bầu bổ sung làm Thị ủy viên thay đồng chí Nguyễn Thị Kim Phượng.

3. Năm 2014, được bầu bổ sung thay đồng chí Huỳnh Công Du.

4. Năm 2014, được điều chuyển làm Thị ủy viên, Trưởng phòng Nội vụ thị xã.

5. Năm 2014, được bầu bổ sung làm Thị ủy viên, Phó ban Tổ chức Thị ủy thay đồng chí Nguyễn Thị Yến Loan.

6. Giữa nhiệm kỳ, được điều chuyển làm Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy (thay đồng chí Trần Thanh Liêm).

7. Năm 2014, được bầu bổ sung làm Thị ủy viên, Chánh Văn phòng Thị ủy (thay đồng chí Bạch Văn Nhân).

43	Lê Văn Hồng ¹	Huyện ủy viên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
44	Nguyễn Thanh Liêm	Huyện ủy viên Phó ban Dân vận Huyện ủy
45	Nguyễn Thanh Khiêm	Huyện ủy viên Phó Công an huyện (thị xã)
46	Nguyễn Văn Hòa ²	Thị ủy viên Phó Công an thị xã
47	Bùi Thị Bạch Vân ³	Huyện ủy viên Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện
48	Lương Văn Đủ	Huyện ủy viên Chủ tịch Hội Nông dân
49	Bùi Đức Trung ⁴	Huyện ủy viên Bí thư Huyện đoàn
50	Võ Thị Kim Nghĩa ⁵	Huyện ủy viên Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện (thị xã)
51	Bạch Thị Tâm ⁶	Thị ủy viên Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ thị xã
52	Nguyễn Văn Hùng	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy xã Hòa Lợi

1. Năm 2014, Thị ủy viên, Chánh Thanh tra.

2. Năm 2014, được bầu bổ sung làm Thị ủy viên, Phó Công an thị xã (thay đồng chí Nguyễn Thanh Khiêm).

3. Giữa nhiệm kỳ, làm Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Giữa nhiệm kỳ, được điều chuyển làm Huyện ủy viên, Bí thư Đảng ủy xã Cây Trường.

5. Giữa nhiệm kỳ, đồng chí Võ Thị Kim Nghĩa được điều chuyển làm Huyện ủy viên, Bí thư Đảng ủy xã Lai Hưng.

6. Năm 2014, được bầu bổ sung làm Thị ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ thị xã (thay đồng chí Võ Thị Kim Nghĩa).

53	Nguyễn Văn Thanh	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy xã An Điền
54	Trần Ngọc Cường ¹	Thị ủy viên Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thị xã
55	Võ Thành Nhân ²	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy xã An Tây
56	Võ Thành Giàu ³	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy xã Chánh Phú Hòa
57	Nguyễn Thành Tốt	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy xã Lai Uyên
58	Lê Thành Quý	Huyện ủy viên Bí thư Đảng ủy xã Tân Hưng
59	Nguyễn Thành Được ⁴	Thị ủy viên Bí thư Đảng ủy phường Tân Định

1. Thay đồng chí Nguyễn Văn Thương.

2. Giữa nhiệm kỳ, được bầu bổ sung làm Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy (thay đồng chí Văn Quang Dũng).

3. Giữa nhiệm kỳ, làm Huyện ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện.

4. Năm 2014, được bầu bổ sung.

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ XÃ NHIỆM KỲ 2015 - 2020

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hồng Khanh	Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy
2	Bùi Duy Hiền ¹	Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy
3	Huỳnh Văn Nghe ²	Phó Bí thư Thường trực Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã
4	Trương Tấn Dũng ³	Phó Bí thư Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã
5	Nguyễn Hoàng Thông ⁴	Phó Bí thư Thường trực
6	Nguyễn Trọng Ân ⁵	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã
7	Hồ Phương Nam ⁶	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã

1. Đồng chí Bùi Duy Hiền - Tỉnh ủy viên, Trưởng Ban Nội chính tỉnh được luân chuyển và giữ chức vụ Bí thư Thị ủy Bến Cát vào 11/2016 (thay đồng chí Nguyễn Hồng Khanh). Tháng 12/2018 đến 01/2020, đồng chí Bùi Duy Hiền - Bí thư Thị ủy đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã.

2. Giữ chức vụ Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã (9/2016 đến 12/2018). Đến cuối nhiệm kỳ giữ chức vụ Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã.

3. Tháng 02/2017 được điều động về công tác tại Công an tỉnh Bình Dương.

4. Tháng 6/2017, được bầu bổ sung làm Phó Bí thư Thường trực Thị ủy.

5. Được bầu bổ sung tháng 01/2020.

6. Giữa nhiệm kỳ được điều chuyển và giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã. Đến cuối nhiệm kỳ, được điều chuyển và giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy (thay đồng chí Lê Thị Kim Liên).

8	Huỳnh Thư Lập	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã
9	Trần Thị Thảo	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã
10	Nguyễn Thị Yến Loan	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Trưởng Ban Tổ chức Thị ủy
11	Đỗ Trọng Nhơn ¹	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Trưởng Ban Tuyên giáo Thị ủy
12	Võ Thành Nhân	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy
13	Lê Thị Kim Liên ²	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy
14	Trần Công Uẩn	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Trưởng Ban Dân vận Thị ủy
15	Lê Anh Quý	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã
16	Nguyễn Thanh Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Chỉ huy Trưởng Ban Chỉ huy Quân sự thị xã
17	Đinh Trọng Cơ ³	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy
18	Nguyễn Văn Đội	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Bí thư Đảng ủy phường Mỹ Phước
19	Huỳnh Văn Thành ⁴	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Trưởng Công an thị xã

1. Giữa nhiệm kỳ được điều động về công tác tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

2. Giữa nhiệm kỳ, được bầu bổ sung làm Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy (thay đồng chí Võ Thành Nhân). Đến cuối nhiệm kỳ, được điều chuyển và giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã.

3. Giữa nhiệm kỳ, được bầu bổ sung (thay đồng chí Nguyễn Thanh Tâm).

4. Giữa nhiệm kỳ, được bầu bổ sung.

20	Nguyễn Văn Lắm	Thị ủy viên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã
21	Nguyễn Thị Thu Nga	Thị ủy viên Chánh Văn phòng Thị ủy
22	Trần Ngọc Cường	Thị ủy viên Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân
23	Võ Văn Tài ¹	Thị ủy viên Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch
24	Nguyễn Văn Thắng	Thị ủy viên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường
25	Lê Văn Hồng	Thị ủy viên Chánh Thanh tra thị xã
26	Bùi Văn Chiến ²	Thị ủy viên Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin
27	Lê Nguyên Khôi ³	Thị ủy viên Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin
28	Đặng Văn Chum	Thị ủy viên Chánh án Tòa án thị xã
29	Nguyễn Văn Huỳnh ⁴	Thị ủy viên
30	Bùi Thị Bạch Vân	Thị ủy viên Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Giữa nhiệm kỳ, được điều chuyển và giữ chức vụ Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy phường Chánh Phú Hòa (thay đồng chí Tô Văn Sang). Đến cuối nhiệm kỳ, được điều chuyển và giữ chức vụ Thị ủy viên, Trưởng phòng Kinh tế thị xã.

2. Giữa nhiệm kỳ, được điều chuyển làm Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy phường Tân Định (thay đồng chí Nguyễn Thành Được).

3. Cuối nhiệm kỳ, được bầu bổ sung làm Thị ủy viên, Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin (thay đồng chí Bùi Văn Chiến).

4. Cuối nhiệm kỳ, được bầu bổ sung (thay đồng chí Đặng Văn Chum).

31	Nguyễn Tấn Hùng	Thị ủy viên Trưởng Chi cục Thuế
32	Nguyễn Anh Dũng ¹	Thị ủy viên Trưởng phòng Quản lý đô thị
33	Huỳnh Quốc Việt ²	Thị ủy viên Trưởng phòng Quản lý đô thị
34	Lương Thanh Nhân	Thị ủy viên Trưởng Phòng Y tế
35	Đỗ Thị Kim Ngân	Thị ủy viên Viện trưởng Viện Kiểm sát
36	Lê Hồng Tươi ³	Thị ủy viên Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị thị xã
37	Phạm Bá Tước ⁴	Thị ủy viên Trưởng phòng Nội vụ
38	Nguyễn Văn Chung ⁵	Thị ủy viên Phó ban Tổ chức Thị ủy
39	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thị ủy viên Phó ban Tuyên giáo Thị ủy
40	Nguyễn Thị Ngân	Thị ủy viên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy
41	Nguyễn Thanh Liêm	Thị ủy viên Chủ tịch Liên đoàn Lao động thị xã
42	Bạch Thị Tâm	Thị ủy viên Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ thị xã

1. Cuối nhiệm kỳ, được bầu bổ sung (thay đồng chí Nguyễn Phi Khanh).

2. Thay đồng chí Nguyễn Anh Dũng.

3. Giữa nhiệm kỳ, được điều chuyển và giữ chức vụ Thị ủy viên, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã.

4. Giữa nhiệm kỳ, được điều chuyển và giữ chức vụ Thị ủy viên, Phó ban Tổ chức Thị ủy (thay đồng chí Nguyễn Văn Chung). Đến cuối nhiệm kỳ, được điều chuyển và giữ chức vụ Thị ủy viên, Phó Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi.

5. Giữa nhiệm kỳ, được điều chuyển làm Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy xã An Tây.

43	Nguyễn Văn Để	Thị ủy viên Chủ tịch Hội Nông dân
44	Lê Thanh Phương	Thị ủy viên Chính trị viên Ban Chỉ huy Quân sự thị xã
45	Nguyễn Văn Hòa	Thị ủy viên Phó Công an thị xã
46	Nguyễn Bá Tòng ¹	Thị ủy viên
47	Nguyễn Thành Được	Thị ủy viên Bí thư Đảng ủy phường Tân Định
48	Tô Văn Sang ²	Thị ủy viên Bí thư Đảng ủy phường Chánh Phú Hòa
49	Nguyễn Văn Thanh	Thị ủy viên Bí thư Đảng ủy xã An Điền
50	Nguyễn Văn Hùng	Thị ủy viên Bí thư Đảng ủy phường Hòa Lợi
51	Nguyễn Ngọc Phương Liên ³	Thị ủy viên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú An
52	Nguyễn Thị Xuân ⁴	Thị ủy viên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước
53	Nguyễn Phi Khanh ⁵	Thị ủy viên Bí thư Đảng ủy phường Thới Hòa

-
1. Cuối nhiệm kỳ, được bầu bổ sung (thay đồng chí Nguyễn Văn Hòa).
 2. Giữa nhiệm kỳ, được bầu bổ sung làm Thường vụ Thị ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Thị ủy (thay đồng chí Đỗ Trọng Nhơn), kiêm Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị thị xã.
 3. Giữa nhiệm kỳ, làm Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy xã Phú An.
 4. Giữa nhiệm kỳ, được điều chuyển làm Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy phường Thới Hòa (thay đồng chí Nguyễn Phi Khanh).
 5. Giữa nhiệm kỳ, được điều chuyển làm Thị ủy viên, Phó ban Dân vận Thị ủy.

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ XÃ
NHIỆM KỲ XII (2020 - 2025)
(cập nhật đến tháng 8/2023)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Duy Hiền	Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy (đến tháng 6/2022)
2	Bùi Minh Thạnh	Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy (từ tháng 6/2022)
3	Nguyễn Hoàng Thông ¹	Phó Bí thư Thường trực Thị ủy
4	Huỳnh Văn Nghe ²	Phó Bí thư Thị ủy Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã
5	Nguyễn Trọng Ân ³	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã
6	Trần Thị Thảo	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã
7	Lê Thị Kim Liên ⁴	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã
8	Nguyễn Thị Yến Loan	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Trưởng Ban Tổ chức Thị ủy
9	Tô Văn Sang	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Trưởng Ban Tuyên giáo Thị ủy, Giám đốc Trung tâm Chính trị thị xã
10	Hồ Phương Nam	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy

1. Tháng 10/2021, chuyển công tác và giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương.

2. Tháng 5/2022, làm Phó Bí thư Thường trực Thị ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã.

3. Tháng 12/2021, làm Phó Bí thư Thị ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã.

4. Tháng 01/2023, được luân chuyển và giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư Đảng ủy phường Mỹ Phước.

11	Lê Anh Quý	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Trưởng Ban Dân vận Thị ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã
12	Huỳnh Văn Thành ¹	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Trưởng Công an thị xã
13	Nguyễn Đức Danh	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự thị xã
14	Nguyễn Văn Đội ²	Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy Bí thư Đảng ủy phường Mỹ Phước
15	Nguyễn Văn Lắm ³	Thị ủy viên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã
16	Nguyễn Thị Thu Nga ⁴	Thị ủy viên Chánh Văn phòng Thị ủy
17	Trần Ngọc Cường ⁵	Thị ủy viên Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân
18	Võ Văn Tài ⁶	Thị ủy viên Trưởng phòng Kinh tế
19	Nguyễn Văn Thắng ⁷	Thị ủy viên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường

1. Tháng 01/2023, đồng chí Huỳnh Văn Thành chuyển công tác về Công an tỉnh Bình Dương; đồng chí Võ Hồng Bào làm Trưởng Công an thị xã, đến tháng 5/2023 làm Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy.

2. Tháng 12/2020, được bầu và giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã.

3. Ngày 14/3/2023, được điều chuyển và giữ chức vụ Thị ủy viên, Chánh Thanh tra thị xã Bến Cát.

4. Nghỉ hưu từ tháng 5/2022.

5. Tháng 12/2020, được bầu và giữ chức vụ Thị ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã.

6. Tháng 02/2021, được điều chuyển công tác tại Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.

7. Tháng 01/2023, được điều chuyển và giữ chức vụ Thị ủy viên, Phó ban Tổ chức Thị ủy Bến Cát.

20	Lê Văn Hồng ¹	Thị ủy viên Chánh Thanh tra thị xã
21	Nguyễn Văn Huỳnh	Thị ủy viên Chánh án Tòa án thị xã
22	Huỳnh Quốc Việt	Thị ủy viên Trưởng phòng Quản lý đô thị
23	Đỗ Thị Kim Ngân	Thị ủy viên Viện trưởng Viện Kiểm sát
24	Lê Hồng Tươi ²	Thị ủy viên Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã
25	Nguyễn Phú Hải	Thị ủy viên Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo
26	Lê Nguyên Khôi ³	Thị ủy viên Trưởng phòng Văn hóa - thông tin
27	Nguyễn Phi Khanh ⁴	Thị ủy viên Phó ban Dân vận Thị ủy
28	Nguyễn Thị Thanh Thúy ⁵	Thị ủy viên, Phó Ban Tuyên giáo Thị ủy
29	Nguyễn Thị Ngân ⁶	Thị ủy viên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy

1. Tháng 3/2023, được điều chuyển và giữ chức vụ Thị ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát.

2. Tháng 7/2022, được điều chuyển và giữ chức vụ Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy phường Chánh Phú Hòa.

3. Tháng 11/2020, được điều chuyển và giữ chức vụ Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy xã An Điền.

4. Tháng 12/2020, làm Thị ủy viên, cán bộ Ban Tổ chức Thị ủy (nghỉ hưu từ tháng 7/2021).

5. Tháng 02/2021, được điều chuyển và giữ chức vụ Thị ủy viên, Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin kiêm Phó Ban Tuyên giáo Thị ủy; đến 12/2022 thôi kiêm nhiệm chức danh Phó ban Tuyên giáo Thị ủy.

6. Tháng 12/2021, được điều chuyển và giữ chức vụ Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy xã Phú An. Sau đó, đồng chí Đặng Thị Phương Kha - Phó phòng Tài nguyên và môi trường được điều động làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy, đến tháng 6/2022 được bầu bổ sung vào Thị ủy viên.

30	Bạch Thị Tâm ¹	Thị ủy viên Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ thị xã
31	Nguyễn Văn Để	Thị ủy viên Chủ tịch Hội Nông dân
32	Lê Thanh Phương ²	Thị ủy viên Chính trị viên Ban Chỉ huy Quân sự thị xã
33	Nguyễn Văn Chung	Thị ủy viên Bí thư Đảng ủy xã An Tây
34	Bùi Văn Chiến	Thị ủy viên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Định
35	Mai Văn Thanh ³	Thị ủy viên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Chánh Phú Hòa
36	Nguyễn Thị Xuân ⁴	Thị ủy viên Bí thư Đảng ủy phường Thới Hòa
37	Nguyễn Thanh Phong ⁵	Thị ủy viên Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước
38	Nguyễn Ngọc Phương Liên ⁶	Thị ủy viên Bí thư Đảng ủy xã Phú An

1. Tháng 02/2023, được điều chuyển làm Thị ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy, và đồng chí Nguyễn Thị Tuyến Loan thay thế giữ chức vụ Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ thị xã. Đến tháng 8/2023 được bổ sung vào Thị ủy viên.

2. Tháng 5/2022, đồng chí Lê Thanh Phương chuyển công tác. Tháng 02/2023, đồng chí Bùi Văn Trụ làm Chính trị viên Ban Chỉ huy Quân sự thị xã. Đến tháng 8/2023 được bổ sung vào Thị ủy viên.

3. Tháng 7/2022, được điều chuyển và giữ chức vụ Thị ủy viên, Chánh Văn phòng Thị ủy Bến Cát.

4. Tháng 12/2021, được điều chuyển làm Thị ủy viên, Trưởng phòng Kinh tế thị xã Bến Cát.

5. Tháng 01/2023, được điều chuyển làm Thị ủy viên, Phó ban Tuyên giáo Thị ủy Bến Cát.

6. Tháng 12/2021, được điều chuyển và giữ chức vụ Thị ủy viên, Bí thư Đảng ủy phường Thới Hòa.

39	Phạm Bá Tước	Thị ủy viên Bí thư Đảng ủy phường Hòa Lợi
40	Nguyễn Bá Tòng ¹	Thị ủy viên Phó Công an thị xã
41	Nguyễn Minh Tuấn ²	Thị ủy viên Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch
42	Lê Nguyễn Thanh Bình ³	Thị ủy viên Chủ tịch Liên đoàn lao động
43	Nguyễn Minh Tân ⁴	Thị ủy viên Bí thư Thị đoàn
44	Trần Minh Hiếu ⁵	Thị ủy viên Trưởng phòng Nội vụ

1. Được bầu bổ sung vào Thị ủy viên. Tháng 9/2020, đồng chí Nguyễn Bá Tòng chuyển công tác về tỉnh, đồng chí Nguyễn Văn Đông làm Phó Công an thị xã, đến tháng 6/2022 được bầu bổ sung vào Thị ủy viên.

2. Được bầu bổ sung vào Thị ủy viên tháng 6/2022.

3. Được bầu bổ sung vào Thị ủy viên tháng 6/2022.

4. Tháng 6/2022, được bầu bổ sung vào Thị ủy viên. Tháng 7/2023, chuyển công tác về tỉnh.

5. Được bầu bổ sung vào Thị ủy viên tháng 8/2023.

**DANH SÁCH NHỮNG TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN
ĐƯỢC TUYÊN DƯỠNG ANH HÙNG
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN**

1. Tập thể

STT	Tên đơn vị	Ngày tuyên dương
1	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Bến Cát	20/12/1994
2	Đại đội Bộ binh 61 (C61)	20/12/1972
3	Đại đội nữ vũ trang huyện Bến Cát (C5)	20/10/1976
4	Lực lượng an ninh vũ trang huyện Bến Cát	20/12/1998
5	Dân quân du kích xã Mỹ Phước	06/11/1978
6	Dân quân du kích xã Long Nguyên	06/11/1978
7	Dân quân du kích xã Phú An	20/10/1976
8	Dân quân du kích xã An Điền	06/11/1978
9	Dân quân du kích xã Thới Hòa	06/11/1978
10	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lai Hưng	20/12/1994
11	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Chánh Phú Hòa	20/12/1994
12	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã An Tây	22/8/1998

13	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Hòa Lợi	28/4/2000
14	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lai Uyên	28/4/2000
15	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Định	24/6/2005

2. Cá nhân

STT	Họ và tên (Bí danh)	Năm sinh	Cấp bậc, Chức vụ	Nguyên quán - trú quán	Ngày tuyên đương
1	Nguyễn Văn Song	1923	Xã Đội phó - Tiểu đội trưởng du kích xã Thới Hòa	Thới Hòa, Bến Cát Minh Thạnh, Dầu Tiếng	19/5/1952
2	Võ Thị Huynh	1940	Trung đội phó Quân y Bến Cát	An Điền, Bến Cát TP. Hồ Chí Minh	20/9/1971
3	Hoàng Trọng Lập	1948	Thiếu úy - Đại đội trưởng C61	Thới Hòa, Bến Cát Thới Hòa, Bến Cát	03/6/1976
4	<i>Liệt sĩ</i> Nguyễn Văn Thành (<i>tức Bưởi - hy sinh 1968</i>)	1938	Chính trị viên xã đội Mỹ Phước	Thới Hòa, Bến Cát Thới Hòa, Bến Cát	06/11/1978
5	<i>Liệt sĩ</i> Nguyễn Văn Chê	1941	Xã đội trưởng xã Phú An	Phú An, Bến Cát Phú An, Bến Cát	06/11/1978
6	Nguyễn Văn Thạm (Xướng)	1931	Tiểu đội trưởng e1 Phân khu Tây Nam Bộ	An Tây, Bến Cát An Tây, Bến Cát	07/5/1956

7	Đoàn Văn Thái	1948	Đại đội trưởng tỉnh Thủ Dầu Một	Long Nguyên, Bến Cát Bình Nhâm, Thuận An	20/12/1969
8	Đoàn Ái Việt (Đoàn Công Quyên)	1942	Đại úy - Bệnh xá trưởng K23/ Tỉnh đội Bình Dương	Chánh Phú Hòa, Bến Cát Tân Bình, Tân Uyên	06/11/1978
9	Phạm Văn Trọng (Trần)	1944	Thượng úy - Bác sĩ Viện quân y 2/ TP. Hồ Chí Minh	An Tây, Bến Cát TP. Hồ Chí Minh	06/11/1978
10	<i>Liệt sĩ</i> Đoàn Thị Liên	1944	Liên đội 7/c TNXP Phú Lợi	Vĩnh Tân, Tân Uyên Chánh Phú Hòa, Bến Cát	28/4/2000
11	<i>Liệt sĩ</i> Trần Văn Luân	1928	Huyện đội trưởng Chân Thành, Bình Phước	Lai Uyên, Bến Cát	28/4/2000
12	<i>Liệt sĩ</i> Nguyễn Văn Nhiễn	1951	Trung úy - Đại đội trưởng c1/ d2/e Gia Định	An Tây, Bến Cát	28/4/2000

DANH SÁCH
MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG THỊ XÃ BẾN CÁT

STT	Họ và tên MVNAH	Năm sinh	Địa chỉ	Số liệt sĩ
1	Ung Thị Nùng	1929	An Điền	3
2	Đặng Thị Út	1934	An Điền	2
3	Lê Thị Mơi	1912	An Điền	3
4	Phạm Thị Cặng	1924	An Điền	1
5	Nguyễn Thị Chúc	1916	An Điền	3
6	Đặng Thị Da	1925	An Điền	2
7	Nguyễn Thị Chuyên	1927	An Điền	3
8	Huỳnh Thị Nhiễn	1916	An Điền	3
9	Lê Thị Dị	1910	An Điền	3
10	Nguyễn Thị Giác	1920	An Điền	3
11	Lư Thị Keo	1921	An Điền	1
12	Lê Thị Kí	1922	An Điền	1
13	Trần Thị Nào	1905	An Điền	4
14	Nguyễn Thị Nghiêng	1910	An Điền	3
15	Đồng Thị Ngơn	1915	An Điền	3
16	Ung Thị Suối	1914	An Điền	3
17	Hồ Thị Trưa	1920	An Điền	3
18	Trần Thị Chơi	1930	An Điền	3
19	Hồ Thị Lợi	1931	An Điền	3

20	Trương Thị Trọng	1901	An Điền	3
21	Nguyễn Thị Tỵ	1899	An Điền	6
22	Phạm Thị Hích	1934	An Điền	1
23	Phạm Thị Đay	1915	An Điền	3
24	Nguyễn Thị Đưa	1910	An Điền	1
25	Nguyễn Thị Ngó	1912	An Điền	4
26	Nguyễn Thị Chuối	1909	An Điền	1
27	Nguyễn Thị Ngọc Dung	1911	An Điền	1
28	Bạch Thị Ký	1906	An Điền	1
29	Trần Thị Tự	1904	An Điền	3
30	Nguyễn Thị Nghiệp	1915	An Điền	3
31	Võ Thị Sáng	1901	An Điền	3
32	Phạm Thị Sáu	1901	An Điền	3
33	Đặng Thị Siêng	1911	An Điền	3
34	Huỳnh Thị Thế	1914	An Điền	1
35	Trần Thị Dừng	1916	An Điền	3
36	Nguyễn Thị Nghi	1910	An Điền	3
37	Phạm Thị Hoa	1910	An Điền	3
38	Lê Thị Tộ	1912	An Điền	3
39	Võ Thị Hồi	1908	An Điền	3
40	Nguyễn Thị Nhẫn	1901	An Điền	3
41	Lê Thị Đón	1902	An Điền	2
42	Nguyễn Thị Hồn	1917	An Điền	2
43	Võ Thị Rua	1920	An Điền	2
44	Nguyễn Thị Bưởi	1918	An Điền	3

45	Nguyễn Thị Tụì	1902	An Điền	3
46	Võ Thị Nguy	1906	An Điền	3
47	Lê Thị Hẹ	1908	An Điền	2
48	Nguyễn Thị Búp	1915	An Điền	2
49	Phạm Thị Sảnh	1914	An Điền	2
50	Nguyễn Thị Dữ	1927	An Điền	1
51	Đoàn Thị Cường	1919	An Điền	2
52	Nguyễn Thị Đảnh	1908	An Điền	2
53	Huỳnh Thị Khá	1902	An Điền	3
54	Nguyễn Thị Tám	1922	An Điền	2
55	Nguyễn Thị Tư	1904	An Điền	3
56	Lê Thị Giống	1902	An Điền	2
57	Ngô Thị Dồi	1920	An Điền	2
58	Nguyễn Thị Nghé	1921	An Điền	2
59	Trương Thị Vắng	1916	An Điền	2
60	Nguyễn Thị Chính	1916	An Điền	3
61	Nguyễn Thị Trọn	1917	An Điền	3
62	Nguyễn Thị Tua	1906	An Điền	3
63	Lê Thị Siêng	1912	An Điền	2
64	Trần Thị Dò	1902	An Điền	2
65	Lê Thị Tám	1905	An Điền	2
66	Nguyễn Thị Sảng	1918	An Điền	2
67	Nguyễn Thị Quởn	1921	An Điền	3
68	Trần Thị Thê	1918	An Điền	3
69	Nguyễn Thị Mảnh	1928	An Điền	3

70	Nguyễn Thị Bông	1923	An Điền	3
71	Lê Thị Nữa	1918	An Điền	3
72	Lê Thị Bộ	1924	An Điền	3
73	Hồ Thị Lãnh	1901	An Điền	3
74	Nguyễn Thị Lợi	1913	An Điền	4
75	Trần Thị Phường	1911	An Điền	2
76	Đặng Thị Sến	1906	An Điền	2
77	Nguyễn Thị Khen	1920	An Điền	2
78	Lê Thị Chợ	1914	An Điền	2
79	Võ Thị Thiêu	1920	An Điền	2
80	Hồ Thị Soi	1919	An Điền	2
81	Nguyễn Thị Thao	1906	An Điền	2
82	Nguyễn Thị Khuyên	1876	An Điền	2
83	Nguyễn Thị Cho	1906	An Điền	2
84	Nguyễn Thị Bình	1929	An Điền	2
85	Phạm Thị Vấn	1935	An Tây	2
86	Trần Thị Suối	1930	An Tây	2
87	Đỗ Thị Phăng	1937	An Tây	2
88	Nguyễn Thị Nghiêm	1911	An Tây	2
89	Phan Thị Châu	1919	An Tây	3
90	Nguyễn Thị Cánh	1904	An Tây	3
91	Đỗ Thị Lài	1912	An Tây	3
92	Lê Thị Nào	1908	An Tây	3
93	Võ Thị Ẽn	1911	An Tây	1
94	Trang Thị Công	1912	An Tây	3

95	Phan Thị Bảy	1911	An Tây	3
96	Huỳnh Thị Phụng	1907	An Tây	3
97	Lê Thị Tảo	1905	An Tây	3
98	Bùi Thị Tranh	1910	An Tây	3
99	Trần Thị Bèo	1917	An Tây	1
100	Nguyễn Thị Bôi	1919	An Tây	3
101	Nguyễn Thị Chép	1912	An Tây	2
102	Nguyễn Thị Kiển	1918	An Tây	1
103	Nguyễn Thị Thanh	1910	An Tây	1
104	Nguyễn Thị Nghi	1917	An Tây	3
105	Nguyễn Thị Lợi	1902	An Tây	1
106	Nguyễn Thị Thiều	1925	An Tây	3
107	Trịnh Thị Giao	1897	An Tây	4
108	Đoàn Thị Nhiển	1909	An Tây	3
109	Nguyễn Thị Nhành	1909	An Tây	3
110	Lê Thị Mai	1912	An Tây	4
111	Nguyễn Thị Miếng	1921	An Tây	3
112	Trương Thị Thu	1916	An Tây	2
113	Nguyễn Thị Thiểu	1918	An Tây	3
114	Trương Thị Đậm	1911	An Tây	3
115	Phan Thị Nhạn	1925	An Tây	2
116	Võ Thị Siêu	1914	An Tây	3
117	Nguyễn Thị Nữ	1919	An Tây	3
118	Võ Thị Ý	1925	An Tây	2
119	Trần Thị Mao	1914	An Tây	1

120	Phan Thị Xứng	1912	An Tây	2
121	Nguyễn Thị Thâu	1909	An Tây	2
122	Nguyễn Thị Rỡ	1917	An Tây	3
123	Lê Thị Cặng	1909	An Tây	2
124	Trần Thị Hát	1919	An Tây	3
125	Trần Thị Xích	1923	An Tây	3
126	Nguyễn Thị Hoa	1902	An Tây	3
127	Nguyễn Thị Biểu	1899	An Tây	3
128	Nguyễn Thị Đình	1907	An Tây	3
129	Huỳnh Thị Tia	1906	An Tây	2
130	Nguyễn Thị Láng	1897	An Tây	3
131	Lê Thị Đậu	1933	Chánh Phú Hòa	2
132	Võ Thị Ánh	1909	Chánh Phú Hòa	2
133	Trần Thị Dừng	1918	Chánh Phú Hòa	2
134	Nguyễn Thị Nguyên	1906	Chánh Phú Hòa	4
135	Nguyễn Thị Ban	1917	Chánh Phú Hòa	2
136	Nguyễn Thị Bia	1916	Chánh Phú Hòa	3
137	Nguyễn Thị Bì	1893	Chánh Phú Hòa	3
138	Hồ Thị Bơi	1924	Chánh Phú Hòa	3
139	Phạm Thị Cống	1904	Chánh Phú Hòa	3
140	Trần Thị Chăm	1912	Chánh Phú Hòa	3
141	Nguyễn Thị Chuốt	1912	Chánh Phú Hòa	3
142	Nguyễn Thị Diềng	1912	Chánh Phú Hòa	1
143	Phan Thị Ngon	1928	Chánh Phú Hòa	2
144	Trần Thị Đài	1915	Chánh Phú Hòa	4

145	Nguyễn Thị Hương	1926	Chánh Phú Hòa	3
146	Võ Thị Khuyên	1915	Chánh Phú Hòa	3
147	Nguyễn Thị Lừa	1915	Chánh Phú Hòa	3
148	Ung Thị Mạnh	1914	Chánh Phú Hòa	3
149	Nguyễn Thị Nén	1915	Chánh Phú Hòa	5
150	Phạm Thị Nhông	1915	Chánh Phú Hòa	4
151	Nguyễn Thị Rai	1919	Chánh Phú Hòa	3
152	Nguyễn Thị Rục	1917	Chánh Phú Hòa	3
153	Nguyễn Thị Tám	1914	Chánh Phú Hòa	1
154	Phan Thị Thành	1916	Chánh Phú Hòa	3
155	Nguyễn Thị Xuyên	1902	Chánh Phú Hòa	3
156	Nguyễn Thị Gòn	1928	Chánh Phú Hòa	1
157	Nguyễn Thị Bầm	1915	Chánh Phú Hòa	1
158	Nguyễn Thị Mía	1924	Chánh Phú Hòa	2
159	Tô Thị Giới	1907	Chánh Phú Hòa	3
160	Huỳnh Thị Xén	1910	Chánh Phú Hòa	3
161	Nguyễn Thị Hương	1929	Chánh Phú Hòa	3
162	Nguyễn Thị Biên	1902	Chánh Phú Hòa	3
163	Võ Thị Nếp	1919	Chánh Phú Hòa	2
164	Hồ Thị Đuổi	1911	Chánh Phú Hòa	3
165	Nguyễn Thị Kiều	1904	Chánh Phú Hòa	3
166	Phạm Thị Đầm	1902	Chánh Phú Hòa	3
167	Trần Thị Ngọc	1904	Chánh Phú Hòa	3
168	Nguyễn Thị Nào	1915	Chánh Phú Hòa	3
169	Phan Thị Ngọn	1922	Chánh Phú Hòa	3

170	Trần Thị Lượm	1915	Chánh Phú Hòa	2
171	Nguyễn Thị Nhị	1925	Chánh Phú Hòa	3
172	Nguyễn Thị Mảnh	1910	Chánh Phú Hòa	3
173	Nguyễn Thị Tỳ	1922	Chánh Phú Hòa	2
174	Trần Thị Đồi	1922	Chánh Phú Hòa	3
175	Nguyễn Thị Sáu	1923	Chánh Phú Hòa	2
176	Phạm Thị Thia	1919	Chánh Phú Hòa	2
177	Trần Thị Phai	1928	Chánh Phú Hòa	3
178	Võ Thị Bông	1919	Chánh Phú Hòa	2
179	Nguyễn Thị Sánh	1903	Chánh Phú Hòa	3
180	Bồ Thị Kiểu	1910	Chánh Phú Hòa	3
181	Nguyễn Thị Hân	1908	Chánh Phú Hòa	3
182	Nguyễn Thị No	1927	Chánh Phú Hòa	3
183	Trần Thị Đây	1902	Chánh Phú Hòa	2
184	Dương Thị Chát	1916	Chánh Phú Hòa	3
185	Đoàn Thị Giây	1903	Chánh Phú Hòa	3
186	Huỳnh Thị Sông	1916	Chánh Phú Hòa	3
187	Phạm Thị Rài	1891	Chánh Phú Hòa	2
188	Nguyễn Thị Dứa	1924	Chánh Phú Hòa	3
189	Võ Thị Hiệp	1918	Chánh Phú Hòa	5
190	Lương Thị Dừa	1916	Chánh Phú Hòa	2
191	Nguyễn Thị Tính	1903	Chánh Phú Hòa	3
192	Võ Thị Đề	1905	Chánh Phú Hòa	3
193	Trần Thị Dừng	1923	Chánh Phú Hòa	3
194	Lê Thị Nhiên	1915	Chánh Phú Hòa	3

195	Nguyễn Thị Thiệt	1922	Chánh Phú Hòa	2
196	Trần Thị Tám	1914	Chánh Phú Hòa	3
197	Nguyễn Thị Hoàng	1916	Chánh Phú Hòa	2
198	Nguyễn Thị Chỏi	1912	Chánh Phú Hòa	3
199	Thượng Thị Lang	1917	Chánh Phú Hòa	2
200	Đinh Thị Muốn	1914	Chánh Phú Hòa	3
201	Đặng Thị Nương	1907	Chánh Phú Hòa	3
202	Nguyễn Thị Giôn	1911	Chánh Phú Hòa	3
203	Nguyễn Thị Đi	1913	Chánh Phú Hòa	3
204	Ngô Thị Phải	1920	Chánh Phú Hòa	2
205	Nguyễn Thị Kính	1914	Chánh Phú Hòa	3
206	Huỳnh Thị Mạnh	1918	Chánh Phú Hòa	3
207	Ung Thị Ca	1913	Chánh Phú Hòa	3
208	Phạm Thị Hấn	1926	Chánh Phú Hòa	2
209	Lê Thị Tốt	1898	Chánh Phú Hòa	3
210	Võ Thị Cốc	1910	Chánh Phú Hòa	5
211	Đặng Thị Tôi	1917	Chánh Phú Hòa	3
212	Hồ Thị Thang	1921	Chánh Phú Hòa	4
213	Phạm Thị Nâu	1902	Chánh Phú Hòa	3
214	Nguyễn Thị Mấy	1920	Hòa Lợi	4
215	Nguyễn Thị Nhân	1903	Hòa Lợi	3
216	Phạm Thị Đồ	1903	Hòa Lợi	3
217	Võ Thị The	1913	Hòa Lợi	3
218	Đào Thị Kết	1910	Hòa Lợi	1
219	Võ Thị Cốc	1910	Hòa Lợi	5

220	Nguyễn Thị Tiếp	1924	Hòa Lợi	2
221	Từ Thị Xem	1921	Hòa Lợi	4
222	Nguyễn Thị Bùng	1913	Hòa Lợi	3
223	Nguyễn Thị Láng	1908	Hòa Lợi	3
224	Nguyễn Thị Hai	1919	Hòa Lợi	3
225	Nguyễn Thị Ế	1910	Hòa Lợi	3
226	Nguyễn Thị Bảng	1904	Hòa Lợi	2
227	Trần Thị Nọ	1932	Hòa Lợi	2
228	Trần Thị Diện	1910	Hòa Lợi	2
229	Hồ Thị Bảy	1920	Hòa Lợi	2
230	Phạm Thị Rời	1903	Hòa Lợi	3
231	Trần Thị Hữu	1924	Hòa Lợi	2
232	Nguyễn Thị Sẻ	1902	Hòa Lợi	3
233	Trần Thị Ưng	1906	Hòa Lợi	3
234	Ngô Thị Chưởng	1910	Hòa Lợi	3
235	Nguyễn Thị Ngọc	1918	Hòa Lợi	3
236	Nguyễn Thị Muốn	1918	Hòa Lợi	2
237	Nguyễn Thị Chành	1910	Hòa Lợi	3
238	Lê Thị Huệ	1918	Hòa Lợi	2
239	Lương Thị Dễ	không rõ	Hòa Lợi	2
240	Nguyễn Thị Khế	1901	Hòa Lợi	2
241	Nguyễn Thị Bùng	1913	Hòa Lợi	3
242	Nguyễn Thị Sũa	1910	Hòa Lợi	2
243	Nguyễn Thị Bùng	1928	Hòa Lợi	2
244	Võ Thị Siêng	1902	Hòa Lợi	2

245	Ung Thị Liễu	1919	Hòa Lợi	2
246	Trần Thị Đỗ	1914	Hòa Lợi	2
247	Trần Thị Lệt	1928	Hòa Lợi	2
248	Trần Thị Bưng	1914	Hòa Lợi	2
249	Văn Thị Hạnh	1911	Hòa Lợi	3
250	Nguyễn Thị Hoa	1913	Hòa Lợi	3
251	Huỳnh Thị Lán	1904	Hòa Lợi	3
252	Lê Thị Di	1916	Hòa Lợi	3
253	Trần Thị Bồi	1922	Hòa Lợi	2
254	Trần Thị Bia	1919	Hòa Lợi	2
255	Võ Thị Phận	1933	Mỹ Phước	2
256	Văn Thị Kẽm	1912	Mỹ Phước	2
257	Nguyễn Thị Thế	1910	Mỹ Phước	2
258	Võ Thị Rõ	1915	Mỹ Phước	2
259	Nguyễn Thị Truông	1911	Mỹ Phước	3
260	Vương Thị Tranh	1915	Mỹ Phước	3
261	Võ Thị Lượm	1911	Mỹ Phước	4
262	Trần Thị Lường	1902	Mỹ Phước	3
263	Trần Thị Bi	1919	Mỹ Phước	4
264	Nguyễn Thị Bột	1902	Mỹ Phước	3
265	Nguyễn Thị Bán	1923	Mỹ Phước	4
266	Nguyễn Thị Ai	1912	Mỹ Phước	3
267	Nguyễn Thị Ánh	1909	Mỹ Phước	3
268	Lê Thị Cảnh	1899	Mỹ Phước	3
269	Ngô Thị Chiên	1907	Mỹ Phước	3

270	Huỳnh Thị Chồi	1906	Mỹ Phước	3
271	Đặng Thị Dân	1910	Mỹ Phước	1
272	Lê Thị Dễ	1897	Mỹ Phước	3
273	Nguyễn Thị Gắng	1914	Mỹ Phước	1
274	Trần Thị Gọn	1910	Mỹ Phước	3
275	Nguyễn Thị Ké	1907	Mỹ Phước	3
276	Phạm Thị No	1904	Mỹ Phước	3
277	Lê Thị Sâm	1902	Mỹ Phước	4
278	Phạm Thị Tua	1922	Mỹ Phước	4
279	Ngô Thị Ron	1925	Mỹ Phước	3
280	Nguyễn Thị Rượu	1910	Mỹ Phước	4
281	Nguyễn Thị Xàng	1922	Mỹ Phước	2
282	Phạm Thị Lài	1916	Mỹ Phước	2
283	Nguyễn Thị Xằng	1922	Mỹ Phước	4
284	Đoàn Thị Kiều	1910	Mỹ Phước	3
285	Huỳnh Thị Kế	1925	Mỹ Phước	3
286	Huỳnh Thị Ca	1901	Mỹ Phước	2
287	Lâm Thị Hằng	1905	Mỹ Phước	3
288	Nguyễn Thị Nhỏ	1908	Mỹ Phước	3
289	Nguyễn Thị Sổng	1918	Mỹ Phước	3
290	Nguyễn Thị Tiếm	1934	Mỹ Phước	3
291	Bùi Thị Sơ	1921	Mỹ Phước	3
292	Nguyễn Thị Phụng	1921	Mỹ Phước	3
293	Nguyễn Thị Năm	1927	Mỹ Phước	2
294	Nguyễn Thị Gấn	1921	Mỹ Phước	3

295	Nguyễn Thị Xuyên	1926	Mỹ Phước	2
296	Nguyễn Thị Huệ	1919	Mỹ Phước	2
297	Nguyễn Thị Xứng	1921	Mỹ Phước	3
298	Nguyễn Thị Mềm	1912	Mỹ Phước	2
299	Lê Thị Phe	1902	Mỹ Phước	3
300	Nguyễn Thị Phố	1908	Mỹ Phước	2
301	Nguyễn Thị Dễ	1905	Mỹ Phước	3
302	Nguyễn Thị Dễ	1916	Mỹ Phước	2
303	Ngô Thị Công (Cầm)	1893	Mỹ Phước	3
304	Nguyễn Thị Ri	1910	Mỹ Phước	2
305	Nguyễn Thị Thiên	1910	Mỹ Phước	2
306	Ngô Thị Vờ	1917	Mỹ Phước	2
307	Trần Thị Bơi	1905	Mỹ Phước	2
308	Nguyễn Thị Xấm	1920	Mỹ Phước	2
309	Ung Thị Nao	1911	Mỹ Phước	2
310	Huỳnh Thị Mương	1907	Mỹ Phước	2
311	Nguyễn Thị Dễ	1895	Mỹ Phước	2
312	Nguyễn Thị Tước	1919	Mỹ Phước	3
313	Văn Thị Tiện	1911	Mỹ Phước	3
314	Nguyễn Thị Trốn	1883	Mỹ Phước	2
315	Nguyễn Thị Được	1907	Mỹ Phước	2
316	Trần Thị Sáu	1907	Mỹ Phước	3
317	Lữ Thị Hành	1919	Mỹ Phước	3
318	Huỳnh Thị Sao (Phao)	1927	Mỹ Phước	2
319	Huỳnh Thị Khương	1896	Mỹ Phước	2

320	Nguyễn Thị Đăng	1895	Mỹ Phước	2
321	Nguyễn Thị Xiêm	1928	Mỹ Phước	2
322	Lê Thị Đào	1910	Mỹ Phước	2
323	Nguyễn Thị Thông	1919	Mỹ Phước	3
324	Nguyễn Thị Đậu	1912	Mỹ Phước	3
325	Phạm Thị Muông	1897	Mỹ Phước	2
326	Châu Thị Thiên	1907	Mỹ Phước	3
327	Nguyễn Thị Rậm	1920	Mỹ Phước	3
328	Nguyễn Thị Rày	1904	Mỹ Phước	2
329	Vương Thị Giêng	1921	Mỹ Phước	4
330	Nguyễn Thị Nguyên	1910	Mỹ Phước	3
331	Nguyễn Thị Nguyên	1902	Mỹ Phước	3
332	Nguyễn Thị He	1924	Mỹ Phước	3
333	Võ Thị Rở	1915	Mỹ Phước	2
334	Đỗ Thị Hạt	1916	Mỹ Phước	2
335	Đặng Thị Thối	1917	Mỹ Phước	2
336	Trần Thị Chua	1919	Mỹ Phước	2
337	Ngô Thị Đốc	1898	Mỹ Phước	3
338	Nguyễn Thị Trĩ	1891	Mỹ Phước	3
339	Nguyễn Thị Sỏi	1909	Mỹ Phước	3
340	Trần Thị Ba	1897	Mỹ Phước	3
341	Nguyễn Thị Cẩn	1919	Mỹ Phước	3
342	Phạm Thị Nâu	1913	Mỹ Phước	3
343	Huỳnh Thị Xanh	1936	Mỹ Phước	3
344	Trương Thị Trèo	1957	Mỹ Phước	3

345	Trần Thị Nào	1927	Mỹ Phước	2
346	Trần Thị Bơi	1905	Tân Định	2
347	Nguyễn Thị Ba	1926	Tân Định	3
348	Nguyễn Thị Bay	1898	Tân Định	3
349	Nguyễn Thị Côi	1903	Tân Định	3
350	Nguyễn Thị Điểm	1902	Tân Định	3
351	Trần Thị Gọn	1910	Tân Định	3
352	Nguyễn Thị Huỳnh	1918	Tân Định	3
353	Mai Thị Long	1913	Tân Định	3
354	Thái Thị Lung	1910	Tân Định	3
355	Nguyễn Thị Mua	1911	Tân Định	2
356	Nguyễn Thị Nhiên	1913	Tân Định	3
357	Lý Thị Tỵ	1904	Tân Định	4
358	Nguyễn Thị Út	1916	Tân Định	1
359	Nguyễn Thị Bài	1910	Tân Định	1
360	Nguyễn Thị Bọt	1906	Tân Định	1
361	Trần Thị Ro	1919	Tân Định	2
362	Nguyễn Thị Xinh	1913	Tân Định	3
363	Phạm Thị Giũ	1904	Tân Định	2
364	Trương Thị Thơ	1912	Tân Định	2
365	Nguyễn Thị Bì	1911	Tân Định	2
366	Nguyễn Thị Hung	1916	Tân Định	2
367	Trần Thị Hạnh	1910	Tân Định	2
368	Nguyễn Thị Lắm	1914	Tân Định	3
369	Nguyễn Thị Sủ	1913	Tân Định	2

370	Nguyễn Thị Ninh	1910	Tân Định	2
371	Ngô Thị Lật	1914	Tân Định	3
372	Thái Thị Ngon	1905	Tân Định	3
373	Nguyễn Thị Nhiễm	1924	Tân Định	2
374	Phạm Thị Miếng	1916	Tân Định	2
375	Nguyễn Thị Đang	1913	Tân Định	2
376	Nguyễn Thị Lựu	1914	Tân Định	2
377	Hồ Thị Sủ	1913	Tân Định	2
378	Nguyễn Thị So	1902	Tân Định	3
379	Dương Thị Ba	1900	Tân Định	3
380	Nguyễn Thị Sai	1899	Tân Định	2
381	Trần Thị Mà	1901	Tân Định	3
382	Ngô Thị Muối	1889	Tân Định	3
383	Ngô Thị Về	1903	Tân Định	3
384	Nguyễn Thị Rày	1925	Tân Định	3
385	Nguyễn Thị Một	1911	Tân Định	3
386	Nguyễn Thị Mận	1913	Tân Định	3
387	Đỗ Thị Tranh	1906	Tân Định	3
388	Nguyễn Thị Liễu	1902	Tân Định	2
389	Đỗ Thị Chiêu	1919	Tân Định	2
390	Nguyễn Thị Diệu	1911	Tân Định	3
391	Trần Thị Đơ	1921	Tân Định	2
392	Trương Thị Nhành	1920	Tân Định	2
393	Phạm Thị Tuân	1900	Tân Định	2
394	Cao Thị Trưa	1917	Thới Hòa	2

395	Nguyễn Thị Muôn	1926	Thới Hòa	2
396	Nguyễn Thị Rày	1915	Thới Hòa	2
397	Võ Thị Bánh	1925	Thới Hòa	1
398	Nguyễn Thị Bán	1916	Thới Hòa	4
399	Nguyễn Thị Bèo	1901	Thới Hòa	3
400	Đặng Thị Bồng	1907	Thới Hòa	3
401	Nguyễn Thị Bột	1902	Thới Hòa	3
402	Nguyễn Thị Cao	1905	Thới Hòa	3
403	Nguyễn Thị Côi	1908	Thới Hòa	3
404	Đặng Thị Dây	1910	Thới Hòa	4
405	Phạm Thị Diểu	1910	Thới Hòa	3
406	Nguyễn Thị Đèo	1913	Thới Hòa	1
407	Huỳnh Thị Gương	1894	Thới Hòa	3
408	Nguyễn Thị Hân	1920	Thới Hòa	1
409	Nguyễn Thị Hiếu	1896	Thới Hòa	4
410	Phạm Thị Lên	1910	Thới Hòa	2
411	Nguyễn Thị Me	1922	Thới Hòa	1
412	Nguyễn Thị Nén	1924	Thới Hòa	2
413	Nguyễn Thị Nò	1899	Thới Hòa	3
414	Võ Thị Rít	1902	Thới Hòa	3
415	Bùi Thị Tấn	1925	Thới Hòa	3
416	Vương Thị Thanh	1920	Thới Hòa	3
417	Thân Thị Thể	1901	Thới Hòa	3
418	Nguyễn Thị Trâm	1889	Thới Hòa	3
419	Nguyễn Thị Trọng	1925	Thới Hòa	3

420	Nguyễn Thị Sảnh	1900	Thới Hòa	3
421	Đinh Thị Kèn	1927	Thới Hòa	2
422	Nguyễn Thị Bền	1925	Thới Hòa	3
423	Nguyễn Thị Bia	1927	Thới Hòa	2
424	Từ Thị Diên	1911	Thới Hòa	3
425	Nguyễn Thị Truông	1911	Thới Hòa	3
426	Võ Thị Dưa	1925	Thới Hòa	1
427	Lê Thị Tranh	1918	Thới Hòa	3
428	Phạm Thị Ri	1921	Thới Hòa	3
429	Lương Thị Đă	1910	Thới Hòa	3
430	Nguyễn Thị Thành	1919	Thới Hòa	1
431	Nguyễn Thị Chùng	1915	Thới Hòa	2
432	Nguyễn Thị Ngân	1902	Thới Hòa	3
433	Lương Thị Liên	1902	Thới Hòa	3
434	Nguyễn Thị Đức(Hấn)	1897	Thới Hòa	3
435	Nguyễn Thị Muộn	1923	Thới Hòa	3
436	Nguyễn Thị Nhà	1927	Thới Hòa	2
437	Nguyễn Thị Ong	1909	Thới Hòa	3
438	Đào Thị Giêng	1917	Thới Hòa	3
439	Lê Thị Khéo	1921	Thới Hòa	3
440	Nguyễn Thị Hy	1912	Thới Hòa	3
441	Đặng Thị Nâu	1913	Thới Hòa	2
442	Phạm Thị Hà	1921	Thới Hòa	3
443	Trần Thị Cứ	1915	Thới Hòa	3
444	Trần Thị Thì	1904	Thới Hòa	2

445	Trần Thị Tuổi	1919	Thối Hòa	3
446	Võ Thị Hà	1918	Thối Hòa	3
447	Phạm Thị Cúc	1923	Thối Hòa	3
448	Bùi Thị Hữu	1920	Thối Hòa	3
449	Nguyễn Thị Nào	1912	Thối Hòa	3
450	Nguyễn Thị Lâm	1914	Thối Hòa	2
451	Nguyễn Thị Thanh	1909	Thối Hòa	2
452	Võ Thị Tạc	1906	Thối Hòa	3
453	Nguyễn Thị Bông	1927	Thối Hòa	2
454	Vương Thị Gọn	1897	Thối Hòa	3
455	Nguyễn Thị Leo	1900	Thối Hòa	3
456	Lê Thị Nho	1919	Thối Hòa	3
457	Nguyễn Thị Dậu	1920	Thối Hòa	3
458	Phan Thị Kiến	1908	Thối Hòa	3
459	Nguyễn Thị Hạnh	1925	Thối Hòa	3
460	Trịnh Thị Diệp	1933	Thối Hòa	2
461	Nguyễn Thị My	1927	Thối Hòa	3
462	Nguyễn Thị Diệu (Diêu)	1889	Thối Hòa	3
463	Đoàn Thị Sông	1920	Thối Hòa	3
464	Phạm Thị Dệt	1890	Thối Hòa	2
465	Nguyễn Thị Giêng	1890	Thối Hòa	3
466	Nguyễn Thị Rành	1900	Thối Hòa	3
467	Nguyễn Thị Bút	1892	Thối Hòa	3
468	Nguyễn Thị Bay	1922	Thối Hòa	3
469	Trần Thị Thê	1902	Thối Hòa	2

470	Nguyễn Thị Mỹ	1910	Thới Hòa	3
471	Huỳnh Thị Giàu	1905	Thới Hòa	3
472	Nguyễn Thị Huê	1908	Thới Hòa	3
473	Triệu Thị Quách	1922	Thới Hòa	2
474	Nguyễn Thị Út	1932	Thới Hòa	2
475	Nguyễn Thị Huế	1910	Thới Hòa	2
476	Trần Thị Tranh	1919	Thới Hòa	2
477	Nguyễn Thị Vân	1927	Thới Hòa	2
478	Nguyễn Thị Mà	1923	Phú An	2
479	Lê Thị Sảng	1903	Phú An	2
480	Đỗ Thị Sành	1911	Phú An	3
481	Nguyễn Thị Phi	1915	Phú An	1
482	Nguyễn Thị Rỏ	1907	Phú An	3
483	Nguyễn Thị Bộ	1908	Phú An	3
484	Nguyễn Thị Phinh	1924	Phú An	2
485	Nguyễn Thị Quạ	1914	Phú An	1
486	Nguyễn Thị Hương	1923	Phú An	3
487	Phan Thị Tranh	1918	Phú An	4
488	Trần Thị Đưa	1908	Phú An	4
489	Phan Thị Bội	1908	Phú An	5
490	Nguyễn Thị Dừng	1916	Phú An	3
491	Phạm Thị Nín	1912	Phú An	4
492	Trần Thị Đắng	1903	Phú An	1
493	Nguyễn Thị Lo	1915	Phú An	3
494	Nguyễn Thị Phấn	1912	Phú An	3

495	Nguyễn Thị Thơ	1912	Phú An	5
496	Hồ Thị Hai	1905	Phú An	3
497	Nguyễn Thị Lợi	1919	Phú An	4
498	Hồ Thị Ngừa	1912	Phú An	2
499	Phan Thị Sậm	1914	Phú An	2
500	Đặng Thị Huệ	1904	Phú An	3
501	Võ Thị Thiêu	1913	Phú An	2
502	Phạm Thị Y	1908	Phú An	2
503	Nguyễn Thị Đồ	1924	Phú An	2
504	Nguyễn Thị Đành	1916	Phú An	3
505	Nguyễn Thị Dã	1923	Phú An	3
506	Nguyễn Thị Tảo	1900	Phú An	2
507	Nguyễn Thị Hết	1916	Phú An	3
508	Võ Thị Sen	1908	Phú An	3
509	Nguyễn Thị Cảnh	1904	Phú An	3
510	Nguyễn Thị Vốn	1914	Phú An	2
511	Đặng Thị Lùng	1914	Phú An	3
512	Nguyễn Thị Cam	1907	Phú An	3
513	Nguyễn Thị Hoẹt	1898	Phú An	2
514	Lê Thị Đây	1896	Phú An	3
515	Nguyễn Thị Nhịnh	1926	Phú An	3
516	Đặng Thị Cừng	1911	Phú An	2
517	Đặng Thị Rẹo	1911	Phú An	2
518	Nguyễn Thị Quời	1911	Phú An	3
519	Nguyễn Thị To	1920	Phú An	2

520	Ngô Thị A	1925	Phú An	2
521	Trần Thị Bưng	1929	Phú An	3
522	Huỳnh Thị Chính	1911	Phú An	2
523	Nguyễn Thị Mài	1897	Phú An	3
524	Lê Thị Xiêng	1916	Phú An	3
525	Lê Thị Ánh	1925	Phú An	3
526	Nguyễn Thị Lang	1920	Phú An	2
527	Nguyễn Thị Khen	1905	Phú An	2
528	Đặng Thị Nhiều	1926	Phú An	2
529	Huỳnh Thị Tư	1912	Phú An	2
530	Hồ Thị Tô	1914	Phú An	4
531	Nguyễn Thị My	1914	Phú An	3
532	Đỗ Thị Tơ	1903	Phú An	2

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
3. Nguyễn Siêu Phương Đình: *Dư địa chí* (phần nói về tỉnh Biên Hòa), Nguyễn Mạnh Nghiêm dịch năm 1958.
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương: *Địa chí Bình Dương: Tập 1: Tự nhiên - nhân văn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
5. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương: *Địa chí Bình Dương: Tập 2: Lịch sử truyền thống*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
6. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương: *Địa chí Bình Dương: Tập 3: Kinh tế*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
7. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương: *Địa chí Bình Dương: Tập 4: Văn hóa - xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
8. Nguyễn Đình Đầu: “Một số nét sơ lược về lịch sử địa lý, dân cư và ngành nghề truyền thống của tỉnh Sông Bé”, in trong Kỷ yếu Hội nghị khoa học Bảo tồn, bảo tàng, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Sông Bé xuất bản, 1986.
9. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương 1930 - 1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

10. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Dương - Ban Chỉ huy Quân sự thị xã Bến Cát: *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Bến Cát 1945 - 2010*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2014.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bến Cát: *Lịch sử Đảng bộ huyện Bến Cát (1945 - 1975)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Dầu Tiếng: *Lịch sử Đảng bộ huyện Dầu Tiếng 1945 - 1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

13. Đảng bộ tỉnh Bình Dương, Huyện ủy Bến Cát: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bến Cát lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2000 - 2004)*.

14. Các văn kiện, nghị quyết, báo cáo của Đảng bộ thị xã trong các thời kỳ.

MỤC LỤC

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	9
-------------------------	---

Mở đầu

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CỦA BẾN CÁT	11
I- Đặc điểm tự nhiên	11
II- Địa giới hành chính, đặc điểm xã hội và nhân văn	14

Chương 1

BẾN CÁT THAM GIA ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930 - 1954)	29
I- Đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)	29
II- củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng, lãnh đạo nhân dân kháng chiến và xây dựng quê hương (1945 - 1946)	42
III- Phát triển lực lượng, tham gia Chiến dịch Lê Hồng Phong (Bến Cát), góp phần đánh bại thực dân Pháp xâm lược (1947 - 1954)	56

Chương 2

ĐẢNG BỘ BẾN CÁT LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ, GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (1954 - 1975)	101
I- Quân và dân Bến Cát cùng quân và dân Thủ Dầu Một đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang (1954 - 1960)	101

II- Từng bước xây dựng lực lượng, tiến hành đấu tranh cách mạng, góp phần đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai (1961 - 1965)	123
III- Quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ và tay sai, góp phần đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ - ngụy (1965 - 1968)	147
IV- Khôi phục, củng cố lực lượng cách mạng, góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ (1969 - 1972)	177
V- Phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng, cùng quân và dân cả nước tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng quê hương (1973 - 30/4/1975)	195

Chương 3

BẾN CÁT KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ỔN ĐỊNH CUỘC SỐNG, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT (4/1975 - 1986)	216
---	-----

I- Xây dựng, củng cố hệ thống chính quyền cách mạng sau giải phóng, tổ chức lại sản xuất, từng bước ổn định đời sống nhân dân (1975 - 1977)	216
II- Tăng cường công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể cách mạng, giữ vững trật tự trị an, góp phần bảo vệ biên giới Tây Nam, phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân (1977 - 1980)	226
III- Vượt qua khó khăn, thử thách, đẩy mạnh cải tạo, phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất, giữ vững an ninh chính trị, ổn định đời sống nhân dân (1981 - 1986)	249

Chương 4

BẾN CÁT THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1986 - 2014)	269
--	-----

I- Bến Cát trong những năm đầu đổi mới (1986 - 1991)	269
II- Bến Cát vượt qua khó khăn, phát huy những thành quả đạt được, tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội, từng bước cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân (1991 - 1995)	283

III- Phát triển kinh tế nhiều thành phần theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 - 2000)	297
IV- Tiếp tục phát triển kinh tế, xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2000 - 2005)	310
V- Phát huy nội lực, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (2005 - 2010)	324
VI- Phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới (2010 - 2014)	334

Chương 5

THÀNH LẬP THỊ XÃ BẾN CÁT, Củng cố HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (2014 - 2020)	348
I- Thị xã Bến Cát năm đầu thành lập (2014 - 2015)	348
II- Đảng bộ thị xã Bến Cát tiếp tục lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, củng cố hệ thống chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh (2015 - 2020)	356
<i>Kết luận</i>	371
<i>Phụ lục</i>	385
<i>Tài liệu tham khảo</i>	475

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM
Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. PHẠM THỊ THINH

Biên tập: TS. NGUYỄN THỊ QUỲNH NGÀ
LÊ THỊ THU HỒNG
Trình bày bìa: HOÀNG DŨNG
Chế bản vi tính: TRẦN VĂN TIẾN
Sửa bản in: LÊ THỊ THU HỒNG
Đọc sách mẫu: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

In 500 cuốn, khổ 16 x 24cm tại Nhà in Sự thật, địa chỉ: Số 201 đường Cầu Diễn, tổ dân phố 15, Phúc Diễn - Bắc Từ Liêm - Hà Nội. Số đăng ký xuất bản 4489-2023/CXBIPH/11-225/CTQG. Quyết định xuất bản số 3084-QĐ/NXBCTQG ngày 22/12/2023. Mã số ISBN: 978-604-57-9133-9.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 03/2024.